

Nguyễn Đình Chiểu

Toàn tập ②



NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
TOÀN TẬP
II

VĂN HỌC CỔ CẬN ĐẠI VIỆT NAM

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
TOÀN TẬP

(Hai tập)

II

KM003/20

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
Hà Nội - 1997

VĂN HỌC CỔ CÁN ĐẠI VIỆT NAM

CA VĂN THÌNH - NGUYỄN SĨ LÂM
NGUYỄN THẠCH GIANG

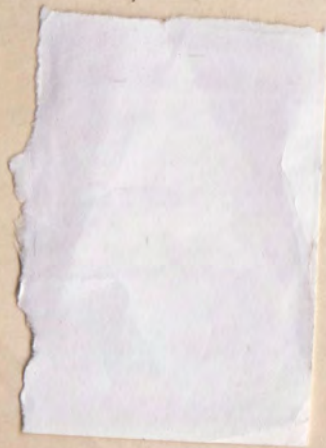
biên khảo và chú giải

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

TẬP TẬP

(Hai tập)

II



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
Hà Nội - 1997

THƠ - VĂN TẾ

PHẦN THỨ NHẤT

THƠ - VĂN TẾ

Thơ, văn tế của Nguyễn Đình Chiểu từ trước đã được giới thiệu, đăng rải rác trên các báo ^①, và về sau lần đầu được gom lại khá đầy đủ trong tập *Nguyễn Đình Chiểu. Thi văn và Thủ văn* của Nguyễn Bá Thế, do Tân Việt xuất bản, ở Sài Gòn, năm 1957, và tiếp sau là cuốn nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu của Vũ Đạm Liên, Nhà xuất bản Văn hóa, Hà Nội, 1960. Từ những tài liệu này, năm 1981, Nhà xuất bản Văn học Hà Nội tập hợp lại trong tập *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu* nhân dịp kỷ niệm 75 năm ngày mất của tác giả.

^① Việt dân, số 19 ngày 7-7-1931; Một lòng Ba Chín, Tân Việt, 1948; báo Mới (Sài Gòn), 12-6-1946; Phong uy (Sài Gòn), 1943; Tân Dân, thuật văn đáp, Nhà xuất bản Văn học, 1957; Văn Đạm Liên, nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu, Nhà sách Khai trí, Sài Gòn; Đạm Liên, nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu, Nhà in Lý Công Quang, Sài Gòn, 1951; và...

THƠ - VĂN TẾ

LỜI DẪN

A - LỊCH SỬ VĂN BẢN

THƠ, văn tế của Nguyễn Đình Chiểu từ trước đã được giới thiệu, đăng rải rác trên các báo ⁽¹⁾, và về sau lần đầu được gom lại khá đầy đủ trong tập *Nguyễn Đình Chiểu - Thân thế và Thi văn* của Nguyễn Bá Thế, do Tân Việt xuất bản ở Sài Gòn, năm 1957, và tiếp sau là cuốn nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu của Vũ Đình Liên, Nhà xuất bản Văn hóa, Hà Nội, 1960. Từ những tài liệu này, năm 1963, Nhà xuất bản Văn học Hà Nội tập hợp lại trong tập *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu* nhân dịp kỷ niệm 75 năm ngày mất của tác giả.

1. *Việt dân*, số 19 ngày 7-7-1931 - *Nỗi lòng Đồ Chiểu*, Tân Việt, 1938 - báo *Mai* (Sài Gòn), 1936, *Phong sự* (Sài Gòn, 1943) - *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, Nhà xuất bản Văn hóa, 1957) - *Việt Nam danh nhân từ điển*, Nhà sách Khai trí, Sài Gòn - *Danh nhân nước nhà*, Nhà in Lý Công Quán, Sài Gòn, 1951 - v.v...

Bản này sao chép lại các bản trước, nên giữa các bản có nhiều dị đồng không thể tránh khỏi. Về thơ, chúng ta thấy trong những tài liệu này đã trích rất nhiều bài vốn là thơ của tập *Ngư Tiều vấn đáp* như... như các bài: *Xúc cảnh*, *Tự thuật*, *Làm thuốc*..., hay là thơ của tập *Dương Tử - Hà Mậu*, như các bài: *Đạo người*, *Trạnh tưởng Khổng tử*, *Than đạo*, *Vịnh Quan đế*, *Xem bói*, *Sĩ*, *Nông*, *Công*, *Thương* và cả những bài chép ở phần *Phụ lục* (vì chưa quyết là thơ Nguyễn Đình Chiểu) như: *Thầy thuốc*, *Câu cá*, *Đốn củi*, *Ngũ luận tuyệt cú* (Quân thần, Phụ tử, Phu phụ, Huynh đệ, Bằng hữu).

Việc tìm được bản *Dương Tử - Hà Mậu* đã xác nhận một số bài là thơ của tập truyện này, và mình định một số thơ trong phần *Phụ lục* tập sách của nhà xuất bản Văn học, 1963 là thơ của Nguyễn Đình Chiểu, trừ bài *Hoàng trùng trập khởi* ⁽¹⁾.

1. Bài này không có trong tập nôm chép tay thơ, văn tế của Nguyễn Đình Chiểu mà chúng tôi sẽ giới thiệu tiếp sau đây. Lại nữa, lời văn và nội dung của cả hai mang một tư tưởng tiêu cực, dành chịu khuất thời thế, xa lạ với lời văn và tư tưởng chiến đấu sôi nổi vì nghĩa lớn của Nguyễn Đình Chiểu. Bài *Hoàng trùng trập khởi*, rõ ràng đã làm sau nạn cào cào năm Ất Tỵ (1905) và sau trận bão lụt ghê gớm chưa từng thấy đã xảy ra vào năm Giáp Thìn (1904) ở Nam Bộ.

Nhưng, như vậy cũng chưa đủ. Chúng ta đã biết từ lâu rằng "tất cả các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu do con là Nguyễn Đình Chiêm gom lại trong một tập chữ nôm", rằng Nguyễn Đình Chiểu đã đọc cho các con là Sương Nguyệt Anh, Nguyễn Đình Chiêm, Nguyễn Đình Chúc chép lại những thơ văn của ông thành một tập. Điều đó chắc có như vậy. Nhưng rất tiếc là trong các tài liệu trích đăng thơ văn của ông, không một tài liệu nào báo cho chúng ta biết dấu vết các bản nôm này ⁽¹⁾.

Vấn đề bây giờ là phải có một bản nôm, vì văn bản nôm này mới đủ hiệu lực để chấm dứt tình trạng để mãi ra những dị bản mới - một hiện tượng có phần tùy tiện không nên tiếp diễn.

Bản nôm chép tay thơ, văn tế của cụ mà chúng tôi mới sưu tầm được gọi là bản ZfC - theo lời bà Nguyễn Kim Phụng (cháu nội của Nguyễn Đình Chiểu), thì chính là bản do Nguyễn Đình Chiểu đã đọc cho con là Sương Nguyệt Anh. Nguyễn Đình Chúc, Nguyễn Đình Chiêm chép. Mặc dù lời mình định là đáng tin cậy, nhưng chúng tôi vẫn tìm những thực chứng khác có sức thuyết phục hơn. Đó là thủ bút của những người chép.

Bút tích của hai ông Nguyễn Đình Chúc và Nguyễn

1. Trừ tài liệu *Đồ Chiểu, chiến sĩ* của ông Võ Văn Dung do tác giả tự xuất bản năm 1971 ở Sài Gòn.

Đình Chiêm hiện chưa tìm thấy. Chúng tôi chỉ có thủ bút của bà Sương Nguyệt Anh ⁽¹⁾.

Bản nôm chép tay thơ, văn tế Nguyễn Đình Chiểu gồm 81 tờ a-b, khổ 14 x 26, nét bút lông chữ chân đá thảo, có ít nhất là ba dạng chữ rõ ràng khác nhau. Chữ nôm do đó mà có nhiều cách viết riêng biệt của cùng một chữ.

Thực ra, tập tài liệu không chỉ có chép thơ, văn tế Nguyễn Đình Chiểu, mà còn chép thơ văn của nhiều người khác, trong đó có cả thơ của Tôn Thọ Tường, Phan Văn Trị, thủ khoa Huân, thơ của Lê Thánh Tôn ⁽²⁾ và rất nhiều thơ văn của các danh nhân trong cả nước ⁽³⁾.

Bản nôm chắc chắn được chép từ sau năm 1885. Thơ văn tế của Nguyễn Đình Chiểu phần lớn được chép từ tờ 45 đến tờ 77. Thể chữ thanh thoát, đem so với thủ bút bà Sương Nguyệt Anh, nhìn chung có thể nhận ngay ra hai dạng chữ hao hao giống nhau. Chi tiết hơn, chúng ta đem đối chiếu từng chữ, và phần lớn

1. Bà sinh ngày 1-2-1864, mất ngày 21-11-1920

2. Thi dụ bại Lăng mẫu tông sứ. Xem *Úc việ - Li thoại* - Đông Hồ Mạc lâm xuất bản, Sài Gòn 1969

3. Thí dụ: *Hạng Vũ biệt Ngưu phủ*, *Chinh phu thi*, *Thơ Thành thái*, *Te Trình trạng nguyên van*, *Tân cung oan*, *Tê trận lăng tương sĩ*, *Trương lưu hầu phủ*... Những bại này đều có chú hai chữ "Bắc kỳ" để nói ý không phải của Nguyễn Đình Chiểu.

trong từng nét chữ, thì điều nhận xét của chúng ta về cùng một thể chữ của cùng một người viết càng rõ hơn.

Có điều đáng chú ý ở đây là giữa các bài thơ, văn tế của bản nôm ZfC, thỉnh thoảng có một đôi chỗ có chưa chữ quốc ngữ hoặc là để phiên chỉ cách đọc, hoặc là để thay thế chữ nôm. Những chữ quốc ngữ này đều của cùng một người viết, thể chữ xưa lắm, của những người lớp trước viết bút sắt mực tím. Điều đó chứng tỏ rằng người viết không phải là nhìn một bản nào khác, mà là ghi chép theo lời một người khác đọc ⁽¹⁾.

1. Từ năm 1868, ở Bến Tre, ngoài hai trường của các linh mục dạy chữ quốc ngữ, còn có một trường tại tỉnh lỵ dạy cả chữ quốc ngữ, chữ la tinh và chữ Hán. Năm 1874 thực dân Pháp đã bắt buộc tất cả công văn giấy tờ đều viết bằng chữ quốc ngữ. Như vậy, ở đây trong văn bản có chưa chữ quốc ngữ cũng là điều có thể hiểu được.

B - XỬ LÝ VĂN BẢN

Như vậy, đây là một văn bản quý, có thể xem là gần nguyên tác, cho nên trong phần *Thơ - Văn tế* của *Toàn tập*, chúng tôi phiên nguyên bản nôm này ra quốc ngữ. Tất nhiên, nguyên văn ở đây có chỗ thiếu đi với một số tài liệu đã được phổ biến từ trước, chúng tôi chọn bản của nhà xuất bản Văn học để khảo dị, vì bản này đã chép lại đầy đủ các bài văn thơ của ông đã công bố trên các báo chí từ trước cho đến năm 1963 - năm xuất bản tập *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu* (VhC).

THƠ - VĂN TẾ

(VĂN BẢN KHẢO ĐỊNH)

LĂNG MẪU TỔNG SỬ

I

HOÀNG hoa mấy dặm điệp tin qua,
Xin nhẩn Vương Lăng bỏ chuyện nhà,
Đầu đội trời Lưu thờ kẻ lớn,
Hơn về đất Hạng thấy đàn bà.
Thảo ngay khuyển chó hai lòng trẻ,
Còn mất màng chi một phận già
Ngựa trạm riêng đưa lời thiệp gửi,
Trong quân hùm hổ khó lân la.

ĐƠN ĐẠO PHÓ HỘI

II

Hiểm nguy đâu núng chí anh hào,
Phó hội mình đeo một lưỡi dao.

Chén rượu vội vàng khi tiếp rước,
 Ngọn gương thông thả lúc ra vào.
 Oai hùng gặp gió đưa hơi mạnh,
 Lũ chó rừng mình nép trí cao.
 Theo gót Kinh Châu nên nghiệp cả,
 Nghìn năm còn để tiếng vườn đào.

ĐẠ ẨM TRƯỞNG TRUNG

III

Thế suy khôn gặng sức anh hùng,
 Cuộc rượu tiêu sầu ẩm trướng trung.
 Ngào ngạt trướng hùm đưa chén cúc,
 Lơ thơ màn phụng nức màu thung.
 Phấn son luống bận tình nhi nữ,
 Vương bá thêm buồn phận kiếm cung.
 Mỗi khúc bi ca than hận đấy.
 Dem thân bách chiến phủ tay không.

II

BÁI CÔNG ĐIỀU HẠNG VÕ

IV

Liều thân bách chiến một gương thần,
 Lưu Hạng nên hư dễ mấy lần.
 Cửa sấm tan rồi cờ một cuộc,
 Khói trời thổi khắp oán mười phân.
 Bát canh Đản Thổ sâu thêm xót,
 Chén rượu Hồng Môn thấm chữa ngăn,
 Gạt lệ anh hùng trời đất thấy.
 Mặt ai dù giả mặt ai chân.

VƯƠNG LÃNG BIẾM TRẦN BÌNH

V

Chín đời còn thấy vận Cao hoàng,
 Mặt mũi đâu mà vội dỡ dang,
 Dưới suối há ngờ Lưu Cao đế,
 Trong thù nào có Lã ma vương.
 Tranh tranh Hán thất gương còn để,
 Phủ việt Xuân thu tội ất mang.

Muôn một cũng liều thân với nước,
Cớ sao mà chịu ấn nường nường.

THẤT KINH CHÂU

VI

Ngũ hổ năm anh tướng rất mầu,
Đâu dè đến nỗi thất Kinh Châu.
Thời Lưu chưa đạt hay sao đặn,
Vận Hớn còn suy giỏi mặc dầu.
Tiếc bấy công trình Gia Cát Lượng,
Uổng thay mỗi một Hán Đình hầu.
Nghĩ thương cái phận Lưu Huyền Đức,
Nhiều nỗi Đàn Khê dễ sá âu.

CHIÊU QUÂN XUẤT TÁI

VII

Cảm cảnh Chiêu Quân mắc đũa gian,
Ôm đàn riêng tẽch côi Dương Quan,

Tơ đồng đất khách trong tay nắm,
Sa tái đường xa dưới bước làn.
Tiếng ngọc những lằm vầy khúc phượng,
Hơi dè đâu dễ dính keo loan.
Xin vua sang sửa an nhà nước,
Hai chữ tri âm gửi gác vàng.

TRỜI BÃO

VIII

Phi liêm xe ngựa đóng phương nao,
Oai gió đưa ra nước bến trào.
Thổi thốc miếu chùa hơi vụt vụt,
Xô nhào cây đá tiếng ào ào.
Ai rằng đầm Lộc mê Ngu Thuấn?
Ta nhớ sông Tuy giải Hán Cao!
Một trận bão rồi bờ cõi sạch,
Trời thu như cũ mãi không xao.

Khảo dị

1. Phi liêm *bình* mã giống nơi nào
2. Oai gió đưa ra *sóng biển* nhào
5. Ai rằng *chân* Lộc mê Ngu Thuấn
8. Trời thu như cũ mãi không *hao*

MƯA DẦM THI

IX

Văng vẳng vừa nghe tiếng sét âm,
 Giang sơn mấy dặm mắc mưa dầm,
 Lá cây luống chịu màu sương nhuộm,
 Hoa cỏ từng rơi nước mắt thâm.
 Chắp cánh lên cây nghe quạ ó,
 Vảnh râu trong miếu thấy dê nằm.
 Trời cao khôn hỏi ngày nào tạnh,
 Để nổi dân đen chịu ướt dầm.

NƯỚC LỤT THI

X

Trời mưa từng trận gió từng hồi,
 Thế giới bao nhiêu nước khóa rồi,
 Lũ kiến bắt tài đòi chỗ bợ,
 Đậu bèo vô dụng kết bè trôi.
 Lao xao rừng cụm nghe chim chirp,

Lổm xổm giường cao thấy chó ngồi.
 Nỡ để dân đen trên gác yếu,
 Ngày ông Hạ Vũ ở đâu ôi!

Khảo di

2. Bốn mặt giang sơn ngập cả rồi.
3. Lũ kiến bắt tài muốn khóm giạt.
4. Giống bèo vô dụng một bè trôi.
5. Liu riu rừng quanh nghe chim hót.
7. Nỡ để dân đen chìm đắm mãi.

CON DÊ THI

XI

Ngon roi Tô Vũ dẫu vừa qua,
 Dê của ai nuôi lại thả ra.
 Bờ cõi mấy năm từng dọn dẹp,
 Râu ria một lũ tới xông pha.
 Nằm cao đầu chẳng kiêng thần miếu,
 Ăn bậy sao không sợ chủ nhà.
 Phải dựng lưới gươm người Hứa Chủ,
 Be be đâu dám giẫm vườn ta.

Khảo di

3. Bờ cõi mấy năm từng dọn vén

VỊNH TIÊU SƯƠNG MÃ THI

XII

Tiếng đồn muôn dặm ngựa tiêu sương,
 Lầm đưa gian mưu cũng khá thương.
 Giậm vó chẳng màng ăn cỏ Tổng,
 Quày đầu lại hí nhớ tàu Lương.
 Chẳng cho chủ khác ngồi mình cổ,
 Thà chịu vua ta nắm khớp cương.
 Vật nghĩa còn cưu nhà nước cũ,
 Làm người bạo nữ phụ quê hương.

Khảo di

1. Tiếng đồn *ngàn* dặm ngựa tiêu sương
2. Lầm đưa gian mưu *ngũ* khá thương
5. Chẳng cho chủ khác ngồi *lưng* cổ
7. Ngựa nghĩa còn cưu nhà nước cũ

THẢO THỦ HỊCH

(Hịch đánh chuột)

XIII

1. Tượng mảng: Lễ trời sanh vật, tính vật theo người.
2. Nhớ câu thuận lý làm lành, lấy chữ nghịch thường làm sợ.
3. Nhỏ là ong kiến còn biết nghĩa quân thần; lớn thiệt hổ lang hãy lo ơn phụ tử.
4. Xưa rằng ác báo tai, thuốc báo hỉ, đời hãy nhờ lành dữ đem tin; nọ như khuyến tư dạ, kê tư thân, người còn cậy sớm khuya an giấc.
5. Lò đại tạo sẩy nhen khắp vật, nào vật hay khuấy rối sự nhà; thợ hóa công đúc nặn nhiều loài, mấy loài dám xoi hao mạch nước.

Khảo di

1. Tượng mảng lễ trời sinh vật, *vật ấy nhiều loài*
2. Lấy câu thuận *tính* làm lành, *thấy* chữ nghịch thường mà *ngán*
3. Nhỏ là loài ong kiến..., lớn là loài hổ lang..., cũng *niệm tình* phụ tử.
4. *Kìa* như cứu báo tai..., nọ như khuyến *thủ* dạ...
5. Lò tạo hóa nhen nhen... *vật* nào hay... *loài* nào dám...

VỊNH TIÊU SƯƠNG MÃ THI

XII

Tiếng đồn muôn dặm ngựa tiêu sương,
 Lầm đưa gian mưu cũng khá thương.
 Giậm vó chẳng màng ăn cỏ Tống,
 Quày đầu lại hí nhớ tàu Lương.
 Chẳng cho chủ khác ngồi mình cổ,
 Thà chịu vua ta nắm khớp cương.
 Vật nghĩa còn cứu nhà nước cũ,
 Làm người bạo nữ phụ quê hương.

Khảo di

1. Tiếng đồn *ngàn* dặm ngựa tiêu sương
2. Lầm đưa gian mưu *nghe* khá thương
5. Chẳng cho chủ khác ngồi *lưng* cổ
7. Ngựa nghĩa còn cứu nhà nước cũ

THẢO THỦ HỊCH

(Hịch đánh chuột)

XIII

1. Tượng mả: Lễ trời sanh vật, tính vật theo người.
2. Nhớ câu thuận lý làm lành, lấy chữ nghịch thường làm sợ.
3. Nhỏ là ong kiến còn biết nghĩa quân thần; lớn thiệt hổ lang hãy lo ơn phụ tử.
4. Xưa rằng ác báo tai, thước báo hủ, đời hãy nhờ lành dữ đem tin; nọ như khuyến tư dạ, kê tư thân, người còn cậy sớm khuya an giấc.
5. Lò đại tạo sây nhen khắp vật, nào vật hay khuấy rối sự nhà; thợ hóa công đúc nặn nhiều loài, mấy loài dám xoi hao mạch nước.

Khảo di

1. Tượng mả lễ trời sinh vật, *vật ấy nhiều loài*
2. Lấy câu thuận *tình* làm lành, *thấy* chữ nghịch thường mà *ngán*
3. Nhỏ là *loài* ong kiến..., lớn là *loài* hổ lang..., cũng *niệm tình* phụ tử.
4. *Kìa như* cứu báo tai..., *nọ như* khuyến *thủ* dạ...
5. Lò tạo hóa *nhum* nhen... *vật nào* hay... *loài nào* dám...

6. Nay có con chuột: lông mọc xôm xàm, tục kêu chú lắt.
7. Tính hay ăn vặt, lòng chẳng kiêng dè.
8. Chỗ ở thời hang lỗ nhiều đường, nẻo đi lại đào ra hai ngách.
9. Nghe tiếng động vội vàng chạy mất, nhất quá mẹ cheo; chờ đêm khuya trèo ngược trèo xuôi liến hơn cha khi.
10. Gọi danh hiệu lại chuột xạ, chuột lắt, chuột chủ, chuột cống, anh em dòng họ nhiều tên: tra quán chỉ thời ở nhà, ở ruộng, ở lạch, ở ngòi, bầu bạn non sông lắm chỗ.
11. Đại tiểu răng đều bốn cái, ăn của đời thâm tối biết bao nhiêu; thư hùng râu cũng hai chia vắng mặt chủ lung lẳng đà lăm lỏi.
12. Vả sáu mươi giáp hoa đứng trước, đã ung xảo tính linh tâm; thì mười hai chi tuế ở đầu, cũng đáng cư nhân do nghĩa.

Khảo di

8. Chỗ ở ăn hang lỗ nhiều bề; đường qua lại...
9. Nghe hơi động..., chờ đêm khuya lên lút rù nhau...
10. Gọi danh hiệu... bầu bạn non sông lắm lỏi
11. Lớn nhỏ răng đều bốn cái, ăn của người thâm kín...
vấn dài râu mọc hai chia... hung hăng đà lăm lúc.
- 12... Lê thì thiện tính linh tâm...

13. Sao lại cầm lòng xảo quyết, bao đành chuộng thói gian tham.
14. Túi Đông Pha liền bữa tha gừng, ruộng Nam Quách ghe phen cắn lúa.
15. Gạo bắp của trời nuôi mạng, ăn phá rồi lại ỉa vào lu; nệm mền của chúng che thân, cắn phá nát lại tha xuống lỗ.
16. Hoặc nằm ngửa cắn đuôi tha trứng vịt, gây nên thằng bạn chịu thương; hoặc leo dây giơ mỏ gặm giò heo, để án con đòi mang khổ.
17. Vây cũng gọi mình hay ngủ kỹ; vây cũng khoe ngòi trước tam tài.
18. Chẳng gấp thân vô núp dưới cầu; cứ quen thói rình mò bên vách.

Khảo di

13. Có sao lại đem lòng quỷ quái? Có sao còn làm thói gian tham.
14. Túi Đông Pha thường bữa tha gừng.
15. Nếp gạo của trời nuôi mạng, ăn phá rồi còn kéo xuống hang; nệm mền của chúng che thân, cắn nát hết lại tha vào lỗ.
- 16... gây nên thằng tớ chịu đòn oan;... ngồng cổ gặm giò heo.
18. Chẳng xét mình vô núp dưới cầu; lại quen thói lẩn mò bên vách.

19. Sách Lỗ sử biên câu thực giác, vì miệng ai mà vua mang lỗi lẽ tế trời; thơ Quốc phong để chữ thực miêu, vì miệng ai mà dân đến xa làng bỏ đất.
20. Ghe phen giận quần hư áo lũng, vì miệng ai chồng vợ ngầy nhau; nhiều chỗ than vách ngả tường nghiêng, vì miệng ai cha con đứt mối.
21. Nền xã tắc là nơi báo bản, can cơ chi mà đào lỗ đào hang; chỗ miêu đường là chốn thanh tân, can cơ chi mà cần mần cần sáo.
22. Kẻ trịnh nữ ghét thẳng cường bạo, còn mang tiếng đứa "thử dâm"; án Long Đồ tra kẻ gian tà, cũng ghét cái câu "thử thử".
23. Gối ngõa chú nhiều phu đà đến bể, khen cho quý quái không chừa; gậy phi long nam khách đã từng rân, sao hãy yêu tình chẳng sợ.

Khảo dị:

- 19... vì miệng ai cho nên vua *lỗi đạo* thờ trời;
... vì miệng ai cho nên dân xa làng bỏ đất.
20. Ghe phen *trách* quần hư... vì miệng ai cho nên chồng vợ giận... vách ngả tường *xiêu*, vì miệng ai cho nên cha con đứt *hắn*.
21. Nền xã tắc là nơi báo *bổ*, *can chi mi* đào lỗ; chốn miêu đường *có chi mi* cần mần cần sáo.
- 22... ghét thẳng cường bạo, cũng còn mang tiếng thử dâm; án Long Đồ tra đứa gian tà, *hãy còn mắc* câu "thử thử".
23. ... khen cho quý quái chẳng chừa; gậy phi long *Linh* kiệt đã *tung* bừa, sao hãy yêu tình không gớm.

24. Nhâm độn mười hai ngôi tướng, cho hay thần hậu thiết tướng gian; diễn cầm bốn bảy vì sao, phải biết hư nhật là sao dữ.
25. Sáu hiểm bảy tám lòng nghiệt thử, cục cứt ra cũng nhon hai đầu; bấu xốt chi mạnh áo thử cầu, tấm da lột không đầy ba tấc.
26. Tuy rằng tiếng hữu bì hữu chất, thiết là loài vô lễ vô nghi.
27. Kể tội thôi cũng đáng phanh thi; mấy lâu nín cũng vì kiêng vật.
28. Ghét là ghét trộm dầu bàn Phật, trốn án mà xưng vương; cầm là cầm cần sách kẻ nhỏ, đành lòng mà phá đạo.
29. Ngao ngán bảy cái thân chuột thối, biết ngày nào bảy ô thước phanh thầy; nực cười thay cái bụng chuột tham, từng bao thuở sông Hoàng Hà cạn ráo.

Khảo dị

26. Tuy là *tướng* hữu bì...
27. *Luận* tội *kia* đã đáng phanh thi, *thử tay* nọ cũng vì kiêng vật.
28. *Giận* là *giận* trộm *đồ* bàn Phật...
29. ... biết ngày nào *Ô* thước phanh *phui*; ... *trông* bao thuở sông Hoàng Hà *ráo* cạn.

30. Dầu ví ngàn dòng nước khảm, khó đem rửa sạch
tội đa dâm; dầu cho muôn nén vàng đoài, khôn
nổi riêng mua hình bất xá.
31. Vật như ấy đã nên cực ác; ta đến đây có lẽ khoan
tha?
32. Vậy thời: Ấn tiên phong những gã rắn rồng, phù
hậu tập sai chim bồ câu.
33. Sắm sửa binh sương giáp sắt; trau dồi ngựa gió xa
trắng.
34. Gióng trống sấm xuất đình; phát cờ lau tập trận.
35. Đuốc Diên Đan sấm sẵn để dùng khi hun đốt
ngách u vi; đèn Thái Bạch mượn phòng dặng chờ
thuở xét soi hang uất khúc.
36. Hàng hàng bố liệt can qua, nghe lệnh thân sai
tướng quân mèo: phá sào huyết bắt hồ lô chuột!

Khảo di

30. Ví có... khôn bề rửa sạch... dầu cho muôn nén vàng
đoài cũng khó mua riêng...
31. Tội đường ấy đã nên ác quá, ta đến đây há dễ nhiều
dung
32. Ấn tiên phong này đã rắn rồng, phù hậu tập sai chim
bồ câu.
34. Gióng trống sấm xuất binh...
35. Đuốc Diên Đan sấm sẵn để phòng khi... đèn Thái
bạch dái tùy dặng chờ thuở...
36. Hàng hàng bố liệt... thương đao nhập sào huyết phá
hồ lô chuột; phải nghe ta dặn, sắm sửa đủ đồ...

37. Nghe dặn rằng: khắp rao các chợ sắm đủ đồ hình
cuộc thuồng đào hang; phụng mai chặn ngách.
38. Trả trách nội niêu rửa sạch, thượng kỳ phù địch
khái chi tâm; tiêu hành sả ớt chu toàn; thứ dĩ tạ
chúng nhân chi khẩu.
39. Chớ để con nào sơ lậu, phải ra tay lấp lỗ tam
bành: đừng cho chúng nó sảy ra, phải hết sức trừ
đồ lục tặc.
40. Bốn phương đều ngời chữ thẳng bình; thiên hạ
cũng vui câu án đồ.

Khảo di

37. Bản Vhc không có "Nghe dặn rằng... đồ hình".

BIỆT CỔ NHƠN THI

XIV

Vì câu danh nghĩa phải đi ra
Day mũi thuyền nam dạ xót xa.
Người dễ muốn chi nương đất khách,

Trời đà khiến vậy mền vua ta.

Một phương thà tránh đường gai gổc

Trăm tuổi xin tròn phận tóc da.

Chén rượu đỏ lòng khuyên cạn chén,

Nhớ nhau ngày khác biết sao mà.

Khảo di

4. Trời đà khiến vậy mền vua *xa*

6. Trăm tuổi *cho* tròn phận tóc da

7. Chén rượu đỏ lòng *xin* cạn chén

CHẠY GIẶC THI

XV

Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây,

Một bàn cờ thế phút sa tay,

Bỏ nhà lữ chỗ băng băng chạy,

Mất ổ bầy chim dáo dác bay.

Bến Nghé cửa tiền tan bọt nước,

Đồng Nai tranh ngôi nhuộm vùng mây.

Khảo di

3. Bỏ nhà lữ *trẻ lơ* sơ chạy

6. Đồng Nai tranh ngôi nhuộm *màu* mây

Hỡi trang đẹp loạn rầy đầu vắng,

Ai cứu dân đen khỏi nạn này.

Khảo di

8. Nỡ để dân đen *mắc* nạn này.

ĐƯA CHÔNG THI

XVI

Nghìn dặm lương nhân vó bạch câu,

Tràng đình xấn vắn nước non trâu.

Tay nâng chén ngọc lòng khăn khăn,

Mắt ngó người thương dạ dẫn đo.

Ôm gối riêng than ngày tháng hiểm,

Tách vời thêm hận cỏ cây dầu,

Non sông đã vậy thôi thời vậy,

Mặt đất ven trời chí trượng phu.

KÝ BÀO ĐỆ THƠ

XVII

1. Thương tình bào đệ, gửi bức tâm thư.
2. Nghe em lăm toan việc tóc tơ; nên anh mới nhả lời vàng ngọc.
3. Hễ làm người có học, cho biết lẽ trong nhà.
4. Chẳng trau mình sao đặng chữ tề gia; còn nhỏ tuổi gấp chi đàn cầu tự.
5. Ví dù muốn nơi nào thiệp nữ; thì hãy giao quyền tại chính thê.
6. Thuận chị em trên dưới gia tề; nghịch chồng vợ cửa nhà hư hại.
7. Trong phép xử gia môn đặng phải; ngoài tiếng đồn phong hóa mới xinh.
8. Lẽ cũng cho một gáo mức đôi chinh; khuyên chớ để đôi riu cuối một cội.
9. Và đang lúc sự đời bối rối; nào xiết lo nghiệp cả băng khuâng.
10. Phận thiệp thê mà có như Tề nhân; niềm tử tức thà không như Bá Đạo.
11. Em ơi! may mà có mai cơm chiều cháo; hơn là người ăn tuyết nằm sương.

12. Ở nước loạn há sợ chữ thiên ương; theo đạo học phải dần lòng nhơn dục.
13. Ham sung sướng chẳng qua nuôi khẩu phúc; e nghiêng nghèo còn nhọc đến thân danh.
14. Bạc quân quyền, chiếu bông gối dựa mới là vinh; hàng dân thứ, quần nhiều áo sô sao chẳng nhục.
15. Trau dồi lăm cho đẹp con mắt tục; ghen ghét nhiều lại chác cái tai phi.
16. Vây thà cam hai chữ bố y; chi nhọc đến một điều mao ốc.
17. Bì sao kẻ thế gia vọng tước; coi lấy người tiện sĩ bản nhơ.
18. Thời thế này thà chịu làm ngu; học hành vậy cũng kêu là trí.
19. Em sao chẳng nghĩ, anh rất đổi lo.
20. Bề ăn ở như cá núp trong lò; thân đùm đậu như én nằm trên gác.
21. Cấm nổi phụ huynh thêm bát ngát; phận làm tử đệ há nguôi ngoai.
22. Sung sướng chi mà chồng một vợ hai; giàu sang mấy mà quần đôi áo cặp.
23. Thân rảnh sao chẳng cấp: tính xấu cũng nên chữa.
24. Trời khôn lường trưa sớm nắng mưa; người đâu biết hôm mai họa phúc.

25. Chi bằng giữ câu kiếm ước; nào hơn lánh bợm phong lưu.
26. Việc oán hận chẳng nên cưu; thói ve vãn ăn chơi đừng bắt chước.
27. Hàng đi đứng tua dè nước bước; lời nói năng phải giữ miệng môi.
28. Phận áo cơm đã đủ thì thôi; ơn đất nước ngày an cũng tốt.
29. Bề ăn ở chi bằng đáy chốt; dạ thảo ngay chi dốc keo sơn.
30. Có nghĩ tình anh Tấn em Tần; đừng nghe chuyện cha Hồ mẹ Hán.
31. Đọc sách y phương cho biết án; làm thầy nho sĩ phải theo tài.
32. Thuộc trị dân chớ khá học sơ sai; phép dạy trẻ chớ nên oai bầm trợn.
33. Nghe nhiều kẻ tiếng đời nhơ bợn; muốn cho em mùi đạo thơm tho.
34. Khá nhớ lời gia giáo dặn dò; khuyên chớ để xử thân lầm lỗi.
35. Nay gửi vài lời huấn hối; xưa còn trăm chữ minh châm.
36. Nhớ để lời hôm sớm vịnh ngâm; hãy chữ dạ khỏi điều quá thất.

TẾ CẦN GIUỘC SĨ DÂN TRẬN VONG VẦN

(Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc)

XVIII

1. Hỡi ôi. Súng giặc đất rền, lòng dân trời tỏ.
2. Mấy năm công võ ruộng, ở đất vua sông chẳng quên ơn; một trận nghĩa đánh tây, đền nợ nước thác coi như ngủ.
3. Nhớ linh xưa: côi cút làm ăn, riêng lo nghèo khó.
4. Chẳng quen cung ngựa đưa tới trường nhung; chỉ biết ruộng trâu ở theo làng hộ.
5. Việc cuốc việc cày việc bữa việc cấy, tay vốn quen làm; tập khiên tập súng tập mác tập cờ, mắt chưa từng ngó.
6. Tiếng phong hạc phập phồng hơn mười tháng, trông tin quan như trời hạn trông mưa; mùi tinh chiên vấy vá đã ba năm, ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ.

Khảo di

2. Mười năm công võ ruộng, chưa ắt còn danh nổi như phao; một trận nghĩa đánh Tây, tuy là mất tiếng vang như mõ.
3. toan lo nghèo khó.
4. Chưa quen cung ngựa đâu tới... chỉ biết... làng bộ.

7. Bữa thấy bông bong che trắng lớp, muốn tới ăn gan; ngày xem ống khói chạy đen sì, muốn ra cắn cổ.
8. Một mối xa thư đồ sộ, nào để ai chém rấn đuối hươu; hai vầng nhật nguyệt chói lòa, đâu dung lũ treo dê bán chó.
9. Nào đợi ai đòi ai hỏi, phen này xin ra sức đoạn kình; chẳng thèm trốn ngược trốn xuôi, chuyến này dốc ra tay bộ hổ.
10. Khá thương thay! Nào phải thiết quân cơ quân vệ, theo vòng ở lính diễn binh; chẳng qua là dân ấp dân lân, chịu tiếng làm quân chiêu mộ.
11. Mười tám ban võ nghệ, chẳng đợi tập rèn; mấy mươi trận binh thư, không chờ bày bố.
12. Trên cột một manh áo vải, nào đợi mang bao tấu bầu ngòi; trong tay một ngọn tầm vông, nào đợi sắm dao tu nón gõ.

Khảo dị

8. ... đồ sộ, há để ai chém rấn đuối hươu
9. Nào ai đòi ai bắt, phen này...
10. ... Vốn chẳng phải quân cơ quân vệ... mền nghĩa làm quân chiêu mộ.
11. ... nào đợi tập rèn; chín chục trận binh thư.
12. Ngoài cột có... trong tay cầm một ngọn tầm vông, chỉ nài sắm dao tu nón gõ.

13. Hỏa mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong chỗ dạy đạo kia, gươm đeo dùng một lưỡi dao phay, cũng chém đặng thằng quan hai nọ.
14. Chi nhọc quan quân giống trống kỳ, trống giục, đập rào bước tới, coi giặc cũng như không; nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ đạn to, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có.
15. Kẻ đâm ngang người chém dọc làm cho mã tà ma ní hỗn kinh; người hè trước kẻ ó sau, trối kệ tàu sắt tàu đồng pháo nổ.
16. Ôi! Những lăm lòng nghĩa lâu dùng; đâu biết xác phàm vội bỏ.
17. Đoái sông Cần Giuộc cỏ cây mấy dặm sầu giăng; nhìn chợ Trường Bình, già trẻ hai hàng lụy nhỏ.
18. Chẳng phải án cướp án gian đầy tới mà vi binh đánh giặc cũng cam tâm; vốn không giữ thành giữ bảo bỏ đi, mà hiệu lực theo quân cho đáng số.

Khảo dị

13. ... cũng đốt xong nhà dạy đạo kia; gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém rớt đầu quan hai nọ.
15. ... người chém ngược...; bọn hè trước lũ ó sau, trối kệ tàu thiếc tàu đồng súng nổ.
16. Bản VhC không có chữ ôi. Tiếp sau vế này, bản VhC còn có một vế: Một chắc sa trường rằng chữ hạnh, nào hay da ngựa bọc thây; trăm năm âm phủ ấy chữ quy, nào đợi gươm hùm treo mộ.
18. ... mà vi binh đánh giặc cho cam tâm.

19. Bối nghĩ rằng: Tác đất ngọn rau ơn chúa, vun trồng cho nước nhà ta; bát cơm manh áo ở đời, mắc mớ chi ông cha nó.
20. Vì ai khiến quan quân khó nhọc, ăn tuyết nằm sương; vì ai xui đồn bảo tan tành, xiêu mưa ngã gió.
21. Sống làm chi theo quân tả đạo, quảng vừa hương, xô bàn độc, thấy lại thêm buồn; sống làm chi ở lính mã tà, ban rượu chất phát bánh mì, thấy càng thêm hổ.
22. Chẳng thà thác mà dặng câu địch khái, về theo tổ phụ cũng vinh; chẳng hơn còn mà chịu tiếng hàng tây, ở với man di rất khổ.
23. Thôi thôi! Chùa Tôn Thạnh năm canh ung đóng lạnh, tấm lòng son gửi lại bóng trăng rằm; dinh Lang Sa nửa khắc dặng rửa hờn, tác phận bạc đành theo dòng nước đổ.

Khảo dị

19. Nhưng nghĩ rằng... tài bồi cho nước nhà ta...
21. ... chia rượu lạt, gặm bánh mì nghe càng thêm hổ.
22. Thà thác mà dặng câu... hơn còn mà chịu chữ đầu tây.
23. Ồi thôi thôi... đồn Lang Sa một khắc dặng rửa hờn, tử phận bạc trôi theo dòng nước đổ.

24. Đau đớn bấy mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya leo lét trong nhà; nảo nùng thay vợ yếu chạy tìm chống, cơn bóng xế dật dờ trước ngõ.
25. Ôi! Một trận ngôi tan, ngàn thu tiết rõ.
26. Bình tướng nó hãy chạt sông Bến Nghé, làm nên bốn phía mây đen; ông cha ta còn ở đất Đồng Nai, ai cứu một phương con đỏ.
27. Thác mà trả nước non rồi nợ, danh thơm đồn sáu tỉnh chúng đều khen; thác đã ưng đình miếu để thờ, tiếng hay trải muôn đời ai cũng mộ.
28. Còn đánh giặc mất cũng đánh giặc, vong hồn theo giúp các cơ binh dặng trả thù kia; sống nhờ vua thác cũng nhờ vua, lời dụ đành rành, một chữ ăm đủ đền ơn đó.
29. Nước mắt anh hùng lau chẳng ráo, thương vì hai chữ thiên dân; cây hương nghĩa sĩ đốt thêm thơm, cảm bởi một câu vương thổ.

Khảo dị

24. ... ngọn đèn khuya leo lét trong lầu...
25. Ôi một trận khói tan, nghìn năm tiết rõ
26. Bình tướng nó hãy đóng sông Bến Nghé... ai cứu dặng một phương con đỏ.
27. ... thác mà ưng đình miếu để thờ...
28. Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh hồn theo giúp cơ binh, muôn kiếp nguyện được trả thù kia; sống thờ vua, thác cũng thờ vua, lời dụ dạy đã đành rành, một chữ ăm đủ đền công đó.

19. Bối nghi rằng: Tắc đất ngọn rau ơn chúa, vun trồng cho nước nhà ta; bát cơm manh áo ở đời, mắc mớ chi ông cha nó.
20. Vì ai khiến quan quân khó nhọc, ăn tuyết nằm sương; vì ai xui đồn bảo tan tành, xiêu mưa ngã gió.
21. Sống làm chi theo quân tả đạo, quăng vùa hương, xô bàn độc, thấy lại thêm buồn; sống làm chi ở lính mã tà, ban rượu chất phát bánh mì, thấy càng thêm hổ.
22. Chẳng thà thác mà dặng câu địch khái, về theo tổ phụ cũng vinh; chẳng hơn còn mà chịu tiếng hàng tây, ở với man di rất khổ.
23. Thôi thôi! Chùa Tôn Thạnh năm canh ung đóng lạnh, tấm lòng son gửi lại bóng trăng rằm; dinh Lang Sa nửa khắc dặng rửa hờn, tắc phận bạc đành theo dòng nước đổ.

Khảo dị

19. Nhưng nghĩ rằng... tài bồi cho nước nhà ta...
21. ... chia rượu lạt, gặm bánh mì nghe càng thêm hổ.
22. Thà thác mà dặng câu... hơn còn mà chịu chữ đầu tây.
23. Ôi thôi thôi... đồn Lang Sa một khắc dặng trả hờn, tui phận bạc trôi theo dòng nước đổ.

24. Đau đớn bấy mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya leo lét trong nhà; nảo nùng thay vợ yếu chạy tìm chồng, cơn bóng xế dật dờ trước ngõ.
25. Ôi! Một trận ngôi tan, ngàn thu tiết rõ.
26. Binh tướng nó hãy chạt sông Bến Nghé, làm nên bốn phía mây đen; ông cha ta còn ở đất Đồng Nai, ai cứu một phương con đỏ.
27. Thác mà trả nước non rồi nợ, danh thơm đồn sáu tỉnh chúng đều khen; thác đã ưng đình miếu để thờ, tiếng hay trải muôn đời ai cũng mộ.
28. Còn đánh giặc mất cũng đánh giặc, vong hồn theo giúp các cơ binh dặng trả thù kia; sống nhờ vua thác cũng nhờ vua, lời dụ đành rành, một chữ ăm đủ đền ơn đó.
29. Nước mắt anh hùng lau chẳng ráo, thương vì hai chữ thiên dân; cây hương nghĩa sĩ đốt thêm thơm, cảm bởi một câu vương thổ.

Khảo dị

24. ... ngọn đèn khuya leo lét trong lều...
25. Ôi một trận khói tan, nghìn năm tiết rõ
26. Binh tướng nó hãy đóng sông Bến Nghé... ai cứu dặng một phương con đỏ.
27. ... thác mà ưng đình miếu để thờ...
28. Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh hồn theo giúp cơ binh, muôn kiếp nguyện được trả thù kia; sống thờ vua, thác cũng thờ vua, lời dụ dạy đã đành rành, một chữ ăm đủ đền công đó.

ĐIỀU TRƯỞNG TƯỚNG QUÂN LIÊN HOÀN THẬP NHỊ THỦ

(Thơ điều Trương Định, 12 bài)

XIX

Trong Nam tên họ nổi như cồn,
Mấy trận Gò Công dễ tiếng đồn.
Dấu đạn hãy chìm tàu bạch quý,
Hơi gươm thêm rang thép hoàng môn,
Ngọn cờ phất nghĩa trời chưa bể,
Cái ấn bình tây đất vội chôn.
Nỡ khiến anh hùng rơi hột lựu,
Lâm thâm ba chữ điều linh hồn.

Khảo di

2. Mấy trận Gò Công *nức* tiếng đồn
3. Dấu đạn hãy *rèn* tàu bạch quý
4. Hơi gươm thêm rang *thép* hoàng môn.
5. Ngọn cờ *ứng* nghĩa trời chưa bể
7. Nỡ khiến anh hùng rơi *giọt* lựu.

XX

Linh hồn nay đã tách theo thân,
Sáu tỉnh còn noi dấu tướng quân.

Mực sớ lãnh binh lơ mắt giặc,
Son bằng ứng nghĩa thấm lòng dân.
Giúp đời dốc trọn trang nam tử,
Ngay chúa nào lo tiếng nghịch thần.
Ốc ngỗ tướng tinh rày trở mặt,
Giúp xong nhà nước buổi gian truân.

Khảo di

3. *Vàng* sớ lãnh binh lơ mắt giặc
4. *Bằng* son ứng nghĩa thấm lòng dân
5. Giúp đời dốc trọn *ơn* nam tử

XXI

Gian truân kể xiết bấy nhiêu lần,
Vì nước đành trao một tấm thân,
Nghe chôn Lý Nhơn người sáng sốt,
Nhìn cồn Đa Phước cảnh băng khuâng.
Bát cơm cơ lữ chi sồn buổi,
Mảnh áo mông nhung chẳng nệ phần,
Chỉ dốc ra tay nâng vạc ngã,
Trước sau cho trọn nghĩa quân thân.

Khảo di

8. Trước sau cho trọn nghĩa quân *thân*.

XXII

Quân thân còn gánh nặng hai vai,
 Lỡ dở công trình hệ bởi ai?
 Trăm đám mộ binh vầy lớn nhỏ,
 Một gò cô lũy chống hôm mai.
 Lương tiền nhà ruộng ba mùa trước,
 Thuốc đạn ghe buôn bốn biển ngoài.
 Hay dở phải chăng trời cũng biết,
 Một tay chống chọi mấy năm dài.

Khảo di

1. Quân thân còn gánh nặng hai vai
7. May rủi phải chăng trời đất biết.

XXIII

Năm dài những mảng ngóng tin vua,
 Nín nhục thâm toan lẽ được thua.
 U, Kế năm hằng còn chỗ đoái,
 Ngô, Tôn trăm chúc đợi ngày đưa.
 Bày lòng thần tử vài hàng sớ,
 Giữ mối giang sơn mấy đạo bùa.

Phải đăng tuổi trời cho mượn đó,
 Cuộc này ngay vậy có phân bua.

Khảo di

7. Phải đăng tuổi trời cho mượn số.
8. Cuộc này ngay vậy chớ phân bua.

XXIV

Phân bua trời đất biết cho lòng,
 Công việc đâu đâu cũng muốn xong.
 Cắm nổi nhà nghiêng lăm chống cột,
 Nài bao bóng xế luống day dòng.
 Đồng Nai Chợ Mỹ lo nhiều phía,
 Bến Nghé Sài Gòn kể mấy đông.
 Dầu biết dụng binh nhờ đất hiểm,
 Chẳng đành xa bỏ cõi Gò Công.

XXV

Gò Công binh giáp hãy chàng ràng,
 Ngó Bắc trông Nam luống thở than.
 Trên trại Đồn Điền hoa khóc chủ,
 Dưới vàm Bạo Ngược sóng kêu quan.
 Mây giăng Trường Cốc đường quân vắng,
 Trắng xé Gò Rùa tiếng dẫu tan.

Mấy dặm non sông đều xũng vũng,
Nạn dân ách nước để ai toan?

Khảo di

1. Gò Công binh giáp *ngó* chàng ràng
2. *Đoài* bắc trông nam luống thờ than

XXVI

Ai toan cho thấu mấy trời sâu,
Sự thế nghe ra đá lắc đầu.
Giặc cỏ om sòm mưa lại nhóm,
Binh sương lác đác nắng liền thâu.
Cờ lau đã xếp trên Giồng Cát,
Trống sấm còn gầm dưới Cửa Khâu.
Cánh ấy những mơ người ấy lại,
Hội này nào thấy tướng quân đâu?

Khảo di

2. Sự thế nghe *thôi* đá lắc đầu
5. *Bờ* lau đã xếp trên Giồng Cát.

XXVII

Tướng quân đâu hỡi có hay chăng?
Sáu ải cơ đồ nửa đã ngăn.

Cám nổi kiến ong ra sức đẹp,
Quần bao sâu một chịu lời răn.
Đá kêu rêu mọc bia Dương Nghiệp,
Cỏ úa hoa tàn mả Lý Lăng.
Thôi vậy thôi vậy thôi cũng vậy,
Anh hùng đến thế để ai dần.

Khảo di

4. Quần bao sâu một chịu lời *những*
8. Anh hùng đến thế *để* ai dần

XXVIII

Để ai dần thúc lối sau này,
Trời hãy chưa cho vội đánh Tây.
Thà buổi trường sa da ngựa bọc,
Khỏi nơi đạo chích tiếng muông ngầy.
Lục lâm mấy trận mây sâu bạn,
Thủy hử vì đâu nhận rẽ bầy.
Hay vậy côi biên giông vó ký,
Nấu nương chờ vận có đâu vầy.

Khảo di

1. *Để* ai dần thúc lối sau này
2. Trời *bởi* chưa cho vội *đổi* xây
5. Lục lâm mấy *chặng* hoa sâu bạn
7. Hay vậy côi biên *trong* vó ký.

XXIX

Đâu vậy sấm chớp nổ thình lình,
 Gió hạc thêm buồn mấy đạo binh.
 Ngựa trạm xằng vãng miền Bắc khuyết,
 Xe nhung ngựa ngắn cỡi Tây Ninh.
 Bài văn phá lỗ cờ chưa tể,
 Tấm bảng phong thần gió đã kinh.
 Trong cuộc còn nhiều trang tướng tá,
 Lời nguyên trung nghĩa há làm thinh.

Khảo di

2. Gió *bật*: thêm buồn mấy đạo binh
7. Trong cuộc còn nhiều *tay* tướng tá

XXX

Làm thinh hổ đứng giữa hai ngôi,
 Ném mật từ đây khó nổi ngôi.
 Mũi giáo Thi Toàn đâu để rét,
 Lưỡi gươm Dự Nhượng phải toan chùi.
 Đánh Kim Chi sá thằng Lưu Dự,
 Giúp Tống xin phò gã Nhạc Lôi.
 Vãng hộ nước Nam về một mối,
 Ngàn năm miếu tể rạng công tôi.

Khảo di

3. Mũi giáo Thi Toàn *đừng* để rét
4. Lưỡi gươm Dự Nhượng phải toan *giỏi*
7. *Dâng* hộ nước Nam về một mối

ĐIỀU TRƯỞNG TƯỚNG QUÂN VĂN

(Văn tế Trương Định)

XXXI

1. Hỡi ơi! Giặc cỏ bò lan; Tướng quân mắc hại
2. Ngọn khói dương di đóng đô, côi biên còn trống
 đánh sơn lâm; bóng sao Võ khúc về đâu, đêm thu
 vắng tiếng canh dinh trại
3. Nhớ tướng quân xưa: gặp thừa bình cư; làm người
 chí đại.
4. Từ thờ ở hàng viên lữ, pháp binh trăm trận đã lâu;
 đến khi ra quân đồn điền võ nghệ mấy ban cũng
 trải.

Khảo di

2. ... Ngọn khói *Tây bang*...
3. ... làm người *chính* đại.

5. Lối giặc đánh, tới theo quan tổng đốc, Trường Thi,
Mô Súng trợn mấy năm ra sức tranh tiên; lúc
cuộc tan, lui về huyện Tân Hòa, đắp lũy hàn
sông, giữ một góc bầy lòng địch khải.
6. Chợt thấy cánh buồm lai sứ, việc giảng hòa những
tưởng rằng xong; đã đành tám giấy tỵ phong,
phận thiên tử có đâu dám cãi.
7. Bối lòng chúng chẳng nghe thiên tử chiếu, đón
ngần mấy dặm mã tiên; theo bụng dân phải chịu
tướng quân phù, gánh vác một vai khổ ngoại.
8. Gồm ba tỉnh ráp cờ phần nghĩa, sĩ phu lắm kẻ vui
theo; tóm muôn dân vào sổ mộ quân, luật lệnh
mấy ai dám trái.
9. Văn thì tham biện, thương biện giúp các cơ bàn
bạc nhưng công; võ thì tổng binh, đốc binh coi
các đạo sửa sang khí giới.
10. Thương ôi! Tiền vàng ơn chúa, chút đã rõ ràng;
ấn bạc mưu binh, nào từng trễ nải.

Khảo dị

5. ... tới theo quan Tổng, trường thi, mô súng trợn mấy
năm ra sức tranh tiên, lúc cuộc tan, về ở Tân Hòa.
6. ... phận thân tử há đâu dám cãi.
8. ... tóm muôn dân gầy sổ mộ binh, luật lệ
9. ... Văn thì nhờ tham biện...; võ thì dùng tổng binh, đốc
binh coi mấy đạo...
10. Khá thương ôi... nào còn trễ nải...

11. Chí lắm ví cờ xuê lộ bố chói sắc giữa trào; ai
muốn đem gương báu Can Tương chôn hơi ngoài
ải.
12. Há chẳng thấy: sức giặc Lang Sa; nhiều phương
quỷ quái.
13. Giảng dưới nước tàu đồng, tàu sắt, súng nổ như
bắp rang; kéo trên bờ ma ní, mã tà, đạn bắn như
mưa vãi.
14. Dầu những đại đồn thuở trước, cũng khó toan đề
trứng ngàn cân; hướng chỉ cô lũy ngày nay, đâu
dám chắc treo màn một dải.
15. Song mà: vì nước tấm thân đã gửi, còn mất cũng
cam; giúp đời cái nghĩa đáng làm, nên hư nào
nại.
16. Rạch Lá, Gò Công mấy trận, người thấy đã kinh;
Cửa Khẩu, Trại Cá mấy nơi, ai nghe chẳng hãi.
17. Nào nhọc sức hộ tào biên sổ, lương tiền nhà
ruộng, cho một câu háo nghĩa lạc quyền, nào
nhọc quan võ khổ bình cân, thuốc đạn ghe buôn,
quyền bốn chữ gian thương đạo tãi.

Khảo dị

11. Chí lắm dốc cờ xuê lộ bố...
13. ...súng nổ quá bắp rang...
15. Nhưng vậy mà...

18. Núi đất nửa năm ngăn giặc, nào thành đồng lũy sắt các nơi; giáo tre ngàn dặm đánh Tây, là ngựa giáp xe nhưng mấy cái.
19. Khá thương ôi! Chỉ dốc đem về non nước cũ, ghe phen hoạn nạn, cây thương phá lỗ chưa lia; nào hay trở lại cảnh quê xưa, nhắm mắt lâm chung, tấm bảng phong thần vội quải.
20. Chạnh lòng tướng sĩ, thương quan tướng, nhắc quan tướng, chiu chít như gà; bức tiếng như dân, giận thẳng tà, chửi thẳng tà, om sòm như nhái.
21. Sự thế hãy bên Hồ bên Hán, bao giờ về một mối xa thơ? Phong cương còn nửa Tống nửa Liêu, bao nài hại một trang tướng soái.
22. Nào phải kẻ táng sư đầu giặc, mà để nhục miếu đường; nào phải người kiêu chiểu đánh Phiên, mà gây thù biên tái.

Khảo dị

19. Ôi!... nào hay trở lại cảnh quê xưa, tấm bảng phong thần vội quải.
- 20...; bức trí nhân dân... giận thẳng tà, mắng thẳng tà...
21. Ôi! sự thế hãy..., phong cương còn nửa Tống nửa Liêu
đâu nỡ hại một tay tướng soái.

23. Hoặc là chuộng một lời hòa nghị, vận Nam thiên phải bắt Nhạc Phi về; hoặc là do trăm họ hoành la, thời U địa chẳng cho Dương Nghiệp lại.
24. Vì ai khiến đưa chia khăn xé, nhìn giang sơn ba tỉnh lại thêm buồn; biết thuở nào cờ phất trống rung, hỡi nhật nguyệt hai vầng sao chẳng đoái.
25. Còn chi nữa! cỗi cô thế riêng than người khóc tượng, nhắm mắt rồi may rủi một trường không; thôi đã đành, bóng tà dương gấm ghé kẻ day dòng, quay gót lại, hơn thua trăm trận bãi.
26. Ôi! Làm ra cố ấy, tạo hóa ghét nhau chi? Nhắc tới đoạn nào, anh hùng rơi lụy mãi!
27. Cuộc trung nghĩa hai năm làm đại tướng, nhọc nhằn vì nước nào sồn tiếng thị tiếng phi; cỗi An Hà một chức chịu lãnh binh, lây lất theo thời chưa chắc đâu thành đâu bại.
28. Khóc là khóc nước nhà cơn bán loạn, hôm mai vắng chưa, thua buồn nhiều nỗi khúc nô; than là than bờ cỗi lúc quan phân, ngày tháng trông vua, ngơ ngẩn một phương trẻ đại.

Khảo dị

23. ... giận 'Nam Phiên' phải bắt Nhạc Phi về... hờn U địa...
24. ..., nhìn giang sơn ba tỉnh *luống* thêm buồn.
28. .. một phương *tổ* đại.

29. Tướng quân còn đó, mấy nơi đạo tặc thấy kiêng
dè; tướng quân mất rồi các chỗ nghĩa binh thêm
bái xái.
30. Nào đã dặng mấy hồi nơi thích lý, màn hùm che
mặt rằng xuê; thà chẳng may một giấc chốn
trường sa, da ngựa bọc thây mới phải.
31. Trời Bến Nghé, mây mưa sục sùi, thương đáng
anh hùng gặp bước gian truân; đất Gò Công cây
cỏ ủ ê, cảm niệm thần tử hết lòng trung ái.
32. Xưa còn làm tướng, dõc rạng giồi hai chữ bình
tây; nay thác về thần, xin dâng hộ một câu phúc
thái. Hỡi ôi! Thương thay.

ĐIỀU ĐÔNG CÁC ĐẠI HỌC SĨ

PHAN CÔNG NHỊ THỦ

(Thơ điệu Phan Thanh Giản, 2 bài)

XXXII

Non nước tan tành hệ bởi đâu,
Dầu dầu mây trắng cõi Ngao Châu.

Khảo di

2. Dầu dầu mây *bạc* cõi Ngao Châu

Ba triều công cán vài hàng số,
Sáu tỉnh cang thường một gánh trâu,
Trạm bắc ngày chiều tin điệp vắng,
Thành nam đêm quạnh tiếng quỳên sầu.
Minh tinh chín chữ lòng son tạc,
Trời đất từ đây mặc gió thu.

XXXIII

Lịch sĩ tam triều độc khiết thân,
Vi công thùy bảo nhứt phương dân,
Long Hồ ninh phụ thơ sanh lão,
Phụng Các không quy học sĩ thần.
Binh tiết tăng lạo sanh Phú Bật,
Tận trung hà hận tử Trương Tuấn.
Hữu thiên lục tỉnh tồn vong sự,
An đắc thung dung tự nghĩa thần?

Dịch:

Thờ trái ba triều trọn sạch thân,
Không ông ai đỡ một phương dân.
Long hồ thà phụ thơ sanh lão,

Khảo di

2. Vi công thùy *bản* nhứt phương dân
3. Long Hồ *uống* phụ thơ sinh lão

Phụng Các sông quy học sĩ thần.
Giữ tiết nhọc nhằn còn Phú Bát,
Hết trũng nào giận mất Trương Tuần.
Mất còn sáu tỉnh trời kia biết,
Sao dặng thung dung tự nghĩa thần?

Khảo di

5. Bình tiết *tằng* lao sanh Phú Bát
8. Nan đắc thung dung tự nghĩa thần

ĐIỀU BA TRI ĐỐC BÌNH PHAN CÔNG TRẬN VONG THẬP THỦ

(Thơ điều Phan Tông, 10 bài)

XXXIV

Thương ôi! người ngọc ở Bình Đông,
Lớn nhỏ trong làng thấy mến trông.
Biết đạo khác bấy con mắt tục
Dạy dân nắm vện tấm lòng công.
Đặng danh vừa rạng bề nhà cửa,
Vì nghĩa riêng đền nợ núi sông.

Khảo di

4. Dạy dân nắm *giữ* tấm lòng công

Một trận trái gan trời đất thấy.
So xưa nào thẹn tiếng anh hùng.

XXXV

Anh hùng thà thác chẳng đầu Tây,
Một giấc sa trường phận cũng may.
Viên đạn nghịch thần reo trước mặt,
Lưỡi gươm địch khái nắm trong tay.
Đầu tang ba tháng trời riêng đội,
Lòng giận ngàn thu đất nổi dày.
Tiếc mới một sông ra đặt trộm,
Cái xên còn rã khá thương thay.

Khảo di

3. Viên đạn nghịch thần *treo* trước mặt
8. Cái xên còn rã *nghĩ* thương thay.

XXXVI

Thương thay tạo vật khuấy người ta,
Nam đổi làm Tây chính lại tà.
Trống nghĩa bảo an theo sấm rập,
Cờ thù công tử giuôn mây qua.
Én vào nhà khác toan nào kịp,

Hương thác tay ai vội hãy xa.
 Trong số nên hư từng trước mách,
 Người ôi! trời vậy tính sao ra.

XXXVII

Sao ra nhảy nhót giữa vòng danh,
 Sơn đóng chưa khô ấn đốc binh.
 Đuốc gió nhẹ xao đường thi thạch,
 Cỏ hoa ngùi động cửa trâm anh.
 Trên giồng rở chói cờ tam sắc,
 Dưới gành đen lờ ván thất tinh.
 Dầu khiến nghe can dùng đất hiểm,
 Chờ trời nào đến tử vong linh.

Khảo di

5. Trên giồng lửa cháy cờ tam sắc
7. Dầu khiến nghe can vùng đất hiểm

XXXVIII

Vong linh sống gặp buổi đời suy,
 Trăm nét cân đo ít lỗi nghi.

Khảo di

1. Vong linh sớm gặp buổi đời suy

Bóng bọt hình hài vừa ló thấy,
 Ngút mây phú quý bỗng tan đi.
 Sanh năm mươi tuổi ăn chơi mấy,
 Quan bảy tám ngày sướng ích chi.
 E nổi dạ đài quan lớn hỏi:
 Có sao xấu mếu cảnh Ba Tri?

Khảo di

8. Có sao xấu mếu cõi Ba Tri.

XXXIX

Ba Tri từ vắng tiếng hơi chàng,
 Gió thảm mưa sâu khá xiết than.
 Vườn luống trông xuân hoa ủ dột,
 Ruộng riêng sâu chủ lúa khô khan.
 Bầy ma bất chánh đường làm nghiệt,
 Lũ chó vô cớ cung mắc nạn.
 Người ấy vì ai ra có ấy,
 Chạnh lòng trăm họ khóc quan Phan.

Khảo di

4. Ruộng riêng buồn chủ lúa khô khan.

XL

Quan Phan thác trọn chữ trung thần,
 Ôm tiết như người cũng nghĩa dân.
 Làng để dành theo ông hữu đạo,
 Cõi phàm hồ ngó lữ vô quân.
 Lòng son xin có hai vầng tạc,
 Giồng gạch thả không một tấm thân.
 Ai khiến cuộc hòa ra cuộc chiến,
 Người qua An Lái lũng băng khuâng.

Khảo di

2. Ôm *tiếng* như người cũng nghĩa dân

XLI

Bâng khuâng ngày xế cả than trời,
 Ai đổ cho người gánh nạn đời.
 Ném mặt Cối Kê đâu chẳng hận,
 Cắp dùi Bắc Lãng há rằng nguôi.
 Một sông cung kiếm rồi vay trả,

Khảo di

3. Ném mặt Cối Kê đâu chẳng *giận*
 4. Cắp dùi Bắc Lãng há rằng *chơi*

Sáu ải tang thương mặc đổi đời.
 Thôi mất cũng cam còn cũng khổ
 Nay Kim mai Tống thẹn làm người.

Khảo di

6. Sáu ải tang thương *mất* đổi đời

XLII

Làm người trung nghĩa đáng bia son,
 Đứng giữa càn khôn tiếng chẳng mòn.
 Cơm áo đèn rồi ơn đất nước,
 Râu mây giữ vẹn phận tôi con.
 Tinh thần hai chữ phau sương tuyết,
 Khí phách ngàn thu rở núi non,
 Gẫm chuyện ngựa Hồ chim Việt cũ,
 Lòng đây tưởng đó mất như còn.

Khảo di

3. Cơm áo đèn *bồi* ơn đền nước.

XLIII

Như còn chẳng gọi thể rằng cô,
Coi truyện Hoa Di trước vẽ đồ.
Sở hãy trót gây cừu họ Ngũ,
Hón đâu khỏi trả hận thằng Nô,
Vàng tô sử Mã giới đường sứ,
Búa viết kinh Lân lấp dấu hồ.
Ngày khác xa thơ về một mối,
Danh thơm người tới côi hoàng đồ.

Khảo di

2. Cui truyện Hoa di trước họa đồ
3. Sở hãy trót ghi cừu họ Ngũ
5. Vàng tư sử Mã giới đường sứ
6. Búa viết kinh Lân lấp dấu hồ

LỤC TỈNH SĨ DÂN TRẬN VONG VẤN

(Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh)

XLIV

1. Hỡi ôi! Tội phận biên manh; cầm loài dương tặc.

2. Ngoài sáu tỉnh hãy ngời câu án đồ, dân nhờ vua
đặng lẽ sống vui; trong một phương sao mắc chữ
lục trầm, người vì nước rủ nhau chết ngất.
3. Nhớ các linh xưa: tiếng đồn trung nghĩa đến xa;
thối giữ cương thường làm chắc.
4. Từ gặp Tây qua cướp đất, xung tân trào gây nợ oán
cừu; chẳng qua dân mắc nạn trời, hoài cựu chủ
mang lời phản trắc.
5. Các bậc sĩ nông công cổ, liền mang tai với súng
song tâm; mấy nơi tổng lý xã thôn, đều mang hại
cùng cờ tam sắc.
6. Bọn tam giáo quen theo đường cũ, riêng than bất
hạnh mang nghèo; bấy cừu lưu cứ lỗi nghề xưa,
thầm tủi vô cơ chịu cực.
7. Phạt cho đến người hèn kẻ khó, thu của quay lều;
tội chẳng tha con nít đàn bà, đốt nhà chém vật.

Khảo di

3. Nhớ linh xưa...
4. Từ thuở Tây qua cướp đất...
5. ...đều mắc hại cùng cờ tam sắc.
6. ...riêng thân bất hạnh lâm nghèo, bấy cừu lưu cứ giữ
nghề xưa...
7. ...thâu của quay treo, tội chẳng tha con nít đàn bà,
đốt nhà chém vật.

8. Trải mười mấy năm chầy khốn khó, bị khảo, bị tù,
bị đầy, bị giết, trẻ già nghe nào xiết đếm tên;
đem ba tác hơi mọn bỏ liều, hoặc sông, hoặc biển,
hoặc núi, hoặc rừng, quen lạ thấy đều rơi nước
mắt.
9. Khá thương thay! Dân sa nước lửa chầy ngày; giặc
ép mỡ đầu hết sức.
10. Thời những kẻ cha thù anh oán, nhảy vòng báo
ứng đã cam; cực cho người vợ quả con cô, gây
đoạn thảm sầu khôn dứt.
11. Man mác trăm chiều tâm sự, sống những lo trả
nợ cho đời; phui pha một mảnh hình hài, thác rồi
bỏ làm phân cho đất.
12. Nghĩ nổi anh hùng nạn nước, bãi khô lâu nào
mấy kẻ khóc than; tưởng câu danh lợi tuồng đời,
trường khối lỗi mặc dầu ai náo nức.
13. Trời hỡi trời! Lòng nghĩa dân phải với ngô quân;
tiếng nghịch đảng lỗi cùng địch vực.

Khảo dị

8. Kể mười mấy năm trời khốn khó... đem ba tác hơi mọn
bỏ liều...
9. Dân sa nước mắt bấy chầy...
10. Đành những kẻ cha thù anh oán... cực cho người vợ
yếu con cô.
13. Thời, lòng nghĩa dân thảo với ngô quân.

14. Gần Còn Lôn, xa Đại Hải, máu thầy trôi nổi ai
nhìn; hàng cai đội bậc quân cơ, xương thịt rã rời
ai cất.
15. Sống thì chịu nắng sương trời một góc, khó đem
sừng ngựa hên qui kỳ; thác rồi theo mây ngút bể
muôn trùng, khôn mượn thơ nhân đưa tin tức.
16. Thấp thoáng hồn hoa phách quế, lòng cố hương
gửi lại bóng trăng thu; bơ vơ nước quỷ non ma,
hơi âm sát về theo luồng gió bắc.
17. Như vậy thì: số dẫu theo sau nẻo luân hồi; khí sao
để trăm năm ức uất.
18. Trời Gia Định ngày chiều rắng bấn, âm hồn theo
con bóng ác dật dờ; đất Biên Hòa đêm vắng
trăng lơ, oan quỷ nhóm ngọn đèn trời hiu hắt.
19. An Hà quận đang khi bạch trú, gió cây vụt thổi,
cát xoáy bay, con trốt dậy bên thành; Long
Tường giang mỗi lúc hoàng hôn; khói nước xông
mù, lửa đóm nháng binh ma chèo dưới vực.

Khảo dị

15. ...; thác rồi theo mưu ngút bể muôn trùng, khôn mượn
thơ nhân đem tin nhà.
18. ...ngày chiều rắng rắng...

20. Nhìn mấy chạng cờ lau trống sấm, mĩa mai trận
nghĩa gửi bình tình; thăm dò ngàn ngựa gió xe
mây, mừng tượng vong linh về chiến lật.
21. Thôi! Người lạc phách theo miền giang hải, cung
ngao lâu thần, đành một câu thân thế phù trầm;
kể du hồn ở cõi sơn lâm, lũy kiến đồn ong, còn
bốn chữ âm dung phảng phất.
22. Ôi! sống muốn cho an, thác sao rằng bức.
23. Dầu sớm thấy ngọn cờ điều phạt, phận thân dân
đâu chẳng toan còn; chưa kịp nghe tiếng trống an
nhương, nghĩa quân phụ nào rồi chết mất.
24. Hoặc là sợ như đất triều Tần mộ Sở, cuộc can qua
sống ở cũng ghê mình! Hoặc là lo như trời Nam
Tống Bắc Kim, đường binh cách thác đi cho
khuất mất.
25. Tiếc non nước ấy, nhơn dân đường ấy, gây sự này
nào thấy phép tầy oan; biết cha mẹ đâu, tộc loại
ở đâu, chạnh tình đó mới ra ơn điều tuất.

Khảo dị

20. Ôi, nhìn mấy *chạng* cờ lau *chống* sấm...; thăm dò
ngàn ngựa gió xe mây...; vong linh về chiến *lượt*.
21. Người lạc phách theo miền giang hải...
22. *Trời đất* *ôi!* sống muốn cho an...

26. Tuy uống mệnh hây chờ khi sách mệnh, sẵn vòng
quả báo vắn vương; song oan hồn chưa có kẻ
chiêu hồn, khiến tám linh đài bức tức.
27. Nhớ phận áo cơm đất nước, trọn mấy năm ngóng
cổ trông quan; so bề mồ mả ông cha, còn hơn đứa
dành lòng theo giặc.
28. Đến nay: cảm cảnh Nam Trung; trách lòng tạo
vật.
29. Ví như sĩ sinh đời Đông Tấn, nay đánh Hồ mai
dẹp Yết, thì phơi gan trong đám tình chiền; nào
phải dân ở cõi U Yên, sớm đầu Hạ tối về Liêu,
mà trảy máu bên đường kinh cực.
30. Phải trời cho mượn cán thương phá lỗ, Trương
tướng quân còn cuộc nghĩa binh; ít người đặng
xem tám bảng phong thần, Phan học sĩ hết lòng
mưu quốc.
31. Muôn dặm giang sơn triều thánh đó, giang sơn
còn hơi chính đều còn; ngàn năm hồn phách nạn
dân này, hồn phách mất tiếng oan nào mất.

Khảo dị

29. ..., sớm đầu Hạ, tối *đầu* Liêu mà trảy máu *trên* đường
kinh cực.
30. Phải trời cho mượn cán *huyền* phá Lỗ...; ít người xem
tám bảng phong thần.
31. ...giang sơn còn, *hơi* thánh hây còn;..., hồn phách mất
tiếng *dân* nào mất.

32. Dầu dặng ơn nhuần khô cốt, cơn trị bình mới
thấy đạo vương; muốn cho phép vớt linh hồn,
buổi ly loạn khôn cầu kinh Phật.
33. Ôi! Trời buông nài quý trắng mấy năm; người
uống hận suốt vàng lăm bực.
34. Cảnh Nam thổ phơi màu hoa thảo, động tình oan
nửa úa nửa tươi; cội Tây thiên treo bức vân hà
kết hơi oán chằng thưa chằng nhật.
35. Ngày gió thổi lao xao tin dã mã, thoát nhóm
thoạt tan, thoát lui, thoát tới, như từng bán
dạng tình linh; đêm trăng lơ réo rất tiếng đề
quyên, đường hờn, đường oán, đường khóc, đường
than, đòi đoạn tử tình oan khuất.
36. Xưa nghe có bến sông Vị Thủy, lấy lễ nhân đầu tế
lũ hồn oan, nay biết đâu bãi cát Trường Sa, mượn
của âm phủ, độ bè quỷ ức.
37. Đốt lộn nhang trầm trời đất chứng, chút gọi là
làm lễ văn vong; đọc bài văn tế quỷ thần soi; xin
hộ đó theo đường âm chất.
- Hỡi ôi! Thương thay, có linh xin hưởng.

Khảo dị

35. ...như từng rặng bóng tình bình

36. ...lấy lễ nhân đầu tế dâng hồn oan.

TỰ THUẬT**XLV**

Mối tơ ai gỡ lúc này xong,
Một dải trời nam biết mấy trùng.
Kẻ ứa gan trung thương mắt ngó.
Người liều dạ sắt múa tay không.
Đến hay trung nghĩa theo tro bụi,
Hoài của giang sơn trút biển đông.
Ôn nước nợ nhà đành có thuở,
Biết bao chờ đợi biết bao trông!

Khảo dị

5. Dành bày trung nghĩa theo tro bụi

8. Biết bao giờ đợi biết bao trông.

XLVI

Chiều chiều lại nhớ đến chiều chiều,
Cám cảnh giang sơn biết bấy nhiêu!
Dấu cũ gò bằng nền Hạ Vũ,

Phép xưa khuôn trái luật Đường Nghiêu.
 Hứa Do ngơ mắt làm thẳng mục,
 Sào Phủ nghiêng tai giả chú tiêu.
 Thế vạy răn mình đừng có vạy,
 Cờ mao chống chỏi chớ cho xiêu.

Khảo dị

4. Phép xưa *trái trấp* luật Đường Nghiêu
5. Hứa Do *tức bực* làm thẳng mục

GIẢI NGHĨA TỪ NGỮ

THƠ - VĂN TẾ

I

+ Vương Lăng vốn là người đất Bái. Cao tổ khi còn hàn vi coi Lăng như anh. Lăng người mộc mạc, chuộng khi phách, ưa nói thẳng. Khi Cao tổ dấy binh ở đất Bái, vào đến Hàm Dương, Lăng cũng tự mình hợp bè đảng mấy nghìn người ở Nam Dương không chịu theo Bái công. Đến khi Hán vương quay về đánh Hạng Tịch, bấy giờ Lăng mới đem binh theo Hán. Hạng Vũ bắt mẹ của Lăng giữ ở trong quân doanh. Sứ giả của Lăng đến, Hạng Vũ sai dắt mẹ Lăng ngồi quay mặt ở hướng đông, muốn để vờ Lăng. Khi mẹ của Lăng tiễn riêng sứ giả, bà khóc mà nói: Xin vì暮 già này mà nói với Lăng hãy chăm chỉ thờ Hán vương là bậc trưởng giả, chớ vì già này mà có hai lòng. Tôi xin lấy cái chết để tiễn sứ giả. Nói đoạn, bà đâm cổ tự tử. Lăng theo Hán vương, bình định được thiên hạ, giữ chức tả thừa tướng.

1. **Hoàng hoa**: tức hoàng hoàng giả hoa = những bông hoa rụng rã khắp nơi, là tên một bài thơ trong kinh Thi nói

việc vua tiền biệt dặn dò sứ giả, có đoạn: Hoàng hoàng giả hoa, vu bì nguyên thấp. Sẵn sẵn chinh phu, mỗi hoài my cập = Những bông hoa rục rờ khắp nơi, trên đồng cao, đồng thấp trũng. Kể trình phu tùy từng động dục, lo lắng không làm tròn lệnh vua. Thơ Trần Trúng Quang: Mấy vần thơ cũ ngời hoàng hoa. Trịnh trọng rày nhân giăng khúc ca.

II

+ Một đao tới hội. Theo "Tam quốc chí", Tôn Quyền đòi Kinh Châu. Quan Vân Trường cố thủ không trả. Theo kế của Lỗ Túc, Tôn Quyền cho Túc mời Quan Vân Trường đến dự tiệc rồi giết đi. Quan Vân Trường biết kế, nhưng vẫn một mình cắp đao đến dự hội sau khi đã tự bố trí bảo vệ cẩn mật. Giữa tiệc Lỗ Túc nói đến chuyện đòi Kinh Châu, nếu Quan Vân Trường không chịu thì giết luôn. Nhưng Quan đã khôn khéo từ chối và làm cách giả say, một tay cầm đao, một tay nắm chặt lấy Lỗ Túc kéo ra tận bờ sông, có Quan Bình đợi đón ở đấy, lên thuyền trở về Kinh Châu.

5. Ý cả câu nói khí thế vững vàng của Quan Vân Trường. Xem ct 19 A.

8. **Vườn đào:** nơi Lưu Bị, Quan Vũ, Trương Phi kết nghĩa anh em thề sống chết có nhau, mưu việc khôi phục nhà Hán.

III

Đêm uống rượu ở trong trướng. Theo "Sử ký", Hạng vương đóng quân ở trong thành Cai Hạ, binh ít, lương hết, quân Hán và quân chư hầu bao vây mấy vòng. Đêm, Hạng vương nghe thấy quân Hán ở bốn mặt đều hát giọng Sở, Hạng vương liền kinh hoàng nói: "Hán đã lấy được Sở rồi sao? Sao mà người Sở đông như thế?". Đêm, Hạng vương thức dậy, uống rượu trong trướng, có mỹ nhân thường đi theo là nàng Ngưu Cơ, có con ngựa thường cưỡi tên là Chuy, Hạng vương đau đớn cảm khái làm bài thơ: "Lực bạt sơn hề khí cái thế, Thời bất lợi hề Chuy bất thệ, Chuy bất thệ hề, khả nại hà? Ngưu hề, Ngưu hề nại nhược hà?" = Sức nhổ núi chừ khí trùm đời, Thời không lợi chừ ngựa Chuy không chạy, Ngựa Chuy không chạy chừ biết tính sao? Ngưu cơ chừ Ngưu cơ! biết tính sao? Hạng vương ca mấy lần, mỹ nhân họa theo. Hạng vương khóc chảy nước mắt. Tả hữu đều khóc, không có ai có thể ngăn lên nhìn.

3. **Trướng hùm:** Xem ct 30 bài XXXI.

4. **Mùi thung:** Chính là "mùi xuân", nói ý yêu đương. Chữ xuân, đọc chạnh ra "thung" cho khỏi lạc vận.

5. **Tình nhi nữ:** tình yêu đối với đàn bà con gái.

6. **Phận kiếm cung:** phận người con trai chiến đấu nơi chiến trường.

8. **Bách chiến:** trăm trận đánh, nói người dũng tướng. Xem câu 1 bài IV.

IV

+ Bái công cùng Hạng Vũ tranh thiên hạ. Sau Bái công diệt được Hạng Vũ, dựng đế nghiệp nhà Hán, lên ngôi vua tức Hán Cao tổ.

1. **Bách chiến:** xem ct 8 bài III.

5. **Bát canh Đản Thổ:** Theo "Sử ký", Hạng Vũ đại phá quân Hán trên sông Tuy Thủy. Quân Hán bị giết nhiều, dòng sông bị nghẽn lại không chảy được. Hạng Vũ bèn bắt cha và vợ Hán vương ở đất Bái đem theo trong quân để làm con tin. Về sau khi đã bình định xong miền đông, Hạng vương đem binh sang hướng tây gặp quân Hán ở Quảng Vũ, hai bên giữ nhau mấy tháng. Lúc bấy giờ, Bành Việt thường làm phản ở đất Lương, cắt đứt lương thực của Sở. Hạng vương lo lắng, dựng một cái thớt cao, đặt Thái công lên trên, và sai người nói với Hán vương: "Nếu không đầu hàng ngay thì ta nấu chết Thái công". Hán vương nói: "Ta và Hạng Vũ đều ngoảnh mặt về hướng bắc, chịu mệnh lệnh của Hoài vương và đã giao ước làm anh em. Cha ta tức là cha ngươi, người muốn nấu cha ngươi thì chia cho ta một bát canh với."

6. **Chén rượu Hồng Môn:** Theo "Sử ký", Bái công đóng quân ở Bá Thượng. Hạng Vũ nghe Phạm Tăng, định đem quân tiêu diệt Bái công. Bái công hoảng sợ đến Hồng Môn yết kiến xin lỗi Hạng vương. Hôm ấy, Hạng vương giữ Bái công ở lại uống rượu, rồi theo kế Phạm Tăng giết Bái công ngay trên tiệc. Phạm Tăng nâng đưa mắt nhìn Hạng

vương, đưa cái vòng ngọc quyết ra hiệu, như thế ba lần, nhưng Hạng vương vẫn im lặng. Phạm Tăng đứng lên đi ra, gọi Hạng Trang đến bảo: "Quân vương là người bất nhân. Anh phải vào chúc thọ. Chúc thọ xong xin múa kiếm, nhân đó đâm Bái công ở chỗ ngồi và giết đi. Sau nhờ có Phàn Khoai, Trương Lương giúp nên Bái công mới thoát về được Bá Thượng. Phạm Tăng tức giận tuốt kiếm đập vỡ chén ngọc, nói: "Chà, thằng trẻ con, không thể cùng bàn mưu kế. Người đoạt thiên hạ của Hạng vương nhất định là Bái công. Bọn ta sẽ bị bắt làm tù hết".

V

Vương Lăng chế Trần Bình. Trần Bình, người làng Hộ Dũ đời Hán trước theo Hạng vương. Về sau vì việc đánh An vương không xong, Bình sợ bị giết bèn một mình đến Tu Vũ đầu hàng Hán. Hán vương cho Bình làm đô úy, được ngồi cùng xe với vua, cai quản các tướng, được phong đời là Hộ Dũ hầu. Sau khi Hán Cao tổ mất, Lã hậu muốn lập những người họ Lã làm vương mưu việc cướp ngôi vua nhà Hán. Vương Lăng chống lại. Lã hậu muốn bãi bỏ Vương Lăng, bèn cho Lăng làm thái phó mà cướp quyền thừa tướng của Lăng. Lăng cáo bệnh xin về. Trần Bình giả vờ nghe theo Lã hậu và được làm thừa tướng. Đến khi Lã hậu chết, Bình và Chu Bột cùng bàn mưu khôi phục vương quyền nhà Hán.

1-3. **Cao hoàng, Lưu Cao đế:** tức Hán Cao tổ, tên Lưu Quý.

4. **Lã ma vương:** chỉ Lã hậu. Ma vương là vua bọn ma quỷ, đây là lời miệt thị Lã hậu. Ý câu chế Trần Bình không coi Lã hậu là thù địch với mình.

5. **Tranh tranh:** cứng cỏi, ngay thẳng không xu phụ ai.

6. **Phủ viết:** búa rìu, chỉ lời chê trách nghiêm khắc. Theo lời tự sách "Xuân thu chính nghĩa" của Khổng Đình Đạt (Đường), Khổng Tử soạn kinh "Xuân thu" chép việc nước Lỗ, ngụ lời bao biếm. Sự khen chê cốt ngụ ở chữ dùng. Có khi chỉ vì một chữ ngụ ý chê (biếm) thành tiếng xấu ngàn đời, một chữ ngụ ý khen (bao) mà được tiếng thơm muôn thuở. Vì vậy, người đời sau, khi bàn kinh "Xuân thu" có nói: "Nhất tự chi bao vinh ư hoa cổn, nhất tự chi biếm nhục ư phủ viết" = một chữ khen vinh hơn được áo cổn hoa vua ban, một chữ chê nhục hơn phải tội búa rìu. "Hong đức quốc âm thi tập": Châm chước miện thiêu dòng một phép, Quyền hành cổn viết rạng muôn đời.

8. **Nương nương:** tên gọi hoàng hậu, đây chỉ Lã hậu. Sau khi Hán Cao tổ mất, vương quyền nhà Hán thực chất nằm trong tay Lã hậu. Tất cả các hiệu lệnh đều do Lã hậu đưa ra, gọi là chế.

VI

1. **Ngũ hổ:** Năm tướng giỏi của Lưu Bị: Gia Cát Lượng, Bàng Thống, Quan Vũ, Trương Phi, Triệu Vân.

2. **Thất Kinh Châu:** mất Kinh Châu. Lưu Bị cùng Khổng Minh dẫn đại quân đi lấy Ích Châu, giao cho Quan Vân Trường giữ Kinh Châu. Tào Tháo thừa dịp mang toàn lực đến đánh chiếm. Kinh Châu bị thất thủ.

5. **Gia Cát Lượng:** người đất Dương Đô, tự Khổng Minh, bị nạn sang Kinh Châu rồi đến ở đất Nam Dương thuộc vùng Long Trung. Lưu Bị ba lần thân đến Long Trung mời Khổng Minh ra giúp. Lưu Bị tôn Khổng Minh làm quân sư. Khổng Minh đã dồn hết tâm sức giúp Lưu Bị lo trung hưng nhà Hán, nhưng việc không thành.

6. **Hán Đình hầu:** tức Hán Thọ Đình hầu, tước được phong của Quan Vân Trường. Xem ct 1392 B.

7. **Lưu Huyền Đức:** tức Lưu Bị.

8. **Đàn Khê:** tên con suối mà Lưu Bị phải khổn, nhờ con tuấn mã Địch Lư mới vượt qua khe thoát khỏi vòng vây của Lưu Biểu.

VII

+ Chiêu Quân ra khỏi cửa ải. Xem ct 1401 A.

1. **Đứa gian:** chỉ Mao Diên Thọ, xem ct 1401 A.

2. **Dương Quan:** chỉ cửa quan hàm ý tiễn biệt nói chung.

3. **Tơ đồng:** dây đàn (bằng gỗ ngô đồng).

4. **Sa tái:** cửa ải đầy cát bụi.

5. **Tiếng ngọc:** tiếng đàn như tiếng ngọc.

Khúc phượng: khúc đàn hay tiếng như chim phượng hót.

6. **Hơi dê:** chỉ (hơi) người Hung Nô tanh hơi vì ăn quá nhiều thịt dê.

7. **Keo loan:** keo chế bằng máu chim loan có độ dính cao, tương truyền nổi được dây cung đứt. "Bác vật chí": Thời Hán Vũ đế, nước Tây Hải có người đem dâng năm lạng keo. Vua cho đem cất vào kho. Còn thừa nửa lạng, sứ thần Tây Hải giữ mang theo người. Sứ thần theo vua đi bắn ở cung Cam Tuyền. Dây cung vua đứt, các quan định thay. Sứ thần Tây Hải xin lấy keo loan nối lại. Nối xong, vua sai lực sĩ kéo mỗi người một đầu dây, nhưng vẫn không việc gì. Cung có thể bắn suốt ngày mà không đứt.

8. **Tri âm:** xem ct 193 A.

Gác vàng: chỉ cung vua Hán.

VIII

1. **Phi liêm:** Thần gió. Theo "Hán thư", năm Nguyên Phong thứ hai (109 tr. CN), mùa đông tháng mười... dựng Thông thiên đài ở Cam Tuyền, Phi Liêm quán ở Trường Sa. Ung Thiệu chú: Phi Liêm là loài chim thần có thể gọi gió đến. Năm Vĩnh Bình thứ năm (62). Hán Minh đế đến Trường Sa đón nhận con phi liêm và con ngựa đồng đặt ở

ngoài Thượng tây môn... Phi liêm thân hươu, đầu như chim tước, có sừng, đuôi rắn, vằn như vằn báo.

5. **Đầm lộc mê Ngu Thuấn:** đầm và núi ngàn (lộc) làm Ngu Thuấn quên mất đường về (mê). Nói sức trời giúp Ngu Thuấn. "Kinh Thư": "Nạp vu đại lộc, liệt phong lôi vũ phát mê" = Nghiêu sai Thuấn vào núi đại ngàn (đại lộc), gặp gió mưa mù mịt, sấm sét đùng đùng mà Thuấn vẫn không quên mất đường về. Sau việc đó, vua Nghiêu thấy đức của Thuấn hợp với trời, có trời giúp nên nhường thiên hạ cho Thuấn. "Sử ký" cũng chép: "Nghiêu sử Thuấn nhập sơn lâm xuyên trạch, bạo phong lôi vũ, Thuấn hành bất mê" = Vua Nghiêu khiến Thuấn vào rừng núi, sông đầm, gặp gió mưa bão táp sấm sét mà Thuấn vẫn không quên đường ra.

6. **Sông Tuy giải Hán Cao:** nói việc Hán Cao tổ được giải vây ở sông Tuy Thủy. "Hán thư": Hán Cao tổ đem hết quân ở Quan Trung, tập hợp tất cả binh sĩ Hà Nam, Hà Đông, Hà Nội đi xuống phía nam, xuôi dòng sông Giang sông Hán đánh quân Sở. Hạng Vũ nghe tin đem quân rời bỏ đất Tề đi qua đất Lỗ, ra khỏi Hồ Lăng, đến huyện Tiêu đánh nhau một trận lớn với quân Hán ở phía đông Linh Bích thuộc Bành Thành trên sông Tuy Thủy, phá tan quân Hán. Quân Hán bị chết nhiều, dòng sông Tuy Thủy bị nghẽn lại không chảy được. Hạng Vũ vây Hán Cao tổ ba vòng liên. Đang lúc nguy cấp, có trận gió cực to thổi từ phía tây bắc tới, cây đổ, nhà thốc mái, cát bay mù mịt, ban ngày mà trời tối sầm lại, quân Sở rối loạn. Hán Cao tổ nhờ thế mới cùng mấy mươi quân kỵ trốn thoát.

8. **Không xao**: không xao động tức là không thay đổi.

IX

8. **Dân đen**: xem ct 7 bài X.

X

3. **Bợ**: vịn.

5. **Chim chip**: tiếng chim kêu chim chip.

6. **Lổm xổm**: ngồi lổm xổm, ngồi hồng đít.

7. **Dân đen**: dân đen đầu, là dịch từ "lê dân" trong tiếng Hán. Chỉ dân chúng nói chung. Xem câu 8 bài XV.

8. **Hạ Vũ**: người có tài trị thủy và là ông vua sáng lập ra nhà Hạ. Thời vua Nghiêu, thân sinh ông là Cỗn phụ trách công việc chống lũ lụt không thành nên đã bị giết. Vũ kế nghiệp cha. Lũ lụt bị đẩy lùi. khắp nơi thông đường về tiến cống Vũ được phong đất Hạ, và sau được Thuấn nhường ngôi vua dựng nên nghiệp nhà Hạ, gọi là Hạ Vũ.

XI

1. **Tô Vũ**: người đời Hán tự Tử Khanh. "Hán thư": Thời Hán Vũ đế, Tô Vũ làm trung lang tướng, đi sứ Hung Nô. Chúa Hung Nô là Thiển Vu bắt Tô Vũ phải hàng phục, nhưng Tô Vũ không chịu khuất, nên đã bị Thiển Vu tống

giam vào một cái hang lớn, không cho ăn uống gì cả. Tuyệt xuống, Tô Vũ lấy tuyết và lông chiên mà ăn. Sau bị bắt dày đi chăn dê ở Bắc Hải, nơi không có qua một bóng người, không có lấy một thức ăn. Tô Vũ phải đào hang bắt chuột mà ăn. Suốt mười chín năm bị dày ở Hung Nô cực khổ như vậy, nhưng Tô Vũ vẫn giữ lòng trung thành với nước, vẫn chống cờ tiết nhà Hán khi đi chăn dê. Đến thời Hán Chiêu đế, Hung - Hán hòa thân với nhau, Thiển Vu cho Tô Vũ về nước. Thời Hán Nghi đế, Tô Vũ được phong tước quan nội hầu. Khi chết, Tô Vũ được vẽ hình thờ ở Kỳ Lân các. "Quốc âm thi tập": Đời Thương thánh biết câu Y Doãn, nhà Hán ai ngờ được Tử Khanh.

7. **Hứa Chử**: người nước Ngụy thời Tam quốc, tự Trọng Khang, là một tướng có sức dũng mãnh đã từng theo Tào Tháo trên khắp các trường nhung, và đã từng cứu sống Tào Tháo nhiều lần.

XII

1. **Tiêu sương**: tên giống ngựa quý, hiếm thời xưa. "Tả truyện": Đường Thành công qua nước Sở có đưa theo hai con ngựa tiêu sương. Tử Thường muốn được giống ngựa đó. Lời sớ của Mã Dung nói: "Tiêu sương là loại ngựa giống hình chim nhạn, thiên hạ ít có." Chính âm là "túc sương", phải đọc chệch ra như vậy, vì câu thứ sáu cân 1 phải là tiếng bằng.

4. **Tàu:** chuông ngựa. "Tục ngữ": Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ.

Lương: cũng như Tống ở câu 3 là tên các triều đại phong kiến Trung Hoa thời Nam Bắc triều, nói ý ngựa lẫm vào tay đứa gian, không chịu khuất phục, vẫn nhớ chủ cũ.

7. **Cưu:** ôm mang trong lòng, tức là nhớ mãi, không nguôi.

XIII

1. **Tượng mắng:** từng nghe.

2. **Thuận lý:** thuận với lẽ tự nhiên.

Nghịch thường: trái với đạo thường.

3. **Nghĩa quân thân:** nghĩa vua tôi.

Ôn phụ tử: ơn tình cha con. Đàn ong, đàn kiến còn có con ong chúa, con kiến mẹ, dẫu loài hổ báo, chó sói cũng còn biết thương con. Tác giả cho đó là nghĩa vua tôi, tình cha con đều là thường tình của tạo hóa.

4. **Ác báo tai:** quạ kêu báo điềm tai họa.

Thước báo hi: chim khách kêu mách điều vui mừng.

Khuyến tư dạ: con chó quẩn về đêm.

Kê tư thân: con gà quẩn về sáng.

5. **Lò đại tạo:** vũ trụ như một cái lò hun đúc nên muôn vật.

Sấy nhen: sấy cho khô, nhen cho cháy, ý nói hun tạo ra một vật gì.

Thợ hóa công: tạo hóa như người thợ làm nên muôn vật.

Xoi hao mạch nước: ý nói hay sinh sự, hay tìm việc mà khuấy hại nhau.

6. **Lắt:** chuột nhất, chuột nhỏ xíu.

9. **Cheo:** loại thú nhỏ, chân bé, chạy nhanh mà rất nhát. Tục ngữ: Nhát như cheo, là nhát lắm.

Liển: bộ nhanh nhẩu.

10. **Chuột xạ:** thứ chuột hôi.

Quán chỉ: chỗ quê nhà.

11. **Dại tiểu:** con to con nhỏ.

Thư hùng: con cái con dực.

Lung lăng: hung bạo ngang tàng.

12. **Sáu mươi giáp hoa...:** cách tính năm theo can chi phối hợp sáu mươi năm khắp một vòng, từ đầu là giáp tý đến cuối là quý hợi. Tý, vật tượng trưng là con chuột, nên nói: "Sáu mươi giáp hoa đứng trước".

Xảo tính linh tâm: tính khéo lòng thiêng.

Mười hai chi tuế: tính từ "tý" đến "hợi" là mười hai chi, thì tý là đầu.

Cư nhân do nghĩa: ở chỗ nhân theo chốn nghĩa.

13. **Sao dành:** dâu nở, dâu lại dành.

14. **Đông Pha:** tên hiệu Tô Phức, danh nhân đời Tống. Thuở nhỏ nhà nghèo, ông đi học thường đem gừng theo trong túi để phòng khi ốm cảm. Ông có bài phú "Hiệt thử phú" (Phú con chuột lấu vặt). Tục ngữ ta có câu: Chuột già tha gừng, chỉ những việc vô ích như chuột tha gừng mà không ăn được.

Nam quách: ông ở về phía nam ngoại thành. Có thể là chỉ Vương Tăng Hựu đời Tống. Tăng Hựu tính chuộng sự cần kiệm, thường cáo bệnh không cùng các công khanh tham dự các cuộc vui. Ông có làm thơ ca tụng tính kiệm ước của ông, có câu: "Nhữ gia tại thị môn, ngã gia tại nam quách. Nhữ gia nhiều tân lữ, ngã gia đa điều tước" = Nhà anh ở cửa chợ, nhà tôi ở phía nam ngoại thành. Nhà anh nhiều bạn khách, nhà tôi nhiều chim sẻ.

Ghe phen: nhiều phen. Xem câu 19 bài XXXI.

15. **Lu:** chum đất nung để chứa nước chứa gạo.

16. **Chịu thường:** chịu đền.

17. **Ngũ kỹ:** nói tài lực tuy có nhiều mà không đến đâu đến dũa, còn thiếu sót, nên không bằng có ít mà tinh. "Thuyết văn": Thạch là loài chuột có ngũ kỹ: bay được mà không qua được nóc nhà, leo được mà không leo cùng được cây, bơi được mà không qua được vũng nước sâu, đào hang giỏi mà không giấu được mình, chạy được mà không vượt trước được người.

Tam tài: trời, đất, người. "Khải đồng thuyết ước" nói "thiên khai ư tỷ", cho nên đây nói "khoe trước tam tài."

19. **Lỗ sử:** sử nước Lỗ, tức kinh "Xuân thu". Xem ct 1828B.

Thực giác: khoét sừng. Kinh "Xuân thu": "Thất niên, xuân vương chính nguyệt, hê thử thực giao ngư giác. Cải bốc ngư. Hê thử hựu thực kỳ giác. Nãi miễn ngư" = Năm thứ bảy, mùa xuân, tháng giêng theo lịch nhà vua, con chuột nhất khoét ăn sừng con trâu lễ tế giao. Bói, thay con trâu khác. Chuột nhất lại khoét ăn sừng nó, mới bãi bỏ trâu không làm lễ tế giao nữa.

Quốc phong: phong tục của mỗi nước, là tên một thiên trong kinh Thi.

Thực miêu: Cấn phá lúa. Thơ Quốc phong trong kinh "Thi" gồm những bài ca dao nói về phong tục các nước chư hầu nhà Chu, trong đó có bài "Thạc thử" nói về nước Ngụy công kích người cầm đầu nước chỉ lo đục khoét dân như những con chuột, dân không chịu nổi phải bỏ làng đi nơi khác. Thơ cổ câu: "Thạc thử, thạc thử vô thực ngã miêu" = Con chuột to, con chuột to, đừng cấn phá lúa ta.

21. **Nền xã tắc:** nền thờ thần đất, tức thần Hậu thổ và nền thờ Thần Nông để cầu dân có đủ lúa ăn.

Thanh tân: đây ý nói thanh sạch, mới mẻ.

Màn sáo: là những thứ dùng che bàn thờ.

22. **Long Đồ:** tức Bao Chửng. "Tục thông chí": Bao Chửng, người đất Hợp Phì đời Tống, tự Hy Nhân, đỗ tiến sĩ

dời Trần Nhân Tông, làm tri phủ Khai Phong có tiếng là xét án giỏi, án khó mấy xét cũng ra. Tính ông cương nghị, không a dua. Các quý thích hoạn quan kính sợ ông mà không dám buông tuồng phóng dăng. Ông rất ít cười, có tập sách nhan đề là "Long-đô công án".

Thử thử: đầu chuột. Thành ngữ tiếng Hán có câu "thử thử phẩn sự" (đầu chuột hồng việc) là lời châm biếm người không có tính quyết đoán. Lời chú sách "Cổ sự thành ngữ khảo" nói: Con người ta xử sự công việc mà cứ như đầu chuột vốn có tính hay nghi không quyết, cứ thò ra thụt vào ở cửa hang thì tất phải hồng việc.

23. Nghĩa cả hai vế: Gối bằng đất nung (ngõa chú) của anh nhà giàu (nhiều phu) đã từng liệng vỡ (bể) mà khen cho loài chuột thật quý quái, không chừa phá phách; Gậy vọt nhanh như bay (phi long, tên giống ngựa chạy cực nhanh) của người khách mé nam đã từng đánh dọa kêu sần sật (sân), mà sao lũ chuột yêu tinh chẳng biết sợ là gì, cứ cắn phá.

Ngõa chú: hiểu theo chữ sách Trang tử, thì lại có nghĩa nói sự khéo léo của anh đánh bạc cuộc bằng ngói. "Nhiều phu" cũng có thể đọc là nghiêu phu tên hiệu của Thiệu Ung. Cũng như "phi long" ở vế dưới là tên một giống ngựa quý, hay tên một loại thuốc tiên... Dùng theo nghĩa như vậy, thì cả vế không ăn nhằm vào chữ nghĩa sách vở nào cả. Ở đây Nguyễn Đình Chiểu nhân có chữ sách mà nói cái nghĩa đen bình thường như đã giải.

24. Nhâm độn: một thuật bói toán.

Thần hâu: một trong mười hai tướng thuộc chi tý.

Diễn cãm: cách bói theo các con vật tượng trưng cho các sao mà đoán việc.

Bốn bảy vì sao: hai mươi tám vì sao (nhị thập bát tú).

Hư nhật: ngày thuộc sao Hư lấy chuột làm tướng tinh.

25. Nghiệt thử: chuột tai ác.

Thử câu: áo da lông chuột.

26. Hữu bì hữu chất: có da có vóc. Kinh "Thi" có thơ "Tướng thử" (xem hình dáng con chuột) chê con người vô lễ. Thơ có câu: "Tướng thử hữu bì nhân nhi vô nghi" = Trông con chuột có da (có vóc), con người mà không có lễ nghi. Đây ý nói tuy rằng con chuột có da có vóc nhưng thực là loài không có lễ nghi gì cả.

27. Kiêng vật: do chữ "kỵ khí" trong câu tục ngữ tiếng Hán: "đầu thử kỵ khí" là nói vì sợ vỡ đồ vật nên thứ tay không ném chuột.

29. Ô thước: chỉ chung chim quạ.

Hoàng Hà cạn ráo: Trang tử: Chim quanh quách làm tổ ở rừng sâu, chẳng qua chỉ cần một cành, chuột nhắt uống nước sông (Hoàng Hà) chẳng qua chỉ cần một bụng. Ý Trang tử nói con người ta chỉ yêu cầu những cái thật cần

thiết cho sự sống của mình, cần chi phải cho lắm để thêm nhọc mình.

30. Nước khảm vàng đoài: Khảm, đoài là tên hai quẻ trong kinh "Dịch". Khảm là tượng nước, vị ở phương bắc, đoài tượng chằm, vị ở phương tây, vàng (kim) sinh ở phương tây. Văn nôm dùng nước khảm vàng đoài là bởi lẽ đó. Lời sớ của Không Định Đạt trong kinh "Dịch" nói: Khảm là nước, là quẻ ở phương chính bắc. Đoài là quẻ tượng các chằm, là quẻ ở phương tây.

Hình bát xá: hình phạt không thể tha.

32. Bồ cật: loài chim dữ ăn thịt các loại chim và những con vật nhỏ.

Rắn rồng: thứ rắn bắt chuột hay ở trong nhà người ta.

33. Binh sương: đồ binh khí sắc, sáng loáng (như sương) Từ Hán có chữ "sương đao", "sương phong"..., xem câu 4 bài XXVI.

Ngựa gió xe trắng: ý nói ngựa xe tốt chạy cho nhanh.

34. Xuất đình: ra khỏi doanh trại.

35. Duốc Điền Đan: Điền Đan, người đất Lâm Truy nước Tề thời Chiến quốc, trước làm nghề coi chợ, không ai biết đến. Tướng nước Yên là Nhạc Nghị đem quân đánh phá nước Tề, hạ hơn bảy mươi thành nước Tề, chỉ trừ hai thành là thành Cử và thành Tức Mặc. Nhạc Nghị đem

quân vây Tức Mặc. Người trong thành lập Điền Đan làm tướng chống quân Yên. Điền Đan một mặt làm kế phản gián, phao tin vào nước Yên rằng Nhạc Nghị muốn làm vua đất Tề, không hạ thành Tức Mặc là để dụ dân Tề theo mình. Vua Yên nghe tin cho là phải, bèn rút Nhạc Nghị về, một mặt lại sai sứ giao ước với quân Yên xin đem thành Tức Mặc ra đầu hàng. Quân Yên bằng lòng, cả mừng không phòng bị gì hết. Trong khi đó, Điền Đan ráo riết chuẩn bị phá quân Yên. Điền Đan thu trong thành được hơn nghìn con trâu, lấy vải quuyền quần mình cho nó, vẽ vằn rồng ngũ sắc, buộc mũi nhọn ở đầu sừng, buộc lau vào đuôi đổ mỡ vào làm đuốc. Lại sai đục mấy mươi hang ở thành, ban đêm tung trâu ra, năm ngàn tráng sĩ tiếp theo sau. Đuôi trâu bốc lửa, ánh sáng chói lòa xông vào quân Yên. Quân Yên cả sợ nhìn vào thì thấy toàn là vằn rồng, trâu húc vào ai thì người ấy đều bị thương và chết. Năm ngàn tráng sĩ theo đó ngấm tằm xông vào đánh. Quân Yên hoảng sợ thua chạy. Bảy mươi thành mất nay trở về nước Tề như cũ. Điền Đan được vua Yên phong làm An Bình quân.

U Vi: nói nhỏ tối tăm.

Dèn Thái Bạch: dèn sáng như sao Thái Bạch, hay dèn cực sáng (thái bạch). Vẽ trên nhân có chữ: "đuốc Điền Đan", mà đây dùng Thái Bạch, hoàn toàn chỉ vì dụng ý tu từ, chứ không liên quan gì đến Lý Bạch cả.

Uất khúc: cong queo, che lấp không lối thoát.

36. **Bố liệt can qua:** dàn bày đồ binh khí ra. Xem câu 24 bài XLIV.

Hồ lỗ: giặc tôi mọi.

38. **Thượng kỳ phù dịch khái chi tâm:** trên hết là để thỏa lòng đánh địch. Xem câu 22 bài XVIII, câu 5 bài XXXI.

Thứ dĩ tạ chúng nhân chi khẩu: thứ đến là để tạ miệng của mọi người.

39. **Tam bành, Lục tặc:** chỉ "bọn quyền rũ, xui giục con người làm bậy".

Tam bành: Theo "Thái thượng Tam Thi trung kinh" của Đạo gia, thì tam bành là ba vị thần tên Bành Cự, Bành Chất, Bành Kiếu ở trong người ta, hay xui người ta làm bậy. Do đó, đại phạm những sự hung ác, gian dữ của con người là do thần Tam bành gây ra. **Lục tặc:** sáu kẻ giặc làm con người ta sa ngã là: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Kinh "Lăng nghiêm": Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm, sáu cái đó là chỗ đất cho lục tặc.

40. **Thăng bình:** xem ct 1 B.

Án đồ: yên vách, là nói chính sách yên dân, theo lẽ lối cũ làm cho dân được an cư lạc nghiệp. Theo "Hán thư", Bái công đóng quân ở Bái Thượng triệu tập hào kiệt các huyện đến, nói: "Ta cam kết với các vị phụ lão, pháp luật rút gọn vào ba điều: ai giết người thì phải chết, làm người bị thương và ăn trộm thì phải tội. Bỏ tất cả luật

pháp nhà Tần, quan dân sống yên ổn như cũ (lại dân án đồ như cổ)". Xem câu 2 bài XLIV.

XIV

2. **Day mũi thuyền:** xoay hướng mũi thuyền.

5. **Đường gai góc:** ý chỉ những nơi giặc Pháp tràn đến xảy ra chiến sự.

6. **Phận tóc da:** nói phận làm con, phải biết giữ gìn thân thể do khí huyết của cha mẹ bẩm sinh ra. "Hiếu kinh": "Thân thể phát phụ, thụ chi phụ mẫu, bất cảm hủy thương, hiếu chi thủy giả" = Thân thể tóc da bẩm thụ ở cha mẹ, không dám làm hủy hoại, tổn thương, đó là sự bắt đầu của đạo hiếu. "Cổ sự thành ngữ khảo" cũng nói: "Chí nhược phát phụ, bất khả hủy thương, Tăng tử thường dĩ thủ nhân vi đại" = Đến như cả tóc da không thể hủy thương, Tăng tử thường lấy việc giữ mình làm trọng.

XV

2. **Bàn cờ thế:** đây nói cục diện bấy giờ, cùng quần nhau với giặc như cuộc cờ vậy. Câu thơ nói quân Pháp xâm lược, tình thế phút chốc thay đổi, Bến Nghé, Đồng Nai sa vào tay giặc.

3. **Băng xăng:** lằng xăng. Xem ct 6 B.

4. **Dáo giác:** bộ dờn ngó có vẻ sợ sệt.

5. **Bến Nghé:** tên cũ thành Sài Gòn, chỉ vùng Sài Gòn Gia Định, và rộng hơn nữa là miền Nam Việt Nam.

XVI

1. **Lương nhân:** người lành, tiếng vợ gọi chồng.

Bạch câu: ngựa câu (khỏe, dương sức) trắng.

2. **Tràng đình:** chỉ trạm nghỉ chân dọc đường.

Xảo vắn: bộ đứng ngồi không yên, có ý lo nghĩ trông đợi một sự gì.

3. **Khẩn khẩn:** quyết một lòng, không quản.

6. **Cỏ cây dầu:** cỏ cây héo nát, ý nói cảnh đất nước bị giặc giày xéo.

8. **Trượng phu:** người đàn ông có chí khí lớn, tiếng vợ gọi chồng.

XVII

+ Khi ở Cần Giuộc: Nguyễn Đình Chiểu nghe tin em là Nguyễn Đình Tự (sinh năm 1839) sắp cưới vợ lẽ, ông viết thư này gửi cho em.

1. **Bào đệ:** em ruột.

Tâm thư: thư nói những điều chân tình tự đáy lòng.

2. **Việc tóc tơ:** việc lấy vợ lấy chồng. Từ Hán có chữ "kết phát phu thê" là nói theo nghĩa đó. Thơ Tô Vũ: "Kết

phát vi phu thê, ân ái lưỡng bất nghi" = (Từ buổi) kết tóc đã thành vợ chồng. Ân ái đôi bên không có điều gì nghi ngờ nhau. "Xe tơ", lấy ở điển Nguyệt lão xe tơ. Xem ct 243A.

4. **Trau mình:** sửa mình, tức là tu dưỡng đạo đức. Xem ct 6 A.

Tề gia: quản lý, sắp đặt việc nhà chu tất. Cổ nhân quan niệm rằng con người ta trước hết phải lo trau mình, quản lý việc nhà cho có nền nếp để rồi sau đó mới lo được việc trị nước, bình định thiên hạ. (Đại học).

Cầu tự: cầu con nối dõi.

5. Tục xưa, người thiếp phải do người vợ cả đứng ra xin cưới, lo liệu cho chồng.

8. **Một gáo mức đôi chinh:** ý nói việc người chồng lấy hai vợ. **Chinh** (chính): hũ dài và lớn bằng đất nung, nhỏ hơn cái vại, dùng đựng nước.

Đôi rìu cuôi một cội: do chữ "phạt tính chi phủ" = (như) cái rìu dẫn tính (bản chất) con người. Chỉ tác hại của nữ sắc. Việc ham sắc gái đẹp làm hư hỏng tính tình người ta như lưỡi rìu chặt vào cây, cây tất phải đổ. "Mai Thùra văn: "Hạo xỉ nga my, mệnh viết phạt tính chi phủ" = Răng trắng mây ngài, gọi cái rìu dẫn tính con người. Cuôi = cũng nói cái **cuì**, nghĩa là chặt, nện vào.

10. **Tề nhân:** người nước Tề. "Mạnh Tử": Người nước Tề, nhà có vợ cả và vợ lẽ. Người chồng cứ mỗi lần ra đi là rượu thịt no say rồi trở về nhà. Vợ cả hỏi chồng cùng ăn uống

với những ai, thì anh chồng nói là cùng ăn toàn với những bậc giàu có sang trọng cả. Vợ cả bảo vợ bé rằng: "Chồng ta ra đi rượu thịt no say trở về, hỏi cùng ăn uống với ai, thời bảo cùng ăn uống với toàn bậc sang giàu, mà không thấy một người nào giàu sang đến chơi nhà. Ta thử dò xem chồng ta đi những đâu". Sáng sớm hôm sau, vợ cả dậy, lên đi theo chồng. Đi cùng khắp các ngõ ngách trong thành mà chẳng thấy một người nào đứng lại chuyện trò với chồng mình cả. Cuối cùng anh chồng đi đến nghĩa địa ở phía đông ngoại thành, đến gần các người đang cất mộ tể lễ, xin ăn những cơm thừa canh cặn, ăn chưa no, lại ngong ngóng đến xin ăn nhóm khác. Đó là cách rượu thịt no say của chồng.

Vợ cả về nhà kể chuyện cho vợ bé nghe. Rồi cả hai người ngồi trông nhau mà khóc và xỉ mắng chồng. Người chồng vẫn chưa biết chuyện đó, ngật ngưỡng ở ngoài bước vào, vẫn ra bộ làm kiêu với hai vợ.

Ôi! lấy con mắt người quân tử mà xem, thì ngày nay những kẻ cầu công danh phú quý hồ dễ không mấy kẻ mà ở nhà vợ cả vợ lẽ không thẹn, không tủi, không than, không khóc với nhau như hai chị vợ người nước Tề này.

Bá Đạo: xem ct 534 B.

12. **Thiên ương:** tai và trời.

Nhơn dục: lòng ham muốn của con người.

13. **Khẩu phúc:** miệng bụng.

15. **Tai phi:** vạ bay, tai vạ oan bất ngờ mà đến.

16. **Bố y:** áo vải.

Mao ốc: nhà tranh.

17. **Thế gia vọng tộc:** nhà dòng dõi, danh vọng xưa nay.

Tiện sĩ bản nho: anh học trò nghèo hèn.

20. **Cá núp trong nò:** nò là dụng cụ đánh cá có dụng gỗ chắc đóng sâu dưới đáy rạch thành hai hàng hình chữ bát, nước chảy lừa cá vào đó. Cả câu ý nói không có gì chắc chắn, phải hết sức thận trọng.

Dùm dậu: xem ct 3155 B.

Én nằm trên gác: chỉ cảnh ngộ con người ta, lắm đường ở không đúng chỗ, phải hết sức giữ gìn thân mình.

21. **Ngươi ngoại:** khuây lãng.

25. **Nào hơn...:** không có cách nào hơn.

26. **Cư:** xem ct 7 bài VI.

27. **Tua:** nên, phải.

29. **Dây chốt:** dè dặt, cẩn thận.

30. **Anh Tấn em Tần:** Tấn Tần là tên hai nước thời Xuân thu đời đời bán gả con gái cho nhau. Đây nói tình anh em mà có ý chỉ sự xa cách.

Cha Hồ mẹ Hán: Hồ Hán là nói ý xa cách, không cùng quê cùng quán mà lấy nhau.

31. **An:** nói việc phân tích trị bệnh.

32. **Bầm trợn:** bộ giận dữ bầm miệng, trợn mắt và hăm dọa trẻ.

35. **Huấn hối:** dạy bảo.

Minh châm: lời răn dạy.

36. **Chữ dạ:** ghi lòng để dạ. Chữ nghĩa là ghi nhớ.

Quá thất: lầm lỗi.

XVIII

+ Bài TẾ CẦN GIUỘC SĨ DÂN TRẬN VONG VẦN được chép trong quyển "Gia lễ". "Dọn bốn lễ đầu cùng lễ phép học trò công tư thông dụng" của Huỳnh Tịnh Paulus Của, in tại Sài Gòn, 1886 với nhan đề "Văn tế vong hồn mộ nghĩa." Trên bài văn tế có mấy lời tiểu dẫn:

"Tự-đức thập tứ niên, thập nhứt ngoạt, thập ngũ nhứt chi dạ, Thống quản (Bùi Quang Mỗ) suất tương nghĩa binh tỵ Cần Giuộc công phá dương huyện, thiêu đặc dương di đạo đường, đạo quán, thích trúng dương quan tri huyện, tịnh Chà Và, Ma Ní đẳng. Nghĩa binh trận vong, cai thập ngũ danh. Kỳ tú tài Nguyễn Đình Chiểu phụ tế văn". Đại ý là: Đêm rằm tháng mười một, năm Tự Đức thứ mười bốn, Thống quản (Bùi Quang Mỗ) đốc suất dân nghĩa binh đến Cần Giuộc đánh phá huyện của Tây, đốt được nhà thờ nhà giòng của chúng, đâm trúng tri huyện Pháp cùng với số lính Chà Và, Ma Ni. Nghĩa binh chết trận mười lăm người. Tú tài Nguyễn Đình Chiểu làm bài văn phụ tế.

Ông Lê Thọ Xuân trong "Nan kỳ tuần báo," số ra ngày 26-6-1943 cũng có viết: "Năm này, ngày 13 tháng 11 annam (14-12-1861), cả ba xứ Cần Giuộc, Tân An, Gò Công bị Bonard đánh úp. Hai hôm sau, như đêm rằm, nghĩa binh ba xứ nhứt tề ứng khởi... Sau trận này, Đỗ Quang dạy Bùi Quang Diệu điều tề nghĩa quân tử trận, vì vậy mà có bài văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc của Đỗ Chiểu. Bài này chẳng những chỉ dạy chạy cùng miền Cần Giuộc mà còn bay khắp cả các tỉnh trong nước do bộ Lễ ở Huế truyền đi."

Bấy giờ, Miên Thẩm (Tùng Thiện vương) và em của ông là bà Mai Am, khi đọc bài văn tế, có thơ đề cảm như sau:

Thơ Miên Thẩm: "Độc Nguyễn Đình Chiểu điều nghĩa dân tử trận quốc ngữ văn"

Chiến trường hựu bả diều văn khai,

Lập đập biên thanh nhất nhất lai.

Quốc ngữ danh tề Mạnh Tả sử,

Qui hùng ca đảo Khuất Bình ai.

Yết can trăm một kham thiên cổ,

Oán hạc đề viên tịnh kỷ hồi.

Chí cánh thư sinh không bút trận,

Báo quân chi thử diệc bi tai.

Dịch nghĩa: "Đọc bài văn ngữ điệu nghĩa dân tử trận của ông Nguyễn Đình Chiểu"

Lại cảm bài văn điệu chiến trường mở ra đọc,

Như nghe tiếng dồn đập từ biên giới môn một đưa về.

Tiếng văn quốc ngữ của ông nổi ngang với
 Tả Khâu Minh mất mùa lâm sử,
 Lời ca quĩ hùng của ông bằng được Khuất Nguyên
 điều các người tử trận.
 Nghĩa quân cầm sào làm cờ dẫn gỗ làm giáo
 anh dũng sánh với ngàn xưa,
 Mà đã thành con vượn kêu con hạc oán bấy lâu nay.
 Đến như người thư sinh dùng bút đánh giặc,
 Báo ơn vua chỉ ngần ấy cũng khá thương lắm thay.

Thơ Mai Am: "Đọc điệu nghĩa dân tử trận văn"

Điệu văn tam phục trung dê hồi,
 Nghị phách từ phong tận khả ai.
 Xích tử cần vương năng địch khái,
 Thư sinh dụng võ tích phi tài,
 Yên mê chiến lũy tây nhung mẫn,
 Nguyệt lãnh sa trường bạch cốt đời,
 Quốc ngữ nhất thiên truyền bất hủ,
 Tuyệt thắng Quảng Hán yếm khô hài.

Dịch nghĩa: "Đọc bài văn điệu nghĩa dân tử trận"

Đọc bài văn điệu ba lần trong dạ bồi hồi khôn xiết,
 Nghĩa khí mạnh lời văn hùng thật đáng xót thương.

Người con đỏ lo cần vương tỏ lòng căm hờn giặc,
 Kẻ học trò muốn dụng võ tiếc mình không đủ tài,
 Mây mịt mờ nơi chiến lũy đầy giặc tây,
 Trăng lạnh soi chốn sa trường phơi đồng xương trắng.
 Một bài văn quốc ngữ truyền mãi không quên,
 Hơn việc thái thú Quảng Hán xây mồ chôn cất
 hài cốt khô.

2. **Thác coi như ngủ:** ý nói coi cái chết vì nghĩa lớn nhẹ như lông hồng, bình thần như nằm ngủ vậy.

4. **Trường nhung:** chiến trường, nơi đánh nhau với giặc.

6. **Tiếng phong hạc:** tức "phong thanh lạc hệ" là tiếng gió thổi, tiếng chim hạc kêu. Chỉ sự ngóng trông chờ đợi. "Tấn thư": Phù Kiên đem trăm vạn quân đàn trận ở Phí thủy. Tạ Huyền dẫn tám nghìn quân tinh nhuệ vượt sông đánh giặc. Quân Phù Kiên tan vỡ, rút giáp chạy tán loạn, nghe tiếng gió thổi, tiếng chim hạc kêu (phong thanh lạc hệ) cũng tưởng là quân đến cứu viện.

Mùi tinh chiên: mùi tanh hôi của loài dê chó, chỉ giặc Pháp. Xem câu 29 bài XLIV.

Vấy vá: làm như bọn bầy bạ.

7. **Bồng bong:** vải bạt hoặc đệm buồm may để che nắng. Đây chỉ nhà lều vải bạt của giặc Pháp.

8. **Xa thơ**: xe cộ và chữ viết. Chỉ sự thống nhất thiên hạ về một mối, một triều đại. "Trung dung": "Kim thiên hạ xa đồng quỹ, thư đồng văn, hành đồng luân" = Nay thiên hạ đi xe cùng một cỗ bánh, sách viết cùng một lối chữ, đi đường cùng theo một thứ tự. Lời chú nói: Quỹ là cỗ bánh xe, luân là thứ tự trước sau phải trái, văn là lối chữ viết; ba cái giống nhau đó là nói sự thống nhất thiên hạ. "Tứ thời khúc vịnh": Khắp xa gần ơn nhờ đức đội, đều thu về một mối xa thư.

Chém rắn: nói đập bằng những khó khăn để giành thiên hạ. "Sử ký": Cao tổ uống rượu say, đang đêm đi qua đầm. Cao tổ sai một người đi trước, người đi trước quay về bảo: Đàng trước có con rắn lớn chắn ngang đường. Xin quay lại. Cao tổ say nói: "Kẻ tráng sĩ đã đi thì sợ cái gì". Bèn tiến lên rút kiếm chém rắn. Rắn bị chặt làm đôi. Con đường mở rộng. Đi được vài dặm, nhân say nên ngủ.

Đuổi hươu: ý nói như chữ "chém rắn". Xem ct II B (Hươu Tần rắn Hán) sau ct 376 B. Ý về 1 câu này nói: đất nước được nhất thống, thịnh vượng, đâu phải khắc khổ như đời Tần Thủy hoàng mà chịu để cho Lưu Bang chém rắn đuổi hươu.

Treo dê bán chó: ý nói lừa đảo, giả dối. "Thành ngữ": Treo đầu dê bán thịt chó.

9. **Đoạn kinh bộ hổ**: chém cá kình, bắt hổ, nói ý ra sức tiêu diệt giặc.

12. **Cật**: lưng. "Ca dao": Xưa kia kén lấy con dòng, Bây giờ ăm cật no lòng thời thôi.

Bao tấu: bao đựng dao, mã tấu.

Bầu ngòi: bao đựng thuốc đạn, ngòi nổ.

Tầm vong: thứ tre đặc ruột.

Dao tu: dao lưỡi dài sắc bén buộc theo lưng để đốn cây, giết giặc.

Nón gỗ: nón lính đội vừa đủ che đầu.

13. **Hỏa mai**: mỗi nhóm lửa, đồ làm bằng vật nhạy bắt lửa.

Rơm con cúi: rơm đánh thành từng cuộn dài để mỗi lửa.

15. **Mã tà**: lính cảnh sát (phiên âm theo tiếng Mã-lai "mata").

Ma ní: lính thuộc địa của Phi Luật Tân (phiên âm tên thủ đô Phi Luật Tân Manila).

18. **Hiệu lực**: vì có tội phải tòng quân mà chuộc tội.

21. **Tả đạo**: xem ct 1446 B.

Vừa hương: lư hương.

Bàn độc: bàn lễ lớn có bốn chân xếp, cũng là bàn ăn.

22. **Dịch khái**: Nói chí căm thù chống giặc.

23. **Chùa Tôn Thạnh:** Tôn Thạnh tự, nhân dân thường gọi là chùa Ông Ngộ, chùa ở trên đường Mỹ Lộc từ Cầu Giuộc qua Rạch Kiến. Chùa do ông Nguyễn Ngọc Ngộ dựng từ năm 1806. Do đó có bản đề chùa Lão Ngộ...

Lang Sa: chữ phiên âm tiếng France; nước Pháp. Chỉ những đồn lính Pháp đóng ở bên kia chợ Cầu Giuộc tại tả ngạn Rạch Cầu Tràm. Xem câu 12 bài XXXI.

24. **Dật dờ:** linh đình, không yên chỗ. Xem câu 18, bài XLIV.

25. **Ngói tan:** do chữ ngỗ liệt hay ngỗ giải = ngói tự vỡ tan ra. Nói thế giặc chưa đánh đã tan, không sức gì cứu vãn nổi. "Thượng thư đại truyện": "Vũ vương phạt Trụ. Trụ chi xa ngỗ liệt" = Vũ vương đánh Trụ, xe trận vua Trụ tự tan rã. "Kiều": Thừa cơ trúc chẻ ngói tan, Binh uy từ đây sấm rạn trong ngoài.

26. **Con đỏ,** do chữ xích tử: trẻ con mới sinh sắc đỏ đỏ nên gọi là xích tử. Con đỏ được dùng để chỉ nhân dân với ý nhân dân cần được săn sóc bảo vệ như đứa trẻ sơ sinh.

27. **Đành rành:** Xem ct 114 B.

28. **Ấm:** ân trạch, chức tước mà coi cái của những người làm quan có công lao được hưởng.

29. **Thiên dân:** dân của trời, chỉ nhân dân.

Vương thổ: đất vua, chỉ tổ quốc, đất nước.

THƠ ĐIỀU TRƯỞNG ĐỊNH

12 bài

XIX

+ Trương Định tục gọi là Quản Định, người huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, năm 1858, ông tòng quân đánh giặc Pháp, có công được thăng chức Phó lãnh binh kiêm quản Cù Mực mộ nghĩa tại Gia Định, đóng đồn ở Gò Công.

Năm 1860, ông theo Nguyễn Tri Phương giữ Đại đồn Kỳ Hòa, năm 1861 Kỳ Hòa thất thủ, ông lui quân về miền Gò Công, chiêu mộ thêm nghĩa binh, phối hợp với nhiều nhóm kháng Pháp khác, mở rộng phong trào chống Pháp và đã chiến thắng nhiều trận oanh liệt tại Gò Công, Tân An, Cầu Giuộc.

Sau hòa ước Nhâm Tuất (1862), triều đình Huế đầu hàng hòa giải với giặc Pháp, không muốn có các cuộc khởi nghĩa chống Pháp nữa nên đã đổi ông ra Phú Yên. Ông không chịu, quyết tâm ở lại miền Nam tiếp tục lãnh đạo nghĩa binh chống Pháp. Chính Phan Thanh Giản cũng đã nhiều lần khuyên ông hạ vũ khí, nhưng ông thề quyết đánh giặc đến cùng. Dưới cờ hiệu "Bình tây đại soái", ông lãnh đạo cuộc khởi nghĩa, được sự hưởng ứng của nhân dân Lục tỉnh, đã gây cho giặc nhiều sự thiệt hại nặng nề.

Ngày 19-8-1864, ông cùng 30 chiến sĩ tâm phúc từ Bình Xuân về Gia Thuận để quan sát địa hình, bị tên phản tướng của ông là Huỳnh Tấn phục kích, ông liền tử chiến nên bị bắn gãy xương sống mà chết cùng với 12 chiến sĩ khác.

1. **Nổi như cồn:** Tiếng dậy đầu nghe cũng biết. Cồn là đồ đúc bằng đồng, hình giống đồng la mà chính giữa có núm lớn, tiếng kêu vang vọng rất xa. Theo các bộ từ điển Huỳnh Tịnh Của, G.Huê và Gêribren, cồn có nghĩa là loại trống nhỏ. Xem câu 3637 D.

Bạch quỷ: quỷ trắng, chỉ giặc Pháp.

4. **Hơi gươm:** chỉ tinh thần chiến đấu oai hùng của quân sĩ.

Thẻ hoàng môn: chỉ danh dự và quyền uy của nhà vua. Trương Định vẫn lấy danh nghĩa triều đình mà chống Pháp.

5. **Phấn nghĩa:** rán lấy hết sức làm việc nghĩa.

6. **Ấn binh tây:** tức lấy ấn binh tây đại nguyên soái của Trương Định. Xem ct 32 bài XXXI.

XX.

2. Sau khi Trương Định hi sinh, các cuộc khởi nghĩa chống Pháp vẫn tiếp tục. Con ông là Trương Huệ thu thập tàn binh lập căn cứ ở Tây Ninh chống giặc.

3. **Mực sớ:** tờ sớ viết mực đen dâng lên nhà vua nói rõ lý do ông phải tiếp tục ở lại lãnh đạo nghĩa binh chiến đấu. Hay cũng có thể nói là bản Tuyên ngôn ngày 28 tháng 11 năm Tự Đức thứ 15 (17-1-1865) của Trương Định gửi tuyên cáo với quan lại tỉnh Vĩnh Long: "Từ hai vị đại thần (Phan Thanh Giản, Lâm Duy Hiệp) theo lệnh nhà vua, đã ký kết hòa ước nhượng ba tỉnh cho giặc, nhân dân ba tỉnh này tha thiết muốn khôi phục địa vị cũ, bèn tôn chúng tôi lên làm lãnh tụ. Vậy chúng tôi không thể dừng làm điều mà chúng tôi đang làm, cho nên chúng tôi sẵn sàng chiến đấu và ở miền đông cũng như miền tây, chúng tôi sẽ đề kháng, chúng tôi sẽ xông pha và sẽ phá tan lực lượng địch." (Tổng tư lệnh nghĩa quân dũng cảm, Bình tây đại nguyên soái, Thống tướng Trương Định và Bình tây phó soái cùng chư tướng chỉ huy).

4. **Son bằng:** bằng chữ son để cấp chứng nhận người ứng nghĩa.

6. **Nghịch thần:** kẻ bề tôi phản nghịch. Trương Định từ chối không chịu hạ hạ khí giới theo yêu cầu của Phan Thanh Giản. Nguyễn Thông trong "Độn am văn tập" có chép: "Về phần quân Pháp, sau khi hai bên đã lập hòa ước, tuy họ đã biết rõ công việc của nghĩa quân nhưng họ vẫn án binh bất động. Họ chỉ thúc giục trấn thành Vĩnh Long phải gửi thư cho Định bắt buộc bãi binh. Thơ ba lần tới, ba lần trả lại. Nghĩa quân nhất định không theo." Trong mật thư của Phan Thanh Giản gửi tên tướng giặc là

Bôna (Bonard) có viết " Tên Trương Định đã đóng quân vì pháp trên đất Tân Hòa (Gò Công). Tại đây, y đã tự đặt vào thế chống lại chính phủ An Nam. Đọc bản tuyên ngôn đính theo đây, tôi đã nhận thấy sự kiêu hãnh và ngạo mạn cao độ của con người dám phủ nhận cả đương triều. Quân đội thuộc quyền các hạ mà còn chưa diệt trừ được tên ấy thì lòng kiêu hãnh của y cứ gia tăng...". Về sau, năm 1871, Tự Đức xét công trạng của Trương Định, cha con đều có lòng trung nghĩa, sai dựng đền thờ của nơi sở tại.

7. **Ốc ngỗ:** tướng là, ngỗ là.

XXI.

3. **Lý Nhơn, Đa Phước:** những địa điểm kháng Pháp của Trương Định. Ngày 26-2-1863, giặc Pháp huy động hết lực lượng các nơi đến bao vây Gò Công, dùng đại bác bắn phá thành trì và đốt hết nhà cửa, dinh thự. Trương Định phải cùng quân cảm tử đánh xáp lá cà với giặc để mở đường rút quân lập chiến khu mới ở Cái Bè, Tân An, Hốc Môn, Bà Điểm, cuối cùng ông kéo quân về làng Lý Nhơn, tỉnh Biên Hòa, và đã thắng quân Pháp ở tại đây một trận hết sức vẻ vang. Đa Phước, có lẽ là nơi Trương Định hy sinh, nằm trên đoạn đường từ Bình Xuân về Gia Thuận.

5. **Cơ lữ:** chỉ nơi đất khách, không phải nơi quê nhà.

6. **Mông nhung:** hình dung cái áo đã cũ rách tươm như xơ mướp.

7. **Nâng vạc ngã:** nói dựng lại cơ đồ đã suy sụp, xây dựng lại đất nước. Vạc là vật tượng trưng cho cơ đồ quốc gia bền vững. Theo Hán thư, Hạ Vũ có đúc chín cái vạc tượng trưng cho chín châu đặt ở kinh đô. Ở nước ta, Minh Mệnh cũng cho đúc chín cái đỉnh đặt ở sân Thế Miếu.

8. **Quân thân:** vua và cha mẹ.

XXII.

2. **Hệ:** dính dấp duyên cớ.

4. **Cô lũy:** thành lũy cô độc. Tướng giặc là Bôna đem toàn lực xuống Gò Công quyết tiêu diệt thế lực nghĩa quân. Bị vây khắp bốn mặt, Trương Định phải bỏ chiến khu Bình Xuân, hoạt động du kích quanh vùng Gò Công.

5-6. Nói sự ủng hộ nghĩa binh của các tầng lớp nhân dân. Trong bản tuyên ngôn của Trương Định cũng nói rõ điều đó: "Chúng tôi bèn kêu gọi cả cựu quan chức gia nhập hàng ngũ chúng tôi và hô hào ai nấy mộ binh trong khắp các địa phương, nhờ vậy đã tập hợp được dân chúng thành một đạo dân quân nhiều ngàn người và số tiền tự nguyện trợ nhiều tới bạc triệu. Khắp nơi ai nấy đều hoan hỉ được góp phần hoặc bằng của cải, hoặc bằng công nhân vào việc diệt giặc..."

XXIII.

1. **Mảng:** mãi. "Kiều": Mảng vui rượu sớm cờ trưa.

3. **U, Kế:** tên hai châu trong số 16 châu, Thạch Kinh Đường cắt nhượng nước Liêu. Đây ám chỉ ba tỉnh miền đông Phan Thanh Giản cắt nhượng cho giặc Pháp theo Hòa ước Nhâm Tuất (1862).

Năm hằng: Cũng gọi ngũ thường. Xem ct 1 sau ct 306 B.

4. **Ngô Tôn:** Tức Ngô Khởi và Tôn Vũ, hai tướng giỏi binh pháp thời xuân thu.

Ngô Khởi: xem ct 416 A.

Tôn Vũ: người nước Tề, đem sách binh pháp yết kiến vua Ngô là Hạp Lư. Hạp Lư nói: "Ta đã đọc được mười ba thiên của ông rồi, nay ông thử áp dụng binh pháp, điều khiển quân đội một cách tiểu quy mô có được không?" Tôn Vũ đáp: "Được". Hạp Lư nói: "Đem đàn bà ra có thí nghiệm được không?" Tôn Vũ đáp: "Được". Vua bèn bằng lòng cho gái đẹp trong cung ra, tất cả 180 người. Tôn Vũ chia ra làm hai đội, lấy hai người quý phi vua nuông chiều làm đội trưởng, sai tất cả đều cầm giáo. Tôn Vũ lệnh nói: "Khi ta nói đằng trước, thì các người nhìn vào quả tim, nói bên trái thì nhìn tay trái, nói bên phải thì nhìn tay phải, đằng sau thì nhìn đằng sau lưng". Sau khi đã đưa ra kỷ luật, Tôn Vũ bèn đặt phủ việt, ban lệnh ba lần, nhắc nhở năm lượt. Sau đó đánh trống ra lệnh nhìn về bên phải. Bọn con gái cười rộ. Tôn Vũ nói: "Kỷ luật không rõ ràng, nhắc nhở hiệu lệnh không kỹ càng, đó là tội của tướng". Lại ra lệnh và nhắc nhở ba lần năm lượt, rồi đánh trống ra

lệnh nhìn về bên trái. Bọn con gái lại cười rộ. Tôn Vũ nói: "Kỷ luật không rõ ràng, nhắc nhở hiệu lệnh không kỹ lưỡng là tội của tướng, nay đã hiểu rõ kỷ luật rồi mà không theo kỷ luật là tội của đội trưởng". Tôn Vũ muốn chém hai người đội trưởng. Vua Ngô ngồi trên đài xem, thấy ông ta sắp chém hai người ái cơ, hoảng hốt vội vàng sai sứ giả truyền lệnh nói: "Quả nhân đã biết cách dùng binh của tướng quân rồi. Không có hai ái cơ ấy thì quả nhân ăn không ngon, xin đừng chém". Tôn Vũ nói: "Thần đã vâng mệnh lệnh bệ hạ làm tướng, tướng đã ở trong quân thì có khi không theo lệnh vua". Bèn sai chém hai người đội trưởng để thị uy, đem người kế tiếp theo làm đội trưởng. Sau đó lại đánh trống chỉ huy. Bọn con gái nhìn bên phải, bên trái, trước sau, quỳ, đứng đều nghiêm chỉnh, đúng đắn, không ai dám ho he. Tôn Vũ sai sứ giả báo với vua: "Binh đã chỉnh tề, bệ hạ có thể xuống xem. Bệ hạ có thể dùng nó thế nào cũng được, dù có sai nó nhảy vào lửa, vào nước". Hạp Lư cho Tôn Vũ làm tướng. Phía tây quân Ngô phá Sở, đi vào đất Sính, phía bắc uy hiếp nước Tề, nước Tấn, nổi tiếng chư hầu. "Thiên nam ngữ lục": Kiềm hay thao lược cơ quyền, Bội trăm Bạch Khởi chấp ngàn Tôn Ngô.

5. Xem chú thích 3 bài XX.

6. **Bùa:** đây chỉ những hồ phù, hiệu lệnh của Trương Định.

8. **Ngay vậy:** Thẳng và cong, ý nói chính tà.

Phân bua: có người ngó thấy việc làm chứng cho mình, bày tỏ để người hiểu mình.

XXIV

4. **Day dòng:** xem ct III sau ct 406 B.

6. **Sài Gòn:** đây chỉ vùng Chợ Lớn ngày nay.

8. **Xa bỏ côi Gò Công:** xem ct 1 bài XXI.

XXV

1. **Chàng ràng:** xem ct 550 A và ct 1040 B.

3. **Đồn điền:** năm Tự Đức thứ tư (1850), Trương Định đứng ra mộ lập dân binh để canh khẩn ruộng đất, thực hiện chủ trương khẩn hoang lập đồn điền, nghĩa là quy dân phá đất mà làm ruộng, đề phòng khi có giặc lại dùng làm binh.

4. **Vàm:** cửa sông, miệng sông.

6. **Tiếng dẫu:** tiếng điều dẫu. Điều dẫu là đồ dùng của lính thời xưa bằng đồng dựng được một dẫu gạo, ngày dùng thổi cơm, đêm dùng để đánh báo hiệu trống canh trong khi đi tuần.

7. **Xứng vưng:** choáng váng, thất kinh sợ sệt.

XXVI

2. **Đá lắc đầu:** ý nói tình thế đã trở nên rất khó khăn, đá cũng phải lắc đầu chịu phép, vô kể khả thi nữa là người.

3. **Giặc cỏ:** chỉ giặc Pháp. Khi Đại đồn Kỳ Hòa thất thủ, Trương Định lui quân về Gò Công tiếp tục kháng chiến. Quân Pháp chiếm Gò Công bị ông phục kích làm cho giặc thiệt hại nặng nề, phải cầu viện với Sài Gòn mới chiếm được Gò Công ngày 14-12-1861. Ông rút lui về đánh du kích. Tháng 3-1862, lợi dụng lúc trời mưa to, ông cho đào đường hầm vào đánh úp quân Pháp và chiếm lại Gò Công.

4. **Binh sương:** binh khí sắc loáng. Song đây cũng có ý nói tình thế bấy giờ đã gay go, bị giặc bao vây, truy kích liên tiếp nên nghĩa quân phải hoạt động du kích đánh địch về đêm lúc sương xuống đến sáng là phải tản ra che giấu lực lượng.

5. **Giồng Cát:** Giồng Cát, Cửa Khâu là những nơi xảy ra chiến sự ác liệt. Ở miền duyên hải Bến Tre (Ba Tri, Thạch Phú), nơi các dải đất cát được bồi lấu tạo thành những giồng liên tiếp. Ví như ở cù lao Bảo (Bến Tre) đất giồng kéo từ Giồng Trôm đến biển, có Giồng Trôm (làng Bình Hòa), Giồng Tre (làng An Ngãi trung), Giồng Chuối (làng An Đức), Giồng Chàm, Giồng Quéo, Giồng Cây me (làng Bảo Thạch).

XXVII

2. **Sáu ải:** sáu cửa ải, chỉ sáu tỉnh Nam Bộ có tên xưa thường gọi là Nam kỳ Lục tỉnh. Hòa ước Nhâm Tuất (1862) đã nhường ba tỉnh miền đông (Biên Hòa, Gia Định, Định Tường) và đảo Côn Lôn cho giặc Pháp. Hòa ước ký ngày 5-6-1862 trên tàu Duporê đậu ở bến Sài Gòn, giữa Phan Thanh Giản, Lâm Duy Hiệp với Bôna, Palăngca. Xem câu 6 bài XLI.

3. **Kiến ong:** chỉ giặc Pháp cướp phá nhân dân. Xem câu 137A.

4. **Sâu mọt:** chỉ bọn cam tâm hợp tác với giặc, đục khoét nhân dân.

5. **Dương Nghiệp:** người đất Thái Nguyên đời Tống, là một tướng giỏi. Nhưng khi ông cầm quân đánh phía bắc, ông bị hơn mười vạn quân Khiết Đan vây hãm. Ông bị bắt, nhin đói ba ngày rồi chết. Xem câu 23 bài XXXI.

6. **Lý Lăng:** người đời Hán, tự Thiệu Khanh. Thời Hán Vũ đế đã được phong chức kỵ đô úy, cầm quân đánh Hung Nô, thế cô lực kiệt phải hàng giặc. Ý cả câu nói lòng mến tiếc đối với Trương Định và cảnh thoái trào của nghĩa quân.

8. **Dần:** đè ép xuống.

XXVIII

1. **Dẫn thúc:** đè nén, trói buộc.

3. **Da ngựa bọc thây:** do chữ mã cách lỏa thi: da ngựa bọc thây, nói chỉ làm trai xông pha, bỏ thân nơi chiến địa, lấy da ngựa bọc thây. "Hậu Hán thư": Nam nhi yêu đương tử ư biên giã, dĩ mã cách lỏa thi = Làm trai chết chốn biên thù, lấy da ngựa bọc thây mà chôn.

4. **Đạo Chích:** tên kẻ trộm có tiếng thời xưa. Đạo Chích là em Liễu Hạ Huệ, người nước Lỗ thời Xuân thu, tính hung tợn, tụ tập đồ đảng đến mấy ngàn người đi ăn trộm trâu bò, của cải, cướp đoạt đàn bà con gái, hoành hành trong thiên hạ ("Nhân danh đại từ điển". "Từ hải"). Tư Mã Thiên trong "Sử ký" cho rằng Đạo Chích là tên kẻ trộm nổi danh thời Hoàng đế, đến thời Xuân thu nhân em Liễu Hạ Huệ cũng là tên trộm khét tiếng nên người đời mới đặt tên cho hắn là Đạo Chích. "Tư Dung văn": Kìa ai thói tục chẳng răn, Tiểu tâm Đạo Chích ẩn thân Di Đà.

Tiếng muông: tiếng chó sủa, ý nói người gian đặt điều hãm hại người ngay. "Chiến quốc sách": "Chích chi cầu phê Nghiêu" = Chó Đạo Chích sủa vua Nghiêu. Từ Hán lấy nghĩa đó mà nói ý kẻ gian tìm cách hại người ngay.

5. **Lục lâm:** "Hậu Hán thư": Cuối thời Vương Mãng, miền nam mất mùa đói khát, dân chúng từng đoàn người vào các miền đồng lầy tìm bắt cua ốc để ăn rồi sinh ra tranh cướp lẫn nhau. Vương Khương, Vương Phụng thẳng thắn do dãn xếp ổn thỏa cho mọi người và nhân đó kêu gọi

dân chúng đứng lên khởi nghĩa. Nhân dân khắp nơi theo về với họ Vương có đến bảy tám nghìn người, lập căn cứ ở rừng Lục Lâm ở về phía đông bắc thuộc Kinh Châu, huyện Dương Dương.

6. **Thủy Hử:** Tống Giang đời Tống cùng 108 người nào hán vào núi tụ tập ở Lãng Bạc chống bọn tham quan ô lại, lập một giang sơn riêng. Sau bị thất bại và tan rã. Thi Nại Am có viết chuyện anh hùng Lãng Bạc, nhan đề "Thủy Hử". Hai câu nói ý những cuộc nổi dậy vì việc nghĩa, kết cục lại đều bị đàn áp tan rã đến nỗi "hoa sầu bạn" "nhạn rẽ bầy".

7. **Vó kỵ:** vó ngựa kỵ, ngày đi nghìn dặm.

8. Hai câu kết là lời than thương tiếc trong khi bị xúc động mạnh về cái chết của Trương Định, một lãnh tụ nghĩa quân, bạn thân của ông.

XXIX

2. **Gió hạc:** xem ct 6 bài XVII.

3. **Ngựa trạm:** ngựa dùng vận chuyển qua các trạm thời xưa.

Xăng xăng: bộ bận rộn vội vàng.

Bắc khuyết: cửa cung phía bắc, chỉ kinh thành Huế.

4. **Xe nhung:** xe binh. Sau khi Trương Định hy sinh, con ông là Trương Huệ thu số tàn quân, lập căn cứ ở Tây Ninh, kết nạp thêm binh sĩ tiếp tục công cuộc kháng chiến

chống Pháp. Nhưng bấy giờ thế đã cô, lực đã mỏng, kết cục Trương Huệ cũng bị thất bại.

5. **Phá lỗ:** phá giặc. Ý cả câu, nói chưa quét sạch được quân thù, cuộc kháng chiến chưa thành công.

6. **Tám bảng phong thần:** Chắc đây nói ý nghĩa quân khi Trương Định mất đã tự nguyện xây dựng đền thờ Trương Định như là một vị thánh hoàng để tỏ lòng thương mến, cảm phục. Về phía triều đình, mãi đến năm 1871, Tự Đức mới xét công trạng Trương Định, cha con đều có lòng trung nghĩa, sai dựng đền thờ ở nơi sở tại để lo việc phụng tử.

XXX

1. **Hai ngôi:** trời, đất

2. **Ném mật:** do chữ "thường đảm" = ném mật (không dám cầu vị ngon vật lạ). Nói sự tự giữ mình khắc khổ, gắng hết sức mưu việc lớn. Sử ký: sau khi nước Ngô tha tội cho về nước Việt, vua Việt là Câu Tiễn trở về nước khổ mình nhọc sức, đặt mật ở chỗ ngồi, khi ngồi hay khi nằm đều nhìn mật, khi uống hay khi ăn đều ném mật (thường đảm), và nói: "Nhữ vong Cối Kê chi sĩ đa?" : Mày quên cái nhục ở Cối Kê rồi sao?

3. **Thi Toàn:** người đất Tiền Đường đời Tống, năm Thiệu Hưng (1131-1162) giữ chức điện ty tiểu hiệu. Tháng

giêng năm ấy, Tần Cối vào triều, Thi Toàn cấp dao đâm Cối, không trúng, Toàn bị đem hành hình giữa chợ.

4. **Dự Nhượng:** người nước Tấn, trước thờ Phạm Trung Hàng nhưng không ai biết đến. Dự Nhượng bỏ đi theo Trí Bá, được Trí Bá rất yêu quý và tôn trọng. Đến khi Trí Bá bị Triệu Tương Tử giết, Dự Nhượng trốn vào núi quyết báo thù cho Trí Bá. Dự Nhượng đổi tên họ làm người bị khổ dịch, lên vào cung dọn nhà xí, trong mình giấu sẵn cái chủ thủ để đâm Tương Tử. Tương Tử vào nhà xí, thấy chột dạ, bắt hỏi người khổ dịch đang dọn nhà xí, thì ra đó là Dự Nhượng, khám trong người có binh khí. Dự Nhượng nói: "Ta muốn báo thù cho Trí Bá". Tả hữu muốn giết, Tương Tử nói: "Hắn là người có nghĩa, ta chỉ cần cẩn thận tránh hắn là đủ. Vả chăng Trí Bá chết chẳng có con cái gì, hắn báo thù cho chủ, vậy hắn là người hiền trong thiên hạ". Cuối cùng tha cho đi.

Ít lâu sau Dự Nhượng lại sơn mình làm người hủi, nuốt than làm người câm, khiến không ai nhận ra hình dạng, kể cả vợ con và bạn bè. Một hôm Dự Nhượng dò biết Tương Tử sắp ra đi chơi, bèn nấp ở dưới cầu chỗ Tương Tử phải đi qua. Tương Tử đến cầu, con ngựa thốt nhiên sợ hãi lồng lên. Tương Tử nói: "Đây chắc là Dự Nhượng rồi". Rồi sai người tìm dưới gầm cầu, quả bắt được Dự Nhượng. Tương Tử bèn trách Dự Nhượng: "Nhà ngươi chẳng phải đã từng thờ họ Phạm Trung Hàng đó sao? Trí Bá diệt họ, thế mà nhà ngươi chẳng báo thù cho họ lại còn gửi mình làm tôi

Trí Bá. Nay Trí Bá chết rồi, tại sao nhà ngươi lại một mình vì hấn báo thù sâu sắc như vậy? Dự Nhượng đáp: "Trước tôi có thờ họ Phạm Trung Hàng thực, nhưng Phạm Trung Hàng đãi tôi như bọn tầm thường, nên lấy cách tầm thường mà ở lại. Sau tôi thờ Trí Bá, Trí Bá đãi tôi vào bậc quốc sĩ, nên tôi lại lấy cách quốc sĩ mà ở lại". Triệu Tương Tử thở dài, ngậm ngùi khóc mà rằng: "Dự Nhượng, nhà ngươi vì Trí Bá báo thù, nay danh cũng đã thành rồi, quả nhân tha cho nhà ngươi như thế cũng đã đủ, nhà ngươi hãy tự liệu lấy, quả nhân không tha cho nhà ngươi nữa". Dự Nhượng nói: "Việc ngày hôm nay cố nhiên tôi xin chịu chết. Nhưng nhà vua cho tôi xin cái áo của ngài để tôi được thỏa ý định báo thù, tuy chết cũng không ản hận". Tương Tử khen là người có nghĩa và sai người cầm áo đưa cho Dự Nhượng. Dự Nhượng tuốt kiếm, nhảy lên đâm ba lần và nói: "Ta có thể chết để báo ơn Trí Bá được rồi!" Nói đoạn, phục gươm tự sát.

5. **Kim:** tên một triều đại chiếm cứ miền Đông bắc Trung Hoa, gồm một số tỉnh, tồn tại từ năm 1115 đến năm 1234 đã từng tiêu diệt nước Liêu, đánh nước Tống, sau bị Mông Cổ tiêu diệt.

Lưu Dự: người đời Tống, đỗ tiến sĩ, làm chức thị ngự sử, nhưng từ thuở nhỏ vốn là người vô hạnh, khi Kim đánh Tống, Lưu Dự hàng Kim, được Kim phong quan chức rồi lập làm hoàng đế bù nhìn, đặt quốc hiệu là Đại Tề, sau bị Kim phế.

6. **Nhạc Lô:** con Nhạc Phi, cùng cha phò Tống đánh Kim. Sau khi chết, được phong Vũ-lược hầu.

XXXI

2. **Ngon khói dương di:** ống khói tàu chiến của giặc Pháp.

Cối biên còn trống đánh sơn lâm: cối biên thù còn có tiếng trống của nghĩa quân nương nấu chốn núi rừng (sơn lâm). Xem câu 21 bài XLIV.

Vũ khúc: sao chủ việc võ, việc dụng binh.

3. **Bình cư:** ở yên, tức là lúc thái bình vô sự.

Chí đại: chí lớn, chí để ở những việc lớn.

4. **Viên lũy:** chỉ nơi đóng quân. Viên, tức cửa viên; lũy, đơn vị quân đội thời xưa, năm trăm quân là một lũy.

Đồn điền: xem ct 3 bài XXV.

5. **Quan tổng đốc:** chỉ Nguyễn Tri Phương. Năm 1860, Trương Định dưới quyền Nguyễn Tri Phương, bấy giờ là thống đốc quân vụ đại thần, đóng đồn ở Kỳ Hòa, ông đã anh dũng chiến đấu được triều đình Huế thăng chức lãnh binh.

Trường Thi, Mô Súng: những đồn lũy kháng Pháp của ta xung quanh Sài Gòn trong hệ thống phòng ngự chung mà đồn Kỳ Hòa là trung tâm.

Tranh tiên: tranh nhau xông lên trước, không chịu tụt lại sau, nói chỉ hăm hờ diệt thù cứu nước.

Tân Hòa: một căn cứ lớn của Trương Định gồm cả Gò Công.

Dịch khái: xem ct 22 bài XVIII.

6. **Cánh buồm lai sứ:** Hòa ước Nhâm Tuất (1862) đã nhường ba tỉnh miền đông cho giặc. Tuy đất đã mất, nhưng Tự Đức vẫn muốn tìm cách chuộc lại. Tự Đức không thể điều đình việc chuộc ba tỉnh miền đông đã mất ở Sài Gòn, nên triều đình Huế gửi phái bộ sang Pháp để thương thuyết. Phái bộ do Phan Thanh Giản cầm đầu, gồm 72 người rời Sài Gòn ngày 4-7-1863 và đã trở về Sài Gòn ngày 18-2-1864, và ngày 21-3-1864 Phan Thanh Giản yết kiến Tự Đức, có lời tâu lại: "Bá ban xảo kế tề thiên địa, Duy hữu tử sinh tạo hóa quyền" = Trăm nghề khéo léo tày trời đất, Duy có việc sống chết là còn quyền ở tạo hóa.

Tám giấy tỵ phong: triều đình Huế phong Trương Định làm lãnh binh.

Thiên tử: đổi di nơi khác, nói việc triều đình Huế đổi Trương Định ra Phú Yên. Xem tiểu sử Trương Định ở đầu bài X.

7. **Chẳng nghe thiên tử chiếu:** không chịu theo chiếu chỉ của vua. Xem lời chú ở đầu bài XIX.

Mã tiên: trước đầu ngựa. Lòng nghĩa binh quyền luyện sẵn đón trước đầu ngựa. Ông không nỡ phụ lòng trung nghĩa của quân sĩ.

Tướng quân phù: ấn tín bình tây đại nguyên soái.

Khổn ngoại: ngoài ngạch cửa (thành). Chỉ trách nhiệm và công việc của người làm tướng. "Hán thư": Niết dĩ nội quả nhân chế chi, niết dĩ ngoại tướng quân chế chi = Trong ngạch cửa (thành) quả nhân coi giữ, ngoài ngạch (cửa thành) tướng quân coi giữ.

9. **Nhung công:** việc đánh giặc, việc binh.

11. **Lộ bố:** thư báo cáo chiến thắng lên triều đình.

Can Tương: tên thanh gươm quý. Can Tương vốn là người nước Ngô thời Xuân thu, có vợ là nàng Mạc Gia. Vua Ngô sai Can Tương đúc kiếm, Mạc Gia cắt tóc, cắt móng tay của mình bỏ vào lò, sắt thép mới chảy ra, lấy đúc được hai thanh gươm, một thanh tên là Can Tương, một thanh đặt tên là Mạc Gia ("Chính tự thông", "Ngô Việt Xuân thu").

12. **Lang Sa:** xem ct 23 bài XVIII.

13. **Mã tà, ma ní:** xem ct 15 bài XVIII.

14. **Đề trứng ngàn cân:** nghìn cân đề quả trứng, nói tình thế cực nguy hiểm.

Treo mảnh một dải: treo một sợi văng tơ chỉ, nói cái lực quá mỏng manh, một hơi gió thoảng qua cũng dễ bay đi mất.

15. **Nào nại:** nào có kể gì.

17. **Hộ tào:** người giữ sổ sách ghi số dân, số lính.

Háo nghĩa: yêu điều nghĩa.

Lạc quyền: tự ý bỏ tiền của ra cho.

Võ khố: kho vũ khí.

Bình cân: đồng đều cân lạng.

Quyển: lẽ xử sự trong khi biến. Đây nói về việc chờ khi giới cần tiến hành lên lút như gian thương chờ trộm theo sự quyền biến.

Gian thương đạo tặc: buôn gian chờ trộm.

18. **Núi đất:** chỉ những giồng cát, giồng đất là căn cứ của nghĩa binh.

Xe nhung: xe binh ra trận. Xem ct 4 bài XXI

19. **Phá lỗ:** xem ct 5 bài XXIX

Lâm chung: tới lúc hết, tức là chết.

Tấm bảng phong thân: xem ct 6 bài XXIX

21. **Bên Hồ bên Hán, nửa Tống nửa Liêu:** Hồ với Hán, Tống với Liêu là những nước thời xưa ở phương bắc thường đánh phá xâm lấn lẫn nhau. Đây ý nói đất nước còn bị chia cắt.

Xa thư: xem ct 8 bài XVIII.

Phong cương: chỉ đất nước.

22. **Táng sư:** mất hết quân vì thua trận.

Đầu giặc: đầu hàng giặc.

Kiểu chiếu: giả chiếu chỉ của vua.

Biên tái: cửa ải nơi biên giới.

23. **Nhạc Phi:** "Tục Thông chí": Nhạc Phi người đất Thang Âm đời Tống, tự Bằng Cử, thờ mẹ có hiếu, nhà nghèo nhưng rất chăm học, thích đọc "Tả thị Xuân thu", "Tôn Ngô binh pháp". Vào năm Tuyên Hòa (1119-1125), ông ứng mộ nhập ngũ, nhiều lần cầm quân đánh tan bọn Lý Thành, dẹp yên bọn Lưu Dự. Khi có giặc Kim xâm lấn, Nhạc Phi đã từng cầm quân đánh bại Ngột Truật, đánh bại quân Kim ở Chu Tiên trấn. Giữa lúc đó, tên gian thần Tần Cối chủ hòa, muốn dâng đất Hoài Bắc cho giặc, lợi dụng lệnh vua một ngày mười hai lần triệu Nhạc Phi về kinh, rồi đặt điều vu cáo hãm hại ông, bắt ông bỏ ngục. Bấy giờ Nhạc Phi mới 39 tuổi.

Hoành la: mắc lưới, lâm cảnh gian khổ.

U địa: đất châu U đã cắt nhường cho Liêu.

Dương Nghiệp: xem ct 5 bài XXVII.

24. **Dựa chia khăn xé,** do chữ "qua phân bức liệt": nói cảnh đất nước bị chia cắt.

25. **Người khóc tượng:** "Tục thông chí": Lý Quân người đất Thái Nguyên đời Hậu Chu, giỏi cưỡi ngựa bắn cung. Năm Thanh Thái đời Hậu Đường (934), ông làm khống hạc chỉ huy sứ, rồi kiêm hiệu thái úy. Khi Tống đoạt ngôi vua nhà Hậu Chu, Tống Thái tổ sai sứ đến gia phong ông làm trung thư lệnh, đồng thời dụ ông để ông nói nhà Chu xuống

chiếu nhường ngôi cho Tống. Lý Quân cự tuyệt. Bọn tả hữu ép ông. Ông mới xuống lễ sứ thần nhưng sắc mặt không cung kính. Kịp khi vào cửa công, bày tiệc rượu, ông liền giả say lấy bức tranh vẽ tượng Chu Thái tổ treo lên tường mà khóc rầm lên mãi không thôi để tỏ lòng trung với vua cũ, không nhận tước phong của Tống. Về sau ông dấy binh chống lại Tống, bị thất bại ông nhảy vào lửa tuẫn tiết.

Day dòng: xem ct III sau ct 406 B.

27. **An Hà:** An Giang và Hà Tiên. Khi đồn Kỳ Hòa thất thủ, Nguyễn Tri Phương bị thương lui về Biên Hòa, Trương Định vẫn anh dũng tiếp tục cuộc chiến đấu, và được phong chức lãnh binh.

Lây lắt: cầm chừng, gặp sao hay vậy.

28. **Bấn loạn:** bối rối quá, trăm công nghìn việc cùng đến trong một lúc.

Khúc nôi: nỗi niềm, sự tình riêng.

Qua phân: dựa chia. Xem ct 24.

29. **Đạo tặc:** trộm cướp.

Bái xái: tan rã tán loạn.

30. **Thích lý:** đây chỉ nơi quê nhà.

Màn hùm, do chữ "hổ trương": màn kết da hổ. Chỉ nơi làm việc của các tướng soái. "Nam Đường thư": Từ Tri Ngạc khi trấn đất Nhuận Châu thường lên núi Mạt Sơn, san đất thành bãi, kết da hổ làm màn che, rồi cùng các

liều thuốc ăn uống ở dưới gọi là hổ trưởng. Thơ Vương Kiên: Tam quân giang khẩu ứng song tinh, Hổ trưởng trường khai tự giáo binh = Ba quân nơi cửa sông cầm hai ngọn cờ tinh, màn hùm mở rộng tự dạy binh lính.

Da ngựa bọc thây: xem ct 3 bài XXVIII.

31. **Lòng trung ái:** lòng trung quân ái quốc.

32. **Bình tây:** dẹp yên giặc Pháp. Xem câu 6 bài XIX

Phúc thái: tốt lành yên vui.

THƠ ĐIỀU PHAN THANH GIẢN

2 bài

XXXII

1. **Hệ:** xem ct 2 bài XXII. Đây là câu hỏi, có ý quy trách nhiệm cho Phan Thanh Giản trước lịch sử.

2. **Ngao Châu:** tức Bãi Ngao, bãi biển ở cửa Hàm Luông (Bến Tre) bao trùm ghềnh Bà Hiên và ghềnh Mù U, quê hương Phan Thanh Giản. Thân sinh ông là Phan Thanh Ngạn dựng nhà ở ghềnh Mù U thuộc Bãi Ngao này và sinh Phan Thanh Giản tại đây vào năm 1796.

3. **Ba triều công cán:** làm việc công, việc nước trải qua ba triều vua. Phan Thanh Giản đỗ tiến sĩ năm Bính Tuất

(1826), làm quan ở Huế từ năm ấy với chức hàn lâm viện biên tu triều Minh Mạng, rồi qua các triều vua Thiệu Trị, Tự Đức ông lãnh chức hiệp tá đại học sĩ Hộ bộ thượng thư sung kinh lược sứ ba tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Ông uống thuốc độc mất ngày 4-8-1867.

Công cán: làm việc công, việc nước.

Vài hàng số: đây là lời đánh giá chưa chất công cán của Phan Thanh Giản suốt cả ba triều. Phan Thanh Giản không xông pha trận mạc, không điều binh khiển tướng, không ủng hộ các cuộc khởi nghĩa chống giặc mà chỉ múa bút có vài hàng số, để rồi rút cục dâng toàn bộ đất đai Nam kỳ Lục tỉnh, cho giặc Pháp, chạy dài trên con đường thương lượng và đầu hàng giặc. Sau khi nộp bà tỉnh miền đông ngày 5-6-1862, nhân dân khắp nơi trong cả nước đã tỏ ra rất công phẫn. Nhất là ở Nam Kỳ Lục tỉnh, nhân dân đã có câu ca dao:

Thà thua xuống Láng xuống Bưng,

Kéo ra đầu giặc lỗi chung quân thần.

Ngày 14-6-1862, Phan Thanh Giản, Lâm Duy Hiệp bị triệu về Huế và đã bị khiển trách nghiêm khắc: "Hai người không những chỉ là tội nhân của triều đình mà còn là tội nhân muôn đời của hậu thế.

4. **Sáu tỉnh:** tức Nam Kỳ Lục tỉnh, chỉ toàn cõi Nam Bộ ngày nay. Từ 1832, Nam Kỳ có sáu tỉnh là Gia Định, Biên Hòa, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang, Hà Tiên. Minh

Mạng chia Nam Kỳ ra làm sáu tỉnh mà các cụ xưa thường gọi tắt là Gia Biên Vĩnh Định Giang Hà, là có lấy theo câu cổ ngữ "Khoái mã gia tiên vĩnh định giang hà" (Phóng ngựa gia roi vững yên non nước).

Cương thường: xem ct I sau ct 306 B.

Một gánh trâu: ý nói một mình Phan Thanh Giản phải gánh lấy trách nhiệm.

5. **Trạm bắc:** chỉ các trạm đưa văn thư từ kinh đô Huế vào Nam.

Tin điệp: chỉ tin tức nói chung. Sau khi đã đơn phương nộp thành cho giặc Pháp, Phan Thanh Giản lại viết thư gửi các tổng đốc An Giang, Hà Tiên kêu gọi họ phải trao thành cho giặc, thư có câu: "Bản chức viết công thư cho các quan văn cũng như cho các tướng võ hãy bẻ gãy giáo và gươm, giao thành trì, khởi chống lại". Thế là ba tỉnh miền tây mất luôn vào tay giặc Pháp. Phan Thanh Giản nghĩ mình vô công mới gửi lên vua Tự Đức một lá sớ có ý thăm dò thái độ của triều đình. Phan Thanh Giản đợi mãi tin trả lời của triều đình mà không thấy. Phan Thanh Giản mới uống thuốc độc tự tử sau khi đã tuyệt thực hơn 15 hôm đợi tin tức.

7. Trước khi chết, Phan Thanh Giản dặn đem linh cữu mình về chôn tại làng Bảo Thạch, mình tỉnh thì đề như ông đã viết trên mảnh hòa tiên màu hương lợt, gồm 24 chữ: "Minh tinh tỉnh tỉnh. Nhược vô, ưng thơ: "Đại Nam hải nhai lão thơ sanh tính Phan chi cữu. Diệc dĩ thử chí

mộ" = Tăm triệu xin giảm. Nếu không, phải đề: Quan tài (của kẻ) thơ sanh già họ Phan (nơi) góc biển (nước) Đại Nam. Cũng lấy câu này ghi ở mộ. Thế là mình tỉnh 11 chữ chứ không phải 9 chữ. Sau khi mất, quan tài ông được tàu Pháp đưa về quê là làng Bảo Thạch, quận Ba Tri để an táng. Mộ xây bên lề đường nằm trên một con giống trông thuốc và bông vải. Tăm bia trước mộ chỉ khắc sơ sài mấy chữ: "Lương Khê Phan lão nông chi mộ". (Mộ của người làm ruộng già họ Phan hiệu Lương Khê).

7. **Gió tây:** Gió tây, vì mùa thu, theo hệ thống quy loại của ngũ hành, ứng với hành Kim ở phương tây. Gió tây, đây ngụ ý chỉ giặc Pháp. Ý cả câu nói sáu tỉnh Nam Kỳ, Phan Thanh Giản đã trao không cho giặc, mặc cho giặc giày xéo cướp bóc. Và, đó là thực chất lòng son của Phan Thanh Giản. Chính Phan Thanh Giản cũng đã tự nhận mình là "một kẻ phản thần, đáng tội chết".

XXXIII

1. **Trong sạch thân:** theo nghĩa chữ Hán, thì chỉ được mỗi một mình ông được sạch sẽ. Đây là một lời khen, nhưng đồng thời cũng là một lời trách móc. Trong hoàn cảnh đất nước bị xâm lăng, bọn quan quyền chạy theo xu phụ mất hết cả liêm sỉ, ông không có một tác dụng nào hết, vì chính Phan cũng không còn "khiết thân" nữa khi ông đã cộng tác với giặc, nộp thành, kêu gọi nghĩa quân đầu hàng...

2. Câu thừa này cũng vậy. Đây là một lời nói mỉa mai. "Người đỡ một phương dân" bây giờ là Trương Định, một tướng bình Tây, cầm đầu nghĩa binh chống lại bọn cướp nước hãm hại nhân dân mà Nguyễn Đình Chiểu đã hết lời ca ngợi trong 12 bài thơ điệu trên đây.

3. **Long Hồ:** nguyên là tên một dinh do Nguyễn Cư Trinh quản suất, nay là một làng trong xã Bình An sát thị xã Vĩnh Long. Thân mẫu Phan Thanh Giản mất năm ông lên bảy. Thân sinh ông cưới một bà vợ kế họ Nguyễn ở Long Hồ. Bà kế mẫu này cho ông ăn học. Năm 1825, Phan Thanh Giản thi hương ở Gia Định đỗ cử nhân. Cùng năm ấy, ông cưới bà kế cũng người Long Hồ.

Thơ sanh lão: anh học trò về già.

4. **Phụng các:** nơi làm việc của các đại thần.

Học sĩ thần: người bề tôi giữ chức hiệp tá đại học sĩ, lĩnh thượng thư bộ Hộ, sung chức kinh lược sứ ba tỉnh miền Tây. Sau khi dâng ba tỉnh miền tây cho giặc, Phan Thanh Giản bị triều đình Huế cách chức, bị án trăm hậu, truy đoạt chức hàm và lại bị đục tên ở bia tiến sĩ (Chỉ dụ ngày 11 tháng 11 năm Tự Đức 20).

5. **Phú Bật:** người đất Hà Nam đời Tống, rất chăm học, có độ lượng. Khi quân Khiết Đan xâm lăng Tống, đóng đồn ngay trên đất Tống, Phú Bật được cử đi sứ đòi lại đất, cực lực phản kháng bọn xâm lược, đồng thời ông trình bày cái lẽ lợi hại chiến hay hòa. Quân Khiết Đan nghe ra phải rút quân về nước. Đi sứ về ông được phong chức khâm mật phó

sứ, đến đời vua Tống Anh Tông, lên chức khâm mật sứ tước trình quốc công. Về hưu, ông cùng Văn Ngạn Bác, Tư Mã Quang... gồm 13 người theo chuyện cứu lão đồ của Bạch Cư Dị mà lập nên Lạc Dương kỳ anh hội cùng uống rượu họa thơ làm vui.

6. **Trương Tuấn:** người đất Nam Dương đời Đường, thông hiểu kinh sách, giỏi binh pháp, đỗ tiến sĩ, làm quan lệnh đất Thanh Hà, rồi đất Chân Nguyên. Giữa năm Thiên Bảo, An Lộc Sơn làm loạn. Tướng An Lộc Sơn là Doãn Tử Cơ tập hợp đồ đảng hơn mười vạn người bao vây đánh Trương Tuấn ở Tuy Dương. Trương Tuấn cùng quân lính cố thủ, một ngày đánh ngót hai mươi trận và nhiều lần đánh bại quân Doãn Tử Cơ. Được vài tháng, lương thực cạn, không có quân cứu viện, Tuấn phải giết người thiếp yêu cho quân lính ăn. Đến khi Doãn Tử Cơ đốc quân đánh thành, thì quân của ông ốm kiệt sức không chiến đấu được. Thành bị vây hãm và ông bị bắt. Ông mắng vào mặt Tử Cơ rằng: "Ta muốn nuốt tươi bọn nghịch tặc chúng mày, chỉ hiềm sức đã kiệt". Tử Cơ nổi giận lấy dao khoét lấy gân hết răng, mồm của ông. Tuấn vẫn chửi vào mặt chúng cho đến khi bị giết chết.

Rõ ràng Nguyễn Đình Chiểu đã dùng hai tích này để chê chữ "tiết" chữ "trung" của Phan Thanh Giản. Họ Phan đã hoàn toàn làm ngược lại Phú Bật và Trương Tuấn.

7. Hai câu kết không thừa nhận cái chết của Phan Thanh Giản là cái chết vì đại nghĩa (tự nghĩa) như chính Phan đã tự đánh giá mình là "một kẻ phản thần, đáng tội chết" vì đã trao không ba tỉnh cho giặc.

THƠ ĐIỀU PHAN TÒNG

10 bài.

XXXIV.

+ Phan Tòng, chính là tên Phan Ngọc Tòng, hương giáo ở làng An Bình đông (Ba Tri) nổi dậy chống Pháp, vừa chịu tang mẹ ba tháng, đầu đội bích cân đánh giặc, bị hi sinh tại Gò Trụi năm 1867.

XXXV.

3. Sau khi hòa ước Nhâm Tuất (1862), việc thu hồi ba tỉnh miền đông bằng vũ lực không có kết quả. Bắc Kỳ lại có biến, triều đình Huế lún sâu vào con đường hòa giải mà đại biểu nổi bật nhất là Phan Thanh Giản. Ông đã kêu gọi các cuộc khởi nghĩa hạ vũ khí. Không, sẽ bị buộc cho bày tỏ phản nghịch.

7. **Một sông ra đặt trụi:** ý nói dốc toàn bộ lực lượng vào một cuộc chiến đấu mà quân sĩ hầu hết đã hi sinh, như việc đặt tiền trong một sông bạc đã bị thua sạch. Trụi nghĩa là hết sạch, chung một bận.

Phan Tòng dốc lực lượng trong một cuộc chiến đấu ở ở Giồng Gạch, làng An Hiệp, nghĩa quân chết gần hết, nên

gò này nhân dân đặt tên cho là Gò Trụi. Trụi nghĩa là hết sạch.

8. **Cái xên:** nhà cái sông bạc bãi cuộc chơi.

Con rã: con bạc (người đánh bạc) tan rã.

XXXVI.

1. **Tạo vật:** gây tạo ra muôn vật. Xem câu 28 bài XLIV.

3. **Bảo an:** chỉ nghĩa quân là những người hộ vệ sự an toàn, giữ sự yên ổn cho nhân dân.

4. **Công tử:** chỉ Phan Tòng.

Guộn mây: cuộn mây, đây nghĩa là cuốn theo mây...

5. **Én vào nhà khác:** chim én thường chọn làm tổ ở những nhà cao đẹp, nhà hư đổ, én sẽ bay đi tìm chỗ khác. Đây ý nói thời cuộc đổi thay, con người không chuyển kịp theo thời thế.

6. **Hươu thác tay ai:** do chữ "lộc tử thuy thủ": tức nói thiên hạ hay ngôi vua chưa biết về tay ai, chưa biết ai được ai thua. Xem ct II (Hươu tần Hán rắn) sau ct 376 B.

Vội: dấu hiệu, diêm bày ra cho người ta ngó thấy.

XXXVII.

3. **Thỉ thạch:** bắn tên, ném đá là cách chống giặc, giữ thành thời xưa.

4. **Trâm anh**: xem ct 1544 A.

5. **Giồng**: xem ct 5 bài XXVI.

Cờ tam sắc: cờ ba sắc xanh, trắng, đỏ- quốc kỳ nước Pháp. Xem câu 5 bài XLIV.

6. **Gãnh**: cũng nói gành: mảnh đất mồm đá nhô ra phía biển, mé sông mà bên dưới là chỗ sâu có nước xoáy mạnh, như gành Mù-U.

Ván thất tình: tám ván đục bảy lỗ, tượng trưng cho bảy ngôi sao của chòm Bắc Đẩu lót trong quan tài.

XXXVIII.

2. **Lỗi nghi**: lỗi nghĩa, tức trái với đạo nghĩa.

3. **Bóng bọt hình hài**: hình thể con người ta như cái bóng, cái bọt, chỉ là hư ảo. Xem ct 11 bài XLIV.

4. **Ngút mây**: đụn mây, vờn mây, Ngút là khí mù. "Luận ngữ": "Phú quý như phù vân" = Sự giàu sang xem như mây nổi (không có gì là chắc chắn).

7. **Dạ dài**: dài đêm, chỉ âm phủ. Thơ Lục Cơ: "Tống tử trường dạ dài" = Tiễn người về chốn dài đêm. Xem ct 1814A.

8. **Xếu mếu**: thế ngã nghiêng, suy sụp.

XXXIX.

5. **Duồng**: nương theo.

6. **Vô cô**: Xem câu 6 bài XLIV.

XL.

1. **Trung thân**: người tôi trung.

2. **Nghĩa dân**: dân có nghĩa tiết.

3. **Làng đế**: do chữ " đế hương" là nơi của thiên đế, ý nói chết trên châu trời.

Hữu đạo: có đạo lý, trái với vô đạo là nói đời loạn, không có đạo lý.

4. **Hổ ngó**: nhìn mà xấu hổ.

Vô quân: không biết có vua có nước, chỉ bọn phản bội.

5. **Hai vầng**: Mặt trăng và mặt trời.

6. **Giồng Gạch**: xem ct 7 bài XXXV.

8. **An Lái**: nguyên một trong bảy làng thuộc tổng Bảo An (Ba Tri).

XLI.

1. **Cả than trời**: lớn tiếng than trời.

3. **Ném mặt Cối Kê**: xem ct 2 bài XXX.

4. **Cấp dùi Bức Lãng:** "Sử ký": Trương Lương vốn là người nước Hàn, cha và ông làm tướng quốc trải qua năm đời vua Hàn. Khi cha chết, Lương còn ít tuổi, chưa từng làm quan nước Hàn. Khi Hàn bị Tần Thủy Hoàng tiêu diệt, Lương đem tất cả gia tài, tìm thích khách giết vua Tần để báo thù cho nước Hàn. Lương tìm được một lực sĩ, làm một cái chùy sắt nặng một trăm hai mươi cân. Tần Thủy Hoàng đi chơi ở miền Đông. Lương và người khách tìm đánh Tần Thủy Hoàng ở bãi cát Bức Lãng, đánh nhằm phải xe tỳ tỳ. Tần Thủy Hoàng nổi giận sai lính khắp thiên hạ, cốt lùng cho được Trương Lương. Trương Lương đổi tên họ, sau theo Bái Công bày mưu lập kế giúp Bái Công diệt Tần, Sở dựng nghiệp nhà Hán.

6. **Sáu ải:** chỉ sáu tỉnh của Nam Kỳ. Xem ct bài XXVII.

Tang thương: nghĩa như chữ "bể dâu." Xem ct 3241 B.

XLII.

2. **Càn khôn:** trời đất, tên hai quẻ trong kinh "Dịch" tượng trời, đất. Lời sớ của Trình Di nói: Càn là đầu muôn vật, cho nên là trời, là dương, là cha... Khôn là quẻ đối nhau với Càn. Càn lấy chính bên làm trĩnh, Khôn thì mềm thuận làm trĩnh. Việc làm của người quân tử mềm thuận mà lợi... lợi cho muôn vật đều chủ ở khôn. Vì cuộc sinh thành đều là công của tất cả, nên khôn là đất, là âm, là mẹ...

7. **Ngựa hồ, chim Việt:** ngựa Bắc chim Nam, nói sự xa cách mỗi người một nơi mà đêm lòng nhớ nhau, Cổ thi: "Hô mã y phong bắc, Việt diều sào nam chi" = Ngựa phương bắc ngó theo gió bắc, chim phương nam kết tổ cành nam.

XLIII

2. **Hoa di:** tư tưởng phản động kỳ thị chủng tộc của phong kiến Trung Hoa cho rằng "di" là xứ sở văn hóa còn thấp kém, và "hoa", tức "hoa hạ" là nước có văn hiến.

3. **Cửu họ Ngũ:** mối thù của Ngũ Tử Tư. "Sử ký": Ngũ Viên người nước Sở thời Xuân thu, tự Tử Tư. Cha là Ngũ Xa, anh là Ngũ Thượng, tổ tiên là Ngũ Cử thờ Sở Trang Vương, hay can thẳng, có danh vọng, cho nên đời đời nổi tiếng ở Sở. Ngũ Xa làm thái phó thời Sở Bình Vương. Sở Bình Vương vô đạo, cướp vợ của con là thái tử Kiến, rồi đày Kiến ra giữ đất Thành Phụ ở biên giới. Sau Sở Bình Vương nghe lời xiểm nịnh của Phí Vô Kỵ, cho người giết thái tử Kiến, và bắt bỏ tù Ngũ Xa. Vô Kỵ nói với Bình Vương: "Ngũ Xa có hai người con đều là những người tài giỏi, nếu không giết, thì sẽ là mối lo cho nước Sở. Nay dùng Ngũ Xa làm con tin gọi họ đến nhà mà giết đi". Bình Vương cho sứ giả đến gọi Ngũ Thượng và Ngũ Viên đến. Ngũ Viên từ chối, chỉ một mình Ngũ Thượng đến Sở. Bình Vương giết cả Xa lẫn Thượng. Ngũ Viên trốn sang Tống rồi đến Trịnh và Ngô ngày đêm lo báo thù cho cha và anh. Tử Tư đến Ngô, giúp công tử Quang lên ngôi vua. Đó là vua Hạp Lư

nước Ngô. Hạp Lư cho Ngũ Viên làm hành nhân để cùng mưu việc nước, lo việc đánh Sở. Chín năm sau, Hạp Lư dùng Ngũ Tử Tư đem quân đánh Sở. Quân Sở thua to. Vua Sở là Chiêu Vương chạy trốn. Đến khi quân Ngô vào thành Sính, Bình Vương đã chết, Ngũ Tử Tư sai đào mả Sở Bình Vương lên, đem thầy ra đánh ba trăm roi để báo thù rửa nhục cho cha và anh.

4. **Hận thằng Nô:** cái hận đối với Hung Nô. Hung Nô là một nước phía Bắc ở Trung Quốc thường xâm lấn bờ cõi nhà Hán. Vua nhà Hán đã nhiều lần cho quân tiến sâu vào Hung Nô để trừ hoạn.

Ý cả hai câu: Nói giặc Pháp đã gây thù oán với nhân dân ta. Thù oán đó nhân dân ta nhất định có ngày rửa sạch.

5. **Sử Mã:** bộ "Sử ký" của Tư Mã Thiên đời Hán. Chỉ những bộ sử nói chung. Tư Mã Thiên đã đi du lịch tìm đến những nơi có di tích lịch sử để viết bộ "Sử ký". Vì vậy mà đây nói "duyên sử" là ý nói duyên đi du lịch để viết nên bộ "Sử ký" đó. Câu thơ nói lên một niềm tin vào những gương anh hùng liệt sĩ làm đẹp vẻ vang cho sử sách.

6. **Búa:** nói lời chê nghiêm phải nhục nhã hơn tội búa rìu.

Kinh Lân: Kinh Xuân Thu, Theo lời tự sách "Xuân thu chính nghĩa", của Khổng Đĩnh Đạt, Khổng Tử soạn kinh "Xuân thu" chép việc nước Lỗ ngụ lời bao biếm. Sự khen chê cốt ngụ ở chữ dùng, có khi chỉ vì một chữ ngụ ý chê mà

thành tiếng xấu muôn đời, một chữ ngụ ý khen mà được tiếng thơm thiên cổ. Vì vậy, người đời sau, khi bàn kinh "Xuân thu" có nói: "Nhất tự chi bao vinh ư hoa cổn, nhất tự chi biếm nhục ư phủ việt". = Một chữ khen vinh hơn được chiếc áo cộn hoa vua ban, một chữ chê nhục hơn phải tội búa rìu.

Lấp dấu hồ: ý nói công luận sẽ phê phán, lên án nhục nhã bọn xâm lược.

7. **Xa thơ:** xem ct 8 bài XVIII.

8. **Hoàng đô:** kinh đô của vua.

XLIV.

+ Về bài "Lục-Tĩnh sĩ dân trận vong văn" "Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục-Tĩnh", các cố lão ở Bến Tre truyền rằng: Khoảng năm 1883, khi Pôngsông (Ponchon), tỉnh trưởng tỉnh Bến Tre đến thăm Nguyễn Đình Chiểu, có hỏi ông ý muốn gì. Sau khi cự tuyệt đề nghị của Pôngsông trợ cấp tiền, trao trả đất, thì ông đáp: muốn làm lễ tế nghĩa sĩ. Pôngsông nhận lời về nguyên tắc và hứa sẽ định ngày tế và cử đại diện của tỉnh đến dự. Nguyễn Đình Chiểu không đợi có trả lời chính thức, chủ động tổ chức lễ tại chợ Ba Tri trước đông đảo người dự. Lúc nghe đọc bài văn tế, nhiều người xúc động rơi nước mắt. Cuộc tế nghĩa sĩ Lục Tĩnh đã có ảnh hưởng đến các cuộc khởi nghĩa Hóc Môn, Phạm Văn Hớn giết vợ chồng đốc phủ Trần Tử Ca ở Gò Công Nguyên

soái Hiền cùng nghĩa binh giết một tên Pháp ở đồn Long Hưu.

1. **Biên manh:** dân (manh) ở vùng biên giới.

2. **Án đồ:** xem ct 40 bài XIII.

Lục Trâm: chết đuối trên cạn.

4. **Tân trào:** phong trào mới. Thực dân Pháp cướp nước ta đưa ra những danh từ mới, những cuộc vận động mới nói đưa văn hóa đến để mở mang cho nhân dân ta hòng đánh lừa dư luận.

Oán cừu: oán giận thù hằn.

Hoài cựu chúa: nhớ vua cũ, tức ý nói nhớ nước cũ, nên đã đứng lên chống giặc giữ nước mà lại bị mang tiếng là phản bội chống nhà vua.

5. **Sĩ nông công cổ:** những phần tử trí thức, người làm ruộng, kẻ thợ thuyền, người buôn bán.

Súng song tâm: súng hai nòng.

6. **Tam giáo cửu lưu:** ba giáo phái là: Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo và chín học phái lớn đời Chiến quốc là: Nho gia, Đạo gia, Âm dương gia, Phật gia, Danh gia, Mặc gia, Tung hoành gia, Tạp gia, Nông gia. Chỉ đủ mọi hạng người trong xã hội.

Bất hạnh: không may, xấu số.

Vô cô: xem ct 6 bài XXXIX.

7. **Quay lèo:** dùng dây buộc vào thân người ta rồi quay cho dây xiết vào da thịt để người chịu hình phạt đau đớn.

10. **Báo ứng:** báo trả lại những gì mà ta đã gây nên: làm lành thì gặp lành, ác thì gặp ác. Xem câu 1992A.

Vợ quá con cô: vợ góa con mồ côi.

11. **Phui pha:** phai bỏ đi, không kể đến. Xem ct 188A.

Hình hài: thân thể xương thịt. Xem câu 3 bài XXXVIII.

12. **Khô lâu:** đầu người chết khô. "Bãi khô lâu", chỉ chiến trường.

Khối lỗi: con rối. "Trường khối lỗi", ý nói cuộc đời như tuồng rối.

13. **Ngô quân:** vua ta.

Dịch vực: chỉ bọn dịch cướp nước.

15. **Sừng ngựa hện quý kỳ:** bao giờ ngựa mọc sừng mới hện ngày cho về nước. "Phong tục thông nghĩa:" Thái tử Đan nước Yên làm con tin ở Tần muốn về nước, xin với vua Tần, Vua Tần nói: "Ô đầu bạch, mã sinh giác, nãi hứa nhĩ = (bao giờ) đầu quạ trắng ra, ngựa mọc sừng mới hện cho về.

Mây ngút: mây bay từng đụn. Xem ct 4 bài XXXVIII.

Thư nhân: nói tin tức do chim nhận đưa đến. Chỉ tin tức nói chung. Theo "Hán thư", Tô Vũ đi sứ Hung Nô, bị chúa Hung Nô là Thiên vu bắt giữ. Đến đời Hán Chiêu đế, Hung Hán hòa nhau, vua Hán mới sai sứ sang xin cho Tô

Vũ về. Chúa Hung Nô nói dối Tô Vũ đã chết. Vua Hán không tin, lại cho sứ sang lần nữa, theo kế nói với Thiên Vu rằng: 'Vua Hán vừa mới đi bắn ở rừng Thượng Lâm, bắn được một con nhạn, chân có buộc một lá thư viết trên lụa nói rõ Tô Vũ và một số người khác bị Hung Nô giữ hiện vẫn còn sống. Thiên Vu kinh ngạc, tưởng thật đành cho trả Tô Vũ về Hán. "Chim nhạn từ đó được văn thơ cổ dùng tượng trưng cho tin tức. "Nữ tú tài". Ông mừng bướm bướm mừng ông, Kẻ mong tin nhận người mong thư truyền.

17. **Sáu nẻo luân hồi**, do chữ "lục đạo luân hồi" (Phật): chúng sinh mỗi người tùy theo cái nghiệp của mình mà luân hồi từ kiếp này sang kiếp khác theo sáu nẻo là : thiên đạo, nhân đạo, a tu la, súc sinh, nga quỷ, địa ngục. Địa ngục dành cho những kẻ đại ác, phải chịu rất nhiều đau khổ; nga quỷ là nơi phải bị đói khát; súc sinh ở đây phải bị hành hạ cấu xé. Ba nẻo này gọi là ba nẻo ác. Còn lại là ba nẻo thiện được hưởng sung sướng nhiều hơn phải chịu khổ.

18. **Ráng bắn**: ráng mây chiếu tỏa ra.

Bóng ác: bóng mặt trời. Xem ct 558 B.

Dật dờ: xem ct 24 bài XVIII.

Ngọn đèn trời: ánh sáng lập lờ ở các bãi tha ma trong đêm tối do chất lân tinh phát ra.

19. **An Hà**: hai tỉnh An Giang và Hà Tiên.

Con trốt: cơn gió lốc, gió xoáy.

Bạch trú: ban ngày.

Long Tường: hai tỉnh Vĩnh Long, Định Tường.

Lửa đóm nháng: ánh sáng lập lờ của đom đóm phát ra. "Nháng" là ánh sáng bắn ra, phát ra thỉnh thoảng.

20. **Ngựa gió xe mây**: do chữ "vân xa phong mã", nói xe ngựa của các thần tiên, các vong hồn đã khuất, lấy mây làm xe lấy gió làm ngựa. Bài văn tế vua Quang Trung của Lê Ngọc Hân, có câu: Đền Vị Ương bóng đuốc bùng bùng, lòng cần mẫn vừa khi đóng dã, miễn cực lạc xe mây vùn vụt, duyên hảo cầu sao nữ dờ dặng. Xem câu 1026 B.

Chiến lạt: sự run sợ.

21. **Lạc phách**: nói hồn phách người chết bay tán đi.

Cung ngao lâu thần: chỉ hiện tượng sih ra do chiết xạ quang tuyến (mirage) thường thấy trên mặt biển hay trên sa mạc, nói những cảnh tượng hư ảo. Từ Hán có chữ "thần lâu", "hải thị thần lâu". "Tam tề lược ký" nói hơi con thần trên mặt biển kết thành lâu đài gọi là "chợ biển" (hải thị). "Bản thảo", nói cùng thuộc loài giao long có con thần, dáng tựa con rắn, nhưng to hơn, có sừng có thể phun khí ra làm thành lâu đài thành quách.

Phù trầm: chìm (trầm) nổi (phù)

Du hồn: nói hồn phách tán đi khi thân xác người đã chết.

Sơn lâm: núi rừng: xem ct 2 bài XXXI.

Âm dung phảng phất: tiếng nói và khuôn mặt còn nhớ mờ mờ, không rõ.

23. **Điều phạt**, do chữ "điều dân phạt tội" = thương dân mà đánh kẻ có tội.

An nhượng, do chữ "an dân nhượng địch" = làm yên dân chúng, đánh quân địch.

24. **Triều Tần mộ Sở**: sáng thuộc Tần chiều thuộc Sở. Tần Sở là hai tên nước thời cổ Trung Hoa. Đây ý nói đất nước bị quân địch xâm xé, tranh đoạt.

Can qua: cái mộc và cái mác. Chỉ buổi chiến tranh loạn lạc.

Bình cách: gọi chung đồ khí giới, dụng cụ chiến tranh. Chỉ chiến tranh.

25. **Tẩy oan**: rửa sạch nỗi oan ức.

Điều tuất: thương xót.

26. **Uổng mệnh**: nói chết mất mạng mình.

Sách mệnh: chiếu chỉ của vua truy phong cho người đã khuất.

Quả báo: kết quả báo ứng việc đã làm.

Linh đài: chỉ con tim, cõi lòng. "Trang Tử": "Bất khả nội ư linh đài" = Không mà vào được trong con tim, Lời chú rằng: "Linh đài là con tim, vì con tim có linh tri". "Hoa tiên": Đeo đai trót một tiếng đà, Đài thiêng hồ có trăng già chứng tri.

28. **Nam Trung**: chỉ đất Nam Kỳ Lục tỉnh, tức Nam Bộ ngày nay.

Tạo vật: xem ct 1 bài XXXVI.

29. **Đông Tấn**: triều đại phong kiến Trung Hoa (317-420).

Hồ, Yết, Hạ, Liêu: chỉ tượng trưng những kẻ xâm lược.

Tinh chiên: xem ct 6 bài XVIII.

U, Yên: tên hai châu bị cắt nhường cho Liêu.

Trây máu: bôi máu, vấy máu, ý nói hy sinh.

Kinh cức: chồng gai

30. **Thương**: ngọn giáo.

Phá lỗ: phá giặc.

Trương tướng quân: chỉ Trương Định.

Tám bảng phong thần: xem ct 6 bài XXIX.

Phan học sĩ: chỉ Phan Thanh Giản.

Hết lòng mưu quốc: không còn lòng mưu việc nước nữa.

32. **Khô cốt**: xương khô.

Trị bình: đây nói ý yên vững thái bình.

Đạo vương: đạo của các đế vương lấy đức mà cảm hóa người ta khác với đạo bá (bá đạo) chủ việc lấy sức mà ép người. Ý cả về nói vương đạo hay kinh Phật chỉ có thể áp dụng trong thời bình; gặp đời loạn, thì cả hai đều chẳng được tích sự gì.

33. **Suối vàng:** xem ct 1415 B.

34. **Vân hà:** ráng mây.

35. **Tin dã mã:** hơi khí bay chuyển động trên cánh đồng như bóng nhựa chạy báo tin cho nhau.

Bán dạng: làm cho mọi người thấy được cái đáng trẻ đẹp của người nghĩa sĩ.

Tiếng đề quyên: tiếng kêu của chim quyên.

36. **Lễ nhân đầu:** lễ lấy đầu giặc tể các chiến sĩ chết trận.

37. **Lợn:** một năm dài tròn mà nhỏ.

Văn vong: viếng người đã chết.

Ấm chất: việc phúc đức làm không ai biết, dành cho con cháu về sau.

XLVI

3. **Hạ Vũ:** xem ct 8 bài X.

4. **Đường Nghiêu:** xem ct 509 A.

5. **Hứa Do:** xem ct 510 A.

6. **Sào Phủ:** xem ct 510 A.

NGŨ TIỀU VẤN ĐÁP NHÔ Y ĐIỂN CA

PHẦN THỨ HAI

NGŨ TIỀU VẤN ĐÁP NHÔ Y ĐIỂN CA

NGŨ TIÊU VẤN ĐÁP NHO Y DIỄN CA

LỜI DẪN

A - LỊCH SỬ VĂN BẢN

Ngũ Tiêu vấn đáp nho y diễn ca gồm 3.642 câu lục bát và 21 bài thơ ⁽¹⁾ thuật chuyện Ngũ, Tiêu đi tìm thầy học thuốc để chữa bệnh cứu dân, mà cũng là tìm thầy học đạo cứu đời. Nguyễn Đình Chiểu đã mượn lời các nhân vật trong truyện để diễn tả ngay nỗi lòng của ông.

Cũng như *Dương Từ - Hà Mậu*, *Ngũ Tiêu vấn đáp nho y diễn ca* không được phổ biến theo lối truyền khẩu, mà chỉ được sao chép truyền tay nhau đọc, bản sau chép theo bản trước, nên chỉ giữa các bản không

(1) Không tính những bài, thơ, ca, phú trích từ các sách thuốc Trung Quốc như *Y học nhập môn*, *Trần châu nang*, *Vương Thúc Hòa*, *Nhân Trai*.

có những dị đồng quá lớn làm ảnh hưởng đến ý văn như ở *Lục Vân Tiên*, mà chỉ có những sai biệt nhỏ về một số từ ngữ chiếm một tỷ lệ không đáng kể.

Những bản nôm *Ngư Tiều vắn đáp nhô y diễn ca* hiện còn rất hiếm. Và, từ trước tới nay, chúng ta cũng chưa được thông báo gì hơn về tổng tích văn bản được chép lần đầu do Nguyễn Đình Chiểu đọc.

BỐN BẢN NÔM DẪN TRONG BẢN

TÂN VIỆT SÀI GÒN 1952

Trong *Ngư Tiều vắn đáp nhô y diễn ca* do Tân Việt xuất bản ở Sài Gòn năm 1952, có đoạn viết trong phần nói về *cách hiệu đối*:

"Hiệu giả lấy làm may được dò từng chữ trong bốn bản chữ nôm chép tay của bốn người ở bốn nơi xa nhau nhiều ít. Trong bốn bản ấy, một bản chép chưa đầy một nửa phần trước, một bản còn được hơn nửa phần sau, và hai bản trọn đủ.

1. **Bản của ông Huyện Hàm Sắc.** Người làng An Hội, tổng Bảo Hựu, tỉnh Bến Tre, bản nay chép trên giấy tây hàng in (papier réglé) đóng lại, cỡ

10,5cm x 16cm, có đánh số trang, chữ viết bằng bút lông mực tàu. Trang đầu chép bài "*Sưu tinh dụng được tâm pháp tự truyện*", nhưng mới tới câu "ngự ư môn đình" rồi bỏ dở. Kế đó bắt qua truyện *Ngư, Tiều* với cái tựa "Diễn quốc âm thi vận ca, *Ngư Tiều vắn đáp y thuật*".

Văn nôm lục bát, chép câu lục ở trên, câu bát ở dưới ngay hàng nhau, mà đan xa nhau rất phân biệt rành mạch. Duy chép có 736 câu đầu, mà câu số 736 thời lại không ăn với những bản khác. Câu ấy chép rằng:

Đông tây nam bắc tứ phương,

Ngũ vận lục khí trung ương ngũ hành.

Bản này giấy còn mới lắm. Tuồng chữ rất tốt, nhưng lẫn lộn rất nhiều.

2. **Bản của ông Nguyễn Đình Chiêm** tàng trữ. Ông là con của Đồ Chiểu. Nhưng ông không biết do tay ai chép ra bản của ông giữ đó. Bản này chép trên giấy bạch, cỡ 24cm x 13cm, không có đánh số trang. Bìa nhúng sắn, tuy đã cũ lắm, song vẫn còn chắc. Nhưng mà giấy bên trong thời đã nát mấy tờ đầu, chỉ còn nguyên là từ câu 584 tới câu chót số 1821. Lại nữa, có hai thứ giấy, hai tuồng chữ. Phần đầu và phần đuôi cùng một thứ giấy, rất cũ đã xuống màu dơ

bản, với một tuồng chữ xấu xí như của một kẻ học trò còn non, giữa xen một thứ giấy mới hơn, còn trắng hơn với một tuồng chữ cũng khá hơn, chép từ câu 751 khỏi câu 858, tới hết bài "Âm chứng tự dương bệnh ca".

Bản này chép liên liền, không phân câu, thỉnh thoảng có xuống hàng (alinéa). Trong ấy nhảy câu nhiều, nhảy chữ cũng nhiều, mà có nhiều câu cũng dư một hoặc hai chữ. Chữ viết thiếu nét, dư nét, sai nét thường gặp luôn. Duy cách nôm kỹ càng, thường cho kèm chữ dịch ý bên chữ ghi âm, mặc dầu có khi cái âm này đã rõ lắm.

3. Bản của ông Nguyễn Văn Tri. Người làng Tân Lý tây tỉnh Mỹ Tho. Bản này chép làm ba tập, trên giấy bạch cỡ 13cm x 21cm. Tập thứ nhất (tới câu 521), hồi tháng Juillet, Aiut (tháng 7, 8) 1944 ông mới chép lại tập ông đã chép năm Mậu Thìn (1928)(1) một lượt với hai tập sau (2). Văn lục bát ở đây như nơi bản của ông Huyện Hàm Sắc, chép câu lục ở trên, câu bát ở dưới ngay hàng nhau, và đan xa nhau, rất phân biệt rành rõ. Duy không có đánh số

(1) Bản Tân Việt để nhâm năm 1920.

(2) Nguyên chú: "Ông chép lại bản của ông Phan Khánh Ván, thầy của ông, sao lục năm Tân Hợi (1911)".

trang, không có đánh số câu, nên chi, nhất là ở tập đầu, có nhảy câu mà ông không thấy. Chữ lằm ở trong bản này thỉnh thoảng có gặp.

Bản này có câu số 1822, không thấy có trong bản của ông Nguyễn Đình Chiêm cùng trong bản của ông Huyện Hàm Đức.

4. Bản của ông Huyện Hàm Đức. Người làng Tân Thạnh, tổng Bảo Lộc, tỉnh Bến Tre. Bản này chép trên giấy bạch cỡ 15cm x 30 cm, đóng bìa nhúng sắn; bìa trước còn mà đã rách, bìa sau đứt mất. Những tờ giấy trắng để chịu đựng (pages de garde) ở trên và ở dưới, hai phía vẫn còn đủ và còn chắc, bên trong không có đánh số trang. Chữ bút lông mực tàu, chép liên liền, không phân biệt chương tiết chi cả, duy có điểm câu bằng son tàu.

Bản này rất đầy đủ, chữ khá tốt, ít lỗi hơn hết, chỉ khuyết câu số 1546.

Hiệu giả dùng bản này làm kinh và ba bản kia làm vĩ.

Ngoài những lời nhận xét đó ra, hiện nay chúng ta còn chưa biết gì hơn về bốn bản này.

HAI BẢN QUỐC NGŨ

1. **Bản Tân Việt (1952).** Bản Tân Việt do Phan Văn Hùm hiệu đính và chú thích, Nhượng Tống tặng bình bổ chú, Tân Việt xuất bản, Sài Gòn, 1952. Khổ sách 13cm x 21cm, 410 trang, gồm 3.641 câu lục bát⁽¹⁾, 21 bài Đường luật (không tính các bài thuốc Trung Hoa). Bản Tân Việt đã lấy bản của ông Huyện Hàm Đức làm kinh và ba bản còn lại làm vĩ. Như vậy, bản Tân Việt đã lấy bản ông Huyện Hàm Đức làm bản trực, bản chính, rồi căn cứ vào đây mà phiên ra quốc ngữ có tham khảo cả ba bản kia và lấy tên sách là *Ngũ Tiêu vấn đáp y thuật*.

Bản Tân Việt, ngoài bài Tựa của Nhượng Tống viết vào tháng Giêng năm Giáp Thìn (1944), còn có lời *Lệ ngôn*, *Tiểu sử Đồ Chiểu*, hai bài *Hán văn Sơ tinh dụng được tâm pháp*, và *Trích yếu âm dương biện luận* (có kèm theo phần phiên âm và dịch của Nhượng Tống).

Bản Tân Việt có mấy điểm đáng chú ý:

(1) Bản Tân Việt, đánh số câu thừa 3 câu ở hai chỗ: a) 1475 - 1476 (thừa 1 câu), b) 891 - 895 (năm câu của Tân Việt, thực ra chỉ có 4). Như vậy đã đếm đôi ra 2 câu. Do đó, thực ra bản Tân Việt chỉ có $(1822 \times 2) - 3 = 3641$ câu.

1. Văn bản đã được phân đoạn, gồm 6 phần; trong mỗi phần lại chia thành từng đoạn nhỏ. Từng phần, từng đoạn đều có tiêu đề riêng. Có điều, những tiêu đề này được đặt với mục đích giúp cho người học thuốc, nên đã làm cho người đọc khó nhận ra ngay mạch lạc cùng tư tưởng chủ đạo của tập truyện⁽¹⁾.

2. Những bài nói về y thuật, bản Tân Việt đã tham khảo các sách - chủ yếu là sách *Y học nhập môn*, mà trích dẫn nguyên văn, bổ sung vào những chỗ bản nôm chỉ có lời chú về xuất xứ.

3. Dem đối chiếu bản Tân Việt với bản nôm của ông Phan Khánh Vân sao lục năm 1911 chúng tôi sẽ giới thiệu sau đây, thì thấy dị đồng giữa hai bản chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ trên dưới 1/100 ở một số câu⁽²⁾. Điều đó dễ hiểu, vì tập truyện chỉ có thể sao lại một bản nào đó, nhưng về những vấn đề chuyên môn không thể tùy tiện đối khác được.

4. Điều đáng tiếc là trong khi dùng bản ông Huyện Hàm Đức làm "kinh" và ba bản kia làm "vĩ" để hiệu

(1) Thí dụ: *Nhân xu*, *Y thuật cương mục*, *Lục tặc*, *Kinh lạc*, *Ngũ tạng*, *Lạc phủ*, *Ngũ hành*, *Chủ vận*, *Khách vận*... Nhưng dù sao, cách phân đoạn cũng đã giúp bạn đọc dễ nhận ra văn bản rõ ràng hơn.

(2) Xem phần *Khảo dị* ở dưới văn bản.

đối, bản Tân Việt không ghi chú những chỗ đã hiệu đính nên chúng ta không thể nhận ra đâu là của bản "kinh", đâu là của bản "vĩ". Trong trường hợp sáng tác và phổ biến cụ thể của *Ngư Tiều vấn đáp nho y diễn ca* cách làm này thật chưa ổn, vì nó chỉ có thể dẫn tới một dị bản khác.

5. Phần chú thích quá sơ sài và có nhiều thiếu sót, nhất là những chỗ nói về nghề thuốc nói chung. Chúng tôi không quan niệm *Ngư Tiều vấn đáp nho y diễn ca* là sách cốt dạy cho những người học thuốc, mà đòi hỏi phải chú tường tận những chỗ chuyên môn. Chúng tôi muốn nói là phải chú thích đáng để người đọc hiểu đúng Nguyễn Đình Chiểu trên phương diện y thuật này.

2. Bản Văn hóa 1957, Bản Văn học 1963.

Từ bản Tân Việt nói trên, Nhà xuất bản Văn hóa, năm 1957 xuất bản quyển *Ngư Tiều y thuật Vấn đáp*⁽¹⁾ do hai ông Vũ Đình Liên và Lê Thuộc trích chú. Bản này đã lược hầu hết những đoạn nói về y thuật.

Tiếp đến năm 1963, nhân dịp kỷ niệm 75 năm ngày mất của Nguyễn Đình Chiểu, Nhà xuất bản Văn

(1) Tên sách được đổi lại của hai bản Văn hóa (Hà Nội, 1937) Văn học (Hà Nội 1963)

học (do Nhà xuất bản Văn hóa và Nhà xuất bản Văn học hợp nhất) cho xuất bản *Văn thơ Nguyễn Đình Chiểu*, trong đó có toàn văn bản *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*. Bản này, Nhà xuất bản Văn học đã "theo bản của Vũ Đình Liên và Lê Thuộc (Văn hóa, 1957), và dựa vào cuốn *Ngư Tiều vấn đáp y thuật*, Nhà xuất bản Tân Việt, 1952 để bổ sung những đoạn trước đây không in. Đồng thời có sửa chữa lại một ít chú giải và phần dịch chữ Hán do người trước dịch chưa sát nghĩa hoặc sai nghĩa"⁽¹⁾.

Như vậy, khi chúng ta đã có bản Tân Việt (1952), thì hai bản này, trên địa hạt văn bản học, hầu như chỉ có một ý nghĩa lịch sử là đã phổ biến văn bản *Ngư Tiều vấn đáp nho y diễn ca* cho chúng ta thêm tài liệu nghiên cứu về nhà thơ mù yêu nước lỗi lạc này.

BẢN ZFD (BẢN PHAN KHÁNH VÂN - 1911)

Như chúng ta đã biết, bản nôm của ông Nguyễn Văn Tri là bản được chép lại bản của Phan Khánh Vân, thầy học của ông sao lục năm Tân Hợi (1911). Từ cách mô tả của bản Tân Việt trích dẫn trên đây,

(1) Xem: Văn thơ Nguyễn Đình Chiểu, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1963.

chúng ta cũng đã có thể thấy được phần nào giá trị bản nôm của ông Phan Khánh Vân.

Bản nôm do ông Phan Khánh Vân chép - chúng tôi sẽ gọi là bản ZfD, khổ nhỏ, lòng sách chỉ bằng 10cm x 15cm, có 135 tờ a - b còn nguyên, gồm ba quyển.

- Quyển thượng, 44 tờ, chép Mục lục, hai bài *Sưu tinh dụng được tâm pháp tự truyện* và *Trích yếu âm dương biện luận*. Từ tờ 9 trở đi chép câu 1 đến câu 1042.

- Quyển trung, 46 tờ, chép từ câu 1043 - 2198,

- Quyển hạ, 45 tờ, chép từ câu 2199 - 3640.

Mỗi tờ viết hàng 9, câu lục trên câu bát dưới, chữ viết cực tốt, nét chữ già dặn, thanh tú, rành rọt rất công phu. Tờ bìa quyển thượng ghi: *Tân hợi niên nhị nguyệt thập ngũ nhật* ⁽¹⁾ *phụng sao - Ngự Tiều vấn đáp nho y diễn ca - Nam trung ẩn sĩ Hối trai Nguyễn tu soạn.*

Tờ bìa hai quyển trung, hạ, chỉ ghi gọn: *Ngự Tiều quyển trung, quyển hạ - Nam trung cư sĩ* ⁽²⁾ *Khánh Vân phụng lục.*

(1) Tức ngày 15-3-1911

(2) Cư sĩ: người không ra khỏi nhà, ý nói người ẩn ở nhà dạy học.

Sau khi khảo sát bản ZfD này, chúng tôi có mấy nhận xét tổng quát sau đây:

1. Văn bản đã được soát lại cẩn thận sau khi chép. Một số chữ nhầm đã được chính người chép chữa lại⁽¹⁾, chỗ nhảy câu có chú rõ⁽²⁾. Song cũng còn đôi chỗ người chép đã để sót chưa nhuận sắc⁽³⁾. Những chỗ này, bản Tân Việt để chữa lại làm cho câu khỏi lạc vận mà không có ảnh hưởng gì đến văn nghĩa.

2. Phần lớn những chỗ nói đến các bài trong sách *Y học nhập môn* và một số sách thuốc khác của Trung Quốc, như: *Quan hình sát sắc quyết*, *Thỉnh thanh thẩm âm quyết*, *Vấn chứng quyết v.v...*, bản ZfD không trích dẫn ra mà chỉ ghi chú xuất xứ: "Thứ tam quyết câu xuất Y học nhập môn, quyển nhất, đệ tứ thập cửu trường".

3. Bản ZfD không có hai câu:

Đến đây tuyệt bút hết lời,

Nôm na một bản để đời hậu lai.

Thế thì rõ ràng bản của ông Nguyễn Văn Tri đã thêm vào sau. Ta có thể nhận ngay ra điều đó, vì rằng

(1) Thí dụ: chốn - núi (25), nay - vào (90), hai sinh - phù sinh (267), ra liền - hỏi ước (345), cả môi - muôn mối (354), lục phủ - tạng phủ (388). ...

(2) Bản ZfD nhảy 8 câu ở 2 chỗ: a) 2097 - 2100, b) 2425 - 2428.

(3) Ở các câu 538, 624, 700, 2556, 3054, 3512, 3610.

III. Đường Nhập Môn (từ câu 1081 đến câu 2600)

+ Tình cờ Đường Nhập Môn ngấm thơ qua am Bảo Dưỡng, Đạo Dẫn rước vào, anh em bạn cũ gặp nhau hàn huyên, mở tiệc rượu, cùng làm thơ xướng họa tỏ mối cảm hoài về việc đời mất còn, suy thịnh... (1081 - 1154)

+ Xướng họa thơ rồi, Đạo Dẫn từ biệt về Đông Thanh để luyện đan, dặn Ngư, Tiêu ở lại theo học Nhập Môn, rồi sau sẽ gặp nhau ở Đan Kỳ. Ngư, Tiêu bịn rịn ngậm ngùi rót rượu tiễn Đạo Dẫn (1155-1182).

+ Đạo Dẫn đi khỏi, Nhập Môn cùng Ngư Tiêu lên chơi cảnh Thiên Thai, hưởng thú cầm, kỳ, thi, tửu. Nhập Môn lại rủ Ngư, Tiêu về nhà riêng là y quán chờ ngày qua Đan Kỳ vì Nhân Sư đi vắng. Trong khi chờ đợi, Nhập Môn dạy cho hai người biết thêm về y thuật như *Vận khí*, *Thương hàn*, *Phụ khoa*, *Nhi khoa* (1183 - 2600).

IV. Kỳ nhân Sư⁽¹⁾ (từ câu 2601 đến câu 2924)

+ Nhập Môn nói cho Ngư, Tiêu biết bạn của Kỳ Nhân Sư là Hưởng Thanh Phong. Ảnh Minh Nguyệt⁽²⁾.

(1) Kỳ Nhân Sư, học Hy thánh (muốn theo kịp bậc thánh) ở Đan Kỳ, là một nhà nho văn võ toàn tài, đạo cao đức trọng, gặp loạn ở ẩn, vì thương dân nên theo về đường y lâm.

(2) Hưởng Thanh Phong (tiếng vang gió mát, vì gió đưa đi xa) và Ảnh Minh Nguyệt (bóng trắng trong, vì có bóng là nhờ ở ánh trăng). Hai người này đều học Hy Thiên (mong muốn theo kịp trời) và là bạn của Kỳ Nhân Sư. Hai tên này cùng ngụ ý đời là vầng, bóng.

Hai người này lấy Tào hóa làm lòng, đạo cao đức trọng, không nhiễm bụi thơ, không màng trần lụy (2601 - 2630).

+ Phút đầu có khách tới cho hay Chúa Liêu sai sứ đến Đan Kỳ rước Nhân Sư về triều làm thái y. Nhân Sư xưng bệnh chẳng ra. Nhập Môn nghi ngại vội thu xếp về thăm. Ngư, Tiêu cũng sửa lễ xin học, theo chân Nhập Môn (2631 - 2650).

+ Tới Đan Kỳ, Đạo Dẫn ra đón rồi kể lại chuyện Nhân Sư ở Thiên Thai tạm lánh, không chịu ra làm quan với Tây Liêu nên đã tự xông đuôi hai mắt. Nhập Môn đau lòng trách Thanh Phong, Minh Nguyệt sao không biết can thầy, hà tất phải tự làm khổ mình như vậy. Đạo Dẫn nói cũng đã can thầy, nhưng thầy lại giảng ở đời này chẳng thà đuôi còn hơn chứng kiến "kẻ thù quân thân", chứng kiến "sinh dân nghiêng nghèo" để giữ trọn tâm thần (2651 - 2810).

+ Ngư, Tiêu hỏi tới Minh Nguyệt, Thanh Phong, Đạo Dẫn cho biết: hai ông cũng phục thầy là triết nhân, lòng đạo vững vàng, gặp đời loạn nhăm mắt giả dại giả câm, đợi lúc "sông trong biển lặng, mắt thấy sáng ra", và hai người có làm thơ hiệp tặng Nhân Sư. Đạo Dẫn thêm kính Nhân Sư bội phần (1811 - 2856).

+ Ngư, Tiêu ngỏ ý cầu Nhân Sư học thuốc và tiện thể hỏi Thanh Phong, Minh Nguyệt cho biết tương lai

đất nước. Đạo Dân bảo hãy ở Đan Kỳ chờ Nhân Sư và dặn: người quân tử cốt giữ lòng mình chính, hà tất hỏi việc sau cho thêm bận. Đạo Dân giảng về *Phiếu bốn trị, Táp trị, Thông biến* cho Ngư, Tiều nghe (2857 - 2924).

V. Tra án (từ câu 2925 đến câu 3586)

+ Từ già Nhập Môn, Ngư Tiều ra về vì còn việc vợ con vướng vít. Nhập Môn căn dặn thế nào cũng phải học thầy dù thầy dui. Ngư, Tiều lòng mừng từ nay sẽ bỏ nghề đánh cá, đốn củi để làm thuốc cứu nhân độ thế. Ra khỏi y lâm trời vừa tối lại mưa, Ngư Tiều lạc đường, vào trú trong hang đá (2925 - 3024).

+ Xảy nghe trống đánh quân hô, Ngư Tiều bị bắt giải đến chốn nha môn, ngồi xem quan xử kiện tra án: án thầy thuốc, án thầy châm cứu, án thầy pháp, sư, thầy chùa... (3025 - 3430). + Xử án xong, Ngư Tiều được Phán quan cho uống trà và khuyên hai người gắng công học thuốc cho tinh. Ngư, Tiều kính vâng lời dạy rồi trở về hang (3431 - 3452). + Thức dậy mới biết là chiêm bao, và nơi đây không phải là hang đá mà là Y quán trạng nguyên. Châu Trạng nguyên khuyên Ngư Tiều cẩn thận khi chữa bệnh. Ngư, Tiều ra đi, vào lúc mặt trời xế bóng, vào quán nghỉ, lại thấy thầy thuốc cao phạm tội ngộ sát, bị án đầy chung thân. Ngư, Tiều càng sợ hãi, vì làm thuốc lỡ gây án mạng, u thì bị quỷ thần soi xét, mình thì có phép nước trừng phạt không dong (3453 - 3586).

VI. Kết mạng (từ câu 3587 đến câu 3642)

+ Ngư, Tiều tự hứa: Ngư chuyên bệnh trẻ con, Tiều chuyên bệnh đàn bà, gắng sức "học xin giữ gốc" (3587 - 3618).

+ Về nhà, Ngư, Tiều vui gặp vợ con, rồi chuyên nghề thuốc, có tiền mua đủ các sách y khoa, thường thay nhau đến Đan Kỳ học bí pháp với Nhân Sư. Hai người cùng nổi tiếng, chữa đâu lành đó, được quan yêu dân chuộng sách ghi giúp đời (3619 - 3642).

Những bài thơ có đánh số thứ tự La Mã trong văn bản Ngư Tiều Vấn đáp nhô y diễn ca

Bài số	I, II	sau câu :	44
-	III	-	56
-	IV	-	108
-	V	-	260
-	VI	-	1084
-	VII - XVII	-	1154
-	XVIII - XIX	-	2630
-	XX	-	2838
-	XXI	-	2872

SỬU TINH DỤNG DƯỢC TÂM PHÁP⁽¹⁾Tự truyện⁽²⁾

Cổ lai y thư thậm đa, nghiệp y giả vị miễn hữu
phồn hiệu chi thán.

Cẩu học vô sở bản, tắc lâm bệnh mang nhiên,
như bằng hư ngự phong, mặc tri kỳ sở chỉ.

Cái:

Bệnh hữu hư hư thực thực chi biến hóa⁽³⁾,
Phương hữu chính trị, tòng trị, tiêu bản, công bổ⁽⁴⁾

tiên hậu chi nghi,

Sát trị sảo quai, an nguy du hệ, khả bất thận tai.

Cổ y giả quý tại đồ cơ thông biến nhĩ!

Tiên triết thường ngôn:

"Lương y chi tâm tức lương tướng giả,

Dụng dược chi pháp do dụng binh giả".

Bình hữu chính xuất, hữu kỳ xuất⁽⁵⁾,

Dược hữu nguyên trị hữu biến trị⁽⁶⁾.

Bình bất tố tập, bất khả dĩ thức chiến,

Dược bất tố trị, bất khả dĩ thực trị.

Dịch công viết:

"Nhân thụ thiên địa chi trung dĩ sinh,

Nhi âm thực động tác bất năng tự tiết, tắc âm
dương⁽⁷⁾ chi phẩm, đắc dĩ duyên kỳ khích nhi vị chi
khẩu".

Y giả, thánh nhân ngự khẩu chi thuật giả.

Bất ngự ư cương dịch, nhi ngự ư môn đình, bách
bại chi đạo giả.

Bất trị kỳ căn bản, nhi trị kỳ phu mạt, bách tử chi
thuật giả.

Lôi công vân:

"Y gia hoạt pháp⁽⁸⁾ quý hồ thông biến".

Như:

Phong khí⁽⁹⁾ hữu nam bắc chi phân,

Thiên thì hữu hàn thử chi canh,

Bẩm phú⁽¹⁰⁾ hữu hậu bạc chi biệt,

Thụ bệnh hữu tân cựu chi sai,

Giá đẳng cơ quan, bất khả bất tường thẩm giả.

Nhược phù:

Bệnh hữu nghi bổ, dĩ tả chi chi đạo bổ chi,

Bệnh hữu nghi tả, dĩ bổ chi chi đạo tả chi,

Bệnh hữu nghi hàn tể giả, dĩ nhiệt tể vi hướng
đạo⁽¹¹⁾ chi bình,

Bệnh hữu nghi nhiệt tể giả, dĩ hàn tể vi loại tòng
chi dẫn⁽¹²⁾.

Bệnh tại thượng giả trị hạ⁽¹³⁾,

Bệnh tại hạ giả trị thượng⁽¹⁴⁾,

Bệnh đông giả nhi dược dị⁽¹⁵⁾,

Bệnh dị giả nhi dược đồng⁽¹⁶⁾,

Kỳ nghĩa chí vi, học giả tối nghi thâm cứu.

Yếu chi:

Bệnh do khí huyết⁽¹⁷⁾ nhi sinh giả,

Khí bệnh thuộc dương,

Huyết bệnh thuộc âm,
Âm dương thăng phục ⁽¹⁸⁾ chi cơ, bách bệnh tòng
thử biến hỹ!

Thị dĩ:
Nam nữ chi trị bất đồng,
Lão thiếu chi hậu các dị,
Kê chư y thuật, bản hữu vọng văn vấn thiết tứ
khoa ⁽¹⁹⁾,

Tự trung luận chứng lập phương, tuy lãnh phân
môn loại, trậ thế ⁽²⁰⁾, hữu bát yếu ⁽²¹⁾ yên, hữu tam
pháp ⁽²²⁾ yên.

Nhiên cầu kỳ ý, tổng bất ngoại hồ biểu lý hàn
nhiệt hư thực lục tự nhi dĩ.
Nhược ư lục tự chi nội, thể nhận phân minh, tắc
kỳ bản lĩnh ⁽²³⁾ khả tri hỹ.

Tức sở vị:
Tri kỳ yếu giả, nhất ngôn nhi chung,
Bất tri kỳ yếu giả, lưu tán vô cùng ⁽²⁴⁾.
Ô hô!

Đại đạo vi công, dữ thiên hạ thông minh danh nho
tài tử, dĩ vi tâm lĩnh thần hội, thượng sự quân thân,
trung năng phòng kỷ, hạ khả dĩ tế nhân chi cấp ⁽²⁵⁾

thả tận tại thị biên hỹ!
Hạnh vật dĩ quốc âm bỉ lậu nhi khinh hốt chi.

GIẢI NGHĨA CHỮ KHÓ

1. *Tâm pháp*: phương pháp truyền tâm, một phương
pháp truyền thụ phải lấy tâm mà hiểu.

2. *Tự truyện*: chữ truyện đây dùng như nghĩa một tập
sách, tự truyện là lời tựa của tập sách.

3. *Hư hư thực thực*: hư chỉ chính khí (thể lực) suy nhược,
thực chỉ tà khí (bệnh tà) sung thịnh. *Hư hư* là làm hư
chứng hư, có nghĩa là bệnh chứng thuộc hư, lại dùng
phương pháp công phạt, làm cho nó hư thêm. *Thực thực* là
làm thực chứng thực, có nghĩa là bệnh chứng thuộc thực,
lại dùng phương pháp bồi bổ, làm cho nó thực thêm (bổ
thêm cho bệnh tà). Đây dùng nói bệnh chứng biến đổi
nhiều dạng, trong chứng hư lại có chứng hư, trong chứng
thực lại có chứng thực.

4. *Chính trị*: chữa chính, chữa bằng phương pháp đánh
thẳng vào bệnh như: lấy thuốc hàn chữa bệnh nhiệt, lấy
thuốc nhiệt chữa bệnh hàn, lấy thuốc công chữa bệnh thực,
lấy thuốc bổ chữa bệnh hư.

Tòng trị: thuận theo thể bệnh mà chữa, cũng gọi là
phản trị, như những bệnh đại hàn đại nhiệt, nếu dùng
phép *chính trị* mà nó chống cự, thì phải dùng phép *tòng
trị*, tức trong đội ngũ thuốc nhiệt, dùng một ít thuốc hàn,
hoặc trong đội ngũ thuốc hàn dùng một ít thuốc nhiệt, đó
là thuận theo thể bệnh mà chữa, gọi là *tòng trị*. Còn một
phương pháp: thuốc nhiệt mà uống nguội, hay thuốc hàn
mà uống nóng cũng gọi là *tòng trị*.

Tiêu bản: ngọn và gốc. Bệnh cấp thì chữa ngọn, bệnh
hoãn thì chữa gốc. Nói về thân thể con người, thì tà khí là
ngọn, chính khí là gốc, nói về tật bệnh, thì chứng trạng là
ngọn, nguyên nhân là gốc, bệnh mới là ngọn, bệnh cũ là
gốc, bệnh phát sau là ngọn, bệnh phát trước là gốc, bệnh

ngoài là ngọn, bệnh trong là gốc. *Công bổ*: phép công và phép bổ. Chứng thực thì dùng phép công chứng hư thì dùng phép bổ.

Tiên hậu: chữa trước và chữa sau, chứng cấp thì chữa trước, chứng hoãn thì chữa sau.

5. *Chính xuất*: xuất quân đường đường chính chính.

Kỳ xuất: ra quân theo mưu kế kỳ diệu.

6. *Nguyên trị*: trị theo bệnh căn (nguồn gốc của bệnh).

Biến trị: trị theo bệnh biến (biến đổi của bệnh).

7. *Âm dương*: chỉ chung hai thuộc tính đối lập của mọi sự vật trong vũ trụ, như: sáng là dương, tối là âm, lửa là dương, nước là âm, động là dương, tĩnh là âm, lên là dương, xuống là âm, ra là dương, vào là âm... Âm dương tuy là hai thuộc tính đối lập, nhưng lại thống nhất với nhau, dương gốc vào âm, âm gốc vào dương, nó dựa nhau nhờ nhau, tác động nhau, chế ngự nhau mà sinh tồn phát triển. Theo kinh Dịch, Thái cực (một khối nguyên khí hỗn hợp khi chưa phân ra trời đất) sinh ra âm dương, âm dương biến hóa mà sinh ra muôn vật. Hai chữ âm dương đây chỉ hai khí âm dương của trời đất và thời tiết, khí hậu.

8. *Hoạt pháp*: phương pháp linh hoạt, tùy theo bệnh tình mà thay đổi.

9. *Phong khí*: phong thổ và khí hậu.

10. *Phú bẩm*: có hai nghĩa: - a) lương tri, lương năng trời phú cho người, b) thể chất, sức khỏe bẩm thụ từ trong bào thai. Đây chỉ nghĩa hai.

11. *Hướng đạo*: nói trong tễ thuốc hàn dùng ít vị nhiệt làm hướng đạo, tức là phép tòng trị nói ở ct 4.

12. *Loại tòng*: đồng loại mà theo nhau, ý nói dùng thuốc nhiệt trị bệnh hàn mà dẫn bằng thuốc loại tòng tức thuốc hàn để đánh bệnh, cũng là phép tòng trị đó.

13. *Trị hạ*: chữa ở dưới, như bệnh ở đầu, ở mặt thường do can tà hay thận tà ở dưới phạm lên, nên chữa can thận.

14. *Trị thượng*: chữa ở trên, như đại tiểu tiện không thông lợi là bệnh ở dưới, nhưng thường do tâm hay phế ở trên truyền xuống, nên phải chữa tâm hay phế.

15. *Bệnh đồng được dị*: bệnh chứng giống nhau mà thuốc dùng khác nhau, như cùng là bệnh cảm mạo, nhưng có phong hàn và phong nhiệt khác nhau, thì phong hàn phải dùng thuốc tân ôn (cay, ấm), phong nhiệt phải dùng thuốc tân lương (cay mát).

16. *Bệnh dị được đồng*: bệnh chứng khác nhau mà thuốc dùng lại giống nhau. Như chứng hư hàn, tiết tả, thoát giang, sa đạ con cùng thuộc bệnh trung khí hạ hãm, thì có thể dùng một phương pháp bổ khí, thăng đề trung khí được.

17. *Huyết khí*: huyết chỉ chất máu, mạch máu trong thân người, khí chỉ cái vật chất tinh vi có nhiều chất dinh dưỡng lưu động trong thân người, chỉ các cơ năng của tạng phủ hay năng lực hoạt động của các tổ chức tạng phủ trong thân người.

18. *Thắng phục*: Thắng là lấn át, phục là báo trả lại, như khí dương lấn át khí âm, rồi khí báo trả lại, hay khí âm lấn át khí dương rồi khí dương báo trả lại đều gọi là thắng phục.

19. *Tứ khoa*: tức tứ chẩn, bốn phép chẩn bệnh là vọng (trông sắc mặt), văn (nghe tiếng nói), vấn (hỏi chứng trạng), thiết (xem mạch). Người thầy thuốc phải tham hợp cả bốn phép để làm bằng cứ, thì sự biện chứng trị liệu mới được hoàn hảo.

20. *Môn loại*: chỉ các môn loại của bệnh, như thương hàn, ôn dịch, trúng phong, trúng thử...

Trận thế: Trương Giới Tân hiệu Cảnh Nhạc, một danh y đời Minh từng chia các bài thuốc, cả cổ phương và tân phương (những phương mới sáng chế của ông) và tám trận: *bổ, công, hàn, nhiệt, hòa, tán* (phát tán), *cố* (giữ vững lại, chỉ những bệnh hoạt thoát), *nhân* (nhân theo bệnh chứng mà dùng thuốc).

21. *Bát yếu*: tám điều cốt yếu tức là: hàn, nhiệt, hư, thực, chính, tà, nội, ngoại. Đó là tám điều dùng để chẩn đoán bệnh tình. Chính tà là chính khí và tà khí, nội ngoại là bệnh trong và bệnh ngoài, hoặc nói là *biểu lý* cũng nghĩa thế.

22. *Tam pháp*: ba phép chữa bệnh: *hãn* là làm cho ra mồ hôi, *thổ* là làm cho nôn thổ, *hạ* là làm cho xổ ra, đó là ba phép chính dùng để chữa bệnh thương hàn của Trương Trọng Cảnh đời Hán, người sau cũng dùng chữa bệnh ngoại cảm và một số bệnh khác nữa.

23. *Bản lĩnh*: chỉ người có tài năng, học có cội gốc.

24. Bốn câu này lấy ở *Nội kinh*, pho sách kinh điển của Đông y.

25. *Tế nhân chi cấp*: cứu giúp sự nguy cấp của người. *Chữ cấp*, các bản để chữ *khí*, không có nghĩa, nghi chữ cấp chép nhầm.

Dịch nghĩa

TÌM TÒI TINH TÚY TÂM PHÁP DÙNG THUỐC

Tự truyện

Xưa tới nay, sách thuốc rất nhiều, người làm thuốc không khỏi phân nản về nổi chồng chất man mác quá!

Nếu học không căn bản vào đâu, thì tới khi chẩn bệnh, sẽ bỡ ngỡ như nương khoảng không, cưỡi ngọn gió, không biết chỗ nào vào chỗ nào cả.

Vi:

Bệnh có hư hư thực thực, biến đổi nhiều chứng.

Phương có chữa chính, chữa tòng, chữa tiêu chữa bản, nên công, nên bổ, nên trước nên sau, phải tùy nghi mà dùng.

Nếu chẩn trị sai chệch một chút, khác có sự an nguy đến tính mạng, khá không cẩn thận được ru?

Cho nên người làm thuốc cốt phải biết liệu cơ mà thông biến.

Bậc hiền triết thuở xưa thường nói:

"Tâm tư người lương y cũng như người lương tướng,

Phương pháp dùng thuốc khác nào dùng binh"

Bình có khi đánh trận đường chính, có khi đánh trận mưu kế.

Thuốc có khi chữa bệnh căn, có khi chữa bệnh biến.

Nhưng xét kỹ ý nghĩa, vẫn không ngoài sáu chữ: biểu, lý, hư, thực, hàn, nhiệt mà thôi.

Nếu trong sáu chữ ấy, nhận thức được rõ ràng, thì biết là người có bản lĩnh rồi đó.

Ấy tức là lời dạy trong sách *Nội kinh*:

"Biết được chỗ cốt yếu, thì một câu nói là trọn nghĩa.

Không biết được chỗ cốt yếu, thì lan man không cùng".

Than ôi!

Đạo lớn là của chung, xin cùng với các danh nho, tài tử thông minh trong thiên hạ cùng hiểu bằng tâm, nhận bằng thân, để làm một học thuật trên thờ phụng vua và cha mẹ, giữa giữ gìn thân mình, dưới cứu giúp sự nguy cấp của người, thì trong cuốn sách này có lẽ đã đủ hết cả vậy.

Xin chớ cho là nôm na quê kệch mà xem thường, xem khinh.

TRÍCH YẾU ÂM DƯƠNG BIỆN LUẬN

PHẠM nhân bẩm sinh khí⁽¹⁾ chi cơ, giai bản thủ âm dương nhị khí.

Nhược dĩ khí huyết, tạng phủ, hàn nhiệt⁽²⁾ vi ngôn, thủ đặc⁽³⁾ hậu thiên⁽⁴⁾ hữu hình chi âm dương nhị!

Chỉ như tiên thiên⁽⁵⁾ vô hình chi âm dương, tắc dương viết nguyên dương, âm viết nguyên âm⁽⁶⁾.

Nguyên dương giả tức vô hình chi hỏa, dĩ sinh hóa thần cơ⁽⁷⁾ thị giả, cường nhược hệ chi.

Nguyên âm giả tức vô hình chi thủy, dĩ trưởng lập thiên quý⁽⁸⁾ thị giả, cường nhược hệ chi.

Cố Dịch viết nguyên tinh nguyên khí.

Nguyên tinh nguyên khí giả, tức sinh tinh hóa khí chi nguyên thần. Sinh khí thông thiên⁽⁹⁾, duy lại hồ thủ

Kinh viết⁽¹⁰⁾:

"Đắc thần giả xương. Thất thần giả vương", tức thủ chi vị giả.

Phù âm dương nhị tự, tối nghi tường sát phân minh:

Dương tảo âm tĩnh,

Dương sinh âm trưởng,

Dương kháng tắc hại, vi tiêu khô;

Âm thắng tắc ngưng, vi cố bế;

Dương động nhi tán, cố hóa khí;

Âm tĩnh nhi ngưng, cố thành hình;

Dương suy giả ố hàn,

Âm hư giả phát nhiệt.

Dĩ:

Âm thắng tắc dương bệnh,

Dương thắng tắc âm bệnh,

Cố già.

Dương vô hình nhi sinh khí,

Âm hữu chất nhi thành vị⁽¹¹⁾.

Cố:

Thanh dương chi khí xuất thượng khiếu⁽¹²⁾,

Trọc âm chi vị xuất hạ khiếu⁽¹³⁾.

Dương ly bất nạp, tắc phi viết vu thượng, nhi khí
suyễn như hãn,

Âm thoát bất cố, tắc chú hãm vu hạ, nhi hãn xuất
như du!

Cái:

Âm tĩnh tĩnh, tại nội, vi dương chi thủ⁽¹⁴⁾;

Dương tính động, tại ngoại, vi âm chi sử⁽¹⁵⁾;

Dương hư mộ loạn,

Âm hư triều khinh.

Dương bệnh tắc dân tĩnh,

Âm bệnh tắc dạ minh

Dương tà thịnh giả, triều trọng mộ khinh,

Âm tà thịnh giả, mộ trọng triều khinh,

Dương đa hí lương nhi tham lãnh,

Âm đa úy nhi hướng hoãn.

* *

Âm dương ký biệt,

Vinh vệ⁽¹⁶⁾ tu phân,

Vinh chủ huyết nhi thuộc âm, sở dĩ vinh dương hồ
trung,

Vệ chủ khí nhi thuộc dương, sở dĩ vệ hồ ngoại.

Vinh huyết hành hồ mạch trung,

Vệ khí hành hồ mạch ngoại.

Khí sở dĩ hành huyết,
Huyết sở dĩ tái khí.

Khí huyết nguyên bất tương ly.

Cố:

Âm hư dương tất tẩu,

Dương vong âm tất thoát.

Thiện trị giả:

Khí hư ngu phù huyết,

Huyết thoát nghi cố khí.

Cái:

Huyết bản hữu hình, bất năng tốc sinh,

Khí kỳ tối vi, sở đương cấp cố.

*

* *

Ta phù!

Âm dương chi lý, biến hóa vô cùng, bất khả tận
thuật.

Thả:

Dương thống hồ âm, huyết tùy hồ khí;

Cổ nhận trị huyết, tất tiên lý khí.

Nãi thiện thể Dịch: Kiên thông thiên, khôn thừa
kiên chi nghĩa giả.

Thánh nhân tham tán thiên địa chi công, nổi ngự
phù dương ức âm chi ý.

Cố Thần Nông⁽¹⁸⁾ thường được, án âm dương nhi
phân hàn nhiệt, ôn, lương, tân, cam, toan, khổ, hàm
chi biện.

Phàm:

Tân, cam giả thuộc dương,

Ôn, nhiệt giả thuộc dương,

Hàn, lương giả thuộc âm.

Toan, khổ giả thuộc âm

Dương chủ sinh,

Âm chủ sát.

Tứ mệnh⁽¹⁹⁾ giả dục nhân viễn sát, tỵ sinh,
thường dụng cam ôn, tân, nhiệt nhi tiểu dụng toan,
hàn, lương, tể, thức thử cố giả.

Nhược phù:

Đông chí nhất dương⁽²⁰⁾ sinh,

Hạ chí nhất âm⁽²¹⁾ sinh,

Thử nhị chí tối nghi khẩn yếu.

Chí giả cực giả,

Âm cực dương sinh, tự vô nhi hữu,

Dương cực âm sinh, tòng hữu nhi vô.

Thử âm biến dương hóa ⁽²²⁾ chi bất đồng giả.

Kinh viết:

Tương hỏa chi hạ, thủy khí thừa chi ⁽²³⁾,

Thủy vị chi hạ, thổ khí thừa chi ⁽²⁴⁾,

Thổ vị chi hạ, phong khí thừa chi ⁽²⁵⁾,

Phong vị chi hạ, phong khí thừa chi ⁽²⁶⁾,

Kim vị chi hạ, kim khí thừa chi ⁽²⁷⁾

Quân hỏa chi hạ, âm tịnh thừa chi,

Kháng tắc hại, thừa hã chế giả ⁽²³⁾,

Như:

Đồng chí âm thịnh cực, dương sinh thừa chi. Thử sở vị âm thịnh kháng tắc hại, dương thừa nãi chế chi!

Hạ chí dương thịnh cực, âm sinh thừa chi. Thử sở vị dương thịnh kháng tắc hại, âm thừa nãi chế chi.

Hoặc vấn:

Đồng chí nhất dương sinh, dương tiệm hướng hòa hoãn, như hà vi lập nguyệt đại hàn ⁽²⁹⁾, băng tuyết phản thậm?

Hạ chí nhất âm sinh, dương tiệm hướng thanh lương, như hà vi Tam phục ⁽³⁰⁾ nhục thử, khốc nhiệt phản xí,

Diệc hữu thuyết hồ?

Triệu Quán ⁽³¹⁾ viết:

Thử tương lai giả tiến, thành công ⁽³²⁾ giả thoái. Ân vi chi tế vị dĩ dĩ minh giả.

Cái:

Dương phục vu hạ, bức âm vu thượng, tịnh thủy khí chung nhi kiên băng chí giả.

Âm thịnh vu hạ, bức dương vu thượng, tịnh thủy khí hàn nhi lôi điện hợp giả.

Kim nhân bệnh diện hồng, khẩu khát, táo phiền, suyễn khái giả, thủy bất vân hỏa thịnh chi cực?

Ưc thực tri kỳ vi thận trung âm hàn ⁽³³⁾ sở bức hồ? Dĩ hàn lương chi được tiến, nhi tẹ giả đa hỹ. Oan tai!

Huống hựu:

Dương nhất nhi thực ⁽³⁴⁾,

Âm nhị nhi hư ⁽³⁵⁾,

Cái âm chi nhị, tòng dương chi nhất sở phân,

Cố nhật bình thể toàn ⁽³⁶⁾,

Nguyệt hữu doanh khuy.

Tiểu nhi chi sơ sinh, thuần dương vô âm,.

Lại kỳ mẫu quyết âm ⁽³⁷⁾ nhũ bộ nhi âm thủy sinh
Thị dĩ:

Nam tử chí nhị bát ⁽³⁸⁾ nhi tinh thủy thông, lục
thập tứ nhi tinh tuyệt,

Nữ tử chí nhị thất ⁽³⁹⁾ nhi kinh thủy hành, tứ thập
cửu nhi kinh tuyệt,

Nhân thân chi âm, chỉ cung tam thập lục niên chi
thụ dụng.

Thử âm tự chỉ âm tinh nhi ngôn,

Phi sở ngôn âm huyết già.

Huống âm dương hồ vi kỳ căn...

Nghị bổ âm giả tu dĩ dương vi chủ,

Cái vô dương tắc âm vô dĩ sinh già.

Cổ:

Nam tử tả thuộc hỏa nhi vi khí, hữu thuộc thủy
nhi vi huyết,

Nữ tử tả thuộc thủy nhi hữu thuộc hỏa.

Hữu căn âm căn dương chi diệu, bất cùng kỳ căn,
âm dương, hoặc cơ hồ tức hỹ!

Đàm âm dương giả, viết khí huyết thị già.

Thùy tri hỏa vi dương khí chi căn,

Thủy vi âm huyết chi căn.

Nhiên thử âm dương thủy hỏa, hựu đồng xuất nhất căn.

Duy kỳ đồng xuất nhất căn nhi bất tương ly già, cố
âm dương hựu các hồ vi kỳ căn:

Dương căn ư âm,

Âm căn ư dương,

Vô dương tắc âm vô dĩ sinh,

Vô âm tắc dương vô dĩ hóa,

Tòng dương nhi dẫn âm, Tòng âm nhi dẫn dương,

Các cầu kỳ thuộc nhi cùng kỳ căn già.

Kim nhân ngộ nhận tâm thận vi thủy hỏa chi
chân, thử đạo sở dĩ bất minh già.

Cái thiên chi sinh nhân, hữu vô hình chi tượng
hỏa ⁽⁴⁰⁾ hành dương nhị thập ngũ độ, vô hình chi chân
thủy, hành âm nhị thập ngũ độ, nhi kỳ căn tắc
nguyên ư tiên thiên thái cực ⁽⁴¹⁾ chi chân.

Thử sở dĩ vi chân già.

Nhất thuộc hữu hình tiện vi hận thiên, nhi phi
chân hỹ.

GIẢI NGHĨA TỪ KHÓ

1. *Sinh khí*: chỉ cái khí lực hoạt động của sinh mệnh con người. Đây chỉ cái khí lực sinh sống nói chung.

2. *Khí huyết tạng phủ hàn nhiệt*: khí là dương, huyết là âm, tạng là âm, phủ là dương, hàn là âm, nhiệt là dương, đều là những âm dương có hình chất của hậu thiên.

3. *Đặc*: chỉ là. Chữ này nguyên bản chép chữ thì (thần). Chép nhầm, không có nghĩa. *Thì* do *đặc* chép lộn ra.

4. *Hậu thiên*: chỉ cái nguyên khí do sự ăn uống, dinh dưỡng tạo nên, sau dùng chỉ cái thể chất mạnh hay yếu do sự dinh dưỡng của người ta, cho nên gọi những người thể chất yếu ớt do sự dinh dưỡng không tốt là *hậu thiên bất túc* hay *thất điều* (mất điều hòa).

5. *Tiên thiên*: vốn chỉ cái nguyên khí mà người ta bẩm thụ được khi còn trong bào thai, sau dùng chỉ cái thể chất bẩm thụ mạnh hay yếu của người ta, cho nên gọi những người thể chất yếu ớt do bẩm thụ không tốt là *tiên thiên bất túc*. *Hậu thiên* là sau khi sinh ra chủ về tỳ, *tiên thiên* là trước khi sinh ra, chủ về thận.

6. *Nguyên dương, nguyên âm*: cũng gọi là chân dương, chân âm hay chân hỏa chân thủy, tức dương khí âm khí, hay hỏa khí thủy khí của người ta. Nó là cái khí cội gốc chân chính dành để trong tạng thận, nên cũng gọi *thận dương, thận âm*.

7. *Thần cơ*: then máy thiêng liêng trong thân người.

8. *Thiên quý*: chỉ các tinh khí trong tạng thận của cả nam và nữ. *Thiên quý* tạo ra tinh dịch của nam giới và kinh nguyệt của nữ giới.

9. *Sinh khí thông thiên*: sinh khí của con người thông suốt với trời đất. Chữ *thiên* đây, như nói *thiên địa*, người

xưa có câu "Nhân thân tiểu thiên địa", nghĩa là thân người ta là một bầu trời đất nhỏ, và *Nội kinh* cũng có câu "Nhân dư thiên địa tương ứng", nghĩa là người cùng trời đất tương ứng với nhau, ý nói con người với giới tự nhiên có một mối quan hệ mật thiết, con người phải nương tựa vào giới tự nhiên mà tồn tại, và những hiện tượng biến hóa của giới tự nhiên đều có ảnh hưởng đến thân thể con người.

10. *Kinh*: tức Nội kinh, sách kinh điển của Đông y.

11. *Vị*: mùi vị, chỉ các thức ăn uống và các loại dược vật.

12,13. *Thanh dương, trọc âm*: dương là khí trong, nên gọi là thanh dương, âm là khí đục nên gọi là trọc âm.

Thượng khiếu: chỉ các khiếu: mắt, tai, mũi, miệng ở bộ phận trên.

Hạ khiếu: chỉ có khiếu: đại tiện, tiểu tiện ở bộ phận dưới. Những vị thuốc thanh dương thường dẫn lên khiếu trên, những vị thuốc trọc âm thường đưa xuống khiếu dưới.

14,15 *Dương chi thủ, âm chi sử*: phần đóng giữ ở trong của dương, và phần vận dụng ở ngoài của âm. *Thủ* là đóng giữ, *sử* là vận dụng, ý nói âm đóng giữ ở trong, dương vận dụng ở ngoài, dương nhờ sự đóng giữ của âm, nên mới vận dụng ở ngoài được, cũng như âm nhờ sự vận dụng của dương, nên mới đóng giữ ở trong được.

16. *Vinh vệ*: vinh tức là huyết, vệ tức là khí. Huyết khí chỉ về bản thể, vinh vệ chỉ về công dụng. Vinh có nghĩa là dinh dưỡng, làm tươi tốt cho thân thể. Vệ có nghĩa là bảo vệ, chống giữ tà khí ở bên ngoài. (Chữ *vinh* hoặc chép là *dinh* nghĩa là dinh xá, dinh trại). Người ta ví huyết như

đình trại đóng giữ ở bên trong, vệ như đội quân chống cự ở bên ngoài).

17. *Thiện thể*: khéo thể theo. *Kiên thông thiên, khôn thức kiên*: quả kiên thấu trời, quả khôn vâng theo quả kiên. Kiên, khôn là hai quả chính trong Kinh dịch. Kiên tượng trưng cho trời, khôn tượng trưng cho đất, nên khôn vâng theo kiên, là tương ứng với đạo lý của trời đất. Đây nó chứa huyết phải trước chứa khí, là tán đồng cái lẽ kiên với khôn của kinh Dịch đó.

18. *Thần Nông*: ông vua đời Thượng cổ Trung Quốc, theo truyền thuyết, từng nếm các thứ cỏ cây, xét tính vị hàn nhiệt, độc hay không độc, dùng chữa bệnh cho nhân dân, soạn ra *Bản thảo kinh* làm cơ sở cho dược học và phương tế học đời sau.

19. *Tư mệnh*: giữ tính mệnh của con người, chỉ người làm thuốc.

20, 21. *Nhất dương, nhất âm*: một khí dương, một khí âm. Người xưa chia 12 tháng trong một năm âm lịch theo sáu khí của âm dương (âm dương đều có từ một đến sáu khí), tháng 11 là tháng có tiết đông chí, thì một khí dương sinh ra, tháng 5 là tháng có tiết hạ chí, thì một khí âm sinh ra.

22. *Biến hóa*: từ có chuyển thành không gọi là biến, từ không chuyển thành có gọi là hóa. Dương cực âm sinh, là từ có chuyển thành không, nên gọi âm biếm; âm cực dương sinh là từ không chuyển thành có, nên gọi là dương hóa.

23. *Tướng hỏa*: chỉ kinh thiếu dương, một trong Lục kinh. *Thủy khí*: chỉ khí hàn thủy, một trong lục khí. Người

xưa theo *Nội kinh*, lấy lục kinh, lục khí để xem xét bệnh tình. *Lục kinh* là sáu đường kinh mạch, có ba kinh dương, tức thiếu dương, dương minh, thái dương, và ba kinh âm, tức thiếu âm, quyết âm, thái âm. *Lục khí* là sáu thứ khí của trời đất, tức phong, hàn, thấp, táo, hỏa (tướng hỏa), nhiệt (quân hỏa). Mỗi kinh thuộc về một khí và ứng với một tạng phủ trong thân người, như: thiếu dương thuộc tướng hỏa, ứng với đởm (trái mật); dương minh thuộc táo kim (khí táo và hành kim), ứng với vị (dạ dày); thái dương thuộc hàn thủy (khí hàn và hành thủy), ứng với bàng quang (bóng đái); thiếu âm thuộc quân hỏa, ứng với tạng tâm; quyết âm thuộc phong mộc (khí gió và hành mộc), ứng với tạng can; thái âm thuộc thấp thổ (khí thấp và hành thổ), ứng với tỳ. Đó là sáu kinh, sáu khí ứng với sáu tạng phủ của người.

24. *Thủy vị*: ngôi hàn thủy, tức thủy khí nói ở trên.

Thổ khí: Khí thấp thổ, tức kinh thái âm (tỳ).

25. *Thổ vị*: ngôi thấp thổ, tức thổ khí nói trên.

Phong khí: Khí phong mộc, tức kinh quyết âm (can)

26. *Phong vị*: ngôi phong mộc, tức phong khí.

Kim khí: khí táo kim, tức kinh dương minh (vị)

27. *Kim vị*: ngôi táo kim, tức kim khí.

Hỏa khí: khí quân hỏa, tức kinh thiếu âm (tâm).

Lục kinh phối hợp với ngũ hành (kim, mộc; thủy, hỏa, thổ). Nhưng kinh thì có sáu mà hành chỉ có năm, nên hỏa lại phân làm hai: tướng hỏa (lửa tướng) và quân hỏa (lửa vua), thiếu dương thuộc tướng hỏa, thiếu âm thuộc quân

hỏa. Hai hỏa phối hợp với nhau, có tác dụng nuôi âm tạng phủ, đẩy mạnh sự hoạt động công năng trong thân người.

28. *Kháng tác hại*: quá thịnh thì tác hại. *Thừa nãi chế*: có kẻ theo mới chế ngự được. ý nói mỗi kinh khí có sự quá thịnh, thì khắc có một kinh khí khác kẻ theo mà chế ngự lại, như kinh tướng hỏa quá thịnh thì có kinh hàn thủy kẻ theo mà chế ngự nó (hàn thủy chế ngự tướng hỏa, tức thủy khắc hỏa theo thuyết ngũ hành tương khắc...)

29. *Đại hàn*: một tiết hậu thuộc về tháng 12 âm lịch, trong tiết hậu này khí trời rét cực, nên gọi đại hàn.

30. *Tam phục*: ba ngày phục, tức sơ phục, trung phục, mật phục. Phục có nghĩa là nấu núp, mùa hạ thuộc hỏa, mùa thu thuộc kim, cứ cuối hạ đầu thu kim khí của mùa thu muốn khởi động lên, nhưng sợ hỏa khí của mùa hạ, lại phải nấu núp xuống. Do đó trong khoảng thời gian này có ba ngày sơ, trung, mật phục là ba ngày canh kim có cái hiện tượng nấu núp của kim khí, khi đó tiết trời rất là nắng nẫu, và sau ba ngày phục kim khí của mùa thu mới khởi động lên hẳn được.

31. *Triệu Quán*: nghi là *Y quán* viết nhầm. Triệu Hiến Khả tự Dưỡng Quỹ, một danh y đời Minh, soạn sách *Y quán*, trong có luận về âm dương và tiên hậu thiên.

32. *Tương lai, thành công*: chỉ cái tương lai (sắp tới) và cái thành công của mọi sự vật, một tiến một lui theo quy luật chung của tự nhiên. Ví như bốn mùa, mùa xuân thành công rồi thì lui đi để cho mùa hạ tương lai tiến lên, đến mùa hạ với mùa thu, và mùa thu với mùa đông cũng thế.

33. *Thận trung âm hàn*: khí âm lạnh trong tạng thận. Đây nói người bệnh tuy có những chứng mặt đỏ, miệng khô, phiền táo, ho suyễn, nhưng là do âm hàn trong thận, bức dương lên trên, nó là loại âm thịnh cách dương (âm thịnh quá, thì chống dương lên trên), chân hàn giả nhiệt (hàn là thực mà nhiệt là giả), nếu dùng thuốc hàn lương, thì sẽ giết người.

34, 35. *Dương nhất âm nhị*: dương một mà âm hai. Theo truyền thuyết vua Phục Hy đời thượng cổ Trung Quốc, từng xem xét hiện tượng trời đất cùng các vật loại, mà tạo ra hai vạch âm dương và bát quái (tám quẻ). Dương là một vạch liền (--), âm là vạch đứt (- -) rồi chồng lên thành bát quái (kiên, đoài, ly, chấn, tốn, khảm, cấn, khôn) nên nói là dương một mà đặc, âm hai mà rỗng.

36. *Thế toàn*: thể chất toàn vẹn. Hai chữ này, nguyên bản chép là sinh thể, không có nghĩa. Chúng tôi theo *Y quán* của họ Triệu mà sửa lại.

37. *Quyết âm*: kinh quyết âm. Theo đông y, cái vú của phụ nữ, thuộc kinh quyết tâm của tạng can, mà sữa cũng do quyết âm can tạo ra.

38. *Nhị bát*: hai tám, tức 16 tuổi.

39. *Nhị thất*: hai bảy, tức 14 tuổi.

40. *Tướng hỏa*: đây chỉ chân hỏa, tức chân dương, ở thận (mệnh môn).

41. *Thái cực*: một khối nguyên khí hỗn hợp khí chưa phân ra âm dương.

Dịch nghĩa

TRÍCH LỤC PHẦN CỐT YẾU BIỆN LUẬN VỀ ÂM DƯƠNG

Tất cả cái then máy mà người ta nắm thụ được sinh khí của trời đất, đều gốc ở hai khí âm dương này.

Nếu nói về khí, huyết, tạng, phủ, hàn, nhiệt thì đó chỉ là những âm dương hữu hình của hậu thiên mà thôi.

Còn như âm dương vô hình của tiên thiên, thì dương gọi là nguyên dương, âm gọi là nguyên âm.

Nguyên dương là hỏa khí vô hình, dùng để sinh hóa thân cơ của con người, tính mạng quan hệ ở đó.

Nguyên âm là thủy khí vô hình, dùng để tạo thành thiên quý của con người, thể lực mạnh hay yếu quan hệ ở đó.

Cho nên kinh Dịch nói tới nguyên tinh nguyên khí.

Nguyên tinh nguyên khí tức là một nguyên thần sinh ra tinh, hóa ra khí. Sinh khí của người thông đạt với trời được chỉ nhờ ở đó.

Nội kinh nói:

"Được thần thì thịnh vượng, mất thần thì tiêu vong", tức là nói điều đó.

Vậy hai chữ âm dương, rất nên xem xét cho rõ ràng:

Dương thì khuấy động,

Âm thì yên tĩnh,

Dương thì phát sinh,

Âm thì trường dưỡng,

Dương quá thịnh thì tai hại, gây nên tiêu khô;

Âm thiên thắng thì ngưng đọng gây nên bế tắc;

Dương động mà tan ra, cho nên hóa ra khí;

Âm tĩnh mà đọng lại, cho nên gây thành hình;

Bệnh dương hư thì sợ rét,

Bệnh âm hư thì phát nóng

Vì cơ âm thắng thì dương bị bệnh, dương thắng thì âm bị bệnh vậy.

Dương không hình mà sinh ra khí.

Âm có chất mà thành ra vị.

Cho nên:

Khí dương trong ra từ các khiếu phía trên,

Khí âm đục ra từ các khiếu phía dưới.

Dương ly tán, không nạp xuống được, thì khí vượt lên trên mà thở suyễn như người ngủ ngáy,

Âm hoạt thoát, không giữ vững được, thì dồn hãm xuống dưới, mà mồ hôi nhọt như chất dầu.

Vì:

Âm tính tĩnh và ở trong, làm phần đóng giữ cho dương;

Dương tính động và ở ngoài, làm phần vận dụng cho âm.

Bệnh dương hư thì chiêu đến rối loạn,

Bệnh âm hư thì sớm ra nhẹ nhàng.

Bệnh dương thì buổi mai yên lặng,
 Bệnh âm thì ban đêm yên ỉn.
 Dương tà thịnh thì chiều nhẹ sớm nặng,
 Âm tà thịnh thì chiều nặng sớm nhẹ.
 Chứng dương thì phần nhiều thích mát và ham lạnh,
 Chứng âm thì phần nhiều sợ rét và muốn ấm.

*

*

*

Âm dương đã phân rõ,

Vinh vệ phải chia rành.

Vinh chủ về huyết mà thuộc âm, là phần để dinh dưỡng bên trong.

Vệ chủ về khí mà thuộc dương, là phần để hộ vệ bên ngoài.

Vinh huyết đi ở trong mạch,

Vệ khí đi ở ngoài mạch.

Khí là phần để hành huyết,

Huyết là phần để chở khí,

Khí huyết vốn không rời nhau được.

Cho nên:

Âm hư thì dương tất chạy,

Dương mất thì âm tất thoát.

Người khéo chữa bệnh thì:

Khí hư, nên bổ trợ cho huyết,

Huyết thoát, nên giữ vững khí.

Vì:

Huyết là phần có hình chất, không thể sinh được nhanh;
 Khí là phần rất mỏng mảnh, cần phải giữ cho gấp.

*

*

*

Chao ôi:

Cái lẽ âm dương biến hóa không cùng, không thể thuật hết được.

Vả chẳng:

Dương tóm giữ cả âm,

Huyết theo cùng với khí, nên người xưa chữa huyết tất chữa khí trước.

Đó là tán đồng cái ý nghĩa "quê kiên thâm tóm đạo trời, quẻ khôn thuận theo quẻ kiên" của bản kinh Dịch vậy.

Bậc thánh nhân dự giúp công đức của trời đất, thường lưu ý đến sự phù dương mà nén âm.

Cho nên vua Thần Nông nếm thuốc, xét khí âm dương mà phân biệt các chất hàn, nhiệt, ôn, lương và các vị cay, ngọt, chua, đắng, mặn.

Phàm thuốc:

Ôn nhiệt thuộc về dương, Cay ngọt thuộc về dương,

Hàn lương thuộc về âm, Chua đắng thuộc về âm,

Dương chủ phát sinh,

Âm chủ giết hại...

Người tư mệnh muốn cho người bệnh lánh xa cái chết, đến gần cái sống, thường dùng những thuốc ngọt và ôn, cay và nhiệt, mà ít dùng những thuốc chua, đắng, hàn, lương, là vì biết lẽ đó.

Còn như:

Tiết đông chí mà một khí dương sinh ra,

Tiết hạ chí mà một khí âm sinh ra,

Hai ngày chí này rất nên coi là cần thiết.

Chi nghĩa là cực.

Âm thịnh cực thì dương sinh ra, từ chỗ không mà hóa có,

Dương thịnh cực thì âm sinh ra, từ chỗ có mà biến không,

Cái lẽ âm biến dương hóa không giống nhau là như thế.

Nội kinh dạy rằng:

Phía dưới ngôi trướng hỏa, có khí thủy kế theo,

Phía dưới ngôi thủy, có khí thổ kế theo,

Phía dưới ngôi thổ, có khí phong (gió) kế theo,

Phía dưới ngôi phong, có khí kim kế theo,

Phía dưới ngôi kim, có khí hỏa kế theo,

Phía dưới ngôi quân hỏa, có khí âm tinh kế theo,

Quá thịnh thì tác hại, có kế theo thì mới chế ngự được vậy,

Ví như:

Tiết đông chí, khí âm thịnh cực, thì khí dương sinh ra để kế theo,

Đó tức là âm quá thịnh thì tác hại, có dương kết theo mới chế ngự được,

Tiết hạ chí, khí dương thịnh cực, thì khí âm sinh ra để kế theo,

Đó tức là dương quá thịnh thì tác hại, có âm kế theo mới chế ngự được.

Hoặc có người hỏi:

Tiết đông chí đã có một khí dương sinh ra, đáng lẽ trời phải ấm áp dần lên, cơ sao tháng chạp lại có đại hàn, và băng giá sương lạnh lại nhiều như thế?

Tiết hạ chí, đã có một khí âm sinh ra, đáng lẽ trời phải mát mẻ dần lên, cơ sao ba ngày phục lạp nắng nẫu, bức sốt nhiều như thế?

Có thuyết gì giải thích không?

Sách Y quán của họ Triệu nói rằng:

Đó là theo lẽ cái tương lai thì tiến, cái thành công rồi thì lại đi, trong chỗ ẩn náu huyền vi chưa dễ nói rõ được.

Có lẽ vì:

Dương phục ở dưới, bức âm lên trên, ví như nước giếng do khí ở dưới nung nấu mà trên thành băng rắn;

Âm thịnh ở dưới, bức dương lên trên, ví như nước giếng, do khí ở dưới lạnh đi, mà trên có sấm chớp hợp lại.

Nay có người bệnh mặt đỏ, miệng khát, buồn bực, vật vã, ho suyễn, ai không bảo là hỏa khí thịnh cực,

Có biết đâu là bị khí âm hàn trong tạng thận bức bách mà sinh ra. Nếu cho uống thuốc hàn lương thì chết hại nhiều lắm, oan uống thay!

Huống chi:

Dương thì một mà đặc,

Âm thì hai mà rỗng,

Vì cái hai của âm là do cái một của dương mà phân ra,

Cho nên mặt trời thì giữ thể chất toàn vẹn,

Mặt trăng thì có khi đầy khi khuyết.

Người ta khi mới sinh, thì thuần có dương mà không âm

Sau nhờ mẹ cho bú sữa quyết âm, mà âm mới sinh ra.

Vì thế:

Con trai đến hai lần tám tuổi mà tinh mới thông, sáu
mười tư tuổi thì tinh hết,

Con gái đến hai lần bảy tuổi mới có kinh, bốn mươi chín
tuổi thì kinh hết.

Khí âm trong thân người, chỉ cung cấp cho sự thụ dụng
trong vòng ba mươi năm mà thôi.

Chữ âm này là chỉ về âm tính,

Chứ không phải là âm huyết vậy.

Huống chi âm dương làm cội gốc cho nhau...

Người bàn về phương pháp bổ âm, phải lấy dương làm
chủ,

Vì không dương thì âm không từ đâu mà sinh được,

Cho nên:

Con trai, bên tả thuộc hỏa mà là khí, bên hữu thuộc
thủy mà là huyết,

Con gái, bên tả thuộc thủy, mà bên hữu thuộc hỏa.

Cái lẽ huyền diệu về gốc âm, gốc dương, nếu không xét
đến tận cái gốc của nó, thì âm dương cơ hồ bị tắt vậy.

Những người bàn về âm dương, thường nói: tức là khí
huyết,

Có biệt đầu hỏa là cái gốc của dương khí,

Thủy là cái gốc của âm huyết,

Nhưng âm dương thủy hỏa lại cùng ra ở một gốc.

Cũng vì cùng ra ở một gốc mà không lia nhau, cho nên
âm dương lại đều làm cội gốc cho nhau:

Âm gốc ở dương,

Dương gốc ở âm.

Không dương thì âm không do đâu mà sinh,

Không âm thì dương không do đâu mà hóa,

Từ dương mà dẫn vào âm,

Từ âm mà dẫn vào dương,

Đều tìm loài nó mà xét cùng đến gốc nó vậy,

Người đời nay nhận lầm tâm thận là chân hỏa, chân
thủy, vì thế mà đạo lý không được sáng tỏ.

Trời sinh ra người ta, có cái tướng hỏa yô hình, đi ở
phần dương hai mươi lăm độ (ban ngày), và cái chân thủy
vô hình, đi ở phần âm hai mươi lăm độ (ban đêm), mà cội
gốc của nó đều ra từ cái khí chân nguyên của thái cực thuộc
về tiên thiên.

Gọi là chân khí là vì thế.

Một khi thuộc về hữu hình, tức là hậu thiên, thì không
phải là chân khí vậy.

NGŨ TIỂU VẤN ĐÁP NHO Y DIỄN CA

(VĂN BẢN KHẢO ĐỊNH)

I

NGÀY nhàn xem truyện Tam công,
Thương người hiền sĩ sanh không gặp đời.

Cuộc cờ thúc quý đua bơi,
Mấy thu vật đổi sao dời than ôi!

5 Kể từ Thạch Tấn ở ngôi,
U Yên mấy quận cắt bồi Khiết Đan.

Sinh dân nào xiết bần than,
U Yên trọn cũng giao bàn về Liêu.

Theo trong người kiệt rất nhiều,

10 Ôm tài giấu tiếng làm tiêu làm ngư.

Nước non theo thói ẩn cư,

Thờ trên nuôi dưới nên hư mặc trời.

Lại thêm Phật lão đua lời,

Nghĩ lòng người với đạo đời thêm thương.

15 Nhà năm ba gánh cương thường

Phần ai nấy giữ trọn giường thời thời.

Khảo dị

4. Mấy thu vật đổi sao dời *thương ôi*

11. Nước non theo *thủ* ẩn cư

Đời vương đời đế xa rồi,
Nay Di mai Hạ biết hồi nào an.

Năm trăm vạn ở Sông Vàng,

20 Nước còn dương cầu khôn màng thánh nhân.
Đã cam hai chữ tỵ Tần,

Nguồn đào tìm dấu non xuân ruổi miền.

* *

Có tên rằng Mộng Thê Triên,
Tuổi vừa bốn chục nhân duyên năm lần.

25 Nhà nghèo ở núi Bạch Vân,
Dẹp văn theo võ tách thân làm tiêu,

Ngày ngày đồn củi rừng Nghiêu,

Hái rau non Thuấn phận nhiều lao đao.

Đông Xuyên lại có người hào,

30 Tên rằng Tử Phược họ Bào làm ngư.

Trong mình ba chục tuổi dư,

Sinh con mười đứa bé thơ thêm nghèo.

Ngược xuôi trên nước một chèo,

Nay doi mai vịnh nghề theo lưới chài.

35 Họ Bào họ Mộng hòa hai,

Trước theo nghề học đều tài bậc trung.

Khảo dị

24 Tuổi *gần* bốn chục nhân duyên năm lần

Chẳng may gặp buổi đạo cùng,
Treo kinh đẹp sử lánh vòng loạn ly.
Người nam kẻ bắc phân đi,
40 Nước non rẽ bạn cố tri bấy chầy,
Cách nhau mười mấy năm nay,
Tình cờ lại gặp một ngày gặp đây.
Ngư Tiêu mở tiệc vui vầy,
Ngâm thi uống rượu đều bày chí xưa.

Tiêu ngâm thi rằng:

I Non xanh mấy cụm đội trời thu,
Sưu thuế Tây Liêu chẳng đến đâu,
Tên đã gác ngoài sân thúc quý,
Mình liền tắm giữa suối Sào Du,
Vui lòng bạn cũ thi vài cuốn,
Rảnh việc ngày nay rượu một bầu.
Chút phận riêng nương hơi núi rặng,
Trăm năm ra sức dọn rừng nhu.

Ngư ngâm thi rằng:

II Nghênh ngang trên nước một thuyền câu,
Chèo sóng buồm giông trải mấy thu.
Ngày xé tấm mui che gió Tấn,

Khảo di

40 Non sông rẽ bạn cố tri bấy chầy

I - 4 Mình liền tắm giữa suối Sào Du

Đêm chầy bếp lửa chói trời U.
Mặc tình sở ngộ đời trong đục,
Vui thú phù sinh bên cạn sâu,
Trăm tuổi trọn nhờ duyên cá nước,
Dù lòng ngao ngán giữa dòng nhu.

45 Tiêu rằng: Sinh chẳng gặp thời,
Thân đà đến ấy nghe thơ thêm phiền.
Lanh chanh chữ phận chữ duyên,
Lỡ tiên lỡ phạt lỡ nguyên nhô phong.
Nhớ câu "quân tử cố cùng",
50 Đền trắng quạt gió non sông phận đành.
Ngư rằng: Hai chữ công danh,
Hoàng lương nửa gói đã đành phôi pha.
Thương câu "thế đạo đời ba",
Ngày nay chưa biết mai ra lẽ nào!
55 Uống thêm vài chén rượu giao,
Ngâm thi hoài cổ để rao tiếng đời.

Ngư Tiêu hoài cổ ngâm
(Ngư ưu đạo ý, thử xướng bì họa)

III Từ thuở Đông Chu xuống đến nay,
Đạo đời rậm rạp mấy ai hay.
Hạ Thương đường cũ gai bò lấp,

Khảo di

46. Thân đà đến ấy nghĩ thời thêm phiền

Văn Vũ nên xưa lúa trở đây.

- (5) Năm bá mượn vay: nhân nghĩa mọn,
Bảy hùng giành xé: lợi danh bay.
Kính Lân mong đẹp tôi con loạn,
Sử Mã khôn ngăn mọi rợ bày.
Dùi mỏ Mặc, Dương thêm chộn rộn.

- (10) Tiếng chuông Phật Lão rất vang ngày.
Lửa Tần tro Hạng lại rêu đây.
Trong đám cửu lưu đều nói tổ,
Bên đường tam giáo cũng xưng thầy.

- (15) Khe Đào động Lý nhiều đoàn trốn,
Rừng Trúc đình Lan lắm bạn say.
Phép báu Thi Thơ dòng một nát,
Màu xuê Lễ Nhạc nhiệm sương bay.
Mấy dòng biển ghềnh chia nguồn nước,

- (20) Trăm khóm rừng hoang bít cội cây.
Hơi chính ngàn năm về cụm núi,
Thối tả bốn biển động vầng mây.
Ngày nào trời đất an ngôi cũ,
Mừng thấy non sông lặng gió tây.
Thì rồi Ngư mới hỏi Tiểu:
Việc nhà con vợ ít nhiều cho hay?
Tiểu rằng: Triền rất chẳng may,

Khảo dị

III - 24 Trăm *chặng* rừng hoang bít cội cây

Mừng thấy non sông *bật* gió tây.

58 Việc nhà con vợ ít nhiều *đặng* hay.

- 60 Năm lần cưới vợ còn nay một người.
Năm hoài biếng nói biếng cười,
Rề rề đau máu da tươi bầu nhàu,
Bốn nười trước thác theo nhau,
Người đau sản hậu người đau thai tiền.

- 65 Khiến thêm nghèo khổ cho Triền,
Bán bao nhiêu củi tiền về thuốc thang.
Thầy hay thời ở xa đàng,
Tin theo thầy tục giúp phang hại người.
Ngư rằng: Phước cũng như người,

- 70 Hôm mai lặn đạn về mười đứa con.
Chỉ lăm nuôi đặng vuông tròn,
Chung tư trập trập nhà còn phước ghi.
Nào hay tạo hóa tiểu nhi,
Rủ bảy con nít đều đi bỏ mình.

- 75 Đứa thời đau chứng cấp kinh,
Đứa thời cam tích bụng bình rình ra,
Đứa thời hai mắt quáng gà,
Đứa thời tím miệng khóc la rún lời;
Đứa thời đau bụng lải chòi,

- 80 Đứa thời ỉa kiết rặn lời trông trê;
Đứa thời sài ghẻ nóng mê,
Đứa thời hoa trái độc về hông vai.
Rủ nhau thỉnh thoảng chết hoài,
Đứa đôi ba tháng đứa vài ba năm.

- 85 Trót đà hao tốn tiền trăm,
Thương con chạy bấy lăm nhằm thuốc nhăng

Đến nay còn sót hai thằng,
 Nhờ trời khỏe mạnh dặng ăn chơi thường.
 Cảm ân kẻ sĩ du phương,
 90 Dắt tà diêm chỉ vào đường Y Lâm.

*
 *
 *

Thê Triền nghe nói mừng thầm,
 Hỏi rằng: Thầy ở Y Lâm tên gì?
 Ngư rằng: Chưa biết tên chi,
 Nghe người nói đó rằng Kỳ Nhân Sư.
 95 Tiều rằng: Chữ gọi Nhân Sư,
 Tiên hay là Phật bậc gì công phu?
 Ngư rằng: Vốn thiết thầy nhu,
 Lòng cứu gấm nhiễu lại giàu lược thao.
 Nói ra vàng đá chẳng xao,
 100 Văn ra dấy phụng rời giao tung bùng.
 Trong mình đủ việc kinh luân,
 Thêm trau đạo đức mười phân rõ ràng.
 (Chẳng may gặp thuở nước loạn.
 Thương câu dân mạc về đảng Y Lâm.

Khảo di

94 Nghe người nói đó là Kỳ Nhân Sư
 101 Trong mình đủ *chước* kinh luân
 102 Chẳng may gặp *buổi* nước loạn

105 Ẩn mình chôn ngọc vùi căm,
 Người con mắt tục coi lăm biết đâu.
 Ta nhân bệnh trẻ đi cầu,
 Có nghe du sĩ đọc câu thơ rằng

Du sĩ đọc Nhân Sư thi rằng:

IV Xe ngựa lao xao giữa côi trần,
 Biết ai thiên tử biết ai thần?
 Nhạc thiếu tiếng dứt khôn trông phụng,
 Sách Lỗ biên rồi khó thấy lân,
 Khỏe mắt Hi Di trời ngũ quý,
 Mỗi lòng Gia Cát đất tam phân.
 Công danh chi nữa? ăn rồi ngủ,
 Mặc lạng cao dày xử với dân.

Tiêu rằng: Mừng gặp hiền nhân,
 110 Nghe bài thơ ấy thật trân bửu đời!
 Bấy lâu những tưởng không người,
 Nào hay hàng trống còn vởi tiếng chân.
 Thi danh trước có Đường thân,
 Tài như Lý Đỗ muôn phần khá thương.
 115 Thấy nay cũng nhóm văn chương,
 Vóc dê da cộp khôn lường thực hư.
 Tiếc thay đời có Nhân Sư,

Khảo di

IV-4 Sử Lỗ biên rồi khó thấy lân
 112 Nào hay hàng trống còn dờ tiếng rân

Lại theo bốn chữ vô như chi hà.

Nhớ xưa tiếng đại hiền ra,

120 Rằng: Trời muốn trị bỏ ta ai dùng.

Thôi thôi người phải gắng công,

Đem ta tới chỗ học cùng Nhân Sư.

II

Ngư rằng: Nhắm chón Đan Kỳ,

Éo le khúc nẻo đường đi chẳng gần.

125 Nhiều non nhiều núi nhiều rừng,

Nhiều đèo nhiều ải nhiều chừng động hang.

Chút công khó nhọc chẳng màng,

Phận lo học hiểm mỗi đàng Nhân xu.

Nhân xu ải ấy ở đâu,

130 Nẻo lạnh nẻo dữ cạn sâu khó lường.

Tiểu rằng: Ta dốc tâm phương,

Xin phân cho rõ cái đường Nhân xu.

Ngư rằng: Một ải Nhân xu,

Lấy da bao thịt làm bầu hồ lô.

135 Trở thông chín nẻo ra vô,

Mười hai kinh lạc chia đào dọc ngang.

Ngoài thời sáu phủ Dương quan,

Khảo dị

128 Chín lo góc hiểm mỗi đàng Nhân Xu

135 Trở thông chín ngách ra vô

136 Mười hai kinh lạc chia đồ dọc ngang

Trong thời năm tạng xây bàn Âm đô.

Hai bên tả hữu vách tô,

140 Có non Nguyên khí có hồ Huyết quan.

Có nơi hôn phách ở an;

Có ngôi Thần chủ sửa sang việc mình.

Rước đưa có đám Thất tình,

Có vườn Ngũ vị nuôi hình tốt tươi.

145 Lại nghe du sĩ trao lời,

Rằng trong ải ấy lắm nơi hiểm nghèo.

Có làng Lục tặc nhóm theo,

Chia phần đón ngách giữ đèo Tam thi.

Hôm mai rủ quên nhau đi,

150 Xui lòng nhân dục nhiều khi lung loạn.

Hoặc theo bên động Bì nang,

Thầm trêu hoa mẫu mớ màng gió xuân.

Hoặc theo bên động Tôn cân,

Nhem thềm cho sãi về dân bỏ chùa.

155 Thêm bấy quỷ quái theo lừa,

Nhóm non Thập ác tranh đua khuấy đời.

Trở xoi tình dục cho người,

Bảy mươi hai hố ba mươi sáu hầm.

Ai làm lành ấy khỏi lâm,

160 Ai bằng làm dữ ắt lâm hại mình.

Khảo dị :

150 Xui lòng nhân dục nhiều khi lạng loạn

152 Hăm hiêu hoa mẫu mớ màng gió xuân

Tiểu rằng: Ta vốn làm lành,
 Nào lo Lục Tặc ngăn giành đường đi.
 Chưa hay mấy dặm rừng Y,
 Từ đây đến chốn Đan Kỳ mau lâu?

- 165 Ngự rằng: Khỏi ải Nhân Xu,
 Đến truông Âm chất ở đầu rừng Y.
 Từ truông Âm chất ra đi,
 Tới am Bảo dưỡng một khi nghỉ mình.
 Lăn lăn qua bến Ngũ hành,
 170 Nẻo sanh nẻo khắc chưa rành khó đi.
 Đó rồi đến ải Địa chỉ,
 Thấy non Lục khí rậm rì khôn toan.
 Lại xông đến ải Thiên can,
 Thấy non Ngũ vận chàng ràng thêm lo.
 175 Khỏi nơi Vận khí lẩn dò,
 Đến rừng Bốn thảo ấy cho nhớ đàn!
 Có mười hai bộ ở ngang,
 Ra vào sáu cửa nhộn nhàng thiên binh,
 Có Nguyên đạo thống phân minh,
 180 Có nhà Y quán nhóm kinh sách truyền.
 Trước thời miếu vũ cất liên,
 Trải thờ các bậc thánh hiền tổ sư.
 Hai bên hai viện ở vậy,

- Viện kia bào chế viện này cứu châm.
 185 Qua nơi phép chế phép châm,
 Trông chừng lại thấy sâm sâm bốn lầu
 Đến gần mới rõ bốn lầu:
 Hai lầu Văn Thiết hai lầu Vọng Văn.
 Ngửa xem ngoài cửa sáng trăng,
 190 Thấy trên biển ngạch chữ rằng Tam công.
 Bước vô trong miếu lạnh lùng,
 Thấy treo ba bức song song họa đồ.
 Nhân Sư ngồi giữa xem đồ,
 Thấy ta han hỏi giờ hồ linh đơn.
 195 Lấy ra thuốc đỏ hai hườn,
 Cho về cứu trẻ khỏi cơn tai nạn.
 Ta nhân một thuở vội vàng,
 Gặp thầy chưa kịp hỏi han việc gì.
 Tiếc thay đã đến Đan Kỳ,
 200 Mùi thơm chưa dính chút chi vào mình,
 Tiểu rằng: Xin hỏi sư huynh,
 Trước quen du sĩ tánh danh cũng tưởng?
 Ngự rằng: Kẻ sĩ du phương,
 Tên Châu Đạo Dẫn đem đường cho ta.

Khảo dị

- 186 Trông chừng lại thấy sâm sâm bốn lần
 187 Đến gần mới rõ bốn lần
 188 Hai lần văn thiết hai lần vọng văn
 201 Tiểu rằng xin hỏi nhân huynh.

- 205 Đang khi bối rối việc nhà,
 Nào rồi hỏi việc trái qua cùng chàng?
 Chín nghe Đạo Dẫn thổn thức,
 Rằng: Bầy Lục tặc biết toan lẽ nào!
 Tiêu rằng: Lục tặc làm sao?
- 210 Xin phân sáu ấy âm hao cho rành.
 Ngự rằng: Tai mất nhiều tình.
 Tai tham tiếng nhạc mất giành sắc xinh;
 Mũi thời tham vị hương hình.
 Miệng thời tham béo ngọt thanh rượu trà.
- 215 Vóc thời muốn bận sô sa;
 Bụng thời muốn ở cửa nhà thép son.
 Cho hay Lục tặc ấy còn,
 Khiến cợn người tục lằn mòn hư thân.
 Tiêu rằng: Nghe tiếng ngọc phân,
- 220 Chạnh lòng muốn tách côi trần chơi mây.
 Phải chi gặp Đạo Dẫn đây,
 Ta xin theo dõi tìm thầy Nhân Sư.
 Ngự rằng: Phước nguyện đem đi,
 Anh về sắm sửa lễ nghi sẵn sàng.
- 225 Vả nay vừa tiết xuân quang,
 Hẹn năm ngày nhóm hành trang cho rồi
 Thê Triền từ tạ chân lui,
 Về nhà thấy vợ ngồi ngùi đau rên.

Khảo di

- 206 Nào rồi hỏi việc *lại* qua cùng chàng

- Nhờ ơn nhạc mẫu ở
 230 Dặn dò gởi vợ *lại* lên họ Bào.
 Thứ này hai họ nghĩa gì
 Sấm đồ hành lý những bầy thùng hồ.
 Bao thời đựng cá tôm khô,
 Hồ thời đựng rượu trường đời chẳng xong.
- 235 Trái qua bờ liễu non tùng,
 Trời hiu hiu thổi gió đông đưa anh.
 Mắt nhìn trong tiết thanh minh
 U Yên đất cũ cảnh tình trêu người.
 Trăm hoa nửa khóc nửa cười,
- 240 Như tuồng xiêu lạc gặp người cố hương.
 Cỏ cây đưa nhánh đón đường
 Như tuồng níu hỏi đông hoàng ở đâu?
 Bền non đá cụm cúi đầu,
 Như tuồng oan khúc lạy cầu cứu sanh
- 245 Lú lo chìm nổi trên cành,
 Như tuồng kể mạch tình hình dân đau.
 Gió tre hiu hắt theo sau,
 Như tuồng xui giục đi mau tìm thầy.
 Dưới non suối chảy kêu ngầy,
- 250 Như tuồng nhắn hỏi sự này bởi ai?
 Hai người nhìn thấy than dài:
 Cho hay non nước nhiều loài trông xuân.

Khảo di

- 230 Dặn dò gởi vợ *lại* lên họ Bào.

Ngày xuân mà cảnh chẳng xuân,
Mây sâu gió thảm biết chừng nào thanh!

*

* *

- 255 Mảnh coi cảnh cũ thương tình
Nào hay lạc nẻo lộ trình ai xưa.
Cùng nhau ngơ ngẩn ngày trưa,
Lại may gặp bạn côi lừa ngâm thơ.
Hai người dừng gót đứng chờ,
260 Lắng nghe du sĩ lời thơ ngâm rằng

V Đạo Dẫn ngâm thi rằng:

Trời đông sùi sụt gió mưa tây,
Đau ốm lòng dân cây cỏ thây.
Phương cũ vua tôi gìn trước mắt,
Mạng nay già trẻ gởi trong tay.
Trận đồ tám quẻ còn non nước,
Bình pháp năm mùi sẵn cỏ cây.
Hỡi bạn Y Lâm ai muốn hỏi,
Đò xưa bến cũ có ta đây.

Khảo di

- 255 Mảnh xem cảnh cũ thương tình
260 Lắng nghe du sĩ lời thơ ngâm rằng

- Ngâm rồi thoát thấy Tiêu Ngư,
Vội vàng Đạo Dẫn trụ lư cười ngâm.
Chào rằng: Này kẻ tri âm,
Ngày nay lại đến Y Lâm cầu gì?
265 Ngư rằng: Đem bạn cố tri,
Đồng lòng tìm côi Nhân Sư học hành.
Dẫn rằng: Hai chữ phù sinh,
Người non kẻ nước phận đành Tiêu Ngư.
Bấy lâu sao chẳng tầm sư,
270 Đến nay lại có công dư học nghề?
Tiêu rằng: Thời vận bất tề,
Thêm lần thầy thuốc làm bê việc nhà.
Ngư rằng: Ta nghĩ giận ta,
Bởi thương con vợ mới ra hết tiền.
275 Dẫn rằng: Trong côi trần duyên,
Hai người chưa trả rồi tiền nợ vay.
Người xưa ba chuyển gãy tay,
Tức mình học thuốc mới hay làm thầy.
Tiêu rằng: Đã đến chốn này,
280 Chí lắm ra sức vén mây xem trời.
Tiên sinh trước biết nhiều nơi,
Xin thương người mọn về vơi nẻo đi.
Dẫn rằng: Mấy cụm Rừng Y,

Khảo di

- 266 Đồng lòng tìm đến Nhân Sư học hành.
281 Tiên sinh trước biết mấy nơi

- Đều noi đường cái Hiền Kỳ trở ra.
 285 Một ngày xuôi chảy một xa,
 Rốt dòng lại có chính tà khác nhau.
 Ngư rằng: Cách trở bấy lâu,
 Đường đi ngày trước lạc đâu khôn tìm
 Dẫn rằng: Đây thiết Y lâm.
 290 Nhân xu ải khỏi nào lắm chớ e.
 Ngư rằng: Dặm cù vắng hoe,
 Minh tuy có thấy không nghe biết gì.
 Dẫn rằng: Đó chớ vội đi,
 Ngày nay chưa gặp Tôn sư ở nhà.
 295 Đến am Bảo dưỡng theo ta,
 Nghỉ chơi vài bữa rồi qua Đan Kỳ.
 Ngư Tiêu theo Đạo Dẫn đi,
 Ở am Bảo Dưỡng một khi vui vậy.
 Ba người kết bạn đông tây.
 300 Chuyện trò sách thuốc lời này hỏi nhau.
 Ngư rằng: Trước ải Nhân xu,
 Mười hai kinh lạc cạn sâu chưa tường.
 Dẫn rằng: Ba âm ba dương,
 Ba ba số bội chia đường hai bên.
 305 Tay chân tả hữu hai bên,

Khảo di

- 284 Đều theo đường cái Hiền Kỳ trở ra
 296 Ở chơi vài bữa rồi qua Đan Kỳ
 302 Mười hai kinh lạc cạn sâu chưa tường

- Âm dương đều sáu dưới trên buộc ràng.
 Ngư rằng: Kinh lạc là phiêu,
 Chỗ nào khí huyết ít nhiều biết đâu
 Dẫn rằng: Khí huyết Nhân xu,
 310 Ta từng coi sách thấy câu ca rừng*
 Ngư rằng: Kinh lạc nhiều đàng,
 Người đau nhiều chứng biết toan lẽ nào?
 Dẫn rằng: Chờ hỏi thầy cao,
 Bệnh nào thuốc nấy đem vào đường kinh.
 315 Tiêu rằng: Xin hỏi tiên sinh,
 Lệ trong năm tạng ghi hình trạng sao?
 Dẫn rằng: Tổ có lời trao:
 Tạng can thuộc mộc cây rào mùa xuân.
 Sắc xanh con mắt là chừng.
 320 Hoa ra giáp móng dây gân buộc leo.
 Giấu hồn đựng máu tiếng kêu,
 Vị toan nước mắt mạch nêu chữ huyền.
 Quyết âm kinh tức ấy truyền,
 Hiệp cùng phủ đảm ngồi liền ngoài trong.
 325 Tạng tâm thuộc hỏa mạch hồng,
 Mùa hè sắc đỏ chừng trong lưới này.
 Giấu thần nuôi máu ở đây,
 Đàng mũi tiếng nói nước vậy buồn hôi.
 Thiếu âm kinh thủ phải rồi,

Khảo di

- 317 Dẫn rằng Tổ có lời rao

- 330 Hiệp cùng ngoại phủ rằng ngôi tiểu trường.
Tạng tỳ thuộc thổ sắc vàng,
Vượng theo bốn quý đều tàng ý vui.
Miệng chừng nước dãi ngọt mùi,
Tiếng ca mạch hoãn hay nuôi thịt hình.
- 335 Thái âm kinh túc đã đành,
Hiệp cùng phủ vị ngôi giành trung châu.
Tạng phế thuộc kim mạch phù.
Vị cay sắc trắng mùa thu phách dùng.
Giấu hơi nuôi khắp da lông,
- 340 Mũi chừng có khóc nước trong mũi thường.
Thái âm kinh thủ cho tường,
Hiệp cùng ngoại thủ đại trường ấy thông.
Tạng thận thuộc thủy mùa đông,
Sắc đen vị mặn chỉ dùng nuôi xương.
- 345 Tiếng rên nước nhỏ hơi ươn,
Hai tai chừng đó giữ phương mạch trầm.
Phần về kinh túc thiếu âm,
Hiệp bàng quang phủ gìn cầm hóa nguyên.
Tiêu rằng: Năm tạng đã biên,
- 350 Kìa như sáu phủ xin liền nói ra.
Dẫn rằng: Cái mật người ta,
Tượng theo xuân mộc kinh là thiếu dương.
Đảm ngoài làm phủ cho can,
Tóm vào muôn mối việc toan lo lường

Khảo dị

- 332 Vượng theo tứ quý đều tàng ý vui
354 Tóm ra muôn mối việc toan lo lường

- 355 Máy chiều ruột nhỏ tiểu trường,
Tượng theo hạ hỏa thái dương kinh cầm.
Ở ngoài làm phủ cho tâm,
Nước trôi đem xuống đặng đầm nguồn sinh.
Vị là kinh túc dương minh,
- 360 Đụng theo đất chứa việc mình uống ăn.
Bao nhiêu nước xác chứa ngăn,
Phát ra các chỗ chịu bằng quan ty.
Ở ngoài làm phủ cho tỳ,
Cái bao tử ấy thiết ghi công dày.
- 365 Đại trường ruột lớn liền đây,
Dương minh kinh thủ tượng vậy thu cầm.
Ngôi theo nhờ phế hơi cầm,
Vật ăn bã xác xuống hầm phần ra.
Bàng quang thiết bọng đại ta,
- 370 Tượng theo đông thủy kinh là thái dương.
Ngôi theo ngoài chốn thận hương,
Hóa hơi nước xuống làm đường niệu tân.
Tam tiêu phủ ấy ba tầng,
Kiềm trên giữa dưới gọi rằng tam tiêu.
- 375 Trên thâu ăn uống nạp nhiều,
Giữa chia trong đục dưới điều gạn ra,
Làm đường nước xác trái qua,
Nhờ ba hơi ấy tiêu hòa máu hơi.
Trước sau bủa khắp ba hơi,
- 380 Thiếu dương kinh thủ thiết nơi dinh người.
Tiêu rằng: Kinh lạc mười hai,

Tặng phủ mười một biết hài thế sao?

Dẫn rằng: Trước có lời rao:

Quyết âm kinh thủ tâm bào lạc nêu.

385 Tâm bào cùng phủ tam tiêu.

Trong ngoài hai ấy chia đều âm dương.

Muốn làm thầy đặng chữ lương,

Bệnh trong tạng phủ phải lường thực hư.

Rồi đây hỏi lại Nhân Sư,

390 Xin phân chứng thực chứng hư cho rành.

Ngư rằng: Kia bốn Ngũ hành,

Chia ra nẻo khắc nẻo sanh làm gì?

Dẫn rằng: Trên dưới hai nghi,

Có năm hành ấy hóa ky xây vắn.

395 Mộc kim thủy hỏa thổ phân,

Sinh phân ấy tốt khắc phân ấy hư.

Muốn cho rõ lẽ nên hư,

Coi lời sinh khắc Tổ sư ca rằng *:

Ai mà rõ lẽ ngũ hành,

400 Việc trong trời đất dữ lành trước hay.

Trên thời mưa móc gió mây,

Dưới thời non nước cỏ cây muôn loài.

Giữa thời nhà cửa đền đài,

Năm hành tóm việc ba tài nhỏ to.

Khảo di

383 Dẫn rằng: trước có lời rao:

405 Ví dù tạo vật mấy lò,

Hóa công mấy thợ một pho ngũ hành.

Muốn coi phép ấy cho tinh,

Đồ thư Hà lạc Dịch kinh rô bàn.

Ngư rằng: Nơi ải Thiên can,

410 Có non Ngũ Vắn để toan việc gì?

Chưa hay chủ vận là chi?

Lại thêm khách vận sách ghi nhộn nhàng.

Dẫn rằng: Mười chữ Thiên can,

Anh em thứ lớp rõ ràng chẳng sai.

415 Anh em một gái một trai,

Âm dương chia khác lâu dài năm phương,

Giáp át mộc ở đông phương,

Bính đinh hỏa ở nam phương tỏ tường.

Mô kỷ thổ ở trung ương,

420 Canh tân kim ở tây phương vì thường.

Nhâm quý thủy ở bắc phương,

Đều rằng "chủ vận" sử đương việc trời.

Năm ngôi chủ vận chẳng dời,

Năm nào theo này có lời thơ xưa.

Khảo di

405 Ví dù tạo hóa mấy lò,

412 Lại thêm khách vận sách ghi rộn ràng,

420 Canh tân kim ở tây phương ấy thường,

424 Năm nào theo này có lời thơ ca.

- 425 Năm nhà đều có tức duyên,
 Vợ chồng sánh hiệp tách miền theo nhau.
 Anh Giáp chị Kỷ cưới nhau,
 Hóa ra vận thổ trước sau chẳng lằm.
 Ất Canh hiệp lại hóa cam,
 430 Đinh Nhâm hiệp lại hóa trầm mộc cây.
 Bính Tân hóa thủy nước đầy,
 Anh Mô chị Quý hóa vầy hỏa quang.
 Muốn coi năm hóa tạo đoan,
 Gọi rằng "khách vận" này chàng nghe thơ *
 435 Kể từ năm hóa ấy ra,
 Làm năm vận khách xây mà theo niên.
 Trọn mười hai tháng một năm,
 Noi theo khách vận, thay phiên đi liền.
 Giả như giáp kỷ chi niên,
 440 Hóa ra hành thổ thiết truyền vận sơ.
 Thổ sinh Kim ấy vận nhĩ,
 Kim sinh thủy vận lại trì vận ba,
 Thủy sinh mộc vận thứ tư,
 Mộc sinh hỏa vận trọn từ năm nay.
 445 Mỗi vận bảy mươi hai ngày,

Khảo dị

- 426 Vợ chồng *phối* hiệp tách miền theo nhau.
 442 Kim sinh thủy *ấy* lại trì vận ba
 443 Thủy sinh mộc vận *tứ ra*
 444 Mộc sinh hỏa vận *trọn là* năm nay

- Lại dư năm khắc cứ vầy toán qua
 Lấy năm giáp kỷ suy ra,
 Bao nhiêu năm nữa đều là như đây.
 Lại xem vận khách đổi xây,
 450 Thái quá bất cập lẽ này cho minh.
 Năm giáp bính mậu nhâm canh,
 Thiết năm thái quá đã dành dương phân.
 Năm đinh ất kỷ quý tân,
 Thiết năm bất cập về phần âm can.
 455 Thái quá trước tiết đại hàn,
 Mười ba ngày vậy giao bàn tiên thiên,
 Bất cập sau tiết đại hàn,
 Mười ba ngày vậy giao bàn hậu thiên.
 Cho hay trời có hậu tiên,
 460 Mười can trên ở vận liên xây đi.
 Ngự rằng: Kia ải Địa chi,
 Có non Lục khí đường đi lộn nhẫu.
 Chưa hay chủ khí ở đâu,
 Lại thêm khách khí để âu việc gì?

Khảo dị

- 456 Mười ba ngày *chẩn* giao bàn tiên thiên
 458 Mười ba ngày *chẩn* giao bàn hậu thiên
 460 Mười can trên *dưới* liên liên xây đi

- 465 Dẫn rằng: Trong ái Địa chi;
 Có mười hai chữ thứ đi xây vãn.
 Dẫn mẹo thuộc mộc mùa xuân;
 Tỵ ngộ thuộc hỏa ở chung mùa hè
 Mùa thu thân dậu kim khoe,
 470 Mùa đông hợi tỵ nước be dững tuyền.
 Thìn tuất sừ mùi đất liền,
 Vượng theo tứ quý chỗ chuyên bốn mùa.
 Vậy nên sáu khí ẩn bùa,
 Khí phong thứ nhất thổi lửa gió xuân.
 475 Thứ nhì khí hòa lửa phừng.
 Thứ ba khí thử nóng hừng viêm oai.
 Thứ tư khí thấp ướt bài,
 Thứ năm khí táo ráo phơi hơi nồng.
 Thứ sáu là khí hàn chung
 480 Sắp ra thứ lớp giữ trong bốn mùa.
 Kêu rằng "chủ khí bốn mùa"
 Có bài thơ cổ để tua thuộc lòng.*
 Sáu hơi chủ khí chẳng dời,
 Năm nào theo nấy tại trời ở an.
 485 Mỗi năm từ tiết đại hàn,
 Chính trong ngày ấu giao sang khí đầu.

Khảo di

- 466 Có mười hai chữ *cứ* đi xây vãn
 468 Tỵ ngộ thuộc hỏa về chung mùa hè
 478 Thứ năm khí táo ráo bay hơi nồng

- Hơi bình chẳng trước chẳng sau,
 Tề thiên hai chữ sách tàu rõ biên.
 Kêu rằng "bình khí chi niên",
 490 Vị hơi chủ khí chính chuyên giữ phòng.
 Kể từ sau cặp đối xong
 Định ngôi khách khí xây dòng chia ra.
 Tý đối với Ngọ một tòa,
 Làm ngôi quân hỏa ở nhà thiếu âm;
 495 Sửu mùi cặp đối thái âm,
 Làm ngôi thấp thổ thấm dầm năm phương.
 Dần thân cặp đối thiếu dương,
 Làm ngôi tướng hỏa sử dương việc mình.
 Mẹo dậu cặp đối dương minh,
 500 Làm ngôi kim táo bày hình khô khan.
 Thìn tuất cặp đôi thái dương,
 Làm ngôi hàn thủy băng sương trầm trầm.
 Tỵ hợi cặp đối quyết âm,
 Làm ngôi phong mộc âm âm gió cây.
 505 Sau ngôi khách khí đối xây,
 Giữ trời giữ đất từ đây chia miền.
 Giả như tỵ ngộ chi niên,
 Thiệt ngôi quân hỏa việc chuyên giữ trời.
 Lấy hai năm ấy làm lời,

Khảo di

- 490 Cho hay hơi chủ chính chuyên giữ phòng

510 Còn mười năm nữa cũng đời như nhau. *

Cho hay quân hỏa giữ trời,
Táo kim giữ đất hai nơi cầm quyền.
Một khí ở trên tư thiên,
Hai khí tả hữu xen liền theo bên.

515 Một khí ở dưới tư tuyến,
Hai khí tả hữu xen liền theo bên.
Trên dưới sáu khí chia miền,
Mặt nam mặt bắc cầm quyền một năm.
Giả như tý ngộ chi niên,

520 Đất xen bên tả làm truyền khí sơ;
Trời xen bên hữu khí nhị;
Tư thiên ngôi chính ấy truyền khí ba;
Trời xen bên tả khí tứ,
Đất xen bên hữu lại từ khí năm;

525 Tư tuyến làm khí sáu chung,
Bốn mùa hơi khách thay dòng đổi xây.
Một khí là sáu mươi ngày,
Tám mươi bốn khắc nửa rày hữu cơ.
Ta nêu hơi khách đầu bờ,

530 Kia lời yếu quyết xưa thờ rất vui.

Khảo dị

522 Tư thiên ngôi chính ấy thì khí ba

523 Trời xen bên tả tư ra

524 Đất xen bên hữu thật là khí năm

Mỗi niên thối lại hại ngôi,
Nhận làm làng khách cứ xuôi đếm liền.

Loại như ngôi tý tư thiên,
Thối về ngôi tuất ấy biên khí đầu;

535 Hai heo ba chuột bốn trâu,
Năm hùm sáu thỏ trọn xâu tư tuyến.

Lại như ngôi mẹo tư thiên,
Thối về ngôi Sửu dấy truyền khí sơ.

Hai hùm ba thỏ bốn rồng,

540 Năm rắn sáu ngựa trọn công tư tuyến.
Lấy hai năm ấy lệ biên,

Bao nhiêu năm nữa cũng truyền có phiên.
Như năm thấp thổ tư thiên,
Thời ngôi hàn thủy tư tuyến là phiên.

545 Như năm hàn thủy tư thiên,
Thời ngôi thấp thổ tư tuyến đôi phiên.

Như năm tướng hỏa tư thiên,
Thời ngôi phong mộc tư tuyến đến phiên.

Như năm phong mộc tư thiên,

550 Thời ngôi tướng hỏa tư tuyến trọn niên.

Lại coi khách khí dưới trên,
Chính hóa đối hóa hai bên chẳng đồng.

Sáu năm chính hóa gốc trồng,

Khảo dị

532 Nhận làm làng khách cứ xuôi đến liền

538 Thối về ngôi Sửu dấy truyền khí chung

- Ngựa dê gà cộp heo rông lung tung.
 555 Sáu năm đôi hóa ngọn đuông
 Chuột trâu khi thỏ rần muông đua giành.
 Chính hóa theo gốc số sanh,
 Đối hóa theo ngọn số thành thật hư.
 Cho hay chữ thực chữ hư.
 560 Rằng phiêu rằng bốn đều từ ấy ra.
 Sau rồi giờ sách y tra,
 Tiềm tâm mới thấy lời ta tỏ bày.
 Tiểu rằng: Trời đất máy xây,
 Năm vận sáu khí nghe nay tỏ tường.
 565 Còn e khách chủ hai đàng,
 Theo năm chọn rón khó toan rờ ròi,
 Dẫn rằng: Vận lấy vận coi,
 Khí theo khí xét có mối sách biên.
 Giả như giáp tý chi niên,
 570 Khách vận khách khí chia quyền một năm.
 Giáp làm thổ vận mỗi cầm,
 Tý làm quân hóa khí thâm xây di.
 Khách gia trên chủ chẳng vì,
 Chủ lòn dưới khách hóa khí ngưng tà.
 575 Thời trời bởi ấy chẳng hòa,
 Trái theo hơn thiệt mới ra bất tề!

Khảo dị

564 Năm vận sáu khí nghe dây tỏ tường

- Mùa xuân hơi ấm chẳng về,
 Lại thêm hơi gió thê thê ớn mình.
 Mùa hè hơi nóng chẳng lành,
 580 Khí âm núp ở nóng giành ngôi dương.
 Mùa thu chẳng trọn khí lương,
 Dầm dề mưa khó đi đường kêu than.
 Mùa đông chẳng ngọn khí hàn,
 Xen hơi nóng nực giá tan keo hình.
 585 Phong hơn thời đất giẽ mình,
 Hỏa hơn thời đất quanh hình sượng cam,
 Thử hơn thời đất nóng hầm,
 Thấp hơn thời đất ướt dầm bùn ô.
 Táo hơn thời đất ráo khô,
 590 Hàn hơn thì đất nứt mô lở về,
 Nhớ câu "khí hậu bất tề"
 Theo hơi độc ác đổ về dân đau.
 Cho hay chủ khách sinh nhau,
 Gọi rằng tương đắc trước sau hòa lành.
 595 Phần e chủ khách khắc giành,
 Rằng không tương đắc mới sanh bịnh tà
 Ngũ hành con oán ngôi cha,
 Gọi rằng bất đáng mới ra lẽ ngầy.
 Tiểu rằng: Vận khí biến vậy,

Khảo dị

595 *Chín* e khách *khí* khắc giành

598 Gọi rằng bất *hiệp* mới ra lẽ ngầy

- 600 Mấy năm thuận nghịch xin thầy chia riêng.
 Dẫn rằng: Y học rõ biên,
 Năm nào vận khắc tứ thiên nghịch tâm.
 Tứ thiên sinh vận thuận tâm,
 Vận đồng với khí rằng năm thiên phù.
- 605 Sáu mươi năm giáp một chu,
 Mười hai năm gọi thiên phù rõ phân.
 Loại như mậu tý mậu dần,
 Mậu thân mậu ngọ bính thân tuất chi.
 Cùng năm kỷ Sửu kỷ vị,
- 610 Mẹo dậu hai ất Hợi tỵ hai đinh.
 Cho hay vận khí đồng tình,
 Mười hai năm ấy thiết danh thiên phù.
 Vận lên ngôi khí ở sau,
 Gọi rằng tuế hội đếm đầu tám chi.
- 615 Loại như kỷ Sửu kỷ vị,
 Giáp Thìn giáp Tuất Thổ vì Thổ lâm.
 Đinh Mão Mộc ất Dậu Cầm,
 Bính Tí Mậu Ngọ nước Ngâm lửa Dầu.
 Thiên phù tuế hội hiệp nhau,
- 620 Gọi rằng thái ất thiên phù bốn chi,
 Loại như kỷ Sửu kỷ vị,
 Ất Dậu Mậu Ngọ hơi đi một bờ.

Khảo dị

600 Mấy năm thuận nghịch xin thầy *phân riêng*

- Lấy năm coi tháng ngày giờ,
 Tháng ngày giờ cũng có ngày tư thiên.
- 625 Giả như mậu ngọ ngày kiên,
 Vận đồng với khí là duyên thiên phù.
 Cho hay tuế hội thiên phù,
 Gặp ngày năm ấy bính dậu khó lành.
 Ta nay đón nói việc Kinh,
- 630 Máy trời lăm chỗ gặp ghềnh sâu xa.
 Mười hai năm gọi bất hòa,
 Bởi vận khắc khí mới ra bất bình.
 Mười hai năm gọi thiên hình,
 Bởi khí khắc vận đua giành tai nguy.
- 635 Vận mà sinh khí lỗi nghi,
 Gọi rằng tiểu nghịch thị phi nhận nhằng.
 Khí mà sinh vận thời an,
 Gọi rằng thuận hóa muôn ngàn cõi vui.
 Nhiệm màu chẳng những vậy thôi,
- 640 Can chi còn có hai ngôi đức phù.
 Lại đồng tuế hội thiên phù,
 Vận đi suy tị phải âu xét bàn.
 Nội kinh câu chữ rõ ràng:

Khảo dị

- 624 Tháng ngày giờ cũng có *cờ* tư thiên
 626 Vận đồng với khí *rằng* duyên thiên phù
 629 Ta nay *ước* nói việc Kinh
 630 Máy trời *chón* chỗ gặp ghềnh sâu xa.
 643 Nội kinh có chữ rõ ràng

- Kháng hại thừa chế khuyển chàng găng coi.
 645 Hữu dư bất túc rẽ rời,
 Xuất nhập thẳng giáng hẳn hoi chẳng ngoa.
 Mỗi năm trước vẽ đồ ra,
 Xét so vận khí chính tà thời hay.
 Như vậy mới phải gọi thầy,
 650 Giúp công hóa dục cứu bầy dân đen.
 E người học đạo chẳng chuyên,
 Vào tai ra miệng luống phiền lòng ta.
 Tiêu rằng: Kinh nghĩa kín xa,
 Một câu kháng hại... nghe qua chưa tường.
 655 Dẫn rằng: Đây gặp giữa đường,
 Nói phô kinh sách mạng trượng khó lòng,
 Muốn cho biết lẽ tinh thông,
 Lăn vào cửa đạo hỏi ông Đan Kỳ.
 Học rồi thấy chỗ ư vi.
 660 Phép mầu y nhiệm rộng suy giúp đời.
 Ngư rằng: Xin dạy cặn lời,
 Trong rừng Bốn thảo nhiều nơi chưa tường.
 Kia mười hai bộ đan phương,
 Mấy mùi mấy tánh mở đường tự ai?
 665 Dẫn rằng: Bốn thảo nhiều loài,
 Kể ra cho hết chuyện này và lâu.

Khảo dị

659 Học rồi biết chỗ ư vi

666 Kể ra cho hết chuyện dài và lâu

- Một bộ Kim thạch ở đầu;
 Trăm ba mươi tám giống sưa đá vàng.
 Một bộ Thảo thượng giàu sang,
 670 Chín mươi lăm giống rõ ràng hột hoa.
 Một bộ Thảo trung nói ra,
 Chín mươi bảy giống gốc chà lá cây.
 Một bộ Thảo hạ rộng xây,
 Trăm hai mươi có ba loài củ căn.
 675 Một bộ Mộc thọ giảng giảng,
 Một trăm sáu chục bảy rằng giống cây.
 Một bộ Nhân ấy thuốc vậy,
 Có hai chục vị đủ xây ra dùng.
 Ấy là Thú vật thuốc sung,
 680 Chín mươi một giống mật lòng da xương.
 Một Bộ Cẩm diêu thuốc thường,
 Ba mươi bốn giống đều dưỡng cánh lông.
 Một bộ Trùng ngư thuốc chung,
 Chín mươi chín giống non sông khắp vơi.
 685 Một bộ Mễ cốc nuôi đời,
 Ba mươi tám giống nơi nơi vun trồng.
 Một bộ Quả phẩm thanh phong,
 Có bốn mươi giống trái nồng hơi hương.
 Một bộ Sơ thể khắp phương,
 690 Sáu mươi hai giống lá vườn thơm tho.

Khảo dị

678 Có hai chục vị đã xây ra dùng.

Cộng mười hai bộ toán cho,
 Một nghìn bốn vị đều lò hóa công.
 Từ xưa có họ Thần Nông,
 Thay trời trị vật tấm lòng yêu dân.

- 695 Trải đi nếm vị khổ tân,
 Một ngày hơn bảy mươi lần trúng thương.
 Thử rồi muôn vật âm dương,
 Tập làm Bốn thảo để phương cứu đời.
 Thuốc tuy nhiều vị khác hơi,
 700 Chẳng qua sáu tính ở nơi năm mùi.
 Năm mùi dưới đất nên hình,
 Trên trời cho tính rộng vinh theo mùa.
 Đắng cay ngọt lạt mặn chua,
 Năm mùi hơi giúp khá tua chia bàn.
 705 Cay thời hơi nhóm hay tan;
 Chua hay thấu lạt mặn ăn nhuyễn bền;
 Đắng thời hay dội nóng lên,
 Ngọt hay lơi chậm lạt nên lọc lường.
 Vị cay ngọt lạt thuộc dương,
 710 Vị chua đắng mặn tố tường thuộc âm.
 Có vị dương ở trong âm,

Khảo dị

- 700 Chẳng qua sáu tính ở nơi năm hành
 705 Cay thời hay nhóm hơn tan
 706 Chua hay thấu góp mặn ăn nhuyễn bền
 712 Âm trong dương ấy mỗi cảm nhiệm thay

- Âm trong dương ấy máy cảm nhiệm thay.
 Khác nhau hơi mỏng hơi dày,
 Hơi trong hơi đục chỗ thay chẳng đồng.
 715 Trộn gìn sáu tính tinh thông,
 Gọi rằng thẳng giảng ấy cùng ôn lương.
 Bỏ hư tả thiệt mọi đường,
 Cho hay tính thuốc nhiều đường sâu xa.
 Xưa chia năm vị ấy ra,
 720 Làm binh sáu cửa ngăn tà sáu dâm.
 Phong môn cây gió âm âm,
 Có mùi cay mát giữ cảm cửa phong.
 Lửa hừng cửa nhiệt nóng hung,
 Có mùi mặn lạnh chỗ phòng nhiệt môn.
 725 Đắt trong cửa thấp ướt đồn,
 Có mùi cay nóng giữ đồn thấp quan.
 Vàng nằm cửa táo khô khan,
 Có mùi đắng ấm giữ đàn táo hương.
 Nước là cửa lạnh băng sương,
 730 Có mùi cay nóng giữ đường hàn môn.
 Lại thêm sang độc một môn,
 Nhóm cho thuốc ghẻ, đóng đồn ngoại khoa.
 Phải coi năm vị ấy ra,
 Gọi là úy ố, gọi là phản nhau.

Khảo dị

- 731 Lại thêm sang độc một phần

- 735 Có mười tám vị phản nhau,
Lại mười chín vị úy nhau chẳng hiền.
Sách y xưa có lời biên,
Phản cùng úy ở nhà trường lời rao *
Tiêu rằng: Xin cạn lời trao,
740 Lê xưa dùng thuốc đường nào dạng tinh?
Dẫn rằng: Gắng sức học hành,
Rộng xem sách thuốc gẫm tình dùng phương.
Nhớ câu đối chứng lập phương,
Quân thần tá sứ đo lường chớ sai.
745 Vua tôi hòa hiệp theo loài,
Đừng cho phản úy làm tai hại người.
Mở ra mấy cửa chỉ người,
Bảy phương đã sẵn lại mười tể giơ.
Phương là đại tiểu ngẫu cơ,
750 Phúc cùng hoân cấp sở sở khá trông.
Tể là bổ tả tuyên thông,
Trọng khinh hoạt sấp tảo cùng thấp thôi.
Bảy phương mười tể biết rồi,
Mặc trao thang tán mặc giới hoàn đan.

Khảo dị

738 Phản cùng úy ở nhà truyền lời thơ

739 Ngự rằng: Xin cạn lời trao.

- 760 Ít nhiều cân lượng đón bàn phân minh.
Phải coi vị thuốc cho rành,
Gạn màu thiết giả xét hình mới lâu.
Lại xem bào chế phép mầu,
Khuyên dùng lỗi tính nào cầu khéo tay.
Sẵn dùng muối mặn gừng cay,
Dấm chua mật ngọt rượu chay đồng tiền
Coi theo vị thuốc chế liền.
Hoặc sao hoặc nướng hoặc chuyên nấu dầm.
765 Chớ cho vị độc hại thâm,
Khiến vào kinh lạc chẳng lằm mới hay.
Mật ong vào phế là thầy,
Muối kia vào thận dấm này vào can.
Nước gừng vào chỗ tỳ quan,
770 Rượu cùng nước đái vào bàng tâm kinh.
Cho hay mấy vị dẫn kinh,
Muốn nên công hiệu phải tinh chế dùng.
Vị nào dùng sống rạch ròng,
Vị nào dùng chín tột lòng mới nên.
775 Lại nhìn vật cấm chớ quên,
Răn người uống thuốc cho bền cử ăn.
Mặn thời chạy máu làm nhặng,

Khảo dị

762 Dấm chua mật ngọt rượu say đồng biên

775 Lại gìn năm cấm chớ quên

- Hỡi ai bệnh máu chó ăn mặn mòi.
 Cay thời hơi chạy chẳng thôi,
 780 Hỡi ai bệnh khí chó giò ăn cay.
 Đắng thời hay chạy xương ngay,
 Hỡi ai cốt bệnh đắng rày chó ăn.
 Chua thời hay chạy gân sần,
 Hỡi ai cân bịnh chó ăn chua nhiều.
 785 Ngọt thời chạy thịt có chiều
 Hỡi ai nhục bịnh chó điều ngọt ăn.
 Thánh xưa căn kẻ bảo răn,
 Hễ bưng thuốc uống vật ăn phải dè.
 Vật ăn nhiều món khát khe,
 790 Miệng thêm chẳng nhịn thời e hại mình.
 Giả như thuốc có truat linh,
 Thấy mùi tỏi dấm thật tình chẳng ưa.
 Uống trà thời chó ăn dưa,
 Hoàng liên cát cánh phải chừa thịt heo.
 795 Thường son hành sống chẳng theo,
 Địa hoàng củ cải lại chèo nhau ra.
 Thịt trâu ngưu tất tránh xa,

Khảo dị

- 778
 780 Hai chữ *hỡi ai* trong những câu đây, bản TVĐ đều
 782 để *hỡi ôi!*
 784
 786

- Xương bồ bán hạ chẳng hòa thịt dè.
 Vật ăn khắc thuốc bộn bề,
 800 Mỡ dầu thịt cá ê hề ăn dai.
 Trái cây rau lá nhiều loài,
 Cữ kiêng thời khá kéo nài thời đau.
 Ta xin đón nói một câu:
 "Bệnh tòng khẩu nhập" phải âu giữ mình.
 805 Phải dùng thuốc muốn cho linh,
 Hiệp theo thủy hỏa sinh thành số dương.
 Như vậy mới thiết tiên phương,
 Mới rằng tâm pháp rộng đường xưa nay.
 Sau rồi coi sách thời hay,
 810 Lời ca thi quyết ta nay truyền lòng. *
 Tiêu rằng: Xuân hạ thu đông,
 Bốn mùa dùng thuốc chưa thông đạo thường.
 Dẫn rằng: Trời bốn khí thường,
 Xuân ôn hạ nhiệt thu lương đông hàn.
 815 Theo mùa dùng thuốc thời an,
 Mùa nào khí nấy phải toan nhớ giới.
 Mùa xuân thời khí ẩm bồi,

Khảo dị

- 800 Mỡ dầu thịt cá *ê hề* nói dai
 801 Trái cây rau sống nhiều loài
 805 *Phép* dùng thuốc muốn cho linh
 806 Hiệp theo *nước lửa* sinh thành số dương
 817 Mùa xuân thời khí *nóng* bồi

- Hốt trong thang thuốc gia mùi thanh lương.
 Mùa hè thời khí nóng thương,
 820 Hốt trong thang thuốc thêm lương cho nhiều.
 Mùa thu khí mát hiu hiu,
 Gia vào vị ấm mới điều hơi dương.
 Mùa đông khí lạnh thấu xương,
 Gia vào vị nóng ngăn đường ta âm.
 825 Nào lo trị thuốc còn lắm,
 Bốn mùa tay thuốc đều cầm ở ta.
 Kinh rằng: "Vật phát thiên hòa,
 Tất tiên tuế khí" ấy là lời ngay.
 Đạo thường giữ vậy thời hay,
 830 Dù nhằm bệnh biến mặc tay dùng quyền.
 Làm thầy há dễ một thiên,
 Lòng hay chế biến cho chuyên mới ròng,
 Tiêu rằng: Tính thuốc bằng thông,
 Cứ theo Bản thảo xây dùng nên chẳng?
 835 Dẫn rằng: Bản thảo có ngăn,
 Xem kinh Tố vấn bịnh căn mới tường.
 Biết đau bởi khí nào thương,
 Lửa theo tính thuốc dựng phương ra dùng.
 Hỡi ôi! Học thuốc dày công,
 840 Còn nhiều phép báu ở ông Đan Kỳ.

Khảo dị

- 820 Hốt trong thang thuốc thêm *phương lạnh* nhiều.
 825 Nào lo trị *bệnh* thuốc lắm.
 840 Còn nhiều phép báu ở ông Đan Kỳ

- Ngư rằng: Mối đạo Rừng Y,
 Nói quan mở lại tên gì xin nghe?
 Dẫn rằng: Ta chẳng nói khoe
 Lớn thay đạo thuốc chống bè hóa công.
 845 Viêm Hoàng là họ Thần Nông,
 Ghi ra Bản thảo thiết công mở đầu.
 Có vua Hoàng đế lớp sau,
 Có ông Kỳ Bá hỏi nhau nạn đời.
 Nội kinh từ ấy nên lời,
 850 Văn trời lý đất bệch người đủ biên.
 Nhớ câu y đạo đại nguyên,
 Một pho Tố vấn lưu truyền xưa nay.
 Hai mươi bốn quyển rõ bày,
 Trong chia tám chục một rày thiên danh.
 855 Mấy lời đại luận rất tinh,
 Phép mẫu ý nhiệm mấy linh không cùng.
 Về đường kinh lạc ngoài trong,
 Xây năm vận khí cách chống theo năm.
 Trị ngoài có phép biêm châm.
 860 Trong thời thang dịch sửa cầm mạng dân.
 Từ Hiên kỳ thị xuống lần,

Khảo dị

- 846 *Dọn* ra Bản thảo thật công mở đầu
 847 Có vua Hoàng Đế *nói* sau
 848 *Cùng* ông Kỳ Bá hỏi nhau nạn đời
 858 Xây năm vận khí cách chống *nhiều* năm

- Đời nào cũng có bậc thần thánh ra.
 Như ông Biển Thước nhà ta,
 Tám mươi một quyển gọi là Nạn kinh
 865 Như ông Hoàng Phủ tài lành,
 Dọn kinh Giáp ất để danh thơm đời.
 Hán Đường dẫn xuống nhiều đời,
 Ông Trương Trọng Cảnh mấy người dám tham?
 Cõi pho Kim quỹ Ngọc hàm,
 870 Trong ngoài hư thực phép làm rộng xa.
 Hà gian Lưu tử nổi ra,
 Bệnh nguyên Yếu chỉ sách nhà hai pho.
 Đông Viên ông Lý trời cho,
 Mười pho vẹn tốt ý dò thăm sâu.
 875 Đan Khê lại có thầy Châu,
 Nhóm kinh sách thuốc dạng pho "đại thành".
 Ấy đều noi gốc Nội kinh,
 Diễn ra làm sách tinh anh cứu người.
 Y thơ kể hết các nơi,
 880 Buồn trâu đầy cột sách đời biết bao!
 Tiêu rằng: Sách thuốc chào rào,
 Bọn ta tính học bộ nào cho hay?
 Dẫn rằng: Đạo thuốc xưa nay,
 Hơn trăm bộ sách đều thay thánh hiền.
 885 Người sau lấy việc công truyền,
 Tối trong có chỗ chú biên lỗi lầm.
 Hỡi ai muốn trọn đạo tâm,

- Xét nguồn tổ gốc rộng tâm trong Kinh,
 Nghĩa trong kinh biết dạng tình,
 890 Chỗ hay nương lấy ý mình suy ra,
 Lại coi các sách bách gia,
 Chiết trung hai chữ mặc ta học đời.
 Đạo đời ai dễ giấu mờ
 Dón nơi đại khái hẳn hoi chỉ cho.
 895 Trước coi Bốn thảo làm đồ,
 Sau xem Tố vấn chín so bệnh tình,
 Muốn xây vị thuốc hành kinh,
 Lôi công Bào chế phép linh để lòng,
 Muốn xây thang dịch chó rờng.
 900 Phép ông Y Doãn tới trong lo lường.
 Bệnh người ngoại cảm nhiều phương,
 Học ông Trọng Cảnh một đường cho chuyên,
 Nội thương học phép Đông Viên,
 Bao nhiêu chứng nhiệt học quyền Hà Gian.
 905 Kia như tạp bệnh nhộn nhàng,
 Đan Khê phép cũ khuyên chàng sử đương.
 Mạch kinh đọc sách họ Vương,
 Sự thân đọc sách ông Trương Tử Hòa.
 Hỡi ôi! kỹ được lắm khoa,

Khảo di

- 895 Trước xem Bốn thảo làm đồ
 896 Nối xem Tố vấn chín so bệnh tình
 897 Muốn sai thang dịch cho rờng
 909 Hỡi ôi, nghe thuốc lắm khoa.

- 910 Kể cho hết sách nói ra bướu thừa.
 Sách nhiều mà lý càng thừa,
 Phương nhiều mà phép so xưa lỗi dòng.
 Muốn cho nguồn sạch dòng trong,
 Nêu ngay bóng thẳng ghi lòng lời ta!
- 915 Ngư rằng: Miếu tổ một tòa,
 Thờ trong bài vị ấy là bậc chi?
 Dẫn rằng: Trong miếu Rừng Y,
 Tổ xưa vốn họ Phục Hy thuở đầu;
 Thiên nguyên sách ngọc trước trau,
- 920 Mười đời khỏi đến Du khu đọc truyền.
 Linh khu Tổ vấn nói biên,
 Nói theo vua thánh tôi hiền đời ra.
 Họ tên kể đặng mười ba,
 Đều người thượng cổ y khoa mở dòng.
- 925 Nho y bốn chục một ông,
 Đều người kinh sử dày công học hành.
 Theo trong khoa mục là mình,
 Trương Tôn bọn ấy ruổi danh trên đời.
 Minh y chín chục tám người.
- 930 Tân Sào bọn ấy tài tươi sáng lò.

Khảo dị

- 918 Tổ xưa vốn họ Phục Hy làm đầu
 920 Mười đời tới Quý Du Khu đọc truyền
 922 Nói theo vua thánh tôi hiền dạy ra
 928 Trương Tôn bọn ấy dôi danh trên đời

- Thế y hai chục sáu nhà,
 Lâu Từ bọn ấy nổi cha thuở này.
 Đức y mười có ba thầy,
 Từ Tiên bọn ấy lòng đầy yêu thương.
- 935 Tiên y như bọn Trường Tang,
 Có mười chín họ truyền phang nhiệm mầu,
 Tánh danh cộng đếm trước sau:
 Hai trăm một chục có đầu tiên sư.
 Tiêu rằng: Trước họ Phục Hy,
- 940 Chưa hay nghề thuốc tên chi mở đường?
 Dẫn rằng: người thuở Tam Hoàng,
 Có ông Tụ Thái mở mang mối đầu.
 Dạy ông Kỳ Bá học sau,
 Huyệt đo kinh lạc phép mầu cứu châm.
- 945 Ngư rằng: Trong phép cứu châm,
 Chẳng chờ thuốc uống mà âm dương hòa.
 Xin lời vàng ngọc nhả ra,
 Sách ông nào bí về ta học hành.
 Dẫn rằng: Muốn học mấy linh.
- 950 Coi chừng trời đất trong hình người ta.
 Độ trời giáp một năm qua,

Khảo dị

- 932 Lâu Từ bọn ấy nổi cha ngiệp này
 933 Đức y mười có tám thầy.
 938 Hai trăm một chục năm đầu tiên sư
 949 Dẫn rằng: Muốn thấy mấy linh

- Ba trăm sáu chục lẻ rã năm ngày.
 Minh người kể khắp chân tay,
 Ba trăm sáu chục năm vài lóng xương.
 955 Đếm theo kinh lạc âm dương,
 Ba trăm sáu chục năm đường huyết danh.
 Khá coi Hoàng Phủ Châm kinh,
 Cảnh Khôi Cứu pháp cùng Minh Đường đồ.
 Huyết nào sâu cạn phải đo,
 960 Bệnh nào bổ tả phải dò cho thông.
 Nhớ câu "đoạt được chỉ công",
 Phép châm cứu ấy chẳng đồng phương thơ.
 Tiêu rằng: Ta hãy còn mờ,
 Ngoại khoa phép bí biết thờ ông chi?
 965 Dẫn rằng: Tôi thuở Hiên Kỳ,
 Có ông Du Phủ khôn bì ngoại phang.
Bệnh người chẳng dụng thuốc thang,
 Xẻ da mổ bụng rửa gan cạo trường.
 Hoa Đà sách cũng khác thường,
 970 Hùng kinh Chi Cố nhiều phương rất kỳ,
 Cho hay mấy bậc thần y,
 Để kinh sách lại thiếu gì ngoại khoa.
 Đan Khê sau nhóm các nhà,
 Bổ di một bộ ngoại khoa thêm rành.
 975 Khuyên người gắng đọc Nội kinh,

Khảo dị

959 Huyết nào sâu cạn *chín* đo.

- Sờ sâu mò kín tỏ tình ngoài trong.
 Ngư rằng: Kia bốn lẫu song,
 Chưa hay bốn ấy để phòng coi chi?
 Dẫn rằng: Tân pháp nhà y,
 980 Vọng văn vấn thiết chữ ghi bốn lẫu,
 Vọng là xem sắc người đau,
 Văn là nghe tiếng nói màu thấp cao.
 Văn là hỏi chứng làm sao,
 Thiết là coi mạch bệnh nào thiết hư.
 985 Sau rồi thông thả học sư,
 Bốn lời yếu quyết ta chừ đọc cho. *
- Tiêu rằng: Xem bệnh tử sanh,
 Phép ông nào trợn xin rành dạy ta.
 Dẫn rằng: Xưa có Thúc Hòa,
 990 Xem hình sát sắc ít nhà dám chê.
 Chẳng chờ miệng nói tai nghe,
 Máy mò sống thác khôn che mắt thần.
 Nay trau con mắt phong trần,
 Coi lời ca quyết sáng ngần hơn châu. *
- 995 Ngư rằng: Mạch lý u vi,
 Chưa hay hình trạng mạch đi ít nhiều?

Khảo dị

984 Thiết là coi mạch *bộ* nào thật hư

990 *Quan* hình sát sắc ít nhà *dám phe*

992 *Máy* mò sống thác khôn che mắt thần

Dẫn rằng: Tên mạch rất nhiều,
Hai mươi tám trang sách nêu rõ ràng.
Chẳng qua hai chữ âm dương,

1000 Muốn cho phân biệt coi thường lẽ biên. *

Tiểu rằng: Tên mạch đã trau,
Mạch nào chuyên chủ bệnh nào xin nghe.
Dẫn rằng: Chẳng mạch chẳng phe,
Mạch nào chứng nấy tay đề thời hay.

1005 Xiết bao trong sách nhiều thầy,
Chuộng lời ca quyết ta rày vẽ người. *

Tiểu rằng: Thầy thuốc nói thường,
Thất biểu bát lý chín đường mạch chỉ?
Dẫn rằng: ấy thiệt tục y,

1010 Thấy đâu nói đó biết gì Mạch kinh.
Ta từng coi sách Mạch kinh.

Chín đường biểu lý không danh mục đề.
Mạch kinh đã chẳng nêu đề,

Đến ông Trọng Cảnh rờng nghề nào biên?

1015 Ngư rằng: Gốc bởi ai truyền,
Cớ sao sách thuốc còn biên làm gì?

Khảo di

1005 Xiết bao trong sách nhiều thầy

1006 Sẵn lời ca quyết ta rày vẽ người

1011 Ta từng coi chính Mạch kinh

Dẫn rằng: Sách thuốc thiếu chi?
"Hân ngư sung đông" câu ghi trước tường.
Gốc ra từ họ Cao Dương,

1020 Đặt tên mạch ấy mạo Vương Thúc Hòa.

Nối sau họ Đới Đồng ra,
Mạch thơ san ngộ cứu tra dọn rồi,
Đan Khê chẳng nở bỏ trôi,
Để cho hậu học làm dụi chiết trung.

1025 Hỡi ôi! mạch lý nhiều ông,
Ông nào ý nấy rờng rờng đua nhau.

Những kiêm nhau với giống nhau,
Coi vào mạch lý lộn nhẫu như tương.
Nói cho rộng chúc y phương,

1030 Rọt đồng hồ cũng về đường tứ tông.

Phù trăm trí sắc tứ tông,
Tóm coi ba bộ cho rờng thời hay.
Nghìn xưa bốn mạch đón thay!
Lời ca tâm pháp ta nay thuộc lòng.

1035 Phép hay nhóm một thiên này,
Ý sâu nghĩa kín vốn thầy bách gia.

Thêm còn Y Quán dọn tra,
Kiêm lời tiểu tự biện ra hẩn hỏi,
Cứ theo thiên ấy tóm coi,

1040 Thiệt hư ba bộ biết mời tử sanh.

Lạ thay mấy mạch kỳ kinh,
Thiên hòa chẳng ứng nhiều anh dốt ngầm.

- Ngư rằng: Tám biển Y lâm,
 Chữ Tam công ấy chủ cầm ý chi?
 1045 Dẫn rằng: Bốn chữ phép kỳ,
 "Vọng văn vắn thiết" bậc ghi ba tầng.
 Thượng công là chữ vọng văn,
 Trung công chữ vắn chủ rằng thông minh.
 Hạ công chữ thiết đã đành,
 1050 Trong ba bậc ấy tài lành khác nhau,
 Tam công nghề nghiệp lâu lâu,
 Coi kinh Tố vắn thấy màu thợ hay.
 Ngư Tiêu đều dạy vòng tay,
 Rằng xin lạy tạ gặp ngay lời lành.
 1055 Tuy chưa đến cửa cao minh,
 Trước đà nghe dạy mở tranh lấp rào.
 Máy hồi lòng chịu miệng trao,
 Phá ngu phát rậm biết bao nhiêu lời.
 Bấy lâu ngồi giếng xem trời
 1060 Dòm beo trong ống đạo đời biết đâu.
 Dẫn rằng: Bằng hữu giúp nhau,
 Miễn cho trọn nghĩa theo câu ngư thường.
 Phần ta học hãy tâm thường,
 Còn nhờ một bạn tên Đường Nhập Môn.
 1065 Nhập môn học có tiếng đồn,
 Rộng thông kinh sử trí khôn vượt bấy.

Khảo dị

- 1068 Tài kiêm tám đầu sách đầy năm xe

- Nhập Môn*
 Nhà nho đèn sách công dày,
 Tài kiêm tám đầu học đầy năm xe.
 Văn chương ai cũng muốn nghe,
 1070 Phun châu nhả ngọc báu khoe tinh thần.
 Vì câu "sinh bất ngộ thần",
 Đẹp nghề cử tử theo phần Kỳ lưu.
 Đan Khê đồ đệ trước sau,
 Đền nhường tên ấy ở đầu y sinh.
 1075 Tiêu rằng nghe nói tỏ tình,
 Nhìn rằng tên ấy tiền trình vốn quen.
 Nhớ xưa cũng bạn sách đèn,
Nước loạn nên mới thân hèn lia nhau.
 Tâm long mơ tưởng bấy lâu,
 1080 Chưa hay tông tích ở đâu xin tầm?

Khảo dị

- 1072 Đẹp nghề của *Khổng* theo phần *kỳ* lưu
 1073 Đan *Kỳ* đồ đệ trước sau
 1075 *Ngư Tiêu* nghe nói tỏ tình
 1080 Chưa hay tông tích ở đâu *đi* tầm?

III

Ngư Tiêu đương lối mừng thăm,
 Xảy nghe ngoài cửa bèn ngâm thơ liền.
 Gió trong đưa đất hơi lên,
 Trước am Bảo dưỡng nghe liền lời thơ

Nhập môn ngâm thơ rằng:

VI *Hoa cỏ bụi ngùi ngồng gió đông,
 Chúa xuân đâu hơi có hay không?
 Mây giăng ải Bắc trông tin nhận,
 Ngày xế non Nam lặng tiếng hồng.*
 Bờ cõi xưa đã chia đất khác,
 Nắng sương nay há đội trời chung?
 Chừng nào thánh đế ân soi thấu,
 Một trận mưa nhuần rửa núi sông.*

1085 Nghe rồi Đạo Dẫn vội vàng,
 Bước ra trước cửa rước chàng Nhập Môn.
 Ngư Tiêu nhìn thấy Nhập Môn,
 Chạnh lòng bạn cũ bôn chôn hỏi chào.
 Miệng cười mà nước mắt trào,

Khảo dị

1082 Xảy nghe ngoài cửa *tiếng* ngâm thơ rên

1084 Trước am Bảo dưỡng nghe *rên* lời thơ

VI-4* Ngày xế non Nam *bật* tiếng hồng.

1090 Mừng thương giao cách biết bao nhiêu tình.
 Mừng là mừng gặp bạn lành,
 Thương là thương đạo ở mình hèn lâu.
 Luống ôm bầu tốt minh châu,
 Ở nơi nước tới ai hầu biết ai.
 1095 Cách nhau mười mấy năm dài,
 Gặp nhau một thuở dễ phai lòng này.
 Việc nhà ấm lạnh rủi may,
 Cùng nhau trót đã tỏ bày căn duyên.
 Môn rằng: Cầm cảnh bạn hiền,
 1110 Người sông kẻ núi lưu liên bấy chầy.
 Từ năm dứt hội rông mây,
 Những ngờ chúng bạn theo bầy tình chiền.
 Buồn xem trong đất U, Yên.
 Y quan xưa hóa nón chiền áo cầu!
 1105 Người so cầm thú khác nhau,
 Vì nơi lễ nghĩa giữ câu cương thường.
 Tuy rằng ở cuộc tang thương,
 Tấm lòng ngay thảo nào thường đổi xây.
 Hai người tài trí vượt bầy.
 1110 Chẳng tham danh lợi buổi này khá khen.
 Dẫn rằng: Mấy mặt như sen,
 Đứng trong bùn lấm mà bền sạch trơn.
 Chứa hay trong ý, cao nhơn.
 Lời thơ ngâm trước còn hờn trông chi?

Khảo dị

1112 *Chôn* trong bùn lấm mà bền sạch trơn

1114 Lời thơ ngâm trước *thực* hờn trông chi

- 1115 Môn rừng: Ta đọc sách y,
Thấy trong vận khí xây đi nhiều tòa.
Trời đông mà gió tây qua,
Hại hơi ẩm mát chẳng hòa đau dân.
Nhớ câu "vận bệnh hồi xuân",
1120 Đòi ngày lũng đợi Đông quân cứu đời.
Tiểu rằng: Nào xiết lo đời,
Vinh khô hai chữ mặt trời chủ trương.
Thánh kinh còn chữ xuân vương,
Trong ngoài há dễ lộn đường Hoa Di!
1125 Đạo đời có thịnh có suy,
Hết cơn bi bế tới kỳ thái hanh.
Ngư rừng: Gặp thuở thái hanh,
Bọn ta cũng dặng rạng danh nước nhà,
Chấn e đời xuống càng xa,
1130 Tấm lòng nhân dục đắm sa lỡ bờ.
Dẫn rằng: Gặp bạn thi thơ,
Lũng bàn lý sự bao giờ cho xong.
Ai ai cũng có tấm lòng,
Biển sâu chưa hẳn dục trong lẽ nào.
1135 Nay xin mở tiệc tữu hào,
Phú thi vài lời tâm phào nghe chơi.
Ngư Tiểu Môn Dẫn bốn người,
Cùng nhau ăn uống vui cười ngổa nguê.

Khảo di

- 1130 Tấm lòng nhân dục đắm sa lỡ bờ

- Môn rừng: Nam Bắc Đông Tê,
1140 Gặp nay thi biết cảnh đề là chi?
Dẫn rằng: Nào phải trường thi,
Ra đề hạn vận một khi buộc ràng?
Trượng phu có chí ngang tàng,
Rộng cho phóng tứ làm bàn thi tiên.
1145 Noi theo đạo cũ kim liên,
Cùng nhau xướng họa đoản thiên nổi bài.
Mặc dầu hai cữ tả hoài,
Việc xưa còn mất bởi ai có gì?
Người xưa sao có thị phi?
1150 Đạo đời sao có thịnh suy chẳng đồng.
Học theo ngòi viết chí công,
Trong thơ cho ngụ tấm lòng xuân thu.
Hợ Đường mở vận xướng đầu,
Sau Châu Đạo Dẫn nối theo họa liên.

Nhập môn thi xướng *

- VII Đời hoàng rồi đế, đế rồi vương,
Từ dẫu vương sau bá dộn đường.
Ai cấm đỉnh Chu người Sở hỏi,
Mây trời đã mở tiệm giày sương.

Khảo di

- 1140 Gặp nay thơ biết ra đề cảnh chi
1148 Việc xưa được mất bởi ai có gì.

Đạo Dẫn họa thi rằng:

VIII Nghìn năm có một hội minh lương,
Vua thánh tôi hiền vững bốn phương.
Nhớ thuở khóc lán treo bút đạo,
Mặc tình trời đất với quân vương.

Nhập môn xướng thi rằng:

IX Tà thuyết đưa ra lấp nẻo đàng,
Bữa lời Dương Mặc nét Thân Hàn.
Sự đời bóng rọi cười ông Lão,
Nợ nước khô lâu khóc họ Trang.

Tiểu họa thi rằng:

X Nửa nghìn chưa gặp vịnh Sông Vàng*
Năm nhạc hơi che một chữ quang.
Khổng thánh còn mang lời hạ quý,
Mạnh hiền luông chịu tiếng Tàng Thương.

Khảo dị:

* Bản TV: Nhập Môn xướng rằng... Đạo Dẫn họa rằng... và cứ sau mỗi bài xướng, có mấy chữ "Người chẳng thấy", và sau mỗi bài họa có "Há chẳng nghe".

X Nửa nghìn chưa gặp hội Sông Vàng.

Nhập môn xướng thi rằng:

XI Kiểm phù Hán Tổ dãi Hàn công,
Nệm gối Đường Tông sánh vợ chồng.
Hai chữ cương thường như thể ấy,
Dấu lán diêm phụng vọi khôn trông.

Ngư họa thi rằng:

XII Bạo Tân dọn chỗ sẵn cho Lưu,
Trời khiến bấy hùng dấy dưới hươu.
Lửa đốt A Phòng đèn lửa sách,
Hâm chôn hàng tốt trở hâm nhu.

Đạo Dẫn ngâm thi rằng:

XIII Thuở nào năm ngựa lội sông Nam,
Lắm bạc tài danh mấy có làm.
Ngươi Địch chổng chèo thẻ cũng luống,
Họ Đào vận bịch sức còn tham.

Nhập môn ngâm thi rằng:

XIV Công danh bọn trước rủi xiêu bề,
Biển bụi lênh đênh sóng gió dề.
Rồng phụng Kinh Châu còn mắc nếp,
Chó gà Tê khách chó nèn khoe.

Tiêu ngâm thi rằng:

XV "Muông thổ cùng chim" tiếng trước dè,
Tới người họ Lục chớ dầy xe.
Kén tờ kéo hết ra thân nhộng,
Hơi tiếng kêu còn nhọc sức ve.

Ngư ngâm thi rằng:

XVI Tàu ngựa cầm trâu trước lối nghì,
Năm Hồ rơi dấu lấp đường đi.
Việc đời hỏi tới người mò rận,
Nạn nước trông về kẻ bán ky,

Nhập môn ngâm thi rằng:

XVII Cuộc cờ thúc quý ngựa xe đưa,
Nay chúa mai tôi lộn ấn bùa.
Một núi ông Đoàn riêng trốn khách,
Năm Hồ người Đạo nhọc thờ vua.

*
*
*

1155 Bốn người xướng họa thơ rồi,
Thứ này Đạo Dẫn phản hồi Đông Thành.

Dẫn rằng: Bên phố Đông Thanh
Ngày mai đã đến giờ lành luyện đan!
Ta xin về chốn luyện đan,

1160 Ngư Tiểu người phải theo Đường Nhập Môn.
Hai người nay gặp Nhập Môn,
Theo nhau cho trọn một phần nho y.
Phản ta theo việc tiên y,
Ngày sau cùng tới Đan Kỳ hiệp nhau.

1165 Ngư Tiểu nghe nói dầu dầu,
Muốn theo Đạo Dẫn trước sau vương tròn.
Riêng hiềm một nỗi vợ con,
Trần duyên chưa mãn khó lòng động tiên.
Trót đã chịu phép chân truyền,

1170 Ở am Bảo dưỡng hồi biên năm ngày.

Tuy chưa đủ thấy nghề hay,
Song nhờ dạy về công dày ân sâu.
Nửa đường đây lại chia nhau,
Khiến lòng bịn rịn mặt sầu chẳng vui.

1175 Rót ba chén rượu phụng bồi,
Lễ đưa Đạo Dẫn một hồi tạm ly.
Tiêu rằng: Chưa đến Đan Kỳ,
Mười phần đường thuốc mới đi năm phần.
Mấy ngày nghe đạo truân truân,

Khảo di

1157 Dẫn rằng: Bên quán Đông Thanh

1166 Muốn theo Đạo Dẫn trước sau cho tròn

1180 Như mình ngồi giữa gió xuân hơi hòa.
Xưa rằng: "ích hữu có ba,
Giúp ta lành ấy cũng là ngô su"

Môn rằng: Đạo Dẫn đã đi.

Bữa nay cũng vắng Đan Kỳ thầy ta.

1185 Nhân khi gặp tiết thưởng hoa,
Bạn hiền mới nhóm chơi tòa Thiên Thai.
Mỗi phen chơi cảnh Thiên Thai,
Cầm kỳ thi tửu tiệc dai quên về.
Thầy đi chưa hẹn ngày về.

1190 Xin hai người hãy để huê theo ta.

Theo ta tới chỗ riêng nhà,

Ở chờ vài bữa rồi qua Đan Kỳ.

Ngư Tiêu theo Nhập Môn đi,

Tách am Bảo dưỡng đến Y quán rồi.

1195 Từ nay Y quán lần hồi.

Đến nhà thông thả tiệc bồi mừng say.

Họ Bào họ Mộng lối này,

Ở nơi Đường thị lâu ngày học riêng.

Khảo di

1192 Chờ ta vài bữa sẽ qua Đan Kỳ

1196 Đến nhà thông thả tiệc bồi vui say.

Sẵn sàng nghề nghiệp thầy truyền.

1200 Vây nhau bàn luận hỏi biên phép mầu.

Lại hỏi vấn đáp chuyện đầu.

Tra vào sách thuốc câu câu chẳng lằm.

Môn rằng: Bạn cũ thanh khâm,

Mảng nay dạng chữ đồng tâm giúp đời.

1205 Chi lan thơm cũng một hơi,

Chớ chê bỉ thử mà lời keo sơn.

Nhớ câu "thủ thiên phụ nhơn",

Nhờ người biết trước mở lần biết sau.

Mấy lời Đạo Dẫn về đâu?

1210 Chỗ nào sót ý phải âu xét bàn.

Miễn cho thấy đạo rõ ràng,

Chớ e hỏi dưới ngõ ngang hổ người.

Tiêu rằng: Muốn học làm người,

Đã đi câu đạo sợ cười chê chi.

1215 Chưa hay trước côi rừng y,

Có trông Âm chất việc gì kể ra?

Môn rằng: Thứ nhất y khoa,

Chữ kêu âm chất thật là âm công.

Xưa rằng thầy học thuốc thông,

1220 Thế theo trời đất một lòng hiếu sanh.

Khảo di

1201 Lại đem vấn đáp chuyện đầu

1219 Xưa rằng thầy thuốc học thông

- Quân
trên
57
- Giúp đời chẳng vụ tiếng danh,
Chẳng màng của lợi chẳng ganh ghét tài.
Biết không không biết mặc ai,
Chuyên nghề làm phải chẳng nài thiệt hơn.
- 1125 Trọn mình nơi nghĩa ở nhơn,
Bo bo giữ việc ra ân làm lành.
Bệnh nào cho thuốc chẳng lành,
Nhỏ lòng lo sợ xét mình phải chẳng.
Vốn không theo thói tham nhăng,
- 1230 Nhân khi bệnh ngặt đời ăn của nhiều.
Cũng không ghé mắt coi dè,
Chỗ giàu trân trọng chỗ nghèo đảo điên.
Đời nhiều thầy thuốc "bất thiên",
Đủ tiền đủ vị thiếu tiền hết vơ.
- 1235 Mấy coi trong sách y thơ,
Nêu thiên Âm chất chỗ nhờ sanh linh.
Phong lao các chứng thiên hình,
Gặp thời thương xót bệnh tình khôn toan.
Chẳng nên láo xược khoe khoang,
- 1240 Lấy tiền ăn trước cuốn đàng chạy sau.
Thấy người đau giống mình đau,
Phương nào cứu đặng mau mau trị lành.
Ăn mày cũng đứa trời sinh,
Bệnh còn cứu đặng thuốc đành cho không.

Khảo di

1243 Đứa ăn mày cũng trời sinh

- phụ
1245 Tổ xưa thuốc điểm mắt rồng,
Thuốc châm môi cộp khổ công dường nào?
Chữ kinh: "ngô dữ ngô bào",
Nghĩ dân cùng vật lẽ sao cũng đồng.
Nhớ câu "y tích âm công",
- 1250 Ta nên chứa phước để dùng lâu thay!
Hồi ai có bụng như vậy, 1/4
Đạo y ngày sáng tiếng thầy nào hư.
Ngư rằng: Nhà đạo chẳng hư,
Bởi thầy trước để phước dư đã đành,
- 1155 Đến như người tục làm lành,
Chưa hay âm chất có thành cùng chẳng?
Môn rằng: Âm chất không ngần,
Việc làm lành ấy há ngăn người nào?
Giàu thời bắt chước xưa hào:
- 1260 Nợ lâu đốt khế lửa vào đong ra,
Con ai cô quạnh mẹ cha,
Lớn khôn gả cưới bé nhà gìn nuôi.
Thấy người đói khó chớ nguôi,
Chỗ cho cơm áo chỗ lời tiền lương.
- 1265 Chỗ thời thí thuốc thí quan,
Chỗ thời giúp táng trợ tang vuông tròn.
Bạn nghèo chôn bạn giùm con,
Nhà còn vợ sẵn hầu non cho về.
Vàng quên của cải trả về,

Khảo di

1264 Chỗ cho cơm áo chỗ lời tiền lương

1270 Thế thường thay nạm người bia nhờ mình,

Giàu thời bắt chước xưa mình,

Án từ rửa sạch tình hình dân oan,

Noi câu: "xuất tội hoạt hàng",

Cứu tai muôn họ dấy đàng lợi sanh.

1275 Nghèo thời bắt chước xưa thanh,

Gặp nạn trú đầy cứu sanh mạng người.

Tập theo nghề thuốc cứu người,

Cứu đui cứu ngọng ai cười trời thấy.

Phóng ngư phóng hạc theo bầy,

1280 Bắc cầu đưa kiến làm thầy quạ đau.

Hèn thời bắt chước xưa tu,

Vá giày vá dép công phu lợp nhà.

Hoặc khi khâm liệng khiêng ma,

Việc người khó nhọc thấy ra sức giùm.

1285 Ấy là âm chất cả dùng,

Lấy câu "vi thiện" kể chung phẩm người.

Đến bằng âm chất cội trời,

Ơ câu hiệu thuận đời đời bia son.

Người xưa giữ vẹn đạo con,

1290 Thảo thờ cha mẹ thuận tròn nghĩa thân.

Sống thời bắt chước thầy Tăng,

Hôm mai nuôi miệng lại phần nuôi lòng..

Khảo dị

1278 *Cười* đui *cười* ngọng ai cười trời thấy

1287 Đến như âm chất *gốc* trời

Thác thời bắt chước Chu Công,

"Lanh noi lành noi" dấu ông chú rằng:

1295 Thường thời bắt chước vua Văn,

Sớm khuya thăm hỏi bữa ăn kính hầu.

Biến thời bắt chước họ Ngu,

Lần lần dỗ dạy khỏi câu gian tà.

Chuyện khôn xiết kể trăm nhà,

1300 Hễ làm con thảo sanh ra cháu lành.

Kìa như mấy kẻ có danh,

Hai mươi bốn thảo tiếng lành đồn xa.

Bằng ai bắt chước nhà va,

Hết lòng thảo thuận ấy là âm công.

1305 Cho hay gốc lớn vững trồng,

Vậy sau dòng lớn mới thông mối đường.

Coi pho Vinh loại kiếm phương,

Thế nhân Vững lực thời tường các danh.

Tiểu rừng: Hỏi việc bất bình.

1310 Xưa nay nhiều kẻ làm lành làm duyên.

Những người cúng Phật cúng Tiên,

Cất chùa cất miếu bạc tiền đua nhau.

Những người đắp sửa đường cầu,

Làm chay hát bội của giàu thí ra.

1315 Ta nghe làm phước nhiều nhà,

Cớ sao mắc họa lại ra bản xứ?

Khảo dị

1298 Lần lần dỗ *dắc* khỏi câu gian tà

- Môn rằng "Đời lấm danh hư,
So câu "tích thiện hưu dư" sao nhằm?
Kẻ giàu muốnặng nghìn trăm,
1320 Cho vay một vốn bội năm mươi lời.
Kẻ giàu cậy thế lấn hơi,
Tham lam của quấy ăn chơi mấy ngày.
Lấy câu hân huyết chi tài,
Cúng cho chùa miếu nào ai chứng lòng?
1325 Trong mình thảo thuận vốn không,
Gọi là làm phước phước trông vào đâu?
Coi câu "thiện ác đáo đầu",
Lành đâu có trả dữ đâu có đền.
Người tua xét lại hai bên,
1330 Ít lành nhiều dữ chẳng nên trách trời.
Tiêu rằng: Trước Đạo Dẫn mời.
Đến am Bảo dưỡng kẻ nơi trường này.
Có am Bảo dưỡng ở vậy,
Chưa hay âm chất trường này theo chi.
1335 Môn rằng: Chỗ dạy nhà y,
Đã tu âm chất phải vì tẩm thân.

Khảo dị

- 1328 Lành đâu *chẳng* trả dữ đâu *chẳng* đền
1331 Ngự rằng: Trước Đạo Dẫn mời
1333 Chưa hay Âm chất trường này
1334 Có am Bảo dưỡng ở vậy theo chi

- Tiệc yêu hai chữ tinh thần,
Nhảy vòng thực sắc theo phần buồng lung
Dù không biết chước gìn lòng,
1340 Theo bề Lục tặc hại trong lẽ trời.
Ơ mình đã tối lẽ trời,
Làm thầy cứu mạng giúp đời sao xong.
Muốn cho thần sáng tinh rờng,
Trữ nhiều khí huyết ngăn lòng đục sâu.
1345 Thử coi Tố vấn thiên đầu,
Kỳ Hoàng tôi chúa hỏi nhau rõ ràng.
Kỳ Hoàng xưa đã mở đàn,
Sách y nay có lời bàn "thiên chân".
"Thiên chân tiết giải" rõ phân,
1350 Coi vào thấy gốc giữ thân nuôi lòng.
Muốn bề ăn ở dặng xong,
Rượu trà có buổi việc phòng chớ dâm.
Người nào đạm hỏa hư âm,
Lời bàn "Nhự Đạm" phải tẩm chín coi.
1355 Người nào tình đục không soi,
Lời bàn "Âm hỏa" phải coi cho rờng.
Cho hay thực sắc đắm lòng,
Nhiều người thêm muốn khá phòng khá rắn.
Ta nghe thánh trước bảo răn:

Khảo dị

- 1340 *Luống* theo Lục tặc hại trong lẽ trời
1344 *Giữ* nuôi khí huyết ngăn lòng đục sâu

1360 Đau hay cầu thuốc chi bằng ngừa đau.
 Biết ngừa trước khỏi bệnh đau,
 Máu hơi đầy đủ tuổi đầu sống dài.

Tiêu rằng: Xưa ấy sống dài,
 Nay nhiều chết trẻ cùng loài vi nhân.

1365 Có sao thọ yếu khác phần,
 Hoặc là thiên quý độ lần sai chăng?
 Nhập Môn giây phút than rằng:
 Xưa nay một lẽ thầy hằng dạy ta.
 Người xưa ăn ở thật thà,

1370 Ít ai dầm rượu tham hoa quên mình.
 Vốn không làm quấy nhọc hình,
 Nào lo mắc bệnh thất tình lục dâm.
 Thiên niên hai chữ trọn tâm,
 Vừa chừng trăm tuổi mới trăm về quê.

1375 Người nay ăn ở khác bề,
 Rượu dầm trong bụng sắc kẻ bên thân.
 No say rồi lửa dục hừng,
 Đốt trong khí huyết tinh thần còn chi?
 Chịu đau lấy chứng nan y,

1380 Bốn năm mươi tuổi chết đi uống đời.
 Coi thiên Bảo dưỡng mấy lời,
 Biết người thọ yếu số trời nào riêng.

Khảo di

1361 Biết người trước khỏi bệnh đau.

Thường nghe thiên quý số biên,
 Con trai con gái xưa truyền xưa nay.
 1385 Gái sinh bảy tuổi răng thay,
 Tóc lần lằm rậm phần đầy hơi âm,
 Hai bảy thông mạch xung nhâm,
 Gọi "thiên quý chí" mở trâm nguyệt kinh.
 Ba bảy hơi thận quân bình,
 1390 Răng cùng mọc đủ trong mình mới sung.
 Bốn bảy gân cốt đầy sung,
 Tóc đen dài tốt hình dung trắng phỉ.
 Năm bảy dương minh mạch suy,
 Tóc dài hầu rụng diện bì hết non.
 1395 Sáu bảy hơi dương trên mòn,
 Tóc râm mặt ngắn ít còn như xưa.
 Bảy bảy xung âm mạch hư,
 Gọi "thiên quý kiệt" mới từ đường kinh.
 Hơi ai phạm gái chữ trinh,
 1400 Bốn mươi chín tuổi hết sinh đẻ rồi,
 Con trai tám tuổi thận bồi,
 Răng thay tóc rậm vừa ngôi tiểu đồng.
 Hai tám hơi thận mới sung,
 Răng "thiên quý chí" mạch thông đủ đầy.

1405 Ba tám răng cứng tóc mây,

Khảo di

1399 Hơi ôi phạm gái chữ trinh

1404 Răng thiên quý chí mạch thông *tinh* đầy

- Bốn tám xương đá gân dây mạnh kỳ.
 Năm tám hơi âm mới suy,
 Tóc răng hầu mỗi diện bì hầu tiêu.
 Sáu tám tóc rụng răng xiêu,
 1410 Bảy tám xương mỗi gân teo da dùn.
 Tám tám tạng phủ đều thun,
 Răng "thiên quý kiệt" lạnh lũng hơi dương.
 Cho hay thiên quý số thường,
 Con trai con gái một đường xưa nay.
 1415 Bằng ai bảo dưỡng thời may,
 Ngoài tuần thiên quý còn bày gót lân.
 Bằng ai tửu sắc quá chừng,
 Dầu còn thiên quý trong tuần cũng hư.
 Tiểu rằng: Rõ lẽ nên hư,
 1420 "Dưỡng sinh" hai chữ tin như lời này,
 Cớ sao còn kẻ chơi mây,
 Lìa đời dứt thói gọi thầy tu tiên?
 Môn rằng: Một việc tu tiên,
 Xưa vua Hoàng đế phép truyền gây ra.
 1425 Sau rồi phép ấy sai ngoa,
 Đời sau phương sĩ lấy tà hoặc nhân.
 Vậy thà theo lẽ an phần,
 Trăm năm chờ mạng trong thân có trời

Khảo dị

- 1407 Năm tám hơi *thận* mới suy.

- Cõi "Vương Bao tụng" mấy lời,
 1430 Sáng giờ đường chính dạy đời bấu to.
 Làm chi nghiêng ngửa duỗi co,
 Như ông Bành Tổ riêng lò hóa công.
 Làm chi như họ Kiều Tung,
 Thối hà xì hít hơi nung luyện hình.
 1435 Xin lòng nhân dục cho thanh,
 Trau mình nào phải đọc kinh Huỳnh đình.
 Xin mình luân lý cho mình,
 Nuôi lòng nào phải đọc kinh Âm Phủ.
 Cho hay Tiên Phật rằng tu,
 1440 Cùng trong bảo dưỡng đường đầu trở ra.
 Cả than Đạo Dẫn bạn ta,
 Học y một cửa nay đà tách thân.
 Lòng đà muốn chữ xuất trần,
 Để câu phụ tử quân thần mặc ai.
 1445 Tiếc thay ôm đức cứu tài,
 Sĩ đều có chí khôn nài đó sao.

Ngư rằng: Thời vậy nài sao?
 Dù Tiên dù Phật bề nào cũng xong.
 Nay ta còn chỗ nghi lòng,

Khảo dị

- 1437 Xin lòng luân lý cho mình
 1443 Lòng *va* muốn chữ xuất trần.
 1445 Tiếc *đời* ôm đức cứu tài

- 1450 Nghề y nghề bốc khác dòng nhau xa.
 Có sao ba trượng trong tòa,
 Tiên thiên đồ ấy treo ra làm gì?
 Môn rằng: Tám quả Bào Hy,
 Kiền khảm cần chấn tổn ly khôn đoài.
- 1455 Tiên thiên một bức đồ khai,
 Để coi phương hướng muôn loài hóa sinh.
 Kiền tây bắc tuất hội đình;
 Khảm phương chính bắc ngôi đành tỵ cung.
 Cần đông bắc sũu dân thông;
- 1460 Chấn ngôi đương mẹo chính đông phương trời.
 Tổn đông nam thìn tỵ với,
 Ly cung đương ngộ hướng trời chính nam.
 Khôn đương mùi thân tây nam,
 Đoài đương ngôi dậu chính nhằm tây phương.
- 1465 Xét trong tám hướng âm dương,
 Máy trời xây bủa bốn phương năm hành.
 Hậu thiên ly khảm vẽ hình,
 Cho hay khí huyết trong mình chủ trương.
 Ly là hơi lửa thuộc dương,
- 1470 Khảm là hơi máu lẽ thường thuộc âm.
 Song mà ly trống vốn âm,
 Khảm cung đầy giữa thật cầm chân dương.

Khảo dị

- 1463 Khôn mùi thân *phía* tây nam
 Từ 1469-1479, bản TVD chỉ có 9 câu, thiếu 1 câu.

- Ấy chia hư thực âm dương,
 Nước đầy lửa trống khôn lường mấy sâu.
- 1475 Mạnh thời nước lửa hòa nhau,
 Yếu thời nước lửa chia đau trong mình.
 Đạo y ở nửa Dịch kinh,
 Chưa thông lẽ Dịch sao rành chước y.
 Tổ rằng: "Muốn học Hiên Kỳ,
- 1480 Trước tua đọc quả Bào Hy mới tường".

- Tiểu rằng: Một tượng Minh Đường,
 Một đồ khí hậu chủ trương việc gì?
 Môn rằng: Trên dưới hai nghi,
 Giữa thời người vật tóm ghi một đồ.
- 1485 Vẽ mười vòng nhóm một đồ,
 Để coi khí hậu xây bồ ứng nhau.
 Năm ngày một hậu đếm xâu,
 Ba hậu một khí cứ đầu toán qua.
 Hai khí một tháng kể ra,
- 1490 Giáp mười hai tháng ấy là một niên.
 Một niên chia bốn mùa riêng,
 Hai mươi bốn tiết theo liền dựng giáo.

Khảo dị

- 1475-1476. Hai câu này, bản TVD chỉ để có một câu:
Mạnh thời nước lửa chia đau trong mình.
 1478 Chưa thông lẽ Dịch *chớ* bình chước y.
 1485 Vẽ mười vòng *đếm* một đồ
 1488 Ba hậu một khí cứ đầu toán *ra*

- Doanh xây hai chục tám sao,
 Trải ba mươi sáu cung nào chẳng xuân.
 1495 Mỗi năm khí hậu xây vắn,
 Mười vòng lớn nhỏ có chừng thủy chung.
 Việc người lẽ vật ở trong,
 Một hồ trời đất mười vòng tám giác.
 Lặng lòng coi bức đồ thơ,
 1500 Ba ngàn thế giới thấy bờ cõi xinh.
- Sách châm lại vẽ ba hình,
 Ba hình nhân ấy gọi Minh Đường đồ.
 Một hình nằm sắp để đo,
 Thái dương kinh tức huyết dò sau lưng.
 1505 Một hình nằm ngửa làm chừng,
 Dương minh kinh tức huyết ngưng trước mình.
 Một hình ngồi mé hông trình,
 Thiếu dương kinh tức huyết hành hai bên.
 Ba hình tóm lại một nền,
 1510 Ba trăm sáu chục năm tên huyết rời.
 Rộng coi kinh lạc nơi nơi,
 Minh người đủ ứng độ trời một niên.
 Dón coi thủ túc đôi bên,
 Trong ba âm với ngoài liền ba dương.
 1515 Mười hai kinh huyết chia đường,
 Sáu du sáu hiệp chỗ thường phép châm.
 Bệnh nào đau ở kinh âm,
 Huyết du cấp cứu khỏi lằm tai ương.

- Bệnh nào đau ở kinh dương,
 1520 Cứu theo huyết hiệp ngăn đường tà đi.
 Cứ theo du hiệp phép ghi,
 Chận thời kịp tỉnh bệnh gì còn lo.
 Kinh dương sau phủ đếm cho,
 Bảy mươi hai huyết đủ dò tay chân
 1525 Kinh âm năm tạng có chừng,
 Sáu mươi chỗ huyết tay chân chia đều.
 Kể mười hai huyết tám nêu,
 Có lời toát yếu đặt điều thơ ca.
 Sáu âm sáu dương đã ca,
 1530 Lại thêm khí huyết theo ra sáu bài.
 Kể thơ mười có tám bài,
 Âm dương khí huyết theo loài quán thông.
 Muốn cho châm cứu phép rông,
 Huyết kinh phải đọc thuộc lòng thi ca*.
 1535 Tiêu rằng: Tạng phủ trong ngoài,
 Mười hai kinh huyết găm bài thơ hay.
 Hơi đi máu chạy dần quay,
 Sáu bài khí huyết nghe nay mặt mờ.
 Môn rằng: Khí huyết sáu thơ,
 1540 Mỗi câu mỗi huyết luôn bờ lại qua.
 Lần nghe thứ lớp kể ra:

Khảo dị

- 1533 Bản ZfD chép: Muốn cho châm cứu phép *tin*h. Lạc vận chúng tôi để theo bản TVD

- Bài đầu từ phế chạy qua đại trường.
 Trung phủ đến huyết thiếu thương,
 Mối theo hung ức ra đường ngón tay.
 1545 Thương dương cũng ngón cái tay,
 Chạy lên trước mũi tên bày nghênh hương.
 Bài nhì vị với tỳ hương,
 Thừa khắp mở xuống dưới đường ngón chân.
 Lệ đoàn lên ngón cái chân,
 1550 Ấn bạch xuống ngón thẳng chừng đại bao
 Đại bao vú tả làm rào,
 Bài ba tâm chủ cùng ao tiểu trường.
 Cục tuyến chỗ tốt da xương,
 Hữu ra ngón út đầu đường thiếu xung.
 1555 Thiếu trạch ngón út tả thông,
 Thính cung tai tả ở lồng bên tai.
 Bài tư bàng quang thận cai,
 Tinh minh gốc mũi xuống dài chí âm.
 Ngón chân út tả chí âm.
 1560 Giữa bàn chân hữu sử xâm dưng tuyến.
 Đó rồi ấy chạy lên liền,
 Đến du phủ huyết tả biên hữu điều.
 Bài năm tâm bào tam tiêu,
 Thiên trì giữa bụng ra chiều trung xung.

Khảo dị

- 1548 Thừa khắp *tả* xuống dưới đường ngón chân
 1561 *Dưng tuyến* ấy chạy lên liền

- 1565 Tay hữu ngón giữa: trung xung,
 Tay tả ngón cái: quan xung trở màu.
 Quan xung tả chạy lên đầu,
 Trúc ty huyết ấy ở sau chạng mây.
 Bài sáu đảm với can vầy,
 1570 Ra từ đồng tử xuống dây khiêu âm,
 Đồng tử gò má tả cầm,
 Ngón chân út tả khiêu âm chỗ phòng.
 Ngón chân út hữu đại đồn,
 Thẳng bên vú hữu kỳ môn đóng đồn
 1575 Ngày đêm khí huyết xây vòng,
 Mười hai kinh lạc ngoài trong khắp hòa.
 Khí như mã huyết như xa,
 Xa nhờ ngựa kéo ngựa hòa xa đi.
 Thử xem bộ sách Lý y,
 1580 Vẽ hình gương giá dùng thời khá tra.
 Ngư rằng: Như gấm thêm hoa,
 Nhớ lời Đạo hữu dạy ta đành rành.
 Dạy rằng: Muốn thấy phép linh,
 Coi chừng trời đất trong hình người ta.
 1585 Đường huynh nay lại vẽ ra,
 Máy trời đất nhắm trong ba hình người.
 Môn rằng: Coi tám thân người,

Khảo dị

- 1568 Trúc ty huyết ấy ở sau *chặn* này
 1577 Xa nhờ *mã* kéo *mã* hòa xa đi.

- Mười hai chi hóa cùng mười can sanh.
 Nội kinh câu chữ luận rành:
 1590 "Thân tư đại hóa hữu sanh" phải lời.
 Dung y mấy biết thời trời.
 Nỡ đem thuốc độc thử chơi mạng người,
 Ta thường lo sợ mạng người;
 Gắng công đọc sách hơn mười năm nay.
 1595 Nhiệm mầu mới thấy chỗ hay,
 Minh Đường thi cổ ngâm rày người nghe.
 Cõi hai thơ ấy tỏ tình,
 Thấy trời đất ở trong mình người ta.
 Cho hay mấy tạo chẳng xa,
 1600 Âm dương qua lại trẻ già trong thân.
 Tiêu rằng: Đạo hữu trước phân,
 Mười hai kinh lạc có phần thi ca.
 Còn lo tính thuốc nhiều khoa,
 Dẫn kinh mấy vị hỏi qua-chưa rành.
 1605 Môn rằng: học phải có hành,
 Hiệp coi vị thuốc dẫn kinh cho tường
 Thái dương kinh túc bàng quang
 Kinh thủ tiêu trường phần biểu nêu tên
 Khương hoạt kiêu bốn dẫn lên,
 1610 Hoàng bá dẫn xuống chớ quên mà lầm.
 Trong ấy là kinh thiếu âm.
 Gọi rằng túc thận thủ tâm hai phần.

- Vào tâm hoàng bá tế tân,
 Khương hoạt tri mầu về phần thận chuyên.
 1615 Thiếu dương kinh hỏa biểu truyền,
 Túc là phủ đảm thủ liên tam tiêu.
 Sài hồ xuyên khung lên điều,
 Thanh bì xuống đất trị phiêu nhờ chàng.
 Trong rằng túc quyết âm can
 1620 Thủ mạng môn hỏa hai đằng kinh đi.
 Sài hồ xuyên khung thanh bì,
 Tuy chia biểu lý cùng y một đường.
 Dương minh kinh túc vị hương
 Kinh thủ đại trường chỗ chứa đồ ăn.
 1625 Thăng ma bạch chỉ cát căn,
 Thạch cao lên xuống nêu rằng dẫn kinh.
 Phần trong là thái âm kinh,
 Túc tù thủ phế hai tình cũng y.
 Bạch thược thăng ma vào tỳ,
 1630 Cát cánh bạch chỉ thông đi phế đình.
 Ấy đều vị thuốc dẫn kinh,
 Trong ngoài nhân chứng cho tình khỏi lầm.
 Ngự rằng: Ba dương ba âm,
 Sáu kinh đón lại chứng lâm đường nào?
 1635 Môn rằng: Bệnh mới cảm vào,

Khảo dị

- 1613 Vào trong hoàng bá tế tân

- Sầu kinh kiến chứng xưa rao rõ ràng.
 Thái dương phát nóng ghét hàn,
 Cứng đơ xương sống đau ngang lưng quần.
 Thiếu dương nóng lạnh không chừng,
 1640 Tai bùng miệng đắng ầu lừng dạ hồng.
 Dự minh nóng khát nước thông,
 Mũi khô mắt nhứt ngồi chong chẳng nằm.
 Lại thêm ỉa bón hãn dầm,
 Ngây chiêm ban mọc da ngâm nước vàng.
 1645 Thiếu âm họng lưỡi khô khan,
 Nóng lòng thèm uống dựa màn nằm co.
 Quyết âm gân dụt hung no,
 Lưỡi cong dái thọt môi lò sắc xanh.
 Thái âm đau bụng no kên,
 1650 Ỉa không khát nước nóng hình chân tay.
 Âm dương các chứng tỏ bày,
 Lại còn hiệp bệnh lâu ngày truyền kinh.
 Trong ngoài nhận chứng chẳng tình,
 Mang câu "dẫn khẩu nhập đình" tội to,
 1655 Học y muốn khỏi tội to,
 Hiệp kinh mấy cứng phải dò căn nguyên.
 Sẵn lời ca quyết thầy truyền.
 Ta xinh thuật lại người biên giúp đời. *

Khảo đi

- 1641 Dương minh nóng khát nước sòng.

- Trong ngoài hiệp chứng tỏ truyền,
 1660 Phải coi vận khí theo niên đối đời.
 Năm vận sáu khí ở trời,
 Năm tạng sáu phủ ở ngoài ứng nhau.
 Cho hay năm vận chủ đau,
 Sáu khí làm bệnh trước sau có lẽ.
 1665 Bởi câu "khí vận bất tề".
 Khiến dân bệnh hoạn trách về thầy lo.
 Chưa thông vận khí khôn mò,
 Nhóm lời ca quát đọc cho biết đàng. *
- Phong hỏa thử thấp táo hàn,
 1670 Bốn mùa qua lại chàng ràng hơn thua.
 Khi nào hơn lại về bùa,
 Khiến hơi tà nghịch theo lửa làm đau.
 Người cùng trời đất ứng nhau,
 Khí mùa chẳng chính chứng đau không thường.
 1675 Ngoại rằng cảm nội rằng thương,
 Ngoài phiêu trong bốn âm dương khác phần.
 Từ ngoài sáu phủ vào lần,
 Đến trong năm tạng tinh thần chẳng an.
 Thử xem một chứng thương hàn,
 1680 Tạng nào xem mạch nấy chia bàn tử sinh.
 Tâm can tỳ phế thận danh,
 Noi trong sinh khắc năm hành đoán ra.
 Giả như tâm hỏa chịu tà,
 Vì nơi thận thủy đắm sa gây loạn.

- 1685 Lấy hai tạng ấy so bàn,
Thổ tỳ kim phế mộc can cùng vậy. *
- Ấy rằng cửa đệ nhất quan,
Chứng nào chẳng bởi thương hàn gây ra.
Đến chừng biện các khí tà,
- 1690 Bệnh người mới cảm gọi là trúng thương.
Sách nêu chữ trúng chữ thương,
Cho hay khí độc không thường người xông.
Lắm cơn mưa gió luông tuông,
Núi đầm khe suối độc duông hơi bay.
- 1695 Bằng ai gặp ấy chẳng may,
Chứng nào thuốc nấy nhờ tay thầy điều.
Nội là bốn ngoại là phiêu,
Ta từng nhận chứng học nhiều bài ca. *
- Ngư rằng: Há chín sáu hơi,
1700 Nghe nhiều chứng bệnh dưới trời khác nhau.
Sư huynh vào cửa đạo lâu,
Mấy tầng nhà kín buồng sâu thấy nhăm.
Chứng chi thấy thuốc nhiều lắm,
Có lời ca quyết xin ngâm truyền lòng?
- 1705 Môn rằng: Ta rất dày công,
Hôm mai lòn lỏi theo ông Đan Kỳ.

Khảo dị

1697 Trong là bốn ngoài là phiêu

- Tôn sư vốn bậc nhỏ y,
Lòng cứu kinh tế thiếu gì chức hay.
Thường rằng: Sáu khí ấy xây,
- 1710 Biện ra muôn bệnh làm thầy phải lo.
Ra nghề cận kề dạy cho,
Tùy cơ ứng biến tột mò gốc đau.
Mấy lời ca quyết truyền nhau,
Điều thầy ta đặt trước sau cứu người.
- 1715 Chứng nào khúc mắt làm người,
Nay ta tóm kể cho người ghi lòng *
- Tiểu rằng: trước đạo hữu truyền,
Năm tạng sáu phủ lệ biên đủ chừng,
Tuy rằng bệnh mạch rõ phân,
- 1720 Chẩn hư cùng thật chưa từng biện minh.
Môn rằng: Người chịu khí sinh,
ôm gây béo chắc vóc hình khác nhau.
Vậy nên tạng phủ chịu đau,
Chẩn hư chứng thật lộ màu tợ như.
- 1725 Thật là khí thanh có dư,
Hư là bất túc lư dư ồm to
Can thiết hồi hay giận to
Hai trông mắt đỏ nét go sẽ sẵn
Can hư dưới nạch giựt gân,
- 1730 Móng tay khô biếc phân phân ê hoài,

Khảo dị

1730 Móng tay khô biếc xân xân ý hoài

Tâm thiệt thời mừng cười dai,
Nhưng trong cánh nách xuống dài hông đau,
Tâm hư sợ sệt lao chao,
Cứng trong gốc lưỡi mặt sầu thương lo.

1735 Tỳ thiệt thời bụng đầy no,
Nặng nề mình mẩy mỗi giò lộ hung.

Tỳ hư bốn vóc chẳng dùng,
Ít ăn nhiều ỉa ẩu lung ruột lồi.
Phế thiệt thời suyễn ho dôi,

1740 Vai lưng về nhức buồn hôi ra dầm.

Phế hư: hơi thở vắn trầm,
Miệng khô mũi nhức rên ngậm mạc hình.
Thận thiệt thời dạ trướng bành,
Đái vàng ỉa rớt thũng hình mặt thâm,

1745 Thận hư lạnh lẽo như dầm,
Lưng eo đau nhức âm âm tai kêu.
Chứng trong năm tạng chẳng đều,
Bệnh ngoài sáu phủ cũng nêu khác chừng.
Đảm thiệt thời khí mộc hừng,

1750 Trong mình hồi hộp ngập ngừng chẳng an.
Đảm hư hay ẩu nước toan,
Đắng mồm nhản nhó mớ màng luống nghi.
Tiểu trường thiệt khí hỏa xuy,
Nóng khô khát uống dưới đì nhầy nhun.

Khảo dị

1753 Tiểu trường *thật ít* hỏa xuy

1755 Tiểu trường hư ất lạnh lưng,
Mấy chiều ruột nhỏ hơi sùng sục đau.
Vị là chỗ chứa cơm rau,
Thiệt thời bụng nhảy no trào hơi nhăng.

Vị hư cơm chẳng chịu ăn,
1760 Ấu lên hôi hám ỉa rằng chẳng tiêu,
Đại trường thiệt khí kim nhiều,
Ruột như dao cắt chín chiều quặn đau.
Đại trường hư ất trống sau,
Khách hàn vào ngụ làm nó ỉa liền.

1765 Bàng quang thiệt khí nước truyền,
Nóng ran khát uống đan điền mịch chung.
Bàng quang hư ất lạnh dần,
Bào chương đái lảo không chừng chảy tuôn.
Tam tiêu là phủ hơi luân,

1770 Uống ăn tiêu hóa nhờ luồng ba hơi.
Thiệt thời da xụi sẵn hơi,
Đái vàng ỉa bốn là nơi thâm chừng.
Hư thời ngôi trống hàn ngưng,
Đái sọt ỉa bốn ăn ngừng chậm tiêu:

1775 Chứng đau hư thật chẳng điều,
Bởi nơi tạng phủ chứng nhiều khác nhau.
Hiệp chia bệnh mới bệnh lâu,

Khảo dị

1756 Mấy *hồi* ruột nhỏ hơi sùng sục đau
1758 Thiệt thời bụng nhảy no *giàu* hơi nhản
1768 Bào trơ đái lảo không chừng *nước* tuôn.

- Bệnh già bệnh trẻ gạn cầu thật hư.
 Lâu cùng già ấy nhiều hư,
 1780 Mới mà trẻ ấy thiệt dư hơi tà.
 Rẽ phân biểu lý chia ra,
 Hoặc hàn hoặc nhiệt ở ta xét bàn.
 Tóm câu biểu lý nhiệt hàn,
 Chẳng qua hư thực nẻo đàng ấy thôi.
 1785 Một lời ta đón người ôi!
 Thực còn tả thực hư rồi bổ hư.
 Dầu làm chứng thực làm hư,
 Chứng hư làm thực khôn từ lỗi người.
 Thực hư thầy thuốc hại người,
 1790 Độc hơn ôn dịch bất tươ oan hôn.
 Nào lời Đạo hữu dạy khôn,
 Trong ngoài tạng phủ phải dồn sánh coi.
 Sánh coi tật bệnh máy môi,
 Đến khi trị liệu lại soi mạch hình.
 1795 Trong ngoài hư thực tỏ tình,
 Mặc dầu đối chứng phẩm bình thuốc thang.
 Bổ hư ra đã sẵn phang,
 Chín e tả thiệt lắm đàng sai ngoa.

Khảo di

- 1787-1788 Bản TVD không có hai câu này.
 1786 Thật thời tả thật hư rồi bổ hư
 1789 Thật hư thầy thuốc giết người
 1793 Sánh coi bệnh hậu máy môi

- Các kinh đều có hỏa tà,
 1800 Thuốc đi lộn ngược gây ra sự loạn,
 Binh phù thầy vẽ rõ ràng,
 Cầm coi các đạo cứu an hỏa tà.*
 Ngư rằng: Bệnh nhiễm hơi tà,
 Sao là ngoại cảm, sao là nội thương?
 1805 Chứng kiêm ngoại cảm nội thương,
 Phép thầy trị liệu theo đường nào ôi?
 Môn rằng: Sách có biện rồi,
 Nội thương ngoại cảm hai hội phân minh.
 Nội thương đều bởi thất tình,
 1810 Đau từ năm tạng trong mình gây ra.
 Ngoại thương đều bởi xông pha,
 Khiến nên sáu phủ chịu tà lục dâm.
 Hiệp coi một lẽ dương âm,
 Mạch phù ngoại cảm mạch trầm nội thương.
 1815 Bệnh nào ăn uống nội thương,
 Tay hữu khí khẩu mạch cường nhảy to.
 Bệnh nào cảm mạo ngoại lo,
 Nhân nghênh tay tả mạch to nhảy về.
 Nội thương nóng lạnh chẳng tề,
 1820 Thoạt nóng thoạt mát ré ré nào kham.

Khảo di:

- 1801 Bùa linh thầy vẽ rõ ràng
 1813 Hiệp coi mạch lý dương âm

- Ngoại thương nóng lạnh đều làm,
 Buổi không xen hở nằm dầm rên than.
 Ngoại thương chứng thật ố hàn,
 Dù gần bếp lửa chẳng tan hơi hàn.
- 1825 Nội thương chứng cũng ố hàn,
 Đặng mền nệm đắp bèn tan lạnh lưng.
 Ngoại thương chứng cũng ố phong,
 Ghét luồng gió lớn thổi giông ùng ùng.
 Nội thương chứng cũng ố phong,
- 1830 Ghét hơi gió nhỏ lòn trong cửa nhà.
 Ngoại thương rõ ở mũi va,
 Mũi hơi nghệt cần hoặc ra nước bôi.
 Nội thương rõ ở miệng môi,
 Miệng không biết vị, trong ngôi chẳng hòa.
- 1835 Lại coi trên bàn tay va,
 Lưng bàn tay nóng ấy là ngoại thương.
 Các phân mấy chứng nội thương,
 Lòng bàn tay nóng phép lường chẳng sai.
 Ngoại thương thường nhức đầu hoài,
- 1840 Bao giờ truyền lý mới phai nhức đầu,
 Nội thương cũng có nhức đầu,
 Thoạt êm thoạt nhức mau lâu không chùng.
 Ngoại thương: tiếng nói lầy lừng,
 Mở lời trước nhẹ sau ngừng nặng hơi.
- 1845 Nội thương biếng đức ra lời,
 Trước nặng sau nhẹ ít hơi đã đành.

- Đến như mấy chứng truyền kinh,
 Trong ngoài đều có bệnh tình đua nhau.
 Hiệp coi lời biện trước sau,
- 1850 Phép làm hoãn cấp theo đau trị điều.
 Bằng hay bịnh ngoại cảm nhiều,
 Chứng nội thương ít kíp theo ngoại điều.
 Bằng hay chứng nội thương nhiều,
 Chứng ngoại cảm ít kíp theo trong điều
- 1855 Ấy rằng trị bốn trị phiêu,
 Hoặc chầy hoặc kíp phép điều ở ta,
 Trị phiêu rằng phát tán ra,
 Gọi rằng ngoại cảm thật tà hữu dư,
 Trị bốn, rằng chuyên bổ hư,
- 1860 Gọi rằng bất túc gốc từ trong đau,
 Dù cho nội ngoại đều đau,
 Bốn phiêu kiêm trị có màu thuốc phân.
 Ngoài nhiều trong ít chẳng cân,

Khảo dị

- 1832 Mũi hơi nghệt *cứng* hoặc ra nước bôi
 1837 *Khác thay* mấy chứng nội thương
 1838 Lòng bàn tay nóng phép *thường* chẳng sai
 1844 *Lời ra* trước nhẹ sau ngừng nặng hơi
 1851 Bằng hay *chứng* ngoại cảm nhiều
 1854 Chứng ngoại *cảm* ít kíp theo trong điều
 1856 Hoặc chầy hoặc kíp *ấy* điều ở ta
 1857 Trị phiêu *thời* phát tán ra
 1859 Trị bốn *thời* chuyên bổ hư

Sáu phần trị ngoại bốn phần trị trong.
 1865 Ngoài chầy trong kíp chẳng đồng,
 Trị ngoại phần ít trị trong phần nhiều.
 Cho hay thương cảm chẳng đều,
 Xưa nay trị luận sách nêu nhiều bài.
 Tục công học thuốc sơ sai,

1870 Lấy trong bất tức làm ngoài hữu dư.
 Chẳng thông hai chữ thật hư,
 Phép hùng hãn hạ rồi như tơ vò.

Tiêu rằng: Sông biển dễ dò,
 Bệnh tình chân giả ít mò dặng ra.
 1875 Phép y thổ hãn hạ hòa,
 Làm sao nhằm bệnh dạy ta khỏi lằm?
 Môn rằng: Nóng lạnh hãm hãm,
 Giả hàn giả nhiệt dễ lằm dung y.
 Giả hàn ngoài lạnh tứ chi,

1880 Họng khô khát nước đái đi vàng nhà,
 Giả nhiệt nóng ở ngoài da.
 Đồng không khát nước đái ra trong ngăn.
 Lạnh giả thời nóng ắt chân,
 Nóng giả thời lạnh thật phân cho tường.

1885 Như chứng cách âm đối dương,
 Ngoài rờ nóng hực trong thường lạnh hãm.

Khảo dị

1882 Trùm không khát nước đái ra trong ngăn

Lại như mây chúng tợ âm,
 Ngoài rờ giống lạnh trong hãm nóng rang.
 Phép y trị nhiệt trị hàn,

1890 Ôn lương hai chữ khuyên chàng chớ quên.
 Muốn chia chân giả hai bên,
 Vọng vẩn vẩn thiết phép trên hiệp lương.
 Cho hay tà khí nhiều đường.
 Vốn không định vóc biến đường trở tay.

1895 Phép y thổ hãn hạ hay,
 Quả như thực chứng dùng rầy mới nên.
 Thổ vì tà thực ở trên,
 Thượng tiêu tức nghẹn đóng bên hơi ngăn.
 Hãn vì biểu thực tà phần,

1900 Buồn hồi chẳng rịn nằm lẫn vật mình,
 Hạ vì tà nhóm âm kinh,
 Gấp đau bụng dạ thực tình bởi trong.
 Tà như xen nửa ngoài trong,
 Hiệp làm hòa giải mới ròng nghề hay.

1905 Biểu hư phép hãn chớ bày,
 Hiệp làm chủ giải cho tà kinh dương.
 Lý hư phép hạ bất lương.
 Hiệp làm tiêu bổ gìn đường kinh âm.
 Cho hay mấy bệnh u thâm,

Khảo dị

1888 Ngoài *thâm* giống lạnh trong hãm nóng rang

1906 Hiệp làm *thanh* giải cho tà kinh dương

1899 Hãn vì biểu thực tà *giăng*

1910 Hạ lâm âm thoát hân lâm vong dương.

Hỡi ôi! sách thuốc lăm phương,

Bổ hòa công tán về đường sẵn cho.

Tổ sư lời dạy bô bo,

Chúng soi hư thực mạch dò ngoài trong.

1915 Học sau ý sách chẳng thông,

Đáng bỏ làm tả đáng công làm hòa.

Khiến nên mở cửa đất tà,

Chúng khinh hóa trọng họ ra khuấy đời.

Ngư rằng: Nhiệm bấy cơ trời,

1920 Coi vào sách thuốc nhiều nơi mịt mù.

Trong Kinh có luận một câu:

Cang hại thừa chế ở sau khí vắn

Vốn chưa đặt rõ máy thần,

Cang hại hai chữ xin phân cho rành.

1925 Môn rằng: Khí bắm trong mình,

Gốc trong thái cực sinh thành người ra.

Âm dương năm tạng bình hòa,

Tiên thiên phối ngẫu đôi đà xứng nhau.

Quân hỏa có âm tinh theo,

1930 Tướng hỏa có thủy khí theo rằng thừa.

Thủy xuống có thổ khí thừa,

Khảo di

1915 Học sau sách thuốc chẳng thông

1933 Mộc xuống có kinh khí theo

Thổ xuống có mộc khí thừa vắn theo.

Mộc xuống có kim khí theo,

Kim xuống có hỏa khí theo vốn hòa.

1935 Âm dương đã sánh đôi nhà,

Năm hành mịch thẳng mới ra tai nạn.

Hơi dâm thái quá là cang,

Hơi theo chờ trả thù oan là thừa.

Khí cang thời có khí thừa,

1940 Lễ trời báo ứng nào chùa đầu đầu.

Trong Kinh luận ấy một câu,

Nghĩa con vì mẹ trả thù mới an.

Trên đầu cây thế lằng loàn,

Chờ thời dưới cũng thăm toan việc mình.

1945 Loại như quân hỏa bất bình,

Động cang thời hại âm tình phế cam.

Thận thủy là con phế cam,

Theo bèn chế hỏa dẫn cầm hơi cang.

Lấy đôi quân hỏa làm dương,

1950 Còn kim mộc thổ cũng bàn như đây.

Ấy bèn tạo vật máy xây,

Âm dương sinh sát lẽ này rất công.

Cho hay chỗ diệu hóa công,

Trong động có tịnh hết cùng rồi thông.

1955 Suy ra lẽ ấy cả đồng,

Khảo di

1954 Trong động có tịnh hết cùng lại thông

- Vật cực thời phản vốn không tốt hoài.
 Lê đầu cang hại nặng dài,
 Đến khi cang hại nghiêng vai chịu cầm.
 Chữ rằng: Mộc cực tự cầm.
- 1960 Cầm cực tự hỏa nóng xâm xiết ruộng.
 Hỏa cực tự thủy đổ buồn,
 Thủy cực tự thổ: đông ruộng cẩu doanh.
 Thổ cực tự mộc động mình,
 Ấy là tạo hóa máy linh lỗ màu.
- 1965 Thử xem phong mộc làm đau,
 Giãy vùng tốt sức rồi sau nghiêng mình.
 Phong cực tự cầm đã đành,
 Động qua phải tỉnh hết tình thời thôi.
 Thấp thổ làm bệnh cực rồi,
- 1970 Cân rung thịt động giựt lồi tay chân,
 Thổ cực tự mộc đã ứng,
 Tỉnh lâu phải động theo chừng mới xong.
 Lấy hai chứng ấy ghi lòng,
 Dù muôn bệnh cũng tới trong xét lường.
- 1975 Chú rằng “âm chứng tự dương
 Dương tự âm ấy”, y phương dễ lầm.

Khảo dị

- 1956 Vật *tốt* rồi phản vốn không tốt hoài
 1958 Đến khi cang *cực* nghiêng vai chịu cầm
 1965 Thử *coi* phong mộc làm đau
 1967 *Mộc* cực tự cầm đã đành
 1975 *Chỗ* rằng âm chứng tự dương

- Dù không xét máy dương âm,
 Biện câu cang hại ít lâm giết người.
 Lại như tập chứng đau người,
- 1980 Lạnh qua nóng lại khuyên người thám tình.
 Đau sao buổi trọng buổi khinh,
 Hoặc chờ ngày đến truyền kinh rồi lành.
 Xưa rằng chẳng thuốc mà lành
 Gẫm câu thừa chế bệnh tình khá trông
- 1985 Dịch rằng “tạo vật linh thông”,
 Máy xây chẳng đến chung cùng lại sau.
 Bệnh chờ thời vận đến đầu,
 Nhờ hơi thừa chế đau đầu cũng lành.
 Hơi ôi thầy thuốc tài lành,
- 1990 Thể theo ý ấy cứu sanh cho người.
 Trị bệnh hiệp sát thời trời,
 Khí cang làm hại trách nơi khí thừa.
 Có sao cang hại trách thừa?
 Bởi thừa chẳng đủ sức ngừa hơi cang.
- 1995 Thiên này nhiều tiếng ngọc vàng,
 Chớ nề lời tục phụ phàng nôm na.

Ngư rằng: Tạng phủ khác xa,
 Âm chứng dương chứng sao mà giống nhau.
 Âm dương máy hiểm và sâu,

Khảo dị

- 1986 Máy xây chẳng *tới* chung cùng lại sau
 1987 Bệnh chờ thời vận đến *đầu*

- 2000 Thị phi muốn biện theo đâu khôn lăm?
 Môn rằng: Dương chứng tự âm,
 Ngoài da lạnh ngắt trong hầm nóng rang.
 Chùng ra con mắt đỏ vàng,
 Miệng môi khô khát hai đàng tiện nan.
- 2005 Mạch sắc ỉa bốn dải vàng,
 Thực là dương thịnh giả hàn hơi xen.
 Dù cho lạnh đắp run en,
 Hiệp dùng thuốc mát trị bèn dặng an.
 Tự âm vốn chẳng phải hàn,
- 2010 Thừa khí giải độc các thang nên đầu.
 Lạnh lâu thời nóng cũng lâu,
 Trong kinh nói ấy một câu nghĩa tường.
 Lại hư âm chứng tự dương,
 Ngoài da nóng hực trong thường lạnh tanh.
- 2015 Chùng ra nước dãi trong thanh,
 Dột môi nhót miệng mục thanh mạch trì.
 Nằm co trùn đắp bố vi,
 Ít đòi uống nước ỉa đi bã hèm:
 Ví dù nói quấy nói chiêm,
- 2020 Muốn bôn nê thủy cũng làm tự dương.
 Thuốc ôn trị chứng tự dương,
 "Lý trung" "tứ nghịch" các phương hiệp dùng.

Khảo dị

- 2000 Thị phi muốn biện theo đâu *khỏi* lăm
 2008 Hiệp *cùng* thuốc mát trị bèn dặng an

- Hỡi ôi đời lăm tục công.
 Lẽ âm dương tốt chẳng thông ắt lăm.
- 2025 Âm phản dương, dương phản âm,
 Cang cực thời biến cổ cam lẽ thường.
 Muốn cho rộng chước y phương,
 Đọc lời ca quyết thấy đường chẳng xa: *
- Ngư rằng: Vận khí vốn hòa,
 2030 Bệnh không uống thuốc thời qua cũng lành.
 Cang cực thừa chế đã đành,
 Bệnh người nặng nhẹ tử sanh có trời.
 Chuyên theo vận khí ở trời,
 Còn làm thầy thuốc ở đời làm chi.
- 2035 Môn rằng: Hiệp lấy lẽ suy,
 Bằng nay một mạch biết chi cơ trời.
 Tượng người tuy ứng tượng trời,
 Chẩn người vật dục lăm hơi chẳng đồng.
 Hoặc vì tử sắc đấm lung,
- 2040 Hoặc vì đối lạnh sức nông lỗi lăm.
 Minh gây đau ốm đã cam,
 Trách trời trời biết xuống làm sao cho?
 Vậy nên tạo vật sớm lo,
 Mở rừng được phẩm nhen lò tế sinh.

Khảo dị

- 2029 Ngư rằng: Âm dương vốn hòa
 2036 Bằng *cầm* một mạch biết chi *giúp* đời
 2040 Hoặc vì đối lạnh sức nông *nhọc* lăm
 2043 Vậy nên tạo vật *sáng* lo

- 2045 Nấy cho các bậc thánh minh,
 Dựng phương pháp trị trong mình người ta.
 Sách nho rằng "trí trung hòa",
 "Tham thiên tán hóa" ấy là lương y.
 Chú rằng "bất được trúng y"
- 2050 Ấy là nhân bệnh thiên thì ứng nhau.
 Hơi trời vậy vọt làm đau,
 Chờ khi thừa chế theo sau bên lành.
 Đến như nhân dục hại mình,
 Đau không uống thuốc sao bình máu hơi.
- 2055 Nên rằng vận khí ở trời,
 Cũng có vận khí ở nơi mình người.
 Thời trời hơn ấy theo trời,
 Bệnh người hơn ấy theo người sát tra.
 Lấy trong hai ấy chia ra,
- 2060 Đâu là y biến đâu là y nguyên,
 Hơi ôi ai biết y nguyên.
 Trộn nơi vận khí ấy chuyên theo trời.
 Mới hay y biến theo người
 Luống cảm phương sản lâm đời sao nên?
- 2065 Muốn cho rõ dưới rõ trên,
 Lời thơ Trương Tử chớ quên mà lầm.*

Tiêu rằng: Ba bộ mạch thường,
 Thốn quan xích đủ âm dương ra vào.
 Chia nam bắc chính cố sao,

2070 Thiên hòa bất ứng năm nào bộ chỉ?

- Môn rằng: Khí vận xây đi,
 Nam chính bắc chính định vì chúa tôi.
 Sáu hơi quân hỏa cao ngôi,
 Chẳng dùng làm việc một ngôi rảnh rang.
- 2075 Năm vận thấp thổ quyền sang,
 Dùng nên số ở giữa bàn trung ương.
 Cho hay vận thổ làm vương,
 Mặt nam ra lệnh bốn phương đến châu.
 Mộc kim thủy hỏa ứng hầu,
- 2080 Đều tôi mặt bắc cúi đầu xưng phan.
 Chia ngôi nam bắc rõ ràng,
 Lấy trong mười chữ thiên can hóa vôi.
 Nam chính ấy nói đạo trời,
 Bắc chính đạo đất thật lời sách biên.
- 2085 Thử xem giáp kỷ hai niên.
 Hóa ra vận thổ thật quyền nam quân,
 Tám năm bắc chính đều thần,
 Đinh nhâm canh ất bính tam quý mô.
 Lấy hai ngôi chính phân đồ,
- 2090 Theo năm bàn mạch nói phô mới rành.
 Thiên hòa mạch ấy vốn bình,

Khảo dị

- 2051 Hơi trời vậy vọt làm đau
 2059 Lấy hai trong ấy chia ra
 2065 Muốn cho rõ lẽ dưới trên
 2073 Sau hơi quân hỏa cao nơi
 2081 Chia ngôi nam chính rõ ràng

- Cớ sao lăm kẻ ngổ ngang,
Đau thời cầu phép dị đoan dô mình?
Hoặc cầu thầy sãi tụng kinh,
2140 Hoặc cầu thầy pháp rập rình chữa chuyen.
Hoặc cầu thần quỷ chu thiên,
Hoặc cầu đồng bóng chúc nguyên chư linh,
Thấy làm những việc bất kinh,
Bùa đeo thuốc giải bệnh tình cũng thuyên.
2145 Chẳng hay đạo thuốc xưa truyền,
Phương nào trị đặng thói xiên nhân tình?
Môn rằng: Trong cuộc u minh,
Người cùng thân quỷ yêu tinh khác đường.
Bởi người ăn ở không thường,
2150 Hơi tà duồng gió vẩn vương tài nân.
Như nay miếu sập chùa hoang,
Thần nghèo quỷ đói mượn đàn làm ôn
Như nay hồ mị hớp hồn,
Quốc giao bán bóng đều phôn yêu tinh.
2155 Có nơi quỷ mị hiện hình,
Làm cho bệnh nhiễm trong mình người si.
Sách rằng: "trúng ác truyền thi".
Ấy là tật quái bệnh kỳ xiết bao.
Tổ xưa làm thuốc ấy cao.
2160 Có phương lại phép để mầu nhiều môn.

Khảo dị

- 2141 Hoặc cầu thần quỷ cho thuyên
2158 Ấy là tật quái bệnh kỳ xiết bao
2160 Có phương lại có phép mầu nhiều môn

- Ông thời lấy thuốc đuổi ôn,
Lấy châm trừ quỷ tiếng đồn đã vang.
Ông thời ếm huyết cao hoang,
Chích hang quỷ nhân giải nàn cứu tai.
2165 Ông thời mũ áo trắng trai,
Phá hình cây gậy trừ loài yêu ma.
Đạo thầy lăm chúc trừ tà,
Yêu ma quỷ quái khó qua thánh hiền.
Vạy nên trong sách thuốc biên,
2170 Chữ rằng hoạt pháp rộng truyền nhiệm thay.
Thầy nay chấp nhất chẳng hay,
Gặp cơn tà thắng khoanh tay lắc đầu.
Khiến bầy thuật sĩ theo sau,
Ra làm phép bậy đua nhau dối đời.
2175 Dân ngu chẳng tỏ lẽ trời,
Đau thời sợ chết khắp vời chư sư.
Lòng tà gây bởi chư sư,
Dân phong lẫn nhiễm ngày hư thói đời.
Dù người đau tỏ lẽ trời,
2180 Y còn phép bí ai vời dị đoan?
Muốn cho dẹp lũ dị đoan,
Dò theo phép tổ rõ ràng đạo ta
Người đau có chính có tà,

Khảo dị

- 2167 Đạo ta lăm chúc trừ tà
2168 Yêu tinh quỷ quái khó qua thánh hiền
2174 Ra làm phép bậy đua nhau khuấy đời
2180 Y còn phép bí ai mời dị đoan

- Nhà y phép trị có khoa biến thường.
 2185 Bệnh chính thời dụng thuốc thường,
 Bệnh tà thời dụng biến phương phép ngoài.
 Trời sinh muôn vật đều tài,
 Học cho tốt lẽ trừ loài yêu tinh.
 Loại như vật uest trừ tinh.
 2190 Vật hương trừ quái quỷ kinh a ngày
 Hồ tinh sợ chó săn đi,
 Xà yêu sợ tỏi lại nghi hùng hoàng.
 Lấy hai vật ấy suy bàn.
 Biết trong tạo hóa nhiều đang thuốc linh.
 2195 Vật đều có chỗ hiệp sinh,
 Khác nhau thời ất có hình chế nhau.
 Cho hay vật có chế nhau,
 Chú xem Bốn thảo trước sau để lòng.
 Sách nêu tính được nhiều ông,
 2200 Ném mùi chẳng một Thần Nông xưa truyền.*
 Tiểu rằng: Hỏi phụ nhân khoa
 Xin nghe các chứng đàn bà có thai.
 Coi trong kinh lạc mười hai,
 Chia thao mười tháng nuôi thai xưa bàn.
 2205 Dưỡng thai một tháng kinh can,

Khảo dị

- 2197 *Khấp xem Bốn thảo trước sau*
 2198 *Cho hay vật có chế nhau chẳng đồng*

- Hai tháng kinh đảm ba sang tâm bào.
 Bốn tháng tiểu trường kinh trao,
 Năm tháng tỳ dưỡng sáu vào vị hương.
 Bảy tháng kinh phế nuôi thường,
 2210 Bước qua tám tháng đại trường thay phiên.
 Chín tháng kinh thận nối liền,
 Trộn phần mười tháng về miền bàng quang.
 Mười kinh mười tháng chia đàng,
 Âm dương thủ túc nuôi bàn xung nhâm.
 2215 Cớ sao kinh thiếu âm tâm,
 Cùng tam tiêu phủ chẳng cần nuôi thai.
 Môn rằng: Một việc dưỡng thai,
 Có lời Sào thị để bài sách biên.
 Tâm làm mẹ tạng chủ chuyên,
 2220 Tam tiêu phủ ấy làm truyền tống quan.
 Gốc thai lấy máu làm sang,
 Máu nhờ tâm chủ tóm đàng mạch kinh.
 Cho hay mạch máu các kinh,
 Nhóm nuôi chữa ghen nên hình bởi tâm.
 2225 Phải nhường kinh thủ thiếu âm,
 Chẳng chia phiên thứ mối cầm chủ trương.
 Gầm trong kinh lạc âm dương,
 Ngũ hành đắp đổi lẽ thường sinh nhau.

Khảo dị

- 2207 Bốn tháng kinh tiểu trường trao
 2214 Âm dương thủ túc nuôi bàn xung *nhân*
 2220 Tam tiêu phủ *ấy* là truyền tống quan

Có ông Phùng thị nổi sau,
 2230 Gốc theo kinh chỉ lời mâu luận cao,
 Kinh rằng "tâm với tâm bào",
 Tuy chia hai mạch thực vào một nơi.
 Mười hai kinh lạc máu hơi,
 Ngày nào chẳng khắp vắn nơi trong mình.

2235 Có thai rồi lại bế kinh,
 Vây hơi nhóm máu đông tình nuôi thai.
 Lấy lời Sào thị luận thai,
 So lời Phùng thị vắn dài khác nhau.
 Học thời sáng lẽ làm đầu,
 2240 Lời nào xác lý phải cầu xét coi.

Tiêu rằng: Thai đã dặng nuôi,
 Có thai thời để xong xuôi vuông tròn.
 Cớ sao lắm kẻ chữa non,
 Hoặc năm ba tháng rồi con chẳng thành.
 2245 Môn rằng: Một việc thai sinh,
 Nên hư trách ở trong mình phụ nhân.
 Thuần khôn là vóc phụ nhân,
 Máu hơi đầy đủ trong thân tốt lành.
 Có thai đủ tháng thời sinh,
 2250 Ấy là trời đất thường tình xưa nay.
 Bởi người khí huyết chẳng đầy,
 Mạch xung nhâm kém giống gây sao nên.

Khảo dị

2247 Thuần khôn là người phụ nhân
 2252 Mạch xung nhâm yếu giống gây sao nên

Thai nguyên gốc đã chẳng bền,
 Lại thêm bệnh hoạn dưới trên nhộn nhằng,
 2255 Trách chi chữa nghén chẳng an,
 Tiểu sản bán sản liền mang nơi mình.
 Ví như trái trở trên nhành,
 Gốc cây chẳng vững trái đành rụng non.
 Cho hay người vốc gây mòn,
 2260 Máu hơi mỏng yếu để con ra gì?
 Thêm lòng dâm dục lỗi nghi,
 Ăn chơi chẳng kể vật chi dữ lành.
 Thêm thầy hốt thuốc bất kinh,
 Lầm đem vị độc hại tinh huyết người.
 2265 Muốn cho xen giúp thợ trời,
 Trị thai phải dụng cội lời cấm xưa.*

Tiêu rằng: Phép trị trước thai,
 Bao nhiêu chứng nhiệt dùng bài thuốc lương.
 Đến như chứng lạnh không thường,
 2270 Cấm dùng thuốc nóng còn phương pháp gì?
 Môn rằng: Muốn rộng chúc y,
 Bệnh thường bệnh biến phải suy cho tường.
 Thai tiền hạp dụng thuốc lương,
 Ấy là chỗ luận bệnh thường phép y.
 2275 Đến như bệnh biến chứng kỳ?

Khảo dị

2256 Tiểu sản bán sản liền mang ách mình

- Quen theo thường trị lấy gì làm công?
 Như đau lạnh thấu tử cung,
 Can khương phụ tử chẳng dùng sao an?
 Như đau máu chứa bàng quan,
 2280 Phương nao khỏi hốt đại hoàng đào nhân?
 Bệnh thời bệnh chịu đã ung,
 Chỗ đau có cơ nào từng phạm thai?
 Xưa rằng y thực có tài,
 Ứng theo máy trị nhiều loài nhiều phương.
 2285 Cõi thiên "thai dựng biến thường",
 Việc người chữa nghén lắm đường bất kinh.
 Có người gọi chứng "ám kinh"
 Tháng không nhớ ướm mà mình nên thai
 Có người gọi chứng "cấu thai",
 2290 Nghén rồi kinh nguyệt ~~xây xây~~ máu ra.
 Máu ra mà nghén chẳng sa,
 Gọi rằng "thai lậu" thiệt là huyết dư.
 Có người nghén một năm dư,
 Hoặc mười bảy tám tháng chừ mới sanh.
 2295 Gọi "thai bất trường" là danh,
 Bởi người khí huyết trong mình chẳng sung.
 Gặp thai mấy bệnh lạ lùng,
 Khuyên người chẩn mạch cho ròng khỏi sai.

Khảo di

- 2278 Can khương *quế phụ* chẳng dùng sao an
 2283 Xưa rằng y *biến thật* tài
 2297 Gặp thai mấy *chứng* lạ lùng

- Lại còn chứng gọi "quỉ thai".
 2300 "Trưng hà" "bĩ khối" cũng loài bụng to.
 "Trường đàm" chứng ấy bụng to,
 Nhốt nhau hơi kết giả dò giống thai.
 Máu hư chứa đọng ngày dài,
 Gọi rằng "súc huyết" giống thai một đường.
 2305 Hỡi ôi! bệnh biến khôn lường,
 Dị thường trong lại dị thường biết bao.
 Kinh rằng bảy bảy tuổi cao,
 Dứt đường thiên quý lẽ nào có thai.
 Vợ người Tịnh Phổ là ai,
 2310 Mình đà sáu chục tuổi ngoài còn mang.
 Kinh rằng hai bảy tuổi nàng,
 Thông đường thiên quý mới toan gả chồng.
 Tô Khanh có gái má hồng,
 Mới mười hai tuổi lấy chồng liền thai.
 2315 Cõi hai dấu sử biên ngoài,
 Nghiệm vào sách thuốc khá nài sao ôi!
 Học thời thông biến mà thôi,
 Biến không chừng hiện nào rồi liệu toan.
 Luận người gặp biến cứ thường,
 2320 Bệnh người gặp biến cứ thường sao xong?
 Muốn cho lớn mật nhỏ lòng,

Khảo di

- 2318 Biến không chừng hiện nào rồi liệu *lương*

Gặp cơn y biến nên công mới tài
 Tiêu rằng: Chấn mạch trước thai,
 Chia tay hữu gái tả trai đã đành.

2325 Tả đi hoạt tậ trai sinh

Hữu đi hoạt tậ gái sinh phải rồi.
 Còn e người ghen song đôi

Hai tay sáu bộ chủ coi mạch gì?

Môn rằng: Ba bộ mạch đi,

2330 "Âm dương" hai chữ thịnh suy khác hình.

Gốc tong tạng phủ năm hành,

Sánh dương chồng vợ tỏ tình mẹ con.

An ngôi chồng vợ mẹ con,

Tung hoành thuận nghịch xây còn trong tay.

2335 Bộ âm mà mạch dương vậy,

Chồng thừa ngôi vợ lẽ này rằng "tung".

Lại như vợ đến ngôi chồng,

Bộ dương mà mạch âm thông rằng "hoành".

Con thừa ngôi mẹ nghịch danh.

2340 Mẹ thừa con ấy thuận tình ở nhau.

Lặng lòng theo mạch xét cầu,

Máy âm dương nhóm biết đầu gái trai.

Ba dương mạch thạch con trai,

Ba âm mạch thạch gái thai hẳn hoi,

Khảo dị

2317 Còn e người ghen *thai* đôi

2344 Ba âm mạch thạch gái *trai* hẳn hoi

2345 Tả đờn tung: ấy trai đôi,

Hữu đờn hoành: ấy gái đôi hơi hòa.

Tả dương mạch nghịch: trai ba,

Hữu âm mạch thuận: gái ba nên hình.

Muốn coi tạo hóa mấy linh,

2350 Đọc lời bí quyết Mạch kinh truyền lòng. *

Tiêu rằng: Trong bụng đàn bà,

Có thai mấy chứng sách đà rõ biên.

Loại như: Tử giản tử phiên,

Tử thũng tử khí tử huyền tử lâm.

2355 Bao nhiêu chứng "tử" hoài nhâm,

Đều nhân hơi ghen gây thâm đau trong.

Đã hay chứng giản là phong,

Thũng khí là thấp đều trong bụng truyền.

Hơi đi nghịch ấy làm huyền,

2360 Nóng trong nóng dưới làm phiên làm lâm.

Đàm nhiều làm chứng ác tâm,

Dưới hư làm chứng đau xấp chuyển bào.

Thai động thời bụng đau bào,

Lậu thai bụng lớn đều trào máu ra.

2365 Chứng thai động lậu khác xa,

Khảo dị

2353 Loại như: Tử giản tử *huyền*

2354 Tử thũng tử khí tử *phiên* tử lâm

2358 *Thủy* khí là thấp đều trong bụng truyền

2363 Thai động thời bụng đau *rao*

2365 *Chẳng* hay động lậu khác xa

Động là khí bách lậu là nhiệt thương.
Thấy lời thai luận chứng thường,
Phong đàm nhiệt thấp nội thương khác ngoài.
Khử tà mới giữ đặng thai,

2370 Chứng nào thuốc nấy theo loài trị an.

Phần lo một chứng mơ màng,
Nghén chưa đủ số bụng nặng liền đau,
Nghén vừa bảy tám tháng sau,
Thoát lo chuyển bụng giống đau giả đồ.

2375 Khiến nên thầy hốt thuốc dò,
Chứng không thấy sách lò mò lạnh chạnh.
Nửa thời muốn hốt thôi sinh,
E chưa đủ tháng hại mình người thai.

Nửa thời muốn hốt an thai,

2380 E cạn ngày tháng hoa khai lỗi kỳ.

Muốn cho khỏi tiếng tục y,
Xin phân chứng ấy thuốc chi vạn tuyền?

Môn rằng: Mấy chứng thai tiền,
Người đã thấy đặng sách biên luận tường.

2385 Lệ thai mười tháng là thường,

Đến ngày con đỏ tìm đường chui ra.

Khảo dị

2366 Động vì khí bách lậu là nhiệt thương

2367 Thấy lời thai luận *biến* thường

2371 *Chẩn* lo một chứng mơ màng

2374 Thoạt la chuyển bụng *như* đau giả đồ

2384 Người đã *biết* đặng sách biên luận tường

Bụng đau kíp thúc rên la,

Lưng đau như gãy mất hoa bay ngồi

Ví như dưa chín cuống rời,

2390 Trái chín mới thấy bay hơi thơm lành.

Gọi rằng "chính sản" cho mình,

Hiệp coi đặng mạch thẩm tình gần xa

Thai vừa bảy tám tháng qua,

Thoạt la chuyển bụng ấy là lộng thai.

2395 Tên rằng "thí nguyệt lộng thai"

Bụng đau xăm xỉ lòi rai nhọt lở.

Tục rằng "đau đạo đường chơi",

Con chưa đủ tháng nào rời mẹ dẫu.

Làm thầy chẳng khá cầu mau,

2400 Hỏi tra ngày tháng trước sau cho rành.

Chẩn coi một mạch ly kinh,

Lộng thai chính sản tình hình khác xa.

Nhâm thần đến bữa khai hoa,

Dù không thuốc giục đẻ ra cũng thành.

2405 Lê trời nào đợi thôi sinh,

Thôi sinh lỗi dụng hại mình người ta.

Thử xem kén bướm trứng gà,

Đủ ngày rồi cắn mổ ra con bầy.

Khảo dị

2387 Bụng đau *cấp súc* rên la

2390 Trái *muôi* mới thấy bay hơi thơm lành

2392 Hiệp coi *chứng* mạch thẩm tình gần xa

2408 Đủ ngày rồi cắn mổ ra con bầy

An thai lỗi dụng cũng gay,
 2410 Đến ngày ung dễ bị thầy cản con.
 Muốn nên điều lý vuông tròn,
 Lộng thai chính sản chừng còn tay ta.
 Đã ly kinh ấy cho ra,
 Chưa ly kinh ấy hiệp hòa máu hơi. *

2415 Tiểu rằng: Sinh sản có trời,
 Chửa rồi thời dễ nào lời ai than.
 Có sao còn kẻ sản nan,
 Coi loài súc vật dễ an hơn người?
 Môn rằng: Vì bởi người đời,
 2420 Ở ăn lỗi đạo trách trời sao can?
 Trời nào nữ khiến sản nan,
 Không thường hệ bởi mình nàng gây ra.
 Thánh xưa làm thuốc phụ khoa,
 Nhân nêu bảy chuyện đàn bà sản nan,
 2425 Một nhân: an dật thanh nhân,
 Chẳng quen ít rồi việc vàng xông pha,
 Khiến nên khí huyết lấp sa,
 Đến kỳ chuyển bụng năm ba bảy ngày.
 Hai nhân: phụng dưỡng vị dày,
 2430 Miếng ngon vật lạ liền ngày ăn no

Khảo di

2422 Sản nan hệ bởi mình nàng gây ra
 2427 - 2430 Bản ZfD thiếu bốn câu này. Sau câu 2416, bản
 Nôm ZfD có chú rõ: "thiếu 4 câu (khuyết tứ cú)". Chúng tôi để
 theo bản TVD.

Khiến nên thai béo bào to
 Đến kỳ sinh dễ bụng gò đau lâu.
 Ba nhân: dâm dục tình sâu,
 Nệm loan gối phụng liền hầu phòng lao.
 2435 Gây nên lửa đốt tinh hao,
 Đến cơn chuyển bụng thai bào khô khan
 Bốn nhân: dễ xót chậm can.
 Ưu nghi hai chữ buộc ràng vào thân.
 Khiến nên vấn bức cầu thân,
 2440 Lãng xằng thăm hỏi gây phần loạn sinh.
 Năm nhân: nhuyển khiếp trong mình,
 Bụng đau nhật thúc gối hình khom lưng.
 Ngửa nghiêng trần trọc không chừng,
 Khiến trong cửa dễ bít dưng khôn toan.
 2445 Sáu nhân: hai chữ sản hoàng,
 Con chưa quày xuống vôi vàng rặn khan.
 Nghe lời bà mụ rặn khan,
 Khiến con ra ngược ra ngang lỗi đường.
 Bảy nhân: hư pháp nội thương,
 2450 Trong mình ốm yếu nào thường máu hơi.
 Sớm dùng sức rần rặn khơi,
 Nước nguồn khô rít khôn đời con ra
 Hời ôi, phận sự đàn bà,

Khảo di

2437 Bốn nhân dễ chút chậm gần
 2439 Khiến đi vấn bức cầu thân
 2442 Bụng đau mật súc gối hình khom lưng

- Có nhân bảy ấy mới ra tai nạn.
 2455 Sách y mấy chuyện sản nan,
 Đều dùng phép trị rõ ràng khá coi.
 Tử sinh người dễ có mời,
 Xưa truyền phép tướng hần hồi chẳng ngoa.
 Sản nan coi tướng đàn bà,
 2460 Mặt là chừng mẹ lưỡi là chừng con.
 Mặt tươi lưỡi thắm vuông tròn,
 Mẹ còn cứu mẹ con còn cứu con. *
- Tiêu rằng: Người mới đẻ rồ,
 Trong mình khí huyết hư đôi biết bao.
 2465 Phép y điều lý đường nào,
 Chứng cùng mạch lý xin trao cho nhờ.
 Môn rằng: Sản hậu một khoa,
 Chứng nào thuốc nấy sách đã luận chuyên.
 Ta nghe tâm pháp thầy truyền,
 2470 Bệnh người sản hậu có nguyên ba điều.
 Một là máu trống lừa diêu,
 Gây trong nóng táo chứng nhiều cuồng kinh.
 Một là bại huyết vọng hành,
 Bụng đau đầu nhức rêm mình tay chân.
 2475 Một là ăn uống quá chừng,

Khảo dị

- 2456 *Đều biên* phép trị rõ ràng khá coi
 2468 Chứng nào thuốc nấy sách đã luận *riêng*

- Gây nên mưa ỉa trên ngưng giữa đầy.
 Lại nghe sản hậu bệnh gây,
 B xung ba cấp chứng này nguy hung.
 Xung là làm bại huyết hung,
 2480 Xung tâm xung phế với xung vị tào,
 Cấp là mới dễ hơi hao,
 Hoặc thổ hoặc tả mới trào buồn hồi.
 Tổ xưa dùng thuốc để rồi,
 Có ba điều cấm người ôi ghi lòng,
 2485 Cấm thang "phật thủ" chớ dùng,
 Bởi trong có vị xuyên khung chẳng lành.
 Xuyên khung tán khí đã đành,
 Lại hay phát hãn trong mình hư thêm.
 Cấm thang "tứ vật" phương kiềm,
 2490 Địa hoàng thược dược chẳng hiềm dụng sinh.
 Địa hoàng sống lạnh máu kinh,
 Bách thời phải dụng chín mình chế đi.
 Để sau khí huyết đương suy,
 Thược dược chua lạnh dùng thì tửu sao.
 2495 Cấm dùng thang "tiểu sài hồ",
 Hoàng cầm tạnh mát ngăn hồ huyết đi.
 Cho hay bịnh sản nhiều nguy,
 Mấy lời kinh huấn chủ trò chớ quên.

Khảo dị

- 2479 Xung tả *bại huyết* làm hung
 2482 Hoặc thổ hoặc tả *hoặc* trào buồn hồi

- Đẻ rồi phát hân chẳng nên,
 2500 Chẳng nên làm hạ chẳng nên lợi biên.
 Mấy vị thuốc sống chẳng hiền,
 Chớ cho phạm vị phạm miên tam tiêu.
 Ví dù biểu chứng thấy nhiều,
 Đều làm giả tượng rất nhiều xung hư.
 2505 Xưa nay biết mấy tiên sư,
 Trị khoa sản hậu rõ từ Đan Khê.
 Đan Khê Châu Tử rờng nghề,
 Đẻ sau khá bổ chủ về máu hơi,
 Gốc làm khá bổ máu hơi,
 2510 Dù nhiều chứng tạp theo nơi ngọn ngành,
 Gốc bên thời ngọn cũng xanh,
 So cùng bá thuật khác tình thiên uyên.
 Có lời mạch quyết xưa truyền,
 Coi người sản hậu thấy duyên mất còn. *
 2515 Ngự rằng: xin hỏi tiểu nhi,
 Một hai ba tuổi mạch đi chưa đầy.
 Đau thời coi hổ khẩu tay,
 Trong ngón thực chỉ vắn bày chứng cai.
 Phép coi hữu gái tả trai,
 2520 Ngón trở ba lóng chia bài ba quan.

Khảo dị

- 2504 Đều làm giả tượng theo dèo xung hư
 2510 Dù nhiều chứng tạp đều nơi ngọn ngành
 2515 Ngự rằng: Hỏi bệnh tiểu nhi

- Lóng gốc làm ải phong quan,
 Lóng nhì ải khí ba bàn mạng quan.
 Vắn xanh ngang thẳng gió can,
 Vắn điều đỏ ấy nóng rang trong mình.
 2525 Vắn xanh đỏ loạn chứng kinh,
 Vắn hồng dợt lạt ấm mình bụng đau.
 Vắn còn lóng gốc trị mau,
 Vắn qua lóng giữa trị lâu hơi tà.
 Vắn to chạy tới ải ba,
 3530 Bắn lên trảo giáp ấy là chứng nguy.
 Vắn đen như mực loạn bì,
 Xâm vào ba ải lương y chạy rồi.
 Phép coi chừng ấy mà thôi,
 Còn chi nào nữa vốn tôi chưa rành.
 2535 Môn rằng: Con nít mới sanh,
 Máu hơi chưa đủ mạch hình khó coi.
 Giáp năm có biến chứng rồi,
 Gân xương mạch lạc lần hồi mở ra.
 Nhân Sư rành trị nhi khoa,
 2540 Trước coi khí sắc sau là mạch kinh,
 Thấy trong tạng phủ bệnh tình vạy ngay.

Khảo dị

- 2528 Vắn qua lóng giữa bệnh lâu hơi tà
 2532 Loạn vào ba ải lương y chạy rồi
 2534 Còn phương nào nữa vốn tôi chưa rành
 2538 Gân xương mạch lạc lần hồi nở ra

Mạch thời chẩn một ngón tay,
 Chuyên coi một mạch sắc rày có không.
 2545 Sắc cùng chẳng sắc coi rờn,
 Sắc nhiều thời nhiệt sắc không thời hàn.
 Sắc trong phù ấy phong tràn (truyền)
 Sắc trong trầm hoãn thấp hàn chứng pha.
 Sắc trong thấy sắc bệnh tà,
 2550 Sắc trong thấy hoạt ấy là đàm lung.
 Phép coi chừng ấy cũng xong,
 Chẳng câu bộ vị ngoài trong nhộn nhàng.*

Ngư rằng: Sách gọi thuần dương,
 Về phần con nít bệnh thường nhiệt dâm.
 2555 Đã rằng thuần dương vô âm,
 Sao còn phát lạnh trầm trầm có chi?
 Môn rằng: Tạo hóa máy đi,
 Âm dương nghĩa gạn mới suy dặng rành.
 Chữ "âm" ấy thiệt "âm tinh",
 2560 Âm tinh đâu có trong mình tiểu nhi
 Chừng nào thiên quý đến kỳ,
 Tinh thông mới dặng sánh nghì dương âm.
 Sách rằng thuần dương vô âm,
 Thực câu chữ luận *âm tinh* chưa đầy.

Khảo dị

2544 Chuyên coi một bộ sắc rày có không
 2558 Âm dương nghĩa gạn *mấy* suy dặng tường
 2564 Thật câu chữ luận *tinh âm* chưa đầy

2565 Ấy nên bệnh trẻ thơ ngây,
 So cùng người lớn chỗ gây chẳng đồng.
 Bảy tình vốn chẳng hại trong,
 Sáu dâm ngoại cảm cũng không luận tà.
 Một mai có bệnh chẳng qua,
 2570 Kinh cam thổ tả lợi hòa trường đông.
 Cảm thời hàn nhiệt thử phong,
 Ngoại khoa đậu chẩn sang cùng đơn ban.
 Vốn không tập bệnh nhộn nhàng,
 Có mười lăm chứng nguy nàn dễ coi.
 2575 Tử sinh ngoài đã lỗ mòi,
 Nào chờ chẩn mạch hiệp coi quẻ dò.*
 Tiểu nhi phát nhiệt trong mình,
 Có mười lăm chứng trọng khinh khác thường.
 Tuy rằng bệnh chứng nhiều phương,
 2580 Chẳng qua hư thực hai đường ấy thôi,
 Chứng hư chứng thực xét coi,
 Sách đà rõ luận hẳn hoi chẳng sai.
 Cho hay mười bệnh anh hài,
 Chín hư một thật gái trai đều còn.
 2585 Ví như đầu tháng trăng non,
 Lòng gương mới tượng rạng tròn chưa ra,

Khảo dị

2574 Có mười lăm chứng nguy nàn *khó* coi
 2578 Có mười *sáu* chứng trọng khinh khác thường

- Nên xưa làm thuốc nhi khoa,
 Bỏ nhiều tả ít theo tà thật hư.
 Cảm ân liệt vị tổ sư,
 2590 Tấm lòng hoạt ấu nhân từ biết bao.
 Chế ra hoàn tễ sẵn trao,
 Bệnh nào thuốc nấy uống vào thấy hay.
 E sau thế tục nhiều thầy,
 Chẳng thông bí thuật hại bầy tiểu sinh.
 2595 Hỡi ôi học đạo Kỳ Huynh,
 Mấy ai trị bệnh thâm tình thực hư.
 Xin coi phương sẵn nhân sư,
 Đỡ cơn bận rộn tâm tư nhọc lòng.
 Sau rồi rõ chước biến thông,
 2600 Máy huyền phép diệu dù lòng sử dương.*

IV

- Lối này Ngự nói với Tiều:
 Bấy lâu học hữu nghe nhiều phương hay.
 Phận ta gặp bạn còn may,
 Nhân Sư kết bạn lại hay dường nào!
 2605 Bạn thầy tài đức bậc nào,
 Thầy theo chơi muện biết bao giờ về.
 Môn rằng: Chẳng phải tài nghề,

Khảo di

- 2591 Chế ra làm tễ sẵn trao
 2594 Chẳng thông y thuật hại bầy tiểu sinh
 2600 Máy phương pháp diệu dù lòng sử dương

- Bạn thầy như ngọc chương khuê đức tuyền.
 Ta người mong học hy hiền,
 2610 Thầy ta hy thánh bạn nguyên hy thiên.
 Có bạn thầy mong hy thiên,
 Có nghe tên họ đời truyền hai ông:
 Hiệu xưng rằng Hưởng Thanh Phong,
 Rằng ảnh Minh Nguyệt hai ông bạn thầy.
 2615 Thanh Phong cầm tiết chẳng day,
 Bụi nhơ chẳng nhiễm so tày tiên trong.
 Lấy lòng tạo hóa làm lòng,
 Cho người nghe tiếng khó mong thấy hình.
 Thanh Phong vốn đã sạch mình,
 2620 Lại thêm Minh Nguyệt tài lành thú cao.
 Tốt thay Minh Nguyệt thú cao,
 Đường trong trời đất chỗ nào chẳng thông,
 Lòng gương soi khắp non sông,
 Đêm thanh cảnh vắng bạn cùng văn nhân.
 2625 Hai ông khí tượng tinh thần,
 Một ông một vẻ mười phân rõ ràng.
 Ở theo một bậc thanh nhân,
 Lành trau đạo vị chẳng mang lụy đời.
 Thầy ta thường bữa ngâm chơi,
 2630 Khen hai ông ấy có lời thi hay.

Khảo di

- 2607 Môn rằng: Chẳng *những* tài nghề
 2611 *Bạn* thầy mong học hy thiên.

Hưởng Thanh Phong tự ngâm
(Nhập môn truyền tụng)

XVIII *Tiếng ra đời nghĩ chẳng nhớ mình,
Người triết yêu ta một chữ thanh.
Nhẹ thổi chồi trời tan tiếng oán,
Sạch nông dầy đất giúp hơi sinh.
Êm lòng Sào Hứa chơi khe biếc,
Mắt mặt Di Tề ngó núi xanh.
Ba chục sáu cung đâu chẳng biết,
Đức làm quân tử dặng thơm danh.*

Anh Minh Nguyệt tự ngâm
(Nhập Môn truyền tụng)

XIX *Khởi vòng hồi thực thấy ra mình,
Đời tối trông ta một chữ minh
Bóng nhỏ ven mây cung đất trắng,
Gương thiềm đáy nước vẽ trời xanh.
Ra vào chẳng nhọc người dong bước,
Tròn' méo nào cho vật dấu hình.
Hai chục tám sao đều chạy mặt,
Theo thời biết mấy lúc hư dinh.*

Khảo di

XVIII - 1. Tiếng ra đời *bụi* chẳng nhớ mình
XIX - 3 Bóng thỏ ven mây *lông* đất trắng

↑ Nhập Môn đốc mới dứt lời.
Phút đầu có khách tới nơi nói đồn.
Khách rằng: Nghe tiếng người đồn,
Chúa Liêu khiến sứ tới môn Đan Kỳ.
2635 Sứ đem lễ rước Nhân Sư,
Về Liêu làm chức Thái y trong tòa.
Nhân Sư xưng bình chẳng ra,
Chưa hay xưng bình ấy là bình chi.
Nhập Môn nghe nói sợ nghi,
2640 Vội vàng ngay ấy liền đi thăm thầy.
Ngũ Tiểu sắm lễ học thầy,
Đều theo Đường thị lối này đem đi.
Ba người lên chôn Đan Kỳ,
Gió nam riu thổi vừa khi nắng chiều.
2645 Trời tây cảnh vật buồn hiu,
Hồ sen ngút tỏa non Kiều mây bay.
Nơi nơi tang giá bóng day.
Cây lui điều mục quày đường lê.
Ngày chiều nhà bức hồng nghê.
2650 Hươu vào động núi hạc về đình xưa.

Khảo di

2648 *Canh* lui đậm lều mục quày đường lê
2656 Một đêm *gạn* hỏi chuyện tôn sự dài

- Ba người tới cửa vừa ưa,
 Thấy người Đạo Dẫn đứng giữa trước sân.
 Cùng nhau gặp mặt chào mừng,
 Dem vào tịnh thất vừa chùng hoàng hôn.
- 2655 Ngu Tiểu cùng gã Nhập Môn,
 Một đêm han hỏi chuyện tôn sư dài.
 Dẫn rằng: Việc chẳng khá nài,
 Nhân Sư bình ở Thiên Thai lánh người.
 Dạy ta thay mặt đổi lời,
- 2660 Về đây từ tạ sức với Tây Liêu.
 Thầy ta chẳng khứng sĩ Liêu,
 Xông hai con mắt bỏ liều cho đui.
 Gặp cơn trời tố thà đui,
 Khỏi gai con mắt lại nuôi tấm lòng.
- 2665 Nhập Môn nghe nói náo nùng,
 Trách rằng Minh Nguyệt Thanh Phong phụ thầy.
 Hai ông đã chẳng khuyên thầy,
 Phần người sao nỡ để vậy không can!
 Vả xưa lắm kẻ từ quan,
- 2670 Ai từng ở ẩn lại mang tật sâu?
 Di Tề chẳng khứng giúp Châu,
 Ăn rau non Thú phải âu trợn mình.
 Thà như Quỷ Cốc tiên sinh,
 Gặp thời. Chiến quốc thanh danh chẳng sờn.

ky nhơn
Sư
hư yển

Khảo dị

2664 Khôi gai con mắt lại nuôi *đặng* lòng

- 2675 Thà như bốn lão Thương San,
 Hồng bay phụng lẫn ai ràng buộc đầu.
 Thà như hai họ Nghiêm Châu,
 Chẳng tham lộc Hớn cây câu mặc tình.
 Thà như Ngũ Liễu tiên sinh,
- 2680 Gặp cơn Tấn loạn giữ mình cũng xong.
 Họ Đào tể tướng sơn trung,
 Chúa Liêu khuất lễ mấy dùng đặng va.
 Họ Vương dạy học Phần Hà,
 Buổi Tùy không đạo ở nhà cũng hay.
- 2685 Trúc Lâm là bọn đắm say,
 Nước loạn bầu rượu còn hay che mình.
 Lung chơi là bọn Lan Đình;
 Bụi Hồ chẳng đến nhớ hình chiếc ghe.
 Sách nêu xử sĩ nhiều phe,
- 2690 Hành tàng hai chữ ít nghe phụ lòng.
 Vòng danh xiềng lợi thả dong,
 Vật ngoài gió bụi người trong tiên thần.
 Thôi thời thôi vậy đành phần,
 Làm chi cho khổ tấm thân mới từ.
- 2695 Nghĩ nay khác thuở Yêu Ly,
 Phòng toan "khổ nhục" kể kỳ trừ hung.
 Há lo tiếng nhạc khó thông,
 Như ông Sư Khoáng mà xông mắt mù.

150
gã
hư
hư

Khảo dị

2676 Hồng bay phụng *lánh* ai ràng buộc đầu

Hỡi ôi tạo vật ở đâu?

2700 Nỡ xui thấy khổ chịu đau tật này.

Dân rằng: Ta dốc can thầy.

Nghe thầy phân nói lẽ này rất hay.

Thầy rằng: Trời đất xưa nay,

Khí vận vốn có đổi xây chính tà.

2705 Xuyên hình hơi chính trôi ra,

Dưới làm ngũ nhạc trên là tam quang.

Nhờ hơi quang nhạc sáng dàng.

Ở đời ngũ đế tam vương trị vì.

Ay rằng khí vận thạch thì,

2710 Ba giếng năm dạy trọn nghĩ nhân luân.

Đến khi vận ách thời truân.

Ghe keo chằm Sở tam lân Châu Đông.

Lụy ra năm bá bảy hùng.

Đua tranh công lợi lấp dòng nghĩa nhân.

2715 Ấy rằng quang nhạc khí phân.

Thánh hiền dấu tôi đi luân rồi nui.

Khiến nên mọi rợ dè duôi.

Tôi loạn con giặc phan phui sự đời.

Hỡi tà ngáng búa khắp nơi.

2720 May còn hơi chính ở đời bao nhiêu

Cho hay hơi chính chẳng nhiều.

Khảo di

2702 Nghe thầy phân giải lẽ này rất hay

2705 Xen hình hơi chính bay ra

2706 Dưới làm ngũ nhạc trên là tam quang

2713 Nổi ra năm bá bảy hùng

Thời cùng mới thấy tiết nêu phẩm đề.

Kìa như cái giản nước Tề.

Ba phen quan sử nổi đề "thí vua".

2725 Cảm thương nước Tấn vô cô.

Chính làm ngòi viết Đồng Hồ biên ra.

Làm cây chùy Bắc lăng sa,

Trương Lương vì chúa đánh xa Tấn hoàng.

Làm cây cờ tiết Tô Lang,

2730 Đất Nô đầy dọa trải dàng gian nan.

Chính làm đầu lão Nghiêm Nhan.

Thua thời chịu chém chẳng hàng Trương Phi

Chính làm máy nhuộm để y,

Như người Kê Triệu cứu nguy chúa mình.

2735 Chính làm cái lưới Cảo Khanh,

Thường Sơn chữ giặc chịu hình cũng ứng.

Chính làm lỗ miệng Trương Tuân.

Tuy Dương mắng giặc tung bưng đều kinh.

Gặp khi Tam quốc chia giành,

2740 Chính làm cái mào Quán Ninh sạch mình.

Gặp khi Bắc Ngụy tiếm danh,

Chính làm lời biểu Khổng Minh xuất Kỳ.

Hoặc làm chèo Tổ Định đi,

Qua sông thệ đẹp Yết Đê mọi loạn.

2745 Hoặc làm cái hốt họ Đoàn,

Khảo di

2725 Cảm thương nước Tấn vô cô

- Đánh đầu kẻ hoạn mưu gian thoán Đường,
 Ấy đều hơi chính vấn vương,
 Người làm oanh liệt một trường dấu ghi,
 Đời suy người triết phù tri,
 2750 Nên câu "thiên trụ địa duy" vững vàng.
 Đến nay người triết xa đàng,
 Trên trời hơi chính cũng tan lầu mòn.
 Thử xem trong cuộc nước non,
 Bốn chia năm xé thon von đường nào.
 2755 Nhảy vòng phú quý lao xao,
 Sớm tôi tới chúa ra vào ngó nhau.
 Muôn dân ép ráo mỡ dầu,
 Ngày trau khí giới thảng xâu điện đài.
 Thêm bày gian nịnh chen vai,
 2760 Gây nên mọi rợ từ ngoài lẫn trong.
 Đánh nhau thây bỏ đầy đồng.
 Máu trôi đóng vũng non sông nhớ hình.
 Xùng xùng giành đất giành thành,
 Ngựa xe rần rộ bụi binh tối trời.
 2765 Mây sầu gió thảm đời nơi,
 Sấm đông tuyết hạ khác đời Trung Nguyên,
 Ấy rằng quang nhạc khí hôn,
 Năm giêng ba mối rối dòn như tơ.

Khảo di

- 2752 Dưới trời hơi chính cũng tan lầu mòn
 2753 Thử coi trong cuộc nước non
 2756 Sớm tôi tới chúa ra vào gờm nhau

- Dù sinh Y Doãn truyền đời,
 2770 Nổi theo cây ruộng cuộc bờ mà thôi.
 Huống ta là kẻ không ngôi,
 Tài chi sửa gối làm tôi nước loạn,
 Đã cam chút phạt dở dang,
 "Trí quân" hai chữ mơ màng năm canh.
 2775 Đã đành lỗi với thương sinh,
 "Trạch dân" hai chữ luống doanh ở lòng.
 Lại cam then với non sông,
 "Cứu thời" hai chữ luống trông thuở nào?
 Nói ra thời nước mất trào,
 2780 Tắm lòng ưu thế biết bao giờ rồi.
 Kinh Lân dấu thánh coi rồi,
 Thời trời đã vậy thôi thôi nào cầu!
 Thà cho trước mắt tối mù
 Chẳng thà ngồ ngổ kẻ thù quân thân.
 2785 Thà cho trước mắt vô nhân,
 Chẳng thà ngồi ngó sinh dân nghiêng nghèo.
 Thà cho trước mặt vắng hui,
 Chẳng thà thấy cảnh trời chiều phân xâm.
 Thà cho trước mắt tối thăm,
 2790 Chẳng thà thấy đất lục trầm can qua.
 Dù dui mà giữ đạo nhà,

Khảo di

- 2769 Dù sinh Y Phó đời giờ
 2770 E khi cây ruộng cuộc bờ mà thôi.
 2783 Thà cho trước mặt mù mù

- D/C
- 2795 Thà đui mà đặng trọn mình,
Còn hơn có mắt đối hình tóc râu.
Sáng chi theo thói chiêm cầu,
Dọc ngang chẳng đoái trên đầu có ai.
Sáng chi đắm sắc tham tài,
2800 Lung lòng nhân dục chuốc tai họa trời.
Sáng chi đua nịnh theo đời,
Nay vinh mai nhục mang lời thị phi.
Sáng chi nhân nghĩa bỏ đi,
Thảo ngay chẳng biết lời nghì thiên luân.
2805 Thấy rồi muôn việc trong trần,
Xin còn hai chữ "tâm thần" ở ta.
Nguyện cùng tạo hóa lại qua,
Làm xe làm đạn phận già thành thời,
Kêu trâu kêu ngựa mặc người,
2810 Cánh trùng gan chuột theo trời phú cho.

Khảo dị

- 2793 Dù đui mà chẳng danh nhờ
2795 Dù đui mà đặng trọn mình
2794 Bản zFD chép: Còn hơn có mắt ăn nhờ tanh rình.
Khổ độc, lạc vận. Chúng tôi để theo bản TVD. Tanh rình,
nghĩa là tanh lăm, mùi hôi tanh xông lên rất khó chịu.

- Nói rồi Đạo Dân dặn dò,
Anh em ai nấy chớ cho lậu tình,
Nhân Sư dù dặng an mình,
Bọn ta lui tới sử kinh nhờ thầy.
2815 Ngự rằng: Xin hỏi bạn thầy,
Thanh Phong Minh Nguyệt lối này ở đâu?
Hai ông là bạn đồng du,
Cớ sao nỡ để mắt mù Nhân Sư?
Dân rằng: Việc ấy hữu từ,
2820 Hai ông bạn cùng vô như chi hà!
Hai ông thường nói cùng ta,
Khen rằng thầy ấy thiết là triết nhân.
Như thầy chẳng những bảo thân,
Lại hay bảo đạo mười phân vững vàng.
2825 Thánh xưa lời dạy rõ ràng,
Nước an làm trí nước loạn làm ngu.
Từ xưa có kẻ cạo đầu,
Giả cam giả đại lánh sâu nước loạn.
Vả nay trời bước gian nan,
2830 Thà không mắt thấy khỏi mang dạ sầu.
Hoa Di mao giáp lộn nhầu,
Mấy ai giữ phép "xuân thu" dặng rồi.
Chớ khinh mang tật đui ngồi,
Trời còn hơi chính gởi đôi mắt thầy.
2835 Sau trời thúc quý tan mây,
Sông trong biển lặng mắt thầy sáng ra.
Khuyên người lòng chớ sai ngoa,
Coi lời thơ tặng thầy ta hẳn hoi.

*Minh Nguyệt Thanh Phong hiệp
tặng Nhân Sư thi*

XX *Đương thuở tình chiêm giãm vầy đường
Trăm nhà mấy trọn dấu thơ hương?
Sợ đời thà khuất đôi tròn thệ,
Lòng đạo xin tròn một tấm gương.
Tân để còn nhường danh họ Lỗ,
Hơn vương đâu biết bịnh thầy Trương.
Thôi thôi đã vậy thôi thà vậy,
Một túi tiền khôn mặc mở mang.*

Thấy hai ông ấy tặng thi,
2840 Lòng ta thêm kính nhân Sư muôn phần.
Nhớ xưa đức Khổng thánh nhân,
Kính ông Sư Miện vân vân chiếu thêm.
Ấy là đạo vị khá xem,
Học theo ý thánh để chiêm nghiệm lòng.
2845 Châu công làm sách Mân phong,
Trao người tối mắt dạy lòng Thành vương.
Làm thầy chẳng những một vương,
Trăm xưa đều dựng vào đường Nhạc sư.
Xưa cho làm chức Nhạc sư,
2850 Gọi người tối mắt ít hư tấm lòng.

Khảo di

XX-1 *Đương thuở tình chiêm dậm bấy đường.*
XX-6 *Hán thần đâu biết bịnh thầy Trương*

Thi rằng: "Móng tẩu tẩu công"
Khen hay nghe nhạc thực rờng thẩm âm.
Cho hay hai chữ "đạo tâm",
Người đui lặng giữ ít lầm lỗi chi.
2855 Thánh hiền xưa cũng kiêng vì,
Nay bấy ngu xuẩn thấy khi chê cười

*
* *

Tiểu rằng: Còn ức việc đời,
Nghe hai ông biết số trời trước sau.
Trăm năm muốn rõ việc sau,
2860 Xin đi tới chỗ lạy cầu dạy ta,
Một là thăm bịnh thầy ta,
Một là hỏi chuyện nước nhà căn duyên.
Chẳng hay người ở U, Yên,
Thuở nào đặng thấy Trung nguyên chúa mình,
2865 Dẫn rằng: Chuyện ấy minh minh,
Ta từng trước hỏi sự tình U, Yên.
Hai ông thực đáng thần tiên,
Mấy trời chẳng lậu xuống miền nhân gian.
Hai ông chẳng khứng nói bàn,

Khảo di

2848 *Mấy vua đều dựng vào đường Nhạc Sư*
2855 *Thánh hiền xưa cũng yêu vì*

2870 Cho bài thơ sấm chỉ dang kín sâu.
 Dạy ta để nghiệm ngày sau.
 U Yên chuyện ở tám câu năm vắn.

U Yên sấm thi

XXI Năm quý đưa cờ pháo ngựa qua,
 Hai vua một gánh gửi vai bà.
 Trời nam có thể cây sơn cầm,
 Đất bắc còn vàng gót đỉnh ba *
 Con thú một sừng binh mới gặp,
 Cái người một mắt đá chưa ra.
 Bao giờ nhật nguyệt vầy gương sáng,
 Bốn biển âu ca hiệp một nhà.

Ý trong thi sấm sâu xa,
 Ta thường phân giải chẳng ra lẽ gì.
 2875 Xưa nay lẽ có thịnh suy,
 Gặp sao chịu vậy hỏi chi sự đời.
 Ta nghe quân tử vui trời,
 Chỗ lo chẳng vượt khỏi nơi ngôi mình.
 Dù còn lòng chính làm lành,
 2880 Lọ là phải hỏi tiền trình làm chi.

Khảo dị

XXI Đất bắc còn vàng cốt đỉnh pha
 2873 Ý trong bài sấm sâu xa
 2874 Ta từng phân giải chẳng ra lẽ gì
 2880 Lành nào phải hỏi tiền trình làm chi

Hai người muốn học Nhân Sư,
 Chờ thầy trở lại Đan Kỳ sẽ hay.
 Nợ con nợ vợ còn vay,
 Thần tiên người ấy e nay khó tìm.
 2885 Ngươi rằng: Chí dốc đi tìm,
 Nhờ thầy dạy về trọn niềm y tông.
 Hay đâu việc học rông rông,
 Còn ngoài cung bích lưỡng trông ngờ ngang.
 Trót đà nhờ bạn chỉ đường,
 2890 Đi chưa tốt chỗ e mang tiếng cười,
 Phép y trước đã trao lời,
 Chưa hay tay thuốc đón nơi thiên nào.
 Dẫn rằng: Thầy đã có trao,
 Phép dùng thuốc ấy đón vào hai thiên.
 2895 Một bài "Phiêu bốn luận" biên,
 Một bài "Tập trị phủ" truyền cho ta.
 Để lòng bữa bữa ngâm nga,
 Thuộc hai bài ấy đủ ra làm thầy.*

Môn rằng: Nghề thuốc rộng dằng,
 2900 Trước nêu các phép khuyên chàng chớ quên.
 Dùng thời thông biến làm trên,
 Chẳng nên chấp nhất chẳng nên hiếu kỳ.
 Cùng dùng cầu tốc làm chi,
 Mau thời sơn sào lỗi nghi âm dương.
 2905 Năm mùi thuốc có âm dương,
 Dùng bằng lỗi thứ lập phương nào lành!

- Ví như ông tướng dùng binh,
 Binh không kỷ luật trao mình giặc đâm.
 Ngàn xưa một đám y lâm,
 2910 Phép lòng hay nhóm nào lâm lỗi chi.
 Dón vào hai chữ "bất khi",
 Khi thời chẳng trọn y qui ở mình.
 Học rồi phải tính có hành,
 Làm đúng nhứt nhất mà danh chẳng tròn.
 2915 Thánh y dạy chỗ muốn còn:
 Mật to lòng nhỏ trí tròn nét vuông.
 Hỡi ôi! sách thuốc sẵn don,
 Chữ "y" chữ "ý" tiếng luôn trắc bình.
 Y là ý giã cho mình,
 2920 Gẫm qua xét lại nghĩa kinh mới tường.
 Tuy rằng y bất chấp phương,
 Gốc nhờ phương ấy dọn đường trở ra.
 Chữ rằng: Khử thủ giảm gia,
 Hiệp xuyên trích biến ở ta vận dùng.

V

- 2925 Dẫn rằng: Chuyện nói đã xong,
 Ta xin trở lại thư cùng Nhân Sư.
 Cùng nhau làm lễ từ qui,

Khảo dị

- 2917 Hỡi ôi sách thuốc *luông tường*
 2919 Y là ý *vậy* cho mình

- Họ Bào họ Mộng đều tùy Nhập Môn.
 Ngũ Tiêu vào chỗ Nhập Môn,
 2930 Riêng làm lễ tạ bôn chôn tính về.
 Đề rằng: Nay phải trở về,
 Một nhà con vợ rề rề chưa xong.
 Nghiệp y còn chỗ chưa thông,
 Xin sau thông thả học cùng Sư huynh.
 2935 Môn rằng: Ta vốn hậu sinh,
 Nhờ ơn người trước tỏ tình kẻ sau.
 Sách y lắm chỗ kín sâu,
 Trước sau trọn đạo phải âu học thầy.
 Muốn cho tài đức vượt bầy,
 2940 Xưa nay ai có bỏ thầy mà hay.
 Hai người phải gắng học dày,
 Theo thầy mới khá tài hay đức tuyên.
 Có câu "y bát chân truyền"
 Đặng nghe chước bí thánh hiền mới hay.
 2945 Chớ e đôi mắt tật này,
 Việc trong giáo quán khó đầy công phu.
 Chớ rằng "hạt luyện manh tu",
 Rừng văn biển học che mù khôn trông.
 Có trời thăm dụ trong lòng,
 2950 Tuy ngồi một chỗ suốt thông trăm đời.

Khảo dị

- 2929 Ngũ Tiêu *qua* chỗ Nhập Môn
 2941 Hai người phải gắng *công* dày
 2942 Theo thầy mới *đặng* tài hay đức *truyền*
 2945 Chớ e *đui* mắt tật này

Nho y lý bốc đạo đời,

Mấy mươi pho sách có nơi bụng thầy.

Ta từng đứng cửa chầy ngày,

Ngưỡng xem khí tượng so tày Thái San.

2955 Lờ ngay cặn kẻ khuyên chàng,

Trước sau chẳng khá phụ phàng sự sinh.

Ta người kết nghĩa đệ huynh,

Tối lui một cửa học hành thêm xuê.

Ngư Tiểu vâng dạy ra về,

2960 Nhập Môn đưa khỏi Liễu Khê một hồi.

Chỉ dằng rồi mới trở lui,

Bâng khuâng phận hữu ngậm ngùi phận sự.

Ngư Tiểu cắt gánh thẳng đi,

Cùng nhau than thở một khi nói cười.

2965 Tiểu rằng: Ta trước nhờ người,

Đêm đường nay dặng làm người y khoa.

Những e ngày lụn tháng qua,

Học hành mạnh lãng chẳng ra về gì.

Những e tới nón bỏ đi,

2970 Bữa riu mực cán lấy chi cứu bần.

Hay đâu trời đã định phần,

Chẳng đành cho phí tấm thân nhọc nhằn.

Xuất gia chưa trọn hai trăng,

Khảo đi

2952 Mấy mươi pho sách đều nơi bụng thầy

2956 Trước sau chẳng khá lỏi dằng sự sinh

2972 Chẳng đành cho sĩ tấm thân nhọc nhằn

Đem danh rừng củi đổi rằng rừng y.

2975 Khỏi nơi gai góc kéo trì,

Hươu nai khỉ độc còn gì dễ người.

Của trong rừng núi giúp người,

Hai vai gánh vác khô tươi đã nhiều.

Nay xin cởi lột lão tiều,

2980 Làm ông thầy thuốc tiêu diêu cứu đời.

Ngư rằng: Ta bởi có người,

Gắng công cũng dặng làm người tri y.

Bấy lâu thương lũ tiểu nhi,

Chiều lòn theo kẻ dung y tới đầu.

2985 Tưởng là đạo thuốc thâm u,

Hay đâu y cũng trong nhu một nghề.

Đã nên chài lưới dẹp nghề,

Khỏi lo tôm cá chở về chợ tan.

Tha cho loài thủy tộc an,

2990 Lòng vương nào giận quăng bàn thầy Viên.

Từ đây sóng gió xa thuyền,

Khỏi nơi lặn lội nên miền sạch thơm.

Đặng theo sâm quế mùi thơm,

Dù cho bữa cháo bữa cơm cũng đành.

2995 Nguyễn làm một kẻ y sanh,

Lấy câu âm chất đổi danh lão chài.

Hai người trò chuyện sài sài,

Khảo đi

2997 Hai người nói chuyện sài sài

- Ngày đi mới khỏi rừng ngoài Y lâm.
 Trời vừa xế bóng quang âm,
 3000 Phút dầu một trận mưa dầm tối tăm,
 Ngư Tiều vội bước xầm xầm.
 Muốn tìm quán khách phải dầm mưa đi.
 Hai bên cây núi rậm rì,
 Tiếng chim dẫu thỏ đường đi lộn nhẫu,
 3005 Hai người nhìn lại thuở đầu,
 Nẻo người Đạo Dẫn đem đầu lạc rồi!
 Xiết bao trong dạ bồi hồi,
 Trời đã hầu tôi biết ngôi nằm đâu?
 Gió mưa vì vút giây lâu.
 3010 Trong mình ướt lạnh mà bầu rượu không.
 Đường xa khao khát rượu nồng,
 Hạnh thôn muốn hỏi mục đồng vắng tin.
 Cùng nhau ngơ ngẩn trông nhìn,
 Có nơi hang đá dạng in nhà rừng.
 3015 Hai người lại vãi lâm quân,
 Vào nơi hang đá nghỉ chân đêm này.
 Mưa rồi trắng tổ tan mây,
 Cùng nhau cơm nước vui vầy đỡ thân
 Than rừng: Đi thuở mùa xuân,
 3020 Nay về mùa hạ chỉ miền đường đi.

Khảo dị

- 2998 *Nửa ngày đi mới khỏi ngoài Y Lâm*
 3018 *Cùng nhau cơm nước tạm vầy đỡ thân*
 3020 *Nay về mùa hạ quên chừng đường đi*

- Cho hay đường ít kẻ đi,
 Dây bò cây mọc có gì chẳng ra.
 Ví như đạo học bọn ta,
 Một ngày chẳng thấy như ba tháng dài.
 * * *
 3025 Đường khi than vắn thở dài,
 Vội nghe trống đánh lối ngoài cửa hang.
 Cùng nhau lo sợ nghi nan,
 Ai dè trong núi có quan quân nào.
 Chưa hay lành dữ lẽ nào,
 3030 Hai người lấp ló chào rào nom coi.
 Thấy đi đèn đuốc sáng soi,
 Bảng đề "hồi tỵ" hẳn hỏi chữ son.
 Tiền hô trống lệnh rên non,
 Cờ vuông lỗ bộ ngay bon hai hàng.
 3035 Một ông ngồi kiệu che tàn,
 Quạt lông trần phát nghiêm trang lạ lùng.
 Quân hầu rầm rộ quá đông,
 Mang đao cầm thẻ chấp chồng đi theo.
 Có năm người trối dẫn theo,
 3040 Một đàn già trẻ dân nghèo theo sau.

Khảo dị

- 3026 *Xây ghe trống đánh lối ngoài cửa hang*
 3030 *Hai người lấp ló ra vào nom coi*
 3034 *Cờ vuông lỗ bộ thẳng bon hai hàng*

- Nghe như oan khúc hỏi nhau.
 Trong đơn có tỏ chứng đau khoả này.
 Giết người vậy cũng làm thầy,
 Lẽ trời nào để cho mày hại dân,
 3045 Ngư Tiểu nghe nói ngập ngừng,
 E khi lữ ấy kiện sừng sể chi
 Cùng nhau đương lúc xai nghi,
 Bị quân sai đến bắt đi vội vàng.
 Quân rằng: Phụng lệnh phán quan,
 3050 Sao không hồi ty? Thực chàng khinh quan.
 Ngư Tiểu chịu phép chẳng than,
 Theo quân đến chỗ dinh quan tỏ tình.
 Quân đem ngồi xó công đình,
 Chờ quan tra án rồi mình sẽ thưa.
 3055 Thấy dân quỳ trước sân thưa.
 Kể vô đơn cáo người còn làm cung.
 Thấy ông đại mã ngồi trong.
 Có bàn hương án đốt xông trầm đàn.
 Thấy quân hộ vệ hai hàng,
 3060 Trước sân vô nọc roi giàn hình ra.
 Lệnh rằng: Dẫn lão Đậu ra,
 Hỏi làm thầy thuốc đậu khoa mấy đời?

Khảo dị

- 3049 Quân rằng phụng lệnh bốn quan
 3056 Kể vô đơn cáo người chờ làm cung

- Học hành phương pháp mấy nơi,
 Đầu đuôi gốc ngọn làm lời cung khai.
 3065 Đậu rằng: Vốn chẳng học ai,
 Nhờ cha thuốc trái để bài thuốc cho.
 Ba ngày trái mới nóng co,
 Có thang "thanh giải" hốt cho mát rồi.
 Sáu ngày trái mọc chẳng vui,
 3070 Có "thần công tán" hốt bồi cho xong,
 Chín ngày trái chẳng quán nung,
 Đầu dầu cũng hốt "lộc nhung" thang thầy.
 Mười hai ngày chẳng đóng dây,
 "Thiên kim nội thoát" thang này dùng ra.
 3075 Quá kỳ trái chẳng lạc gia,
 "Thanh biểu tán độc" phép cha tôi truyền.
 Phán rằng: Cứ phép gia truyền,
 Còn như sách vở thánh hiền để chi
 Đậu sang mấy bữa có kỳ,
 3080 Trở tay thấp biến phép y sao thường?
 Chứng thời hàn nhiệt không thường,
 Hoặc hư hoặc thực nhiều đường khác nhau.
 Đậu bằng thực nhiệt nóng lâu,
 "Thần công" "thanh giải" ấy đầu cũng cho.
 3085 Đậu bằng hư linh nóng co,

Khảo dị

- 3066 Nhờ cho thuốc trái để bài lại cho
 3078 Còn như kinh sách thánh hiền để chi

- "Thần công" "thanh giải" hốt dò sao nên?
 Đậu nhờ khí huyết làm trên,
 Mủ đây gia kết mới nên công dùng?
 "Lộc nhung" thời huyết hãm thông,
 3090 Khí hư hôi bạch quên dùng sao xong.
 "Thiên kim" thời khí hãm thông,
 Huyết hư tử hắc quên dùng sao nên?
 Thiên sang hoa trái nhiều tên,
 Ai từng trị đậu mà quên mùa trời?
 3095 Đã không gia giảm theo trời,
 Lại quên chấp nhất khuấy đời biết bao?
 Trước cha mảy để tằm phào,
 Nay mảy cũng ý sẵn dao thuốc nhà.
 Cha con bày hại người ta,
 3100 Hai đời gây nợ oan gia để đồn.
 Lệnh truyền cho lũ âm hồn
 Kéo dẫu đòi mạng lấy còn khổ dẫu
 Phán rằng: Nào lão Cửu dẫu?
 Làm thầy châm cứu lâu năm ăn nhiều.
 3105 Vả xưa châm cứu phép nêu,
 Cứu khi kịp thúc khôn điều thuốc thang.
 E sau còn dứa bạo tàn,

Khảo dị

- 3087 Đậu nhờ khí huyết làm nên
 3102 Kéo dẫu đòi mạng lấy còn đánh dẫu
 3105 Vả xưa châm cứu sách nêu
 3106 Cứu khi gấp rút khôn điều thuốc thang

- Học chưa tới phép làm ngang hại mình.
 "Minh Đường đồ" đã vẽ hình,
 3110 Mười hai kinh huyết biên danh điểm đầu.
 Phép châm phép cứu rất mâu,
 Bỏ hư tả thực can sâu có chứng.
 Cớ sao làm việc phá rừng?
 Đau đầu cứu đó không, chừng dỗi chỉ
 3115 Châm thời máu chảy lan bì,
 Cứu thời cháy thịt theo ghi nát mình.
 Tưởng là phép trị bình tình,
 Hay dẫu châm cứu quá hình quan tra.
 Cấp kinh chứng đã cấm la,
 3120 Dấm đem ngải hỏa giúp tà cho phong!
 Bảy ngày ngoại trị chứng ung,
 Còn đem lửa đốt thêm trong độc vầy.
 Học thầy nào dạy cho mảy,
 Làm ngang không phép hại bấy sinh linh
 3125 Cả gan riêng lập phép hình,
 Khảo dân lấy của lung tình ăn chơi:
 Nghênh ngang chẳng sợ lẽ trời,
 Không kiêng phép nước coi đời có ai?
 Lệnh truyền vô nọc căng dài,

Khảo dị

- 3111 Cớ sao làm việc phá rừng
 3115 Tưởng là phép cứu bình tình
 3116 Nào hay châm cứu quá hình quan tra
 3124 Làm ngang không phép hại bấy sinh linh

- 3130 Đánh cho văng thịt lấy khai thiệt tình.
 Cứu rằng: Tôi học thầy Kinh,
 Ba năm hết sức co mình cố công.
 Phép thầy dạy võ vốn không,
 Phần nhà con vợ bản cùng thêm lo.
- 3135 Theo thầy mới biết dò dò,
 Trở về làm bậy đỡ cho khỏi nghèo.
 Dù hay cứ sách làm theo,
 Lỗi thầy mặc sách ai kéo nài chi.
 Thật tình tôi chẳng biết chi,
- 3140 Coi vào châm cứu sách y bởi bởi.
 Ban đầu tôi mới thử chơi,
 Đau đầu châm đó có nơi mình lành.
 Làm vậy may cũngặng danh,
 Có danh rồi biết đem mình trốn đầu.
- 3145 Bởi người thiên hạ theo cầu,
 Quen chừng nóng mặt phải âu làm dò.
 Phán rằng: Mấy đã làm dò,
 Đỡ cơn nghèo ngặt rồi tu học hành.
 Cớ sao lại phụ thầy Kinh,
- 3150 Luống tham của lợi quên mình oan khiên.
 Vài liều thuốc cứu mấy tiền,
 Đòi ăn trăm chục lại thêm thưởng ngoài.

Khảo dị

- 3135 Theo thầy mới biết lò mò
 3142 Đau đầu cứu đó có nơi bình lành
 3146 Quen chừng nóng mặt phải âu làm đùa

- Nhà giàu chẳng luận chi tài,
 Kẻ nghèo đàn cuộc kéo nài bất nhân.
- 3155 Làm chi mang tiếng bất nhân,
 Để cho quỷ giận thần hồn khắp nơi?
 Làm chi ác nghiệp thấu trời,
 Đạo y cũng mắc tiếng đời chê bai?
 Vậy tha buôn bán cầu tài,
- 3160 Tính lời tính vốn theo loài làm ăn.
 Đông lưng cân thiếu lạng nặng,
 Đời còn ít oán mấy thằng con buôn.
 Tham lam là thói con buôn,
 Chưa làm vượt phép lương tuồng hại nhân.
- 3165 Huống chi thầy thuốc cứu dân,
 Sao đành tham của lột trần người ta?
 Đời kêu ăn cướp gian tà,
 Ai dè thầy thuốc quá cha giặc mùa.
 Gây nên nhân quả một tua,
- 3170 Tội mấy bậy bạ tính đùa về đầu?
 Âm hồn oan uống bấy lâu,
 Lệnh cho sách mạng kéo đầu nó ra.
 Kim chân lửa đốt nát da,
 Có vay có trả kêu la lẽ nào?
- 3175 Phán rằng: Còn lão Tam sao

Khảo dị

- 3165 Huống chi thầy cứu bệnh dân
 3170 Tội mấy làm bậy tính đùa về đầu

- Dám đem thuốc bắc trộn vào thuốc nam.
 Thấy chỉ sách vở lam nham,
 Nửa nam nửa bắc lại làm chia hai.
 Vả xưa Bốn thảo nhiều loài,
 3180 Hơn nghìn vị thuốc thang bài rô biên.
 Trải dờ vua thánh tôi hiền,
 Dọn in kinh sách rộng truyền nghiệp y.
 Sau rồi còn sách Bồ di,
 Theo trong thêm bổ thiếu đi phương nào.
 3185 Nay mây sao dám cầu cao,
 Thuốc kiếm nam bắc bán rao tiếng kỳ?
 Chẳng qua một đứa tục y,
 Học đòi nếm thuốc muốn bì thánh nhân.
 Cũng chưa phải bậc nho trâm,
 3190 Dấy xưa chỗ sót làm tân thơ truyền.
 Đọt tre gạo lứt hốt liền,
 Lá cây Đoan ngộ ấy chuyên trị gì?
 Vị nam vị bắc loạn bì,
 Như vậy cũng tiếng thế y thuốc lành.
 3195 Làm chi đến nỗi chịu hình,
 Đầu đuôi chớ giấu thiệt tình cung ra.
 Tam rừng: Tôi sớm khoản cha,

Khảo di

- 3182 Dọn in kinh sách rộng truyền *nghe y*
 3192 Lá cây *trùng ngũ* ấy chuyên trị gì
 3195 Làm sao đến nỗi chịu hình
 3196 Đầu đuôi *gốc ngọn* thật tình cung ra

- Thấy nghề làm thuốc trong nhà có ông.
 Ông tôi kinh sử ít thông,
 3200 Quen theo rừng núi nghề dùng thuốc nam.
 Đời ông mặc ý ông làm,
 Đến tôi mới cải thuốc nam nửa phần.
 Để xen thuốc bắc nửa phần,
 Hốt cho lớn gói bịnh phân phi nguyên.
 3205 Cũng vì thuốc bắc mất tiền,
 Hốt theo cân lạng người phiền nhỏ thang.
 Bởi người tham thuốc lớn thang,
 Vậy nên tôi phải mượn đàng mỏng năm.
 Nghe cây lá bữa mỏng năm,
 3210 Chúng đều bẻ uống nào lâm hại gì.
 Đọt tre gạo lứt phạm chi?
 Thuở ông tôi hốt thang gì không gia.
 Phán rằng: Thằng miệng lưỡi già,
 Cả gan làm hại người ta nếu vậy.
 3215 Mỏng năm cây lá rằng hay,
 Máy pho sách thuốc xưa nay làm gì?
 Thuốc năm mảy biết tính chi:
 Đắng cay chua ngọt vị đi kinh nào?
 Chữ rằng phản úy ố sao?
 3220 Nửa nam nửa bắc trộn vào chẳng lo?
 Người đau hoặc loạn gân co,
 Đọt tre gạo lứt hốt cho còn gì?

Khảo di

- 3223 Trước ông mảy *dã ngu si*

- Trước ông mầy để ngu si,
 Túng ăn làm bậy dâm khi đến trời.
 3225 Nay mầy còn ý ba đời,
 Noi theo nghiệp báo quấy với quấy thêm.
 Quân thần tá sớ lỗi niềm,
 Sao rằng hốt thuốc thuốc Xiêm thuốc Lào?
 Dám đem cây lá tằm phào,
 3230 Mười tiền một gói ngó trao đành lòng?
 Vay thà theo gốc nghề nông,
 Sẵn vườn sẵn ruộng của ông cha mầy.
 Mặc tình cấy lúa trồng cây,
 Làm ăn theo thuở khỏi gây oán cừ.
 3235 Nay mầy gây những oán cừ,
 Có ăn có chịu còn cưu hận gì?
 Lệnh truyền lấy phép âm tri,
 Quay chân vả miệng trả khi già hàm.
 Oan hồn nửa bắc nửa nam,
 3240 Cho theo đòi mạng roi giằm đánh pha.
 Phán rằng: Dẫn để thừa lão Pháp ra!
 Mầy làm thầy pháp trừ tà bấy lâu.
 Chớ nào binh tướng đi đầu
 Để bày oan quỷ theo hầu lao xao?
 3245 Phép làm chuyên chữa đường nào,
 Âm hồn đến cửa chào rào kêu oan.

Khảo di

- 3235 Trót đà gây nợ oan cừ

- Cớ sao lại hốt thuốc ngang ?
 Lời cung cho thiệt khỏi mang khổ hình .
 Pháp rằng: Đã đến tụng đình
 3250 Lê nào giám giấu thần linh soi lòng
 Tôi nhờ đạo sĩ một ông
 Truyền cho quyển sách thần thông trừ tà
 Dạy tôi học phép giáo khoa
 Về cớ tập trận mở ra cuộc đàn
 3255 Đánh chiêng gióng trống rền rang
 Sai đồng luyện tướng lên đàn đại hồ
 Ấn năm phương có vẽ bùa
 Bắt hai tay ấn pháp dò yêu ma.
 Bình ai mắc vị mấy bà,
 3260 Phép ngồi gươm treo mặt thoa kiêu quần .
 Bình nào giới dưới lấy lưng ,
 Phép đi hỏa thần lửa hừng chân chuyên
 Bình nào thằng Bô làm điên ,
 Phép dùng cung tiễn dây huyền chữa cho .
 3265 Bình nào mắc nghiệt vong cô ,
 Phép nào nịch thủy bó xô sông đầm .
 Bình nào tinh quái trúng nhảm

Khảo di

- 3255 Đánh *cồng* gióng trống rền rang
 3256 Sai đồng *gióng* tướng lên đàn đại hồ
 3258 Bắt hai tay ấn pháp *bùa* yêu ma
 3261 Bình *ai* giới dưới lấy lưng
 3262 Phép đi hỏa thần lửa hừng *dậm* chuyên

- Phép dùng linh kiếm chém bầm thi mê.
 Phép nào việc vớt việc lẻ,
 3270 Cúng sao cúng hạn bộn bề thiếu chi.
 Thiệt tình tôi chẳng học y,
 Nhân đau bệnh rét mới đi cầu thầy,
 Xin toa thuốc rét các thầy.
 Uống lành sau mới cho luôn cứu người.
 3275 Hề ai đau rét đến với.
 Trước tôi chuyên chữa sau thời thuốc cho,
 Cứ thang "tiết ngược" hốt dò,
 Có nơi uống khá cũng cho tiếng đồn
 Phán rằng đạo sĩ một môn
 3280 Từ ông Lão tử đạo tôn mở đầu.
 Tiên bay biến hoá chức màu,
 Thuốc đan bùa lục xua cầu cũng linh,
 Đến sau đạo sĩ trộm danh,
 Lánh đời vào núi tu hành mình riêng,
 3285 Học đòi luyện phép thần tiên,
 Đối trời, đối đất đảo diên việc người.
 Kể ra tên biết mấy mươi,
 Hán thời Trương Bửu ba người tướng quân.
 Đua theo làm giặc Hoàng Cân,

Khảo di

- 3272 Nhân đau *tật* rét mới đi cầu thầy
 3274 Uống lành sau mới cho *lây* cứu người
 3275 Ai đau *chứng* rét đến với
 3276 Trước tôi chuyên chữa sao thời *hốt* cho

- 3290 Tướng rơm binh đậu rần rần kéo đi.
 Ngụy thời có Khấu Khiêm Chi,
 Đời non trở biến phép kỳ kinh nhân.
 Đường thời có Triệu Qui Chân.
 Kêu mưa hú gió bùa thần trong tay.
 3295 Ấy đều đạo sĩ chức hay,
 Đời nào suy yếu chẳng may gặp chàng.
 Gặp chàng ở nước nước loạn,
 Ôn nhà nhà bại rõ ràng sách ghi.
 Đây mấy tay ấn cao chi.
 3300 Xưng làm thầy pháp liền đi trừ tà.
 Đit ngồi gương treo máu ra,
 Chân đi hóa thân cháy da xèo xèo.
 Phép làm bó giát treo leo,
 Ta đâu chẳng thấy thêm nghèo bịnh dân.
 3305 Trống chiêng tung âm tiếng rân,
 Rán hơi hò hét lôi gân cổ mảy.
 Yêu tinh nào sợ phép mây,
 Bầy ra rộ đám nhóm bầy giỡn chơi.
 Tử sinh có số ở trời,
 3310 Việc lẻ việc vớt thói đời làm diên.
 Thánh rằng: "Hoạch tội ư thiên"
 Sao gì cứu đăng mà nguyên cúng sao?

Khảo di

- 3303 Phép làm bó *giác cheo leo*
 3305 Trống *cong* tung rứt tiếng rân

- Làm chi những việc tâm phào,
 Đã hư phong hóa lại hao tiền tài.
- 3315 Vây thà nuôi sức hơi trai,
 Bách công kỹ nghệ theo tài làm ăn.
 Dù làm một thợ bện đăng,
 Còn hơn thầy pháp lằng nhằng quấy đời.
 Mạng dân nào phải trái chơi,
- 3320 Dám đem thuốc thử bệnh vời thêm đau,
 Rét thời có mới có lâu,
 Có hư có thực há cầu một phương?
 Sách rằng: hàn nhiệt ôn lương,
 Bỏ hòa công tán nhiều đường khác nhau.
- 3325 Y thời dò dặt trước sau,
 Vọng văn vấn thiết rồi dầu thuốc thang.
 Biết sao mây dăm hốt ngang,
 Một phương tiết ngược khoe khoang đủ rồi?
 Đạo y chẳng biết thời thôi,
- 3330 Ai theo bắt tội mà giồi quấy chi,
 Mây dă quen thói khinh khi,
 Nhảy vòng quả báo phép gì trở ra?
 Truyền cho lũ nợ oan gia,
 Kéo đầu đòi mạng nhâu ra đánh đòn.

Khảo dị

- 3318 Còn hơn thầy thuốc lằng nhằng khuấy đời
 3327 Biết sao mây dăm làm ngang
 3334 Nắm đầu đòi mạng kéo ra đánh nhâu

- 3335 Phán rằng: Còn lão Sài đầu,
 Xưng làm thầy giải bịnh đau cho người.
 Dương gian giảiặng mấy mươi,
 Sao không âm đức lại vời oan gia?
 Sao rằng giải cứu bịnh tà,
- 3340 Thiệt tình mầy phải cung ra đuôi đầu.
 Giải rằng: Tôi đã cạo đầu,
 Theo làm tôi Phật lẽ đâu chẳng lành.
 Hôm mai niệm kệ đọc kinh,
 Xin nhờ phép Phật độ mình chúng sinh.
- 3345 Phép tôi giải cứu bịnh tình,
 Chẳng chờ được tính thang danh làm gì.
 Vẽ bùa hòa nước uống đi,
 Tro hương vàng bạc kinh v cũng lành.
 Thuốc này cây trái cỏ tràm
- 3350 Lấy cho người uống lòng thành cũng hay
 Đấm lưng vỗ trán bằng này.
 Giải cho trăm bịnh nhờ tay Phật truyền.
 Bịnh nào ăn thuốc dương yên,
 Ống nổi thâu hết sức ghiền thời thôi.
- 3355 Mặc tình ai chịu phép tôi,
 Ít nhiều lễ vật cúng rồi qui y.
 Nam vô hai chữ từ bi,

Khảo dị

- 3335 Phải rằng: Còn lão Sài đầu
 3343 Hôm mai miệng kệ tụng kinh

Cứu trong bốn đạo hại chi ai mà.

Nay sao còn nợ oan gia.

3360 E khi kiếp trước phước nhà ít chẳng?

Phán rằng: Mấy thiệt ác tăng.

Bán rao tiếng Phật kiếm ăn bày lời.

Đã không phương pháp giúp đời,

Lại làm ác nghiệp dối trời cao xa.

3365 Sách nào trị bệnh người ta,

Nước hòa tro gầy gọi là thuốc linh.

Phép nào vỗ đấm đập hình,

Khiến người tật bệnh trong mình thêm đau.

Vốn lòng mây giải nhang dầu,

3370 Giải trà giải sếp giải cầu của dân.

Giải chi mà rất ngứa trần,

Bướu đeo còn bước phong sản còn phong.

Phật đâu có phép bắt thông,

Đổ thừa cho Phật mông lung người đời.

3375 Vả xưa họ Thích ra đời,

Gọi rằng Bồ Tát gốc nơi làm lành.

Dù ai có bụng tu thành,

Ba La hai chữ độ mình phương Tây.

Từ đời Đông Hán đến nay,

3380 Phật vào Trung Quốc bầy bầy chẳng an.

Bầy ra ba cồi sáu đàn

Khảo di

3379 Từ đời Đông Hán đến đây

Nhà chay nhà thí nhơn nhàn tăng ni.

Nghênh ngang hòa thượng pháp sư,

Đua nhau làm phép Mầu ni tụng tụng.

3385 Có danh như Phật Đồ Trùng,

Yếm sen rửa ruột chết chung về hôn,

Có danh như họ Sa Môn,

Chặt tay đúc Phật tiếng đồn luống xa.

Có danh như họ Cư Ma,

3390 Nuốt chàm chữa bệnh yêu tà sợ rắn

Giảng kinh như họ cao tăng

Hoa trời bay xuống đá ứng điểm đầu.

Cám thương Tiêu Diễn công tu,

Bỏ mình ba thứ theo câu Thích Ca.

3395 Đai thành xn mật hà hà,

Nào hay đạo Phật ấy là không không.

Đạt Ma gây lách qua sông,

Bảy mươi hai cồi chùa đông sãi đầy.

Đạt Ma chiếc giép về Tây,

3400 Chúa Lương mất nước biết thầy đâu ôi!

Mục Lên tu đã thành rồi,

Khảo di

3381 Bầy ra ba cảnh sáu đàn

3386 Án sen rửa ruột chết chung về hôn

3391 Giảng kinh như kẻ cao tăng

3395 Đai thành xinh mật Hằng Hà

3398 Bảy mươi hai cảnh chùa đông sãi đầy

3402 Sao không rước mẹ lên ngồi tòa sen

- Sao không đưa mẹ lên ngôi tòa sen,
 Để chi đến nổi thân hèn,
 Ăn mày ngục quỷ mới men đi tìm?
- 3405 Ai dè phép Phật vớt chìm,
 Mấy đời sa đắm khôn tìm Như Lai.
 Đường qua Thiên Trúc chông gia,
 Người trong biển khổ trông ai độ mình.
 Hỡi ôi! bấy đại tham sinh,
- 3410 Nghe lời sãi dụ quên mình làm dân.
 Đạo người hai chữ "quân thân",
 Quân thân chẳng có nào luân lý gì?
 Nay mày mượn tiếng Adi,
 Cao đầu đôi phục làm kỳ hoặc nhân.
- 3415 Mang câu "vô phụ vô quân",
 Tội mày chẳng giải giải phần tội ai?
 Vây thà theo chữ "hóa trai",
 Nhờ người bố thí hôm mai nuôi lòng,
 Đừng mơ sức tượng sức long,
- 3420 Khoe khoang phép Phật hại lòng dân ta.
 Dù cho Phật tổ lại ra,
 Chấp tay ngồi đó nước nhà nhờ chi?
 Hướng mấy giả dạng tu trì,
 Gạt người lấy của âm ty biên đây.

Khảo di

- 3403 Để chi đến nổi thân hèn
 3405 Ai dè đạo Phật vớt chìm
 3412 Quân thân chẳng biết nào luân lý gì
 3431 Lắng nghe trống điểm canh ba

- 3425 Lịnh truyền dây sắt treo cây,
 Đánh cho vắng thịt coi mày giải sao,
 Đánh rồi địa ngục đem giao,
 Diêm la nghị xử bậc nào tội cai.
 Đánh cho thẳng sãi đầu thai,
- 3430 Kiếp heo kiếp chó theo loài mọi xa.

- Xảy nghe trống điểm canh ba,
 Phán quan thông thả án tra vừa rồi,
 Quân hầu bẩm việc đầu hồi:
 Bắt hai người khách giam ngồi chờ thưa.
- 3435 Ngư Tiêu vào lại trước thưa,
 Phán quan chột thấy tình ưa vui chào.
 Phán rằng: Họ Mộng họ Bào,
 Hai người cầu đạo đường nào đến đây.
 Đến đây mắt đã thấy vậy,
- 3440 Gắng công học thuốc làm thầy cho tỉnh.
 Đọc thư chẳng khá lạnh chanh,
 Một phơi mười lạnh đối mình biết chi.
 Dùng phương găm lại xét đi,
 Chẳng nên thảo mắng một khi lấy rồi.

Khảo di

- 3435 Ngư Tiêu vào lạy trước thưa
 3444 Chẳng nên lạo thảo một khi lấy rồi.

- 3445 Sao cho âm đức dài trôi,
 Khỏi vòng nhân quả đền bồi thân sau.
 Nhớ câu "thiện ác đáo đầu"
 Phước đền họa trả đâu đâu không trời.
 Phán rồi trà nước cho mời,
 3450 Ngư Tiều nào dám mở hơi nói gì.
 Uống trà rồi lính đem đi,
 Quan nơi nhà túc một khi nghỉ mình.

*

* *

- Ngư Tiều phách khiếp hồn kinh,
 Đêm nằm liền ngủ thiên minh dậy rồi.
 3455 Dậy rồi mặt thấy hơi ôi!
 Một tòa thần miếu cảnh ngôi vắng hoe.
 Bên thêm cỏ lạ le the,
 Trước sân từng bách tàn che im lìm.
 Trong am ba bức châu liêm,
 3460 Rong leo cột vẽ lân tiêm vách tô.
 Trước tòa sen nở sáng hồ,
 Hai bên non núi đá phô hàng châu.
 Trời trong gió lạnh mưa thâu,
 Tiếng khe suối chảy như râu nhịp đồn.

Khảo dị

- 3446 Khỏi vòng nhân quả *rang giới* thân sau.

- 3465 Miếu môn có tấm bảng sơn,
 Chữ in: "Y quán Trạng nguyên chi từ".
 Ngư Tiều vào giữa miếu từ,
 Ngưỡng xem thần tượng nghiêm như sống ngôi.
 Tốt thay tướng mạo khôi khôi,
 3470 Rong châu cộp nép thêm giới oan nghi,
 Hai người lòng sợ kính vì,
 Lâm râm vái lạy xin tỳ hộ tôi,
 Lạy rồi vội vã bước lui,
 Ra ngoài cửa miếu nhắm xuôi tìm đường.

- 3475 Đường đi lui tới chưa tường,
 Ngó mong nào thấy người thường vắng lại.
 Chim kêu vượn hú bên tai,
 Ngọn Đào vắng dấu biết ai hỏi cùng.
 Đang khi lo sợ pháp phòng,
 3480 May đâu lại gặp một ông bạc đầu.
 Gậy lê tay chống qua cầu,
 Cười rằng: Hai gã đi đâu chốn này?
 Xóm ta ở cũng gần đây,
 Hai người lần tới ngõ này theo ta.
 3485 Ngư Tiều mừng gặp lão già,
 Vội vàng theo gót về nhà hỏi thăm.
 Đi vừa hai dặm xam xam,

Khảo dị

- 3459 Trong *tiều* ba bức châu liêm
 3460 Rong leo cột vẽ *vân* tiêm vách tô
 3483 Xóm *làng* ta ở gần đây
 3487 Đi vừa hai dặm *tăm tăm*

Chó tru gà gáy tiếng tằm đông dày.

Lăng xăng kẻ cuộc người cày,

3490 Vườn dâu đám ruộng cùi đầy làm ăn.

Ngư Tiều đều thấy than rằng:

Mân phong thói cũ nay bằng còn đây.

Đến nhà lão trượng tiệc vậy,

Đãi nhau cơm rượu lối này hết lo.

3495 Ba người ăn uống say no,

Cùng nhau vội hỏi chuyện trò một giây.

Ngư rằng: Đi lạc đến đây,

Chưa hay châu huyện đất nầy gọi chi?

Trong non có miếu tổ y,

3500 Đời nào sùng phụng cất chi xa đường?

Lão rừng: Ta thuở Đại Đường,

Cháu ông Tư Mạc cùng đường Thanh cao.

Từ năm chạy giặc Hoàng Sào,

Mới đem làng xóm dời vào cõi đây.

3505 Vừa ngoài bảy chục năm nay,

U châu lại bỏ đất nầy Liêu xâm,

Đời còn nhờ đức Vân Lâm,

Nhóm nhau lập miếu thờ thần trong nom.

Khảo dị

3496 Cùng nhau *han* hỏi chuyện trò một giây

3497 Ngư rằng: Đi lạc *tới* đây

3503 Cháu ông *Cung Tử* ở làng Thanh Cao

3505 Vừa ngoài bảy chục năm *chạy*

3506 U châu lại bỏ *dời* vào *cảnh* đây

3508 Nhóm nhau lập miếu thờ *thần* trong nom

Bốn mùa hương hỏa vuông tròn,

3510 Khỏi nơi gió bụi thiệt còn anh linh.

Tổ ta hiển thánh rất linh,

Ứng cho điềm mộng sự tình đêm nay.

Dạy ta kịp buổi sáng ngày,

Vào non chỉ dẫn hai thầy đường đi.

3515 Thần linh bằng chẳng mách ta,

Khiến cho đi bị hùm đà ăn thây.

Ngư Tiều nghe chuyện đêm nay,

Ngó nhau sáng sớm như ngày một hồi.

Bèn đem việc thấy đầu đuôi,

3520 Nói cùng lão trượng *ngủ* ngủi thở than.

Lão rằng: Hai chữ "oan oan",

Một vay một trả người mang nợ đời.

Đạo y xem giúp công trời,

Hay là quốc thủ dở vời họa môn.

3525 Các thầy học thuốc *sồn sồn*,

Hại người sao khỏi âm hồn theo sau.

Dung y chẳng những họa sâu,

Đến thầy địa lý phải âu lành nghề.

Thanh Ô xưa có sách đề,

3530 Phép đi coi đất lành nghề kham dư.

Học nay gọi tiếng địa sư,

Khảo dị

3514 Vào non chỉ dẫn hai thầy đường *ra*

3516 Hai thầy đi bị hùm đà ăn thây

3528 Đến thầy địa lý phải *trau* lành nghề

Nhìn sai phương hướng làm hư tộc người.

Lỗi y hại một mạng người,

Lỗi thầy âm táng chết tươi một dòng.

3535 Cho hay phong thủy rỗng rỗng,

Trợn gây nghiệp báo lại đông âm hồn.

Hỡi ơi! nghề nghiệp khéo khôn,

Chớ tham của lợi để dồn nợ oan.

Nghề nào nghiệp nấy buộc ràng,

3540 Gặp cơn vận thịnh khuyên chàng ngó sau.

Có câu phước tội theo sau,

Lẽ trời báo ứng chẳng mau cũng chầy.

Một lời vàng ngọc lão nầy,

Đình ninh gởi nói các thầy tục y.

3545 Chữ "hành" xét lại chữ "tri"

Biết thời rằng biết chớ khi quỉ thần.

Ngư Tiều từ biệt lão nhân,

Hỏi thăm đường sá lần lần ra đi.

U Châu từ ấy ra đi,

3550 Phút đầu trời đã đang khi nắng nồng.

Đi gần đến phủ Minh công,

Mặt trời xế mát ngó mông xa chùng.

Mấy ngày đi đã mỏi chân,

Khảo di

3550 Xong pha trời hạ đang khi nắng nồng

3553 Trợn ngày đi đã mỏi chân

Ghé vào xóm quán vừa chững nghỉ ngơi.

3555 Thấy quân phủ dẫn một người,

Mang xiềng rồn rảng vào nơi quán này.

Ngư Tiều hỏi tội sao vậy?

Phủ quân đều nói là thầy thuốc cao.

Ngư rừng: Người bán thuốc cao,

3560 Tội chi đến nỗi xiềng vào khổ thân?

Cao rằng: Mang tiếng sát nhân,

Án đầy biển biếc chung thân khó về.

Thói quen sinh nghiệp tử nghề,

Cây rừng đủ đột hái về nấu cao.

3565 Thuốc cao là thuốc bán rao,

Người quen mua uống lẽ nào hại ai.

Bởi câu "vận kiếu thời quai",

Bệnh lành chẳng gặp gặp loài bệnh hung.

Chẳng dè người mắc chứng phong,

3570 Thuốc cao cho uống vào lòng chết tươi.

Nói ra non nước hổ người!

Lá cây đủ đột giết người bao nhiêu?

Bấy lâu Cao mượn đã nhiều,

Phen này Cao trả xiềng đeo cổ đầy.

3575 Bấy lâu Cao khiến làm thầy,

Phen này Cao bỏ theo bầy tội danh.

Ngư Tiều nghe nói giật mình,

Khảo di

3563 Quen theo sinh nghiệp tử nghề

Nhớ đêm trong miếu sự tình như đây.
 Trạng nguyên miếu bắt năm thầy,
 3580 U Châu phân đất cách đây xa chừng.
 Nay còn sót một thầy rừng,
 Minh công phủ bắt lại trưng án đây.
 Hỡi ôi! một việc làm thầy,
 U minh hai lẽ khó lây lất rồi.
 3585 U thời có quỷ thần soi,
 Minh thời có phép nước coi đề hình.

VI

Tiêu rằng: Nghề thuốc dặng tình,
 Nào lo sang tục khổ hình xiềng gông.
 Bối đời nhiều kẻ bất thông,
 3590 Học không chỗ gốc riêng trông cửa rèm.
 Học nhỏ vài chữ lem nhem,
 "Mân" coi ra "kiến" "lỗ" nhèm ra "ngu".
 Hoặc là giở sách y thơ,
 Luận đầu trị đó hốt vợ lấy tiền.
 3595 Hoặc là giở sách địa biên,
 Nhắm phương coi hướng làm xiên cầu tài,
 Có người vốn nghiệp sơ sai,
 Đến đâu khua mô khoe tài rằng hay.

Khảo di

3584 U minh hai chữ khó lây lất rồi
 3588 Nào lo ràng rạc khổ hình xiềng gông

Có người vốn nghiệp chẳng hay,
 3600 Giả làm mặt biết lời bày chê khen
 Đua nhau trở trắng làm đen,
Hình hươu lột chó thói quen dối đời.
 Mấy thằng lão xược theo chơi,
 Ví như ếch giếng thấy trời bao nhiêu.
 3605 Trộm nghề tay khéo vẽ theo,
Vẽ hùm ra chó để trêu chúng cười
 E khi gặp rượu tiên mời,
 Đãi cho vài chén xùy hơi cáo bầy.
 Hai ta mặt đã thấy vậy,
 3610 Học xñ giữ gốc làm thầy nhà ta.
 Ngủ rằng: Phược trước một khoa,
 Tiểu nhi trăm chứng chính tà cho thông.
 Lăn lăn rồi trị các kinh,
 Học cho tốt lẽ bịnh tình bách gia.
 3615 Tiêu rằng: Triền cũng một khoa,
 Phụ nhơn trăm chứng trẻ già cho xong.
 Sau rồi nhóm sách các dòng,
 Học cho thấy đạo thì lòng mấy an.

*

* *

Khảo di

3608 Đãi cho vài chén ra hơi cáo bầy
 3606 Vẽ hùm ra chó để treo chúng cười
 3912 Tiểu nhi trăm chứng chính tà cho tình

- Hai người nằm quán luận bàn,
 3620 Rạng ngày cơm nước lên đường Minh Châu.
 Cùng nhau thơ thẩn chờ lâu,
 Về nơi quê quán đi lâu hơn người
 Đến nhà con vợ mừng thay,
 Tính đường đi lạc ba ngày có dư.
 3625 Từ đây cải nghiệp tiêu ngư,
 Làm qua nghề thuốc tổ sư mở lòng.
 Khi nên trời cũng giúp lòng,
 Bệnh giàu cho của mua ròng sách y.
 Sau dù có chỗ bất tri,
 3630 Cùng nhau thay đổi liên đi Đan Kỳ
 Cùng đều nhờ phép Nhân Sư,
 Dọn trong ohép bí nghề y gia truyền.
 Phụ khoa cho gã Thê Triền,
 Đàn bà trăm chứng đều chuyên bệnh lành.
 3635 Nhi khoa cho Tử Phục rành,
 Trị trăm chứng trẻ hậu sanh đều nhờ.
 Hai thầy ra sức công thơ,
 Cảm ơn Đạo Dẫn trọn nhờ Nhập Môn.

Khảo di

- 3621 Ngự Tiểu từ cảnh Minh Châu
 3622 Về nơi quê quán đi lâu hơn ngày
 3624 Tính ngày đi lại ba ngày có dư
 3629 Hai thầy sấm đủ sách y
 3631 Sau đều nhờ đức Nhân Sư
 3634 Đàn bà trăm chứng đều chuyên trị lành

- Nghe hay nổi tiếng như cồn,
 3640 Trị đầu lành đó xa đồn danh y.
 Hai thầy đăng chữ nho y,
 Quan yêu dân chuộng sách ghi giúp đời.

Khảo di

- 3639 Nghe hay tiếng nổi như cồn
 3642 Sau câu này, bản TVD còn có hai câu:
 Đến đây tuyệt búi hết lời,
 Nôm na một bốn để đời hậu lai.

GIẢI NGHĨA TỪ NGŨ

NGŨ TIÊU VẤN ĐÁP NHO Y DIỄN CA

1. **Tam công:** chỉ việc thăm, chữa bệnh nói chung. Trong đoạn từ câu 1043 đến câu 1052, tác giả đã giải thích rõ "truyện Tam-công" nói đây. Xem các câu 190, 1044, 1051.

3. **Cuộc cờ thúc quý:** nói đời loạn lạc, đua nhau giành thắng bại, loại trừ lẫn nhau. Xem ct 487 A, và các câu I, XVII, 2835.

4. **Vật đổi sao dời:** do chữ "vật hoán tinh di" = chỉ muôn vật, việc dời đổi thay. Thơ Vương Bột (Đường); Nhân vân đàm ảnh nhật du du, vật hoán tinh di kỳ độ thu = Mây lơ lửng dầm lồng bóng, ngày (tháng) dằng dặc trôi, vật đổi sao dời thu qua mấy độ.

5. **Thạch Tấn:** tức Thạch Kính Đường lập nên nhà Tấn thời Ngũ đại, lên ngôi vua năm 936, xưng Tấn Cao Tổ, đã cắt đất 16 châu làm lễ tạ ơn Khiết Đan đã lập ông ta làm vua nước Tấn. Xem ct I "Lời dẫn" phần phân đoạn "Ngũ tiêu vấn đáp nho y diễn ca".

6. **U Uyên:** hai châu trong số 16 châu cắt nhường Khiết Đan, U thuộc đông bắc Trực Lệ, tây bắc Phụng Thiên, và Yên thuộc bắc bộ Hà Bắc, Sơn Tây.

Khiết Đan: một tộc người chiếm miền đông bắc Trung Quốc dựng nước đến thời Ngũ đại đổi thành nước Liêu, về sau bị Kim diệt.

7. **Sinh dân:** nhân dân. Xem câu 2786.

Bùn than: lấm than, chập vệt dối kém. Từ Hán có "sinh dân đồ than", là cùng nghĩa đây.

8. **Giao bàn:** giao chuyển luôn cả (nhân dân hai đất này) cho Khiết Đan.

9. **Theo trong:** như nói "trong đó", là bởi chữ "tòng trung" trong số nhân dân U Uyên.

Người kiệt: người tài giỏi

10. **Ôm tài giấu tiếng:** giấu hết tài năng và tung tích.

Tiểu, ngư: người kiếm củi, người đánh cá

11. **Ẩn cư:** ở ẩn.

12. **Thờ trên nuôi dưới:** trên thờ cha mẹ, dưới nuôi vợ con.

"Mạnh tử": Ngưỡng bất tức dĩ sự phụ mẫu, phủ bất tức dĩ xúc thê tử = ngưỡng lên không đủ để thờ cha mẹ, cúi xuống không đủ để nuôi vợ con. Nhân đó, người ta thường dùng từ ngữ "Ngưỡng sự phụ xúc" (hay dục) để nói sự thờ cha mẹ.

II Nước non: đây chỉ nơi suối rừng, chốn người kiệt ở ẩn.

14. **Đạo đời:** thế nào là đạo lý vốn có ở đời. Nhân tâm (lòng người) và thế đạo đã bị những người giả danh Phật giáo, Lão giáo làm hư hỏng.

15. **Năm ba:** chỉ tam cương, ngũ thường.

16. **Giường:** cũng nói "giềng" tức giềng mối, chỉ vào cương thường nói ở ct I B (sau ct 306 B). Trọn giường, tức trọn đạo cương thường.

17. **Đời vương đời đế:** tức đời tam vương ngũ đế, nói đời thịnh trị có vua quan sáng suốt trị dân.

18. **Di Hạ:** tư tưởng phản động kỳ thị chủng tộc của phong kiến Trung Hoa cho rằng "di" là xứ sở của văn hóa còn thấp kém, và "hạ" là nước có văn hiến. Đây nói "nay Di mai Hạ". để chỉ thời loạn lạc, không có gì là ổn định. Xem ct 438 B.

19. **Vận sông Vàng:** nói dịp nước sông Hoàng Hà trong. Sông Vàng là dịch từ Hoàng Hà, con sông lớn bắt nguồn từ tỉnh Thanh Hải (Trung Quốc) dài hơn 4.600 km, nước đục vàng nên gọi là Hoàng Hà. Theo truyền thuyết, cứ một nghìn năm nước sông trong một lần, có thánh nhân ra đời.

"Vận mệnh luận": Hoàng Hà thanh nhi thánh nhân sinh = Sông Hoàng Hà trong thì có thánh nhân ra đời. Lời chú nói: "Sông Hoàng Hà cứ một nghìn năm một lần trong, mà nước sông trong thì có thánh nhân ra đời". Cũng có thuyết nói: Cứ năm trăm năm, sông Hoàng Hà một lần trong.

20. **Cáo:** dục
Khôn màng: không mong gì, không mong tưởng đến.

21. **Đã cam:** đã đành lòng chịu

Ty Tần: tránh loạn nhà Tần.

22. **Nguồn Đào:** tức Đào Nguyên, ngọn núi ở về phía tây nam huyện Đào Nguyên, tỉnh Hồ Nam, có động Đào Nguyên, tương truyền là di chỉ của Đào Hoa Nguyên mà Đào Tiềm đời Tấn đã có đề bài "Đào hoa nguyên ký". Chỉ

côi tiên nói chung. Theo "Đào hoa nguyên ký", có người ở đất Vũ Lăng làm nghề đánh cá, bơi thuyền theo dòng suối mà lạc mất lối không biết đường về, gặp một rừng hoa đào chạy dọc theo bờ suối. Đến cùng đầu ngọn nước, có một quả núi để hở một lỗ hang nhỏ. Luồn qua khỏi hang thì đến chỗ đất bằng phẳng, nhà cửa liên nhau. Ruộng bờ ngang dọc giao nhau, gà gáy chó sủa cùng nghe. Người đi lại trông tươm tất, gái trai ăn bận nhẹ nhàng như người ngoài cõi tục, tất cả đều vui vẻ hồn nhiên. Họ tự kể rằng: Đời cha ông họ tránh loạn đời Tấn mà đã đem cả vợ con đến ở lại đây, xa cách với cõi đời bên ngoài. Hỏi họ nay là đời nào? Hán hay Ngụy hay Tấn? Họ cũng chẳng biết thời đại nào vào thời đại nào cả. Xem câu 3478.

Non Xuân: tức núi Phú Xuân, nay thuộc huyện Phú Dương đất Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang, nơi Nghiêm Quang ở ẩn, cày ruộng ở đấy. Xem ct 517 A.

Ruổi miền: chạy để về miền đó.

23. **Mộng Thê Triền:** xem ct 2 "Lời dẫn" phần Phân đoạn "Ngũ Tiểu vấn đáp..."

24. **Nhân duyên:** duyên nên vợ nên chồng.

26. **Đạp văn theo võ:** ý nói bỏ việc học hành, theo về nghề dùng sức tay chân.

27. **Rừng Nghiêu, non Thuấn:** đây chỉ cảnh núi rừng yên tĩnh, tự do ngoài phạm vi chiếm đóng của giặc ngoại xâm. Xem ct 509 A

28. **Lao đao:** vất vả.

29. **Người hào:** người hào kiệt, cũng như nói: "người kiệt" ở ct 9.

30. **Bào Tử Phược:** xem t2 "Lời dẫn" phần phân đoạn "Ngư Tiều vấn đáp..."

34. **Doi, vịnh:** doi là phần đất dõ ra ở dọc sông biển, đối với vịnh là chỗ nước ăn sâu vào đất liền.

37. **Buổi đạo cùng:** nói thời buổi loạn lạc, không còn ai theo đạo lý nữa.

38. **Treo kinh dẹp sử:** nói bỏ việc học, kinh sử xếp xó.

40. **Cố tri:** xem ct 439 A và câu 265.

I (2) **Tây Liêu:** nước Liêu sau bị nước Kim diệt. Đây nói Tây Liêu là có ý ám chỉ giặc Pháp xâm lược. Ý cả câu nói không phải chịu sưu chịu thuế của Tây Liêu.

(3) **Thúc quý:** nói đời loạn. Cả câu nói ý mình đã thoát ra ngoài đời loạn.

(4) **Sào Du:** tức Sào Phủ và Hứa Do. Xem ct 510 A.

(7) **Hơi núi:** ý nói ân lộc của núi rừng, rõ ràng ai cũng biết.

(8) **Trăm năm:** nói ý mãi mãi, suốt đời.

Rừng nhu: chỉ đạo lý nhà Nho. ý cả câu nói: ra sức biểu dương, nêu cao đạo lý nhà Nho/

II (1) **Nghinh ngang:** xem ct 67B

(3) **Tắm mui:** tắm mui thuyền. Mui là mái lợp trên thuyền.

(4) **Gió Tấn, Trời U:** nói cảnh đời ngang trái, loạn lạc dưới triều Thạch Tấn ở vùng U Uyên. Xem cát ct 5,6.

(5) **Sở ngộ:** nói cái cảnh ngộ mà mình gặp.

Trong đục: chỉ sự xấu tốt, phải trái. Xem, ct 29 A. Xem câu 376.

(6) **Phù sinh:** nói đời người sống gửi trong chốc lát. X. câu 267.

(7) **Trăm tuổi:** nói ý trọn đời.

Duyên cá nước: đây nói theo nghĩa đen cá với nước thực, mà có ý tự đắc với nghề đánh cá của mình.

47. **Lanh chanh:** không chắc chắn, gặp ghềnh, không vững.

48. Ý cả câu nói: Việc tu tiên tu Phật, cả việc học đạo lễ lối nhà Nho cũng đều dờ dang, không đến đâu đến đấy.

49. **Quân tử cố cùng:** người quân tử gặp lúc cùng khốn vẫn giữ vững khí tiết. "Luận ngữ": Quân tử cố cùng, tiểu nhân cùng tư lạn hỹ = Người quân tử lúc cùng vẫn giữ vững khí tiết, kẻ tiểu nhân gặp lúc cùng ắt làm bậy trần (Vệ linh công).

52. **Hoàng lương nửa gối:** xem ct 180 B

Phui pha (phôi pha): phai nhạt, không còn mặn mà nữa.

53. **Thế đạo đôi ba:** nói đạo đời đến lúc suy sụp. **Đôi ba** là sóng đổ nhào xuống, nói việc suy bại.

55. **Rượu giao:** rượu bổ chất đậm mà vị ngọt.

56. **Hoài cổ:** nhớ việc xưa.

III. **Đông Chu:** tức triều đại nhà Chu từ Chu Bình Vương dời sang đông ở đất Lạc cho đến đời Chu Noãn Vương (770-256 trước CN).

(2) **Rậm rạp:** đây ý nói che lấp/

(3) **Hạ:** triều đại nhà Hạ (Trung Quốc) do Hạ Vũ dựng nên từ năm 2205 đến năm 1786 trước công nguyên. Hạ Vũ tiếp tục công việc trị thủy của cha, tám năm ròng rã lo việc nước, qua cửa nhà không dám ghé lại, có công lớn, được phong bá ở đất Hạ. Về sau vua thuận nhường ngôi cho lên làm vua, lập nên nhà Hạ.

Thương: triều đại do Thành Thanh dựng nên. Nhà Hạ vô đạo, thiên hạ loạn lạc, Thành Thang thống lĩnh quân chư hầu tiến đánh vua Kiệt diệt nhà Hạ, dựng nên nhà Thương từ năm 1766 đến năm 1125 tr. CN. Hạ, Thương, Chu là ba triều đại trong buổi đầu có vua hiền chính tốt.

(4) **Văn Vũ:** Văn Vương và Vũ vương, hai vua sáng nghiệp nhà Chu. Thời vua Trụ nhà Ân, Văn vương làm Tây bá dựng nước ở chân núi Kỳ Sơn (nay thuộc tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc), ra sức tích đức thiện, làm điều nhân, thi hành chính đạo. Sau có người gièm nên Văn Vương bị vua Trụ cầm tù ở Dữu Lý. Có kẻ bầy tôi là Tán Nghi Sinh dâng con gái đẹp cho vua Trụ, Văn Vương mới được phóng thích trở về nước cũ. Chu Vũ vương, con Chu Văn vương, tên Phát, cuối đời nhà Ân, kế vị cha giữ chức Tây bá. Vua Trụ vô đạo, Vũ vương thống lĩnh quân chư hầu đông chinh đánh bại vua Trụ ở Mục Dã, phế nhà Ân dựng nghiệp nhà Chu, đóng đô ở đất Cáo, ở ngôi 19 năm. Văn vương và Vũ Vương được nhà nho xem là những ông vua hiền.

(5) **Năm bá:** năm vua đứng đầu các nước chư hầu thời Xuân thu thay nhau làm bá chủ một thời là Tề Hoàn công, Tống Tương công, Tấn Văn công, Tần Mục công, Sở Trang

vương. Ngũ bá xem nhẹ nhân nghĩa, coi trọng quyền thuật, giải đối, kéo bè nước này đánh nước kia, chiến tranh liên miên, dân phải chịu trăm bề điêu đứng.

(6) **Bảy hùng:** bảy nước tranh giành nhau quyền lợi trong thời Chiến quốc là Tần, Triệu, Tề, Yên, Sở, Hàn, Ngụy.

(7) **Kinh Lân:** do chữ "Lân kinh": tên gọi kinh "Xuân thu". Kinh Xuân thu là bộ sách của Khổng Tử chép sử nước Lỗ, từ Lỗ Ân công (721-710 tr. CN) đến Lỗ Ai Công (494-466 tr. CN) nhằm mục đích tâm truyền cái đại nghĩa, danh và phận về đường luân lý và chính trị quân chủ. Văn kinh Xuân Thu nghiêm chỉnh về ý nghĩa và vị trí từng chữ. Đến đời vua Lỗ Ai Công năm thứ 14 (481 tr. CN), người nước Lỗ đi săn bắt được con kỳ lân què chân trước bên trái, ai cũng cho là điềm không lành, đem thả ra ngoài đồng. Học trò là Nhiễm Hữu báo cho Khổng Tử. Khổng Tử ra đồng xem thấy, trở về than rằng: "Ngô đạo cùng hỹ" (đạo ta đến lúc cùng rồi). Kinh "Xuân thu" chép đến chuyện săn bắt được kỳ lân, thì Khổng Tử dừng bút, không chép nữa. Xem ct IV sau ct 421 B.

(8) **Sử Mã:** Sách Sử ký của Tư Mã Thiên. "Thông chí": Tư Mã Thiên, người đời Hán, tự Tử Trường, thời thơ ấu ở tỉnh Thiểm Tây đất Long Môn, ông cùng cày ruộng, chăn cừu với những người nông dân bình thường và học các sách sử cổ. Lên 10 tuổi, ông đã thông thạo cổ văn. Năm 20 tuổi, ông lên đường đi du lịch khắp nơi trong nước. Ông từng giữ chức lang trung, sang sứ đất Ba Thục, trở về làm thái lệnh sử. Năm 99 tr. CN, Vũ Đế đánh Hung Nô. Lý Lăng cầm

quân vào đất Hung Nô, bị bao vây chặn mất đường về, quân sĩ chết hầu hết, Lãng phải đầu hàng. Vũ đế nổi giận muốn giết cả nhà Lãng. Tư Mã Thiên biết Lãng, mến phục Lãng là người quốc sĩ, nên đã tâu rõ lòng trung của Lãng. Vũ đế càng giận và bắt ông hạ ngục khép vào tội bị cắt mất sinh thực khí. Cái hình phạt nhục nhã ấy đã làm cho ông hiểu rõ bộ mặt trái của xã hội phong kiến và khiến ông trở thành một nhà sử gia vĩ đại. "Sử ký" có 130 thiên, gồm năm phần: bản kỷ, biểu, thư, thế gia, liệt truyện, là một công trình sử học lớn của Trung Quốc.

(9) **Mặc Dương:** tức Mặc Dịch, người nước Lỗ thời chiến quốc, chủ trương thuyết "kiêm ái" và Dương Chu người nước Vệ (Chiến Quốc) đã đề xướng thuyết "vị ngã". Xem ct 452 (B)

Chộn rộn: lộn xộn, làm rối trí người ta.

(10) **Lửa Tần tro Hạng:** chỉ cảnh tàn bạo, đốt phá khốc liệt trong chiến tranh. "Sử ký": Tần Thủy Hoàng sợ các nhà nho chê bai chính sách của mình bèn bắt đốt hết các sách sử (trừ sử nhà Tần), các kinh truyện, các sách của bách gia chư tử. Hai người dám bàn nhau về kinh "Thi", kinh "Thu" thì bị chém giữa chợ, lấy đời xưa mà chê bai đời nay thì giết cả họ. Quan lại biết mà không tố cáo, thì cũng bị tội. Lệnh ban ra trong ba mươi ngày không đốt sách thì khắc vào mặt cho đi thú để xây và canh giữ Trường Thành. Hạng Vũ phá cửa Hàm Cốc, đem binh về hướng tây làm cỏ thành Hàm Dương, đốt cung thất nhà Tần, lửa cháy liên ba tháng không tắt.

(11) **Am Hán chùa Lương:** chữ gọi chung những am đạo thờ thần tiên thời Hán Vũ đế, và những chùa thờ Phật thời Lương Vũ đế. Chỉ những lễ thói mê tín, những tà giáo được thế mà dấy lên. "Thông chí": Hán Vũ đế, rất tin đạo thần tiên, chuộng việc xây dựng đền đài. Còn Lương Vũ đế ban đầu trọng Nho, về sau lại sùng Phật, cho xây dựng rất nhiều chùa ở Kinh. Đường thời đã có nhiều người dâng biểu can.

(13) **Cửu lưu, tam giáo:** xem ct XLIV - 6C

(14) **Cửa lưu, tam giáo:** xem ct XLIV-6C

(15) **Khe Đào động Lý:** ý chỉ những nơi xa lánh ẩn dật.

(16) **Rừng Trúc đình Lan:** tức Trúc Lâm và Lan Đình. Xem ct 473 và ct 471 B. Xem các câu 2658, 2687.

(17) **Thi Thơ:** hai kinh trong ngũ kinh của Nho giáo. theo quan điểm nhà nho. "Thi" chủ về khuyến thiện, trừng ác, "Thơ" (kinh "Thư") chủ về tôn hiền phạt tội.

(18) **Lễ Nhạc:** hai kinh nói về lễ nghi và âm nhạc thời xưa. Chỉ chung về lễ nghi âm nhạc cổ.

(19) **Mấy dòng biển nghiệt:** chỉ lòng tà thói xấu của người đời. Từ Hán có "hải nghiệt" là cùng chỉ nghĩa đó.

(20) **Khóm rừng hoang:** cũng chỉ những thói hư tật xấu của người đời. Ý cả câu nói, thói hư tật xấu lẫn tràn không cho điều tốt, lòng nhân nảy nở.

(21) **Hơi chính:** do chữ "chính khí" là chí khí của người ngay thẳng, cương trực, cái khí chất lớn lao, mạnh mẽ của trời đất phú cho con người. Văn Thiên Tường, đời Tống có bài "Chính khí ca", ca ngợi những người trung nghĩa lắm

liệt thời xưa, đều giữ toàn được cái chính khí của trời đất phú cho.

Cụm núi: nói có nhiều ngọn núi đứng liền nhau.

(23) **Trời đất an ngôi cũ:** nói trời đất, vạn vật đều yên vị, ở đúng chỗ của mình, thì xã hội sẽ trở về thế trật tự ổn định. Câu này nói, xã hội bấy giờ, mọi giá trị đều bị đảo lộn, không ai ở yên và ở đúng vị trí của mình, nghĩa là xã hội loạn lạc.

(24) **Gió tây:** chỉ chung những điều tác hại từ phương tây đến, tai hại cho đất nước, cho dân tộc, như bọn xâm lược cùng với những trào lưu tư tưởng khác lạ với Nho giáo.

62. **Rề rề:** đau mê man không dứt cơn. Xem câu 2932 và ct 1820.

Bầu nhàu: nhăn nhú

64. **Sản hậu:** chứng bệnh của đàn bà sau khi sinh đẻ.

Thai tiền: trước khi có thai, hay khi thai còn trong bụng.

68. **Thầy tọc:** thầy thuốc tồi.

Phang: phương thuốc.

70. **Lận đận:** vất vả, gặp nhiều trắc trở.

71. **Chí lăm:** chí quyết tâm thực hiện, làm một việc gì. Xem ct21A.

Vuông tròn: nói ý trọn vẹn, hoàn toàn.

72. **Chung tợ trập trập:** tên một bài thơ trong kinh "Thi" chúc tụng cảnh con đàn cháu lũ. Chung tợ là một loài châu chấu mỗi lần đẻ ất nhiều trứng nở thành châu chấu

con. Lời tự nói: "Thơ chung tợ là thơ chúc tụng các bà hậu phi con cháu đông đúc, là nói các bà như loài châu chấu (chung tợ) không lòng ghen ghét nên con cháu đông đúc vậy. "Thiên Nam ngữ lục": Trái gái doanh doanh thịnh vượng chung tợ.

73. **Tạo hóa tiểu nhi:** trẻ tạo hóa, tên gọi tạo hóa với ý cuồng phóng cho tạo hóa hay đặt bày cho người đời lắm chuyện oái oăm, bất thường, như trò trẻ con.

76. **Cam tích:** bệnh làm cho trẻ con bụng to da vàng.

Bình rĩnh: đầy mà trống, sinh trương lên.

77. **Quáng gà:** chứng không trông thấy như mắt gà khi trời chạng vạng tối.

78. **Rún lòi:** lỗ ốn lòi ra.

79. **Lãi chòi:** con sán giun xoi động trong ruột (chòi).

80. **Tròng trê:** chỉ giang môn (lỗ đít), nói lòi trĩ ra.

82. **Hoa trái:** đậu mùa.

Độc về hông vai: độc đậu chạy vào hông và vai.

89. **Du phương:** đi rong chơi đó đây.

90. **Điềm chỉ:** im lặng mà chỉ cho.

98. **Lòng cương gắm nhiều:** lòng mang gắm nhiều, nói ý tứ đẹp, lời hay.

Lược thao: chủ mưu lược, tài quân sự. Xem ct 14A.

99. **Nói ra:** lời Nhân Sư nói ra.

Xao: xao xuyến, sai chệch. Ý cả câu nói: lời nói bền chặt như vàng, như đá, không sai chệch. Vàng đá, là nói sự bền vững, lâu dài mãi mãi như khắc vào bia đá, vào chuông vạc

đồng, là do chữ "kim thạch": kim chỉ chuông vạc đồng, thạch chỉ bia đá. Thời xưa phàm những sự kiện, những công đức to, những câu châm ngôn hay... thường được khắc vào chuông vạc đồng, bia đá để lưu truyền mãi mãi.

100. **Văn ra:** văn Nhân Sư viết ra.

Dấy phụng rời giao: chỉ sự tài giỏi lỗi lạc hơn người. Xem ct 13A.

101. **Kinh luân:** kinh là rút mỗi tờ, luân là chấp sợi tơ, lấy việc kéo tơ ví với việc sửa sang, sắp đặt về chính trị. Kinh "Dịch" có câu: Văn lôi truân, quân tử dĩ kinh luân = Thời kỳ mây sớm gian truân, người quân tử xem đó mà sửa sang việc đời.

104. **Dân mạc:** dân thống khổ, sự tệ hại đau khổ của nhân dân. Kinh "Thi": Cầu dân chi mạc = Tìm xem sự khổ hại của nhân dân.

105. **Chôn ngọc vùi câm:** nói ý giấu biệt tài năng, tung tích, hay ẩn nấu phẩm giá vàng ngọc của mình.

108. **Du sĩ:** kẻ sĩ du phương đi rong chơi đó đây.

IV (I) **Nhạc Thiệu:** nhạc vua Thuấn. Nhạc Thiệu nổi, chim phượng hoàng bay đến múa. ý cả câu nói không còn là đời thái bình thịnh trị nữa.

(4) **Sách Lỗ:** chỉ kinh "Xuân thu". Xem ct III (7). Thời Khổng tử có đạo, đến khi kì lân xuất hiện - điềm báo đạo lý họ Khổng không còn thi hành được nữa. Ở đây, sách Lỗ biên rồi không thấy lân, là nói ý: kinh viết ra để trị đời loạn, vốn đã không đưa ra thi hành được, cho nên không biết đâu là cùng, không thấy có thánh nhân xuất hiện để thi hành đạo lý.

(5) **Khỏe mắt:** khỏe con mắt, ngủ đến trăm ngày liền.

Hy Di: hiệu của Trần Đoàn, người cuối đời Ngũ quý đầu đời Tống, hiệu Đồ Nam, sinh gặp thời loạn, không cầu danh lợi, ẩn ở núi Hoa Sơn, từng nằm ngủ hơn trăm ngày không dậy. Vua Tống mời ra làm quan, ông không nhận, vua ban hiệu cho ông là Hy Di tiên sinh.

Ngũ Quý: tức thời Ngũ đại, gồm có Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán, Hậu Chu là thời đại loạn lạc trong lịch sử Trung Quốc, nhân dân bị khổ cùng trăm bề.

(6) **Mỗi lòng:** nói nhọc lòng phải lo toàn mưu chước.

Gia Cát: xem ct 493 A. Gia Cát Khổng Minh sống vào thời Tam Quốc, Trung Hoa khi ấy chia làm ba nước Ngụy, Thục, Ngô.

(7) **Công danh chi nữa ăn rồi ngủ:** lấy ý ở câu thơ "Phù thế công danh thực dữ miên". Trương Hàn, tự Quý Ứng, người đời Tấn, tính khoáng đạt, từng làm thuộc quan cho Tề vương Quýnh. Quýnh kiêu xa chuyên quyền, sợ bị vạ lây, nhân khi gió thu bắt đầu thổi, Trương nhớ tới canh rau thuần, gọi cá vược là phong vị miền Ngô Giang quê nhà, bèn nói: "Nhân sinh quý thích chí, hà năng ký hoạn số thiên lý dĩ yêu danh tước hồ? = Đời người quý được thích chí mình sao, có thể ràng buộc với một chức quan ở mấy nghìn dặm xa để cầu danh tước ư? Đoạn ông bỏ quan, đóng xe về quê. Không bao lâu, Quýnh bị giết hại, người ta bảo Trương Hàn là tri cơ. Tô Đông Pha có bài thơ khen ngợi, gọi là "Tam hiền tán":

Phù thế công danh thực dữ miên
Quý Ứng chân đặc thủy trung tiên.

Bất tu cánh thuyết tri cơ tảo,

Chỉ vị thuần lô giả tự hiền.

Nghĩa là: Công danh ở cõi đời nổi không gì bằng ăn với ngủ,

Quý Uẩn thực là người tiên trong miền sông nước (chỉ miền Ngô Giang, quê hương Trương Hàn).

Không cần phải nói là đã sớm tri cơ,

Chỉ một sự vì cạnh thuận gỏi vược cũng là người giỏi rồi.

(8) **Lượng cao dày:** lượng của trời đất - trời cao đất dày (thiên cao địa hậu). Cây này, tác giả có ý cảm thương về sự mù lòa của mình.

110. **Trần bửu đời:** đồ quý báu ở đời.

112. **Hang trống còn vời tiếng chân:** do chữ "không cốc túc âm" = hang trống có tiếng chân người đi. Nói điều may hiếm có, nổi vui mừng tất nhiên của hạng người đồng điệu. Trang tử: Phù đào hư không giả.... văn nhân túc âm cũng nhiên nhi hỉ hỷ = Phàm người chạy trốn vào chỗ trống không, nghe có tiếng chân người đi thì tất vui vậy. Thơ Hoàng Đình Kiên: Biệt hậu ký thi năng ủy ngã. Tự đào không cốc thính nhân thanh = Xa nhau thơ gửi đến an ủi được tôi, Như trốn hang trống nghe có tiếng người.

113. **Thi danh:** người làm thơ nổi tiếng.

Đường thân: bấy tôi nhà Đường, chỉ Lý Bạch, Đỗ Phủ, hai nhà thơ lớn đời Đường, nhưng cuộc đời lắm nỗi long đong.

Vóc dê da cạp: nói bên ngoài thì tốt mà thực chất không có gì. Tác giả muốn nói nhóm văn chương

thời ấy không có thực tài. Từ Hán có chữ "dương chất hồ bì" là nói nghĩa ấy.

118. **Vô như chi hà:** không làm sao được.

120. **Bỏ ta ai dùng:** bỏ ta thì dùng ai. Mạnh tử khi luận về thời thế nói: Phù thiên vị dục bình trị thiên hạ giả như dục bình trị thiên hạ, dương kim chi thế, xả ngã kỳ thù gia? = Kia xem trời chưa muốn bình trị thiên hạ, nếu muốn bình trị thiên hạ, thì dương thời buổi này, bỏ ta ra, còn dùng ai nữa?

128. **Nhân xu:** thân thể con người.

134. **Bầu hồ lô:** quả bầu to phơi khô lấy hết ruột, dùng đựng nước, đựng rượu. Đây ví thân thể người ta da bọc xương giống quả bầu.

135. **Chín nẻo ra vô:** tức chín khiếu: hai lỗ tai, hai lỗ mũi, hai mắt, hai đường đại tiểu tiện và miệng.

136. **Kinh lạc:** các đường truyền dẫn khí huyết trong thân người. Xem ct 678 A.

137. **Sáu phủ:** sáu cơ quan trọng yếu trong thân thể người ta thuộc dương: dạ dày, tam tiêu, bọng đái, ruột già, ruột non và mật.

138. **Năm tạng:** thuộc âm, tức là tim, gan, lá lách, phổi và thận.

143. **Thất tình:** bảy tình cảm là mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muốn.

144. **Ngũ vị:** năm mùi là chua, cay, mặn, đắng, ngọt. Theo sách thuốc xưa, đất nuôi người bằng năm mùi.

147. **Lục tặc:** sáu thứ làm hại cho sự tu hành là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Cho nên người tu đạo mắt không xem sắc, tai không nghe tiếng, mũi không ngửi thơm, miệng không nếm mùi, thân lìa đồ mềm trơn, lòng không nghĩ bậy. Xem đoạn 209-128.

148. **Tam thi:** theo "Thái thượng tam thi trung kinh"; tam thi là ba vị thần ở trong thân thể hay xui người ta làm bậy, gồm có: Thượng thi tên Bành Cự ở trong đầu người, trung thi tên Bành Chất ở trong bụng người, hạ thi tên Bành Kiêu ở trong chân người.

149. **Rũ quyến:** dụ dỗ, quyến rũ.

150. **Lung loạn:** loạn xạ lên, không có thứ tự gì cả.

151. **Bì nang:** túi da, chỉ thân người.

152. **Hoa mẫu:** chỉ người đẹp xuất chúng.

154. **Nhem thềm:** lấy mỗi nhử làm cho người ta thềm muốn.

155. **Theo lùa:** hòa theo về một phía.

156. **Thập ác:** tiếng nhà Phật, gọi sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói càn, nói khéo, ác miệng, hai lưỡi, tham muốn, giận dữ, ngu si là thập ác.

166. **Âm chất:** việc làm phúc không cần người biết. Người thầy thuốc phải lấy âm chất làm đầu.

168. **Bảo dưỡng:** giữ gìn, nuôi nấng.

169. **Ngũ hành:** năm yếu tố, năm tác nhân, hay năm thể lực động có ảnh hưởng trên nhau. Theo Đồng Trọng Thư, thứ tự ngũ hành là: 1 - mộc, 2 - hỏa, 3 - thổ, 4 - kim, 5 - thủy. Một trong năm hành đến lượt nó sinh ra hành sau.

Mỗi hành đến lượt lại bị thắng (khắc) bởi hành thứ hai đến sau. Cho nên mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thủy, thủy sinh mộc. Đó là quá trình "tương khắc". Âm dương gia chủ trương ngũ hành tương sinh, tương khắc theo một thứ tự cố định. Phái ấy chủ trương rằng sự liên tục của bốn mùa là hợp với quá trình tương sinh của ngũ hành. Cho nên mộc thịnh mùa xuân, sinh hỏa, thịnh mùa hè; hỏa lại sinh thổ, thịnh ở trung ương; thổ lại sinh kim, thịnh mùa thu; kim sinh thủy, thịnh mùa đông; thủy lại sinh mộc, thịnh mùa xuân.

171. **Địa chí:** mười hai chi, gồm có: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi phối hợp với 10 số thiên can để tính năm, tháng, ngày giờ.

173. **Thiên can:** mười can, gồm có: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý. Xem "Địa chi".

174. **Ngũ vận, Lục khí:** thuyết của các nhà âm dương thuật số. Ngũ vận tức tuế vận của ngũ hành. Lục khí gồm: âm, dương, phong, vũ, hối (tối), minh (sáng).

Chàng ràng: quanh quẩn, làm rộn. Xem câu 1670.

176. **Bổn thảo:** sách chép tính chất các vị thuốc tương truyền do Thần Nông soạn, chia làm ba tập thượng, trung, hạ 51 quyển. Đời Minh có Lý Thời Trân soạn "Bản thảo cương mục" chia thành 6 môn, 12 bộ.

181. **Miếu vũ:** chỗ thờ thần. Xem ct 305 A

182. **Tổ sư:** người sáng lập ra một nhà, một tông phái.

186. **Sâm sâm:** xấp xỉ gần bằng nhau, nghĩa như chữ "sâm si".

188. **Vọng văn vấn thiết:** bốn phép chẩn bệnh chủ yếu của thầy thuốc "Vọng" là trông sắc mặt, "Văn" là nghe tiếng nói, "Vấn" là hỏi chứng trạng, "Thiết" là xem mạch.

194. **Linh đơn:** thuốc tiên.

207. **Chỉ nghe:** chỉ nghe.

219. **Tiếng ngọc phân:** lời nói hay tỏ bày cho nghe.

225. **Xuân quang:** cảnh mùa xuân sáng đẹp

229. **Nhạc mẫu:** mẹ vợ.

234. **Trường đồ:** đường dài.

237. **Thanh minh:** tiết viếng mộ vào đầu tháng ba mùa xuân khí trời mát mẻ trong trẻo.

242. **Đông hoàng:** thần chủ về mùa xuân. Xem ct 298 B.

247. **Gió tre:** gió thổi qua khóm trúc. "Bích câu kỳ ngộ": Phát phơ gió trúc dật dìu mưa hoa.

V (3) **Phương:** phương thuốc.

Vua tôi: phép bốc thuốc chia các vị thuốc thành quân, thần, tá, sứ.

(5-6) **Đều** là phép làm thuốc.

255. **Mảng coi:** mãi xem.

262. **Trục lư:** ngã lừa. Trần Đoàn nghe tin Triệu Khuông Dận làm vua, cười ngất ngã từ trên lưng lừa xuống, nói: "Thiên hạ từ nay yên rồi". (Theo bản Tân Việt).

267. **Phù sinh:** đời người sống gửi trong chốc lát.

271. **Thời vận bất tề:** thời vận không khớp nhau.

272. **Làm bê:** làm bê trễ, hư hỏng.

277. **Ba chuyển gãy tay:** nói sự lịch duyệt của thầy thuốc. Tả truyện: Tam chiết quảng tri lương y - ba lần gãy tay mới biết thầy thuốc giỏi.

284. **Hiên Kỳ:** tức Hoàng đế và Kỳ Bá. Hoàng đế sinh ở gò Hiên viên, bảy giờ Xuy Vu bạo ngược, kiêm tính chư hầu, Hoàng đế đánh nhau với hãn ở đồng Trác Lộc, giết Xuy Vu, chư hầu tôn Hoàng đế làm thiên tử. Theo truyền thuyết Hoàng đế định phép Lục thư, chế ra trận pháp, đặt phép đo lường, cùng Kỳ Bá là học trò soạn sách: "Nội kinh", đặt khoa chế thuốc và chữa bệnh. Xem các câu 861, 965.

291. **Vắng hoe:** xem ct 825 A xem câu 3454.

306. **Sau câu 306, bản Zf D (cả bản TVD) còn có:**

"Thập nhị kinh lạc ca rằng":

Thủ thái dương: tiểu trường hễ, túc: bàng quang.

Thủ dương minh: đại trường hễ, túc: vị hương.

Thủ thiếu dương: tam tiêu hễ, túc, đản phùng.

Thủ thái âm: phế hễ, túc: tỳ hệ.

Thủ thiếu âm: tâm hễ, túc: thận kế.

Thủ quyết âm: tâm bào; túc: oan tể.

(Kinh thủ thái dương thông với ruột non. Kinh túc thái dương thông với bóng đái. Kinh thủ dương minh thông với ruột già, Kinh túc dương minh thông với dạ dày. Kinh thủ thiếu dương thông với tam tiêu. Kinh túc thiếu dương thông với buồng mật. Kinh thủ thái âm thông với phổi. Kinh túc

thái âm thông với lá lách. Kinh thủ thiếu âm thông với trái tim. Kinh túc thiếu âm thông với thận. Kinh thủ quyết âm thông với màng tim. Kinh túc quyết âm thông với gan).

"Hữu hữu ca" (Lại có ca rằng):

Thìn, tuất, thái dương, thủy: tiểu trường cập bàng quang.

Mẹo, dậu, dương minh, kim: đại trường, vị trung tâng.

Dần, thân, thiếu dương, hỏa: tam tiêu, đâm, cọng phường.

Sửu mùi, thái âm, thổ: phế dữ tỳ đồng hương.

Tý, ngọ, thiếu âm, hỏa: tâm, thận lưỡng tương đương.

Ty, Hợi, quyết âm, mộc: bào lạc, can, tại bàng.

(Kinh thái dương thuộc thủy, ứng với thìn, tuất, thông với ruột non, bóng đái. Kinh dương minh thuộc kim, ứng với mẹo, dậu, thông với ruột già, dạ dày. Kinh thiếu dương thuộc hỏa, ứng với dần, thông với tam tiêu và buồng mật. Kinh thái âm thuộc thổ, ứng với sửu, mùi, thông với phổi và lá lách. Kinh thiếu âm thuộc hỏa, ứng với tý, ngọ, thông với tim và thận. Kinh quyết âm thuộc mộc, ứng với tý, hợi, thông với màng tim và gan).

310. Sau câu 310, bản Zf D (cả bản TV D) còn có:

"Thập nhị kinh lạc khí huyết đa thiếu ca"

Đa khí đa huyết quân tu ký,

Thủ kinh: đại trường, túc kinh: vị,

Thiếu huyết đa khí, hữu lục kinh,

Tam tiêu, đâm, thận, tâm, tỳ, phế,

Đa huyết, thiếu khí, phân tứ kinh:

Bàng quan, tiểu trường, bào lạc hệ.

(Nhiều khí nhiều huyết, anh nên nhớ: Kinh thủ dương minh tức ruột già, và Kinh túc dương minh tức dạ dày. Ít huyết nhiều khí có sáu kinh: tam tiêu, mật, thận, tim, lá lách và phổi. Nhiều huyết ít khí có bốn kinh: Bọng đái, ruột non, màng tim và gan).

364. Bao tử: dạ dày.

366. Thu cầm: mùa thu thuộc hành kim (cầm).

382. Hải: hòa nhau. Lục phủ, ngũ tạng... nên nội tạng phủ mười một.

391. Ngũ hành: xem ct 169.

393. Hải nghi: tức âm, dương. Cũng có nghĩa trời, đất.

394. Hóa ky: hóa cơ, là máy trời.

398. Sau câu 398, bản Zf D (cả TV D) còn có:

"Ngũ hành tương sinh ca"

Mộc sinh hỏa hễ, hỏa sinh thổ,

Thổ sinh kim hễ, kim sinh thủy,

Thủy sinh mộc hễ, ngũ tương sinh,

Nhân vật lưỡng gian giai cát lự

(Mộc sinh hỏa chừ, hỏa sinh thổ. Thổ sinh kim chừ, kim sinh thủy. Thủy sinh mộc chừ, đó năm hành tương sinh. Người vật trong khoảng trời đất đều đặn tốt lành).

"Ngũ hành tương khắc ca"

Mộc khắc thổ hề, thổ khắc thủy,

Thủy khắc hỏa hề, hỏa khắc kim),

Câm khắc mộc hề, ngũ tương khắc,

Lưỡng gian nhân vật đẳng hung lâm.

(Mộc khắc thổ chừ, thổ khắc thủy. Thủy khắc hỏa chừ, hỏa khắc kim. Kim khắc mộc chừ. Đó là năm hành tương khắc. Người và vật trong khoảng trời đất có điều chẳng lành tới nơi).

403. **Ba tài:** tam tài, tức thiên, địa, nhân (trời, đất, người).

408. **Hà đồ:** theo truyền thuyết, đời vua Phục Hy, trong sông Hoàng Hà có con long mã xuất hiện, trên lưng có nét vẽ từ 1 đến 10. Phục Hy theo đó mà vạch ra bát quái.

Lạc thư: thời vua Vũ trị nước lụt có con rùa nổi lên, lưng mai rùa có văn số từ 1 đến 9 nhân đó mà vạch ra cửu trù.

412. **Nhộn nhàng:** rộn ràng.

424. **Sau câu 424, bản Zf D (cả bản TV D) còn có:**

"Chủ vận thi rằng"

Đại hàn mộc vận thi hành sơ?

Thanh minh tiên tam hỏa vận cư.

Mang chủng hậu tam thổ vận thị,

Lập thu hậu lục kim vận suy,

Lập đông hậu cửu vận chuyển,

Chu nhi phục thi vận niên như.

(Mộc vận bắt đầu từ tiết đại hàn. Ba ngày trước tiết Thanh minh là sang hỏa vận, ba ngày sau tiết Mang chủng là sang thổ vận. Sáu ngày sau tiết lập thu là sang kim vận, chín ngày sau tiết lập đông là sang thủy vận. Hết vòng rồi lại bắt đầu lại, muôn năm vẫn như thế).

434. **Sau câu 434, bản Zf D (cả bản TV D) còn có:**

"Khách vận thi rằng"

Giáp, kỷ, hóa thổ, ất, canh: câm

Đinh, nhâm, hóa mộc tận thành lâm,

Bính, tân, hóa thủy, thao thao khứ,

Mậu, quý, nam phương, hỏa diễm xâm.

(Giáp, kỷ hóa ra thổ, ất canh hóa ra kim. Đinh, nhâm hóa ra mộc, hết thủy thành rừng. Bính, tân hóa ra thủy - chảy đi cuộn cuộn. Mậu, quý ở phương nam, bốc lên ngọn lửa - hỏa).

464. **Âu:** lo: Xem ct 114A và các câu 642, 804, 1210, 2672.

482. **Tua thuộc lòng:** phải thuộc lòng

Sau câu 482, bản Zf D (cả bản TV D) còn có:

"Chủ khí thi rằng"

Đại hàn, quyết âm; khí chi sơ,

Xuân phân, quân hỏa: nhị chi ngu,

Tiểu mãn, thiếu dương: phân tam khí,

Đại thử, thái âm: tứ tượng hô,

Thu nhân, dương minh: ngũ vị thị,

Tiểu tuyết, thái dương: lục chi dư.

(Khí đầu tiên là khí quyết âm (phong mộc) bắt đầu từ tiết đại hàn.

Khí thứ hai là thiếu âm (quân hỏa) bắt đầu từ tiết xuân phân

Khí thứ ba là thiếu dương (tương hỏa) bắt đầu từ tiết tiểu mãn.

Khí thứ tư là thái âm (thấp thổ) bắt đầu từ tiết đại thử.

Khí thứ năm là dương minh (táo kim) bắt đầu từ tiết thu phân.

Khí thứ sáu là thái dương (hàn thủy) bắt đầu từ tiết tiểu tuyết.

510. Sau câu 510, bản Zf D (cả bản TV D) còn có:

"Khách khí thì rằng"

Tý, ngọ, thiếu âm: quân hóa thiên,

Dương Minh, táo kim, ứng tại tuyền,

Sửu, mùi, thái âm, thấp thổ thượng,

Thái dương, hàn thủy, vũ liên miên,

Dần, thân, thiếu dương, tương hỏa vượng,

Quyết âm, phong mộc, địa trung tuyền,

Mẹo, dậu, khước dữ tý, ngọ, phản,

Thìn, tuất, tỵ, hợi, đảo giai nhiên.

(Năm tý, năm ngọ, thì thiếu âm (quân hỏa) giữ trời, Mà dương minh (táo kim) giữ đất. Năm sửu, năm mùi, thì thái âm (thấp thổ) giữ trời, Mà thái dương (hàn thủy) giữ đất, mưa liên miên. Năm dần, năm thân thì thiếu dương (tương

hỏa) giữ trời, Mà quyết âm (phong mộc) truyền ở trong đất. Năm mao, năm dậu, thì trái lại với tý, ngọ (dương minh) giữ trời mà thiếu âm giữ đất. Các năm thìn, tỵ, hợi cũng thế - thìn, tuất trái lại với sửu, mùi - tỵ, hợi trái lại với dần, thân).

568. **Mòi:** giấu, diềm bày ra, như nói "bày mòi", nghĩa là bày ra không giấu được nữa, "trơ mòi", nghĩa là trổ ra chứng gì, thối gì. Xem các câu 893, 992, 1040.

578. **Thê thê:** lạnh lẽo.

584. **Keo hình:** thể keo.

585. **Giê:** đóng chắc, cứng lại, như nói đất giê xuống.

586. **Quánh:** sánh kết dính lại

590. **Về:** lớp, miếng, như nói về thuốc, về cơm cháy.

Mô: lùm đất cao lên.

630 **Máy trời:** Xem ct 27A và các câu 1586, 2868.

656. **Mang trương:** nhiều rộn.

738. Sau câu 738, bản Zf D (cả bản TV D) còn có:

"Thập bát phản ca rằng"

Bổn thảo minh ngôn thập bát phản:

Bán, lâu, bối liễm, cấp, công ô,

Tảo, kích, toại, nguyên, câu chiến thảo,

Chư sâm, tân, thực, bạn lê lô.

(Bổn thảo nói rõ mười tám vị trái nhau: Bán hạ, qua lâu, bối mẫu, mạch liễm, bạch cập đều trái với ô đầu. Hải tảo, đại kích, cam toại, nguyên hoa đều trái với cam thảo. Các sâm - nhân sâm, huyền sâm, đan sâm, khổ sâm - tế tân, thực được đều trái với lê lô).

"Thập cửu úy ca rằng"

Lưu hoàng nguyên thị hỏa trung tình,
Phác tiêu nhất kiến tiện tương tranh,
Thủy ngân mạc dữ phê sương kiến,
Lang độc tối phạm mật đà tăng,
Ba đậu tính liệt tối vi thượng,
Thiên dữ khiên ngư bất thuận tình
Đinh hương mạc dữ uất kim kiến,
Nha tiêu nan hiệp kinh tam lạng
Xuyên ô, thảo ô, bất thuận tề,
Nhân sâm tối phạm ngũ linh chi
Quan phế thiện năng điều lãnh khí,
Nhược phùng thạch chỉ tiện tương khi
Đại phạm tu hiệp, khán thuận nghịch,
Bào, giám, chích, đoàn mạc tương y.

(Lưu hoàng nguyên là hỏa kết tinh lại, một khi phác tiêu trông thấy liền ganh nhau. Thủy ngân đừng gặp nhau với phê sương. Lang độc rất sợ mật đà tăng. Ba đậu là vị tính dữ nhất. Riêng không thuận tình cùng khiên ngư. Đinh hương đừng cho gặp uất kim. Nha tiêu khó hợp nhau với kinh tam lạng. Xuyên ô, thảo ô không thuận với tề giác. Nhân sâm rất sợ ngũ linh chi. Quan quế rất có tà chữa khí lạnh. Nhưng nếu gặp thạch chỉ, thì khi nhau. Đại phạm phối hợp vị thuốc, phải xem tính thuận nghịch của nó. Chớ ý vào các phương pháp bào chế).

756. **Dón:** rút lấy đại khái. "**Dón bàn**" nghĩa là bản tóm tắt.

776. **Bền cũ ăn:** bền lòng kiên cữ trong việc ăn uống.

810. **Sau câu 810, bản Zf D (cả bản TVD) còn có:**

"Dụng được tổng quyết"

Quân thần hòa hiệp vô phản úy.

Thất phương, thập tể, hữu cơ quan.

Thang, tán, hoàn, đan, châm chước liệu,

Chân, ngự, tân, trần, tử tế khan.

Bào chích, chế độ vô sinh xảo,

Thực thăng, sinh giáng, cổ phương san.

Cập thời thiên phục tri cấm tỵ,

Dụng đáng vô thất, thị tiên phang.

(Các vị quân thần hòa hiệp nhau mà không có trái nhau, sợ nhau. Bảy phương, mười tể riêng có then chốt. Hoặc uống thang, hoặc làm hoàn, làm tán, làm đan, liệu mà châm chước. Các vị thuốc thiết hay giả, mới hay cũ phải coi cho tỉ mỉ. Theo phép tắc mà bào chế, chớ khoe khéo. Chín thì thăng, sống thì giáng, phương cổ đã định. Kịp thời sắc uống, biết kiên cữ. Dùng cho đúng, không sai lầm, ấy là thuốc tiên).

"Chế được yếu thi"

Nguyên hoa bốn lợi thủy, vô thổ bất năng thông,

Lục đậu bốn giải độc, đới xác bất kiến công.

Thảo quả tiêu bành hiệu, liên xác phản trường hung.

Hắc sủu sinh lợi thủy, viễn chí miêu độc phùng.

Bồ hoàng sinh thông huyết, thực bổ huyết vận thông.

Địa du y huyết được, dĩ sao bất trụ hồng.

Trần bì chuyên lý khí, liên bạch bổ vị trung.

Phụ tử cứu dương được, sinh dụng tẩu bì phong.

Thảo ô giải phong tỳ, sinh dụng sử nhân mông.

Nhân ngôn thiếu quá dụng, chư thạch hỏa đoàn hồng.

Nhập thể năng vi mật: chế độ tất tu công.

Xuyên khung sao khứ du, sinh dụng khí tỳ đông.

(Nguyên hoa vốn lợi thủy, không sao dấm thì không thông. Đậu xanh vốn già độc, để vỏ không công hiệu. Thảo quả tiêu đầy bụng, để vỏ lại sinh trướng ngực. Hắc sủi để sống lợi thủy, gập viên chỉ thành có độc. Bồ hoàng để sống thông huyết, dùng chín thì bổ huyết. Địa du là thuốc cầm huyết, nhưng dùng ngọn thì huyết không cầm. Trần bì chuyên trị khí, để cả màng trắng thì bổ dạ dày. Phụ tử thuốc cứu dương, dùng sống thì đuổi được phong ngoài da. Thảo ô chữa phong tê, dùng sống khiến người choáng váng lão đảo. Nhân ngôn (tín thạch) đốt qua hầy dùng, các loài đá phải lửa nung cho đỏ. Đem ngâm dấm thì có thể tán nhỏ được, chế độ phải cho khéo. Xuyên khung phải sao bỏ dầu, dùng sống thì chữa bệnh khí tê có đau nhức).

Dược hữu cứu trần ca"

Trần bì bán hạ cập hương nhu,

Chỉ thực chỉ xác, ngô thù du,

Kinh giới, ma hoàng, lang độc đẳng,

Cửu ban trần cứu hữu công phu.

(Trần bì bán hạ dùng hương nhu, Chỉ thực chỉ xác ngô thù du, Kinh giới ma hoàng và lang độc, Chín vị ấy để lâu dùng mới hay).

836. **Máy linh:** nghĩa như chữ máy trời, máy tạo. Xem ct 27A và các câu 949, 1964.

863. **Biển Thước:** danh y thời cổ Trung Quốc. Theo "Sử ký", Biển Thước, người huyện Trịnh, quận Bột Hải đời Chiến Quốc, họ Tần, tên Việt Nhân, thuở thiếu thời có người khách tên Trường Tang Quân thấy Biển Thước có tướng lạ, bèn nói với ông rằng: "Ta có cấm phương, nay đã già ta muốn truyền lại cho anh, anh đừng tiết lộ với ai". Đoạn lấy sách ghi các cấm phương đưa cho Biển Thước rồi biến mất. Biển Thước làm đúng theo lời dặn của Trường Tang Quân, chỉ 30 ngày sau, ông đã nhìn thấy được người đứng ở bên kia tường, và khi xem bệnh thấy hết chỗ đau ở trong ngũ tạng, trị bệnh nổi tiếng về khoa chẩn mạch. Nhà ông ở đất Lư, nên người thường gọi ông là Lư y (thầy thuốc đất Lư). Sau ông bị tên thái y Lý Hồ nhà Tần ghen tài mà hãm hại ông. Lời chính nghĩa sách "Sử ký" lại nói rằng: Biển Thước là danh y vốn có từ trước, thời Hoàng đế đã có tên Biển Thước. Nay vì Tần Việt Nhân cũng là bậc danh y lừng danh trong thiên hạ, nên người ta lấy tên Biển Thước để gọi Việt Nhân, chứ thực ra Việt Nhân và Biển Thước không phải là một.

881. **Chào rào:** tiếng nhiều người nói một lượt, ồn ào, chộn rộn. Xem câu 3246, 3030.

880. **Buôn trâu đầy cột:** do chữ "hãn ngưi sung đồng": nói sách nhiều lắm, chất trong nhà thì đầy đến đôn nóc

(sung đông), chở đi thì bò kéo phải đổ buồn hoi (hân ngư).
Xem câu 1018.

900. **Y Doãn:** Xem ct 513 A và câu 2769.

918. **Phục Hy:** Ông vua thần thoại trong tam hoàng thời thượng cổ Trung Hoa, xem ct XVI B (sau ct 2243 B).

928. **Ruổi danh:** chạy theo cái danh.

986. **Sau câu 986, bản TV D theo Y học nhập môn mà dẫn ra bài "Quan hình sát sắc quyết"** (bản Zf D chỉ ghi xuất xứ).

Đệ nhất - Khán tha thần, khí, sắc,

Nhuận, khô, phì, sấu, khởi hòa miên,

Hoạt: nhuận, tự: khô, phì thị thực,

Sấu vi hư nhược, cổ kim truyền.

Khiêm thể, tức tri yêu nội khổ,

Toàn mi: đầu thống dữ đầu huyền,

Thủ bất cử hệ: kiên bối thống,

Bộ hành gian khổ: cước gian đông.

Xoa thủ án hung: hung nội thống.

An trung tề: phúc thống tương liên,

Đản khởi bất miên: đàm giáp nhiệt,

Tham miên: hư linh sử chi nhiên.

Diện bích thân quyền: đa thị lĩnh,

Ngưỡng thân thư đỉnh: nhiệt tương tiên,

Thân, diện, mục, hoàng: tỳ, thấp nhiệt,

Thần danh, diện hắc: linh đồng tiên.

("Phép xem hình xét sắc": Thứ nhất xem thần, khí, sắc nó - bệnh nhân. Nhuận hay khô, béo hay gầy, dậy và nằm ra sao? Nhuận thì sống, khô thì chết, béo là thực. Gầy là hư yếu, xưa nay truyền vậy. Khom mình thì biết ngay trong lưng đau. Chau mày thì là nhức đầu cùng chóng mặt. Tay không nhắc được là vai lưng đau. Bước đi khó khăn là chân đau. Chéo tay đè ngực là trong ngực đau. Tay đè rốn là đau bụng quanh vùng rốn. Cứ dậy không ngủ được là dorm kèm theo nhiệt, thích ngủ là lạnh và hư khiến nó vậy. Quay mặt vào vách nằm co, phần nhiều là lạnh, ngửa mặt nằm xông soài là nóng nung nấu nó. Minh, mặt, mắt đều vàng là bệnh tỳ bị thấp nhiệt. Môi xanh, mặt xạm cũng là bệnh lạnh).

"Thính thanh, thẩm âm quyết"

Đệ nhị - Thính thanh, thanh dữ trọc,

Thẩm tha chân ngữ cập cuồng ngôn,

Thanh trọc tức tri đàm ủng trệ,

Thanh thanh hàn nội thị kỳ nguyên,

Ngôn ngữ chân thành phi thật nhiệt,

Cuồng ngôn hào kiêu nhiệt thâm kiên,

Xung thần thuyết quỷ du tường ốc,

Hung phúc đình đàm chứng hiệu diên,

Cánh hữu bệnh nhân tuần nhật cử,

Âm thanh cự thất mạng quy tuyến.

("Phép nghe tiếng xét âm": Thứ hai - nghe tiếng trong hay đục, xét nó nói thật hay nói xàm. Tiếng đục biết ngay

là đờm vương lấp. Tiếng trong, ấy là gốc bởi trong hàn. Nói thiết tha không phải là thật thiết, Nói xàm kêu gào là nhiệt sâu và chắc. Nói chuyện ma quỷ trèo tường leo mái nhà. ấy là ngực bụng có đờm động tức là chứng diên. Lại có thứ bệnh nhân tuần đã lâu ngày, Mà bỗng dưng mất tiếng thì mạng về tuổi vàng).

"Vấn chứng quyết"

Thí vấn đầu thân thống bất thống?

Hàn nhiệt vô yết: ngoại cảm minh.

Chứng nhiệt khẩu bất tri thực vị,

Nội thương ẩm thực lao quỵên hình,

Ngũ tâm phiền thiết kiêm hữu khái,

Nhân sáu: âm hư hỏa động tình.

Trừ thử tam kiện, kiến tạp chứng;

Ngư ngược như ly, tất hữu danh,

Tòng đầu chí túc tu tường vấn,

Chứng hậu sâm si tử tế thỉnh.

("Phép hỏi chứng": thử hỏi đầu mình đau hay không đau? Nóng lạnh, không ngót thì rõ là bệnh ngoại cảm. Bàn tay nóng miệng không biết mùi thức ăn. Ấy là bệnh nội thương vì ăn uống hay mệt nhọc quá độ. Trong lòng nóng bồn chồn, thêm có chứng ho. Người thì gầy, ấy là âm hư hỏa động. Trừ ba món ấy ra, còn các tạp chứng như sốt rét, như kiết lỵ tất có tên chứng. Từ đầu đến chân phải hỏi rõ, Chứng bệnh sâm si phải nghe cho kỹ càng).

"Thiết mạch"

"Thốn, quan, xích định vị quyết"

Chứng hậu cao cốt hiệu vi quan,

Bàng cốt quan mạch hình uyển nhiên.

Thử đệ suy bài thốn quan xích,

Phối hiệp thiên địa nhân tam nguyên.

("Ấn mạch phép định vị thốn, quan, xích": Chỗ xương cao ở sau bàn tay gọi là quan. Bên xương ấy là mạch "quan" hình rõ ràng. Lần lượt suy đặt thốn, quan, xích. Ba bộ phối hợp với tam tài thiên địa nhân).

"Thiết mạch"

"Tạng, phủ định vị quyết"

Tả: tâm, tiểu trường, can, đâm, thận;

Hữu: phế, đại trường, tỳ, vị, mạng.

Tâm dữ tiểu trường cư tả thốn,

Can, đâm đồng quy tả quan định,

Thận mạch nguyên tại tả xích trung,

Bàng quang, thị phủ, thường tương ứng,

Phế dữ đại trường cư hữu thốn,

Tỳ, vị mạch tòng hữu quan nhận,

Tâm bào hữu xích phối tam tiêu.

Thử phi sơ học nhập môn quyết.

("Ấn mạch" - "Phép định vị các phủ tạng": Tay trái là tâm, ruột non, gan, mật thận, Tay phải là phổi, ruột già, lá lách, dạ dày cùng mạch môn. Tâm và ruột non ở bộ thốn

tay trái. Gan mật cùng đứng về bộ quan tay trái. Mạch thận nguyên ở bộ xích tay trái. Bàng quang là phủ của thận cũng ở đấy. Phổi cùng ruột già ở bộ thốn tay phải, Lá lách, dạ dày xem ở bộ quan tay phải. Màng tim sánh với tam tiêu ở bộ xích bên phải. Đó là phép dạy kẻ mới học nghề thuốc).

994. Sau câu 994, bản zfD chỉ có ghi xuất xứ:

"Vương Thúc Hòa"

"Quan bệnh tử sinh hậu ca"

("Xuất Y học nhập môn", quyển nhất, ngũ thập tâm tương). Bản TVD đã trích trọn bài ca:

Dục dữ chi bệnh mục xế hoàng (vị khí hành già).

Nhân bào hốt hãm định tri vương (ngũ tạng tuyệt già)

Nhĩ, mục, khẩu, ty hắc sắc khởi,

Nhập khẩu thập tử bát nan đương (thận thừa vị già)

Diện hoàng, mục thanh, tửu loạn tấn,

Tà phong tại vị táng kỳ thân (thổ khắc mộc già)

Diện hắc, mục bạch: mạng môn bại,

Khổn cực bát nhật tử lai xâm.

Diện sắc hốt nhiên vọng chi thanh,

Tấn chi như hắc: tốt nan đương (can thận tuyệt già)

Diện xích, mục bạch phạ suyễn khí,

Đãi quá thập nhật định tồn vương (hỏa khắc kim già)

Hoàng, hắc, bạch sắc khởi nhập mục,

Cánh kiêm khẩu, ty: hữu tai ương (thủy thừa tỳ già)

Diện thanh, mục hoàng: ngộ thời tử,

Dư hậu tu khan lưỡng nhật cường (mộc khắc thổ già)

Mục vô tinh quang, xỉ ngân hắc (tâm can tuyệt già)

Diện bạch, mục hắc, diệp tai ương (phế thận tuyệt già)

Khẩu như ngư khẩu bất năng hiệp (tỳ tuyệt).

Khí xuất bất phản: mạng phi dương (can thận tiên tuyệt)

Tức tiên, trực thị, cập thần tiêu,

Diện thông thương hắc, già nan đào.

Vọng ngôn thác loạn cập bất ngữ,

Thi xú nguyên tri thọ bất cao (tâm tuyệt).

Nhân trung tận mẫn khẩu thần thanh,

Tâm nhật tu tri mạng tất khuynh (mộc khắc thổ già)

Lưỡng giáp quyền xích: tâm bệnh cửu

Khẩu trương trực khí mạng nan đình (tỳ phế tuyệt già)

Tục diệt, chỉ thũng, tất như dấu:

Thập nhật tu tri nan bảo thủ (tỳ tuyệt).

Hạng cân thư triển định tri tổ (độc mạch tuyệt).

Chưởng nội vô văn đã bất cửu (tâm bào tuyệt)

Thần thanh thể linh cập di niệu (bàng quang tuyệt)

Bối diện ẩm thực: tứ nhật kỳ (can tuyệt)

Thủ, túc, trào, giáp giải thanh hắc,

Hứa qua bát nhật định nan y (can thận tuyệt)

Tích đông, yêu trọng, phiên phúc nam,

Thử thị cốt tuyệt: ngũ nhật khan,

Thể trọng, niệu xích thời bất chỉ:

Nhục tuyết: lục nhật tiện cao phan.

Tủ túc giáp thanh hô mạ đa,

Cân tuyết cứu nhật định nan qua.

Phát trực như ma bán nhật tử (tiểu trường tuyết)

Tâm y, ngũ tử thập tri ma (tâm tuyết)

("Bài ca xem triệu bệnh sống chết của Vương Thúc Hòa":
Bệnh mà sắp khỏi: vẻ mặt vàng (vì vị khó đã truyền đi).
Mi mắt thành linh trùng, biết chắc là chết (ngũ tạng tuyết).
Tai mất mũi miệng nổi sắc đen, Đã lan vào miệng thì mười
người đến tám người khó thoát chết (thận đã dè lên vị).
Mặt vàng mắt xanh thường là uống rượu nhiều. Để gió tà
vào vị (dạ dày) thế là mất mạng (mộc khắc thổ). Mặt đen
mắt trắng là mệnh môn hồng, Một lăm, tám ngày thì chết
tới nơi. Sắc mặt thành linh trông thấy xanh, Tiến lên xam
đen là chết khó gỡ (can thận đã tuyết). Mặt đỏ mắt trắng
nếu lại thở suyễn thì đáng sợ lắm. Đợi qua mười ngày thì
sẽ định sống chết (hỏa khắc kim). Sắc vàng đen trắng nổi
lên vào mặt, vào cả mũi, miệng là có tai vạ (một thừa tỳ).
Mặt xanh mắt vàng, chết giờ ngọ, Nên xem các chứng
khác, chịu được hai ngày là cùng (vì mộc khắc thổ). Mắt
không tinh thần, lợi răng đen (là tâm can tuyết). Mặt
trắng, mắt đen cũng là tai vạ (vì phế thận tuyết). Miệng
như miệng cá, không ngậm lại được (tỳ tuyết). Hơi thở hắt
ra không trở lại, ấy là mạng bay lạc (can thận tuyết). Xơ
vai, trông ngược và xam môi. Mặt xung xam đen cũng khó

thoát. Nói xàm lộn xộn cùng không nói gì. Thân thể thoát
ra mùi thối, nguyên là chứng không thọ (tâm tuyết). Nhân
trung đầy hết miệng môi xanh. Ba ngày nên biết mạng tất
đổ (mộc khắc thổ). Hai má hai quyền đỏ là bệnh tâm đã
lâu. Miệng há thở ra, mạng khó đứng lại (tỳ phế tuyết). Mu
bàn chân và ngón chân sưng, đầu gối sưng như cái đầu,
nên biết khó mà giữ sống được mười ngày (tỳ tuyết). Gân
cổ lỏng lẻo biết chắc chết (mạch độc tuyết). Trong bàn tay
không ngón vết, cũng không lâu (màng tim tuyết). Môi
xanh mình lạnh cùng dải sún không biết (bọng dải tuyết).
Thấy ăn uống thì quay mặt đi, hẹn trong bốn ngày (can
tuyết). Các móng chân, tay đều xanh đen, cho quá tám
ngày quyết khó chữa (can thận tuyết). Xương sống đau,
lưng nặng, trần trở khó, Đó là xương hồng, năm ngày mà
xem... Minh nặng, nước tiểu đỏ, thường không cầm được.
Thế là thịt hồng, sáu ngày là lên tiên. Móng chân tay
xanh, chửi rửa nhiều, Thế là gân hồng, chắc khó qua được
chín ngày. Tóc cứng như sợi gai, nửa ngày chết (ruột non
tuyết). Lăn áo nói chuyện chết, mười phần biết là hồng
(tâm tuyết).

1000. Sau 1000, bản ZfD chép xuất xứ:

"Chư mạch thể trạng ca"

(Xuất "Y học nhập môn", quyển nhất, ngũ thập
ngũ trường) - Bản TV D trích dẫn trọn bài ca:

Phù án bất túc, cử hữu dư.

Trần án hữu dư, cử tắc vô.

Trì mạch nhất tức cương tam chí,

Sắc lai: lục chí nhất hấp hô
 Hoạt tự luy châu lai vãng tậ.
 Sắc trệ vãng lai quất trúc bì,
 Đại phù mãn chỉ trầm vô lực,
 Hoãn tỷ trì mạch khoái ta nhi,
 Hồng tự hồng thủy dưng ba khởi,
 Thật án bức tức lực tự thù,
 Huyền nhược trương cung huyền kính trực
 Khẩn tự khiên thăng chuyển sách sơ.
 Trường mạch quá chỉ xuất vị ngoại,
 Khâu lưỡng đầu hữu, trung không sơ.
 Vi tự thù ty dung dị đoạn,
 Tế tuyến vãng lai cánh khả quan.
 Nhu toàn vô lực bất nại án,
 Nhược tắc dục tuyệt hữu vô gian.
 Hư tuy hoát đại bất năng cố.
 Cách như án cổ tối lao kiên,
 Động như chuyển đậu vô vãng lai,
 Tán mạn sạ thời chú chỉ đoạn.
 Phục tiềm cốt lý hình phương kiến,
 Tuyệt sắc toàn vô suy diệc nhân.
 Đoản ư bốn vị do bất cập,
 Súc cấp lai sắc hỉ tiệm khoan.
 Kết mạch hoãn thì lai nhất chỉ,
 Đại mạch trung chỉ bất tự hoàn.

("Bài ca nói về hình trạng các mạch": Mạch phù ấn xuống thấy yếu nâng lên thấy mạnh. Mạch trầm ấn xuống thấy mạnh, nâng lên thì không thấy. Mạch trì một hơi thở đến vừa ba lượt. Mạch sắc một hơi thở đến sáu lần. Mạch hoạt như chuỗi hạt trai và đi lại mau. Mạch sắc đi lại vương như róc da tre. Mạch đại ấn nổi thì đẩy ngón tay, ấn chìm thì không có sức. Mạch hoãn so với mạch trì nhanh hơn chút. Mạch hồng như nước lụt nổi sóng lên. Mạch thực ấn thấy găng tay, mạch khác hẳn. Mạch huyền căng cứng như giương dây cung. Mạch khẩn như là mới kéo dây, vắn chặc. Mạch trường qua ngón tay ra ngoài bộ vị. Mạch khâu hai đầu có mà giữa thưa không. Mạch ví như tơ nhện khá dễ xét. Mạch tế đi lại như sợi chỉ càng dễ coi. Mạch nhu không có sức không ưa ấn. Mạch nhược thì như muốn đứt, nửa có nửa không. Mạch "hư" tuy mở rộng song không chắc. Mạch "cách" rất bền vững như ấn vào da trống. Mạch động như hạt đậu lăn, không có đi lại. Mạch tán chốc chốc mới thoáng tới đầu ngón tay. Mạch phục ấn xuống sát xương mới thấy. Mạch tuyệt thì không có hẳn, tìm cũng uổng công. Mạch đoản ngay trong bộ vị cũng không tới. Mạch xúc đến mau gấp dần dần khoan đi là đáng mừng. Mạch kết đi chậm, thỉnh thoảng lại dừng. Mạch đại cũng dừng giữa chừng mà không trở lại được.

1003. **Phe:** ý nói phân chia ra nói cho rạch ròi.

1006. **Sau câu 1006, bản Zf D còn có**

"Chư mạch chủ bệnh ca"

và chỉ ghi xuất xứ "Xuất Y học nhập môn", quyển nhất ngũ thập thất trương". Bản TV D trích dẫn toàn bài ca:

Phù phong, khâu huyết, hoạt da đàm,

Thật nhiệt, huyền lao khẩn thống gian,

Hồng nhiệt, vi hàn, tề hạ tích,

Trần nhân, khí thống, hoãn phu ngoan,

Sắc tắc thương tinh âm bại huyết,

Hữu văn: trì linh, phục cách quan.

Nhu: đã tự hãn, thiên nghi lão,

Nhược mạch: tinh hư, cốt thể toan,

Trường tắc khí lý, đoản tắc bệnh.

Tế: khí thiếu hê, đại khí suy,

Xúc vi nhiệt cực, kết vi tích,

Hư kinh, động: thoát, huyết tân lai.

Sắc tắc tâm phiền, đại: bệnh tấn,

Cách: khứ tinh huyết diệc kỳ lai.

("Bài ca chủ bệnh của các mạch": Phù là phong, khâu là huyết, hoạt là nhiều đờm, Thật là bệnh nhiệt, huyền là chứng lao, khẩn là bị đau nhức. Hồng là nhiệt, vi là hàn chưa dưới rốn. Trần là đau vì khí, hoãn thì da tê. Sắc là thương tinh, bại quyết âm hư. Trì cũng là lạnh phúc là bệnh quan cách. Nhu thường nhiều mồ hôi, riêng hợp với người già. Nhược là tinh hư, xương mình đau ê, trường thì khá tốt, đoản thì khí bệnh. Tế là khí ít, đại là khí suy. Xúc là cực nhiệt, kết là tích tụ. Hư là kinh, động là thoát, máu ra luôn. Sắc thì lòng buồn bực, đại thì bệnh đương tiến. Cách là di tinh, băng huyết cũng lạ thay!)

1009. **Tục y:** thấy thuốc tôi, tâm thương. Xem câu 3187.

1018. **Hãn nguưu sung đông:** xem ct 880

1022. **Dộn:** soạn

1026. **Rồng rồng:** nướm nược, thật nhiều, nhiều người chàng ràng mà không có công chuyện chi. "Nói rồng rồng": nói không dứt, kỳ hẹn không chắc. Xem câu 2887, 3535.

1034. **Sau câu 1034, bản Zf D còn có:**

"Tổng khan tam bộ mạch pháp ca"

và chỉ ghi xuất xứ: "xuất "Y học nhập môn", thất thập tứ trường". Bản TV D trích dẫn toàn bài ca:

Mạch hội thái âm quyết tử sinh.

Thốn quan cụ xích âm dương tình.

Phù trung trầm pháp, trì trì sắc,

Thuận nghịch thật hư ứng ngũ hành.

Cực phiền cứu hậu, tinh thập biến.

Vô phi tạng phủ hiệp lưu hình.

Tam bộ mạch toàn dung dị thức,

Hoặc chỉ bát chí cánh nan bằng.

Thượng hạ lai khứ tôn tiêu tức,

Suy pháp ung tu kiên thả hoành.

Duy hữu thiên hòa mạch bất ứng.

Cấp đàn mĩ thường thị kỳ kinh.

Nhật mạch nhị biến vưu kham quái,

Nam nữ dẫn tung mạc lãng kinh.

Đại diện ngũ thập vi chủ số.

Chủ vị tiên thiên kiến thánh linh

Tứ thời vị khí vi chi bốn,
 Lục giáp tuần hoàn nhược đệ huynh.
 Ước tai tứ mạch thiên cổ quyết,
 Động tĩnh huyền cơ thái giản mình.
 Bất vấn tại kinh tinh tạng phủ,
 Hữu lực vô lực yếu đỉnh ninh:
 Dục thức căn nguyên vô biệt xảo
 Chỉ yếu lâm thời tâm khí thanh.

("Phép xem tám mạch ba bộ": Mạch hội cả lại kinh thái âm, xem có thể quyết sống chết. Thốn, quan, xích đủ cả tình hình âm dương. Ba phép ấn ngón tay: nổi, giữa, chìm mà biết được mạch trì hay sác. Thuận nghịch thật hư ứng với ngũ hành. Nào cửa hậu nào thập biến, cực là phiên (mạch có quan thốn, xích ba bộ. Mỗi bộ khi xem phải dùng ba cách ấn: nổi, giữa, chìm. Ba nhân ba là chín, thế là cửu hậu. Thập biến là mỗi bộ mạch thường biến đổi thành mười loại mạch với những bệnh khác nhau). Đều là biểu hiện của tạng phủ hợp với lẽ vật thể trong vũ trụ. Mạch ba bộ toàn vẹn thì chẳng khó biết. Nhưng nếu đến hoặc không đến thì thật là khó chắc bằng. Khi lên khi xuống khi lại khi đi phải để ý dò xét. Phép tìm mạch phải ấn mạnh ngón tay và xem ngang xem dọc. Duy có mạch thiên hòa là không ứng. Nhảy gấp khúc thường là thuộc về kỳ kinh (kỳ có tám mạch là: nhâm, xung, đốc, đới, âm dương duy, âm dương kiện). Một mạch mà hai biến càng đáng quái lạ: Mạch trai mạch gái, thấy khác nhau giữa giờ dần thì đừng có kinh sợ. Chủ số "đại diện" là nam chục (xem mạch phải

xem đủ năm chục lần đếm). Đúng vị tiên thiên, thấy rõ là thiêng liêng. Bốn mùa đều lấy vị khí làm gốc (mạch đi đều đặn, hòa hoãn là có vị khí, cũng gọi là có thần). Sáu giáp tuần hoàn như anh với em, Gọn gàng thay phép tứ mạch để lại cho nghìn đời. Cơ mầu động tĩnh thiết giản và rõ quá! Bất cứ ở kinh nào, phủ tạng nào, Chỉ cần xét coi hữu lực hay vô lực đó là điều cần dặn: Muốn rõ gốc nguồn, không có gì tài khéo khác đâu! Cốt khi xem mạch thì tâm phải trong sạch).

1056 **Mở tranh lấp rào**: phá bỏ cỗ tranh ngăn lẩn lối, ý nói đường không ai qua lại, thì tranh cỏ sẽ mọc che mất lối, cũng như việc học của con người ta, nếu học mà không đem điều đã học ra thực hành, thì nghĩa lý cũng bị che lấp, trí óc người ta càng bị điều xấu làm mờ. Mạnh Tử bảo Cáo Tử rằng: Đường mòn ở trên núi, đi lại lâu ngày tất thành đường lớn. Nếu không có người đi, tranh cỏ sẽ lấp lối. Nay tâm của anh đã bị tranh cỏ bịt mất rồi đấy.

1057. **Lòng chịu miệng trao**, do chữ "tâm truyền khẩu thụ": nói việc được thầy truyền thụ, dạy dỗ cho.

1058. **Phá ngu phát rậm**: ý nói như ct 1056.

1059. **Ngồi giềng xem trời**, do chữ "tọa tỉnh quan thiên" = nói chỗ thấy, kiến thức hẹp hòi.

1060. **Dòm beo trong ống**, do chữ "quản trung khuỵu báo" = nói chỗ thấy hẹp hòi.

1066. **Vượt bầy**: xuất chúng, hơn hết mọi người. Xem câu 1109.

1068. **Tài kiêm tám dấu**: nói tài kiệt xuất, lỗi lạc. "Thông chí": Tào Thực tự Tử Kiến, người nước Ngụy đời

Tam quốc, con Tào tháo, lên 10 tuổi đã giỏi nghề văn "hạ bút thành chương". Tào Tháo cho là lạ, về sau Tào Thực, văn tài càng lỗi lạc. Tạ Linh Vận thường nói: "Văn chương trong thiên hạ được một hạch (mười dấu), Tử Kiến riêng một mình đã chiếm hết tám dấu".

Học đầy năm xe: nói tài học rộng, đọc nhiều sách.

"Trang tử": Huệ Thi đa phương, kỳ thư ngũ xã - Huệ Thi nhiều phương, sách đầy năm xe. Thơ Tô Thức: Ngũ xa thư đi lưu nhi độc, nhị khoảnh điền ưng vị hạc ưu = Năm xe sách để lại cho trẻ đọc, hai khoảnh ruộng phải lo cho hạc ăn.

1070. **Phun châu nhả ngọc:** nói tài văn thơ lời hay ý đẹp như nhả ra ngọc phun ra châu.

1071. **Sinh bất ngộ thân:** sinh không gặp thời.

1072. **Kỳ lưu:** dòng Kỳ Bá tức nói nghề làm thuốc.

Cử tử: học trò theo nghiệp khoa cử.

VI. **Tin nhận:** tin do chim nhận đưa đến. Chỉ tin tức nói chung. Theo "Hán thư", Tô Vũ đi sứ Hung Nô bị chúa Hung Nô là Thiên Vu bắt giữ rồi dày đi chặn dê ở Bắc Hải, nơi không có qua một bóng người, một thức ăn thức uống gì cả. Ròng rã mười chín năm trời, Tô Vũ không đổi chí, vẫn giữ một lòng trung với nước. Đến đời Hán Chiêu đế, vua Hán mới sai sứ sang xin cho Tô Vũ về. Chúa Hung Nô nói dối Tô Vũ đã chết. Vua Hán không tin, lại cho sứ sang lần nữa, nói bịa với Thiên Vu rằng: vua Hán mới bắt được một con nhận, chân có buộc một lá thư trên lưng nói rõ Tô Vũ hiện vẫn còn sống, đang ở trong một vùng nọ. Thiên Vu

kinh ngạc, tưởng thật, đành cho Tô Vũ về Hán. Tin nhận từ đó được văn cổ dùng để chỉ tin tức, ý cả câu nói lòng mong ngóng tin tức của triều đình Huế.

Tiếng hồng: tiếng chim hồng học, ví với tiếng tâm người có chí lớn. Đây chỉ tiếng những lãnh tụ nghĩa quân chống Pháp.

1097. **Ấm lạnh:** nói khi no đủ lúc thiếu thốn. Xem câu 2542 B và ct 1428 A.

1110. **Người sông kẻ núi:** người đánh cá ở sông, kẻ đốn củi ở rừng.

Lưu liên: miệt mài, không dứt được.

1101. **Hội rồng mây:** chỉ dịp may, thời cơ tốt lành. Xem ct 19A.

1102. **Tinh chiên:** mùi tanh hôi của loài dê, chỉ Khiết Đan.

1104. **Ý cả câu:** Có văn hóa có áo mũ hóa thành dân còn kém phát triển lấy da thú làm mũ làm áo (nón chiên áo cầu).

1107. **Tang thương:** đau bể, đây nói cuộc đời thay đổi, đảo điên.

1108. **Đổi xoay:** đổi xoay (xu thời).

1112. **Bền:** cánh hoa. Xem ct 2849 B.

1119. **Vạn bệnh hồi xuân:** xem ct 674 A.

1120. **Đồng quân:** như chữ "đồng hoàng". Xem câu 242 và ct 298 B.

1122. **Vinh khô:** tươi tốt (vĩnh) khô héo.

1123. **Xuân vương:** Khổng Tử chép kinh "Xuân thu", thấy đời suy loạn vua chẳng còn quyền uy, cho nên biên "xuân vương chính nguyệt" để nói ý ngôi vua nhà Chu vẫn còn.

1124. **Hoa Di:** Xem ct 18.

1126. **Bĩ bế thái hanh:** lúc bế tắc, thời hanh thông.

1129. **Chĩn e:** chỉ còn những ngại, ý cả câu nói đạo đời ngày càng sa đọa, càng xa với chính đạo.

1134. **Đục trong:** chỉ sự xấu tốt, phải trái, hay dở... Xem ct 29A.

1135. **Tửu hào:** tiệc rượu có đồ nhắm ngon.

1136. **Phú thi:** làm thơ.

Tầm phào: vu vơ, hão huyền. Xem ct 479 A và các câu 3229, 3313.

1138. **Ngỗa nguệ:** đủ no mọi vẻ, no say đủ mọi món.

1144. **Phóng tứ:** tứ thơ phóng đạt, không có gì gò bó.

1145. **Đạo cũ kim liên:** đời xưa vua trọng người có văn tài, đem cho người mang đuốc kim liên đưa về nhà. Đời Đường có Lệnh Hồ Đào, đời Tống có Vương Khâm Nhược, Tô Thức đều được vua vời vào cung, rồi đem vua cho người dùng đuốc kim liên đưa về.

1146. **Đoản thiên:** nói bài thơ ngắn.

1152. **Lòng xuân thu:** lòng hăng hái vì chính nghĩa, chóng gian tà như tinh thần sách "Xuân Thu" của Khổng Tử.

VII. **Đỉnh Chu người Sở hỏi:** ý nói vua Sở dòm ngó nhà Chu.

Mở tiệm: mở dần dần.

Giấy sương: do chữ "lý sương" = ý nói việc đời không phải tự nhiên đến, có căn do nguyên ủy, nên phạm việc gì cũng phải biết đề phòng lo liệu từ khi việc chưa đến.

VIII. **Minh lương:** vua sáng (minh quân) tôi giỏi (lương thân).

Khóc lân treo bút đạo: xem ct III-7 sau ct 56, và các ct IV Đ sau ct 421 B

IX. **Dương Mặc Thân Hàn:** xem ct 452 B

Lão Trang: xem ct 451 B

X. **Vận sông Vàng:** xem ct 19

Năm nhạc che quang: ý nói thời vận đen tối, loạn lạc. Xem câu 2706.

Lời hạ quĩ: lời người gùi sọt cỏ (hạ là gùi, mang vật nặng trên lưng, "quĩ" là cái sọt). "Luận ngữ": Khổng Tử đánh khánh (một nhạc cụ cổ) ở nước Vệ, có người gùi sọt cỏ đi qua cửa nhà họ. Khổng, nói: "Người đánh khánh có thâm ý làm sao! Không ai biết mình thì thôi đi thôi. Nước sâu thì mặc áo, không qua; nước cạn thì xắn áo lội qua" (ý khuyên Khổng Tử tùy thời mà hành đạo, được thì làm không thì thôi).

Mạnh hiền còn chịu tiếng Tàng Thương: nói việc Mạnh Tử phải chịu tiếng gièm của Tàng Thương. "Mạnh Tử": Lỗ Bình công sắp ra đi. Người tôi yêu là Tàng Thương tâu rằng: "Thường ngày nhà vua đi đâu, thì có báo cho

quan hữu tư biết. Nay xa mà đã sẵn sàng mà quan hữu tư vẫn chưa biết, xin dám hỏi nhà vua việc đó?". Lỗ Bình công nói: "Ta sắp đến thăm thầy Mạnh Tử". Tàng Thương nói: "Nhà vua sao lại xem nhẹ thân mình mà lại đến thăm trước một người thất phu như vậy? Chắc nhà vua cho rằng Mạnh Tử là người hiền đức ư? Lễ nghĩa do người hiền đức mà ra, như nay Mạnh tử làm tang mẹ to hơn tang cha, thế là không có nghĩa lễ gì, thì Mạnh Tử vị tất đã là người hiền đức. Nhà vua không nên đến thăm!" Bình công nói: "Phải".

XI. Kiểm phủ: gươm và ấn. ý cả câu nhắc Hán Cao tổ dùng Hàn Tín tỏ nghĩa vua tôi.

Nệm gối Đường tông: vua Huyền tông nhà Đường dùng chăn gối ngủ chung với anh em, tỏ tình huynh đệ.

Dấu lân diêm phụng: lân phụng xuất hiện là điềm lành, báo hiệu đời thái bình, thịnh trị.

XII: Y cả cau: nói Tần Thủy Hoàng bạo ngược, lòng người ly tán như dọn chỗ sẵn cho Lưu Bang diệt Tần.

Đuổi hươu: do chữ "trục lộc" = đuổi ắt hươu, chỉ việc tranh giành thiên hạ, tranh ngôi vua. "Sử ký": Tần chi cương tuyệt nhi duy tử, Sơn đông đại nhiễu, dị tính tịnh khởi, anh tuấn ô tập. Tần thất kỳ lộc thiên hạ cộng trục tri. Ứ thị cao tài tất tác giả tiên đắc yên - (Khoái Thông nói) kỷ cương nhà Tần bị đứt, miền Sơn Đông nổi loạn, các miền khác đều nổi lên. Anh hùng tuấn kiệt tụ tập lại nhiều như quạ. Nhà Tần mất hươu, cả thiên hạ cùng đuổi bắt nó. Bấy giờ ai tài cao, chân nhanh thì bắt được trước. Trương An (Tam quốc - ngụy) chú: Lấy con hươu để ví ngôi vua.

Thơ Lý Bạch: Tần lộc bồn dã thảo, trục chi nhược phi hồng = Hươu Tần chạy sống nơi nội cỏ, người đuổi nó như cỏ bông bay. Văn nôm còn có: "đè hươu" (Hàn vương tôn phú), "săn hươu" (Trình thử)...

Lửa đốt A Phòng: A Phòng là tên một cung lớn, cực kỳ xa hoa tráng lệ do Tần Thủy Hoàng cho xây dựng ở Trường An tỉnh Thiểm Tây. Theo "Sử ký", vì cung này gần cung thất nhà vua nên thiên hạ gọi nó là cung A Phòng. "A Phòng cung phú" của Đỗ Mục: Lục vương tất, tứ hải nhất, Thục san ngọt, A Phòng xuất, phúc áp tam bách dư lý, cách ly thiên nhật Ly San bắc cầu nhi tây chiết, trục tẩu Hàm Dương, ngũ bộ nhất đầu, thập bộ nhất các = Vua sáu nước (Tề, Sở, Hàn, Yên, Triệu, Ngụy) đô, bốn biển thống nhất (về Tần), núi Thục trục bằng trên đỉnh, cung điện lâu đài liên tiếp nhau đến hơn ba trăm dặm, cao trông như cách trời không xa. Xây dựng từ phía bắc núi Ly Sơn, quanh về phía tây, chạy thẳng đến đất Hàm Dương... Cách năm bước có một cái lầu, cách mười bước có một tòa gác. Khi đánh Tần, Hạng Vũ thống lĩnh quân chư hầu, đem binh về hướng tây, làm cỏ thành Hàm Dương, giết vua Tần đã đầu hàng là Tử Anh, đốt cung thất nhà Tần cùng cung A Phòng, lửa cháy liền ba tháng không tắt.

Hầm nhu: hầm chôn các nhà nho. "Sử ký": vua Tần hung bạo, thích việc hình phạt chém giết để ra uy, không dùng nhân đức ân nghĩa. Tần Thủy Hoàng sợ thiên hạ chống lại, mới thu tất cả binh khí trong thiên hạ đem về Hàm Dương, đúc làm chuông, giá chuông... đặt ở trong cung, Tần Thủy Hoàng lại cho thu các sách trong thiên hạ đốt đi (phần thư), sai triệu tập các nhà nho găm 500 người

ơ Hàm dương rồi chôn sông (khanh nho), bao cao cho thiên hạ biết, làm điều răn cho kẻ sĩ hay nghị luận việc nước.

XIII. Năm ngựa lội sông Nam: chỉ việc năm người con vua Tấn chạy loạn vượt sông Dương Tử.

Người Dịch chống chèo: nói việc tổ Dịch đời Tấn, khi cầm quân đánh phương bắc, đi qua sông, đến giữa dòng, chống gờ mái chèo mà thề rằng: Tô Dịch bát năng thanh Trung Nguyên bát phục tể giả = Tổ Dịch không dẹp yên được đất Trung Nguyên, thì không qua lại sông này. "Thông chí": Tổ Dịch người đất Phạm Dương đời Tấn, tự Sỹ Nhà tính không hay câu thúc. Thời Tấn Nguyên đế, Tô Dịch tự tiến mình xin đầu quân đi đánh phương bắc. Vua bằng lòng cho giữ chức phán uy tướng quân. Tổ Dịch cầm quân ra đi, khi qua sông đến giữa dòng gờ mái chèo mà thề quyết tâm dẹp giặc. Quả nhiên về sau Tổ Dịch phá được Thạch Lạc, khôi phục toàn bộ đất phía nam sông Hoàng Hà.

Họ Đào vận bịch: "Thông chí" Đào Khản, người đất Thâm Dương sau đổi ra ở đất Tâm Dương đời Tấn, tự sỹ Hành, nhà nghèo, mồ côi cha từ thuở bé, có chí học tập, đỗ làm quan đến chức đô đốc đại tướng quân. Ông ở trong quân bốn mươi năm, nổi tiếng đức độ. Khi ở Quảng Châu, mỗi lần rồi việc quân, từ sáng sớm ông hì hục chuyển một trăm viên gạch từ nhà ra sân, rồi chiều lại chuyển vào. Người ta hỏi ông tại sao phải làm như vậy? Ông cười, nói: "Tôi đương lúc còn phải đem hết sức ra làm việc cho dân, để mình nhàn rồi sợ không kham nổi việc, nên phải làm như vậy để tự khích lệ chí mình lo siêng năng hết sức đó thôi". Ông rất quý thì giờ, quý từng giây từng phút.

XIV. Rồng phụng Kinh Châu: tức Khổng Minh Gia Cát Lượng, hiệu Ngọa Long, và Bàng Thống tự Sỹ Nguyên hiệu Phụng Sồ giúp Lưu Bị ở đất Kinh Châu. Chỉ hạng người tài giỏi trong thiên hạ.

Chó gà Tề khách: chỉ hạng tân khách nhà Mạnh thường quân nước Tề có tài vật bắt chước tiếng chó sủa, tiếng gà gáy. "Đồng chu liệt quốc": Mạnh Thường quân là tướng nước Tề phải sang sứ nước Tần. Mạnh Thường Quân cùng hơn nghìn tân khách, hơn trăm cỗ xe, theo hướng tây đi đến Hàm Dương vào yết kiến vua Tần. Vua Tần nghe lời gièm, có ý định giết Mạnh Thường Quân. Mạnh Thường Quân muốn có chiếc áo cầu lông trắng biểu Yên Cơ (thiếp yêu vua Tần) để nhờ nàng xin hộ vua Tần. Mạnh Thường Quân hỏi khắp tân khách xem ai kiếm được thứ áo cầu lông không, ai nấy đều im không đáp. Sau có một người khách tự nói là có thể giả làm chó vào kho trộm lại chiếc áo cầu lông biểu vua Tần để biểu Yên Cơ. Người khách quả đã làm được điều đó. Nhờ Yên cơ nói giúp vua Tần cho Mạnh Thường Quân về Tề. Mạnh Thường quân sợ vua Tần đổi ý, bèn ngay đêm hôm ấy gấp đường ra đi, đến cửa Hàm Cốc, mới vào nửa đêm, cửa quan đã khóa chặt từ lâu rồi. Mạnh Thường quân sợ có quân đuổi theo, mong ra khỏi cửa quan ngay, nhưng cửa quan đến gà gáy mới mở. Mạnh Thường quân lo sợ bồn chồn. Trong đám hạ khách có người khác bắt chước tiếng gà gáy, liền cất tiếng gáy lên. Bao nhiêu gà quanh đó đều gáy theo. Cửa quan mở. Mạnh Thường quân cùng tân khách qua cửa quan, gấp đường về Tề, bảo hai người khách kia rằng: "Ta nay được khỏi miệng hùm là nhờ sức chó sủa gà gáy đó".

XV. Muông thổ cung chim: ý nói những người tài giỏi hết thời bay nhảy, bị chủ hãm hại. Theo "Sử ký", năm thứ sáu đời nhà Hán, có người đưa thư báo Sở vương Hàn Tín làm phản. Hán Cao tổ dùng mưu kế của Trần Bình, sai sứ báo với chư hầu: nhà vua sẽ họp chư hầu ở đất Trần và sẽ đi chơi Vân Mộng. Kỳ thực nhà vua muốn bắt Tín, nhưng Tín không biết. Hàn Tín đến ra mắt Cao Tổ ở đất Trần. Hán Cao tổ bèn sai võ sĩ trói Tín lại, chở ở xe sau. Tín nói: "Quả nhược nhân ngôn: Giảo thổ tử lương cầu phan, cao điều tận lương cung tàng, địch quốc phá mưu thần vong! Thiên hạ dĩ định, ngã cố đương phan" = Quả như lời người ta nói: thổ khôn chết thì chó giỏi bị nấu, chim cao hết thì cung tốt bị bỏ xó, nước địch bị phá thì mưu thần hết đời! Nay thiên hạ đã bình định rồi, ta bị nấu là đáng lắm.

Tôi người họ Lục chở đầy xe: ý chỉ những người tâm thường làm tôi tớ cho người, thì nhiều lắm, chở đầy xe đông đầy dẫu.

XVI. Tàu ngựa cầm trâu: ý nói chỗ cao quý mà dùng người tâm thường, người xấu kẻ tốt không phân biệt.

Năm Hồ: năm tộc Hồ. Đời Tấn bị nạn năm tộc Hồ vào xâm lấn, quân đông ngựa nhiều, chỉ quảng roi xuống sông cũng đủ lấp dòng nước chảy.

Người mò rận: Vương Mãnh, người đất Bắc Hải đời Tấn, tự Cảnh Lực, thuở bé đã có chí lớn, ẩn ở núi Hoa Âm, ngồi nói chuyện mưu lược đánh Tấn với Hoàn Ôn, tay vẫn mò bắt rận, xem như không có người nào khác.

Kẻ bán ky: chỉ Tàng Thương nói ở chú bài X ("Mạnh Hiên còn chịu tiếng Tàng Thương")

XVII. Ông Đoàn trốn khách: "Tống sử": Trần Đoàn, người đất Chân Nguyên, học rộng tinh thông kinh Dịch, tự hiệu là Phù Giao tử. Cuối đời Đường, ông thi tiến sĩ không đỗ, bỏ đến ở núi Vũ Dương sơn tu tiên, chỉ uống hít khí trời, không cần đến ngũ cốc, có thể ngủ hàng trăm ngày liền mới dậy. Về sau ông dời nhà đến ở núi Hoa Sơn. Vua Thái Tông rất trọng ông, nhiều lần triệu ông ra làm quan, nhưng ông không chịu, ban hiệu cho ông là Hi Di tiên sinh.

Người Đạo thờ vua: nói việc Vương Đạo giúp vua Tấn "Thông chí": Vương Đạo, tự Mậu Hoàng, khi Tấn Nguyên đế còn làm Lang Nha vương, ông biết thiên hạ đã loạn lạc, mới cùng các bậc hiền tài tuấn kiệt trong nước mưu việc cần vương. Nguyên đế lên ngôi, ông được phong giữ chức thừa tướng. Khi Nguyên đế mất, ông nhận đi chiếu phò vua Minh đế, rồi vua Thành đế. Ông trải ba đời vua, có công to, làm quan đến chức thái phó.

1158. **Luyện đan:** luyện thuốc tiên

1165. **Dầu dàu:** nói về mặt buồn.

1166. **Vuông tròn:** nói ý cho đến nơi đến chốn, trọn vẹn

1168. **Trần duyên chưa mãn:** duyên trần chưa đầy, tức còn ham muốn.

1174. **Bịn rịn:** quẩn quít, khó dứt.

1175. **Phụng hồi:** hầu dâng thêm.

1176. **Tạm ly:** tạm chia tay nhau.

1180. **Ngồi giữa gió xuân hơi hòa:** ý nói được nghe, được học đạo lý hay. Chu Công Thiêm, sau khi tiếp kiến

Minh Đạo ở đất Nhữ, về báo với mọi người rằng: mình như ngồi giữa gió xuân suốt cả một tháng.

1181. **Ích hữu có ba**: "Luận ngữ": ích giả tam hữu, tổn giả tam hữu. Hữu trực, hữu lượng, hữu đa văn, ích hỹ. Hữu biên tịch, hữu thiện nhu, hữu biên nịnh, tổn hỹ = Ba hạng bạn có ích, ba hạng bạn có hại. Bạn ngay thẳng, bạn thành thật, bạn nghe biết nhiều là ích vậy. Bạn giả bộ uy nghi, bạn hay chiều chuộng; bạn khéo xiểm nịnh là hại vậy.

1187. **Thiên thai**: xem ct 544 B.

1188. **Cầm kỳ thi tửu**: bốn thú vui là đánh đàn, chơi cờ, làm thơ, uống rượu.

1190. **Đề huê**: cùng đất đem nhau đi. Xem ct 1894 A và các câu 292, 1435 B.

1191. **Riêng nhà**: nhà riêng.

1196. **Tiệc bồi**: cùng ngồi dự tiệc, đáng lẽ phải nói "bồi tiệc" là ngồi dự tiệc.

1203. **Thanh khâm**: áo cổ xanh của học trò. Xem ct 318 A.

1204. **Đồng tâm**: đồng lòng, xem ct 535 A.

1205. **Chi lan**: tên hai giống cỏ hoa thơm, ví với người cao quý.

1206. **Bỉ thử**: nây nọ, đó đây.

Keo sơn: xem ct 76 A. ý cả câu nói bụng thì có ý chê bai mà miệng nói những lời đẹp gần bó, khăng khít.

1207. **Thủ thiện phụ nhân**: lấy điều lành mà khuyên người, thì lòng nhân của người ngày càng tiến. "Luận ngữ":

Tăng tử viết: Quân tử di văn hội hữu, di hữu phụ nhân = Tăng tử nói rằng "Người quân tử nhờ văn chương để họp bầu bạn, nhờ bầu bạn, giúp để tiến đức nhân".

1208. Ý cả câu nói nhờ người biết trước dạy cho người sau biết.

1212. **Chớ e hỏi dưới**: do chữ "bất sĩ hạ vấn" = không lấy việc hỏi người dưới, kém mình làm xấu hổ.

122. **Ganh ghét**: ghét, phân bì, không muốn cho người khác hơn mình.

1225. **Nội nghĩa ở nhân**: "Mạnh tử": Ngô thân bất năng cư nhân do nghĩa vị chi tự khí giả. Nhân, nhân chi an trạch giả. Nghĩa, nhân chi chính lộ giả = Thân ta không thể ở vào chỗ nhân, đi theo đường nghĩa, gọi đó là mình tự bỏ mình. Nhân là nhà yên ấm của con người. Nghĩa là con đường chính của con người. (1221)

1231. **Coi dềo**: đây có nghĩa coi xem cái chùng, cái lối. Dềo là cái vết mòn.

1233. **Bất thiên**: không kể có trời.

1237. **Thiên hình**: hình phạt của trời.

1245. **Thuốc điểm mắt rồng**: Tôn Tư Mạo là ẩn sĩ đời Đường, lâu thông cả bách gia chư tử, kiêm sành cả nghề thầy thuốc. Đường Thái Tông mời làm quan ở kinh sư, ông không nhận, lui về ở trong núi, hơn trăm tuổi mới mất. Tương truyền có con rồng mắc bệnh đến cầu chữa, có con cọp nuốt phải cây kim thoa cũng đến cầu rút họ.

1247. **Ngô dữ ngô bào**: Bài "Tây minh" của Trương Tải có câu: "Dân ngô đồng bào, vật ngô dữ giả = Người với ta là

đồng loại, cho nên gọi là đồng bào, thì coi nhau như anh em mình. Vật (động vật, thực vật) cùng ta chẳng đồng loại, nhưng tính thể, sở tự, cũng vốn ở trời đất, cho nên gọi là 'ngô dũ', thì coi nhau như bè lũ mình.

1249. **Y tích âm công:** nghề thầy thuốc lo chữa tích âm đức.

1259 **Xưa hào:** người hào phóng, hào kiệt đời xưa. Các câu 1271 (xưa mình), 1275 (xưa thanh), 1281 (xưa tu) đều đặt đảo ngược như vậy.

1254. **Lòi:** xì ra, chia ra.

1270. **Thế thường thay nạ:** thay thế người khác mà thường nợ nần hay nạ sưu thuế.

1273. **Xuất tội hoạt hàng:** gỡ cho người có tội, cho kẻ đã đầu hàng được sống.

1276. **Gặp nản trút đẩy:** gặp người bị tai nạn thì trút đẩy tiền mà giúp đỡ.

1278. **Trối thầy:** chẳng biết tới, có làm sao thì chịu lấy tiếng nói bỏ liều, cũng như nói "Trối kệ".

1286. **Vi thiện:** làm điều lành, do câu "vi thiện âm chất" làm điều lành cho quỷ thần được biết.

1291. **Thầy Tăng:** tức Tăng Sâm, người thời Xuân Thu, học trò Khổng Tử, vốn tính hiền hậu và rất có hiếu với cha mẹ.

1292. **Phấn nuôi lòng:** ý nói theo đời tìm cách nuôi dưỡng lòng nhân đức, hay tu dưỡng đạo đức của mình.

1293. **Chu Công:** "Thông chí": Chu Công họ Cơ tên Đán, em Chu Vũ vương, chú Chu Thành vương. Vũ vương

mất, Thành vương còn bé, Chu Công sợ thiên hạ mới định bèn lên nhiếp chính. Bọn Quân, Thúc là em Vũ vương, ganh tị đặt điều tung lời gièm pha, ý nói Chu Công sẽ làm hại Thành vương. Thành vương nghe lời gièm, Chu Công phải lánh sang Đông Đô. Về sau Thành vương nghĩ ra, hối hận, mới đón Chu Công về nước cùng lo việc triều chính. Ông cải định quan chế, đặt ra lễ pháp làm cho yên vật nhà Chu thêm hoàn bị.

1295. **Vua Văn:** tức Văn vương. "Thông chí": Chu Văn vương, họ Cơ, tên Xương, thời vua Trụ nhà Ân, Văn vương làm Tây bá dựng nước ở chân núi Kỳ Sơn, ra sức tích đức thiện, làm điều nhân, thi hành chính đạo trong thiên hạ. Sau có người gièm nên Văn vương bị vua Trụ cầm tù ở Dữu Lý. Có kẻ bầy tội là Tán Nghi Sinh dâng con gái đẹp cho vua Trụ, Văn Vương mới được phóng thích trở về nước cũ tiếp tục thi hành thiện chính, hầu hết chư hầu đều quy phục Văn vương.

1297. **Họ Ngụ:** tức Ngụ Thuấn. Xem ct 509 A.

1302. **Hai mươi bốn thảo:** truyện hai mươi bốn người con hiếu do Quách Cự Nghiệp biên soạn. Xem ct 1704 A.

1303. **Va:** anh ta, ông ta. Xem các câu 1831, 2682.

1305. **Gốc lớn vững trông:** "Luận ngữ": Quân tử vụ ư bản, bản lập nhi đạo sinh = Người quân tử chăm về gốc. Gốc vững thì đạo sinh. "Dòng lớn" ở câu tiếp theo là diễn ý "đại đạo" nói đây.

1316. **Bần xứ:** bộ nghèo khổ, ăn mặc khó coi, rách rưới.

1318. **Tích thiện hữu dư:** chứa tích đức thiện có thừa phúc lành.

1323. **Hân huyết chi tài**: của do mồ hôi nước mắt đổ ra mà có.

1327. **Thiện ác đáo đầu**: thiện ác đáo đầu chung hữu báo, nghĩa là thiện ác rút cuộc tất có quả báo.

1329. **Tua**: xem ct 1630 A và câu 3148, nghĩa là nên, phải.

1338. **Thực sắc**: ăn ngon mặc đẹp. "Mạnh tử": Cáo tử viết thực sắc tính già. Cáo tử nói: tính con người ta là thích ăn ngon mặc đẹp. Xem câu 1357.

Buồng lung: lảng loaf, bừa bãi, làm mà không sợ chê cười.

1339. **Gìn lòng**: giữ lòng.

1346. **Kỳ Hoàng**: tức Kỳ Bá và Hoàng đế. Xem ct 284.

1349. **Thiên chân tiết giải**: chương sách "Tổ vấn".

1353. **Thiên niên**: tuổi trời cho. "Sử ký": Lão mẫu kim dĩ thiên niên chung = Mẹ già đã hưởng trọn tuổi trời mà mất.

1354. **Nhự dạm Âm hỏa**: hai thiên luận của Chu Đan Khê.

1359. **Thánh**: đây chỉ Hoàng đế. Thiên "Tứ khí điều thần đại luận" sách "Tổ vấn" chép: "Thánh nhân bất trị dĩ bệnh, trị vị bệnh", nghĩa là thánh nhân không chữa khi đã ốm mà chữa từ khi chưa ốm.

1366. **Thiên quý**: theo "Nội kinh", con trai 16 tuổi, thiên quý đến, con gái 14 tuổi thiên quý sinh. Cui gái là kinh huyết, con trai là tinh dịch, xưa vẫn gọi là thiên quý.

1372. **Thất tình, lục dâm**: Hỉ, nộ, ai, cù, ái, ố, dục là thất tình. Lục dâm, theo "Tả truyện", lục khí là âm, dương, gió (phong), mưa (vũ), tối (hối), sáng (minh). Quá độ (dâm) thì có hại. Âm dâm thành bệnh hàn, dương dâm thành

bệnh nhiệt gió dâm thành bệnh chân tay, mưa dâm thành bệnh trong bụng, tối dâm thành bệnh mê hoặc, sáng dâm thành bệnh tâm.

1390. **Sung**: đầy đặn.

1392. **Tráng phi**: mạnh mẽ, béo tốt.

1396. **Tóc râm mặt ngấn**: tóc hoa râm lẫn sợi bạc, da mặt đã có nét nhăn.

1410. **Dùn**: nhân, không thẳng, như nói lưng mồi gối dùn.

1416. **Còn bày gót lên**: còn sinh con. Xem ct 2082 A.

1426. **Phương sĩ**: thầy phù thủy.

Lấy tà hoặc nhân: lấy điều tà vậy mà lừa dối, làm mê loạn người ta.

1427. **An phận**: yên phận mình.

1428. **Chờ mạng**: đợi mệnh trời. "Trung dung": quân tử cư dĩ dĩ sĩ mệnh = người quân tử yên tâm làm phận sự theo địa vị của mình để đợi mệnh trời.

1429. **Vương Bao tụng**: Vương Bao, người đất Thục đời Hán, tự Tử Uyên có dâng vua bài tụng nói về thánh chúa được hiển thần (thánh chúa đặc hiển thần tụng), có câu: Hà tất yên ngưỡng khuất thân như Bành Tổ, xung khả hô hấp như Kiều Tùng = Hà tất phải cúi xuống, ngẩng lên, duỗi co như Bành Tổ, thổi, hà, xì, hít ra vô như Kiều Tùng.

1432. **Bành Tổ**: Theo "Thần tiên truyện", Bành Tổ, họ Tiên, tên Khanh là cháu xa đời vua Chuyên Húc. Vua Nghiêu phong cho ông đất Đại Thành (tức Bình Thành), vì thế gọi ông là Bành Tổ. Trải qua nhà Hạ, đến cuối nhà Ân, ông đã 767 tuổi mà vẫn còn khỏe, được mời ra giữ chức đại

phu. Thuở nhỏ, ông thích điếm tỉnh, không thiết gì công danh, phú quý, chủ việc dưỡng sinh. Khi phải làm quan, ông thường cáo ốm ở nhà, không dự gì đến chính sự.

1433. **Kiểu Tùng**: tức Vương Tử Kiều và Xích Tùng Tử là hai vị tiên. Theo "Liệt tiên truyện", Vương Tử Kiều là thái tử của Linh vương nhà Chu, tên Tấn, thích thổi sáo, học tiếng chim phượng, đi chơi ở cõi Doãn, Lạc gặp đạo sĩ Phù Khâu Công. Khâu Công dẫn Kiều lên núi Tung Sơn tu luyện hơn ba mươi năm, sau cỡi hạc bay lên cõi tiên. Xích Tùng Tử là vũ sư thời Thần Nông, theo gió mưa mà đi lại, vào lửa không cháy, thường lui tới núi Côn Lôn, ở nhà đá Tây Vương mẫu. Con gái vua Viêm đế theo Xích Tùng Tử học đạo tiên. "Thiên Nam ngữ lục": ước là Bành Tổ Kiều Tùng.

1434. **Hơi xung**: nói hơi thở (xì, hít), hơi thổ (thổi, hà) không tự nhiên, có ý gò ép ra sức luyện tập.

1436. **Kinh Huỳnh đình**: kinh của phái Đạo gia, có "Hoàng đình nội cảnh kinh", "Hoàng đình ngoại cảnh kinh", "Hoàng đình tuần giáp lục thân kinh" ba loại. "Hoàng" (vàng) là sắc ở ngôi chính giữa (trung ương), "đình" là tâm của bốn phương, chỉ não, tâm, tỳ nên gọi là hoàng đình. Đạo gia gọi "Hoàng đình kinh" là sách nói về phép dưỡng sinh là vì vậy.

1438. **Kinh âm phù**: tương truyền do Hoàng đế soạn. Hiện có nhiều loại. Về sau có Thái Công, Phạm Lãi, Quỷ Cốc tử, Trương Lương, Gia Cát Lượng, Lý Thuyên sáu nhà cùng chú kinh Âm phù.

1444. **Phụ tử, quân thân**: cha con, vua tôi, chồng vợ là ba giềng mối lớn của đạo Nho.

1445. **Cưu**: mang trong mình. Xem câu 1708.

1445. **Ba ngàn thế giới**: xem ct 496 B

1453. **Bào Hy**: tức Phục Hy. Xem ct XVT B (sau ct 2243 B). Theo truyền thuyết, thì Phục Hy, ông vua hoàng đường đầu tiên của Trung Hoa, sống trước cả Hoàng đế, được coi là người đã đặt ra 8 quẻ, và cũng chính Phục Hy đã chồng 8 quẻ thành 64 quẻ. Khoa học hiện đại đã đưa ra thuyết cho rằng sự phát minh quẻ đơn và quẻ kép là bắt đầu từ đời Chu. Những quẻ ấy chỉ là phỏng theo những đường nứt trên mai rùa hay xương làm ra khi bói được thực hành dưới đời Thương là triều đại trước nhà Chu.

1465. **Năm hành**: ngũ hành. Xem ct 169.

1477. **Dịch kinh**: kinh "Dịch". Trước tác nguyên thủy của cuốn sách gồm có 8 quẻ đơn mà mỗi quẻ gồm ba vạch đứt hay liền. Chồng hai quẻ đơn lên làm thành những quẻ kép có sáu vạch. Có 64 quẻ kép tất cả. Bản văn nguyên thủy của "Dịch kinh" là gồm những quẻ ấy và những lời giải thích ý nghĩa tượng trưng của mỗi quẻ. Trong bát quái, vạch liền biểu thị nguyên lý dương, vạch đứt biểu thị nguyên lý âm.

1534. **Sau câu 1534, các bản Zfd, TVD còn có:**

"DƯƠNG KINH LỤC PHỦ"

Tĩnh, vinh, du, nguyên, kinh, hiệp, ca.

Thủ túc tam dương kinh. Lục lục tam thập lục huyết.

Tả hữu hiệp thành thất thập nhị huyết.

1. "Túc thiếu dương": "đâm"

Khiếu âm vi tính

Hiệp khê vi vinh.

Lâm khắp vi du

Khuu khư vi nguyên.

Dương phụ vi kinh.

Dương lăng vi hiệp

Khiếu âm biệt hầu, hận tương khiên,

Kỷ hiệp khê lâm khắp đồ quyền.

Hoài bảo khuu khư tình vị tất.

Phiên quân dương phụ ký lăng tuyền

2. "Thủ thiếu âm": "tam tiêu"

Quan xung vi tính

Dịch môn vi vinh

Trung chư vi du

Dương trì vi nguyên

Chi câu vi kinh

Thiên tình vi hiệp

Quan xung đảo lý dịch môn tì,

Trung chư, dương trì thứ đệ khai

Họa lạc chi câu hương mãn giản

Nhất thiên tình tự điệp phi lai

3. "Túc dương minh": "vi"

Lệ đoai vi tính.

Nội đình vi vinh

Hàm cốc vi du

Xung dương vi nguyên

Giải khê vi kinh

Tam lý vi hiệp

Nhất phẩm phong tông đoai đình tề tay

Hàm cốc xung dương quá giải khê

Tam lý vị trí hà nhật đảo,

Kỷ phiên kiều thù dục tư tề.

4. "Thủ dương minh": "đại trường"

Thương dương vi tính.

Nhị gian vi huỳnh.

Tam gian vi du.

Hiệp cốc vi nguyên.

Dương khê vi kinh.

Khúc trì vi hiệp.

Thương dương mao ốc nhị tam gian.

Hiệp cốc dương khê đệ kỷ loan.

Cửu khúc trí biên minh nguyệt sắc.

Mãn thiên tình đầu dục ba lau.

5. "Túc thái dương": "bàng quang"

Chí âm vi tính.

Thông cốc vi vinh.

Thức cốt vi du.

Kinh cốt vi nguyên,

Côn lân vi kinh,

Ủy trung vi hiệp.

Mao đình kết khởi chí âm biên.

Thông cốt phù vân tứ vọng yên.

Kinh, thức lưỡng phong long hổ phục.

Côn lân sơn cận uỷ trung liên.

6. "Thủ thái dương": "tiểu trường"

Thiếu trạch vi tỉnh,

Tiền cốt vi vinh.

Hậu Khê vi du.

Hoãn cốt vi nguyên.

Dương cốt vi kinh.

Thiếu hải vi hiệp.

Phù bình thiếu trạch nhậm đông tê (tây),

Tiền cốt nguyên lưu quá hậu Khê.

Hoãn cốt hựu thông dương cốt giản.

Tân cung thiếu hải lý ngư đề.

"ÂM KINH NGŨ TẠNG"

Tĩnh vinh du kinh hiệp ca

Thủ túc tam âm kinh: lục ngũ phương, tam thập huyết.

Tả hữu hiệp hành lục thập huyết.

1. "Túc huyết âm": "can"

Đại đôn vi tỉnh.

Hành gian vi vinh.

Thái xung vi du.

Trung phong vi kinh.

Khúc tuyến vi hiệp.

Vân hà yên tỏa đại đôn hề,

Tiểu chi hành gian lộ thái mê.

Dã tự trung phong vô đạo nhập,

Khúc tuyến hoàn hữu lão tăng qui.

2. "Thủ quyết âm": "tâm chủ"

Trung xung vi tỉnh.

Lao cung vi vinh.

Đại lang vi du.

Gián sử vi kinh.

Khúc tuyến vi hiệp.

Trung xung cô nhận triết vân tiêu

Kỷ độ lao cung chỉ tự liều.

Cánh hữu đại lãng biên gián sử,

Xung dương khúc trạch mạc chiêu điều.

3. "Túc thiếu âm": "thận"

Dũng tuyến vi tỉnh,

Nhiên cốt vi vinh.

Thái Khê vi du.

Phục lưu vi kinh.

Âm cốt vi hiệp.

Tam thu vi khách dũng tuyến biên.

Nhiên cốc, khô lưu quá tiểu niên,
 Âm cốc hữu thuyền hồi thiện đáp,
 Vấn cừ quy khứ kỷ đa tiền.

4. "Thủ thiếu âm": "âm"

Thiếu xung vi tỉnh.
 Thiếu phủ vi vinh.
 Thần môn vi du.
 Linh đạo vi kinh.
 Thiếu hải vi hiệp.

Thiếu xung thiếu phủ bả sư ban.
 Bình mã thân môn đắc thắng hoàn.
 Linh đạo chiến thơ tiền nhật phát.
 Như kim thiếu hải tận qui hàng.

5. "Túc thái âm": "tỳ"

Ẩn bạch vi tỉnh.
 Đại đô vi vinh.
 Thái bạch vi du.
 Thương khu vi kinh.
 Lăng tuyền vi hiệp.
 Ẩn bạch vân trung nhất lão tăng.
 Đại đô ly tục thiếu nhân tăng.
 Kỳ hồi thái bạch thương khu quá.
 Cấp tận lăng tuyền thủy cộng chung.

6. "Thủ thái âm": "phế"

Thiếu thương vi tỉnh.
 Ngự tế vi vinh.
 Thái uyên vi du.
 Kinh cử vi kinh.
 Xí trạch vi hiệp.

Thiếu thương hồ hải đồ ngư ông,
 Ngự tế thái uyên bất khả phùng,
 Kim nhật kinh cử thuyền mãn tải,
 Tu tri xích trạch hoạch xà long.

Dịch nghĩa:

BÀI CA VỀ CÁC HUYỆT

Tỉnh, Vinh, Du, Nguyên, Kinh, Hiệp
 của sáu dương kinh thuộc sáu phủ

Ba Kinh dương của tay và chân, sáu X sáu = ba mươi sáu
 huyệt, cả hai bên tả, hữu, thành bảy mươi hai huyệt.

1. "Kim Túc thiếu Dương": "đâm"

Khiếu Âm là huyệt tỉnh - Hiệp Khê là huyệt Vinh - Lâm
 Khấp là huyệt Du - Khuư Khư là huyệt Nguyên - Dương
 Phụ là huyệt Kinh - Dương Lăng là huyệt Hiệp.

(Bài ca bên dưới: "Khiếu Âm biệt hậu v.v.." chỉ là đặt
 cho nó có niêm, có vần để kẻ đọc dễ nhớ đến những tên
 Khiếu Âm, Lâm Khấp, v.v.. không có nghĩa gì đáng dịch
 cả. Các bài dưới đây cũng thế).

2. "Kinh Thủ Thiếu Dương": "Tam Tiêu"

Quang Xung là huyết Tĩnh - Dịch Môn là huyết Vinh - Trung Chử là huyết Du - Dương Trì là huyết Nguyên - Chi Câu là huyết Kinh - Thiên Tĩnh là huyết Hiệp.

3. "Kinh Túc Dương Minh": "Vị"

Lê Đoái là huyết Tĩnh - Nội Đình là huyết Vinh - Hâm Cốc là huyết Du - Xung Dương là huyết Nguyên - Giải Khê là huyết Kinh - Tam Lý là huyết Hiệp.

4. "Kinh Thủ Dương Minh": "Đại trường"

Thương Dương là huyết Tĩnh - Nhị Gian là huyết Vinh - Tam gian là huyết Du - Hợp Cốc là huyết Nguyên - Dương Khê là huyết Kinh - Khúc Trì là huyết Hiệp.

5. "Kinh Túc Thái Dương": "Bàng quang"

Chi Âm là huyết Tĩnh - Thông Cốc là huyết Vinh - Thúc Cốt là huyết Du - Côn Lôn là huyết Kinh - Ủ Trung là huyết Hiệp.

6. "Kinh Thủ Thái Dương": "Tiểu trường"

Thiếu Trạch là huyết Tĩnh - Tiền Cốc là huyết Vinh - Hậu Khe là huyết Du - Hoãn Cốt là huyết Nguyên - Dương Cốc là huyết Kinh - Thiếu Hải là huyết Hiệp.

BÀI CA VỀ CÁC HUYỆT

Tĩnh, Vinh, Du, Kinh, Hiệp

của sáu âm kinh thuộc Nam tạng.

Ba kinh âm của tay và chân, sáu X năm = ba mươi huyết. Cả hai bên tả, hữu hợp thành sáu mươi huyết.

1. "Kinh Túc Quyết Âm": "Can"

Đại đồn là huyết Tĩnh, Hành Gian là huyết Vinh, Thái xung là huyết Du, Trung phong là huyết Kinh, Khúc tuyền là huyết Hiệp.

2. "Kinh Thủ Quyết Âm": "Tâm chủ"

Trung xung là huyết Tĩnh, Lao cung là huyết Huỳnh, Đại Lăng là huyết Du, Giác sứ là quẻ Kinh, Thúc tuyền là huyết Hiệp. 3. "Kinh túc Thiếu âm": "Thận"

Dũng tuyền là huyết Tĩnh, Nhiên cốc là huyết Huỳnh, Thái khê là huyết Du, Phục lưu là quẻ Kinh, Âm cốc là huyết Hiệp.

4. "Kinh thủ Thiếu âm": "Tâm"

Thiếu xung là huyết Tĩnh, Thiếu phủ là huyết Huỳnh, Thái môn là huyết Du, Linh đạo là huyết Kinh, Lăng tuyền là huyết Hiệp.

5. "Kinh Túc Thái Âm": "Tỳ"

Ẩn Bạch là huyết Tĩnh, Đại đô là huyết Huỳnh, Thái bạch là huyết Du, thương khuu là huyết Kinh, Lăng tuyền là huyết Hiệp.

6. "Kinh phủ Thái Âm": "Phế"

Thiếu thương là huyết Tĩnh, Ngư tế là huyết Vinh, Thái uyên là huyết Du, Kinh cử là huyết Kinh, Xích trạch là huyết Hiệp.

HUYẾT KHÍ QUÁN CHÚ THẬP NHỊ KINH

Trú dạ châu nhi phục thi ca.

Hiếu trình trung phủ mã đề mang,

Hoài bảo tư lương xuất thiếu thương.

Cụm mục thương dương tòng thủ khứ,
 Gia tiên nhất trực thượng nghênh hương.
 Tự thừa khắp biệt lương vi mang,
 Ưc tích phân huê lệ đoái hương.
 Quy ẩn bạch vân chuyên mai túc,
 Đại bao lượng tận tiểu bao lương.
 Tâm xuất cực truyền tự thủy thanh,
 Thân như bình điệp thiếu xung linh.
 Tự tòng thiếu trạch thừa tra khứ,
 Hốt thính cung nga hữu tiểu thanh.
 Tình minh lương mục hệ phù dung,
 Vũ chí âm trầm nguyệt sắc mờ.
 Tịch mạch dưng tuyền nhân bất kiến,
 Không văn du phủ báo thời chung.
 Kỷ niên hạp kiếm được thiên trì,
 Vân quyển trung xung nhập tử vi.
 Tam vũ quán xung vô chú trở,
 Trúc ly liên ngoại bá lao phi.
 Đồng tử hiếu tư tự điều nhiên,
 Thời thời lưu luyện khiêu âm biên.
 Đại đôn nhật nguyệt thường lai vãng,
 Phục nhập kỳ môn hựu nhất thiên.

1568. **Chạng mây:** chân mây, lông mây mọc vòng cung ở trên hai mắt.

1582. **Đành rành:** rõ ràng, chắc chắn. Xem ct 114 B.

1596. **Sau câu 1596, các bản Zf D, TV D còn có:**

"Minh Đường thi rằng"

Giáp đảm, át can, bính tiểu trường,
 Đinh tâm, mậu vị, kỷ tỳ hương.
 Canh thuộc đại trường, tân thuộc phế,
 Nhâm thuộc bàng quang, quý thận tàng.
 Tam tiêu diệp hướng nhâm cung ký,
 Bào lạc đồng quy nhập quý phương.

"Lại thi rằng"

Phế dẫn, đại mao, vị thìn cung,
 Tỳ tỵ tâm ngộ, tiểu mùi trung.
 Thân bàng dậu thận, Tâm bào tuất,
 Hợi tam tỵ đảm, sừ can thông.

1658. **Sau câu 1658, các bản Zf D, TV D còn có:**

"Tam dương kinh kiến chứng tổng quyết"

Phát nhiệt ố hàn yêu thích thống (Thái dương),
 Mục đông thân nhiệt, tỵ trung can (Dương minh).
 Nhĩ lung khẩu khổ yết càn ẩu,
 Hàn nhiệt vãng lai hiệp hạ toan (Thiếu dương).

("Lời quyết tóm về các chứng hiện trong ba dương kinh":
 Phát nóng kinh rét lưng sống đau (Thái dương), Mắt đau
 mình nóng trong mũi khô (Dương minh). Tai điếc miệng
 đắng cổ ọe khan, Nóng rét vãng lai dưới hông đau ê (Thiếu
 dương).

"Tam âm kinh kiến chứng tổng quyết"

Thủ túc tự ôn thời phúc thống, (Thái âm),
 Lợi nhi bất khát tạng gia hàn (Thái âm).
 Mạch trầm ố táo nguyên quan thận,

Dẫn ẩm yết tiêu tân dịch nan (Thiếu âm).
 Căn cấp thần thanh tứ chi thống,
 Nhĩ lung thiết quyền hữu súc nang (Quyết âm).

"Lời quyết tóm về các chứng hiện trong ba âm kinh":
 Tay chân tự ôn chốc đau bụng, Đi lỏng mà không khát
 nguyên là tạng hàn (Thái âm), Mạch trầm ghét ráo nguyên
 vì thận. Uống hàng thôi, cổ khô, tân dịch kém (Thiếu âm).
 Gân rút môi xanh chân tay đau, Tai điếc lười cuộn lại thụt
 dái (Quyết âm).

"Lưỡng cảm chứng ca"

Thương hàn lưỡng cảm bán âm dương,
 Sơ chứng đầu đông bất khả dương,
 Phiên mãn khẩu cần đa hiệu khát,
 Nguyên lai thị thân dữ bàng quang.

("Bài ca chứng lưỡng cảm": Chứng thương hàn nửa âm
 mà nửa dương, Chứng bắt đầu, đầu đau chịu không nổi.
 Buồn bực đầy tức miệng khô khát nhiều, Nguyên là thận
 và bàng quang cùng bị bệnh).

"Lưỡng thương bệnh chứng ca"

Thái dương nguyên dữ dương minh bệnh,
 Thương bệnh quy cầu tác nhất gia.
 Thương hữu thái dương nghị phát hạn,
 Thái dương chứng bải hạn vô sa.

("Bài ca chứng lưỡng thương": Nguyên là thái dương
 cùng dương minh cùng bị bệnh, Bệnh cả hai kinh cùng đồn

làm một. Hãy còn các chứng Thái dương thì nên phát hãn,
 Khi chứng thái dương rồi, dùng thuốc hạ (thuốc xổ) sẽ
 khỏi).

"Biểu bệnh chứng ca"

Phát nhiệt ố hàn vi biểu bệnh,
 Mạch phù thân thống thái dương định.
 Ớ hàn nãi thị biểu chi hư,
 Phát biểu trong kinh nghi thâm dĩnh.
 Xuân nguyệt dương vi kỳ khí nhược,
 Hãn chi thái quá sắc âm thắng.
 Đông, nguyệt tiềm phục đắc hãn nghị,
 Kinh được giải chi bất an tĩnh.

("Bài ca về các chứng bệnh thuộc biểu": Phát nóng kinh
 rét là thuộc chứng biểu, Mạch phù mình đau, quyết là thuộc
 kinh thái dương. Kinh rét ấy là biểu hư, Dùng thuốc phát
 biểu, nặng nhẹ phải xét kỹ. Tháng xuân dương còn non
 phần khí yếu, Nếu phát hãn quá thì âm sẽ thắng. Tháng
 đông, dương lẫn nấp ở trong nên phát hãn, Nếu dùng thuốc
 nhẹ thì bệnh không khỏi).

"Lý bệnh chứng ca"

Lý bệnh chi mạch trầm nhi hoạt,
 Bất ố hàn hề phản ố nhiệt.
 Chưởng tâm phủ hạ hãn nhuận tư,
 Yết táo khẩu can nhưng phân kiết.
 Phúc mãn nhi suyễn hoặc chiêm ngũ,
 Đại tiện bất điều kiêm triều nhiệt.

Nãi thị nội nhiệt lý chi thật,

Thủ thuộc dương minh nghi hạ tiết.

("Bài ca về các chứng bệnh thuộc lý": Mạch của chứng lý: trầm mà hoạt, Không kinh rét chừ lại kinh nóng. Lòng bàn tay dưới hông mồ hôi ướt đầm, Cổ ráo miệng khô phân táo kết. Bụng đầy mà suyễn hoặc nói xàm, Đại tiện không đều lại thêm nóng tràn lan. ấy là trong nóng mà lý thật, Đó là những chứng thuộc kinh dương minh, nên dùng thuốc hạ).

"Luận biểu lý tạng phủ sở thuộc ca"

Dương thuộc bàng quang tịnh vị đảm,

Âm thuộc tỳ thận cánh liên can.

Phù trường huyền tể trầm vi hoãn,

Mạch chứng tiên tương biểu lý khan.

("Bài ca luận các chứng biểu lý thuộc về các phủ tạng": Các dương chứng thuộc về bàng quang (thái dương), và vị (dương minh) đảm (thiếu dương), Các âm chứng thuộc về tỳ (thái âm) thận (thiếu âm) và can (quyết âm). Phù, trường, huyền (dương), tể, trầm, vi, hoãn (âm), Trước hãy xem mạch và chứng thuộc về biểu hay lý).

1668. Sau câu 1668, các bản Zf D, TV D còn có:

"Ngũ vận chủ bệnh ca"

Chư phong điều huyền nãi can mộc,

Thống dưỡng sang dương tâm hỏa thuộc,

Bĩ thấp thũng mãn kỳ thổ kinh.

Khí bí uất nuy phế kim phục,

Hàn chi thâm dẫn thận thủy hương,

Ngũ vận chủ bệnh khu yếu mục.

("Bài ca các chủ bệnh Ngũ vận": Các chứng phong co giật choáng váng thuộc về can mộc, Các chứng đau ngứa nhọt lở thuộc tâm hỏa, Các chứng bĩ thấp đầy thũng thuộc tỳ thổ. Các chứng tức hơi, uất hơi, mồn mõi thuộc phế kim. Các chứng hàn co rút thuộc thuận thủy, Đó là danh mục cốt yếu các chủ bệnh của Ngũ vận).

"Lục khí vi bệnh tổng ca"

Chư bạo cường trực,

Chi bệnh lý cấp;

Cân súc nhuyển lệ,

Bổn túc can đảm nhị kinh.

Quyết âm phong mộc chi khí.

("Bài ca nói tóm tắt những bệnh do lục khí gây nên": Các chứng bất thành linh cứng thẳng, các bệnh chân tay mà bên trong đau gấp: Gân co lại hay lỏng ra vốn là do khí quyết âm phong mộc của hai kinh túc can và đảm).

"Thiếu âm quân hỏa"

Chư bệnh suyễn ẩu cập thổ toan,

Bạo chú hạ bách chuyển cân nan.

Tiểu tiện hỗn trọc huyết dật tiết,

Lưu khí kết hạch dương chấn ban.

Ung thư thổ hạ hoặc loạn chứng,

Phần uất thũng trương tỵ hàn can.

Cửu nục lâm bí thân phát nhiệt

Ớ hàn chiến lật kinh hoặc gian,

Tiểu bì chiêm vọng nục miệt ô,

Phúc trưởng cổ chi hữu thanh hoa.
Thiếu âm quân hỏa thủ nhị kinh,
Chân tâm tiểu trường khí chi quá.

("Thiếu âm quân hỏa": Các bệnh suyễn nôn và mồi nước chua, Phát tả gấp đi như rút có khi đến chuyển gân (chuột rút). Tiểu tiện đục máu tràn ứa, Cổ có bướu, có hạch, phát nhọt, phát ban lên sởi. Ung thư thổ tả chứng hoắc loạn, Bí uất, phù thũng, mũi lạnh khô. Đổ máu cam, đi đại rất, đau lậu, mình phát nóng, Kinh rét phát run, hoảng hốt sợ. Khi cười khi khóc nói xầm mất máu, bụng đầy vô vào bông bọc. Đó là cái lỗi của khí thiếu âm quân hỏa của hai kinh thủ: Tâm và Tiểu trường).

"Thái âm thấp thổ"

Xỉ dữ cường trực tích dục trệ,
Hoắc loạn trung mãn chư cách bí.
Thể trọng thổ hạ phù thũng ỷ,
Nhục như nề chi án bất khí,
Thái âm thấp thổ tức nhị kinh,
Tỳ dữ tòng trung vị chi khí.

("Thái âm thấp thổ": Các chứng khí: người cứng đờ ra, hay tích muốn thành trệ, Hoắc loạn trong bụng đầy, các chứng cách bí. Mình nặng, thổ tả, đùn sùng dật, thịt phù như bùn, ấn lõm vào không lên, Đó là do khí thái âm thấp thổ của hai kinh túc: Tỳ và Vị).

"Thiếu dương tướng hỏa"

Chư nhiệt mâu khế cân thương thương,

Quý động súc nặc xiết túng cực.
Bạo âm mao muội táo nhiễu cuồng,
Mạ lý kinh hải khí thượng nghịch,
Phù thũng đông toan thế ẩu sang.
Hầu tê nhĩ minh lục dục bế.
Âu dưng dật thực hạ bất năng.
Mục muội bất minh nhuân khế ế,
Hoặc cấm lật chi như táng thần.
Bạo bệnh bạo tử bạo chủ lý.

("Thiếu dương tướng hỏa thủ nhị kinh.
Tâm bào lạc dữ tam tiêu khí.

("Thiếu dương tướng hỏa": Các chứng nóng mê man vật vã gân giật nhay nháy, Hồi hộp co giật vật vã quá. Thành linh cấm khẩu, hôn mê trần trọc điên cuồng, Chửi la sợ hãi, hơi xông ngược. Đùi sùng đau ê, hắt hơi mưa phát lổ, Cổ sùng tai ù tưởng chừng điếc đặc, lộn mửa ăn không sao xuôi được. Mắt mờ nhìn không rõ, kéo màng máy thịt, vật vã. Hoặc là phát run, ngọng miệng như mất hồn. Đau thành linh chết tươi, tả phũ. Đó là do khí huyết thiếu dương tướng hỏa của hai kinh thủ: Tam tiêu cùng tâm bào lạc (màng tim).

"Dương minh: táo kim"

Chư sáp khô hạc bế,
Can kính yết toan khí.
Dương minh chi táo kim,
Phế dữ đại trường khí.

("Dương minh: táo kim": Các chứng khô, cạn, sáp, bí, cứng, ráo, da dộp lên. Đều do khí dương minh táo kim của phế và đại trường).

"Thái dương hàn thủy"

Thương hạ thủy dịch xuất thanh linh,
Trưng hà đôi sán kiên bỉ bình,
Phúc mãn cấp thống lý bạch thanh.
Thực dĩ bất thổ lý tinh,
Khuất thân bất tiện dữ quyết nghịch,
Quyết nghịch cấm cố thái dương kinh.
Thận dữ bàng quang vi hàn thủy,
Âm dương phiêu bốn lục khí lý.

("Thái dương hàn thủy": Nước ra ở trên hay dưới trong và lạnh, Hồn báng, sa đi, bí và rắn, Bụng đầy đau gấp đi ra nước không. Ăn xong không đói, thổ và đi ra tanh. Chân tay co duỗi khó khăn và lạnh giá, Lạnh giá và bế tắc ấy đều thuộc kinh thái dương. Thái dương hàn thủy tức là thận và bàng quang, Nào âm nào dương nào gốc nào ngọn cũng quang ở trong vòng sáu khí).

1693. **Luông tuông**: tứ tung khắp mọi phía. Xem các ct 835 A, 765 B và câu 3164.

1694. **Duông**: nương theo.

1686. **Sau câu 1686, các bản Zf D, TV D còn có (Zf D chỉ ghi xuất xứ):**

"Thương hàn ngũ tạng thọ bệnh ca"

Tâm thống thiết cường tiểu diện xích,

Táo phiên chứng nhiệt khẩu can luân.
Tê thượng động khí: hồng khẩn sắc,
Phản đặc trầm vi mạng bất toàn.

(Thủy khắc hỏa già)

Can gia diện thanh mục thống bế,
Cân cấp nộ dung tê tả khí,
Mạch dương huyền cấp tả kiêm trường.
Phù sắc đoãn hễ các bất trị

(Kim khắc mộc già)

Tỳ gia bất thực diện bì hoàng,
Thể trọng chi đông hí ngọc sàng.
Động khí dương tê mạch hoãn đại,
Huyền trường nhi khẩn thị hung ương.

(Mộc khắc thổ già)

Phế gia diện bạch đới ưu sâu,
Thổ nục hàn ôn suyễn thấu cầu,
Tê hữu khí phân trầm tế sắc,
Đại nhi lao giả tử căn do.

(Hỏa khắc kim già)

Thận gia diện hắc trảo giáp thanh,
Tức hàn phúc thống nhĩ trung minh.
Tê hạ khí phân mạch trầm hoạt,
Hoãn nhi đại giả tử chi hình.

(Thổ khắc thủy già)

("Bài ca về bệnh thương hàn mà ngũ tạng bị bệnh"

Bệnh tâm: Lưỡi cứng mặt đỏ cười, Trần trọc bàn tay nóng miệng ráo. Trên rốn động hơi, mạch nên hồng khẩn

sắc, Nếu trái lại: trầm vi thì mạng không toàn (vì là thủy khắc hỏa).

Bệnh can: mặt xanh, mắt đau nhăm, Gân co về giận dữ, bên tả rốn động hơi. Mạch nên huyền và tràng, Nếu phù sắc đoãn đều không chữa được (vì kim khắc mộc).

Bệnh tý: không ăn da mặt vàng, Minh nặng chân tay đau thích nằm liệt trên giường. Hơi động giữa rốn, mạch nên hoãn và đại, Huyền trường và khẩn ấy là tai ương (vì mộc khắc thổ).

Bệnh phổi: mặt nhợt vẻ lo buồn, Thở đổ máu cam, nóng rét ho suyễn, Khí động về bên hữu rốn, mạch nên trầm tế sắc, Đại mà lao thì là căn do của sự chết (vì hỏa khắc kim).

Bệnh thận: mặt đen móng tay móng chân xanh, Chân lạnh bụng đau, trong tai ù. Hơi động dưới rốn, mạch nên trầm hoạt, Hoãn mà đại là tình trạng chết (vì thổ khắc thủy).

1698. Sau câu 1698, các bản Zf D, TV D còn có:

"Biểu lý nhị chứng ca"

Phát miệt ố hàn thể thống thì,
Mạch phù thuộc biểu yếu quân tri.
Nhược bất ố hàn phản ố nhiệt,
Mạch trầm đa hãn lý vô nghi.

("Bài ca về hai chứng biểu lý": Khi nào phát nóng kinh rét mình đau, Mạch phù anh nên biết thể là thuộc biểu. Nếu không kinh rét chỉ kinh nóng, Mạch trầm bồ hủi nhiều thì là lý không ngờ gì nữa)

"Biện phong thấp chứng ca"

Phong thấp hiệp bệnh cổ kim truyền,
Suyễn tức hôn hôn dẫn dục miên.
Thân trọng mạch phù thường hãn xuất,
Cánh gia phát hãn tất thiêm ngôn.

("Bài ca biện chứng phong thấp": Xưa nay vẫn truyền có chứng phong thấp hợp làm một bệnh, Thổ suyễn người bài hoải chỉ muốn nằm. Minh nặng mạch phù bồ hủi thường ra, Nếu cho uống thuốc phát hãn tất sinh nói xàm).

"Trúng thấp chứng ca"

Kỳ mạch trầm hoãn vi trúng thấp,
Chỉ duyên phong vũ chứng khí tập.
Nhất thân tận thống cập thân hoàng,
Đại tiện phân khoái tiểu tiện sáp.

("Bài ca về chứng trúng thấp": Mạch mà trầm hoãn là trúng thấp, ấy chỉ vì gió mưa hơi bốc lên cảm vào người. Đau khắp cả mình cùng là vàng khắp cả mình, Tiểu tiện khó đi nhưng đại tiện lại lợi).

"Ôn độc chứng ca"

Ôn độc hồn thân tự cảm văn,
Phát ban ẩn chẩn ẩu tần tần.
Hoặc thời khái nghịch tâm phiền muộn,
Đồng cảm ư hàn phát tại xuân.

("Bài ca về chứng ôn độc": Bệnh ôn độc khắp mình nổi vân như gấm, hoặc phát ban hoặc lên sởi mùa xuân.

Hoặc thường xốc ho, lòng thì bạo lực, Đó là mùa đông cảm lạnh mà mùa xuân bệnh mới phát).

"Nhiệt bệnh chứng ca"

Hạ thời dắc cảm đa nhiệt bệnh,
Bồn dữ thương hàn đồng nhất chứng.
Ơ hàn thân thống cấp đầu đông,
Phát nhiệt nhưng kiêm mạch hồng thịnh.

("Bài ca về chứng nhiệt bệnh": Cảm về mùa hè phần nhiều là bệnh nhiệt, Vốn cùng một chứng với thương hàn. Kinh rét mình nóng và nhức đầu, Phát nóng lại thêm mạch hồng nữa).

"Trúng thử chứng ca"

Hạ nguyệt tự hãn danh trúng thử;
Mạch hư vi nhược đa phiền khát.
Diện cấu bối hàn thân bất động,
Ngoại chứng đại cương hồi bệnh nhiệt.

("Bài ca về chứng trúng thử": Mùa hè mắc chứng trúng thử thì: Bỏ hơi tự ra, mạch hư vi nhược, trần trọc khát nhiều. Mặt cấu lưng lạnh, mình không đau, Chứng ngoài đại khái giống nhiệt bệnh).

"Kinh bệnh chứng ca"

Nguyên lai kinh bệnh thuộc bàng quang,
Khẩu cấm như gian thân phản tương.
Thử thị thương phong cảm hàn thấp,

Cổ phân lưỡng chứng hữu nhu cương.

("Bài ca về chứng bệnh kinh": Nguyên bệnh kinh là thuộc bàng quang, Cấm khẩu giống chứng giản, mình thì ưỡn cong. Đó là thương phong hoặc cảm phải hàn thấp, Cho nên chia ra hai chứng: nhu kinh và cương kinh).

1708. **Kinh tế**: sữa nước cứu đời (kinh bang tế thể), hay trị đời giúp dân (kinh thể tế dân).

1716. Sau câu 1716, các bản Zf D, TV D còn có:

"Thương phong kiến hàn bệnh chứng ca"

Thủ túc vi ôn mạc ngộ khan,
Ơ phong phát nhiệt cánh gia phiền.
Nhược hoàn mạch dắc phù nhi khẩn,
Tiện thị thương phong phục hiển hàn.

("Bài ca về bệnh thương phong mà thay chứng bệnh thương hàn": Chứng này chân tay hơi ôn, chớ có coi lầm, Phát nóng kinh gió lại thêm trần trọc. Nếu mạch xem lại thấy phù mà khẩn, ấy tứ là bệnh thương phong mà thấy chứng thương hàn).

"Thương hàn kiến phong bệnh chứng ca"

Thử chứng hàn đa, hoàn thiếu nhiệt,
Bất phiền thủ túc tả vi quyết.
Thử thị thương hàn phục kiến phong,
Mạch hoãn nhi phù vô biệt thuyết.

("Bài ca về bệnh thương hàn mà thấy chứng bệnh thương phong". Chứng này lạnh nhiều mà nóng ít, Không trần trọc mà tay chân hơi giá. Đó là bệnh thương hàn lại

thấy có chứng phong, Mạch thì hoãn mà phù, không có đoán ra khác được).

"Biểu nhiệt lý hàn bệnh chứng ca"

Bệnh nhân đại nhiệt phản dục y,

Hàn tại cốt gian nhiệt tại bì.

Lý hàn biểu nhiệt, mạch trầm hoãn,

Thủ túc vi huyết hạ lý thì.

(Sở dĩ âm chứng phát nhiệt giả,

Tứ nghịch thang trung thật chủ trị).

("Bài ca về chứng biểu nhiệt lý hàn": Người đau nóng lắm lại thích mặc áo. Ấy là lạnh ở trong xương, nóng ở ngoài da. Chứng lý hàn biểu nhiệt ấy mạch trầm mà hoãn, Chân tay hơi giá, đại tiện lỏng. Bởi vậy những âm chứng mà phát nóng, Thì thang tứ nghịch thực là thuốc chuyên trị).

"Biểu hàn lý nhiệt bệnh chứng ca"

Thân hàn phản bất dục y giả,

Hàn tại bì phụ nhiệt tại tủy.

Biểu hàn lý nhiệt mạch trầm sắc,

Khẩu táo thiết cần tư nghị khóa.

(Sở dĩ thiếu âm ố hàn thì,

Nội phiền bất dục y nghị tả).

("Bài ca về chứng bệnh biểu hàn lý nhiệt": Mình lạnh lại không muốn mặc áo, Lạnh ở ngoài da nóng trong tủy. Ấy là biểu hàn lý nhiệt, mạch trầm mà sắc, Miệng ráo lưỡi

khô ấy nên rõ. Cho nên chứng thiếu âm kinh rét, Trong bạo bức không muốn mặc áo nên dùng thuốc công).

"Âm chứng tự dương bệnh ca"

Âm chứng tự dương tương biến biệt,

Táo phiền diện xích thân phi nhiệt.

Âm thanh phát táo dục nhi ôn,

Xích thốn vi trầm dữ quân thuyết.

("Bài ca về bệnh âm chứng mà tựa dương": Âm chứng tựa dương nên nhận rõ, Trần trọc buồn bức mặt đỏ mình hơi nóng. Ấy là âm thịnh mà phát trần trọc, nên dùng thuốc ôn, Bảo anh biết: Bệnh ấy mạch thốn, bộ xích vi và trầm).

"Dương chứng tự âm bệnh ca"

Dương chứng tự âm hà dĩ trắc?

Tứ chi quyết lãnh tiểu tiện xích.

Đại tiện hoặc bí hoặc hắc thì,

Thử mạch trầm hoạt quân tu thức.

("Bài ca về bệnh dương chứng mà tựa âm": Dương chứng tựa âm lấy gì mà dò được? Chân tay giá lạnh, tiểu tiện đỏ, Đại tiện thì hoặc bí hoặc đen. Mạch ấy trầm hoạt, anh phải rõ).

"Vưu quyết chứng ca"

Cơ nhi bất thực danh vưu quyết,

Thực hậu nhân nhi khước thổ hồi.

Thử thị vị trung nguyên tích lân.

Lý trung tứ nghịch cập ô mai.

("Bài ca về chứng vuu quyết": Đói mà chẳng ăn gọi là vuu quyết, Ăn rồi nhân đó liền thổ ra giun. Đó là chứng trong dạ dày có lạnh chứa, Nên dùng thang lý trung, thang tứ nghịch cùng ô mai viên).

"Yết hầu bệnh chứng ca"

Phát ban thoa huyết thành dương độc,

Âm chứng yết trung định hữu sang.

Hãn xuất âm dương câu khẩn sấp,

Pháp dương yết thống hiệu vong dương.

("Bài ca về bệnh yết hầu": Phát ban khạc ra máu, thể là chứng dương độc, Nếu là âm chứng thì trong cổ tất có mụn. Bỏ hơi ra mạch âm dương đều khẩn, Cử phép thì cổ phải đau, và thể gọi là vong dương).

"Thương hàn tổng luận ca"

Dục vấn thương hàn giả, Tiên tu định hữu danh.

Dương kinh đa thể nhiệt, Âm chứng thiếu đầu đông.

Bổ dương tu nghi thực, Lợi được bất hiểm sinh.

Liều liễu tâm trung sự, Diêu diêu chỉ hạ mình.

Bách vấn chân điều quán, Thiên kim tác điển hình.

Danh hiền tư tế thế, Chú liệt tại tiên kinh.

("Bài ca tổng luận về thương hàn": Muốn khỏi bệnh thương hàn, Phải định rõ tên trước. Dương kinh mình hay nóng, Âm chứng đầu ít đau. Bổ dương phải thuốc chín, Thuốc hạ sống không ngại. Rõ ràng chuyện trong lòng, Xa

xa bày ở dưới ngón tay. (Xem mạch phải cẩn thận). Sách Bách vấn thực đã rõ ngành ngọn, Sách Thiên kim nên lấy làm khuôn mẫu. Các bậc danh hiền nghĩ cách giúp đời, Tên đã chưa trong sổ các tiên).

"Phát cuồng bệnh chứng ca"

Phiên táo cuồng ngôn như diện xích,

Nhiệt triều yết thống hiệu trùng dương.

Cách ư dương độc kinh trung trị,

Đình lịch thăng ma cập đại hoàng.

("Bài ca về chứng bệnh phát điên": Trần trọc buồn bực nói nhảm mạt lại đỏ, Nóng tràn lan, cổ đau, ấy gọi là trùng dương. Ta lại chữa bằng cách chữa dương độc, Đình lịch thăng ma và đại hoàng).

"Hoắc loạn bệnh chứng ca"

Tứ chi câu cấp nhưng kiên quyết,

Nhiệt phát tăng hàn tứ nghịch thang.

Thổ lý chỉ nhi thân thể thống,

Quế chi hoà giải tột vi lương.

("Bài ca về các chứng bệnh phát loạn": Chân tay co quắp và thêm giá, Phát nóng kinh rét dùng thang tứ nghịch. Thổ tả đã cầm rồi mà mình còn đau, Thì dùng thang quế chi hòa giải rất hay).

"Bất khả hãn bệnh chứng ca"

Mạch nhược vô dương trì thiếu huyết,

Thấp ôn ách nghịch dữ hư phiền.

Phụ nhân kinh thủy thích thiên hạ,

Động khí hư gia hân tối nan.

("Bài ca về những chứng bệnh không thể phát hân được": Mạch nhược là vô dương, trì là ít huyết, Bệnh thấp ôn chứng phát ưa nắc, chứng mệt và buồn bực. Đàn bà xảy khi vừa thấy kinh, Những người hư nhược, hoặc có hơi động đều không thể dùng thuốc phát hân).

"Bất khả hạ bệnh chứng ca"

Mạch phù hữu biểu tình hư tế,

Ấu thổ ố hàn vô thất khí.

Đại tiện kiên ngạnh tiểu tiện thanh,

Hoặc thiếu hoặc đa hoặc tự ly.

("Bài ca về những bệnh không thể hạ được": Mạch phù hư tế còn có các chứng biểu, Nôn mửa kinh rét không trung tiện. Đại tiện rắn chắc nhưng tiểu tiện trong, hoặc ít hoặc nhiều hoặc tiểu tiện lỏng).

"Trường thống bệnh chứng ca"

Thương hàn phúc thống yếu tiêu tường,

Hữu hư hữu thật hữu âm dương.

Thái dương hạ chi nhân trường thống,

Quế chi gia thực thậm gia hoàng.

Thiếu âm trường thống tiết lý tât,

Tử nghịch tân gia thực được thang.

Trường thống tông trung luận lão thiếu,

Thật nghi thừa khí dụng kham lương.

("Bài ca về chứng bệnh đau ruột": Bệnh thương hàn đau bụng phải xét cho rõ, Có khi hư có khi thực có khi âm có khi dương. Bệnh thái dương mà hạ thì sinh đau ruột, Nên dùng thang quế chi gia thực được, đau quá thì gia đại hoàng). (Bệnh thiếu âm mà đau ruột thì đại tiện đường tiết hay kiết lý Nên dùng thang tử nghịch gia thực được. Về chứng đau ruột phải xem xét người bệnh già hay trẻ, Nếu là thực thì dùng thang thừa khí cũng hay).

"Cước khí bệnh chứng ca"

Cước khí chứng dữ thương hàn tự,

Đầu đông thân nhiệt đại tiện bí,

Chi tiết thống hể ẩu nghịch kiên,

Cước khí khuất nhược thử vị dị.

("Bài ca về chứng bệnh cước khí": Bệnh cước khí giống với bệnh thương hàn, Đầu nhức mình nóng đại tiện bí. Chân tay đốt xương đau lại thêm cả nôn ọe, Có khác là chân yếu co duỗi khó khăn).

1726. **Lữ dữ:** dáng mệt mỏi, không linh hoạt.

1728. **Sẻ sẵn:** câu kinh, không thoải mái.

1733. **Lao chao:** ý nói không yên, có cảm giác khi nào cũng bị đe dọa.

1793. **Máy mòi:** nói có triệu chứng báo trước.

1802. **Sau câu 1802, các bản Zf D, TV D còn có:**

"Chư được tả hư kinh hỏa tả"

Hoàng liên tả tâm hỏa,

Chi tử hoàng cầm tả phế hỏa.

Bạch thực tả tỳ hoả,
 Sài hồ hoàng liên tả can đả hỏa.
 Tri mẫu tả thận hỏa,
 Mộc thông tả tiểu trường hỏa.
 Hoàng cầm tả đại trường hỏa.
 Sài hồ hoàng cầm tả tam tiêu hỏa.
 Hoàng bá tả bàng quang hỏa.

1802. **Rê rê:** Xem ct 62.

1900. **Rịn buồn hôi:** rướm chảy mồ hôi.

2007. **Run en:** run rét, lạnh run.

2028. **Sau câu 2028, các bản Zf D, TV D còn có:**

"Âm chứng tự dương chứng ca"

Âm chứng tự dương dương biện biệt,
 Táo phiền diện xích thân vi nhiệt.
 Thanh âm phát táo được nghi ôn,
 Xích thốn vi trầm dữ quân thuyết.

(Đã dịch ở trang 340)

"Dương chứng tự âm chứng ca"

Dương chứng tự âm hà dĩ mạch?
 Tứ chi quyết lãnh tiểu tiện xích.
 Đại tiện hoặc bí hoặc hắc thì,
 Thử mạch trầm hoạt quân tu thức.

(Đã dịch ở trang 340)

2039. **Đắm lung:** chìm ngập say mê không thoát ra nổi.

2047. **Trí trung hòa:** Trung dung: Trí trung hòa, thiên địa vị yên, vạn vật dục yên = Đạt đến chỗ trung (gốc của

thiên hạ) hòa (cái đạt đạo của thiên hạ), thì trời đất ở yên đúng ngôi, muôn vật thấy được sinh sôi.

2048. **Tham thiên tán hóa:** "Trung dung": Năng tận vật chi tính, tắc khả dĩ tán thiên địa chi hoá dục; khả dĩ tán thiên địa chi hoá dục, tắc khả dĩ tự thiên địa tham hỷ = Đã thấu hết được tính của vật, thì có thể giúp vào việc hóa dục muôn vật của trời đất, đã có thể dùng vào việc hoá dục muôn vật của trời đất, thì có thể cùng sánh với trời đất.

2049. **Bất được trúng y:** không dùng thuốc thường cũng là cách chữa.

2050. **Nhân bệnh thiên thời:** bệnh của người với thời vận của trời.

2051. **Vây vược (vây vọt):** giày vò, hành hạ.

2066. **Sau câu 2066, các bản Zf D, TV D còn có:**

"Trương Tử Hoà thì"

Bệnh như bất thị dương niên khí,
 Khán dữ hà niên vận khí đồng.
 Chỉ hướng mô niên cầu hoạt pháp,
 Phương chi đo tại chí chân trung.

("Thơ Trương Tử Hoà": Bệnh nếu không hợp với vận khí trong năm, Thì xem nó hợp với vận khí năm nào. Sẽ cứ theo năm ấy mà châm chước cách chữa, Mới biết là đều ở trong vòng chí lý).

2080. **Phiên:** phiên thuộc, nước chư hầu ở xung quanh.

2134. **Sau câu 2134, các bản Zf D, TV D còn có:**

"Ca viết"

Thiên hoà mạch chỉ luận tam âm,

Nam thiên cao hệ bắc tuyền thâm.

Thái âm chuyên chủ hữu xích thốn,

Quyết âm xích thốn tả biên trâm.

Thiếu âm xích thốn lưỡng bất ứng,

Tương giao tương phản tử tương lâm.

("Bài ca về mạch Thiên hoà": Mạch Thiên hoà chỉ kể có ba khí âm. Nam chính tư thiên thì bắc chính tại tuyền. Thái âm chuyên chủ xích và thốn bên hữu, Quyết âm thì chủ xích thốn bên trái. Thiếu âm thì chủ xích thốn cả hai bên. Hễ gặp đầu thì dây mạch không ứng (mạch thường đi trâm, không theo với bệnh), Nếu giao nhau trái nhau thì là sắp chết).

2137. **Ngổ ngang**: ngang tàng, không chịu ai cả.

2138. **Dị đoan**: những điều khác lạ, nhảm, không phải chính thống.

2140. **Chữa chuyên**: chữa bệnh bằng phương thuật, phù phép. Xem các câu 750, 781, 788, 792, 796 của bản A.

2141. **Chu thiên**: khắp trong trời.

2142. **Chúc nguyện**: cầu xin, khẩn vái.

2143. **Bất kinh**: không bình thường. Xem các câu 2263, 2286.

2152. **Ôn**: bệnh dịch.

2153. **Hồ mị**: Loài hồ tinh hay quấy rối người ta.

2154. **Quốc giao**: cũng một loại hồ tinh, tương truyền nó có thể ngâm cát phun vào người khiến người phải mắc tai vạ, còn gọi là xạ công.

Cùng phôn: cùng một lũ, một bọn. Xem ct 1030 A và 1162 D.

2156. **Người si**: người ngu vụng, mê mẩn.

2157. **Trúng ác**: bệnh chết thành linh. Truyền thi: tức bệnh lao, người xưa thường cho bệnh lao là do di truyền.

2178. **Dân phong**: thói tục của dân.

2180. **Phép bí**: phép kín.

2190. **A nguy**: xem ct 1924 B.

2192: **Hùng hoàng**: thứ khoáng vật thuộc chất lưu hoá, dùng làm thuốc màu, sắc vàng, kết tinh thì trong suốt, gọi là hùng tinh.

2200. **Sau câu 2200, các bản Zf D, TV D còn có** (Zf D chỉ ghi xuất xứ):

"Bổn thảo dẫn"

(Lời công toàn tiếp kính)

Y đạo chi truyền,

Kỳ lai viễn hỷ.

Lịch đại thánh quân, triết phụ mỹ bất lưu tâm,

Tự cổ nhân nhân hiếu tử hàm tri chú ý.

Nhân sinh lưỡng gian,

Thân duyên tứ đại.

Phong hàn thử thấp xâm chưng,

Hỷ nộ ưu tư uất kết.

Khổ lạc vinh tuy tất tổn tinh thần.

Cơ bảo dật lao câu thương khí huyết.

Hữu sinh nam miễn,

Cụ thể giai nhiên.

Bấm thọ hư thật bất đồng tất hữu hằng tâm nãi tế.
 Thảo mộc lương độc các dị vị đạt kỳ tính vật thường,
 Dược vô bất hiệu,
 Dụng đáng cực linh.
 Thí tước ô mai cự xỉ toan nhi tân dật,
 Tài xuy tạo giác lập ty để dĩ khí thông
 Hám lạt giới trắc lệ thủy,
 Khiết hoa tiêu nhi khí bế,
 Âm giao tri nội thư sở tại,
 Tiêu mạt cứu não thống dục vong.
 Nang xoan tuyền đa dạ liên ty giải,
 Thể hàn phúc đại toàn lại lộ tư.
 Quy niệu giải cấm,
 Thử cốt sinh nha.
 Từ thạch dầm chân,
 Hồ phách thập giới.
 Loan giao tục kiếm,
 Lại đảm phân bôi.
 Huyết đầu ngẫu nhi bất ngưng,
 Tất đặc giải nhi tự tán.
 Thông dịch khả dĩ ngao quế tác thủy,
 Thiêm cao nãi năng nhuyển ngọc như nê.
 Lược cử sở đoạn chứng nghiệm,
 Dĩ minh nhất thiết thù công.
 Mỗi dụng đan hành tắc khí thuần nhi dĩ tốc,
 Hoặc thời kiêm sử nãi vị tạp nhi hiệu trị.
 Duy tương tu tá sứ phối hiệp cụ tinh lực dĩ thâm công,
 Nhược tương phản ỷ ố giao tham, tất tranh thù nhi bá độc.
 Tật chi kịch sai hưu thích sở quan,

Phương chi tạng phủ an nguy thị hệ.
 Tất hiệp tinh tường hữu cứ,
 Khởi nghị diệt liệt vô kê,
 Đối chứng cầu được, tu trung chứng thiện chi trường,
 Tuỳ nghị dụng dược thứ hoạch vạn toàn chi hiệu.

("Lời dẫn về bốn thảo": (Soạn theo sách Lôi công tiếp kính) Đạo Y truyền lại, Lai lịch thiết xa. Vua thánh tôi hiền lịch đại ai cũng lưu tâm, Người nhân con hiếu từ xưa, thấy đều chú ý. Sinh làm người trong khoảng hai nghi, Đức nên xác nhờ công bốn chất. Phong hàn thử thấp nấu nung... Mừng giận nghĩ lo uất kết... Héo tươi khổ sướng tất tổn đến tinh thần, nhọc rồi đối no đều hại cho khí huyết. Đã có sống khó mà trốn khỏi, Đã có thân ai cũng thế thôi, Bấm thọ người thực người hư, phải giữ mực thường mới được. Cây cỏ thứ lành thứ độc, chưa rõ tính nó chớ dùng. Thuốc nào mà chẳng hiệu, dùng đúng thì rất hay. Thử ngậm ô mai, răng tê ngay mà nước dãi chảy, Vừa thổi bồ kết hắt hơi liền lỗ mũi thông. Ăn cải cay mà lệ vòng quanh. Nhai hoa mà tiêu hơi bế tắc. Âm giao dò biết nhọt trong ở đâu, Tiêu mạt chữa chứng đầu đau tưởng chết. Đái vật giải sẵn đêm sắc ty giải. Minh lạnh bụng lớn, nhờ cả lộ từ. Nước đái rửa chữa được cấm khẩu, Xương xẩu chuột làm cho mọc răng. Từ thạch bắt được mũi kim, Hồ phách nhặt được hạt cải. Mặn rái rẽ được nước, Keo loan nổi được xương. Bỏ ngó sen mà các tiết không đông, Vào dựa sơn mà xác cua tan rữa. Dựa hành có thể nấu tan quế ra nước, Mỡ cóc có thể làm mềm ngọc như bùn. Tạm kể ít điều để làm chứng nghiệm rõ ràng, Cho rõ hết thấy đều có công hiệu đặc biệt. Thường khi dùng một khí thuần nhất mà càng

mau, Hoặc kiêm nhiều vị bác tạp mà hơi chậm. Tá sử biết để tâm kén kỹ, giúp đỡ thêm càng chóng thu công, Ủy ố lắm những vị trái nhau, ganh ghét lộn sề thành rắn độc. Mừng lo trông cả ở bệnh lui hay tiến, Chết sống quan hệ bởi phương dở hay hay. Phải tính tường theo sách định bài, Chớ lảo lếu gặp chằng hay chớ. Đối chứng lập phương, phải lọc lấy sở trường trong các sách. Tuỳ nghi dùng thuốc họa là mong công hiệu được vẹn toàn).

2266. Sau câu 2266, các bản Zf D, TV D còn có:

"Nhâm thần cấm phục ca"

Nguyên ban thủy diệt cập manh trùng,

Ô đầu phụ tử phối thiên hùng.

Dã cát thủy ngân tinh ba đậu,

Ngưu tất ý dĩ dĩ ngô công,

Tam lăng nguyên hoa đại giả xạ,

Đại kích xà thuế hoàng thư hùng.

Nha tiêu mang tiêu mẫu đơn quế,

Hoè hoa khiên ngư tạo giác đồng.

Bán hạ nam tinh dĩ thông thảo,

Cù mạch can khương đào nhân thông.

Tấn sa can tất giải trảo giáp,

Địa dầm mao căn đồ bất trung.

("Bài ca về các vị mà đàn bà có chữa kiêng uống":

Nguyên trùng ban miêu, đĩa cùng manh trùng, Ô đầu phụ tử và thiên hùng. Dã cát thủy ngân ba đậu, Ngưu tất ý dĩ ngô công (con rét). Tam lăng, nguyên hoa đại giả thạch xạ hương, Đại kích xà thuế (xác rắn) thư hoàng, hùng hoàng. Nha tiêu, mang tiêu, mẫu đơn, quế, Hoè hoa khiên ngư,

tạo giác (bồ kết). Bán hạ, nam tinh, thông thảo, Cù mạch, can khương, đào nhân. Tấn sa, can tất, chân và mu cua. Địa dầm, mao căn (gốc cỏ tranh)

2350. Sau câu 2350, các bản Zf D, TV D còn có (Zf D chỉ ghi xuất xứ):

"Chẩn nhâm thần mạch quyết

Can vi huyết hề, phê vi khí,

Huyết vi vinh hề, khí vi vệ

Âm dương phối ngẫu bất sâm si,

Lưỡng tạng thông hòa giai loại lệ.

Huyết suy khí vượng định vô nhâm.

Huyết vượng khí suy ung hữu thể.

Thốn vi quan hoạt xích đối sắc.

Lưu lợi vãng lai tịnh tước trắc.

Tiểu nhi chi mạch dĩ kiến hình.

Sổ nguyệt hoài đàm do vị giác.

Tả tật vi nam hữu tật nữ,

Lưu lời tương thông, tốc lai khứ.

Lưỡng thủ quan hoạt đại tương ứng.

Hữu hình diệc tại thông tiền ngữ.

Tiểu nhi chi hình nãi thành dụng.

Tả thủ đối tung lưỡng cá nam.

Hữu thủ đối hoành nhất song nữ.

Tả thủ mạch nghịch sinh tam nam.

Hữu thủ mạch nghịch hoàn tam nữ.

Thốn quan xích bộ quân tương ứng.

Nhất nam nhất nữ phân hình chứng

Tả thủ trầm thật chẩn thị nam,

Hữu thủ phù đại chấn vi nữ.
 Chư dương vi nam chư âm nữ,
 Chỉ hạ phân minh trường ký thử,
 Tam bộ trầm chính đẳng vô nghi,
 Xích bộ bất chỉ chân thai phụ.
 Phu thừa thê hề tung khí vụ,
 Thê thừa phu hề hoành khí trợ.
 Tử thừa mẫu hề nghịch khí phân,
 Mẫu thừa tử hề thuận khí lộ.
 Huyền khẩn lao cương hoạt giả an,
 Trầm tế nhi vi quy tuyền lộ.

("Phép xem mạch có thai": Can chủ huyết chừ, phế chủ khí, Huyết là vinh chừ khí là vệ. Âm dương đôi lứa chẳng so le, Hai tạng thông hòa cùng một lệ. Huyết suy khí vượng quyết không thai, Huyết vượng khí suy, chắc có sài. Thốn: vi quan hoạt xích hơi sắc, Đi lại trơn tru hoặc tước trác. ấy mạch con trẻ hiện hình rồi, Mới vài tháng nên chưa biết thôi. Tả mau là trư hữu là gái, Trơn tru thông nhau mau đi lại. Quan bộ hai tay hoạt là đại, Có thai nhưng cũng là mới. Thấy hình con trẻ, thai là phải... Tay tả thấy tung hai đứa trai, Tay hữu thấy hoành gái một đôi. Tay trái mạch nghịch ba trai quyết, Tay phải mạch nghịch ba gái rồi... Thốn quan xích hai bên đều nhau: Một trai một gái có sai đâu. Tay trái trầm, thật: gái rõ màu. Dương mạch là trai, âm mạch giá. Rõ ràng dưới ngón nhớ kỹ lấy. Ba bộ trầm đều chẳng có ngờ, Xích bộ không dứt: có thai đấy. Mạch: thê át phu gọi là hoành, Mạch: phát thê, tung đã rành. Mạch: tử thừa mẫu thực nghịch khí, Mạch: mẫu thừa tử

mới thuận tình, Huyền, khẩn, lao, hoạt được yên ổn, Trầm tế hay vi chết đã đành...)

2376. **Lanh chanh:** hấp tấp, không chắc chắn. Xem câu 3441.

2396. **Xăm xỉ:** đau nhói nhói như mũi kim đâm nhẹ.

2414. **Sau câu 2414, các bản Zf D, TV D còn có;**

"Ly kinh mạch quyết"

Nhất tặc lục chí mạch ly kinh,
 Trầm tế nhi hoạt giả đồng danh,
 Dạ bảm giác thống ung phân đản,
 Lai triều nhật ngo định tri sinh.

("Phép xem mạch ly kinh: " Một hơi sáu lần đến: ly kinh, Trầm tế mà hoạt cũng cùng danh. Nửa đêm thấy đau chắc sắp cũ, sớm mai giờ ngo sẽ thấy sinh).

2462. **Sau câu 2462, các bản Zf D, TV D còn có:**

"Phụ nhân tướng sản bí quyết"

(diễn dĩ hậu mẫu, thiết dĩ hậu tử)

Sản nan tử sinh tương tự hình,
 Diện thiết chi sắc xích hòa thanh.
 Thiết thanh hắc giả tử nan bảo,
 Diệ thanh linh giả mẫu quy minh.
 Thiết thanh diện xích tử độc tử,
 Diện thanh thiết xích tử độc sinh.
 Thần khẩu câu thanh mạt hựu xuất,
 Mẫu tử câu vong thử hậu minh.

("Bí quyết xem đàn bà khi sinh" (Mặt để xem mẹ, lưỡi để xem con): Để khó khôn phân lẽ tử sinh, Sắc lưỡi, sắc

mặt đỏ và xanh. Lưỡi mà xanh đen, con khó sống. Mặt mà xanh giá mẹ không lành. Lưỡi xanh, mặt đỏ: riêng con chết. Mặt xanh lưỡi đỏ: riêng con thành. Môi miệng đều xanh, lại nhiều dãi, mẹ con chết cả rõ ràng rành).

2514. Sau câu 2514, các bản Zf D, TV D còn có (Zf D chỉ ghi xuất Vương Thúc Hòa quyền nhị):

"Chẩn sản hậu mạch quyết"

Tân sản chi mạch hoãn hoạt cát,
Thật đại huyền cấp tử lai xâm.
Nhược đặc trầm trọng tiểu giả cát,
Hốt nhược lao khẩn mạng bất đình.
Thốn khẩu sáp tạt bất điều tử,
Trầm tế phụ cốt bất tuyệt sinh.
Thấm hữu thử mạch phân minh ký.
Trường tu niệm thử khán tâm kinh.

("Phép xem mạch sau khi đẻ": Mạch người mới đẻ hoãn hoạt tốt, thực đại huyền cấp chết tới nơi. Bằng như trầm nhỏ thì cũng tốt, Nếu mà lao khẩn mạng thôi xuôi. Thốn khẩu sắc gấp không đều chết. Trầm tế sát xương là sống rồi. Những mạch ấy nên nhớ cho rõ Thuộc lòng nhắm lấy dùng tưởng chơi).

2552. Sau câu 2552, các bản Zf D, TV D còn có (Zf D chỉ ghi" xuất Vương Thúc Hòa quyền nhị).

"Tướng tiểu nhi bí pháp ca

(Trung chính tinh minh huyết tại ty
thượng mục xế hoành giao xứ).

Ty sơn căn thượng mục giao gian,
Chính thị tinh minh tử tế khan,

Hồng sắc thuộc tâm, bạch thuộc phế,
Hoàng sắc thuộc tý thanh thuộc can.
Hắc sắc thuộc thận tu minh biện,
Hoặc hoành hoặc trực thị cân đoan.
Hong cân hiện hê, chủ tâm nhiệt,
Thanh cân hiện hê chủ trong tràn,
Hoàng cân đa vi tý vị bệnh,
Bạch cân đàm tích hắc cân hàn,
Trực giả thượng hành hoành giả hạ,
Bệnh nguyên tại thử lộ cơ quan.

("Bài ca bí pháp xem bệnh trẻ em": Chính giữa huyết tinh minh ở trên mũi, chỗ khỏe mặt giao nhau.

Trên sơn căn mũi mắt giao nhau, Ấn huyết tinh minh để ý vào. Sắc đỏ thuộc tâm trắng thuộc phế, Vàng tý, xanh can chẳng sai nào. Sắc đen, thuộc thận nên phân rõ, Đầu gân: ngang dọc nhìn chớ xao. Gân đỏ nổi lên ấy tâm nhiệt, Can phong: gân xanh nổi, phải biết. Gân vàng phần nhiều là bệnh tý, Gân trắng dờm nhiều, đen hàn riết. Dọc bệnh dưới lên, ngang trên xuống, Góc bệnh ở đó ta nên xét).

"Tiểu nhi mạch ca"

Tiểu nhi hữu bệnh tu bằng mạch,
Nhất chỉ tam quan định tức sắc,
Trì linh sắc nhiệt cổ kim truyền,
Phù phong trầm tích dương tiên thức.
Tả thủ nhân nghênh chủ ngoại chứng,
Hữu thủ khí khẩu chủ nội tật.
Ngoại hậu phong hàn thử thấp xâm,
Nội hậu nhũ thực đàm tích trí,

Hồng khẩn vô hạn thị thương hàn,
 Phù hoãn thượng phong hữu tự hạn,
 Phù hồng đa thị phong nhiệt thịnh,
 Trầm tế nguyên nhân nhũ thực tích.
 Trầm khẩu phúc trung thống bất hưu,
 Huyền khẩu hầu gian tắc khí cấp,
 Khẩn xúc chi thì chẩn đậu sinh,
 Khẩn sắc chi tế kinh phong chí.
 Hư nhuyễn mạn kinh tác khế tung.
 Khẩn thật phong giản phát súc nạc.
 Nhuyễn nhi tế giả vi cam trùng,
 Lao nhi thật giả nhân tiện bế.
 Mạch khâu đại tiểu tiện trung huyết,
 Hư nhu hữu khí kiêm kinh quý,
 Hoạt chủ lộ thấp linh sở thương,
 Huyền cấp khách ngộ quân tu ký.
 Đại tiểu bất quân vi ác hậu,
 Nhị chí vi thoát tam chí thốt,
 Ngũ chí vi hư tứ chí tổn,
 Lục chí bình hòa viết vô tật,
 Thất chí bát chí bệnh do khinh,
 Cửu chí thập chí bệnh nhiệt cấp.
 Thập nhất thập nhị tử vô nghi,
 Thử quyết vạn trung vô nhất thất.

("Bài ca về mạch trẻ con": Trẻ con có bệnh phải xem mạch, Một ngón ba bộ bình tĩnh coi. Trĩ lạnh, sắc nhiệt, xưa dạy thế, Phù phong trầm tích biết rạch rồi. Tay phải khí khẩu chủ chứng trong, tay trái nhân nghênh chủ chứng ngoài. Ngoài xem phong hàn thử và thấp, Trong xem đờm

tích ăn không xuôi. Thương hàn: hồng, khẩn, bồ hôi hãm, Thương phong: phù hoãn có bồ hôi. Phù hồng, phần nhiều phong nhiệt mạnh, Trầm tế, cơm sữa không tiêu rồi. Trầm khẩn, trong bụng đau không ngớt, Huyền khẩn, trong cổ thở gấp hơi. khẩn xúc, nên phòng phát sỏi đậu, Khẩn sắc, kinh phong cũng gọi sài. Hư nhuyễn, mạn kinh co giật sẽ, Khẩn thực, phong giản co giật hoài. Nhuyễn tế, ấy là chứng cam giun, Lao thực, nhị tiện bí mà thôi. Khâu đại tiểu tiện ra máu, Hư nhu, sợ sệt thêm khí oi. Hoạt là lạnh cảm sương cam thấp, Huyền cấp thường là phải vĩa người. Hai lần, thoát, ba lần là thốt, Lớn nhỏ không đều, mạch ấy tồi. Năm lần là hư, bốn lần là tổn, Sáu lần hòa bình, trẻ ăn chơi. Bảy tám lần đếm, bệnh còn nhẹ, Chín mười lần đếm, bệnh nóng sôi. Mười một mười hai nhất định chết, Phép này nghìn vạn xem không sai).

2575. **Lố mòi:** bày cái điềm, cái chứng gì ra (thường nói về nghĩa xấu)

2576. **Sau câu 2576, các bản Zf D, TV D còn có:**

"Tiểu nhi nguy chứng
 thập ngũ hậu"

Nhân thương xích mạch - Hạ quan đồng nhân.
 Tấn môn thũng khởi - Kiềm cập tác khanh.
 Tỵ càn hắc táo - Đồ đại cân thanh
 Mục da trực thị - Đồ bất chuyển tình.
 Chỉ giáp hắc sắc - Hốt tác á thanh.
 Hư thiệt xuất khẩu - Khiết xỉ giảo nhân.
 Ngư khẩu khí cấp - Đề bất tác t hanh
 Hồi trùng ký xuất - Tất thị tử hình.
 Dụng được tốc cứu - Thập vô nhất sinh.

("Mười lăm chứng ở trẻ em": 1 - Tia máu trên mắt chẳng suốt con người, 2 - Thóp sưng lên, 3 - Hoạch trũng xuống, 4 - Mũi khô đen dụi, 5 - Bụng to nổi gân, 6 - Mắt hay trông ngược, 7 - Nhìn không chuyển con người, 8 - Móng tay đen, 9 - Bông rụng mắt tiếng, 10 - Lưỡi thè ra ngoài miệng, 11 - Nghiến răng, 12 - Cấn người khác, 13 - Thở gấp miệng ngáp như miệng cá, 14 - Khóc không ra tiếng, 15 - Giun quài ngược).

Ấy là những chứng chết. Dùng thuốc cứu ngay cũng mười đứa chết cả mười.

2600. Sau câu 2600, các bản Zf D, TV D còn có:

"Tiểu nhi bệnh chứng dụng dược ca"

Tiểu nhi y gia lánh nhất khoa,

Nhất thời yếu dụng bất tri hà.

Kinh phong phát nhiệt tinh đàm thấu,

Bảo mạch đan thân bất khả sa.

Cấp mạn nhị kinh, tử kim đỉnh,

Vị xuất đậu chẩn, thần dị ma.

Thổ tả phúc đông nghi, trợ vị,

Thần khẩu sinh sang, hóa độc hòa.

Triều nhiệt, bảo long tinh tinh tán,

Âu thổ thiêu châm hoàn dụng đa.

Chư cam, lô hội giai thông dụng,

Thời y tu thức miễn lưu la.

("Bài ca dùng thuốc chữa các bệnh trẻ": Con trẻ đã lập riêng khoa rồi, Phải nhớ khi cần thiết đến nơi. Bảo mạch đan nhất định phải uống, Khi ho, đờm cùng phát nóng, sài. Cấp kinh mạn kinh: tử kim đỉnh, Sởi đậu chưa mọc: Thần

Dị mại. Thổ tả đau bụng phải trợ vị. Hóa độc chữa bệnh ở miệng môi. Nóng tràn: bảo long, tinh tinh tán, Viên thiêu châm uống khi nôn mửa. Các chứng cam phải hoàn Lô Hội, Thầy lang nên nhớ khỏi tìm tòi).

2602. **Học hữu:** bạn học.

2608. **Ngọc chương khuê:** hai thứ ngọc tốt.

2609. **Hy:** mong. Sĩ hy hiền, hiền hy thánh, thánh hy hiền = Kẻ sĩ mong làm được người hiền, người hiền mong làm được bậc thánh, bậc thánh mong có đức như trời.

2613. **Hưởng Thanh Phong, Anh Minh Nguyệt:** xem ct 2 "Lời dẫn" (phần phân đoạn) "Ngũ Tiêu vấn đáp nho y điển ca".

2615. **Cầm tiết chẳng day:** giữ tiết không thay đổi. "day" là dời, xoay hướng khác.

2625. **Khí tượng:** chỉ khí lực, tinh thần ở bên trong được biểu hiện ra ở hình dáng bên ngoài, xem ct 18A.

2628. **Đạo vị:** mùi đạo. Xem ct XIII, và câu 2843.

XVIII (I) **Ra đời:** xuất thế, ra ngoài thế tục.

(2) **Thanh:** trong sạch.

(3) **Chòi trời:** vòm trời (làm nhà ở của kẻ ẩn sĩ) che chở cho muôn vật.

(4) **Đầy đất:** đất chứa đựng tất cả, làm sinh sôi tất cả.

(5) **Sào Hứa:** tức Sào Phủ và Hứa Do. Xem ct 510 A.

(6) **Di Tề:** tức Bá Di, Thúc Tề. Xem ct 511A, và câu 2671.

(7) **Ba chục sáu cung**: tam thập lục cung, là nói ý khắp nơi, khắp chốn, cung điện nhiều san sát.

XIX (1) **Hối thực**: tối như đêm ba mươi, như đêm có nguyệt thực.

(3) **Bóng thỏ**: bóng trăng.

(4) **Gương thiêm**: mặt trăng, xem ct 476 B.

(7) **Hai chục tám sao**: nhị thập bát tú.

(8) **Hư dinh**: khuyết tròn, vơi đầy.

2636. **Thái y**: cũng gọi ngự y, là thầy thuốc trong cung vua.

2646. **Non Kiều**: núi Viên Kiều, nói cảnh tiên.

2649. **Hồng nghê**: cầu vòng, mống cụt.

2654. **Tĩnh thất**: phòng ở của các sư.

1661. **Chẳng khứng**: không chịu. Xem ct 511A và câu 2671.

Sĩ Liâu: làm quan nước Liâu.

2664. **Gai con mắt**: chướng con mắt, không muốn ngó, không muốn nhìn.

2665. **Não nông**: có ý buồn rầu. Xem ct 622 A.

2763. **Quỷ cốc**: thầy học của Tô Tần, Trương Nghi thời chiến quốc. Chỉ thầy thuật số thông hiểu mọi lẽ. "Đông Chu liệt quốc": Đất Dương Thành thuộc địa phận nhà Chu có một chỗ tên gọi là Quỷ Cốc (hang quỷ) vì chỗ ấy núi cao rừng rậm, âm khí nặng nề, không phải là chỗ người ở. Trong núi có một ẩn sĩ tự đặt hiệu là Quỷ cốc tử. Tương truyền người ấy họ Vương tên Hủ, thời Tấn Bình công,

nguyên trước ở Vân Mộng sơn, cùng người nước Tống là Mặc Định tu đạo ở đây. Mặc Định không có vợ con, đi chu du thiên hạ, theo một chủ nghĩa kiêm ái mà cứu thế độ nhân, còn Vương Hủ thì ẩn ở núi Quỷ Cốc, người ta vẫn gọi là Quỷ Cốc tiên sinh.

2673. **Bốn Lão Thương Sơn**: Thương Sơn là dãy núi ở tỉnh Thiểm Tây, nơi ở ẩn của bốn ông già đời Hán, gọi là "Thương sơn tứ hạo", có Đông viên công, Giác lý tiên sinh, ý Lý tiên sinh và Hạ Hoàng công. "Sử ký: " Hán Cao tổ muốn bỏ thái tử, lập con của Thích phu phân là Triệu vương Như ý làm thái tử. Lã hậu dùng kế của Trương Lương, đem hậu lễ cổ mời Đông Viên công, Giác Lý tiên sinh, ý Lý tiên sinh, Hạ Hoàng công là bốn người già mà Cao tổ rất tôn trọng không sao mời nổi. Bốn người này đã già, họ cho rằng nhà vua khinh người, nên bỏ trốn vào ở ẩn trong núi giữ nghĩa không làm tôi nhà Hán. Lã hậu mời họ đến được, cho họ làm khách, thường cho vào triều để Cao tổ trông thấy. Đến khi ăn tiệc, rót rượu, thái tử đứng châu. Bốn người theo thái tử, tuổi đều ngoài tám mươi, mày râu bạc phơ, áo mũ rất đẹp. Vua lấy làm lạ, hỏi. Bốn người tiếng đến thưa kể họ tên rồi mới nói: "Bệ hạ khinh kẻ sĩ, hay mắng người, bọn thần nghĩa không chịu nhục, cho nên sợ mà trốn tránh. Nay trộm nghe thái tử là người nhân đức, hiếu thảo, cung kính, yêu thương kẻ sĩ trong thiên hạ không ai không muốn vượn cổ vì thái tử mà chết. Vì vậy chúng tôi đến đây Hán Cao tổ bỏ ý định phế thái tử.

2677. **Nghiêm Châu:** tức Nghiêm Quang (xem ct 517A) và Châu Mục, người đất Nam Dương đời Hậu Hán, ghét đời kiêu bạc, không ra làm quan.

2679. **Ngũ Liễu tiên sinh:** Đào Tiềm đời Tấn tự hiệu là Ngũ Liễu tiên sinh (ông nhà có năm cây liễu). Theo "Thông chí", Đào Tiềm tính tình cao thượng, học rộng, giỏi văn thơ, có soạn truyện "Ngũ liễu tiên sinh" để tự ví mình. Truyện nói: Tiên sinh không biết ở đâu, tên họ cũng không ai rõ, cạnh nhà có năm cây liễu, nhân đó mà đặt tên hiệu cho mình. Người nhàn nhã, ưa tĩnh mịch, ít nói, không chuộng vinh hoa lợi lộc, ham đọc sách, mỗi lần lĩnh hội được ý gì hay, thì vui mà quên ăn. Tính thích uống rượu mà nhà lại nghèo nên không phải bao giờ cũng có rượu uống. Bà con bạn bè biết điều đó nên thường bày tiệc mời ông... Ông nhà nghèo, còn cha mẹ già nên ban đầu có ra làm chức quan nhỏ trong huyện, nhưng không chịu được sự gò bó luồn cúi nên đã bỏ quan về nhà. Sau ông ra làm huyện lệnh Bành Trạch, mới hơn tám mươi ngày, ông cũng từ quan nốt.

2681. **Họ Đào tể tướng sơn trung:** Đào Hoằng Cảnh, người đời Lương, được gọi là Sơn trung tể tướng (tể tướng ở trong núi). "Thông chí": Đào Hoằng Cảnh, người đất Mật Lăng đời Lương, tự Thông Minh, có chí tu đạo thần tiên, đọc sách hơn vạn quyển, bỏ quan đi ẩn ở núi Câu Dung, hiệu là Hoa Dương ẩn cư, Hoa Dương chân nhân. Ông ham mê việc trước thuật. Đời Lương Vũ đế, việc nước gặp điều gì khó khăn trọng đại, nhà vua đều cho sứ đến hỏi ý kiến ông. Thời bấy giờ, người ta gọi ông là Sơn trung tể tướng.

2683. **Họ Vương dạy học Phần Hà:** Vương Thông, người đất Long Môn đời Tùy, tự Trọng Yên, thuở bé đã có chí học tập, khi lớn đến Trương An dâng vua "Thái Bình thập nhị sách" biết mưu chước không được dùng, ông lui về ở đất Phần Hà mở trường dạy học, học trò đến thụ nghiệp đông có đến hàng nghìn người. Về sau nhà vua có nhiều lần vời ông ra làm quan, ông đều từ chối. Trước tác ông có "Trung thuyết", "Lễ luận", "Tục Thư", "Tục Thi", "Nguyên kinh", "Tán Dịch"...

2685. **Trúc Lâm:** xem ct 473 (B)

2687. **Lung chơi:** chơi bữa bãi, không kiêng nể gì hết.

Lan đình: Theo thư tịch Trung Hoa, thì số người Lan Đình, Trúc Lâm là thuộc vào hạng hiền nhân quân tử. Ở đây Nguyễn Đình Chiểu lại phê phán thái độ vô trách nhiệm của hạng người đó đối với thời cuộc, đối với xã hội. Xem ct 471 B.

2689. **Xử sĩ:** người học giả không ra làm việc đời, ở ẩn.

2695. **Yêu Ly:** "Đông Chu liệt quốc": Yêu Ly là thích khách người nước Ngô thời Xuân Thu. Công tử Quang giết vua Ngô tên Liêu, lên ngôi vua tức Hạp Lư. Con Liêu là công tử Khánh Kỵ trốn sang nước khác, chiêu nạp kẻ hào kiệt, kết liên với lân quốc, đợi thời cơ về nước Ngô đánh báo thù. Hạp Lư nghe tin ấy, lo, ăn không biết ngon, nằm không được yên, dùng Yêu Ly để giết Khánh Kỵ. Để cho Khánh Kỵ tin, vua Ngô bèn dùng khổ nhục kế, ghép Yêu Ly vào tội rồi chặt mất tay phải, và giết chết cả vợ con Yêu Ly. Yêu Ly gặp Khánh Kỵ, xin Khánh Kỵ chiêu nạp để cùng báo thù vua Ngô. Khánh Kỵ tin dùng Yêu Ly, kết làm

tâm phúc. Đến khi Khánh Kỵ đưa quân sĩ và thuyền bè xuôi dòng sông tiến sang đánh Ngô, Khánh Kỵ cùng Yêu Ly ngồi chung một thuyền. Yêu Ly nhằm lúc gió thổi mạnh cầm giáo đâm suốt vào bụng Khánh Kỵ, ngọn giáo thò ra phía sau lưng. Khánh Kỵ xách ngược Yêu Ly lên, dìm đầu xuống nước ba lần, rồi lại để lên trên đầu gối cúi nhìn mà cười và bảo rằng: "Thiên hạ còn có kẻ dùng sĩ dâm cả gan dâm ta!" Quân sĩ toan xúm lại để đâm Yêu Ly. Khánh Kỵ gạt đi mà bảo rằng: "Người này là dũng sĩ! Chớ nên trong một ngày để chết hai dũng sĩ của thiên hạ. Đừng giết hấn làm gì, nên tha cho hấn về Ngô để tỏ lòng trung của hấn".

2698. **Sư Khoáng:** nhạc sư nước Tấn thời Xuân thu, tự Tử Dã, thạo âm luật, có thể nghe thanh âm mà biết được điều lành dữ. "Tả truyện": Ngày bính dần, quân nước Tề đang đem rút lui. Sư Khoáng báo cho Tấn hầu rằng: "Giống quạ và những giống chim khác kêu, tiếng nghe vui, chắc là quân Tề đã rút lui". Quả như vậy. "Hoài nam tử": Cao Dao cầm làm chức đại lý, thiên hạ không có ngược hình, Sư Khoáng mù làm chức đại tể, mà nước Tấn không có loạn chính.

2708. **Ngũ đế tam vương:** xem ct I sau ct 306 B

2712. **Ghe keo:** nhiều keo, nhiều lần.

2713. **Năm bá bảy hùng:** xem ct III (5) và III (6) sau ct 56.

2716. **Di luân:** luân thường, đạo thường.

2717. **Đế duôi:** khinh thường, không coi ra gì.

2723. **Giản nước Tề - Ba phen đề thí vua:** Theo "Thông chí", Thôi Trữ đại phu nước Tề thời Xuân Thu, có vợ là nàng Đường Khương người cực đẹp. Tề Trang công thường hay lên lút đi lại với nàng. Thôi Trữ ghét Tề Trang công dâm loạn, bèn thừa cơ giết hấn, lập Cảnh công lên làm vua, rồi tự mình làm tướng quốc. Thôi Trữ truyền cho quan thái sử Bá chép là Tề Cảnh công bị bệnh sốt rét mà chết. Thái sử Bá không nghe, chép vào thẻ rằng: "Ngày ất hợi, tháng năm, mùa hạ, Thôi Trữ giết vua là Quang (tên Tề Trang Công)". Thôi Trữ nổi giận giết Thái sử Bá. Thái sử Bá có ba người em là Trọng, Thúc, Quý. Trọng thay anh làm thái sử, cứ chép như cũ. Thôi Trữ lại giết đi. Thúc thay trọng cũng chép như thế. Thôi Trữ lại giết đi. Đến lượt Quý cũng vẫn chép đúng như vậy. Thôi Trữ cầm lấy cái thẻ mà bảo Quý rằng "Ba anh em mày đều chết cả. Nay nếu mày chịu chép khác đi thì ta sẽ tha chết cho". Quý nói: "Chép đúng sự thật, là chức phận người làm sử. Nếu làm trái chức phận mà sống, thì thà chết còn hơn". Thôi Trữ thở dài, ném cái thẻ đưa trả Quý. Nam sử thị nghe biết chuyện nói: "Anh em quan thái sử đều chết cả, bỏ mất cái việc ngày ất hợi mới rồi, nay ta đem thẻ này đến để chép". Nhưng khi đến nơi thấy Quý đã chép rồi mới ra về.

2726. **Ngôi viết Đồng Hồ:** Đồng Hồ là sử quan nước Tấn thời Xuân thu. Theo "Tả truyện", Tấn Linh công lập mưu giết quan đại thần là Triệu Thuần, mới bày tiệc rượu ở trong cung, mời Triệu Thuần vào dự, rồi phục sẵn quân giáp sĩ giết đi. Viên xa hữu (võ sĩ mang binh khí ngồi trên xe hộ vệ ở bên phải) của Triệu Thuần là Đề Di Minh biết việc đó, bèn đi theo hộ vệ Triệu Thuần. Khi rượu uống được

ba tuần, Đê Di Minh bèn tiến lên điện, nói to rằng: "Bê tôi hầu rượu vua, theo lễ không được uống quá ba chén", nói xong liền vực Triệu Thuần xuống điện chạy trốn. Đê Di Minh chống cự với bọn giáp sĩ rồi bị giết. Triệu Thuần chạy trốn thoát ra ngoài, giữa đường gặp Triệu Xuyên hỏi chuyện đầu đuôi, rồi bảo Triệu Thuần chớ sang nước khác vội, hãy đợi trong mấy ngày nữa sẽ rõ tin tức. Triệu Xuyên về kinh thành, nghe biết Tấn Linh công chơi ở đảo viên, mới giả cách vào yết kiến rồi giết Tấn Linh công, cho người đón Triệu Thuần về triều để cùng các quan lập vua mới. Triệu Thuần vẫn làm tướng quốc, và vẫn lấy việc giết vua ở đảo viên làm áy náy, mới đến sử quán đòi lấy bản chép của quan thái sử là Đồng Hồ để xem. Đồng Hồ chép việc đảo viên như sau: "Ngày 27 tháng 9 năm ất Sửu, Triệu Thuần giết vua Linh Công ở đảo viên". Triệu Thuần nói điều đó không đúng. Thái sử Đồng Hồ nói: "Ngài làm tướng quốc, trốn đi chưa khỏi địa giới nước nhà mà đã có việc giết vua, khi ngài về lại không trị tội quân giặc, thế thì không phải tự ngài thì còn ai?". Khổng tử khen: "Đồng Hồ cổ chi lương sử giả, thư pháp bất ẩn" nghĩa là Đồng Hồ là quan thái sử tốt thời cổ, chép việc không có giấu giếm.

2727. Chùy Bác Lãng sa: "Sử ký": Trương Lương vốn là người nước Hàn. Cha và ông làm tướng quốc trải năm đời vua Hàn. Khi cha chết, Lương còn ít tuổi, chưa từng làm quan nước Hàn. Khi Hàn bị Tần Thủy Hoàng tiêu diệt, Lương đem tất cả gia tài tìm thích khách giết vua Tần để báo thù cho nước Hàn. Lương tìm được một lực sĩ làm một cái chùy sắt nặng một trăm hai mươi cân. Tần Thủy Hoàng đi chơi ở miếu Đông, Lương và người khách rình đánh Tần

Thủy Hoàng ở bãi cát Bác Lãng. đánh nhằm phải xe tùy tùng. Tần Thủy Hoàng nổi giận sai lùng khắp thiên hạ, cốt bắt cho được Trương Lương. Trương Lương đổi tên họ, sau theo Bái công bày mưu lập kế giúp Bái công diệt Tần, Sở, dựng nghiệp nhà Hán.

2729. Cờ tiết Tô lang: xem ct 1 bài XI C.

2731. Nghiêm Nhan: Tướng thời Tam quốc "Thông chí": Lưu Chương sai Nghiêm Nhan giữ Ba Quận, Trương Phi đánh bắt được ông. Trương Phi quát hỏi: "Đại quân ta đến sao lại không hàng mà dám đánh chống lại?" Nghiêm Nhan nói: "ở Ba Quận ta đây chỉ có tướng thà chịu mất đầu, chứ không có hạng tướng đầu hàng". Trương Phi nổi giận, quát tả hữu lôi ra chém. Nghiêm Nhan sắc mặt không đổi, bình tĩnh nói: Chém đầu thì cứ chém, sao lại nổi nóng thế?" Trương Phi nghe nói liền tha Nghiêm Nhan và cho ông làm tân khách.

2734. Kê Thiệu: người đời Tấn, thời Huệ đế, vua bại trận ở Thang Âm, các quan bỏ chạy hết. Thiệu một mình ở lại hộ vệ, mình bị thương máu văng đổ áo vua. Khi yên giấc rồi, vua nói: "Máu của Kê Thiệu, ta không đành tẩy đi".

2735. Cảo Khanh: "Tục Thông chí": Nhan Cảo Khanh, người đất Lam nghi đời Đường, tự Hân, tính cương trực, thời Đường Huyền tông làm thái thú Thường Sơn. Khi có biến An Lộc Sơn, giặc bất ngờ đến đánh úp thành riết lắm. Cảo Khanh chưa nghĩ ra kế chống giặc giữ thành, thì lương thực, tên bắn đã cạn, thành bị vây hãm, rồi ông bị bắt. An Lộc Sơn dụ ông, nói: "Nếu đầu hàng, ta sẽ cho làm thái

thú". Cáo Khanh trừng mắt mắng rằng: "Ta làm tôi nhà Đường, giữ lòng trung nghĩa, vì nước quyết trừ bọn giặc chúng mày, giận nổi chưa chém được đầu mày để tạ vua chứ lòng nào theo chúng mày làm phản? Cáo Khanh chửi mắng không ngớt, bị chúng cắt lưỡi rồi giết chết.

2737. **Trương Tuấn:** "Tục Thông chí": Trương Tuấn, người đất Nam dương đời Đường, thông hiểu sách vở, giỏi binh pháp, đỗ tiến sĩ, làm quan lệnh đất Thanh Hà, rồi đất Chân Nguyên. Khi có loạn An Lộc Sơn, tướng An Lộc Sơn là Doãn Tử Cơ tập hợp đồ đảng hơn mười vạn người bao vây đánh Trương Tuấn ở Tuy Dương. Trương Tuấn cùng quân lính cố thủ, một ngày đánh ngót hai mươi trận, và đã nhiều lần đánh bại Doãn Tử Cơ. Được vài tháng, lương thực cạn, không có quân cứu viện, Tuấn phải giết người thiếp yêu cho quân lính ăn. Đến khi Doãn Tử Cơ đốc quân đánh t hành, thì quân của ông ốm kiệt sức không chiến đấu được. Thành bị hãm và ông bị bắt. Ông mắng vào mặt Tử Cơ rằng: "Ta muốn nuốt trôi bọn nghịch tặc chúng mày, chỉ hiềm sức đã kiệt. Tử Cơ nổi giận lấy dao khoét gần hết răng, mồm của ông. Tuấn vẫn chửi vào mặt chúng cho đến khi bị giết chết.

2738. **Tướng bưng:** chọn rộn cả lên. Xem ct 91 A và các câu 2394 B, 3384 D.

2740. **Quản Ninh:** "Thông chí": Quản Ninh, người đất Chu Hư nước Ngụy thời Tam Quốc, tự Ấu An, thích sống ẩn dật, xa nơi quyền quý. Ông chơi thân với Hoa Hâm ở đất Bình Nguyên. Một hôm hai người ngồi đọc sách, thì có chiếc xe trang hoàng lộng lẫy đi qua cửa. Hoa Hâm bỏ sách

chạy ra xem. Quản Ninh rạch đôi chiếu, nói rằng: "Anh ta không phải là bạn nữa rồi". Từ đó tuyệt giao với Hoa Hâm. Ông mở trường dạy học, không màng gì đến thế sự. Học trò ông nhiều người thành đạt. Triều đình biết tiếng, đã mấy lần vời ông ra làm quan, ông đều cố từ không nhận. Ông thường đội mũ đen, mặc áo đơn ngắn, thọ 84 tuổi.

2742. **Khổng Minh xuất Kỳ:** Khổng Minh sáu lần dâng biểu xin ra Kỳ Sơn đánh Ngụy, lời lẽ trung chính. Xem ct 493.

2743. **Tổ Dịch:** "Thông chí": Tô Dịch người đất Phạm Dương đời Tấn tự Sỹ Nhã, buổi đầu ông cùng Lưu Côn chơi thân thiết, nằm chung giường, ngủ chung chăn, nửa đêm nghe gà rừng gáy cho là điềm lành, cả hai cùng dậy múa kiếm. Hoặc có khi đang đêm, hai người cùng dậy trò chuyện, nói: "Nếu bốn biển loạn lạc như vạc nước sôi, các hào kiệt đều cùng nổi dậy, ta cùng túc hạ sẽ cùng lánh nhờ lẫn nhau ở đất Trung Nguyên vậy". Xem ct XIII (sau ct 1152):

2745. **Hốt họ Đoàn:** "Tục Thông chí": Đoàn Tú Thực người đất Khiên Dương đời Đường, tự Thành Công, thuở nhỏ đã nổi tiếng là người chí hiếu. Ông đỗ khoa minh kinh rồi tòng quân làm tiết độ sứ, lấy ân tín mà đãi ba quân, được quân sĩ mến phục. Đầu năm Kiến Trung (niên hiệu Đường Đốc tông) ông giữ chức Tư nông khanh. Bấy giờ Diêu Lệnh Ngộn kéo quân vào kinh cùng với Chu Thứ mưu cướp ngôi nhà Đường. Chu Thứ biết ông là người có danh vọng, bèn bảo ông ra ngoài thành đón Diêu Lệnh Ngộn. Ông giả vờ bằng lòng, nhưng kỳ thực ông đang tính chuyện giết bọn phản nghịch. Một hôm Chu Thứ triệu Tú Thực đến

bàn việc, có cả Nguyên Hưu, Lý Tử Bình cũng dự. Tú Thục bận nhưng phục đang nói chuyện với Hưu. Khi Chu Thứ nói đến chuyện tiếm vị, ông đứng phắt ngay dậy, cướp lấy cái hốt ngà của Hưu đang cầm, chạy đến nhổ nước bọt vào mặt Chu Thứ mà mắng rằng: "Đồ cuồng tặc đáng phanхай thầy muôn đoạn, tao lẽ nào lại tha cho mày làm phản?" Nói đoạn, ông cầm hốt đánh vào đầu Chu Thứ. Thứ đưa tay đỡ, hốt đánh trúng vào trán, máu chảy đầy mặt. Ông bị chúng giết chết.

2750. **Thiên trụ địa duy:** cột trời giềng đất, ý nói thời suy thì chính khí có kẻ ngay thẳng, giữ gìn vững vàng như cột trời, giềng đất.

"Từ câu 2703 đến câu 2750, Nguyễn Đình Chiểu đã dùng toàn những ý và điển trong bài Chính khí ca của Văn Thiên Tường (Trung Quốc)". Văn Thiên Tường là một nghĩa sĩ đời Nam Tống, bị giặc Nguyên bắt giam, ông làm bài "Chính khí ca" để tán dương cái khí chính đại của các trung thần nghĩa sĩ. Ở Việt Nam, sau khi thành Hà Nội thất thủ, Nguyễn Văn Giai cũng mượn ý làm bài "Hà thành chính khí ca" biểu dương khen ngợi việc Hoàng Diệu tuân tiết. Bài "Chính khí ca" trước kia đã được cụ Phan Bội Châu dịch để cổ vũ lòng yêu nước. Nhưng người đầu tiên truyền bá tư tưởng "chính khí ca" là Nguyễn Đình Chiểu.

2766. **Sấm đông tuyết hạ:** nói thời tiết trái ngược, chời biến loạn.

2768. **Năm giềng ba mối:** xem ct I B

2769. **Y Doãn:** người đã có công giúp Thành Thang, đánh vua Kiệt diệt nhà Hạ dựng nghiệp nhà Thương. Ông

luôn luôn tự xem mình có trách nhiệm gánh vác việc thiên hạ. Xem ct 513 và câu 900.

2774. **Trí quân:** phò giúp làm cho vua tốt (như Nghiêu Thuấn).

2775. **Thương sinh:** dân đen đầu, chỉ nhân dân.

2776. **Trạch dân:** làm ơn cho dân.

Luống doanh trong lòng: thường vẩn vương trong lòng, nghĩa là lòng hay lo nghĩ đến.

2781. **Kinh Lân:** xem ct III (7) (sau ct 56).

2754. **Thon von:** nguy hiểm lắm. Xem ct 830 A, 148 B và các câu 769, 2270 B.

2763. **Xừng xừng:** tranh nhau nổi dậy, đứng lên.

2787. **Vắng hiu:** vắng vẻ và hiu quạnh lắm.

2789. **Tối thâm:** tối mịt, tối om.

2790. **Lục trảm:** chết đuối trên cạn, nói nước mất, nhân dân bị đủ điều khổ nhục, như bị chết đuối.

Can qua: cái mộc và cái mác, chỉ chung các binh khí, nói buổi chiến tranh. Xem ct 1872 A.

2794. **Tanh rình:** tanh quá.

2800. **Lung:** làm buông lung bữa bãi, không biết kiêng dè gì hết. Xem ct 2687.

Lòng nhân dục: lòng tham muốn của con người.

2826. **Nước an làm trí nước loạn làm ngu:** "Luận ngữ": Tử viết: Ninh Vũ Tử, bang hữu đạo tắc trí, bang vô đạo tắc ngu. Kỳ trí khả cập già, kỳ ngu bất khả cập già = Khổng tử nói: Ninh Vũ tử là người trí khi nước có đạo, lại

là người ngu khi nước không có đạo. Người ta có thể theo kịp cái trí của ông, chứ không thể theo kịp cái ngu của ông...

2796. **Đổi hình tóc râu:** nói theo cách trang sức, ăn mặc của ngoại bang xâm lược.

2797. **Chiên cầu:** áo bằng da con chiên, là thứ áo của Khiết Đan.

2819. **Hữu tử:** có lời bàn.

2820. **Vô như chi hà:** không biết làm cách nào. Xem ct 118.

2823. **Bảo thân:** giữ mình.

2824. **Bảo đạo:** giữ đạo.

2828. **Giả câm giả đại:** Cơ tử, đời vua Trụ bạo ngược, ông đã cạo đầu giả làm người điên để toàn thân.

2832. **Phép xuân thu:** phép trung chính, nghiêm minh trong việc tôn hiên phạt tội của kinh Xuân thu.

2835. **Trời thúc quý:** nói đời suy loạn, sắp bị diệt vong. Xem ct 487 A.

2837. **Sai ngoa:** không thật, giả dối.

XX (1) **Tinh chiêm:** xem ct 1102.

(2) **Thư hương:** nói nề nếp, dòng dõi nhà có học.

(5) **Họ Lỗ:** Lỗ Trọng Liên, người nước Tề thời Chiến quốc, tính không chịu gò bó câu thúc, suốt đời ở ẩn không ra làm quan. Ông sang Triệu, gặp lúc Tần mang quân bao vây Triệu gấp lắm. Sứ nước Ngụy tìm đến Triệu mưu việc tôn Tần làm hoàng đế để cầu Tần bãi binh. Trọng Liên

phản đối, và vì đại nghĩa mà nói với sứ nước Ngụy là Tân Viên Diễn rằng "Nếu Tần xưng đế, thì Liên này sẽ nhảy xuống biển Đông mà chết thôi". Tần hay tin, bèn lui quân 50 dặm, và rồi dẫn quân về. Triệu được giải vây. Bình Nguyên quân muốn đem ngàn vàng dâng tặng Lỗ Trọng Liên. Ông từ chối, cười nói: "Cái quý trong thiên hạ đối với kẻ sĩ là vì người mà giúp cứu nạn, không nghĩ đến chuyện của biểu xén như việc con buôn".

(8) **Túi càn khôn:** ý nói trong vòng trời đất.

Bệnh Thầy Trương: "Sử Ký:" Trương Lương, người đời Hán, tự Tử Phòng. Tổ tiên Trương Lương vốn là người nước Hàn. Khi nước Hàn bị Tần Thủy Hoàng diệt, Lương đem tất cả gia tài tìm thích khách giết vua Tần để báo thù cho Hàn. Sau Lương theo Bái công. Bái công cho Lương làm tướng. Lương đem binh pháp của Thái công ra trình bày với Bái công. Bái công khen, thường dùng sách lược ấy. Trương Lương hay ốm, chưa từng làm tướng một mình, thường làm kẻ bày mưu kế và luôn luôn đi theo Hán Cao Tổ, kết quả Hán Cao tổ diệt được Tần, bại được Sở, bình định được thiên hạ, dựng nên nghiệp nhà Hán. Khi Cao tổ phong tước cho các công thần, Cao tổ nói: "Bàn mưu kế ở trong màn trướng, quyết định sự thắng lợi ngoài ngàn dặm, đó là công của Tử Phòng". Bèn phong Trương Lương làm Lưu hầu. Lưu hầu hay ốm, thường học phép đạo dẫn (phép tu luyện của người theo đạo Lão, tập thở và luyện gân cốt để sống lâu) không ăn cơm, đóng cửa không ra ngoài. Bấy giờ Lưu hầu nói: "Gia đình tôi đời đời làm tướng quốc nước Hàn. Đến khi Hàn mất, tôi chẳng tiếc số vàng vạn lạng, đổi phỏ với nước Tần mạnh để báo thù cho thầy bậc đế

vương, được phong vạn hộ, ở ngôi chư hầu, kẻ áo vải được thế là tốt bậc với Lương, thế đủ rồi, xin bỏ việc nhân gian, chỉ muốn ngao du với Xích Tùng tử mà thôi".

2845. **Mân phong:** Phần cuối trong thơ "Quốc phong", kinh "Thi". Mân phong có bảy bài, bài đầu là bài Thất nguyệt, mô tả công việc các bậc tiền bối ở đất Mân (thuộc tỉnh Thiểm Tây) dựng nghiệp nhà Chu, tương truyền do Chu Công soạn. Xem câu 3492.

2842. **Sư Miện:** nhạc sư nổi tiếng đạo đức đời Chu, mất bị mù. Thấy ông, Khổng tử điu ông đi, gặp bậc thêm thì hô "thêm đây" đến chiếu thì hô "chiếu đây" cho ông biết.

2851. **Mông tấu tấu công:** thấy dui, đánh nhạc tấu sự, nghe nhạc, đủ biết việc gì.

2852. **Thực rờng thẩm âm:** thức tỉnh trong việc xét đoán âm thanh.

2870. **Thơ sấm:** thơ ý kín báo việc tương lai.

2877. **Vui trời:** vui với đạo trời, vì biết lẽ của trời đất nên vui. Kinh "Dịch": Lạc thiên tri mệnh cố bất ưu = vui với đạo trời biết mệnh mình nên không lo buồn điều gì.

2878. **Chẳng vượt khỏi nơi ngôi mình:** "Trung dung": Quân tử tổ kỳ vị nhi hành, bất nguyện hồ kỳ ngoại = Người quân tử cứ theo địa vị mình mà làm không mong gì ở ngoài (địa vị đó).

2887. **Rờng rờng:** phiên rộn lắm, nhiều như đàn cá rờng rờng. Xem ct 1026 và câu 3535.

2888. **Cung bích:** chỉ cửa thầy dạy học, là bởi chữ "cung tường" trong Hán ngữ. "Luận ngữ": Tử Cống viết: "Thí chi cung tường: Tứ chi tường giả cập kiên, khuy kiến thất gia

chi bảo, Phu tử chi tường số nhận, bất đắc kỳ môn nhi nhập, bất kiến tông miếu chi mỹ, bách quan chi phú" = Thầy Tử Cống nói rằng: "Thí dụ tài đức như những bức tường trong cung thất. Tử tôi là bức tường cao đến vai, nên người ta có thể đứng ngoài nhìn thấy những cái tốt đẹp trong nhà. Thấy tôi như bức tường cao mấy nhận, nếu người ta không tìm được cửa tiến vào thì không thấy những cái tốt đẹp trong nhà tông miếu, cùng sự phồn thịnh của bá quan.

2892. **Tay thước:** thầy dạy nghề thường giữ lại một cái bí quyết riêng cho mình chứ không truyền hết cho học trò. Cái bí quyết ấy là "tay thước" (tay đã quen mực thước, quen chùng). Ý cả câu nói không biết thầy thu gọn cái bí quyết trong sách nào.

2898. **Sau câu 2898, các bản Zf D, TV D còn có (Zf D chỉ ghi xuất xứ, TV D dẫn đầy đủ):**

"Phiêu bốn luận"

Phù dụng được giả, dương trị phiêu bốn,

Dĩ thân luận chỉ:

Ngoại vi phiêu, nội vi bốn,

Dương vi phiêu, âm vi bốn,

Lục phủ thuộc dương vi phiêu, ngũ tạng thuộc

âm vi bốn.

Dĩ bệnh luận chỉ:

Tiên thọ bệnh vi bốn, hậu truyền biến vi phiêu.

Phạm trị bệnh giả:

Tiên trị kỳ bốn, hậu trị kỳ phiêu.

Tuy hữu số bệnh, mỹ bất khứ hỷ.

Nhược:

Tiên trị kỳ phiêu, hậu trị kỳ bốn, tả khí tư thậm,
kỳ bệnh ích kiên.

Nhược hữu trung mãn:

Vô vấn phiêu bốn, tiên trị trung mãn, vị kỳ cấp già.

Nhược trung mãn, hậu hữu đại tiểu tiện bất lợi:

Diệc vô vấn phiêu bốn, tiên trị đại tiểu tiện,
thứ trị trung mãn, vị vu cấp già.

Hựu như:

Tiên bệnh phát nhiệt, hậu bệnh thổ tả, ẩm thực bất hạ,
Tắc tiên đình ẩu thổ, hậu tấn ẩm thực, phương kiên trị
tả, dĩ nguyên khí sảo phục, nãi công nhiệt nhi.

Thử sở vị: hoãn tắc trị kỳ bốn, cấp tắc trị kỳ phiêu già.

Trừ đại tiểu tiện bất lợi, cấp trung mãn, thổ tả chi
ngoại, giai tiên trị kỳ bốn, bất khả bất trị già.

Giả linh:

Can thọ tâm hỏa chi tà: thị tông tiên lai giả vi thật tà.

Thật tắc trị kỳ tử, nhiên phi trực tả kỷ hỏa,

Nhập can kinh được vi chi dẫn dụng, tả tâm hỏa vi quân.

Thị tri thật tà chi bệnh già.

Giả linh:

Can thọ thận tà: thị tông hậu lai giả vi hư tà.

Hư tắc bổ kỳ mẫu.

Nhập thận kinh được vi chi dẫn dụng, bổ can được vi
quân thị già.

Phiêu bốn dĩ đắc, tả khí nãi phục,

Y chi thần lương mạc việet hồ thủ,

("Bàn về lẽ gốc ngọn" - Phạm kẻ làm thuốc nên biết lẽ
gốc ngọn. Dem thân người bàn lẽ ấy thì: Ngoài là ngọn

trong là gốc, Khí là ngọn huyết là gốc, Dương là ngọn âm là gốc. Lấy bệnh mà bàn lẽ ấy thì: Bệnh mắc trước là gốc, các chứng truyền biến sau là ngọn. Phạm kẻ chữa bệnh: Trước chữa gốc nó sau chữa ngọn nó. Dù có mấy bệnh nẽa, sẽ không bệnh nào là không hết. Ví bằng: Chữa ngọn nó trước chữa gốc nó sau, thì tà khí càng quá, mà bệnh thêm vững chắc. Như có chứng đầy bên trong. Không cần hỏi gốc ngọn, hãy chữa chứng đầy bên trong trước, vì nó là chứng gấp. Nếu sau chữa đầy bên trong, có chứng đại tiểu tiện không lợi, Thì cũng không cần hỏi gốc ngọn hãy chữa đại tiểu tiện trước, rồi hãy chữa chứng đầy bên trong, vì nó còn gấp hơn! Lại ví như: Trước mắt chứng phát nóng, sau mắc chứng thổ tả, ăn uống không xuôi, thì trước chữa cho yên chứng nôn ọe, sau làm sao cho ăn uống được, khi ấy mới chữa kèm cả chứng đi tả, đợi khi nguyên khí đã hơi hồi phục, mới công đến chứng phát nóng. Đó tức là nghĩa hoãn thì chữa gốc nó, gấp thì chữa ngọn nó vậy. Trừ các chứng đại tiểu tiện bất lợi, cùng đầy bên trong hay thổ tả ra, đều nên chữa gốc trước, điều đó không thể không biết được. Ví phỏng: can chịu tà của tâm hỏa, đó là bệnh từ phía trước mà lại, là thực tà. Thực thì tả con nó, nhưng không phải tả ngay hỏa. Phải dùng thuốc vào can kinh làm thuốc dẫn, mà thuốc tả tâm hỏa làm quân. Đó là cách chữa những bệnh thực tả. Ví phỏng: can chịu tà của thân, đó là bệnh từ phía sau mà tới, là hư tà, Hư thì bổ mẹ nó. Dùng thuốc vào thận kinh làm thuốc dẫn, mà thuốc bổ can làm quân, thế là phải. Gốc ngọn đã chữa đúng phép, tà khí mới chịu lui. Những thầy thuốc giỏi như thần, cũng không ai vượt được phép ấy).

"Tập trị phú"

(Toàn "Nhân trai" cập "Biện chú, Bệnh cơ,"

"Được tính" đăng thư)

Zf D chỉ ghi xuất xứ "xuất Y học nhập môn" TV D ghi đầy đủ:

Bách bệnh nan đào hồ bát yếu,

Trị bệnh tuất tuân hồ tam pháp.

Chính khí tại nhân: dương vi biểu nhi âm vi lý, thượng
cổ danh ngôn

Tà khí hại nhân: biểu vi dương nhi lý vi âm, Trọng
Cảnh diệu quyết.

Thực giả mạch thịnh, bì nhiệt phúc trưởng, tiền hậu bất thông,

Hư giả, mạch hư, bì hàn khí nhược, tiết lợi thiểu thực.

Tân bệnh đa nhiệt,

Cửu bệnh phản hàn.

Nội thương ngũ tà toàn yếu điều đình:

Ngoại cảm lục dâm, tu thiện hân phát.

Phong tự hỏa xuất,

Hàn nãi hư nghiệt.

Thử hao khí dịch, tinh thần: cam toan liêm bổ thường dẫu,

Thấp thương bì nhục, cân cốt: khổ tân hân thăng tạm yết.

Táo phân hư thực,

Hỏa biện bổ tiết.

Khử tà do truy đạo tắc, tiết khô nhi thứ hiệp tông,

Dưỡng chính nhược đãi tiểu nhân: chính kỷ nhi vô quá sát.

Thả như:

Thương thực tích tại trường vị, đặng điều tự dữ,

Đình ẩm khối thuộc kinh lạc, tiêu bổ kiêm hành,

Khẩu phúc tủng nhi thấp nhiệt thịnh, táo tỳ thổ dĩ phục
trung khí,
Phòng lao quá nhi tướng hỏa động, tư thận thủy dĩ cố
âm tinh.

Khí hữu dư nhi suyễn mãn bì tắc, hỏa khinh khê giáng.

Huyết bất túc nhi thổ nục khiếp lao, kim phạt nghi thanh.

Khí bệnh điều khí, nhi huyết hữu y phụ,

Huyết bệnh điều huyết nhi khí vô trệ ngưng.

Điều khí tất tân lương dĩ tán kỳ nhiệt,

Hòa huyết tất tân nhiệt dĩ hóa kỳ hình.

Chí ư:

Đàm nhân hỏa động, trị hỏa vật hoãn,

Hỏa nhân khí uất, lý khí nghi tăng.

Đàm hữu: thanh ôn nhuận táo, tán chi dị loại,

Uất hữu: phát đạt đoạt tiết chiết chi thù danh.

Uất cứu sinh đàm, sinh hỏa nhị bệnh dữ thắng,

Bệnh tắc hao khí, hao huyết, nhi hư do thành.

Dương hư úy ngoại hàn, nhi thấp nhiệt trệ tắc phù thũng,

Âm hư sinh nội nhiệt, nhi phong táo thịnh tắc nuy luy.

Dương hư hỏa suy: cam ôn dĩ ư bổ ích,

Âm hư thủy pháp: khổ hàn nan dĩ tư vinh.

Âm dương lưỡng hư: duy bổ kỳ dương nhi âm tự trưởng,

Khí huyết câu bệnh, chỉ điều kỳ khí nhi huyết tự ninh.

Trị nhiệt dĩ hàn hàn chi, khí ủng nhi hỏa thực bất nhập.

Công hàn dĩ nhiệt nhiệt chi, khí ủng nhi hôn táo tức sinh.

Nhiệt chi bất nhiệt giả, dương ích tâm phủ,

Hàn chi bất hàn giả, nghi tư thận âm.

Hữu thọ giả: dương bình âm bí,

Vô bệnh giả: hỏa giáng thủy thăng.

Ức hựu văn:

Nam tử dương đa hồ âm, nghi bổ âm dĩ phối dương,
 Nữ tử khí trệ ư huyết, nghi khai huyết nhi hành khí.
 Phì nhân khí hư đa đàm, hoát đàm bổ khí tự cổ truyền:
 Sáu nhân huyết hư hữu hỏa, tả hỏa tư âm vi định nghị.
 Thiếu tráng bệnh thiên hê, công phiêu hà nghị,
 Lão nhược bệnh thâm hê, có bốn nãi thị,
 Lão nhân khí đa huyết thiếu, chỉ nghị điều hòa,
 Tiểu nhi thuần dương vô âm, bất khả quá trị.
 Tây bắc phong cao, thổ táo thường khổ khát bí ung thư,
 Đông nam địa ty, thủy thấp đa hoạn thũng thống ngược ly
 Cao lương vô yếm, thanh nhiệt thuận táo thị kỳ phương.
 Đàm bạc bất khang, tán thấp ôn hàn vi diệu tể.
 Hu!

Bệnh hữu vi thậm,
 Trị hữu nghịch tòng.
 Vi tắc nghịch trị,
 Thậm tắc tòng công.
 Hàn nhân hàn dụng hê, nhi nhiệt tắc nhân nhiệt,
 Tắc nhân tắc dụng hê, nhi thông tắc nhân thông.
 Thấu kinh giả chi thần, diệu y sư chi kích dặng.
 Chỉ thương giả chi thống, tín quân lại chi sao thông.
 Thi quyết hình nhược tử, nhi mạch động như thường
 giả: bách hội nhất huyết khả cứu.
 Tức tích khí cửu nghịch, nhi ẩm thực như cổ giả, đạo
 dẫn nhất pháp thu công.
 Đường tiết vô định, chỉ nhân chân thủy khiếm vượng,
 Ẩu nghịch, bất nạp, mạc phi tà hỏa thượng xung.
 Y!

Dược bất chấp phương: trúng bệnh vi diệu,
 Pháp vô định giải; tùy thời thủ trung:
 Hoàng liên, khổ sâm, phú vân đa phục phản nhiệt,
 Càn khương phụ tử, thù tri cửu ẩm tạo hung.
 Chân trung ngũ nhĩ ngũ trung chân, cơ quân yếu thức,
 Hư tắc bổ nhĩ thực tắc tả, thống hội hữu tông.
 Tích nhân vị: độc Trọng Cảnh thư, tu đắc Trọng Cảnh
 chi bốn ý.
 Dư diệc vị: tuân Đan Khê pháp, tu hữu Đan Khê chí tâm hung.
 Yếu chi:
 Thương hàn thực giả, tắc tạp bệnh dũ gia minh quyết,
 Tạp chứng thực giả, tắc thương hàn ích dĩ hỗn dung.
 Y đạo nhất quán, chế tác nguyên ư tiên thánh,
 Hậu học thời tư, bất khả tự thị minh thông..

("Bài phú về phép chữa các tạp bệnh": Soạn theo sách của Nhân Trai cùng các sách Bệnh cơ, Dược tính biên chú).

Trăm bệnh không ra ngoài tám trận, Chữa bệnh tất phải theo ba phép. Chính khí trong người, dương là biểu mà âm là lý: danh ngôn truyền tự thuở xưa,

Tà khí hại người, biểu là dương mà lý là âm: phép mẫu lập từ Trọng Cảnh. Thực thì mạch đi mạch da nóng bụng đầy, đại tiểu không thông.

Hư thì mạch đi yếu, da lạnh khí nhược, tả lý ăn ít.

Bệnh mới phần nhiều là nhiệt,

Bệnh lâu thường trở thành hàn.

Nội thương vì năm lẽ, cốt phải điều đình, Ngoại cảm vì lục dâm, liệu mà phát hãn.

Phong là do hỏa bốc, Hàn bởi gốc hư ra. Nặng làm hao khí, dịch, tinh thần, thường dùng vị ngọt, chua: bổ liễm. Thấp làm hại thịt da, gân cốt, tạm uống bài cay, đắng: hân thăng. Táo phải phân có thực có hư, Hỏa phải xét nên bổ nên tả. Đuổi bệnh tật cũng như truy bắt giặc cướp, trừ chúa trùm mà tha lũ hiệp theo. Nuôi chính khí như chiều trẻ con, cốt ngay thẳng chớ quá lòng xét nét. Và như: Thương thực chứa ở dạ ruột, tẩy rửa sẽ khỏi. Đình ẩm thuộc về kinh lạc, tiêu bổ kiêm dùng. Cá thịt ăn cần mà thấp nhiệt thịnh, phải chữa cho tỳ thổ ráo, cho sức tiêu hóa lại hồi. Trai gái chơi quá mà tương hỏa xông, phải bổ cho thận thủy lên, cho phần âm tinh được vững. Khí có dư mà đầy suyễn bĩ tắc, hỏa nhẹ cho rút xuống. Huyết không đủ mà ho lao, mất máu, phổi ráo nên cho mát đi. Bệnh khí thì chữa khí mà huyết có nơi tựa nương. Bệnh huyết phải hòa huyết, mà khí khỏi nổi ngừng đọng. Chữa khí phải cay mát cho tan cái nóng. Hỏa huyết phải cay nóng mới thông được dòng. Đến như: Đờm đọng vì hỏa, trị hỏa chớ chậm. Hỏa uất vì khí, chữa khí nên gia. Đờm thì làm cho trong, cho ẩm, cho nhuận, cho ráo, cho tan, chữa có nhiều cách. uất thì phải nào phát, nào tiết, nào đạt, nào đoạt, nào chiết, khai có nhiều đường. Uất lâu sinh đờm, sinh hỏa, mà bệnh càng to. Bệnh lâu hao khí hoa huyết, sinh hư từ đó. Dương hư ngoài sợ lạnh, thêm thấp nhiệt động thì sinh phù thũng. Âm hư trong sinh nóng, nếu phong táo thịnh thì thành liệt tê. Dương hư hỏa suy, thuộc ôn ngọt dễ bề bổ ích. Âm hư thủy thiếu, vị đắng hàn khó cách tươi vun. Âm dương đều hư, cứ bổ dương rồi âm sẽ lại. Khí, huyết cùng bệnh, cứ chữa khí mà huyết tự yên. Chữa nhiệt bằng thuốc

hàn, hàn khí lấp mà khó tiêu được miếng cơm, ngậm cháo. Chữa hàn bằng thuốc nhiệt, nhiệt khí bốc liền thấy sinh ra trần tộc, hôn mê. Cho uống thuốc nóng mà không thấy ôn lại nên bổ tâm phủ. Cho uống thuốc hàn mà không thấy mát đi, nên bổ thận âm. Âm bình dương bí là kẻ sống lâu. Hỏa giáng thủy thăng là người lành mạnh. Lại nghe rằng: Con trai dương nhiều hơn âm, nên bổ âm cho dương khỏi lệch. Con gái khí trệ vì huyết, nên khai huyết cho khí được thông. Người béo khí hư nhiều đờm, từ xưa dạy nên khoát đờm, bổ khí. Người gầy huyết hư thịnh hỏa, nhất định phải tả hỏa mà bổ âm. Trẻ khỏe bệnh còn nhẹ, công ngọn có sợ gì. Già yếu, bệnh đã sâu, giữ gốc mới là phải. Người già khí hư nhiều, huyết ít, chỉ nên liệu cách điều hòa. Trẻ con thuần dương không âm chớ có quá tay công phạt. Miền Tây Bắc gió cao, đất ráo, khát, bí, ung nhọt thường đau sưng phù hay mắc phải. Cao lương thừa mưa, thanh nhiệt, thuận táo là thuốc thần tiên. Rau cháo lẫn hồi, trừ thấp, tán hàn là phương tuyệt diệu. Chao ôi! Bệnh có thứ nặng thứ nhẹ. Chữa cho phép chính phép tòng. Nhẹ thì cứ chính mà công, Nặng thì phải theo tòng mà chữa: Hàn phải dẫn bằng vị hàn, nhiệt phải dẫn bằng vị nhiệt; Tắc chữa nhân ngay thể tắc, thông chữa nhân ngay thể thông. Đập ghế mà thu được thần hồn của người khiếp sợ, tay lương y mới khéo làm sao. Sao hành mà khỏi được cơn đau của kẻ bị thương, viên quân lại thật tài quá đời. Chứng thì quyết người như chết thật, nhưng mạch chạy vẫn thường cứu huyết bách hội sẽ khỏi. Chứng đầy hơi thì cứ tức hoài, nhưng ăn uống không kém, dùng phép đạo dẫn sẽ lành. Đường tiết đi thất thường, chỉ vì chân thủy không vượng. Oẹ nôn ăn chẳng

để, thường là tà hỏa bốc xông. Hỡi ôi! Thuốc dùng không câu nệ thành phương, khỏi bệnh là hay, Phép chữa chẳng cố định nhận thức, tùy cơ ứng biến. Hoàng liên khổ sâm là vị hàn, sách dạy uống nhiều hóa nhiệt. Phụ tử, can khương là hai vị bổ, ai hay dùng mãi hại to. Đúng mà lầm rồi lầm mà đúng, phải rõ cơ màu. Hư thì bổ mà thực thì công, chớ dời phép gốc. Xưa dạy rằng: Đọc sách Trọng Cảnh phải hiểu ý của Trọng Cảnh. Tôi cũng khuyên: Theo phép Đan Khê phải có kiến thức của Đan Khê. Nói tóm lại: Thuộc phép chữa thương hàn, thì khi chữa tạp bệnh càng thêm rõ ràng. Thuộc phép chữa tạp chứng thì khi chữa thương hàn càng thêm chín chắn. Y đạo vốn nhất quán, định phép tắc nguyên từ các thánh xưa. Học tập phải dụng công, dù thông minh chớ nên cậy mình giỏi).

2902. **Chấp nhất:** độc đoán, chỉ cho mình, cho một phương pháp nào đó là phải.

Hiếu kỳ: thích việc lạ.

2903. **Cầu tốc:** muốn nhanh.

2904. **Sơn sắc:** hoảng hốt không có phép tắc gì cả.

2927. **Từ qui:** từ tạ ra về.

2930. **Bồn chôn:** vội vã, nóng vội. Xem ct 1088.

2939. **Vượt bầy:** vượt lên hơn hết mọi người, hơn hết chúng bạn.

2943. **Y bát chân truyền:** chỉ về sự học được thầy truyền phép bí, truyền chính đạo cho.

2944. **Chước bí:** phép sâu kín của riêng thầy, không phải ai cũng được thầy truyền cho.

2947. **Hạt luyện manh tu:** hạt là một mắt, manh là dui cả hai mắt. Đây ý nói chớ khinh kẻ dui mù tu luyện không nên nghề.

2968. **Mạnh lãng:** lỗ mỗ, không tinh ròng.

2980. **Tiêu diêu:** thanh thân đó đây, không bị bó buộc gì hết.

2997. **Sầy sầy:** cũng nói thái thái, nghĩa là đối đáp qua lại.

2999. **Quang âm:** đây nói ánh sáng mặt trời.

2012. **Hạnh thôn:** tức Hạnh Hoa thôn, chỉ nơi bán rượu ngon, là lấy ý từ thơ Đỗ Mục: Tá vấn tầu gia hà xứ hữu? Mục đồng giao chỉ Hạnh Hoa thôn = Uống hội quán rượu nơi nào có? Trẽ chẵn trâu chỉ thôn Hạnh Hoa ở đằng xa.

2015. **Lâm quân:** vua rừng, như chữ sơn quân.

3024. **Một ngày bằng ba tháng:** nói lòng trông mong lắm mà ngày hóa dài ra. "Kinh thi": Nhất nhật bất kiến như tam nguyệt hê = Một ngày không thấy nhau trông dài như ba tháng.

3030. **Chào rào:** đây nói ý trăm trở trao đổi, chuyện trò qua lại. Xem ct 3246.

3032. **Hồi ty:** tránh đi.

3034. **Lỗ bộ:** chỉ những đồ nghi vệ. Xem ct 573 B.

3038. **Chập chồng:** gập ghềnh, cao thấp không đồng nhau.

3046. **Kiện sừng sê:** ý nói kiếm cơ vu vơ mà bày trò kiện tụng người ta. Kinh "Thi": Thùy vị tước vô giốc, hà dĩ

xuyên ngã ốc? Thùy vị thử vô nha, hà di xuyên ngã dong?
Thùy vị nhữ vô gia, hà di tấc ngã tụng? Tuy tấc ngã tụng,
diệc bất nhữ tụng = Ai bảo chim sẽ không sùng (nếu không
sùng) nó lấy gì đục được nóc nhà ta? Ai bảo chuột không
nanh, (nếu không nanh) nó lấy gì đục được tường ta? Ai
bảo mây không có lẽ cưới xin, (như không có lẽ cưới xin)
mây lấy cớ gì đem tao đi kiện được? Mây dù đem tao đi
kiện, tao cũng chẳng theo mà lấy mây.

3047. **Xai nghi**: ngờ vực.

3126. **Tầm phào**: vu vơ, hão huyền. Xem câu 479 A.

3126. **Lung tình ăn chơi**: hóa ra buồn tuồng, không
biết kiêng sợ.

3135. **Dò dò**: đi quờ quạng, dò từng bước. Đây nghĩa là
qua loa.

3177. **Lam nham**: quấy quá, không tinh, không nhiều.

3187. **Tục y**: xem ct 1009.

3189. **Nho tran**: nói hạng nhà nho tài đức, của báu của
xã hội.

3192. **Doan ngo**: ngày mồng năm tháng năm, cũng gọi
là "trùng ngũ" hay "doan dương". Khuất Nguyên, trung
thần nước Sở, gặp thuở đời suy, hết sức can vua, vua không
nghe. Ông buồn phiền việc nước, làm sách "Ly tao" rồi
trầm mình ở sông Mịch La đúng vào ngày mồng 5 tháng 5
âm lịch. Nhân đó người nước Sở mỗi năm đến ngày trùng
ngũ có lễ đua thuyền, ý là để vớt thây Khuất Nguyên, từ đó
mà thành ra tiết Đoan Ngọ, lấy lá mồng năm chữa bệnh.

3221. **Hoắc loạn**: bệnh dịch tả.

3227. **Quân thần tá sứ**: cách phân bổ các vị thuốc
trong một thang.

3227. **Oan cừu**: oán thù

3227. **Cửu hận**: mang lòng hờn giận.

3227. **Âm tri**: chỉ cung điện Diêm vương. Xem câu 1950 B.

3228. **Quay chân**: buộc gò chân lại rồi lấy gậy quay cho
dây quần chặt nghiêng vào da.

Già hàm: già mồm, nói mạnh lấy được, không kể chi
phải trái.

3240. **Roi giảm**: roi dây da.

Đánh pha: đánh bữa vào, đánh túi bụi.

3246. **Chào rào**: cãi cọ làm ồn ào. Xem ct 3030, 881.

3255. **Rềnh rang**: cũng nói "rình rang", nghĩa là long
trọng, linh đình, quy mô rộng, có đông người.

3289. **Hoàng Cản**: khăn vàng. Cuối đời Đông Hán suy
vi, Trương Giốc ở Cự Lộc dùng phù phép bùa chú cầm đầu
hàng vạn người đội khăn vàng nổi lên chống triều đình.
Đây thực chất là một cuộc khởi nghĩa của nông dân.

Tướng rơm binh đậu: quân tướng do phù phép tạo
thành từ rơm và vỏ đậu. Chỉ những người khởi nghĩa theo
Trương Giốc.

3262. **Hỏa thán**: lửa than, đi trên lửa than đỏ rực.

3264. **Cung tiễn**: cung, tên bắn.

3266. **Nịch thủy**: chìm xuống nước.

3276. **Chuyên chữa**: tức là chữa chuyên, chữa bệnh
bằng pháp thuật. Xem ct 2140.

3280. **Lão tử:** Đạo giáo tôn Lão tử làm Thái thượng Lão quân, và nhận ông là tổ sư của đạo mình.

3282. **Thuốc đan:** thuốc tiên.

Bùa lục: tức phù lục, nghĩa là bùa chú của đạo sĩ.

3288-3291-3292. Trương Bửu, Khâu Khiêm Chi, Triệu Quý Nhân đều là những thuật sĩ nổi tiếng.

3303. **Bó giát:** bó thân người bệnh bằng những thanh tre mỏng ghép lại với nhau (giát) để làm phép chôn xuống đất.

Tréo leo: chòng chéo lấy nhau.

3311. **Hoạch tội ư thiên:** đắc tội với trời. "Luận ngữ". Hoạch tội ư thiên vô sở đảo giả = Đã mắc tội với trời, không thể cầu đảo nơi đâu được.

3317. **Đăng:** dụng cụ đan bằng tre để bắt cá, hình cái phễu cắm thành hàng để cá lọt vào mà bắt. Xem ct 411 A.

3226. **Vọng văn vấn thiết:** xem ct 188.

3332. **Quả báo:** chỉ điều được báo trả những điều mình đã làm trong kiếp trước. Xem ct 2069 A.

3333. **Oan gia:** nói nhà có thù oán.

3353. **Dương yên:** chỉ thuốc phiện.

3354. **Sức ghiền:** cơn nghiện.

3369. **Ac tăng:** thầy tu giả danh ở chùa để làm bậy.

3374. **Mông lung:** ý nói lung lạc (người đời) một cách vu vơ.

3375. **Họ Thích:** tức Thích Ca Mâu Ni, thủy tổ của Phật giáo, là con vua Suddhodana sống ở Bắc ấn vào thế kỷ thứ

VI tr. CN. Theo tục lệ thời bấy giờ, ngài kết hôn rất sớm, vào năm 16 tuổi với công chúa xinh đẹp, đức hạnh tên là Yasodhara, và đã có con. Sống trong cung điện với đầy đủ những thứ xa hoa tráng lệ, nhưng bỗng nhiên va chạm với thực tại cuộc sống và khổ đau của loài người, thái tử quyết định tìm đường ra khỏi nỗi khổ bao la này. Năm 29 tuổi, ngài bỏ cung điện vào Tuyết Sơn để tu hành trong 6 năm. Rồi một buổi chiều, ngồi dưới một gốc cây (từ đây được gọi là cây bồ đề) trên bờ sông Neranjara, ngài đã đại giác ngộ, và từ đây ngài được tôn xưng là đức phật. Năm ấy ngài 35 tuổi. Sau khi chứng đạo, suốt 45 năm ngài ra sức giáo hóa cho tất cả mọi tầng lớp không phân biệt thành phần giai cấp. Năm 80 tuổi đức Phật nhập diệt ở Kusinara.

3376. **Bồ tát:** người tu đã đến bậc tự giác được mình, đã đắc đạo, nhưng còn nguyện đi cứu độ chúng sinh.

Ba la: Tức Ba la mật đa, nghĩa là giác ngộ, đã qua được bờ bên kia.

3385. **Phật Đồ Trưng:** người ấn Độ, đến Trung Quốc vào năm Vĩnh gia thứ tư (310), rất được nhà vua sùng trọng, cho cùng thăng điện khi lâm triều. Phật Đồ Trưng có phép lấy bát nước, vẽ bùa đọc chú, trong bát nở ra bông hoa sen chói lọi.

3387-3388. Huệ Khả, ngày mồng 9 tháng mười hai đến hỏi đạo Bồ đề Đạt ma, đứng suốt ngày trong cơn mưa tuyết. Huệ Khả chặt tay, Bồ đề Đạt ma quay lại bảo: "Đừng đi tìm cái chân lý này ở kẻ khác".

3389. **Cửu ma:** tức Cửu ma la thập, người ấn Độ. thời Hậu tấn vào Trung Quốc, dịch rất nhiều kinh Phật.

3392. **Hoa trời bay xuống:** Theo: "Dư địa kỷ thắng", thời Lương Vũ đế, có vị pháp sư là Vân Quang ngồi giảng kinh trên núi Tụ Bảo sơn ở huyện Giang Ninh, tỉnh Giang Tô, giảng kinh mà cảm đến trời cho nên có mưa hoa rơi xuống. Núi này vì thế còn có tên Vũ Hoa đài, có nhiều đá hoa ngũ sắc. Theo "Pháp hoa kinh", Thích Tôn đang giảng kinh Pháp hoa trời mưa xuống bốn giống hoa, gọi là "vũ hoa thụ" (điêm lành mưa hoa). Đó là điêm lành thứ ba trong 6 điêm lành của kinh Pháp hoa. "Quan âm thị Kính": Mưa hoa rải khắp bên mình, nhấp nhô đá cũng xếp quanh gập đầu.

3393. **Tiêu Diện:** tức Lương Vũ đế, xem ct 949 B.

3397-3399. **Đạt Ma:** tức Bồ đề Đạt ma, người Ấn Độ đến Trung Quốc vào khoảng những năm 520-526 đời Lương Vũ đế, vua rất sùng mộ. Bồ đề Đạt ma đã trở thành sơ tổ của Thiền tông. Tại đây Bồ đề Đạt ma truyền cho Huệ khả nhi tổ tại Trung Hoa. Truyền thuyết nói sau 9 năm diện bích trên chùa Thiếu Lâm, Bồ đề Đạt ma vượt biển về quê hay đi đâu đó, lệnh dâng trên mặt nước mênh mông bằng một cành lau (gậy lách), phó mình mặc cho những ngọn sóng phiêu bồng, nhưng vẫn an nhiên tự tại. Cũng theo truyền thuyết, khi Bồ đề Đạt ma viên tịch, tay xách một chiếc dép về Tây phương.

3402. **Mục Liên:** tức Ma-ha-mặc-kiến-liên, người Ấn Độ, thành Phật, xuống địa ngục tìm mẹ, thấy mẹ ăn mày mà được bát cơm bưng ăn thì lửa cháy bùng lên.

3407. **Thiên Trúc:** tức Ấn Độ. Xem ct 498 B.

3405. **Vớt chìm:** chúng sinh như bị chìm đắm trong bể khổ. Phật nguyện cứu vớt chúng sinh.

3406. **Như Lai:** tôn hiệu đức Phật tư xưng và chỉ chung các đức Phật khác. Xem ct 203 B.

3411. **Quân thân:** vua và cha mẹ.

3413. **A di:** tức A di đà Phật, nghĩa là Vô lượng thọ Phật, hay Vô lượng Thanh tịnh Phật, tên một vị Phật (Amitabha).

3414. **Đổi phục:** thay đồ mặc, bận áo thầy chùa.

3415. **Vô phụ vô quân:** không cha không vua, là lời miệt thị của nhà Nho đối với những người đi tu đạo.

3417. **Hóa trai:** xin ăn, nói về kẻ tu hành.

2419. **Long tượng:** trong các A la Hán, kẻ tu hành dùng mãnh, có sức mạnh lớn hơn cả thì được gọi là long tượng, vì đi trong nước, sức rồng khỏe nhất; đi trên cạn, sức voi khỏe nhất.

3423. **Tu trì:** lánh trần tục, sửa lòng dưỡng tánh chuyên việc đạo đức. Xem các 359, 690, 1402 B.

3441. **Lanh chanh:** ở đây nghĩa là hấp tấp như trò trẻ con. Xem ct 2736.

3442. **Một phơi mười lạng:** "Mạnh tử": Tuy hữu thiên hạ dị sinh chi vật già, nhất nhật bộc chi, thập nhật hàn chi, vị hữu năng sinh giả già = Trong thiên hạ tuy có vật rất dễ sống, nhưng một ngày ấm và mười ngày rét, thì loài dễ sống đó cũng không thể sống và sinh sôi được. Đây ý nói việc học hành không thể vội vàng, hấp tấp, một ngày học, mười ngày chơi, không suy nghĩ gì đến sách vở, thì rút cục chẳng biết gì cả.

3444. **Thảo mảng:** ý nói khinh suất, luộm thuộm.

3392. **Hoa trời bay xuống:** Theo: "Dư địa kỷ thắng", thời Lương Vũ đế, có vị pháp sư là Vân Quang ngồi giảng kinh trên núi Tụ Bảo sơn ở huyện Giang Ninh, tỉnh Giang Tô, giảng kinh mà cảm đến trời cho nên có mưa hoa rơi xuống. Núi này vì thế còn có tên Vũ Hoa đài, có nhiều đá hoa ngũ sắc. Theo "Pháp hoa kinh", Thích Tôn đang giảng kinh Pháp hoa trời mưa xuống bốn giống hoa, gọi là "vũ hoa thụ" (diễm lành mưa hoa). Đó là diễm lành thứ ba trong 6 diễm lành của kinh Pháp hoa. "Quan âm thị Kinh": Mưa hoa rải khắp bên mình, nhấp nhô đá cũng xếp quanh gập đầu.

3393. **Tiêu Diễn:** tức Lương Vũ đế, xem ct 949 B.

3397-3399. **Đạt Ma:** tức Bồ đề Đạt ma, người Ấn Độ đến Trung Quốc vào khoảng những năm 520-526 đời Lương Vũ đế, vua rất sùng mộ. Bồ đề Đạt ma đã trở thành sơ tổ của Thiền tông. Tại đây Bồ đề Đạt ma truyền cho Huệ khả nhi tổ tại Trung Hoa. Truyền thuyết nói sau 9 năm diện bích trên chùa Thiếu Lâm, Bồ đề Đạt ma vượt biển về quê hay đi đầu đó, lênh đênh trên mặt nước mênh mông bằng một cành lau (gậy lách), phó mình mặc cho những ngọn sóng phiêu bồng, nhưng vẫn an nhiên tự tại. Cũng theo truyền thuyết, khi Bồ đề Đạt ma viên tịch, tay xách một chiếc dép về Tây phương.

3402. **Mục Liên:** tức Ma-ha-mặc-kiến-liên, người Ấn Độ, thành Phật, xuống địa ngục tìm mẹ, thấy mẹ ăn mày mà được bát cơm bưng ăn thì lửa cháy bùng lên.

3407. **Thiên Trúc:** tức Ấn Độ. Xem ct 498 B.

3405. **Vớt chìm:** chúng sinh như bị chìm đắm trong bể khổ. Phật nguyện cứu vớt chúng sinh.

3406. **Như Lai:** tôn hiệu đức Phật từ xưng và chỉ chung các đức Phật khác. Xem ct 203 B.

3411. **Quân thân:** vua và cha mẹ.

3413. **A di:** tức A di đà Phật, nghĩa là Vô lượng thọ Phật, hay Vô lượng Thanh tịnh Phật, tên một vị Phật (Amitabha).

3414. **Đổi phục:** thay đồ mặc, bận áo thầy chùa.

3415. **Vô phụ vô quân:** không cha không vua, là lời miệt thị của nhà Nho đối với những người đi tu đạo.

3417. **Hóa trai:** xin ăn, nói về kẻ tu hành.

2419. **Long tượng:** trong các A la Hán, kẻ tu hành dùng mãnh, có sức mạnh lớn hơn cả thì được gọi là long tượng, vì đi trong nước, sức rồng khỏe nhất; đi trên cạn, sức voi khỏe nhất.

3423. **Tu trì:** lánh trần tục, sửa lòng dưỡng tánh chuyên việc đạo đức. Xem các 359, 690, 1402 B.

3441. **Lanh chanh:** ở đây nghĩa là hấp tấp như trò trẻ con. Xem ct 2736.

3442. **Một phơi mười lạnh:** "Mạnh tử": Tuy hữu thiên hạ dị sinh chi vật giả, nhất nhật bộc chi, thập nhật hàn chi, vị hữu năng sinh giả giả = Trong thiên hạ tuy có vật rất dễ sống, nhưng một ngày ấm và mười ngày rét, thì loài dễ sống đó cũng không thể sống và sinh sôi được. Đây ý nói việc học hành không thể vội vàng, hấp tấp, một ngày học, mười ngày chơi, không suy nghĩ gì đến sách vở, thì rút cục chẳng biết gì cả.

3444. **Thảo mảng:** ý nói khinh suất, luộm thuộm.

3447. **Thiện ác dào đầu:** thiện ác đảo đầu chung hữu báo, nghĩa là làm điều lành lẫn điều dữ, rốt cuộc đều có quả báo. Xem ct 161 B.

3452. **Nhà túc:** nhà nghỉ tạm.

3454. **Thiên minh:** trời sáng ra.

3469. **Khôi khôi:** cao lớn, đẹp đẽ.

3472. **Tỳ hộ:** che chở.

3490. **Cùi dày làm ăn:** ý nói cần cù làm ăn.

3456. **Vắng hoe:** vắng ngắt, vắng vẻ quá. Xem ct 825 A, 1237 B.

3489. **Lãng xãng:** bộ đi lại bồng nhãng.

3492. **Mân phong thói cũ:** lễ thói làm ăn của đất Mân đời nhà Chu. Xem ct 2845.

35000. **Sùng phụng:** thờ cúng một cách kính cẩn.

Cất chí: xây dựng làm chí.

3502. **Tư Mạo:** Tôn Tư Mạo, người đất Hoa Nguyên đời Đường, thông bách gia chư tử, sành học thuyết Lão Trang, ẩn ở núi Thái Bạch. Tùy Văn đế có chiếu mời ông ra làm Quốc tử bác sĩ, ông không nhận. Vào năm Hiên Khánh, vua lại xuống chiếu mời ông nhận chức Giám nghị đại phu, ông cũng cáo từ trở về núi. Ông sành về môn thuật số và làm thuốc. Có sách "Ngân hải tinh vi" và "Thiên kim yếu phương" truyền ở đời.

3503. **Hoàng sào:** lãnh tụ nông dân khởi nghĩa, người đất Tào Châu. Đời Đường Hy Tông, ông đem quân đánh chiếm Hà Nam, Giang Nam... lấy Lạc Dương, vây hãm

kinh đô Trường An. Vua Đường phải chạy vào đất Thục. Hoàng Sào tung hoành trong mười năm trời, sau bị Lý Khắc Dụng, tiết độ sứ trấn Đại Đồng đem quân về đánh bại. Hoàng Sào tự vẫn.

3521. **Oan oan tương báo:** kẻ gây ra nỗi oan này, thì lại phải chịu nỗi oan khác, như vay rồi phải trả.

3524. **Quốc thủ:** người tài giỏi của cả nước.

Họa mộn: cửa họa, tức là chỗ rước lấy tai vạ.

3525. **Sồn sồn:** chưa chín, không đến nơi đến chốn.

3529. **Thanh Ô:** tức Thanh Ô tử, người đời Hán, tinh thông thuật địa lý. Có sách "Táng kinh" truyền ở đời.

3530. **Kham dư:** thuật xem địa lý, tức xem đất lấy huyết.

3532. **Rồng rồng:** chàng ràng, tạp nhạp, nhiều mà không chắc. Xem ct 1026 và câu 2887.

3546. **Biết thời làm biết:** "Luận ngữ": Tử viết: "Do, hỡi nhữ tri chi hồ? Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri giả = Khổng tử nói rằng: "Tử Do, dạy cho người cách hiểu biết chăng? Biết cái gì nhận là biết, chẳng biết cái gì nhận là chẳng biết, như thế là biết vậy".

3563. **Sinh nghiệp tử nghệ:** sinh sống bằng nghề gì, thì tất sẽ chết về nghề đó.

3567. **Vận kiến thời quai:** thời vận ngang trái.

3584. **Lây lất:** bỏ qua, chẳng lo gì, gặp sao hãy vậy.

3581. **Thầy rừng:** thầy lang bام, dùng lá cây rừng chữa bệnh.

3592. **Mân coi ra kiển, lỗ nhìn ra ngư:** ý nói học còn dốt, còn nhận nhầm mặt chữ. Mân với kiển; lỗ với ngư mặt chữ gần giống nhau.

3602. **Hình hươu:** "Sử ký": Triệu Cao muốn làm phản, nhưng sợ các quan không nghe, nên trước tiên phải thử. Y dâng Nhị Thế (vua Tần) một con hươu mà bảo đó là con hươu. Nhị Thế cười nói: "Thừa tướng lầm đấy chứ! Sao lại gọi con hươu là con ngựa?" Nhị Thế hỏi các quan xung quanh. Mọi người sợ phải im lặng. Có người nói là ngựa để vừa lòng Triệu Cao, cũng có người nói là hươu. Nhân đấy Triệu Cao để ý những người nào nói là hươu để dùng pháp luật trị tội.

Lốt chó: đời Hán, các quan hầu cận vua như thị trung, trung thường thị... đều đội mũ có cắm đuôi con diều làm ngù ("diều" là giống động vật thuộc loài chuột ở rừng xứ lạnh, lông dài, vàng hoặc đen tía, đuôi to, người ta săn lấy da đem thuộc để choàng cho ấm). Đến đời tấn sau khi cướp được ngôi Huệ đế, bè đảng của Triệu Vương Luân đều lên chức khanh tướng, cả bọn lính hầu cùng bọn tôi tớ phục dịch cũng được phong tước. Mỗi khi triều hội, quan chức đội mũ đuôi diều ngù đầy cả. Thời bấy giờ có câu ngạn ngữ chế giễu rằng: "Điêu bất túc cầu vĩ tục" = đuôi diều không đủ, lấy đuôi chó nối vào.

Đây nói "hình hươu lốt chó", là chỉ những mảnh khoe, thủ đoạn xảo diễn trong quan trường, trong xã hội đương thời.

3606. **Vẽ hùm ra chó:** ý nói không có thực tài, thực học tất nhiên kết quả công việc là tồi, hỏng.

3637. **Công thơ:** ra công học tập, đọc sách.

PHẦN THỨ BA

PHỤ LỤC

- * **Ngữ vựng Nguyễn Đình Chiểu Toàn tập**
- * **Niên phổ Nguyễn Đình Chiểu**
- * **Phụ bản: 6 ảnh của các bản ZfC và ZfD**

NGŨ VỤNG NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TOÀN TẬP

Ngũ vụng sẽ liệt kê những điển cổ, những từ ngữ gốc Hán, những từ ngữ dân gian miền Nam cùng với một số thuật ngữ y học thông dụng nhằm phản ánh một cách tổng quát từ ngữ của *Toàn tập* để giúp bạn đọc có thêm tài liệu nghiên cứu.

Số từ ngữ đã chú trong phần đầu giải nghĩa chỉ kèm theo những câu đầu. Những từ ngữ khác sẽ ghi thêm cả số câu mà từ ngữ đó được sử dụng. Trước những số câu có ghi tự mẫu ký hiệu của mỗi tác phẩm (1).

A

A-di A:803, D:3413
A giao B:3329,
A men B:24

A ngày B:1924, D:2190
A-phòng D:XII-3
A khôi B:3130

- 1 - A: tự mẫu ký hiệu tác phẩm *Lục Vân Tiên*
B: tự mẫu ký hiệu tác phẩm *Dương Từ-Hà Mậu*
C: tự mẫu ký hiệu tác phẩm *Thơ-Văn tế*
D: tự mẫu ký hiệu tác phẩm *Ngũ Tiểu văn đáp nhơn y điển*
ca.Xem các điểm 19 và 20 phần *Phạm lệ* (Tập I).

Ấc tăng D:3361
 Ấc thú B:321
 Ai hoài A:1077
 Ai bắc D:VI-3
 Ai hổ B:766
 Ai lang B:766
 Ai nữ A:1024
 Ai quan A:1512
 Am mây A:1150, B:194
 Am Hán chùa Lương
 D:III-12
 Am tự A:1196, B:190
 Am vân B:2757
 An dinh A:806
 An lái C:XL-8
 An nhượng C:XLIV-23
 An sanh B:883
 Ấn đồ C:XIII-40
 Ấn tào B:1670
 Anh hài 2583
 Anh hào A:117, C:II-1
 Anh linh B:1018
 Anh Tấn em Tấn
 C:XVII-30
 Áo cầu A:518
 Áo thùng A:571
 Ăn chay B:1663
 Ăn chay nằm đất B:3168
 Ăn rau non Thú D:2672
 Ăn tuyết nằm sương
 C:XIX-21
 Âm binh B:1198, 1726
 Âm chất C:XLIV-37
 Âm cung A:1344
 B:3312
 Âm dung C:XLIV-21
 Âm dương B:332
 Âm đài B:1490
 Âm đức D:3338
 Âm hao A:56; B:137;
 D:210
 Âm hình B:1998
 Âm hồn C:XLIV-18
 Âm linh B:1804
 Âm lời B:1901
 Âm phù C:XLIV-36
 Âm phủ B:1482
 Âm quân B:1318
 Âm ti A:2013; B:1510;
 D:3424
 Âm trì B:1950
 Âm tướng B:1726
 Âm đầm B:2874
 Âm lạnh A:1428; B:184,
 2542; D:1097
 Ân khoa B:2932
 Âm tình thế lợi A:1020
 Ân cư D:11
 Ân dật A:1102
 Ân tàng A:506
 Ân A:763
 Ân rộng B:3415
 Âu A: 114; B:670 ;
 C:VI-8; D:464
 Âu lo A:544

B

Ba giếng B:591
 Ba la D:3378
 Ba ngàn thế giới B:496;
 D:1500
 Ba lược sáu thao A:14
 Ba quan A:1787
 Ba tài D:404
 Ba trường B:2967
 Ba vua năm đế B:2224, B:I
 Ba xuân A:1580
 Bá đạo B:534; C:XVII-10
 Bá vợ bá vất A:716
 Bạc rồng A:695
 Bách châu B:2555
 Bách chiến C:XL-1
 Bách gia D:891
 Bách quan B:2359; D:3614
 Bạch B:370
 Bạch câu C:XIX-1
 Bạch đế B:1250
 Bạch quỷ C:XIX-1
 Bách công kỳ nghệ D:3316
 Bạch thỏ B:1311
 Bạch trú C:XLIV-10
 Bài biếm B:1120
 Bài vị A:2010; B:3167
 Bái tạ B:2721
 Bái xái C:XXXI-29
 Bại lễ loạn luân B:1972
 Bàn cổ A:798
 Bàn cờ thế C:XX-2
 Bàn độc C:XVIII-21
 Bàn thạch A:1650
 Bán dạng C:XLIV-35
 Bán tín bán nghi A:1657
 Bàng Quyên A:470
 Bảng hổ B:2951
 Bảng lảng lơ lơ A:1863
 Bảng nhãn B:3128
 Bảng phong thần C:XXXI-6
 Bảng vàng A:1214; B:819
 Bành Tổ D:1432
 Bánh mì B:1049; C:XVIII-22
 Bánh vẽ B:2832
 Bao tấu bầu ngòi C:XVIII-12
 Bào đệ C:XVII-1
 Bào Hy D:1453
 Bảo an C:XXXVI-3
 Bảo đạo D:2824
 Bảo hộ A:1466
 Bảo thân D:2823
 Báo đức thù công A:173
 Báo hi C:XIII-4
 Báo hiệu A:590
 Báo tai C:XIII-4
 Báo ứng A:1992; B:3453;
 C:XLIV-10; D:1940

Bợ C:II-3
 Bùa chú A:788
 Bùa dẫu B:2424
 Bùa linh B:1182

Bùa mê B:2203
 Buồn trâu đầy cột D:880
 Buồng lung D:1338
 Bùn than D : 7

C

Ca ca A:2059
 Cá núp trong nò C:XVII-20
 Cái đồ B:1885
 Cái xên con rã C:XXXV-8
 Cam La A:1191
 Can có C:XIII-21
 Can chi A:721;D:640
 Can qua A:1872;B:760
 C:XIII-36;D:2790
 Can thành B:860
 Can tương C:XXXI-11
 Càn khôn C:XLII-2
 Canh Đan Thổ C:IV-5
 Cao Dương(họ) D:1019
 Cao tăng tổ khảo B:2137
 Cao tổ A:1600
 Cảo Khanh D:2735
 Cáo tạ A:1311
 Cát hung B:227
 Cáo B:2404;D:20
 Cày mây câu nguyệt A:518
 Cẩn duyên B:1398
 Cẩn số B:334
 Cầm B:1599
 Cáp dùi Bác lã C:XLI-4

Cầm dẫn B:2670
 Cầm đuốc chơi đêm B:II
 Cầm lòng C:XIII-13
 Cầm sắt A:346
 Cầm văn B:XIII-5
 Cân phân B:3444
 Cân Yên tử B:XVIII-5
 Cẩn nhiệm A:1507
 Cật C:XVIII-12
 Câu dầm A:970
 Cầu Lam A:1356
 Cầu nghiêm B:1622
 Cầu tự C:XVII-4
 Cây thương C:XXXI-19
 Cha B:2201
 Cha Hồ mẹ Hán C:XVII-30
 Chác C:XVII-15
 Chài B:3288
 Chàng ràng A:550;B:1040;
 C:XXV-1;D:174
 Chạng mảy D:1568
 Chánh lành B:2506
 Chánh lộ B:248
 Chánh dữ quá cộp vàng
 B:763

Chánh tà A:299;B:XII-6
 Chào rào D:881
 Chay đàn A:1632
 Chấn dân A:1268;B:1380
 Chằng dă A:1002
 Chằng khứng A:51;B:697;
 D:2661
 Chằng phen A:1591
 Chấn mạch D:2576
 Chấn tế B:955
 Chấn thải B:2373
 Chấp nhứt A:1615;D:2902
 Chập chồng A:1058;D:2038
 Châu Công D:1293
 Châu Diệc A:717
 Châu liêm D:3459
 Châu luy A:1172
 Châu phê A:1390
 Chậu úp A:1924
 Châu Trần B:2943
 Chầy chầy B:2296
 Chầy B:788
 Chém rắn đuổi hươu
 C:XVIII-8
 Cheo A:1066
 Cheo leo B:2243
 Chèo bách B:885
 Chèo quế A:1052
 Chề bề A:1978
 Chế khoa B:373
 Chếch mác B:2830
 Chi lan B:554;D:1205
 Chỉ nam xa B:809
 Chí lăm C:XXXI-11
 Chia bầu A:1728
 Chiên cầu D:2797
 Chiến lật C:XLIV-20
 Chiến quốc D:2674
 Chiêu mộ C:XVIII-10
 Chiêu Quân A:1401
 Chim chíp C:II-5
 Chín D:1699
 Chín coi D:2401
 Chín lo D:128
 Chín chữ cù lao A:585;B:2717
 Chín trắng A:1702
 Chín trời B:1192
 Chín trời mười đất B:3371
 Chín trùng A:1934
 Chín chuyên A:1606;B:1378;D:490
 Chinh đông B:859
 Cho bề A:452
 Cho hân B:2308
 Chó gà Tê khách D:XIV
 Chôn ngọc vùi cãm D:105
 Chớ e hỏi dưới D:1212

Chơi mây A:432; B:663;
D:1421
Chộn rộn B:2081
Chu Công D:1293
Chùa rách Phật vàng A:505
Chùa Tôn Thạnh C:XVIII-23
Chúa Bà B:971
Chúa Mẹ B:2188
Chúa đông A:1577
Chúa trời B:236
Chúa xuân A:1575;
D:VI-2
Chúc nguyên A:282;
B:2079
Chung tư trập trập D:72
Chúng sinh B:1650;D:3344
Chùy Bấc-lăng sa D:2727
Chuông vàng mỡ ngọc
B:1090
Chuyển chệ B:2971
Chư gia B:3
Chư hữu A:852
Chư linh B:799
Chư sư D:2176
Chư tiên B:1060
Chữ tông A:244
Chữ dạ B:1359;C:XVII-36
Chưa hân A:151;
B:1713
Chữa chuyên D:2140;
A:750;B:1550
Chức A:246
Chưn trắng B:1984
Chương khuê D:2698
Cò thi A:727
Coi đào D:1231
Côi Di côi Hạ B:438
Côi mây mưa B:327
Con tạo A:1061
Côi thiên B:1861
Côi thọ B:2136
Con cúi C:XVIII-13
Con đồ C:XVIII-26
Con tạo A:1061;B:3269
Con trốt C:XLIV-19
Cọp đào B:2054
Cô bông A:936;B:828
Cô nhi B:XXXI-16
Cổ đồ bát bửu A:1636
Cổ cầm D:2024;B:472
Cổ hương B:1684;C:XLIV-16
Cổ nhơn A:274;B:1302
Cổ tri A:439;B:306;D:40
Côi cút C:XVIII-3
Cội dục B:XXI
Công cổ B:1749
Công cán C:XXXII-3
Công chúa A:805
Công đảng (đường) B:2985
Công hầu A:520;B:621

Công môn B:2942
Công phủ B: 568
Công thành thân thoái
B:874
Công thơ D:3637
Công toại danh thành A:559
Công truyền D:885
Công trình B:3024;C:XXII-2
Công tử C:XXXVI-4
Cốt cách B:92
Cơ binh C:XIX-29
Cơ lữ C:XXI-5
Cờ vương D:3034
Cờ tam sắc C:XXXVII-5
Cơ trá đa môn B:2177
Cơ trời D:1919
Cờ tiết Tô lang D:2729
Cờ tứ quý B:1276
Cớ sự B:601 D:15
Cù lao chín chữ A:585
B:2717
Cửa hoạch B:2636
Cửa nhiều trăm xe A:2044
Cùi dày làm ăn D:3490
Cung bích D:2888
Cung càn A: 735
Cung kiếm C: XLI-5
Cung ngao lâu thần
C: XLIV-21
Cung quế A:409
Cung thiêm B:3130
Cũng nhằm B:3009
Cư nhơn do nghĩa C:XIII-12
Cư tang A:1264
Cử nhơn A:854;B:2981
Cửa sổ ngựa qua A:1305
Cửa thiên B:374
Cửa tía B:1761
Cửa võ A:428
Cương thường B:I; C:XXXII-4
D: 15
Cưỡng gian không nghi
A:1160
Cưu B:II;C:VI-7;D:1445
Cưu hận D:3236
Cưu mang A:1347
Cưu họ Ngũ C:XLIV-6;
Cưu lưu C:XLIV-6;D:III-12
Cưu trùng B:3358
Cưu tuyền A:1456;B:1952

D

Da ngựa bọc thây
C:XXVIII-3
Da Tô B:9719
Dã hạc A:719
Dã mã C:XLIV-35
Dạ đài A:1814;
C:XXXVIII-7
Dạ sắt C:XLV-4

Dạ thổ A:1247
 Dạ Xoa B:1518
 Dãi dầu A:81
 Danh nhu A:1033
 Danh tạc bia son B:2961
 Danh tánh A:295
 Danh y D:3640;B:31
 Dao trì B:2266
 Dao tu C:XVIII-12
 Đào A:1175
 Dáo giác C:XV-4
 Dầu dầu A:602;650
 B:1426;1703;C:XXXII-2
 D:1165
 Day C:XIV-2;D:1615
 Day đồng B:III;
 C:XXIV-4;C:XXXI-25
 Dặm liễu đường hòe A:335
 Dặm liễu đường lê D:2648
 Dặm trường A:838
 Dàn B:I;C:XXVII-8
 Dẫn thúc C:XXVIII-1
 Dân an nước trị B:946
 Dân ấp dân lân C:XVIII-10
 Dân cười sĩ chê B:636
 Dân di B:1667
 Dân đen C:X-7;D:650
 Dân gầy nước ốm B:870
 Dân phong B:444
 Dân thứ C:XVII-14
 Dẫn khấu nhập đình
 D:1654
 Dẫn lộ B:1072
 Dập dìu B:1626
 Dẫn lân A:1564
 Dật dờ A:554;B:1768;
 C:XVIII-24
 Dâu Nam giản A:354
 Dấu lân diêm phụng D:XI
 Dấu thổ đường dê A:249
 Dấu xe hành đạo B:IV
 Dây tơ hồng A:330
 Dây đỏ vấn chân B:2959
 Dây dầy B:394
 Dấy loạn A:1372;B:1751
 Dấy phụng rời giao D:100
 Dẽ mây B:1907
 Để đuôi D:2717
 Di Đà B:362
 Di Hạ B:438;D:18
 Di Lạc B:XXXI-13
 Di luân D:2716
 Di Tề A:511;D:XVIII-6
 Di Tôn A:1602
 Dị đoan B:5;D:2138
 Dị Ky A:1600
 Dị nhân A:1238
 Dịch kinh D:408
 Diêm la D:3428;B:334
 Diêm vương A:772;B:1481
 Diên Thọ A:1402
 Doãn Phủ A:1598
 Doi A:967
 Doi vịnh D:34

Dom beo trong ống A:1060
 Dón D:269,756
 Dón bàn D:756
 Dợn D:1022
 Đồng châu A:638;B:2720
 Dôi A:342
 Du Di B:984
 Du minh (ngày chủ nhật)
 B:229
 Du hồn C:XLIV-21
 Du phủ D:966
 Du quan B:1138
 Du phương B:547;D:89
 Du sĩ D:III
 Du thần A:1077
 Dũ xuất dũ kỳ A:227
 Dùi Bắc lăng C:XLI-4
 Dùn D:1410
 Dung nghi A:1836
 Dung nhan B:680
 Dung y D:1878
 Dừng dằng B:643
 Dững tuyên D:1560
 Duồng D: 1694
 Duồng gió D: 2150
 Duyên cầm sắt A: 346
 Dự Nhượng C:XXX-4
 Dừa chia khăn xé
 C:XXXI-24
 Dừa chín cuống rời D:2389
 Dững dưng dưng A:1993;B:1753
 Được tánh B:XV-3
 Dương danh B:3157
 Dương đài B:1158
 Dương gian A:954;B:1136
 Dương Mặc Thân Hàn
 B:452;D:IX-2
 Dương minh D:499
 Dương Nghiệp C:XXVII-5
 Dương quan B:3234;C:VII-2
 D:137
 Dương quân B:1304
 Dương thế B:2014
 Dương trần A:810;
 B:3217
 Dưỡng dục A:624
 Dưỡng thần B:1466
 Dưỡng tử B:2462

D

Đá lặc dầu C:XVII-2S
 Đa đoan A:483
 Đá nát vàng phai A:1813
 Đá nệm cây mùng B:2336
 Đa ung B:1752
 Đại Tử Lộ A:82
 Đài các A:1544
 Đài Dương B:1458
 Đài dằng B:2895
 Đài đưa B:2286
 Đáy chốt C:XVII-29
 Đại khoa A:358;B:3008

Đại thơ B:1769
 Đại sư B:360
 Đại Thánh tể thiên A:799
 Đàm tiểu B:642
 Đan trì B:3363
 Đàn cuộc D:3154
 Đàn khê C:VI-5
 Đàn thổ C:IV-5
 Đàng chim dấu thổ B:322
 Dành rành B:114;C:XVIII-28
 D:1582
 Đánh phiên dẹp loạn B:2216
 Đánh chiêm giống trống
 D:3255
 Dao bút B:1745
 Dao phủ B:594
 Đào công B:XVIII
 Đào liễu B:3114
 Đào nguyên B:XXXII-5
 Đào thơ A:167
 Đào yêu B:2888
 Đạo Chích C:XXVIII-4
 Đạo đời B:449; D:14
 Đạo hằng B:8
 Đạo hỏa A:773
 Đạo học B:4
 Đạo hữu D:1601
 Đạo nguyên B:VI
 Đạo sĩ A:754;B:414; D:3251
 Đạo tặc C:XXXI-29
 Đạo tâm D:2853
 Đạo thống D:179
 Đạo thường D:812
 Đạo vị B:XIII-6;D:2628
 Đạo vương C:XLIV-32
 Đạt ma D:3397
 Đau xăm D:2362
 Đau xăm xỉ D:2396
 Dây cơm bầu nước B:292
 Đăm lung D:2039
 Đăm rượu tham hoa D:1370
 Đẳng trình A:46;B:189
 Đẳng nhàn B:339
 Đắp đổi D:2228
 Đặt trộm C:XXXV-7
 Đăm đăm A:1672;B:1308
 Đăm lộc mê Ngu Thuấn
 C:VIII-5
 Đất khách A:830;B:2134
 C:XIV-3
 Dầu A:488;C:XVIII-23
 Dầu công A:545
 Dầu ngao B:3127
 Dầu thai B:34
 Dầu thang A:658
 B:2286
 Dầu trâu mặt ngựa B:1518
 Đầy đưa B:2286
 Đẻ trứng nghìn cân
 C:XXXI-14
 Đen kịt B:770
 Đèn ngân đước ngọc B:1029
 Đèn Thái Bạch C:XIII-35
 Đèn trời C:XLIV-18
 Đèo bông A:2058
 Đề huê A:1894;B:292;
 D:1190

Để dạ A:286
 Để tầm B:685
 Dền rồng B:3409
 Dền son B:1761
 Địa chi D:171
 Di ruộng B:2416
 Địa hãm thiên bằng
 A:878
 Địa ngục B:12
 Địa phủ B:1573
 Địa quật hữu giai B:1492
 Địa tạng vương B:1143
 Dịch khái C:XIII-38
 Dịch vực C:XLIV-13
 Điểm đàn B:1642
 Diệp tin C:I-1
 Điều Thuyền A:1252
 Điều lý D:2411
 Điều phạt C:XLIV-23
 Điều tuất B:XLIV-25
 Đình ninh B:2029;D:3544
 Đình trưởng(dùng thuyền)
 A:1013;B:843
 Đình Chu người Sở hỏi
 D:VII-3
 Đò thông B:829
 Đồ phùng phùng A:127
 Đồ,đăng A:411
 Đoái B:2292
 Đoái hoài A: 514; B:1404
 Đoàn viên A: 1724
 Đoạn kinh bộ hồ C: XVIII-9
 Đoạn tràng A:556
 Đồi cơn A:260
 Đồi cuộc đồi đàn A:698
 Đồi đoạn C:XLIV-35
 Đồ thơ A:468;D:408
 Đồ thơ Hà lạc D:408
 Đồ thừa A:2030
 Đôi riu cuối một cội
 C:XVII-8
 Đối xây A:1350;D:449
 Đối chứng lập phương
 D:743
 Đồn điền C:XXV-3
 Đông Chu D:III
 Đông hoàng B:289;D:242
 Đông pha C:XIII-14
 Đông quân D:1120
 Đông sàng A:354
 Đông bóng D:2142
 Đồng du D:2817
 Đồng đạo A:1218;B:32
 Đồng tâm A:535; B:2264;
 D:1204
 Đồng tịch đồng sàng
 A:1303
 Đồng tử A:872;B:76;D:1570
 Đồng trụ B:1917
 Đồng công A:1935
 Đồng Hồ D:2726
 Đồng tử A:495
 Động đình Xích lân A:808
 Động khẩu B:916

Động mây B : 921
 Động môn B:906
 Động phòng A:1634;
 B:3446
 Đột sâu làm gổ B:3266
 Đơm quảy B:3337
 Đơn quế A:377
 Đục trong A:29;B:287
 D:1134
 Đùm đậu C:XVII-20;B:3155
 Đước Điền Đan C:XIII-35
 Đước hoa B:3445
 Đước ngọc B:1029
 Đuối hươu D:XII
 Đức Bà B:2290
 Đức chúa B:24
 Đức mụ B:2080
 Đức thầy B:35
 Dương minh B:1323
 Dương xuê B:3185
 Đường chim dấu thỏ
 B:322
 Đường có ngã ba B:657
 Đường cung A:1235
 Đường ba ngã Châu khốc
 B:VII
 Đường huỳnh D:1585
 Đường mây A:631
 Đường Nghiêu C:XLVI-4

E

Ên nằm trên gác C:XVII-20
 Ên vào nhà khác C:XXXVI-5
 Êo uột B:2092
 Ê hê A:453
 Êch giếng D:3604
 Êm huyết D:2163
 Êm quỷ A:762;B:1568

G

Gà hạc khác ngôi B:2453
 Gà A:108;B:2613
 Gà lời A:981
 Gác vàng C:VII-8
 Gai mắt A:1964; D:2664
 Gái hiền trong sách
 B:2962
 Gạn hỏi B:3349
 Ganh ghẻ D:1222
 Gạo lứt D:3211
 Gay A:1052
 Gan vàng A:1298
 Gành hạc bãi âu B:891
 Gấn vó B:1690

Gập nân trút dấy D:1276
 Gấm ghé B:1654;C:XXXI-25
 Gậy tầm long C:XIII-23
 Gậy thiền B:814
 Ghe keo D:2712
 Ghe phen A:1930;B:373;
 C:XIII-14
 Gia Cát A:493;C:V-5;
 D:IV
 Gia đạo B:170
 Gia đường B:3120
 Gia giáo C:XVII-34
 Gia huấn B:2507
 Gia hương B:351
 Gia môn C:XVII-17
 Gia nương B:2955
 Gia thần A:1320
 Gia truyền D:3077
 Gia tôn B:2941
 Gia tướng B:2498
 Già hàm D:4238
 Già lam B:1395
 Giải nạn cứu tai D:2164
 Gian thương đạo tái
 C:XXXI-17
 Giản nước Tê D:2723
 Giang hải C:XLIV-21
 Giang hồ B:527
 Giang sơn B:389;C:X-2
 Giao bàn D:8
 Giao bôi B:1059
 Giao hòa A:1382
 Giao sách trùng A:740
 Giáo thọ B:2620
 Giáp tý B:3211
 Giày sành đập sỏi A:1647
 Giày sường D:VII
 Giặc cỏ C:XXVI-3
 Giảng giảng B:2417
 Giảng giỏi A:1646
 Giấu mồi D:893
 Giê D:585
 Giềng mối B:XIX
 Gìn lòng B:356;D:1339
 Gìn nuôi D:1262
 Gió đông B:2516
 Gió hạc C:XXIX-2
 Gió thổi mây tuôn B:3265
 Gió thu C:XXXII-7
 Gió thụy B:556
 Gió tre D:247
 Giọng lý B:2016
 Giọt châu A:1341
 Giọt lụy C:X
 Giồi B:19;D:3470
 Giồng C:XXXVII-5
 Giồng cát C:XXVI-5
 Giồng gạch C:XL-6
 Gior chà B:2815
 Giới đao B:388
 Giới cấm B:358
 Giỡn sóng chơi mây A:432
 Giữ dạ ghi lời A:1329

Gót lân A:2082;B:157
D:1416
Gốc lớn vững trồng
D:1305
Gối loan trướng phụng
B:3446
Gối ngõa C:XIII-23
Gối phụng A:1622
Gối sách A:1635

H

Hạ Cơ A:1597
Hạ điền B:3176
Hạ Vũ C:X-8
Hai bảy A:326
Hai mươi bốn hiếu B:XXV
Hai mươi bốn thảo A:1704
B:2732;D:1302
Hai nghi B:2734;D:393; D:1483
Hai thân A:2736
Hai rằm A:849
Hái rau non Thuần D:28
Hàn hồi B:1345
Hàn Dũ A:499;B:606
Hàn môn D:730
Hàn sơn B:544
Hàn tử B:606
Hàn A:151
Hàn huyết chi tài D:1323
Hàn ngư sung đồng D:1018

Gửi B:677
Guộn mây C:XXXVI-4
Gươm báu Can Tương
C:XXXI-11
Gươm Dự Nhượng
C:XXX-4
Gươm Hứa Chữ C:XI-7
Gương vàng A:1966
Gương thiềm D: XIX-4

Hán đình hầu C:VI-6
Hán Đường B:1905
Hán thất C:V-5
Hán Vinh bình B:947
Hang trống tiếng chân
D:112
Hạn trông dào A:1175
Hạng Võ (Vũ) A:1014;
B:844
Hành biên B:2383
Hành đạo B:IV-4
Hành tàng D:2690
Hành trang B:377;D:226
Hành trình B:1010
Hạnh Ngươn A:1403
Hạnh thôn D:3012
Hào A:1798
Hào hoa A:1386
Hào quang B:1296

Háo nghĩa lạc quyền
C:XXXI-17
Hát rập B:890
Hạt luyện manh tu D:2945
Hay chữ B:2638
Hằng A:474;B:1736
Hằng Nga B:3188
Hầm hầm D:1877
Hầm hút A:958;B:2295
Hận thẳng Nô C:XLIII-4
Háng hăng B:1932
Hầu A:1442;B:2330
Hầu già B:17
Hầu sa B:2321
Hầu tra B:566
Hậu đình B:2919
Hậu đàng A:35;B:2939
Hậu Tắc B:XIV
Hậu tập A:1762
Hậu thê B:736
Hậu viện B:1466
Hẹn người tới vườn dâu
A:1592
Héo don A:828;B:1988
Hê A:791
Hệ C:XXII-2
Hi Di D:IV
Hiên,Kỳ D:284
Hiển dương B:468
Hiệp hòa B:2924
Hiệp sinh D:2195
Hiếu để thành phong B:745

Hiếu hạnh B:722
Hiếu hòa B:734
Hiếu sanh D:1220
Hiếu thân B:2305
Hiếu thuận D:1288
Hiếu trung B:632
Hiệu lực C:XVIII-18
Hình hài C:XXXVIII-3
Hình hươu lột chó D:3602
Hiu hắt C:XLIV-18
Họ Đào vận bịch D:XIII
Họ Hàn B:440
Họ Ngu D:1297
Họ Vương Phần Hà D:2683
Hoa bút B:2608
Hoa di C:XLIII-2;D:1124
Hoa Đà D:969
Hoa đình A:273
Hoa Hạ B:580
Hoa lang B:13
Hoa thảo C:XLIV-34
Hoa viện B:3022
Hòa gian B:1927
Hòa lành B:1374
Hòa nghị C:XXXI-23
Hòa thân B:3027
Hòa thượng B:370; D:3383
Hỏa mai C:XIII-3
Hóa công B:1221;
C:XIII-5 ; D:406
Hóa dục D:650

Hóa hóa sinh sinh B:2111
 Hóa kiếp B:1819
 Hóa sinh D:1456
 Hỏa xa B:1915
 Họa hổ bất thành A:121
 Hoạch tội vu thiên D:3311
 Hoài cổ D:56
 Hoàn A:1150
 Hoàn công A:1234
 Hoạn quan B:1906
 Hoàng cân B:1188;
 D:3289
 Hoàng đạo B:1298
 Hoàng đế B:1278; D:847
 Hoàng đô C:XLIII-8
 Hoàng hà cạn ráo
 C:XIII-29
 Hoàng hậu A:1516
 Hoàng hoa C:I-1
 Hoàng hôn B:1009;
 C:XLIV-19
 Hoàng lương nửa gối
 B:180;D:52
 Hoàng môn C:XIX-4
 Hoàng Phủ D:865
 Hoàng Sào D:3504
 Hoàng tuyền B:1531
 Hoành la C:XXXI-23
 Hoạt ấu nhân từ D:2590
 Hoạt pháp D:2170
 Hoặc nhân D:1426
 Hoặc thế B:1599
 Học đầy năm xe D:1068
 Học hữu D:2602
 Học sĩ C:XXXIII-4
 Hồi phần A:655;B:3296
 Hồi phăng B:2310
 Hồi phô B:98
 Hồi xoắn B:3308
 Hồ Dương mơ Tống công
 A:1595
 Hồ linh A:770
 Hồ mị D:2153
 Hồ tinh D:2191
 Hồ Việt đôi phương
 A:1725
 Hồ Việt nhứt gia A:327
 Hồ hang A:1255
 Hồ lòng B:803
 Hồ mây măng xà B:1624
 Hộ tào C:XXXI-17
 Hồi dương B:2150
 Hồi hương A:310
 Hồi luân B:1071
 Hồi trang B:678
 Hồi trào A:1884
 Hồi trình B:2241
 Hồi ty D:3032
 Hồi xuân A:674
 Hối A:949
 Hội long vân A:19
 Hội mây rồng B:2824
 Hội rồng mây D:1101
 Hội yến B:1060
 Hôn trầm B:474

Hồn hoa A:554
 C:XLIV-16
 Hồn hoa phách quế
 C:XLIV-16
 Hồn sạch phách nhớ
 B:1139
 Hồn hào B:2047
 Hồng bay phụng lẫn
 D:2676
 Hồng học A:433
 Hồng môn C:IV-16
 Hồng nghệ D:2649
 Hồng nhan A:1557
 Hốt D:2280
 Hốt họ Đoàn D:2745
 Hốt hoa bào gấm B:3131
 Hốt lằm B:1788
 Hốt luy C:XIX-7
 Hơi Ấm như dờn B:2341
 Hơi chính D:III-16
 Hơi dề C:VII-7
 Hơi gương C:XIX-4
 Hớn mặt A:494
 Huân trì B:XXIX-2
 Huấn hồi C:XVII-35
 Hung hăng B:1895
 Hung hoang B:1480
 Hút ghiền B:2214
 Huyền hồ tiên sinh
 B:528
 Huyền thiện B:1335
 Huyền vũ D:1258
 Huyền dương B:2440
 Hứa Chử C:XI-7
 Hứa Do A:510;B:526
 C:XLVI-5
 Hương án A:282;B:570
 D:3056
 Hương hỏa D:3509
 Hương hình D:213
 Hương quan B:304
 Hươu Tần rắn Hán B:II
 Hươu thác tay ai
 C:XXXVI-6
 Hữu bì hữu chất C:XIII-26
 Hữu đạo C:XL-3
 Hữu tam bất hiệu A:1179
 Hy hiền D:2609
 Hy thánh D:2610
I, K
 Ích hữu có ba D:1181
 Kẻ bán ky D:XVI
 Kẻ Tấn người Tần A:351
 Kẻ tóc râu B:847
 Kẻ thế B:3386
 Keo loan C:VII-6
 Keo sơn A:76;B:2787;
 C:XVII-29;D:1206
 Kê Thiệu cứu nguy
 D:2734
 Kê tư thần C:XIII-4
 Kế vãng khai lai B:1383

Kệ kinh B:1651
 Kết nghĩa Châu Trần B:2943
 Kết tóc B:2551
 Kếu mưa hú gió D:3294
 Khá tua D:704
 Khải ca A:1884
 Khám đàng B:996
 Khảy đòn B:423
 Khảm B:I
 Khảm thảng B:2113
 Khăn khăn C:XVI-3
 Khấn dạ B:3014
 Khăng khăng B:220
 Khẩu phúc C:XVII-13
 Khấn Phật cầu trời B:151
 Khẩu đầu B:2495
 Khe Đào động Lý D:III-15
 Khi không B:2022
 Khi quân A:1916
 Khí tượng A:18;D:2625
 Khiên C:XVIII-5
 Khoa kỳ A:38
 Khoa trường B:3118
 Khỏa thân B:2186
 Khóc lân B:IV;D:III
 Khóc lân treo bút đạo D:VIII
 Khóc măng A:1703
 Khóc tượng C:XXXI-25
 Khô lân chả phụng A:454
 Khô cốt C:XLIV-32
 Khô lâu C:XLIV-12
 Khô nai B:434
 Khôi khoa A:1741
 Khôi khôi D:3469
 Khôi tinh A:66
 Khối lỗi C:XLIV-12
 Khôn A:104;B:1542
 Khôn cầu B:2663
 Khôn chổi B:3112
 Khôn dương A:104
 Khôn lui B:2435
 Khôn phô A:141
 Khôn xiết B:2773
 Khổn ngoại C:XXXI-7
 Khổng Minh xuất Kỳ
 D:2742
 Khổng thánh D:X-3
 Khổng tử B:1374
 Khổng tử đại tài thánh vương
 B:1372
 Khờ B:103
 Khởi phụng đằng giao A:13
 Khuấy đời D:1916
 Khuấy lòng B:2774
 Khuấy người ta C:XXXI-1
 Khúc mắt D:1715
 Khúc nôi A:1866;B:1429
 C:XXXI-28
 Khúc phượng C:VII-5
 Khuê môn A:150
 Khung thiên B:1306
 Khuyến giáo A:832
 Khuyến tư dạ C:XIII-4
 Khứng A:51; B:1454
 D:2661

Khuynh thành A:1385
 Khương tử A:1192
 Kiếm cung C:III-6
 Kiến nghĩa bất vi A:179
 Kiện sừng sỏ D:3046
 Kiệt Trụ A:481;B:XX-8
 Kiêu Tùng D:1433
 Kiêu tử B:XXVI-3;
 Kiểu chiếu C:XXXI-22
 Kiểu bạc tán vàng B:1027
 Kiểu tàn B:3440
 Kiểu vàng A:1952
 Kim cang B:364
 Kim cổ B:460
 Kim đan B:337
 Kim giai A:1897
 Kim khôi A:1781
 Kim liên D:1145
 Kim ô B:1297
 Kim thạch B:665;D:667
 Kinh bát loạn B:XXIII
 Kinh châu B:XXIII;C:II
 D:XIV-3
 Kinh cực C:XLIV-29
 Kinh doanh B:2235
 Kinh địa A:436
 Kinh kệ B:208
 Kinh kỳ A:290
 Kinh lạc A:687;B:2039;
 D:36,302
 Kinh lược B:2372
 Kính vi B:3394
 Kinh Lân C:XLIII-6
 D:III-7
 Kinh luân A:506;D:101
 Kinh nghĩa D:653
 Kinh quyền A:793
 Kinh sách D:656
 Kinh sư A:1740
 Kinh sử A:472;B:2512; D:926
 Kinh tế D:1708
 Kinh thánh B:1878
 Kinh thư D:329
 Kinh A:1754
 Kỳ A:375
 Kỳ Bá D:848
 Kỳ hoa thủy thảo B:1081
 Kỳ Hoàng (huỳnh) D:1346
 Kỳ lộ B:681
 Kỳ môn D:1574
 Kỳ lưu D:1072

L

La đà B:XXII
 Lã ma vương C:V-4
 Lạc phách C:XXXV-21
 Lạc quyền C:XXXI-17
 Lai kinh B:3360
 Lai sứ C:XXXI-6
 Lài rài D:2396
 Lãi chồi D:79

Lam nham D:7177;B:2045	Lăng nhăng B:7;D:3161
Làm bê D:272	Lăng xăng B:1326;D:2440
Làm chay B:1647	Lăng nhăng A:488
Làm hoàn B:2047	Lâm bình A:1206;B:1803
Làm mai B:2927	Lâm chung C:XXXI-19
Làm nhăng B:2638	Lâm dâm C:XIX-8;D:3470
Làm quấy D:1371	Lâm nghèo C:XLIV-6
Làm tể B:2047	Lâm nguy A:163
Lan Đình B:471;D:2687	Lâm khê B:501
Lang sa C:XVIII-23	Lâm sơn A:1149
Làng bộ C:XVIII-4	Lâm việc A:633
Làng đế C:XL-3	Lâm đảng B:3374
Lăng xao B:2527	Lầm đời B:3320
Lanh chanh B:714;D:47, 2376, 3441	Lân chỉ B:2382
Lãnh binh C:XXXI-27	Lân gia A:89
Lao chao D:1733	Lân la C:I-8
Lao đạo B:28	Lân phụng B:II
Lao xao B:1577;C:XLIV-35	Lần lửa B:200
Lão bạng B:160	Lần quăng B:2326
Lão quân B:1569	Lận dận D:III
Lão kỹ vi ni B:691	Lập lửa B:1940
Lão tiêu B:XX-2	Lập phương B:1616
Lão tri B:1053	Lầu các B:1339
Lão Trang B:451;D:IX	Lầu thần C:XLIV-21
Lão trưởng B:550;D:3493	Lầu vàng B:1761
Láo xược D:1239	Lậu tình A:1504;D:2812
Lạo thảo D:3442	Lây lất C:XXXI-27;D:3582
Làu làu A:283;D:1051	Le the D:3457
Lâm A:21;B:XVII-8	Lem nhem D:3591
Lâm toan C:XVII-2	Leo lét B:XXII
Lăng loạn B:150	C:XVIII-25
	Lèo lái B:2284

Lễ bồi D:3092	Lo lửa A:1008
Lễ hỏi tên B:3013	Lo lường D:354
Lễ nghi B:3100;D:224	Lò đại tạo C:XIII-5
Lễ nghĩa B:3406;D:1106	Lò dò D:3133
Lễ nhạc D:III	Lỏa thân B:1934
Lễ tạ D:2930	Loan phụng A:1353
Lễ tam sinh B:3169	Loạn luân B:1972
Lệ châu B:2596	Loạn ly B:X
Lệ dầm B:2536	Lòn B:962
Lên đồng B:2023	Lòn lỏi D:1706
Liêm Lạc A:501	Lộn C:XLIV-37
Liễm dung A:400	Long đồ C:XIII-22
Liên tả A:220	Long Hồ C:XXXIII-3
Liên B:609	Lòng chịu miệng trao D:1057
Liên đối B:655	Long vương B:1554
Liên C:VII-9	Long cưu gắm nhiều D:98
Liên hơn cha khi C:XIII-9	Lòng hăng B:2639
Liều thơ B:25	Lòng lang dạ cáo B:1658
Liều yếu đào tơ A:167	Lòng son A:252;B:19;C:XIX-24
Liều yếu B:2388	Lòng tà B:XXXII-4
Liệu toan B:171	Lòng thông B:1999
Linh đài C:XLIV-26	Long trai B:540
Linh đình B:2556	Lòng vàng A:1322;B:2451
Linh đơn B:XV;D:194	Lòng xuân thu D:1152
Linh khu D:921	Lỗ bộ B:573;D:3034
Linh nghiệm B:136	Lỗ mào cau B:2075
Linh phù B:1186	Lỗ sử C:XIII-19
Linh phụng gặp ngô đồng A:406	Lỗ mũi D:2575
Linh thông D:715	Lộ bố C:XXXI-11
Lịu lo B:299	Lộ trình A:726;B:322;D:256
	Lộc con B:3218

Lộc Hán D:2678
 Lộc nước B:XIX-7
 Lộc rừng A:1146;B:XX-5
 Lộc trời B:XIII-8
 Lôi đình A:115
 Lỗi đường B:XXXIV-8
 Lỗi nghì A:574;D:635
 Lỗm xồm C:6
 Lộn nhầu D:462
 Lộn nhầu như tương
 D:1028
 Lơ láo B:1426
 Lơ thơ B:1704;C:III-4
 Lỡ bề báo hiếu, lỡ dàng
 lập thân A:590;B:2826
 Lỡ bước B:308
 Lỡ dở C:XXII-2
 Lỡ làng A:578;B:840
 Lờ hạ quỹ D:X
 Lờ than phụng B:IV
 Lũ bầy đoàn ba A:550
 B:1742
 Luân hồi C:2169
 Luân thường B:944
 Lục bộ A:685
 Lục dâm D:1372
 Lục khí D:172
 Lục lâm C:XXVIII-5
 Lục nga B:2716
 Lục giáp, lục nhâm A:720
 Lục súc B:2534
 Lục tặc C:XIII-39;D:147
 Lục thần B:1592
 Lục trầm C:XLIV-2;D:2790
 Lục trầm can qua D:2790
 Lục xung A:741
 Lung chơi D:2687
 Lung lằng C:XIII-11
 Lung lòng nhân dục D:2800
 Lùng bùng B:3314
 Luông tuồng A:835; B:765;
 D:1093
 Luy A:945;B:2218;C:XVIII-17
 Luy ngọc A:555
 Luyện đan B:1154;D:1158
 Luyện tập B:52
 Luyện tập thuốc tiên B:52
 Lư giang B:841
 Lư Kỷ A:1404
 Lư san A:677
 Lữ dư D:1726
 Lữ Bố A:1936
 Lữ hậu A:1599
 Lữ Phụng Tiên A:1251
 Lừa A:469
 Lừa đóm C:XLIV-19
 Lừa đốt A Phòng D:XII
 Lừa Tần tro Hạng D:III-10
 Lừa là A:64
 Lừa phải B:462
 Lược thao D:98

Lương duyên A:323; B:2928
 Lương đồng A:381;B:858
 Lương nhân C:XVI-1
 Lương thần B:1153
 Lương Vũ B:949
 Lực sĩ B:1188
 Lướt dậm A:85
 Lưu Cao đế C:V-3
 Lưu Dự C:XXX-5
 Lưu Huyền Đức C:VI-7
 Lưu liên D:1100
 Lưu Linh A:879;B:2791
 Lưu thủy cao sơn A:275;
 B:426
 Ly hương B:2519
 Ly loạn B:2825;C:XLIV-32
 Lý Đỗ D:114
 Lý Lăng C:XXVII-6

M

Ma ní C:XIX-15
 Mã tà C:XIX-15
 Mã tiền C:XXXI-7
 Má đào A:110;B:3025
 Má đào mây liễu A:110
 Má hồng A:407
 Mai chước A:1366
 Mai danh ẩn tích A:1168
 Mai dong B:2969
 Mãi Thần A:416
 Man di B:446;
 C:XVIII-23
 Man mác B:2274;C:XLIV-11
 Mãn hùm C:XXXI-30
 Mãn loan A:1622
 Mãn phượng C:III-4
 Mãn sáo C:XIII-21
 Màng A:56;D:127
 Màng chi C:XXXIX
 Mãng xà B:1630
 Mãng A:435;B:56;C:XXIII-1
 Mãng xem B:557
 Mạnh hiền D:X
 Mạnh kinh Trương Phi
 A:1754
 Mạnh lằng D:2968
 Mao ốc C:XVII-16
 Máo giáp lộn nhầu D:2831
 Màu thiên B:664
 Màu thung C:III-4
 Mây chau mặt ủ B:2744
 Mây tầm A:349
 Mây xanh B:468
 Máy hành tàng B:253
 Máy khôn B:2178
 Máy linh D:856

Máy lòng B:783
 Máy móc B:XVII-1
 Máy mò D:992
 Máy sâu D:1474
 Máy tạo A:1726;B:XVII
 D:1599
 Máy thần D:1923
 Máy trời A:27;D:630
 Mắc mớ C:XIX-20
 Mắc nếp D:XIV-3
 Mắc Dương D:III-9
 Mắc liên B:XXXI
 Mất phụng A:349
 Mất thần D:992
 Mất tục B:VIII-15;D:III
 Mất như sê thịt trâu
 A:1978
 Mặt ủ mảy chau B:1697
 Mầm B:2758
 Mân phong D:2845
 Mẫn tử B:720
 Mâu-ni B:1857
 Mầu C:VI-1;D:2230
 Mầu tang A:746
 Mây bạc A:602
 Mây giảng lâu hạc B:XXXI-1
 Mây lành gió thủy B:556
 Mây ngút C:XLIV-15
 Mây mưa B:327;C:XXXI-31

Máy nổi hoa tàn B:XXXI-14
 Máy sâu gió thăm B:1514
 Mê đồ B:1107
 Mễ cốc D:685
 Mich lòng A:210
 Miếu đường C:XIII-21
 Miếu môn B:561
 Miếu trung B:2879
 Miếu từ D:3467
 Miếu vũ A:1154;D:181
 Minh A:44;B:2236
 Minh châm C:XVII-35
 Minh châu D:1093
 Minh đức B:2644
 Minh đường đồ D:958
 Minh linh A:1552;B:2386
 Minh lương B:XXVII;D:VIII
 Minh minh D:2863
 Minh sinh A:1698
 Minh tinh B:3023;C:XXXII-7
 Minh y D:929
 Mòi D:568
 Mọi B:I
 Mọi rợ B:765
 Mòn mòi B:2727
 Mô ma B:3338
 Mỗ B:81;D:2700
 Mộ phần A:1995;B:1810
 Mộc thọ D:675
 Mối đường D:1306

Mây mưa sụt sùi C:XXXI-31
 Mối đạo B:I
 Mối hồng A:1208
 Mối tơ A:346
 Môn đồ B:1386
 Mông lung D:3374
 Mông nhưng C:XXI-6
 Mộng mị B:626
 Mộng tẩu tẩu công D:2851
 Mộng nguyệt B:2346
 Mộng sàng B:1184
 Một gáo mức đôi chin
 C:XVII-8
 Một mối xa thư C:XXXI-21
 Một phồn B:3307;D:1162
 Một sông cung kiếm C:XLI-5
 Một trường không
 C:XXXI-25
 Mơ màng A:899;B:XXXI-4
 Mở đường chỉ ngõ B:1488
 Mỡ lòng B:2628
 Mỡ mang B:2427

Mở tranh lấp rào D:1056
 Mù mù B:868
 Mụ B:2110
 Mụ bà B:2059
 Mục đồng D:3012
 Mục Liên D:3401
 Mục thú B:2473
 Mùi đạo C:XVII-33
 Mùi thiên B:664
 Muôn một C:V-7
 Muôn trùng C:XLIV-15
 Muông B:2415
 Muông săn B:881
 Muông thổ D:XV
 Mưa tro A:1074
 Mười đất chín trời B:3318
 Mười điều giới cấm B:358
 Mười hai bến nước A:1584
 Mười hai chi tuế C:XIII-12
 Mười trắng B:105
 Muu quốc C:XLIV-30
 Muu toan lẽ gì A:1558

N

Nại hà kiều B:1627
 Nam giản A:354
 Nam kha mộng B:1498
 Nam nhi B:2986

Nam quách C:XIII-14
 Nam Tào A:1817;B:328
 Nam Tống bắc Kim
 C:XLIV-24

Nam tử B:2186
 Nam vô B:176; D:3357
 Năm nở B:3268
 Nan y D:1379
 Nao nức C:XLIV-12
 Nào nề B:1702
 Nào nông A:622; D:2665
 Nào nùng B:3313; C:XIX-25
 Nấu nương B:2520; C:XXVIII-8
 Nay chúa mai tôi D:XVII
 Nay doi mai vịnh D:34
 Nay Kim mai Tống C:XLI-8
 Nay thiết mai hư B:60
 Nay vinh mai nhục D:2802
 Năm ái B:XXIII-2
 Năm bá bảy hùng D:2713
 Năm đế B:I
 Năm giếng ba mối
 D:2768
 Năm hành B:XVII-4; D:394
 Năm hằng C:XXIII-3
 Năm hóa tạo đoan D:433
 Năm Hồ D:XVI
 Năm mối ba giếng B:3059
 Năm mùi D:701
 Năm Nhạc D:X
 Năm phẩm rừng nhu
 B:XII
 Năm tạng D:138
 Năm vận D:436
 Năm vị D:719
 Năm giá A:1703
 Nặng nặng A:1247; B:1124
 Nâng vạc ngã C:XXI-7
 Nấu buồn làm cơm B:3266
 Nấu sử xôi kinh A:11
 Ném mật C:XXX-2
 Ném mật Cối Kê C:XLI-3
 Nệm gối Đường tông D:XI-4
 Nết na B:3368
 Nêu ngay bóng thẳng D:914
 Ni cô B:956
 Ngai A:1896
 Ngai vàng A:1378; B:1825
 Ngãi tể A:355
 Ngán ngấm B:1556
 Ngao châu C:XXIII-2
 Ngao du B:2673
 Ngào ngạt C:III-3
 Ngạo thế B:376
 Ngay chúa B:XXIII-1;
 C:XX-6

Ngay vạy C:XXIII-8
 Ngày Châu B:XXII
 Ngày lụn tháng qua D:2967
 Ngân hải A:671; B:3455
 Ngần D:835
 Nghênh ngang (xem
 nghinh ngang)
 Nghi gia A:158
 Nghi vệ B:1032
 Nghi nghị B:2945
 Nghĩa binh C:XXXI-29
 Nghĩa dân C:XLI-2
 Nghĩa quân thần A:1413
 C:XIII-3
 Nghĩa sĩ C:XIX-30
 Nghĩa thân B:2886
 Nghịch thần C:XI-6
 Nghịch thường C:XIII-2
 Nghiêm Châu D:2677
 Nghiêm Lăng A:517
 Nghiêm Nhan D:2731
 Nghiêng nước nghiêng
 thành B:959
 Nghiệp báo D:3224
 Nghiệt thử C:XIII-25
 Nghiêu Thuấn A:509; B:II
 Nghinh ngang A:938;
 B:67; D:II
 Nghê Hậu Tắc B:XIV-5
 Ngõ B:2700
 Ngõ dặng B:22
 Ngõ hải lương duyên B:2928
 Ngõ hầu B:48
 Ngõa nguê D:1138
 Ngọc hoàng B:979
 Ngọc hồ B:96
 Ngọc hữu A:1152
 Ngọc nhan B:2508
 Ngọc nhuận B:2992
 Ngọc Chương khuê D:2608
 Ngồi tan C:XVIII-25
 Ngõ bào B:61
 Ngõ dữ ngõ bào D:1247
 Ngõ Khởi A:416
 Ngõ Tồn C:XXIII-4
 Ngổ ngang D:2137
 Ngồi giếng xem trời D:1059
 Ngôn ngữ B:445
 Ngơ ngáo B:1333
 Ngũ đế tam vương D:2708
 Ngũ hành D:169
 Ngũ hổ C:VI-1
 Ngũ kỹ C:XIII-17
 Ngũ Liễu tiên sinh D:2679
 Ngũ nhạc (tam quang)
 D:X-2
 Ngũ thường D:1062
 Ngũ vận D:174
 Ngũ vị D:144

Ngũ Viên A:1012; B: 842
 Ngươi ngoai C:XVII-21
 Nguồn cơn A:177;
 B:2786
 Nguồn đào B:503;D:22
 Ngút mây phú quý
 C:XXXVIII-4
 Nguyên khí D:140
 Nguyên khoa B:3129
 Nguyên Lượng A:497
 Nguyên nhung A:1771;
 B:2869
 Nguyên soái chinh tây
 A:801
 Nguyệt hoa A:1254
 Nguyệt lão A:243;
 B:2928
 Nguyệt sa trên mình B:26
 Ngút B:553
 Ngư chu B:835
 Ngư ông A:955
 Ngư phủ A:1012
 Ngự chế B:3411
 Ngự phong B:1031
 Ngựa giáp xe nhung
 C:XXXI-18
 Ngựa gió xe mây B:1026
 C:XLIV-20
 Ngựa gió xe trắng
 C:XIII-33
 Ngựa Hồ chim Việt
 C:XLII-7
 Ngựa Tiêu sương
 C: XII-1
 Ngựa trạm
 C: XXIV-3
 Ngược trá B:801
 Người Đạo thờ vua D:XVII
 Người Dịch chống chào
 D:XIII
 Người khóc tượng
 C:XXXI-25
 Người mò rận D:XVI
 Ngưu lang A:245
 Nhà huyền B:2963
 Nhà Lưu A:1936
 Nhà nông ghét cỏ
 C:XVIII-6
 Nhà cầu A:1046
 Nhạc gia A:357;B:3097
 Nhạc Lôi C:XXX-6
 Nhạc mẫu D:229
 Nhạc Phi C:XXXI-23
 Nhạc sư D:2848
 Nhạc thiếu D:IV
 Nhan tử A:491
 Nhan Uyên A:82
 Nhân du B:2233
 Nhang trầm C:XLIV-37
 Nháng C:XLIV-19
 Nhất A:1090
 Nhất quá mẹ cheo C:XIII-9
 Nhầm B:232
 Nhăm B:214
 Nhật lợi D:2396

Nhâm dộn C:XIII-24
 Nhân dục B:1070;
 C:XVII-12; D:150
 Nhân duyên D:24
 Nhân đức B:2367
 Nhân gian B:319;
 D:2136
 Nhân luân B:1381
 Nhân quả D:2169
 Nhân thần B:877
 Nhân tình A:2; B:178
 Nhân tử B:2820
 Nhật nguyệt A:1923;
 C:XXXI-24
 Nhẽ cười B:2952
 Nhem thềm D:154
 Nhi nữ C:III-5
 Nhiệm mẫu D:639
 Nhiếp sanh D:210
 Nhiếp thâu B:2100
 Nho đạo B:2240
 Nho gia B:2698
 Nho giáo B:2238
 Nho lưu B:2703
 Nho sanh B:2952
 Nho sĩ C:XVII-31
 Nho y D:925
 Nhơ bợn B:92
 Nhơ cơ tàng sự A:59
 Nhơ dục B:1070
 Nhơ thần B:877
 Nhũ bộ A:586
 Nhuần B:2466
 Nhung công C:XXXI-9
 Nhuộm bịnh A:1261
 Nhuộm sâu A:286
 Như Lai B:203; D:3406
 Những mắng B:1944;
 C:XXIII-1
 Nhứt thỉnh A:1761
 Niên quán B:2862
 No lòng ấm cắt B:1656
 No nao A:262; B:2718
 No ngày khảm thảng
 B:2113
 Nò C:VIII-20
 Nỗ nan A:676
 Noi nghĩa ở nhơn D:1225
 Nói nhăng A:523
 Nói nhây A:716
 Nói quấy nói chiêm D:2019
 Nói xằng B:104
 Non đoài B:814
 Non nước A:320; B:902;
 C:XXXI-19; D:V
 Non sông C:XIII-10;
 D:III
 Non Thuần D:28
 Nón chiến áo cầu
 D:1104
 Nón gỗ C:XVIII-12
 Nổi duyên B:2550
 Nổi phận B:2550
 Nổi như cồn C:X-1;
 D:3639
 Nội vụ B:3360
 Nợ lâu đốt khế D:1260

Nợ thanh khâm A:318;
B:3004
Nồm nở B:3268
Núi đất C:XXXI-18
Núi đất ba lồi...B:XXIII
Nữ công B:686
Nữ nhi A:108
Nữ sanh A:1729
Nữ trang A:3425
Nửa Tống nửa Liêu
C:XXXI-21
Nước an làm trị D:2826
Nước chuyên B:1951
Nước khâm C:XIII-30
Nước loạn làm ngu
D:2824

Nước non B:186,770;
C:XVIII-28; D:11
Nước quỷ non ma
C:XLIV-16
Nước thánh B:977
Nước tối D:1094
Nước trị nhà an
B:XXVII-4
Nước xao bèo dạt
B:XXXI-14
Nước xao đầu vịt A:532
Nước xao trắng lờ B:182
Nương cửa B:2728
Nương nấu A:1188
Nượp nượp B:2502
Nương nương C:V-8

O

Oai bầm lộn C:XVII-32
Oai hùm gặp gió C:II-5
Oai gió C:VII-2
Oai lồi A:1761
Oai nghi B:1234
Oai thể B:2871
Oan oan tương báo
D:3521
Oan cừu D:3234
Oan gia A:1069; B:2567;
D:3100
Oan hôn B:2052;
C:XLIV-26; D:244
Oan khuất C:XLIV -35
Oan khúc B:2407; D:244

Ô

Oán cừu C:XLIV-4
Om sòm C:XXVII-3
Om sòm như nhái
C:XXXI-20
Ong kiến B:2873
Ô danh B:1942
Ô giang A:1014; B:844
Ô kiều A:1284
Ô lại B:762
Ô thước C:XIII-29
Ố hàn D:1823
Ố phong D:1827
Ốc ngõ C:XX-7
Ôm chữ B:XXII-21

Ơ

Ôn lương D:716
Ôn nhuần A:717;
B:3122
Ông Đoàn trốn khách
D:XVII
Ông Lữ B:XIX-3
Ở an lạc nghiệp B:2918
Ở đã an nơi A:1553
Ở ẩn B:2663
Ớn sanh thành A:624
Ớn mình D:578

P

Phá lỗ C:XLIV-30
Phá ngu phát rậm D:1058
Phách quế C:XLIV-16
Phàm dân B:166
Phản hồi A:237; B:3214
Phản trắc C:XLIV-4
Phản thần B:2866
Phán quan B:565
Phảng phát C:XLIV-21
Phanh phui D:2718
Pháp binh C:XXXI-4
Pháp đình B:594
Pháp hình A:1946
Pháp sư D:3383
Phau tuôn B:504
Phấn B:3333; D:1292
Phăng B:2640
Phăng phăng B:1246
Phăng theo B:461
Phân bằng A:487
Phân bầu B:3303
Phân búa C:XXIV-8
Phân ly B:2512
Phân phân
D:1730
Phân qua A:100
Phần mộ A:1696
Phận bột rêu B:XXII-6
Phận tóc da C:XIV-6
Phận tôi con C:XLII-4
Phập phồng C:XVIII-6;
D:3479
Phật bà A:1655
Phật biểu B:440
Phật đường B:XXXIV-4
Phật gia B:506
Phật Lão D:13
Phật nhân B:441
Phật tổ A:803; D:3421
Phật tử B:1283
Phen A:226
Phép tiên B:1570
Phép xuân thu D:2832
Phê phê B:502
Phi liêm C:VIII-3
Phỉ lòng A:174
Phỉ nguyên A:84; B:2382;
D:3204
Phỉ tình A:1212; B:3156
Phiêu lạc B:V

Phò vua giúp nước
 B:2632
 Phó công A:401
 Phó hội C:II-2
 Phó ra B:1817
 Phó thang A:773
 Phó tướng A:1759
 Phó Y A:513
 Phong ba A:868
 Phong cương C:XXXI-21
 Phong đồ B:1448
 Phong hạc C:XVIII-6
 Phong hóa C:XVII-7;
 D:3314
 Phong lôi B:1893
 Phong lưu C:XVII-25
 Phong mộc B:XXXI;
 D:504;548;549
 Phong nguyệt B:XIX-6
 Phong thủy B:1607;
 D:3535
 Phong trần A:31; B:70;
 D:993
 Phòng hoa A:1562
 Phóng tử D:1144
 Phô A:415; B:871,3319
 Phổ khuyến B:1649
 Phổ Tịnh B:1414
 Phôi pha (xem phui pha)
 Phối ngẫu D:1928
 Phần A:1030; D:2154;
 B:3307
 Phu nhân B:2464
 Phu phụ A:1413
 Phu quân B:3252
 Phù chú A:764; B:417
 Phù du A:1301
 Phù đồ B:208
 Phù hồng A:686
 Phù sinh D:267; B:II
 Phù tiên A:1087
 Phù thần A:32
 Phù trăm C:XLIV-21;
 D:1031
 Phù trì A:804; D:2749
 Phủ dăng A:253
 Phủ ngưỡng B:797
 Phủ phát B:1028
 Phủ phê B:3353
 Phủ vây bịt bùng A:130
 Phủ việt C:V-6
 Phú Bật C:XXXIII-5
 Phụ huynh C:XVII-21
 Phụ phàng C:XLV
 Phụ mẫu tử tôn A:742
 Phụ nhân B:2185
 Phụ thân B:2738
 Phụ tử A:1428; B:IV;
 C:XIII-3; D:1444
 Phúc họa B:XXI
 Phúc thái C:XXXI-32
 Phục Hy B:XVI;
 D:918
 Phui pha A:188; B:494;
 C:XLIV-11; D:52
 Phun châu nhả ngọc
 D:1070
 Phụng các C:XXXIII-4

Phút A:462
 Phụng Thuần lân Nghiêu
 B:II
 Phút nghe A:187

 Qua bầu A:120
 Qua mâu A:1914
 Qua phân C:XXXI-28
 Quả báo A:2069; B:10;
 C:XLIV-26; D:3332
 Quá thất C:XVII-36
 Quan ải A:1748
 Quan âm A:1523
 Quan công B:1412
 Quan hầu B:1392
 Quan hình sát sắc D:990
 Quan san A:1664; B:1513
 Quan thành A:1767
 Quan tiền chén gạo
 B:2528
 Quán Ninh D:2740
 Quán chỉ C:XIII-10
 Quán xá A:844
 Quang âm D:2999
 Quang nhạc D:2707
 Quành quạch B:3275
 Quay chân D:3238
 Quày quả A:619; B:189
 Quẩy đơm A:828
 Quắc giao D:2154
 Quân binh D:1391
 Quân cơ C:XVIII-10
 Phường phường A:127
 Phương sĩ D:1426
 Phương tư B:3113

Q
 Quân quyền C:XVII-14
 Quân thân C:XXI-8;
 D:2784
 Quân thần A:675; B:IV;
 C:XIII-3; D:744
 Quân thần tá sứ D:744
 Quân tử A:165; D:2877
 Quân tử cố cùng D:49
 Quân tử vui trời D:2877
 Quân vệ C:XVIII-10
 Quân vương A:1481
 Quần đôi áo cặp
 C:XVII-22
 Quần nhiều áo sô
 C:XVII-14
 Quận chúa A:1948
 Quốc thủ D:3524
 Quốc trạng A:1750
 Quy lai A:562
 Quy y A:1680; B:174
 Quỳ hương B:357
 Quỷ cốc D:2673
 Quỷ mị D:2155
 Quỷ quái C:XIII-23
 Quỷ sứ B:1501
 Quỷ thai B:278

Quỷ thần C:XLIV-37
 Quỷ trắng C:XLIV-33
 Quỷ ước C:XLIV-36
 Quý thu B:2672
 Quốc trạng A:1756
 Quốc phong C:XIII-19

Quốc thư A:3524
 Quyên sinh A:1408
 Quyển thi B:2987
 Quỳnh lâm dao trì B:2266
 Quỳnh lâm yến B: 3132
 Quỳnh tương B: 3225

R

Ra cho khỏi A:1068
 Rã bèn B:2849
 Ràng ràng A:900
 Rạng giời B:19
 Ráng bắn C:XLIV-18
 Rắn hổ mây B:1624
 Rắn rồng C:XIII-32
 Răng răng B:1212
 Rậm rì B:2333
 Rần rần B:1026
 Rấp ranh A:1940
 Râu mày C:XLII-4
 Rèm châu A:1494
 Rề rề D:62
 Rêm mình D:2474
 Rền rang D:3155
 Rịn D:1900
 Ríu rít B:1705
 Ròng A:695; D:899
 Ròng ròng A:581; B:2139
 Rối rảnh B:2262
 Rồn rảng D:3556
 Rồng phụng Kinh Châu
 D:XIV

Rồng rồng D:1026
 Rỡ ràng A:1948; B:572;
 C:XXXI-10
 Rùa thi A:727
 Run en D:2007
 Rùng rùng B:1368
 Ruổi danh D:928
 Ruột đau như dãn B:1689
 Ruột tằm B:1988
 Rừng Nghiêu D:27
 Rừng nhu biển thánh
 A:539; B:XIII
 Rừng trúc đình lan
 D:III-14
 Rừng văn biển học D:2948
 Rừng y B:1152; D:166
 Rượu chay B:432
 Rượu dầm trong bụng
 D:1376
 Rượu giao D:55
 Rượu Hồng Môn C:IV-6
 Rượu Lão B: XXXIV-4
 Rượu tiên B: XXXII-4

S

Sa dầm D:3406
 Sa môn B:952
 Sa trường C:XXXV-2
 Sách mắt B:2652
 Sách mệnh C:XLIV-26;
 D:3172
 Sách Văn công A:572
 Sách Xuân thu B:1828
 Sài sài D:2997
 Sài B:577
 Sài mằm B:2758
 Sài vãi B:1144
 Sài đậu thành binh A:771
 Sảng sốt D:3518
 Sanh chẳng gặp giờ
 B:2667
 Sanh thành A:624
 Sánh phen B:3140
 Sao dời vật đổi A:580
 Sào Du D:I
 Sào Hứa D:XVIII
 Sào Phủ A:510; B:526;
 C:XLVI-6
 Sào thị D:2218
 Sáu ải C:XXVII-2
 Sáu ải D:1529
 Sáu dâm D:720
 Sáu dương D:1529
 Sáu hào B:XVI
 Sáu khí D:473
 Sáu kinh D:1634
 Sáu lễ A:2077; B:3185

Sáu mươi giáp hoa
 C:XIII-12
 Sáu nẻo luân hồi
 C:XILV-17
 Sáu phủ B:XVII-3; D: 137
 Sáu tỉnh C:XXXII-4
 Sáu triều năm quý B:2226
 Sắc B:2496
 Sắc dục B:1657
 Sắc khuynh thành A:1385
 Sắc lém B:1576
 Sắc xuân B:3151
 Sát cầm A:1220; B:3002
 Sâm sâm D:186
 Sấm đông tuyết hạ D:7266
 Sân rồng B:1772
 Sân Trình A:12
 Sâu dân nước mọt B:1910
 Sầu bi B:192
 Sầu giảng C:XVIII-18
 Sấy nhen C:XIII-5
 Se sua B:2830
 Sẻ sần D:1728
 Sẻ thịt trâu A:1978
 Sĩ nông công cổ C:XLIV-5
 Sĩ tử B:2802
 Siêu bạc A:1782
 Siêu hồn B:1418
 Sinh bất ngộ thần D:1071
 Sinh chẳng gặp thời D:45
 Sinh dân B:2259; D:7

Sinh khắc D:398
 Sinh không gặp đời D:2
 Sinh linh B:2392; D:1236
 Sinh nghiệp tử nghề D:3563
 Sinh linh D:3124
 So đo A:543; B:20
 So my B:815
 Song đường A:55
 Song sanh B:106
 Song song D:192
 Song thai B:155
 Song thân A:331
 Sô nghiêu B:XX
 Sô sa B:3093; D:215
 Sô sộ A:292
 Sồn sồn D:3525
 Sở Đào công B:XVIII-6
 Sở thiên tào B:3199
 Sông Ngân A:1356
 Sông trong biển lặng D:2836
 Sông Tuy giải Hán cao
 C:VIII-6
 Sông vàng D:X
 Sông Vàng hai trận B:XXIII
 Sông Vị A:516
 Sơ thu B:2811
 Sớ B:3359; C:XXXII-3
 Sớm tôi tối chúa D:2756
 Sơn cốc B:2649
 Sơn lãnh B:794
 Sơn lăng B:2414
 Sơn lâm C:XXXI-2
 Sơn quân A:897
 Sơn xuyên A:285; B:65
 Són sát (sác) D:2904
 Sục sục B:1932
 Sui gia A:982; B:3380
 Sùi sụt B:1889; C:XXXI-13
 Súng song tâm C:XILV-5
 Suối vàng A:890; B:1415;
 C:XLIV-33
 Sùng phụng D:3500
 Sư huynh D:1701
 Sư Khoáng D:2698
 Sử kinh A:1589; D:2814
 Sư Miện D:2842
 Sư sinh D:2956
 Sử đương D:498
 Sử Lỗ D:IV
 Sự lý D:1132
 Sử Mã C:XLIII-5; D:III-8
 Sự cơ A:553
 Sự di đảo đầu B:1427
 Sự hữu đảo đầu B:2135
 Sự thân D:908
 Sự thể A:1000; C:XXXI-21
 Sửa đời chân dân B:2492
 Súc dương Hạng Vũ
 A:1754
 Súc ve D:XV-4
 Sừng ngựa hện quy kỳ
 C:XLIV-15
 Sừng sê D:3046
 Sương tuyết B:2335
 Sưu thuế D:I-2

T

Tà dương C:XXXI-25
 Tả đạo C:XVIII-21; B:1446
 Tả đạo hữu xông A:131
 Tà nữ A:226
 Tách dậm A:333; B:2789
 Tách dậm băng chừng
 A:333
 Tách vôi B:304
 Tài bồi B:2840; C:XIX-20
 Tai phi C:XVII-15
 Tài kiêm tám đầu D:1068
 Tài mạng ghét nhau
 A:430
 Tam bành lục tặc
 C:XIII-37
 Tam bảo B:1833
 Tam bát hiệu A:1179
 Tam công D:1
 Tam đại B:771
 Tam giáo C:XLIV-6; D:III
 Tam hoàng D:941
 Tam kỳ B:647
 Tam kỳ lộ B:646
 Tam phân D:IV
 Tam quan B:366
 Tam quang D:2706
 Tam quốc chia giành
 D:2739
 Tam sanh B:3169
 Tam tài C:XIII-17
 Tam tam B:1191
 Tam Thi D:148
 Tam tư A:1602
 Tám ngàn xuân thu B:338
 Tang bồng A:314
 Tang hung B:1585
 Tang phục A:570
 Tang thương D:1107;
 C:XLI-6
 Tang trung B:645
 Tàng hình B:1196
 Tàng sự A:59
 Tàng sư C:XXXI-22
 Tanh rình D:2794
 Tao nhân B:3237
 Tào án B:1852
 Tào khương A:410
 Tạo hóa B:II,775;
 C:XXXI-26; D:1964
 Tạo hóa tiểu nhi D:73
 Tạo vật C:XXXVI-1;
 D:1951
 Tàu đồng C:XVIII-15
 Tay thước D:1892
 Tầm tầm B:1255
 Tầm mưa trái gió A:976
 Tăng đạo B:956

Tác dạ B:225
 Tâm hoả D:1683
 Tâm sự C:XLIV-11
 Tâm thần D:2806
 Tâm thư C:XVII-1
 Tầm long điểm huyết
 B:1588
 Tầm phào A:479; D:1136
 Tầm phơ B:104
 Tầm tư nhọc lòng D:2598
 Tầm vòng C:XVIII-12
 Tân khoa A:1244; B:3045
 Tân trào C:XLIV-4
 Tần hoàng D:2728
 Tần, Sào D:930
 Tẩu tẩu A:1877
 Tây minh A:1
 Tây phương B:957
 Tẩy oan C:XLIV-35
 Tề gia C:XVII-4
 Tề nhân C:XVII-10
 Tế tướng sơn trung D:2681
 Tế sanh hoạt mạng B:58
 Tha bang B:2132
 Tha kỳ B:248
 Tha phương B:V
 Thác coi như ngữ
 C:XVIII-2
 Thạch bàn A:1072; B:68
 Thạch kim B:406
 Thái công A:515
 Thái cực D:1926
 Thái dương D:356
 Thái sơn D:2854
 Thái tân B:VIII
 Tham nhăng B:1735
 Tham quan ô lại B:762
 Thảm sâu C:XLIV-10
 Thám hoa B:3128
 Than phụng B:IV
 Thang mây A:329
 Thanh bản B:158
 Thanh khâm A:318; D:1203
 Thanh lâu B:1660
 Thanh tâm B:2015
 Thanh tân C:XIII-21
 Thanh thao A:187; B:675
 Thanh thân B:1210
 Thanh thiên B:1210
 Thanh u B:339
 Thanh xuân B:2960
 Thành đồng lữ sắt C:XXXI-18
 Thành hoàng B:1411
 Thành thân B:3204
 Thành lữ làm xấu B:869
 Thành vương D:2846
 Thánh đế B:1220
 Thánh giáo B:2670
 Thánh hiền B:II
 Thánh kinh B:2731; D:1123
 Thánh minh D:2045
 Thánh y D:2915
 Thảo cha ngay chúa B:1840

Thảo mắng D:3444
 Thảo ngay A:1102; C:I-5;
 D:2804
 Thảo thuận D:1304
 Tháp Nhạn B:2949
 Tháp Nhạn cao bay
 B:2949
 Tháp tùng A:862
 Thay nạp D:1270
 Thăng bình B:1; C:XIII-40
 Thăng dùi B:2976
 Thăng xông D:234
 Thâm san B:88
 Thâm tình B:3036
 Thâm trầm B:3066
 Thâm u D:2985
 Thân bách chiến C:IV-1
 Thân danh A:1422;
 C:XVII-13
 Thân Hàn D:IX
 Thân phụ B:2446
 Thân thế C:XLIV-23
 Thần dân C: XLIV-23
 Thần đồng B:2688
 Thần hoàng B:1218
 Thần nông D:693
 Thần thông B:123; D:3252
 Thần tử B:2634; C:XIV
 Thần tượng D:3468
 Thần y D:971
 Thập ác B:970; D:156
 Thất gia A:1224
 Thất phu A:112
 Thất tình A:1262; D:143
 Thật hư D:388
 Thâu sanh B:2099
 Thấy Trình B:2688
 Thấy Viên B:XIX
 Theo trong D:9
 Thê thê D:578
 Thề non nước B:186
 Thề nữ A:1464; B:3083
 Thề Dân A:1236
 Thề đạo B:V
 Thề đạo đôi ba B:X; D:53
 Thề gia vọng tộc
 C:XVII-17
 Thề lợi B:XVIII-1
 Thề sự B:XXXIV-5
 Thề tục B:177; D:2593
 Thề vạ C:XLVI-7
 Thề y B:1783; D:931
 Thệ hải sơn minh A:1859
 Thi hội B:3012
 Thi hương B:3011
 Thi kinh B:2715
 Thi Toàn C:XXX-3
 Thi vận B:3062
 Thi xuân B:3122
 Thi chung A:181; B:228;
 D:1496
 Thi thạch C:XXXVII-3
 Thí trường B:2954
 Thị phi A:618; B:205;
 C:XXXI-27; D:636

Thích gia B:962 Thọ yếu D:1365
 Thích lý C:XXXI-30 Thói Điều Thuyền A:1252
 Thiên can D:173 Thói Đường cung A:1235
 Thiên cầu B:1814 Thối nước Tê A:1233
 Thiên chân D:1348 Thối nước Trịnh A:1591
 Thiên công B:122 Thối xằng B:1656
 Thiên dân C:XVIII-29 Thòm miệng B:472
 Thiên đàn B:12 Thon von A:830; B:148;
 Thiên hương A:588 D:2754
 Thiên luân B:758; D:2804 Thông biến D:2904
 Thiên niên D:1373 Thông gian B:1941
 Thiên tào B:125 Thơ Đường B:467
 Thiên Thai B:331; D:1186 Thơ lại B:571
 Thiên thành B:2993 Thơ lâu B:3020
 Thiên thân B:1443 Thơ ngự chế B:3411
 Thiên tĩ C:XXII-6 Thơ phòng B:3121
 Thiên tru địa lục B:1954 Thơ sấm D:2870
 Thiên trụ địa duy D:2750 Thơ sanh C:XXXIII-3
 Thiên Trúc B:948; D:3407 Thờ trên nuôi dưới D:12
 Thiên tử B:1031; Thở than D:3520
 C:XXXI-7; D:IV-2 Thợ bện dăng D:3317
 Thiên ương C:XVII-12 Thợ hóa công C:XIII-5
 Thiên khách B:430 Thợ trời D:2265
 Thiên sư B:547 Thời Lưu C:VI-3
 Thiên tượng B:387 Thời vận bất tề D:271
 Thiện ác đảo đầu Thù công A:173
 B:161; D:1327 Thủ khoa B:2980
 Thiệu quang B:555; Thủ thiện phụ nhân D:1207
 D:1327 Thú thê B:726
 Thìn A:196 Thuận lý C:XIII-2
 Thịnh không B:134 Thuật sĩ D:2173
 Thịnh thịnh B:493 Thúc Hòa D:989
 Thịnh kinh B:948

Thúc quỹ A:487; Thường Sơn chửi giặc
 B:409; D:3 D:2736
 Thực nữ A:112 Thượng trình A:388
 Thun D:1411 Tì tất A:154
 Thuốc châm môi cọp D:1246 Tị trần A:614
 Thuốc điểm mắt rồng Tị Tần D:21
 D:1245 Tích thiện hữu dư D:1318
 Thuốc ngang B:2037 Tiềm tâm D:562
 Thuồng luồng B:764 Tiên thiên D:456
 Thủy hử C:XXVIII-6 Tiên tri B:1052
 Thủy thổ C: XLIV Tiền đàn B:3165
 Thủy tộc D: 2989 Tiền trình A:72; B:345;
 Thủy tú sơn kỳ D:1076
 A: 421; B: 552
 Thuyền A: 794; D: 2139 Tiễn sĩ bắn nỏ C:XVII-17
 Thuyền thông B: 886 Tiếng dậy như cồn B:3639
 Thư hùng C: XIII-11 Tiếng nổi như cồn B:2327
 Thư nhàn C:XLIV-11 Tiếng hay đồn xa B:2513
 Thử dâm C:XII-22 Tiếng hồng D:VI
 Thử thủ C:XIII-22 Tiếng khóc lân B:IV
 Thừa liêm B:3350 Tiếng ngọc D:219
 Thừa việc B:3350 Tiếng Tàng Thương D:X-4
 Thực chứng D:1896 Tiết hạnh A:6
 Thực giác C:XIII-19 Tiết trăm năm A:164
 Thực hóa B:XVIII-4 Tiết trinh A:1947
 Thực miêu C:XIII-19 Tiêu Diễn D:3393
 Thực sắc D:1338 Tiêu điều D:2980
 Thuốc kiều B:2889 Tiêu sâu C:III-2
 Thương cổ D:924 Tiêu phụ B:716
 Thương công D:1047 Tiểu đồng A:321; B:1015
 Thương nông B:779
 Thương sinh D:2773
 Thường sơn D:795

Tiểu khoa A:358; B:3007
 Tiểu nhi D:III
 Tiểu sanh B:401
 Tiểu tự D:1038
 Tin điệp C:XXXII-5
 Tin nhận D:VI
 Tin phụng vãng B:XXII
 Tin xuân B:394
 Tín bài B:1189
 Tinh chiêm C:XVIII-6;
 D:1102
 Tinh dã mã C:XVIII-6
 Tinh hoài A:425
 Tinh người ở bạc như vôi
 B:2839
 Tính tự A:298
 Tinh thân A:1155
 Tinh thất D:2654
 Tỏ trang B:3318
 Tỏ tường B:3116
 Toàn B:2324
 Tóc tơ A:2490; C:XVII-2
 Tót đời A:362
 Tô lang D:2729
 Tô Vũ C:XI-5
 Tổ Địch D:2743
 Tổ phụ C:XLIV-23
 Tổ vấn D:835
 Tộc loại C:XLIV-25
 Tối thâm D:2789
 Tôn sư A:16; B:1077
 Tôn Tần A:469
 Tông tích B:1470
 Tổng công A:1596
 Tổng hành A:1434
 Tổng hồi B:2463
 Tổng hôn B:3428
 Tổng tình A:395
 Tột mờ D:1712
 Tơ đồng B:3062; C:VII-3
 Tơ hồng A:330
 Tơ trắng B:659
 Tơ trắng hai màu ... B:VII
 Tó A:28
 Trá hôn A:1509
 Trạch dân D:2776
 Trãi đường mở ngõ B:454
 Trạm bắc C:XXXII-5
 Tràng đình C:XLV-2
 Trạng khoán B:1552
 Trạng nguyên A:1751;
 D:3579
 Tranh tiên C:XXXI-5
 Trạnh lòng C:XXXIX-8
 Treo mảnh một dải
 C:XXXI-4
 Trào ca A:1894
 Trào đô A:1905
 Tráo chác A:822
 Trau A:6; D:III
 Trau dôi A:1613;
 C:XVII-15
 Trau mình A:6; B:2642;
 C:XVII-4; D:1436

Trắc nét A:1606
 Trăm năm B:146
 Trắng lớp C:XVIII-7
 Trâm anh A:1544;
 C:XXXVII-4
 Trân bửu B:XII; D:110
 Trân cầm dị thú B:1082
 Trân trọng D:1232
 Trần ai B:204
 Trần duyên B:2246; D:275
 Trần Đoàn A:519
 Trần đồ tám quẻ D:V-5
 Trây máu C:XLIV-29
 Treo dê bán chó C:XVIII-8
 Treo kinh đẹp sử D:38
 Treo mảnh một giải
 C:XXXI-14
 Trẻ nãi C:XXXI-10
 Trên quyền dưới trá B:758
 Treo leo D:3303
 Treo người D:238
 Tri âm A:193; B:424;
 C:VII; D:263
 Trì trì B:551
 Trí trung hòa D:2047
 Trị bình C:XLIV-32
 Trị liệu D:1794
 Trị luận D:1868
 Trị vì B:1762
 Triệu Quy Chân D:3293
 Triệu Tần mộ Sở
 C:XLIV-24
 Triệu tử phá vòng Dương
 Dương A:132
 Trinh nữ C:XII-22
 Trọn gìn D:715
 Trong đục A:477; D:II
 Trong gương bạch phát
 B:XXXI-4
 Trong nhà cũng có Thích
 gia B:XXXI-13
 Trong sách có con gái
 hiền B:2962
 Trong tuyết đưa than A:1099
 Trồng tre D:III
 Trổ D:2257
 Trổ xoi D:157
 Trối thầy B:1945; D:1278
 Trông chừng B:75
 Trống mái B:260
 Trở việc A:856
 Trớ trình A:1061
 Trời che đất chở B:XXV-1
 Trời dài đất rộng B:2792
 Trời hạn trông mưa
 C:XVIII-6
 Trời Nghiêu B:III
 Trời sanh trời dưỡng
 B:2296
 Truân truân D:1179
 Trúc Lâm A:534; B:473;
 D:2685
 Trung ái C:XXXI-31
 Trung chính A:1939
 Trung hiếu A:5; B:I
 Trung nghĩa C:XXIX-8

Trung nguyên B:456
 Trung trực B:1408
 Trùng cửu B:2672
 Trùng dương B:2658
 Trường C:XXV-5; D:166
 Trường cốc C:XXV-5
 Trường trần B:1933
 Truy lư D:262
 Trữ ma ếm quỹ A:762;
 B:1568
 Trữ dưỡng A:1928
 Trước mai A:366
 Trước ly B:2400
 Trương Bửu D:3288
 Trương Lương vì chúa
 D:2728
 Trương Phi A:1754;
 D:2732
 Trương, Tôn D:928
 Trương Trọng Cảnh D:868
 Trương Tuần D:2737; C:XXXIII-6
 Trương tử D:2064
 Trương Tử Hòa D:908
 Trường đồ D:234
 Trường khối lỗi C:XLIV-12
 Trường nhung C:XVIII-4
 Trường thi C:XXXI-5
 Trường sa C:XXVIII-3
 Trường tộc B:216
 Trường hùm C:III-3
 Trương nhân B:541
 Trương phu D:1143
 Tu nhơn tích đức A:8
 Tu trì D:3423; B:359
 Tua A:1630; B:2241;
 C:XVII-27; D:1329
 Tua dè C:XVII-27
 Tua khá B:2241
 Tuần phòng B:1342
 Tuần tra B:1438
 Túc duyên D:425
 Tục y B:281; D:1009
 Tụng đình D:3247
 Tụng kinh niệm kệ B:208
 Tuổi hạc A:55
 Tuồng đời C:XLIV-12
 Tuy-dương mắng giặc
 D:2738
 Tuỳ nhi A:255
 Tuyên A:472
 Tuyết sương C:XLIV-15
 Tư dạ C:XIII-4
 Tư phi B:249
 Tư thần C:XIII-4
 Tư tình B:2950
 Tư văn B:2668
 Từ bi A:1756; B:176;
 D:3357
 Từ mẫu A:560
 Từ ngăn A:2018
 Từ phi A:226
 Từ qui D:2927
 Từ tạ B:2963; D:227

Từ, Tiên D:934
 Tử Củ A:1234
 Tử đệ C:XVII-21
 Tử Hạ B:536
 Tử Khiên B:733
 Tử Kỳ Bá Nha B:429
 Tử Lộ A:82
 Tử lý B:290
 Tử tôn A:742
 Tử tức C:XVII-10
 Tử bửu B:2964
 Tử quý D:472
 Tử tri B:1949
 Tứ tung B:2082
 Tương hội A:1760
 Tương khi B:757
 Tương tùy B:94
 Tường A:56
 Tướng quân C:XXXI-7
 Tướng ngổ tôi hiền A:1932
 Tướng sĩ C:XXXI-20
 Tướng soái C:XXXI-21
 Tướng tá C:XXIX-7
 Tướng tinh B:2346;
 C:XX-7
 Tửu hào D:1135
 Tửu sắc D:1417
 Tụ Thái D:942
 Tụ trưởng B:2802

U

U minh A:560; B:1725;
 D:2147
 U thâm D:1909
 U vi B:XVI; C:XIII-35; D:659
 U xù B:2058
 Ủ ê B:1689; C:XXXI-31
 Uất khúc C:XIII-35
 Uống mệnh C:XLIV-26
 Uống tử thành B:1759
 Ước ao A:448
 Ưng A:1992; D:2281
 Ưng chế khoa B:373
 Ưng kỳ A:1736
 Ưng nghĩa C:XX-4
 Ưng tiếng A:219
 Ưu nghi B:239
 Ưu phiền A:599
 Ưu thế D:2780
 Ưu tư B:3193
 Uyên ương A:241
 Ước mơ A:41

V

Va B:286;D:1303
Vác đồng B:1307
Vách ngả tường nghiêng

C:XIII-20

Vãi A:1581; B:688
Vãi ở chùa A:1581
Vằm C:XXV-4
Van vái B:2032
Ván vong C: XLIV- 37
Ván thất tinh

C: XXXVII-6

Vạn bệnh hồi xuân
D: 1119

Vạn tuyền D: 2382
Vang dây A: 336; B: 73
Vàng đá B: 625; D:99
Vàng đoàn C:XIII-30
Vàng ngọc B:XIII-2;D:947
Vấn chương B:140
Vấn Quân A:1610
Vấn trời lý đất D:850
Vấn vật A: 458; B: 2908
Vần vện B:1537
Vấn dài D:2238
Vắng vắng C:IX-1
vắng hui D:2787
Vắng hoe A:825;
B:1237; D:291
Vân am B:1802
Vân du B:370
Vân động B: 1074
Vân hà C: XLIV-34

Vấn thiết D:188
Vấn vương C:XLIV-26
Vận khí B:2040
Vận kiến thời quai
D:3567

Vận nghèo A:1796
Vận sông vàng D:19
Vận thổ D:2077
Vận trời ngó lại B:3104
Vàng đồng B:2343
Vàng ô B:603
Vật dục D:2038
Vật đổi sao dời D:4

Vật ngoài gió bụi D:2692

Vây lửa A:949
Vây nhọn duyên A:1630
Vầy vui B:2694
Vầy vá C:IX-6

Ve văn C:XVII-26

Vẽ hùm ra chó D:3606

Vền vang B:556

Vén mây xem trời D:280

Vén chữ tùng A:244

Về D:590

Vị nhân B:2633

Vị-thủy C:XLIV-36

Việc vàng D:2424

Việc vầy B:1802

Viên lữ C:XXXI-4

Viếng an A:1696

Viếng thân A:855

Viết Châu B:IV

Vinh nhục B:384

Vinh hiển B:820

Vinh hoa B:107

Vinh khô D:1122

Vinh quý A:1980; B:3144

Vịnh ngâm C:XVII-36

Vồ vồ nuôi nhện B:3024

Vồ hậu A:800

Vồ phu B:834

Vồ sĩ B:860

Vồ võ A:408

Vồ khố C:XXXI-17

Vồ khúc C:XXX-2

Vồ nghệ C:XXX-4

Vó ký C:XXVIII-7

Vóc A:109; B:679; D:215

Vóc đặc B:2124

Vóc dê da cộp D:116

Vóc hình D:1722

Vóc ngọc mình vàng A:109

Vong hồn C:XVIII-29

Vong linh B:1486;

C:XXXVII-8

Vòng danh xiềng lợi

B:383; D:2689

Võng dù B:3106

Võng điều A:1987

Vọng phu A:1623; B:2554

Vọng thiên B:3166

Vọng văn D:188

Vọng văn văn thiết

D:980

Vô ân B:1809

Vô khúc C:XXXI-2

Vô cô C:XXXIX-6

Vô danh B:496

Vô dụng B:XXIV-8; C:X-4

Vô đạo B:1730

Vô lễ vô nghi C:XIII-26

Vô luân B:1729

Vô nghi A:1967

Vô nhân D:2785

Vô như chi hà D:118

Vô phụ vô quân D:3415

Vô quân C:XL-4; D:3415

Vô tình B:1943

Vợ quả con cô C:XLIV-10

Vớt chìm D:3405

Vời A:940; B:2120

Vu quy B:3039

Vũ miếu A:305

Vua Văn D:1295

Vua Vũ B:1611

Vua hương A:1340;

B:584; C:XVIII-21

Vua hương bát nước B:584

Vực thả B:828

Vùng A:1651

Vườn đào C:II-8
 Vườn xuân A:1577;
 B:2516
 Vương bá C:III-6
 Vương Bao tụng D:1429
 Vương mẫu A:802
 Vương thổ C:XVIII-30
 Vương Thúc Hoà D:1020

X

Xa thơ C:XVIII-8
 Xa thơ về một mối
 C:XLIII-7
 Xà yêu D:2192
 Xả tắc C:XIII-21
 Xá sinh B:1803
 Xạ tước B:2890
 Xai nghị D:3047
 Xao B:625
 Xàng xàng B:1746
 Xảo quyết C:XIII-13
 Xảo tính linh tâm
 C:XIII-12
 Xăm xăm B:315; D:3001
 Xăm xỉ D:2394
 Xấn vắn C:XVI-2
 Xăng vắng C:XXXVIII-3
 Xằng xê B:1615
 Xây D:436
 Xây dòng D:492
 Xây vắn D:394
 Xây xây D:2290
 Xây xa B:XVII-4
 Xe dây Nguyệt lão B:2928
 Xe duyên B:3050
 Xe giá A:1463
 Xe lơ mối hồng A:1208
 Xe mây C:XLIV-20
 Xe nhung C:XXIX-4
 Xèo xèo D:3302
 Xếu mếu C:XXXVIII-8
 Xĩa B:852
 Xích thiên B:1226
 Xiêm A:1548
 Xiềng D:3554
 Xiêu lạp gặp người cố
 hương D:240
 Xiêu mưa ngã gió C:XVIII-21
 Xong xã A:1511
 Xô bồ B:3402
 Xồm xồm C:XIII-6
 Xốn xang A:1278
 Xông pha C : XI-4
 Xông sương A: 86
 Xua duồng B: 506
 Xuân bất tái lai A: 1619;
 B: 385
 Xuân đường A: 1739
 Xuân huyền A: 1173;
 B:2830
 Xuân kỳ B : 293

Xuân ôn D : 814
 Xuân quang D: 225
 Xuân thu B: 720; 1828;
 C: V-6; D: 1152
 Xuân vương D: 1123
 Xuất gia B: 172; D: 2973
 Xuất gia đầu Phật B: 172
 Xuất hồn B: 1148
 Xuất hồn thăng giáng
 D: 646
 Xuất tội hoạt hàng
 D: 1273
 Xuất trần D: 1443
 Xúc cảnh hứng hoài
 A: 233
 Xuê A: 18; B: 2207, 3299,
 C: XXXI-30, D: III
 Xuê xang B: 2467
 Xuông D: 1692
 Xử sĩ D: 2689
 Xưng vưng C: XXV- 7
 Xùng xùng D: 2763
 Xương Lê chi thần B : 606
 Xướng họa B: 2779
 Xuyên dương A: 409
 Xử phân A: 1946

Y

Y bát chân truyền D: 2943
 Y biến D: 2060
 Y Doãn D: 900
 Y đạo đại nguyên D: 851
 Y học A: 669
 Y khoa D: 924
 Y lâm D: III
 Y lý B: 780
 Y mào A: 1746
 Y Phó A: 513
 Y phương C: XVII-31
 Y sinh D: 1074
 Y thơ D: 1235
 Y tông D: 2886
 Yên tử B: XVIII
 Yến A: 1905
 Yến diên B: 2494
 Yết dê D: 2744
 Yêu Ly D: 2695
 Yêu tình C: XIII-23
 Yêu vì B: 3101
 Yếu chỉ D: 872
 Yếu quyết D: 530

NIÊN PHỔ NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

1820 (Canh Thìn).

- + Minh Mệnh (Nguyễn Phúc Đảm) lên ngôi
- + Mùa hạ tháng 5, tả quân Lê Văn Duyệt được triều đình Huế phái làm tổng trấn thành Gia Định. Đầu mùa thu đến. Nguyễn Đình Huy theo Lê Văn Duyệt vào Nam tiếp tục làm thư lại ở Văn hàn ty dinh tổng trấn.

+ Nguyễn Đình Huy lấy vợ hai tên là Trương Thị Thiệt, người làng Tân Thới tỉnh Gia Định.

1822 (Nhâm Ngọ).

- 1 tuổi.
- + Nguyễn Đình Chiểu sinh, giờ dậu, ngày 13 tháng 5 Nhâm Ngọ (1-7-1822),
- + Minh Mệnh mở các khoa thi Hội, thi Đình lấy tiến sĩ.

1825 (Ất Dậu).

- 4 tuổi.
- + Tàu Thétis đưa Rogerot đến Đa-Năng để y đi giảng đạo các nơi.
- + Ban dụ cấm đạo và khám sát tàu bè ngoại quốc ra vào cửa bể.
- + Nguyễn Thị Thục, em Nguyễn Đình Chiểu sinh.

1826 (Bính Tuất).

- 5 tuổi.

+ Phan Thanh Giản thi Hội đỗ tiến sĩ, là ông nghề thứ nhất của Nam Kỳ.

1827 (Đinh Hợi).

- 6 tuổi,

+ Nguyễn Thị Nữ, em Nguyễn Đình Chiểu sinh,

1831 (Tân Mão).

- 10 tuổi.

+ Huỳnh Mẫn Đạt đỗ cử nhân trường Gia Định.

+ Lê Duy Lương nổi dậy chống triều đình Huế mãi đến năm Ất Mùi (1835).

1832 (Nhâm Thìn).

- 11 tuổi.

+ Lê Văn Duyệt mất (đêm 30 tháng 7 Nhâm Thìn 25-8-1832).

+ Minh Mệnh hủy chức tổng trấn, chia Nam Kỳ ra làm sáu tỉnh, đổi tên thành Gia Định ra thành Phan An. - Bạch Xuân Nguyên “phụng mật chỉ” truy xét việc Lê Văn Duyệt.

1833 (Quý Ty).

- 12 tuổi.

+ Lê Văn Khôi (con nuôi Lê Văn Duyệt) nổi dậy cùng quân lính bắt giết Bạch Xuân Nguyên, Nguyễn Chương Đạt

(đêm 5-2-1833).

+ Lê Văn Khôi chiếm thành Phan An rồi chiếm cả Nam Kỳ Lục tỉnh.

+ Nguyễn Đình Huy trốn về Huế, bị cách hết chức tước.

+ Nguyễn Đình Huy lên vào Nam đem Nguyễn Đình Chiểu về Thừa Thiên học tập.

+ Triều đình Huế sai Tổng Phúc Lương làm “thảo nghịch tả tướng quân”... đem quân vào đánh Lê Văn Khôi.

1835 (Ất Mùi).

- 14 tuổi.

+ Lê Văn Khôi sai lầm xin viện binh Xiêm vào chống triều đình Huế. Quân Xiêm giầy xéo quê hương làng mạc nên Khôi không được nhân dân ủng hộ nữa và đã được triều đình Huế dẹp tan vào đầu mùa thu.

+ Thành Phan An bị hạ, hơn 1.830 quân của Lê Văn Khôi bị chém, thây đổ đồng xuống một cái hầm, lấp đất lại, tục gọi là “Mả Ngụy”. Sáu thủ phạm khác phải đóng cũi giải về Huế, trong số này có linh mục người Pháp là Mác-săng (Marchand) tục gọi là Cố Du.

+ Mộ Lê Văn Duyệt bị san bằng, trên dựng bia đá có dòng chữ: “Quyền yêm Lê Văn Duyệt phục pháp xứ”.

+ Bùi Hữu Nghĩa đậu giải nguyên trường Gia Định.

+ Nguyễn Thông ra Huế học.

1837 (Đinh Dậu).

- 16 tuổi.

+ Nguyễn Đình Tự, em Nguyễn Đình Chiểu sinh.

1839 (Kỷ Hợi).

- 18 tuổi.

+ Nguyễn Đình Tự, em Nguyễn Đình Chiểu sinh.

1840 (Canh Tý).

- 19 tuổi.

+ Nguyễn Đình Chiểu từ Huế trở về Nam, chờ khoa thi Quý Mão (1843).

1841 (Tân Sửu).

- 20 tuổi

+ Các vụ bắt giam các giáo sĩ người Pháp vẫn tiếp tục.

+ Phan Thanh Giản làm chánh chủ khảo trường thi Hà Nội.

+ Thiệu Trị (Nguyễn Miên Tông) lên ngôi.

Nguyễn Đình Huân, em Nguyễn Đình Chiểu sinh.

1843 (Quý Mão).

- 22 tuổi.

+ Nguyễn Đình Chiểu đỗ tú tài trường Gia Định. Cùng khoa có Đỗ Trình Thoại đỗ cử nhân, được bổ tri huyện, sau khởi nghĩa chống Pháp, rồi hy sinh.

+ Chiến thuyền Pháp bắn thị uy trước Cửa Hàn đòi tự do

cho 5 linh mục bị cầm tù ở Huế.

1846 (Bính Ngọ).

- 25 tuổi.

+ Nguyễn Đình Chiểu ra Huế học, chờ khoa thi Kỷ Dậu (1849), đi cùng với em Nguyễn Đình Tự 10 tuổi.

1847 (Đinh Mùi).

- 26 tuổi.

+ Lấy cố Triệu Trị giết đạo, thực dân Pháp đem chiến thuyền gây sự ở Đà Nẵng, bắn chìm năm chiếc tàu đồng của triều đình Huế.

+ Triệu Trị mất, Hồng Nhậm lên ngôi đặt niên hiệu Tự Đức.

1848 (Mậu Thân).

- 27 tuổi.

+ Phan Thanh Giản giữ chức Lại bộ thượng thư.

+ Mẹ Nguyễn Đình Chiểu mất (táng ở phường Tân Triêm, nay là Cầu Kho) ngày rằm tháng Mậu Thân (11-12-1848).

1849 (Kỷ Dậu).

- 28 tuổi.

+ Nguyễn Đình Chiểu bỏ thi, cùng em theo đường bộ trở về Nam chịu tang mẹ.

+ Đến Quảng Nam Nguyễn Đình Chiểu ốm nặng nghĩ chữa bệnh ở nhà thầy thuốc vốn dòng dõi ngự y, Nguyễn

Đình Chiểu học luôn được nghề thuốc.

+ Nguyễn Đình Chiểu bị mù cả hai mắt vì bệnh tình quá trầm trọng.

+ Nguyễn Thông, Phan Văn Trị đỗ cử nhân trường Gia Định.

1851 (Tân Hợi).

- 30 tuổi.

+ Mãn tang mẹ, *Nguyễn Đình Chiểu mở trường dạy học ở Bình Vi (Gia Định).*

+ Ban dụ cấm đạo. Lần này cấm ngặt hơn lần trước.

+ *Truyện Lục Vân Tiên* có lẽ được bắt đầu sáng tác vào thời gian này.

+ Nguyễn Tri Phương được cử làm Nam Kỳ kinh lược chánh sứ, và Phan Thanh Giản làm Nam Kỳ kinh lược phó sứ lãnh chức Gia Định tuần phủ.

1853 (Quý Sửu)

- 32 tuổi.

+ *Nguyễn Đình Chiểu cùng cha là Nguyễn Đình Huy lo việc thu thập biên soạn Nguyễn chi thế phổ.*

+ Phan Văn Minh coi họ đạo sứ Cái Mơn bị xử tử.

1854 (Giáp Dần).

- 33 tuổi.

+ *Nguyễn Đình Chiểu lấy vợ là bà Lê Thị Diên, em ruột*

Lê Tăng Quýnh, người làng Thanh Ba, quận Cần Giuộc, tỉnh Gia Định.

+ *Truyện Dương Từ - Hà Mậu* có lẽ được bắt đầu soạn vào thời gian này.

1855 (Ất Mão).

- 34 tuổi.

+ *Nguyễn Thị Hương (con gái đầu lòng) sinh.*

+ Nguyễn Tri Phương và Phan Thanh Giản dâng sớ xin dựng bia cho Võ Trường Toản. Tự Đức chuẩn y.

1856 (Bính Thìn).

- 35 tuổi.

+ Phan Thanh Giản làm Chánh tổng tài Quốc sử quán để soạn bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*.

+ Thực dân Pháp đánh phá Đà Nẵng lần thứ hai.

1857 (Đinh Tỵ).

- 36 tuổi.

+ Sứ thần Pháp ở Xiêm là Đơmôngtinhhi (De Montigny) đến Đà Nẵng đưa Pellerin (Pellerin), tên gián điệp đội lốt thầy tu về Pháp báo cáo tình hình Việt Nam.

1858 (Mậu Ngọ).

- 37 tuổi.

+ *Nguyễn Đình Chúc (con thứ hai) sinh.*

+ Hạm đội Liên Hiệp Pháp, Y-pha-nho vào Đà Nẵng bắn

phá, hạ thành An Hải và Điện Hải (ngày 2-9-1858), tiến đánh Huế, bị kháng cự mãnh liệt, buộc phải kéo vào Nam.

+ Triều đình Huế phái Đào Trí và Trần Hoàng đến Đà Nẵng ứng chiến. Hữu quân Lê Đình Lý hi sinh.

+ Tu viện Đồi Me ở Cái Mơn bị bao vây.

1859 (Kỷ Mùi).

- 38 tuổi.

+ Nguyễn Đình Chiểu về quê vợ ở làng Thanh Ba, quận Cần Giuộc. Làm bài Chạy giặc.

+ Tàu chiến Pháp kéo vào Cần Giờ (11-2-1859).

+ Thành Gia Định thất thủ (17-2-1859), mở đầu cuộc đánh chiếm Nam Kỳ.

+ Tôn Thất Hiệp, thống đốc quân vụ kêu gọi quân dân Lục tỉnh đứng lên diệt giặc, và lên án những người công giáo Việt Nam theo giặc.

+ Tự Đức ban dụ kêu gọi nhân dân chống Pháp.

+ Nguyễn Thông bỏ quan, tòng quân, giúp việc đặc lực cho Tôn Thất Hiệp.

1860 (Canh Thân).

- 39 tuổi.

+ Nguyễn Tri Phương đắp Đại Đồn ở Gia Định, tiếp tục chống Pháp.

+ Các cuộc chống Pháp đầu tiên ở Nam Kỳ của Trương

Định, Đỗ Trình Thoại, Đỗ Quang, Nguyễn Thông, Phan Văn Đạt, Hồ Huân Nghiệp, Trà Quý Bính, Trịnh Quang Nghị, Lưu Tấn Thiện, Lê Cao Đồng liên tiếp nổ ra ở Gò Công, Gia Định, Chợ Lớn và Tân An từ năm 1860 đến năm 1864.

1861 (Tân Dậu).

- 40 tuổi.

+ Thực dân Pháp đem toàn lực hạm đội Á Đông vào đánh Nam Kỳ. Sácne (Charner) đem 70 chiến thuyền, 3.500 quân bộ binh đánh giải vây Gia Định. Các đồn Chí Hòa, Cây Mai, Thuận Kiều lần lượt bị hạ.

+ Nguyễn Tri Phương bị thương.

+ Búccê (Bourdais) tiến đánh Định Tường. Hộ đốc Nguyễn Công Nhân phải bỏ thành. Gò Công, Cần Giuộc bị chiếm.

+ Các cuộc khởi nghĩa chống Pháp của Nguyễn Trung Trực nổi lên ở Tân An và Rạch Giá.

+ Nguyễn Trung Trực đốt cháy tàu "Hi vọng" (Esperance) của giặc trên sông Vàm Cỏ (Tân An).

+ Đỗ Trình Thoại dẫn 600 quân đột kích quan Pháp ở Gò Công bị hi sinh cùng 12 bộ hạ (22-6-1861). Trong trận tấn công Cần Giuộc, nghĩa binh bị hi sinh 15 người (16-12-1861).

+ Nguyễn Đình Chiểu làm bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc.

+ Nguyễn Thị Xuyến (con thứ ba sinh).

+ Sácne (Charner) ký nghị định lập trường học Pháp -

Việt lấy tên là trưởng Giám mục Bá-đa-lôc, một tên gián điệp đội lốt thầy tu.

1862 (Nhâm Tuất).

- 41 tuổi.

+ Phan Thanh Giản, Lâm Duy Hiệp cầu hòa ký nhường ba tỉnh miền Đông (Biên Hòa, Gia Định, Định Tường) và đảo Côn Lôn cho thực dân Pháp (ký tại Sài Gòn ngày 5-6-1862), kêu gọi Võ Duy Dương ngừng hoạt động.

+ Nhân dân ta lên án "Phan Lâm mãi quốc, triều đình khi dân". Ca dao: Thà thua xuống Láng xuống Bưng, Kéo ra đầu giặc lồi chứng quân thần.

+ Phan, Lâm bị gọi về Huế, triều đình nghiêm trách: "Hai người không chỉ là tội nhân của triều đình mà còn là tội nhân muôn đời của hậu thế".

+ Trương Định viết thư cho Phan Thanh Giản, công kích chính sách đầu hàng của Phan.

+ Tôn Thọ Tường ra hợp tác giúp việc cho giặc Pháp.

+ Nguyễn Đình Chiểu rời Cần Giuộc về Ba Tri. Làm thơ lưu giã "Vì câu danh nghĩa phải ra đi...".

+ Nguyễn Thông được cử làm đốc học Vĩnh Long.

1863 (Quý Hợi).

- 42 tuổi.

+ Trương Định ra tuyên cáo đánh Pháp đến cùng với quan

lại Vĩnh Long.

+ Phan Thanh Giản gửi thư cho Bôna (Bonard) tố cáo Trương Định.

+ Jôrét (Jaures) chỉ huy 10 chiến thuyền tiến đánh Gò Công mưu bắt Trương Định.

+ Lâm Duy Hiệp mất.

+ Nguyễn Đình Huân (em út Nguyễn Đình Chiểu) theo đốc binh Là chống Pháp hy sinh ở Cần Giuộc.

+ Phan Thanh Giản cầm đầu phái đoàn triều đình Huế sang thương lượng.

+ Nguyễn Hữu Huân khởi nghĩa ở Mỹ Tho.

1864 (Giáp Tý).

- 43 tuổi.

+ Nguyễn Thi Khuê (con thứ tư) sinh.

+ Trương Định cùng 30 nghĩa binh tâm phúc bị tên phản tướng là Huỳnh Công Tấn phục kích, ông liền tử chiến, hi sinh cùng 12 nghĩa binh khác (ngày 19-8-1864).

+ Nguyễn Đình Chiểu làm bài Văn tế và mười hai bài thơ liên hoàn điệu Trương Định

+ Bản dịch Lục vân Tiên của Ôbarê đăng trong tập Kỷ yếu châu Á, 1864.

+ Nguyễn Khuyến đỗ giải nguyên trường Nam Định, cùng khoa với Dương Khuê.

+ Phan Thanh Giản về nước.

1865 (Ất Sửu).

- 44 tuổi.

+ Phan Thanh Giản được cử làm Hiệp biện đại học sĩ Hộ bộ thượng thư sung kinh lược sứ ba tỉnh miền Tây.

+ Võ Duy Dương khởi nghĩa Đồng tháp mười.

+ *Bản nôm Lục Vân Tiên do Duy Minh Thị sao lục, Tôn Thọ Tường trông nom in, hiệu sách Quảng Thạnh Nam in lại ở Chợ Lớn.*

1866 (Bính Dần).

- 45 tuổi.

+ Quân dân phục dịch xây Vạn niên cơ, dưới sự lãnh đạo của Đoàn Trưng và Đoàn Trục nổi dậy chống triều đình Huế.

+ Trương Huệ con Trương Định khởi nghĩa chống Pháp ở Tây Ninh.

+ Trương Vĩnh Ký làm giám đốc trường Thông ngôn (Collège des interprètes) đến năm 1868.

1867 (Đinh Mão).

- 46 tuổi.

+ Phan Thanh Giản soạn văn bia Võ Trường Toản nhân dịp lễ rước di hài cụ đến táng ở thôn Bảo Thạnh, huyện Bảo An. Nguyễn Đình Chiểu có dự lễ rước này.

+ Đô đốc Lagrandie (Lagrandière) chỉ huy chiến thuyền

đến Vĩnh Long, đòi Phan Thanh Giản nộp nốt ba tỉnh miền Tây. Phan Thanh Giản trả lời: "Tôi có quyền giữ đất chứ không có quyền dâng đất".

+ Thực dân pháp chiếm ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ.

+ Phan Thanh Giản tuyệt thực 17 ngày không chết, uống thuốc độc tự tử, mất vào ngày mùng 5 tháng 7 Đinh Mão (4-8-1867).

+ Lagrandie gửi điện chia buồn cho trưởng nam Phan Thanh Giản, cho một toán lính Pháp đưa linh cữu ông về chôn tại làng Bảo Thạnh (Bến Tre).

+ Tự Đức xuống chiếu buộc tội Phan Thanh Giản, Lâm Duy Hiệp.

+ Nguyễn Đình Chiểu làm "thơ điệu" Phan Thanh Giản.

+ Phan Liêm và Phan Tôn (con trai Phan Thanh Giản) khởi nghĩa chống Pháp ở Bến Tre, Vĩnh Long.

+ Tôn Thọ Tường đến gành Mù U dụ hàng Phan Liêm, Phan Tôn.

+ Nguyễn Trung Trực khởi nghĩa ở Rạch Giá. Khi bị bắt đưa hành hình, Nguyễn Trung Trực nói: "Bao giờ người Tây nhỏ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây".

+ Nguyễn Đình Chiểu làm bài Văn tế nghĩa sĩ trận vong *Lục tỉnh*.

+ *Bản Lục Vân Tiên quốc ngữ đầu tiên do Jannô phiên*

âm và xuất bản theo lệnh của thống đốc Nam Kỳ.

+ Phan Tông khởi nghĩa ở Ba Tri, Giồng Gạch, hi sinh ở Gò Trụi.

+ Nguyễn Đình Chiểu làm 10 bài thơ điệu Phan Tông.

+ Ngự Tiều vấn đáp nho y diễn ca có thể được bắt đầu soạn trong thời gian này.

1868 (Mậu Thìn).

- 47 tuổi.

+ Nguyễn Hữu Huân khởi nghĩa chống Pháp ở Tân An và Mỹ Tho.

+ Nguyễn Trung Trực phá đồn Rạch Giá, giết nhiều quân Pháp và giết tên tỉnh trưởng (16-6-1868).

+ Tự Đức ra chỉ dụ cách chức Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp. Phan Thanh Giản bị án trăm hậu, truy đoạt chức hàm, bị đục tên ở bia Tiến sĩ.

1869 (Kỷ Ty).

- 48 tuổi.

+ Nguyễn Đình Chiêm (con thứ năm) sinh.

1871 (Tân Mùi).

- 50 tuổi.

+ Nguyễn Khuyến đỗ hội nguyên và đình nguyên.

+ Các nhà truyền giáo lập thêm nhiều họ đạo ở Bến Tre.

1872 (Nhâm Thân).

- 51 tuổi.

+ Lê Công Thành, Phạm Văn Đồng, Âu Dương Lân, Đỗ Thừa Luông, Đỗ Thừa Tự khởi nghĩa ở Vĩnh Long, Long Xuyên và Cần Thơ.

+ Bùi Hữu Nghĩa mất.

+ Trương Vĩnh Ký làm giám đốc trường Sư phạm (Ecole Normale).

+ Nguyễn Đình Ngưỡng (con út) sinh.

1873 (Quý Dậu).

- 52 tuổi.

+ Thực dân Pháp hạ thành Hà Nội lần thứ nhất, mở đầu cuộc xâm lược Bắc Kỳ, và Trung Kỳ.

+ Nguyễn Tri Phương bị thương nặng, nhịn đói tuần tiết.

+ Nguyễn Lâm (con Nguyễn Tri Phương) bị trúng đạn đại bác, hi sinh trong khi giữ cửa thành chống giặc.

+ Bản Lục Vân Tiên đầu tiên do Jannô phiên âm xuất bản ở Paris.

1874 (Giáp Tuất).

- 53 tuổi.

+ Triều đình Huế ký hòa ước Giáp Tuất (ngày 15-3-1874) chính thức đưa toàn bộ đất đai Nam Kỳ cho thực dân Pháp và công nhận quyền đi lại, buôn bán, kiểm soát của chúng ở

khắp lãnh thổ Việt Nam.

+ Tú tài Trần Tấn, tú tài Đặng Như Mai nổi dậy ở Nghệ An, lãnh đạo văn thân chống Pháp, truyền hịch “Bình tây sát tã”.

+ Trường Pháp Việt Bá-đa-lộc đổi thành trường trung học đầu tiên ở Nam Kỳ, tức là trường Satxolu Lôba sau này.

1875 (Ất Hợi).

- 54 tuổi.

+ Nguyễn Xuân Phụng, Đoàn Công Bửu khởi nghĩa chống Pháp ở Trà Vinh.

+ Lê Tấn Kế, Trần Bình khởi nghĩa chống Pháp ở Ba Động.

+ Bản Kiều quốc ngữ đầu tiên do Trương Vĩnh Ký phiên âm xuất bản ở Sài Gòn.

1877 (Đinh Sửu).

- 56 tuổi.

+ Nguyễn Đình Chiểu rời chỗ ở đến An Đức (trước gọi là An Bình đông), cách chợ Ba Tri hai cây số.

+ Tôn Thọ Tường chết.

1882 (Nhâm Ngọ).

- 61 tuổi.

+ Thực dân Pháp bội ước tấn công thành Hà Nội lần thứ hai (25-4-1982).

+ Hoàng Diệu tuần tiết.

1883 (Quý Mùi).

- 62 tuổi.

+ Tự Đức mất. Dục Đức (Nguyễn Ứng Chân lên ngôi (ba ngày). Hiệp Hòa (Nguyễn Hồng Dật) lên ngôi (4 tháng).

+ Thực dân Pháp đánh chiếm cửa Thuận An, buộc triều đình Huế ký hiệp ước Quý Mùi, công nhận quyền bảo hộ của Pháp ở Việt Nam, cắt Việt Nam ra làm ba mảnh nhằm chia để trị.

+ Pilê (Pillet) một nhà thực nghiệp người Pháp ở Bến Tre đến gặp Nguyễn Đình Chiểu (bây giờ tại cụ lại điếc).

+ Pôngsông (Ponchon) tỉnh trưởng Bến Tre cùng thông ngôn Lê Quang Hiền đến nhà thăm Nguyễn Đình Chiểu, yêu cầu ông nhượng chính Lục Vân Tiên. Nguyễn Đình Chiểu khước từ mọi hứa hẹn giúp đỡ của thực dân Pháp.

+ Bản Lục Vân Tiên nôm và quốc ngữ do Aben dề Misen sao lục, dịch ra tiếng Pháp, xuất bản ở Pari.

1884 (Giáp Thân).

- 63 tuổi.

+ Nguyễn Đình Chiểu tổ chức lễ tế nghĩa sĩ Lục tỉnh tại chợ Ba Tri và làm bài Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh.

+ Kiến Phúc (Nguyễn Ứng Đăng) lên ngôi.

+ Triều đình Huế ký hòa ước Patonốt (Patenôtre) thừa

nhận nền đô hộ của thực dân Pháp ở Việt Nam.

1885 (Ất Dậu).

- 64 tuổi.

+ Hàm Nghi (Nguyễn Ứng Lịch) lên ngôi.

+ Tôn Thất Thuyết chủ động tấn công đánh úp quân xâm lược Pháp ở Huế (4-7-1885), bị thất bại.

+ Kinh đô thất thủ (5-7-1885).

+ Hàm Nghi chạy ra Quảng Trị, xuống chiếu cần vương. Nhân dân, sĩ phu từ Bình Thuận trở ra cho đến Nghệ An, Thanh Hóa nổi dậy hưởng ứng, mở ra một giai đoạn mới cho phong trào vũ trang khởi nghĩa của các văn thân chống Pháp mãi đến năm 1896.

+ Quắn Hớn, Nguyễn Văn Bường khởi nghĩa ở Hóc Môn.

+ Phan Đình Phùng khởi nghĩa cần vương ở Hà Tĩnh, Nghệ An, Trương Đình Hội, Nguyễn Tự Như (Quảng Trị).

1886 (Bính Tuất).

- 65 tuổi.

+ Thực dân Pháp lập Đồng Khánh (Nguyễn Ứng Xuy) làm vua.

+ Cuốn sách dạy tiếng An Nam cho học trò người An Nam, giải nghĩa *Lục Vân Tiên* của Trương Vĩnh Ký xuất bản ở Sài Gòn.

+ Bà Lê Thị Diên mất.

+ Các cuộc khởi nghĩa chống Pháp: Nguyễn Xuân Ôn, Lê Doãn Nhạ, Phạm Bành, Đinh Công Tráng, Hà Văn Mạo (Ba Đình), Nguyễn Thiện Thuật (Hưng Yên), Lê Thúc (Quảng Bình...).

+ *Baj (Bajot) dịch truyện Lục Vân Tiên ra tiếng Pháp, xuất bản ở Sài Gòn.*

1888 (Mậu Tý).

- 67 tuổi.

+ Nguyễn Đình Chiểu mất, ngày 24 tháng 5 năm Mậu Tý (3-7-1888) tại làng An Đức, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

+ Hàm Nghi bị bắt ở Quảng Bình (ngày 2-11-1888) và bị đày sang Anjêri.

LỜI BẠT

TÁC PHẨM VĂN HỌC CỔ VIỆT NAM - TỪ NHẬN THỨC ĐẾN XỬ LÝ VĂN BẢN

NGUYỄN THẠCH GIANG

TRONG các môn học dạy ở nhà trường, thì môn văn học có một tác dụng giáo dục toàn diện hơn cả. Văn học là môn rèn luyện cách làm người cho học sinh. Vì lẽ đó mà người ta gọi văn học là nhân học, nhằm hun đúc cho con người cái chân, cái thiện, cái mỹ.

Riêng văn học cổ đóng một vai trò quan trọng trong việc đào luyện con người. Tác phẩm của mười thế kỷ văn học còn lại không nhiều. Nhưng đây là những giá trị đã được gạn lọc từ bao đời nay mới truyền lại. Đó là một di sản quý. Cũng như ngày nay, thơ văn xuất hiện ngày một nhiều, nhưng số còn lại cho mai sau chắc chắn không bao nhiêu. Chỉ những gì thực sự là tiêu biểu cho văn hóa một thời của dân tộc là tồn tại. Những cái mới thời thượng hiện nay trong thơ ca... xa lạ với truyền thống sẽ mất đi. Cho nên, chỉ những tác giả

biết gắn chặt với cội nguồn dân tộc trước đã rồi tiếp thu cái mới lạ của bốn phương mà đồng hóa và sáng tạo là sống mãi.

Mười thế kỷ văn học dân tộc còn lại với chúng ta đủ các thể loại vừa văn Hán vừa văn Nôm. Văn học cổ ý thức một cách rành mạch rằng văn học và cả nghệ thuật là công cụ giáo dục đạo đức. Đó là quan điểm các cụ nhà nho. Còn đạo gia tuy không có sách vở bàn về nghệ thuật, nhưng thái độ sùng thượng tự do, tinh thần và sự lý tưởng hóa thiên nhiên của họ là nguồn cảm hứng sâu xa cho các nghệ sĩ tài danh của dân tộc, như Nguyễn Bình Khiêm, Lý Tử Tấn, đến cả Huyền Quang, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du... Do đó, bài học hồn nhiên, sinh động chung mà hậu thế nhận được qua di sản văn học cổ là cái đạo nghĩa muôn đời trung hiếu tiết nghĩa, tinh thần yêu non sông đất nước, yêu đồng bào, lòng tự hào dân tộc cùng với khát vọng tự do và công lý, niềm tin vững chắc vào thắng lợi cuối cùng của cái chân, cái thiện, cái mỹ. Những giá trị đạo đức ấy từ ngàn xưa đã bàng bạc trong mọi hình thức hoạt động của văn hóa dân gian, đậm đà trong ca dao, dân ca, đã hun đúc nên tinh thần dân tộc, sắc thái văn hóa dân tộc.

Đừng lấy óc phân tích khúc chiết chưa thuần thực

Văn dĩ tải đạo. Các tác phẩm văn học cổ đã chở đạo lý đó bằng văn là lòng tin vững chắc, hồn nhiên của mình mà đời đời kiếp kiếp được tạo nên từ những cảm nhận bằng trực giác nói trên kia. Điều dễ thấy trong các truyện diễn ca là nhân dân, họ từng thất bại ê chề trong cuộc đời của vua tôi, của quan lại tham nhũng, tức là trong một xã hội mà cái hèn hạ, thói nịnh bợ, điều vô đạo chi phối tất cả, thì họ phải thắng trên trang văn, trong ý chí giả tưởng với một niềm tin mãnh liệt vào sự công bằng của tạo hóa, của tự nhiên. Trong đời sống thực tế xã hội cũ đầy rẫy những phi lý, bất chấp đạo đức và lẽ phải, thì ở đây nhân dân cũng đã đáp lại bằng cách đó. Đây cũng là cách thắng lợi tinh thần, đồng thời cũng là những tia hồi quang của hiện thực được phản ánh trong văn học cổ.

Những bài văn học cổ để lại cho chúng ta vừa là luân lý xã hội nhằm đem lại nền thịnh vượng cho toàn dân, vừa đồng thời là đạo đức cá nhân, vì thực thì nó thì sẽ được gặp lành... Theo nghĩa rộng của những từ này, thì tác phẩm văn học cổ nào cũng có đề cập đến những giá trị đạo đức cơ bản đó. Phong kiến chăng? Không. Thực ra bấy nhiêu điều là những đạo lý phổ quát của dân gian. Xét về mặt tự nguyện, thì nó đã

được hình thành sớm hơn bất cứ một lý thuyết đạo đức nào trong quá khứ. Nhà nho về sau cũng chỉ lấy di sản đạo đức đó của dân gian mà xây dựng thành hệ thống đạo đức trong học thuyết của mình.

Từ những giá trị đạo đức truyền thống trong văn học cổ, nó ngấm ngấm gieo vào lòng ta một niềm tin thần thánh rằng cái lẽ phải muôn đời mà người dân chỉ cảm nhận được bằng trực giác nói trên kia sẽ thắng. Nghĩa là, người trung tuy bị hãm hại, kẻ nịnh dù tạm thời đắc thế, song điều tốt lành, người lương thiện mãi mãi được phù trì, và rồi chung cuộc lẽ phải, chính nghĩa nhất định thắng. Và, từ đó mà cảm giận bọn người đen bạc, thả lòng hướng về cái chân, cái thiện, cái mỹ, thuần hóa con người chúng ta với một lòng thanh thản của người làm chủ nắm chắc được chân lý ngàn xưa: Gian tà đắc chí mấy hơi, mất thần khôn giấu lưới trời khôn dung.

Trời là gì? Và mất thần là đâu? Đó là những khái niệm hết sức chung, bao quát những thế lực tự nhiên và xã hội, trong đó có cả sức mạnh của con người, của nhân dân. Đó là một từ ngữ mang ý nghĩa nhân đạo cao cả đã an ủi lòng người ta biết bao đời nay trong đau thương vì những thế lực vô đạo đương quyền trong xã

hội cũ.

Di sản văn học cổ dân tộc bao gồm thơ ca, phú, văn tế, truyện, ký đến các khúc ngâm, các truyện diễn ca... trong thời buổi ngày nay bên cạnh hàng ngàn mớ lý thuyết có tham vọng đi sâu vào ngõ ngách tri thức của con người được nhập cảng, thì cả cái vốn di sản kia của dân tộc như một thứ đồ cổ, một bông hoa ngàn, hay như một cô thôn nữ chất phác, không phấn son... Trăm ngàn nguồn lý thuyết kia sẽ làm ta chìm ngập, làm ta ngợp mắt và lạc hướng, và rồi không còn biết phương nào mà theo về nữa cả. Trong khi đó, thì chiếc đồ cổ kia sẽ hướng cho ta trở lại với cội nguồn, làm cho ta nhận ra ta với ý thức mạnh mẽ rằng ta có thể trường chinh sánh bước trên con đường đi lên của lịch sử, thì bông hoa ngàn kia sẽ cho ta một lòng tin, một niềm an ủi về quá khứ của dân tộc, về tiềm lực và trí tuệ của mình. Và cuối cùng, thì cô thôn nữ kia sẽ đưa ta về trong lòng mẹ, lòng bà ta đã cứu mang chúng ta từ buổi trứng nước và đã từng dạy bảo cho ta những bài học đạo lý từ hạt cơm rơi trong bữa ăn mẹ bắt nhặt lại, từ trong những buổi đứng vòng tay hầu chuyện khách, và rồi quan trọng hơn là từ những tiếng à ơi qua lời ru của mẹ buổi ấu thơ.

Bây giờ, vốn di sản văn học quá khứ kia là những nhân tố cần thiết vô cùng cho ta đứng vững thăng bằng để tiến bước. Ngọn lông hồng bay trong không trung sẽ rơi và lạc hướng. Song sợi lông hồng kia được gắn chặt với một trọng lượng bất kỳ, thì trọng lượng càng lớn lông hồng càng bay xa bất chấp gió bão, và điều quan trọng chắc chắn là sẽ bay đến đích. Càng bám sâu vào truyền thống văn học cổ dân tộc là những trọng lượng vĩnh cửu hằng tồn, chúng ta càng tiến xa và tiến vững chắc hơn. Đó cũng là điều Đảng đã dạy chúng ta trong hơn sáu mươi năm qua.

Truyền thống văn nghệ dân tộc ta cũng như phần lớn các dân tộc phương Đông, dù là thi ca, hội họa hay bất kỳ nghệ thuật nào là gợi ý (suggestif) chứ không phải khúc triết (articulé) như văn nghệ phương Tây, vì những vấn đề tri thức luận (épistémologie) từ lâu không được biết đến trong lịch sử tư tưởng của họ. Và đó cũng chỉ là sản phẩm của một nền sản xuất nông nghiệp từ ngàn đời vẫn lấy điều chiếm hữu tức thời (appréhension immédiate) làm xuất điểm nhận thức. Cho nên phân tích, tách bạch quá thì không hiểu được thực chất điều mà tác giả muốn trao gửi cho hậu thế qua tác phẩm của họ.

Lấy óc phân tích của tư duy thời nay mà mổ xẻ di sản văn học cổ dân tộc, ta chỉ thấy những khuyết nhược điểm nhiều hơn. Dem tâm lý thời thượng trước mắt mà tìm hiểu nhân vật, tìm hiểu kết cấu tình tiết các áng văn cổ, thì ta chỉ thấy những cái phi lôgic, cái khập khiễng không ăn nhập vào đâu. Song, cứ lấy cái tâm của ta, đem lòng ta mà lĩnh hội nó, thì cái di sản văn học cổ kia cho thấy biết bao cái đẹp hàm chứa bên trong: vẻ chất phác nghiêm nghị của chiếc đồ cổ còn in dấu tài năng và trí tuệ của một thời, cái kín đáo thanh sạch của bông hoa ngàn còn phong nhụy truyền thống dân gian, và cả cái trình trướng hồn nhiên của cô thôn nữ còn bỡ ngỡ trước những rung động thâm lặng của con tim với hương trời của đạo nghĩa ngàn xưa đất Việt.

Tất cả sẽ giúp ta yên tâm với thực tại. Cả cái di sản văn học cổ của dân tộc nhắn gửi cho hậu thế một niềm an ủi bao la: Những điều không may gặp phải trong cuộc đời, thực ra là những thử thách rất đáng yêu mà tạo hóa, hay số phận chỉ dành riêng cho những ai đã lọt được vào mắt xanh của người:

Cái thiên dục khổn ngã di giáng quyết nhiệm.

Cố dư ích lệ chi dĩ tế vu nan...

Chắc trời muốn rèn ta để trao gánh nặng,

Nên ta càng gắng chỉ để vượt gian nan

(Nguyễn Trãi)

Và, phải giữ cái tâm ta, giữ lòng ta cho trong sáng, vì dữ lành trong một chữ tâm, đừng để xáo động vì những thói tục của cuộc sống xung quanh:

Thân dữ cô vân trường luyện tụ,

Tâm đồng cổ tình bất sinh lan...

Thân cùng mây chiếc mãi yêu chung,

Lòng tựa giếng xưa không gợn sóng

(Chu An)

Mà cố bình thân giữ lấy đạo lý hằng thường, vì chính ta mới là nhân tố quyết định để làm nên những gì ta đã có trong quá khứ, ta đang có trong hiện tại, và ta sẽ có trong tương lai:

“ Thái bình tu trí lực

Vạn cổ thử giang san.

Buổi thái bình càng phải gắng sức,

Non nước mới được vững chãi muôn đời

(Trần Quang Khải)

Cũng như sau này Nguyễn Du nói “Có trời mà cũng tại ta”, hay “Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều”,

di sản văn học cổ mãi mãi khẳng định, biểu dương và cổ vũ tất cả những cố gắng của con người hướng về cái đẹp, cái lẽ phải công bằng của đạo lý cổ truyền dân tộc, và mãi mãi là nền tảng ban đầu có tác dụng to lớn đào luyện con người.

N.T.G.

PHỤ BẢN

祭井奠土民陣亡文

[illegible]

六省士民陣亡文○

唉喂○ 憾多迫氓。甘類洋賊。外都省。噴唉。腫句。案堵。民忙。
 番印。棍。姓。惱。冲。又。方。卒。相。穿。陰。沈。臥。為。賭。技。坑。葬。夥。
 柳。各。夫。張。嘴。也。忠。差。頭。賄。噴。味。剛。常。少。噴。自。逃。西。戎。相。坦。稱。
 新。結。撰。甚。寬。仇。庄。友。民。相。嫌。甚。恨。日。主。若。利。及。測。各。端。富。衣。工。資。
 運。石。頭。貝。航。双。心。外。居。絕。杜。村。洞。甚。害。英。旗。云。色。保。三。教。順。曉。
 殆。日。被。受。不。穿。毛。龍。佛。九。泥。得。啼。甚。怒。惟。懷。無。辜。難。杜。買。
 未。幾。臥。恨。心。苦。批。貼。悔。絲。罪。庄。他。揭。的。彈。肥。蚌。若。飲。句。厭。這。

中社點指與陳雲降亡於首

抄。吸。財。陰。府。產。佛。鬼。押。好。給。願。勝。名。經。証。祝。會。十。少。九。親。亡。道。
 柳。文。祭。鬼。神。端。噴。蘇。招。珍。地。陰。陽。噴。與。併。台。未。以。順。了。○
 傷。喝。教。淫。慧。早。東。教。能。坤。都。怖。視。輕。別。道。臨。佛。混。相。
 招。代。民。陰。機。甚。美。公。坤。名。紅。烟。游。船。開。為。國。轉。細。姜。
 肉。淹。皮。中。敵。打。身。性。靈。噴。誓。市。惜。清。與。雅。○
 英雄他裝是然而。又戰抄研多共震。負彈迎神除賜奮。
 造綠敵風搶冲抽。失重臨腦左賴隊。喜恨新秋坦。

漁樵问答儒醫演歌

南中隱士晦齋阮修撰

辛酉年式月拾五日奉錄

按醫用原心法序傳
 古來西書甚多業運者未免有繁浩之
 嘆為學無所奔則臨病惶然枉憑虛集
 風莫知其所出蓋病有虛心實心之變
 化方有正治從治擇本攻補先後之宜
 察治稍乘安危攻係可不慎哉故因者
 貴在因机通變耳先哲常言良運之心
 即良藥也此藥之法猶用兵也兵有正
 中有奇中藥有原治有變治兵不素習

漁樵隱居
 尋閑非俗
 局棋初
 計自在
 生民
 疏中
 渠渠
 吏降
 嘉醞
 答區述
 漁國
 音韻
 欲卷
 上
 倚儒
 賢士
 生空
 及花
 余秋
 物對
 野嘆
 喝
 湖燕
 余
 到
 培
 契
 未
 朝
 燕
 福
 棋
 交
 盤
 術
 進
 獨
 才
 踴
 嗜
 少
 棋
 夕
 漁
 蝶
 迷
 餒
 還
 職
 虛
 太
 全
 移
 悉
 得
 貝
 道
 花
 添
 作
 分
 張
 小
 倚
 端
 荒
 辰
 雀

MỤC LỤC

Tập II

PHẦN THỨ NHẤT
THƠ - VĂN TẾ

+ Lời dẫn	
A - LỊCH SỬ VĂN BẢN	7
B - XỬ LÝ VĂN BẢN	12
+ Thơ - Văn tế (Văn bản khảo đính)	13
I. Lăng mẫu tổng sử	13
II. Đơn đao phó hội	13
III. Dạ ẩm trưởng trung	14
IV. Bái công diếu Hạng Võ	15
V. Vương Lăng biếm Trần Bình	15
VI. Thất Kinh Châu	16
VII. Chiêu Quân xuất tái	16
VIII. Trời bão.	17
IX. Mưa dầm thi	18
X. Nước lụt thi	18

XI. Con dê thi	19
XII. Vịnh Tiêu sương mã thi	20
XIII. Thảo thử hịch	21
XIV. Biệt cố nhơn thi	27
XV. Chạy giặc thi	28
XVI. Đưa chồng thi	29
XVII. Ký bào đệ thơ	30
XVIII. Tế Cẩn Giuộc sĩ dân trận vong văn	33
XIX - XXX. Điều Trương Tướng quân liên hoàn thập nhị thủ	38
XXXI. Điều Trương tướng quân văn	45
XXXII - XXXIII. Điều Đông các đại học sĩ Phan công nhị thủ	50
XXXIV - XLIII. Điều Ba Tri đốc binh Phan công trận vong thập thủ	52
XLIV. Lục tỉnh sĩ dân trận vong văn	58
XLV - XLVI. Tự thuật	65
+ Giải nghĩa từ ngữ Thơ - Văn tế	67

PHẦN THỨ HAI

NGŨ TIỂU VẤN ĐÁP NHO Y DIỄN CA

+ Lời dẫn	143
A - LỊCH SỬ VĂN BẢN	143
+ Bốn bản nôm dẫn trong bản Tân Việt, Sài Gòn 1952	144
1. Bản của ông Huyện hàm Sắc	144
2. Bản của ông Nguyễn Đình Chiêm	145
3. Bản của ông Nguyễn Văn Tri	146
4. Bản của ông Huyện hàm Đức	147
+ Hai bản quốc ngữ	148
1. Bản Tân Việt	148
2. Bản Văn hóa 1957	150
3. Bản Văn học 1963	150
+ Bản Zf D (Bản Phan Khánh Vân - 1911)	151
B- XỬ LÝ VĂN BẢN	155
C - PHÂN ĐOẠN	156
Các bài thơ có đánh số La Mã trong Ngũ Tiểu vấn đáp nho y diễn ca	161
Sưu tinh dung được tâm pháp	162
Trích yếu âm dương biện luận	173
+ Ngũ Tiểu vấn đáp nho y diễn ca (Văn bản khảo đính)	173

+ Giải nghĩa từ ngữ Ngu Tiểu văn đáp**nho y diễn ca** 181**PHẦN THỨ BA****PHỤ LỤC**

509

Ngũ vụng Nguyễn Đình Chiểu toàn tập

511

Niên phổ Nguyễn Đình Chiểu

563

Lời bạt: Tác phẩm Văn học cổ Việt Nam -

Từ nhận thức đến xử lý văn bản

583

Phụ bản

I. Tế Cẩn Giuộc sĩ dân trận vong văn

595

II. Điều Ba Tri đốc binh Phan công

trận vong thập thủ

596

III. Lục tỉnh sĩ dân trận vong văn

597

IV. Trang bìa bản ZfD

Ngu Tiểu văn đáp nho y diễn ca

598

V. Trang đầu bài Sưu tỉnh dụng được

tâm pháp tự truyện

599

VI. Trang đầu bản ZfD

Ngu Tiểu văn đáp nho y diễn ca

600

*Chịu trách nhiệm xuất bản***LỮ HUY NGUYỄN****HOÀNG THÚY TOÀN***Chịu trách nhiệm bản thảo***NGUYỄN VĂN LƯU***Biên tập :* **KIM HUNG***Trình bày sách :* **TRẦN KHOÁT***Trình bày bìa :* **VĂN SÁNG***Sửa bản in :* **KIM CHI**

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU Toàn tập - tập II

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC - In 500 bản khổ 14 x 20,5cm

Tại Nhà in Bộ Công nghiệp - Hà Nội

Giấy trích ngang KH XB số 8/146/CXB cấp ngày 19/2/1997

In song và nộp lưu chiểu tháng 12-1997